

Tỳ Kheo Thích Chân Quang

Vnthuquan.net, 2009.

Tâm lý đạo đức



1. KHÁI NIỆM

1. Định nghĩa

Đạo Đức là gì?

- Đạo đức là những khuynh hướng tốt trong tâm ta, mà những khuynh hướng đó tạo nên những lời nói và hành vi bên ngoài khiến cho mọi người chung quanh ta được chuyển hóa, an vui, lợi ích.

Như vậy, Đạo đức là cái tốt ở bên trong nhưng được đánh giá bằng biểu hiện ở bên ngoài. Chúng ta khẳng định lại là Đạo đức không phải là hành vi hay lời nói bên ngoài. Đạo đức chỉ chi phối hành vi và lời nói bên ngoài. Đạo đức là gốc của những hành vi lời nói tốt đẹp bên ngoài.

Một nội tâm tràn đầy Đạo đức thì luôn luôn bị thúc đẩy phải đối xử tử tế với mọi người, phải đem an vui lợi ích cho mọi người. Nếu chúng ta không thấy mình xấu, nhưng không hề bị thúc đẩy phải cư xử tốt với mọi người thì hãy biết rằng mình chưa có Đạo đức sâu sắc.

Khuynh hướng vị tha được xem là Đạo đức vì khuynh hướng đó luôn khiến chúng ta quan tâm đến những người khác, thậm chí còn hơn lo cho bản thân

mình. Vì lúc nào cũng hay quan tâm đến người nên chúng ta nhanh chóng phát hiện ra nỗi khổ, niềm đau, sự khó nhọc, cơn bệnh hoạn của người để tìm cách giúp đỡ. Có khi chúng ta chỉ giúp một lời nói, một ly nước, một viên thuốc, hoặc có khi cả một số tiền lớn... để giúp người qua lúc khó khăn.

Tâm khiêm hạ được xem là Đạo đức vì tâm lý đó luôn thúc đẩy ta phải tôn trọng mọi người. Sống trên đời ai cũng cần được tôn trọng, cần được xem là có giá trị, vì thế khi ta biết tôn trọng chân thành người khác cũng là đem an vui đến cho người. Nhưng muốn tôn trọng người thì ta đừng thấy mình hơn người, nghĩa là ta phải thấy được mình nhỏ bé kém cỏi.

Khuynh hướng kín đáo cũng được xem là Đạo đức vì khuynh hướng này khiến ta không khoe khoang để đi đến tự cao vô ích. Khi ta kín đáo không bày tỏ tài năng, tài sản, thành công, công đức của mình cũng là nhường cho người khác có thêm giá trị vì không bị cạnh tranh bởi sự nổi bật của mình. Chúng ta sẽ đi sâu vào phân tích từng tâm lý đạo đức ở những bài sau.

2. Sự thúc đẩy vì tình trạng Phật Pháp hiện tại:

a) Khoa học kỹ thuật hiện đại:

Thế giới hiện nay đã thay đổi rất nhiều so với những thế kỷ trước, nhất là so với thời đại của Phật, bởi sự tiến bộ của Khoa học Kỹ thuật.

Khoa học kỹ thuật đã làm biến đổi những tiện nghi trong cuộc sống và do đó làm thay đổi cả lối sống của con người. Ví dụ như ngày xưa muốn nói chuyện với nhau, người ta phải đi qua một quãng đường dài để gặp mặt. Vì mặt đối mặt nên phát sinh văn hóa lễ nghi giao tiếp. Ngày nay người ta chỉ cần nhấc phone lên là nói chuyện được, rất dễ dàng, và lễ nghi giao tiếp bị xem thường dần.

Rồi những dụng cụ máy móc kỳ diệu ra đời như xe hơi, tivi, computer, máy may, máy dệt, máy in... làm cho đời sống của con người được cải thiện tốt

đẹp rất nhiều. Hàng hóa tinh xảo hơn càng lúc càng xuất hiện làm thu hút sự tiêu thụ mua sắm của con người. Người ta cứ phải thay đổi xe, đổi máy để có được máy mới với tính năng cao hơn, mạnh hơn, đẹp hơn... Thậm chí vài vóc quần áo cũng phong phú đa dạng dồi dào đến nỗi ai cũng sắm sửa dư thừa.

Sự thành tựu của Khoa học kỹ thuật quá thuyết phục đối với thế giới nên nhiều người phát sinh tâm lý thực dụng, coi trọng vật chất, của cải, kỹ thuật khoa học vật lý hơn là những giá trị tâm linh Đạo đức của thánh hiền từ ngàn xưa. Họ cho rằng tâm linh đạo đức là cái gì huyền hoặc mơ hồ không thực tế, không làm cho con người an sung mặc sướng như Khoa học Kỹ thuật đã làm được. Vì thế họ xa rời dần những giá trị tinh thần để thiên về vật chất. Cũng vì thế, thế giới đang bị mất quân bình giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, giữa khuynh hướng hưởng thụ và khuynh hướng đạo đức. Khi giá trị đạo đức tinh thần kém đi tức là con người đang đi dần vào tội lỗi và đau khổ mà không biết. Đó là lý do tại sao tuổi trẻ bây giờ dễ nổi loạn, kiêu ngạo và bướng bỉnh vì họ tiếp xúc rất sớm với Kỹ thuật hơn thế hệ cha ông của họ. Ngày xưa cha ông của họ còn thời gian để tiếp cận với truyền thống coi trọng đạo đức tinh thần. Bây giờ mọi cái đang thay đổi theo chiều hướng xấu hơn về đạo đức.

Người xuất gia may mắn được sống trong môi trường coi trọng giá trị đạo đức tinh thần rất cao, khác hẳn với môi trường của tuổi trẻ bên ngoài rất là phức tạp. Mỗi ngày báo chí đều đăng tải những tin tức về tội phạm ma túy, cướp giựt, cờ bạc... mà những tên tuổi hình ảnh đều còn rất trẻ, thậm chí rất nhiều trẻ vị thành niên.

Hãy nhìn sự cuồng nhiệt quá đáng như điên dại khi người ta theo dõi bóng đá để hiểu sự mất thăng bằng trong tâm hồn con người ngày nay như thế nào.

Chính vì tình trạng mất quân bình giữa đời sống tinh thần đạo đức và vật chất hưởng thụ mà người đệ tử Phật phải ý thức nhiều hơn về lý tưởng tu dưỡng Đạo đức để xây dựng lại một thế giới tràn đầy tình thương yêu và Đạo đức.

Con người sống trên đời cần rất nhiều thứ như tiền bạc, tình yêu, địa vị, gia đình, con cái, tiện nghi, vân vân... Nhưng trong tất cả những cái đó, con người rất cần Đạo đức làm nền tảng, làm cốt lõi, làm linh hồn. Thiếu Đạo đức, con người sẽ làm đổ vỡ tất cả. Ví dụ một người kỹ sư thiếu đạo đức sẽ tạo nên một công trình kém chất lượng; một luật sư kém đạo đức sẽ lách qua kẽ hở pháp luật để bênh vực kẻ có tội; một bác sĩ kém đạo đức sẽ kéo dài bệnh để ăn tiền; một viên chức kém đạo đức sẽ lợi dụng chức quyền để làm khổ dân... Vì vậy, trong bất cứ lãnh vực nào, nghề nghiệp nào, con người vẫn luôn luôn cần đạo đức để làm đúng với trách nhiệm của mình. Người đệ tử Phật hoàn toàn có ưu thế để đóng góp vấn đề Đạo đức cho xã hội vì Đạo đức là một thuộc tính nổi bật của Phật Giáo. Người đệ tử Phật, nhất là người xuất gia, phải hết lòng tu dưỡng để đóng góp và đóng góp rất nhiều cho xã hội về nhu cầu Đạo đức vốn đang thiếu trầm trọng này.

Và cái thứ hai xã hội cần nữa là sự bình an nội tâm. Hiện nay con người ta sống rất là căng thẳng vì phải đấu tranh với sinh kế rất mệt mỏi. Ngay cả các trò giải trí cũng làm người ta căng thẳng nữa. Người nào lo sinh kế tìm miếng ăn miếng mặc đã khổ rồi; những người chơi game điện tử cũng căng thẳng không kém vì các trò bắn giết ì xèo trong đó; những vũ trường thuốc lắc gào thét nhảy múa điên dại, những trận bóng đá reo hò inh ỏi thâu đêm... đều là biểu hiện của một thế giới bất an căng thẳng. Nếu xuất hiện thêm vài màn khủng bố nổ bom, vài cuộc tấn công giết chóc thì sự căng thẳng còn ghê gớm không biết đến dường nào.

Chính vì con người sống rất căng thẳng nên sự bình an nội tâm là một nhu

cầu rất lớn bên cạnh nhu cầu về Đạo đức.

Ai cũng biết người tu theo Đạo Phật là tìm đến mục tiêu giác ngộ giải thoát, nhưng đó là mục tiêu của cá nhân mình, của riêng nội bộ đạo Phật. Ai là Phật tử thuần thành thì rất quý trọng tu sĩ vì nghĩ rằng những vị tu sĩ đang tinh tấn đi trên con đường giải thoát và có thể hướng dẫn họ cùng đi. Nhưng những người không theo đạo Phật thì không quan tâm đến lý tưởng giải thoát đó. Cộng đồng xã hội trước hết chỉ quan tâm xem đạo Phật thật sự đã đóng góp gì cho con người, cho thế giới.

Đạo Phật thật sự có thể đóng góp rất nhiều về hai lãnh vực mà thế giới đang rất cần, đó là Đạo đức và sự Bình an của nội tâm.

b) Tình trạng đạo đức của Tăng Ni:

Rất nhiều người không có tín ngưỡng đôi khi đã đặt câu hỏi liệu những tu sĩ Phật giáo có thể đem lại lợi ích gì cho xã hội, hay chỉ là những kẻ ăn bám. Chúng ta không trách những nổi hoài nghi trong lòng họ, vì thật sự họ cũng đã chứng kiến một vài trường hợp đáng ngờ nào đó.

Họ đã đặt vấn đề rằng tín đồ đem đến cúng chùa toàn là tiền thiệt gạo thiệt, nhưng chỉ nhận lại từ các tu sĩ những lời cầu nguyện mơ hồ, những lời hứa hẹn hão huyền cho sau khi chết. Họ cần thấy đạo Phật có một đóng góp rõ ràng cụ thể hơn cho cuộc đời.

Chúng ta hứa, lại hứa nữa, với cuộc đời rằng chúng ta những đệ tử Phật sẽ thật sự đóng góp một cách thiết thực cho cuộc đời bằng việc giáo hóa Đạo đức và sự Bình an nội tâm. Đó là cách để đạo Phật khẳng định vị trí của mình trong xã hội. Đó là cách để mọi người thấy rằng cái lợi ích mà đạo Phật đem đến cho cuộc đời tuy vô hình, nhưng giá trị thật là lớn lao.

Chúng ta định hướng lại con đường mà chúng ta đang đi là, đối với những người trong đạo Phật thì lý tưởng cuối cùng vẫn là giải thoát giác ngộ; đối với cộng đồng xã hội thì lý tưởng của chúng ta là đóng góp Đạo đức và sự

bình an nội tâm.

Nhưng nếu người đệ tử Phật muốn đủ khả năng để đem đến cho mọi người Đạo đức và sự Bình an nội tâm thì chúng ta phải tu và học rất nhiều. Chúng ta phải học kỹ lưỡng lời Phật dạy, học thêm một số luận bản của chư Tổ về sau; rồi chúng ta phải cần cù chịu khó thực hành để chuyển hóa tâm hồn mình trở thành thanh cao thánh thiện. Mỗi một ý nghĩ khởi lên phải được so sánh đối chiếu với giáo lý là có phù hợp hay không.

Ví dụ Phật dạy mình độ lượng bao dung. Nếu mình chợt thấy tâm mình có niệm ghét bỏ, chê bai, khinh khi ai đó thì phải biết mình đã sai. Phải lập tức sửa liền, phải sám hối và nghĩ về người đó với niệm thương yêu quý mến liền.

Ví dụ Phật dạy mình không tham lam đắm nhiễm; nếu chợt thấy trong tâm mình đang thèm muốn vật chất thế gian thì phải lập tức bỏ liền, phải sám hối và tự dặn lòng đừng tham như vậy nữa.

Ví dụ Tăng Ni sinh học ở Phật học viện phương pháp Quán từ bi, thì ngay ngày hôm đó, tối hôm đó phải áp dụng rải tâm từ thương yêu tất cả chúng sinh liền, không phải chỉ học qua suông rồi bỏ. Chúng ta phải học để tu, còn việc cấp bằng là hệ quả tự nhiên phải đến chứ không phải là mục tiêu chính. Việc tu sửa âm thầm mà vất vả đó chỉ có chính mình và Phật biết, ngoài ra không ai biết để khen ngợi hay khuyến khích. Chính vì vậy mà chỉ những ai có thiện căn sâu dày, tự giác rất cao mới có thể tự kiểm soát mình hằng ngày hằng giờ như thế.

Sau một thời gian dài suy yếu trong thời Pháp thuộc, các vị tôn túc có tâm huyết đã mạnh dạn kêu gọi chấn hưng Phật giáo vào khoảng đầu thế kỷ 20. Các hòa thượng đã gấp rút mở các trường, các lớp dạy giáo lý kinh điển để nhanh chóng có người nối tiếp ra làm việc. Vì nhu cầu cấp bách nên không có thời gian cho các hòa thượng truyền đạt các yếu chỉ tu hành. Thế là từ đó

đến nay trở thành như là truyền thống, các trường Phật học thiếu hẳn phương diện tu tập rèn luyện. Tăng Ni sinh chỉ chuyên tâm nghiên cứu giáo điển cổ văn. Nếu muốn có thêm đạo hạnh, Tăng Ni đành phải đi tìm tu nơi khác; hoặc không tìm được môi trường tu hành thì đành làm người tu sĩ chỉ có học mà không có tu. Rất là đau lòng !

Nếu không có được sự hướng dẫn tu hành cận kề, Tăng Ni dễ bị thiếu đạo lực, không chống đỡ nổi sự cám dỗ bên ngoài, đôi khi cư xử như người phạm phu tầm thường, rồi chuốc lấy sự phê phán của tín đồ cư sĩ. Vì vậy, chúng ta mong mỗi từ đây, các trường Phật học phải có chương trình hướng dẫn thực hành tu tập kỹ lưỡng. Tăng Ni phải được thực hành Thiền định, phải được rèn luyện oai nghi Đạo đức từng chút. Thời gian dành cho chương trình tu tập đó phải bằng hoặc nhiều hơn thời gian học. Chứ tu sĩ đã nhắc nhở việc tu rất là quan trọng.

c) Chia rẽ vì tín đồ:

Khuynh hướng sống hưởng thụ vật chất của xã hội cũng xâm nhập dần vào đời sống người xuất gia.

Thứ nhất đó là lý do khách quan. Khi vật chất và phương tiện của xã hội dồi dào thì luôn luôn thẩm thấu từ bên ngoài vào trong chùa. Muốn hay không gì chùa cũng phải có những phương tiện máy móc mới cho sinh hoạt.

Thứ hai là lý do chủ quan. Đôi khi tu sĩ không kèm được sự ham thích đối với những vật dụng sang trọng mới lạ tinh xảo.

Chùa thì hầu hết sống nhờ vào tín đồ Phật tử. Càng có nhiều tín đồ thì nguồn lợi kinh tế của chùa càng sung túc, chùa càng dễ đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao hơn.

Nhưng lẽ ra thay vì tu sĩ phải có bốn phận giáo hóa thêm nhiều tín đồ mới theo chí nguyện độ sinh của đạo Phật, các chùa lại có thể bị tâm lý tìm thêm tín đồ cho sự sung túc của chùa mà thôi. Tín đồ mới đó nếu là người chưa

biết đạo trở thành biết đạo thì rất hay, còn nếu đó là tín đồ có sẵn của chùa khác rồi được thuyết phục trở thành của chùa mình thì mầm chia rẽ giữa các chùa đã xuất hiện.

Nhiều cư sĩ đến chùa bị ngạc nhiên vì nghe thầy này nói xấu thầy kia một cách tự nhiên lão luyện. Họ mất niềm tin với vị thầy bị nói xấu đã đành, họ cũng cũng cảm thấy ngờ ngợ về ông thầy có cái miệng nói xấu nhuần nhuyễn quá. Rốt cuộc lại cư sĩ càng lúc càng mất niềm tin với quý thầy. Tất cả chỉ vì tâm lý bí mật bên trong là muốn cho tín đồ đừng tới chùa kia mà chỉ đến chùa mình thôi. Đó là một tệ trạng trong Phật giáo.

Một cái tệ khác là nhiều khi cư sĩ đến chùa nhìn thấy các tu sĩ đối xử với nhau thiếu hòa ái tôn trọng. Họ lúc nào cũng kính trọng quý thầy , và nghĩ rằng quý thầy phải kính trọng thương yêu nhau nhiều lắm. Nhưng có khi họ nghe quý thầy xưng hô với nhau bừa bãi, đối xử với nhau hời hợt. Họ rất ngạc nhiên.

Có lần chúng tôi gặp một người Hà Lan đã từng tu thiền ăn chay hơn hai mươi năm. Anh cũng tập luyện Thái cực quyền theo khuynh hướng của các nhà sư Trung Hoa là việc tu dưỡng nội tâm phải được hỗ trợ bằng việc rèn luyện cơ thể. Trong khi nói chuyện về Thiền định Đạo đức và luật Nhân quả, anh bất chợt nhắc đến một đạo sư nào đó ở Ấn độ rất là nổi tiếng. Vì nổi tiếng nên ông rất giàu có. Anh đến viếng thăm ông và nhân tiện hỏi ông tại sao không chia sẻ cho những người nghèo ở chung quanh. Chúng ta nên nhớ là Ấn độ còn rất nhiều người nghèo.

Đạo sư trả lời rằng những người nghèo là do nghiệp của họ, không nên can thiệp vào làm trái đi luật Nhân quả. Câu trả lời đó làm anh mất đi sự quan tâm quý trọng luật Nhân quả.

Thật ra luật Nhân quả không phải là cái cớ để chúng ta quay lưng với người nghèo. Mà trái lại còn khuyến khích chúng ta quan tâm giúp đỡ mọi người

nhiều hơn nữa. Nếu không quan tâm giúp đỡ mọi người, sau này chúng ta rơi vào nghèo khó sẽ không ai đoái hoài tới chúng ta, và còn nhiều nhân quả khác nữa. Chúng ta sẽ khảo sát ở dịp khác.

Nói như vậy để nhắc nhau rằng người tu không nên tích lũy tài sản nếu mình có phước sung mãn, mà nên biết bố thí san sẻ. Đó cũng là công hạnh đạo đức căn bản.

d) Nhu cầu giáo hóa đang rất lớn:

Hiện nay nhu cầu Phật tử cần được giáo hóa rất là lớn, vì 2 thành phần. Một là đối với cả một thế giới chưa biết về đạo Phật ; hai là đối với những vùng đất, những quốc gia đã từng là xứ sở của đạo Phật nhưng hiện nay đang có dấu hiệu Phật pháp suy thoái.

Để có bản lĩnh vững vàng trong việc tiếp cận và giáo hóa quần chúng Phật tử, người xuất gia phải tu dưỡng rất nhiều. Trong nguyên lý thâm thấu lẫn nhau, tác động lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, khi tu sĩ gần gũi giáo hóa cư sĩ về đạo lý, tự nhiên cũng dễ bị ảnh hưởng trở lại đời sống thế tục của họ. Nếu đạo lực không vững vàng, người tu sĩ sẽ đem vào tâm hồn mình rất nhiều chuyện phiền toái của thế gian. Do đó, hơn bao giờ hết, tu sĩ Phật giáo phải có một bước chuyển lớn trong việc thực hành tu tập từ căn bản Đạo đức, tiến dần lên những công phu thiền định cao hơn.

Một sự thật mà chúng ta phải nhìn nhận là cách làm việc, cách tu của người xuất gia trong đạo Phật là chưa đủ, có vẻ còn thụ động. Chúng ta hãy nhìn khắp những vùng đất, những quốc gia đã từng một thời là quê hương của Phật giáo, nhưng khi Hồi giáo đặt chân đến là Phật giáo từ từ biến mất. Ấn độ là đại diện cho sự tình này. Đúng là Hồi giáo đã dùng đến bạo lực để chém giết tu sĩ, đập phá chùa chiền, nhưng rõ ràng cũng tại mình thiếu một cái gì đó nên mới cam chịu cho Hồi giáo lấn át quá đáng như vậy. Một Việt Nam có Trần

Thủ Độ quyết đoán, Trần Quốc Tuấn trí dũng, có vô số nhân tài với nền tảng võ học hùng mạnh... đã khuyến khích các vua Trần vốn hiền lành trong Thiền học phải quyết chí chống lại sự xâm lăng dữ dội của quân Mông cổ. Và đã chiến thắng oai hùng. Việt nam đã làm được, nhưng nhiều nơi không làm được và Phật giáo phải chấp nhận lui bước.

Ấn độ thời vua A dục hầu hết đã theo đạo Phật, bây giờ chỉ còn khoảng 3 phần trăm. Nói 3 phần trăm là nhờ công lao của một số Phật tử lỗi lạc như Ambedkar... vận động phục hưng đạo Phật gần đây. Trước đó ít người Ấn biết gì về đạo Phật.

Trong thời cận đại, Indonesia từng là một vương quốc Phật giáo. Khi các nhà khảo cổ vô tình đi vào rừng sâu đã phát hiện một cái tháp của đạo Phật lớn nhất thế giới, tên là Bondogour (?)... Vì vậy chúng ta biết rằng đạo Phật đã một thời cực thịnh tại đó. Nhưng bây giờ thì toàn bộ người Indonesia đều là Hồi giáo.

Có một thời gian Malaysia cũng rất thịnh về đạo Phật, nhưng từ khi có Hồi giáo thì Phật giáo yếu dần. Bây giờ thì chính phủ Malaysia mặc nhiên xem Malaysia là quốc gia Hồi giáo.

Nói chung là Hồi giáo đến đâu thì Phật giáo biến mất tới đó.

Nhật bản cũng vậy, cũng từng có đạo Phật là quốc giáo. Những tác phẩm về Thiền của Nhật nổi tiếng cả thế giới. Vậy mà ngày nay đạo Phật tại Nhật cũng rất yếu. Những ngôi chùa cực kỳ hùng vĩ chỉ là nơi tham quan, hầu như không có thuyết pháp. Thanh niên Nhật ngày nay ít ai biết gì về đạo Phật.

Họ đang bắt chước lối sống hưởng thụ thực dụng của Tây phương, tuy rằng sự giáo dục nhân cách đạo đức trong nhà trường của Nhật tốt hơn Tây phương. Thế rồi người dân Nhật đi tìm sự bù đắp cho đời sống tâm linh của họ bằng cách gia nhập vào những giáo phái nguy hiểm. Như vừa rồi chúng ta nghe báo chí đăng tải về giáo phái Aum Shirikyu, một giáo phái vay

mượn uy tín và giáo lý đạo Phật, ồ ỉ đi vào hoạt động khủng bố thả hơi độc trong đường ngầm giết hại nhiều người.

Chính vì tu sĩ đạo Phật không làm gì cả nên các giáo phái tà ác khác mới có cơ hội nổi lên. Chúng ta phải nhận lỗi về mình trước đã.

Hàn quốc cũng vậy, cũng giống như Nhật bản, đang đua đòi lối sống hưởng thụ thực dụng của Tây phương và ít quan tâm đến đạo Phật. Bắc Hàn thì hầu như không còn Phật giáo do chính sách khủng chế tối đa của chính quyền.

Vừa rồi tại hội nghị Phật giáo ở Tokyo, 1997, các vị lãnh đạo Phật giáo khắp nơi đều lên tiếng báo động về sự suy yếu của Phật giáo trên thế giới. Vì vậy, chúng ta phải hiểu rằng chính những người đệ tử Phật, cả tại gia lẫn xuất gia, đã thiếu sót, đã thụ động, không năng nổ, không cương quyết... nên Phật giáo mới có tình cảnh này.

Chúng ta hay bị lúng túng giữa hai thái độ:

Một là cũng muốn làm lợi ích gì đó cho chúng sinh; hai là muốn tu giải thoát nhanh chóng.

Đối với việc muốn làm lợi ích cho chúng sinh thì chúng ta không có đường lối phương hướng rõ ràng; chúng ta không có sự hợp tác rộng rãi trên toàn thế giới. Mỗi ngày chúng ta quả thật có phát nguyện độ chúng sinh, và chỉ đứng lại ngang đó. Ít ai suy nghĩ thêm là phải làm gì thiết thực hiệu quả cho lời nguyện hằng ngày đó.

Đối với khuynh hướng muốn tiến tu giải thoát thì được xem là một hình ảnh đẹp trong đạo Phật. Nhiều vị đi vào hang sâu núi thẳm, hoặc đóng cửa cốc không tiếp xúc với ai, để chuyên tâm tu tập. Nhưng hãy coi chừng ! Thật ra chỉ những ai tâm đã hoàn toàn vị tha mới xứng đáng nhập thất chuyên tu.

Nếu tâm chưa hoàn toàn vị tha, chưa được rèn luyện sự hy sinh phụng sự thì việc nhập thất không tiếp duyên lại chính là cơ hội cho tâm ích kỷ phát triển dữ dội hơn lúc trước. Đây quả là một nghịch lý kỳ lạ, nhưng có thật.

Càng ở một mình trong thất vắng, càng tinh tấn niệm Phật hoặc tọa thiền, thì tâm ích kỷ càng được củng cố. Đó là lý do tại sao chúng ta gặp nhiều người sau khi nhập thất thì có vẻ kiêu mạn và nóng nảy hơn. Nếu chưa có tâm vị tha cao độ thì chúng ta càng tinh tấn càng xa rời sự giải thoát, vì lúc đó chúng ta chỉ lo cho chính mình. Đây là một nghịch lý rất khó vượt qua. Đạo Phật của thế kỷ 21 này phải là một đạo Phật của những người rất thiết tha với lý tưởng giải thoát, đồng thời cũng hết lòng với sự nghiệp độ sinh. Người đệ tử Phật phải trọn lòng thương yêu mọi người, từ những huynh đệ chung quanh mình cho tới tất cả mọi người trên Trái đất, nhất là những người chưa biết Phật Pháp. Chỉ những người có tấm lòng như vậy mới xứng đáng vào trong thất vắng.

Nhu cầu làm việc sắp tới rất là lớn, đòi hỏi đệ tử Phật phải tích cực hơn rất nhiều, cũng như phải có đạo lực vững vàng hơn rất nhiều để đem được Phật pháp đến cho người nhưng không bị người đem ô nhiễm thế gian vào trở lại. Một biểu hiện thụ động của người đệ tử Phật từ trước tới giờ là cư sĩ không lo Phật hóa gia đình.

Rất nhiều gia đình đạo Phật có cha mẹ theo đạo nhưng con không theo, anh chị theo đạo nhưng em không theo, vợ theo đạo nhưng chồng không theo... Chúng ta biết đạo Phật rồi mặc kệ người chung quanh, ai biết hay chưa biết cũng được. Cha mẹ tới chùa học đạo, bỏ mặc con cái học ở nhà trường hay ở bạn bè tốt xấu gì đó không cần.

Cái lỗi người cư sĩ không biết lo Phật hóa gia đình là rõ ràng là lỗi của người tu sĩ. Chính vì tu sĩ không nghĩ đến điều đó, không nhắc Phật tử điều đó, không hướng dẫn cách thức làm điều đó, nên đạo Phật thiếu hẳn công đức Phật hóa gia đình. Bây giờ chính là lúc phải sửa chữa thiếu sót đó.

Cha mẹ phải được nhắc rằng mỗi sáng phải bắt buộc con trẻ lên lạy Phật, đọc bài nguyện cầu buổi sáng dành cho trẻ, để huân tập cho trẻ thiện pháp từ

thuở ấu thơ.

Thế tại sao phải bắt buộc?

Bởi vì con trẻ còn nhỏ nên không biết điều gì đúng điều gì sai, điều gì nên làm điều gì không nên làm. Ngay cả việc đến trường học văn hóa cũng vậy, nếu cha mẹ không bắt buộc thì chẳng có trẻ em nào chịu đi học đâu. Vậy việc học Đạo đức và Phật pháp cũng quan trọng không kém cho cuộc đời, nhân cách và tâm hồn trẻ, tại sao chúng ta không bắt buộc?

Đã đến lúc, bên cạnh yếu tố tự giác, đạo Phật phải thêm yếu tố cưỡng bách sự tu học đối với một số trường hợp.

Muốn cho đạo Phật mạnh, chúng ta phải biết phát huy ưu thế tự giác có sẵn trong đạo Phật đã đành, còn phải khai thác tiếp yếu tố cưỡng bách nữa.

Nhưng muốn làm được điều đó thì Tăng Ni phải mạnh mẽ năng nổ cương quyết hơn rất nhiều. Chính sự mạnh mẽ của Tăng Ni truyền sang cho Phật tử và người Phật tử sẽ đủ sức mạnh để Phật hóa gia đình. Tăng Ni mà thờ ơ thì chắc chắn Phật tử cũng sẽ xao nhãng trách nhiệm. Một đạo Phật yếu đuối, lỗi do Tăng Ni trước hết. Vì vậy Tăng Ni hôm nay phải tích cực, vừa khẳng định lý tưởng giải thoát, vừa sáng ngời lý tưởng độ sinh.

Chúng ta hãy nhìn sang các tôn giáo bạn, trẻ vừa sinh ra là đã được nhà thờ cầm về rửa tội để làm tín đồ dù đứa bé chẳng biết ất giáp gì. Lớn lên lập gia đình phải vào nhà thờ làm lễ, nghĩa là bảo đảm người phối ngẫu cũng phải theo đạo. Nếu lấy người ngoài đem về càng có công với Chúa. Rất nhiều gia đình đạo Phật lơ đãng cho con cái theo Kitô giáo qua con đường hôn nhân như thế mà không hiểu mình đã lọt vào đúng chiến lược của tôn giáo bạn. Thấy con cái thương nhau quá rồi cũng xuôi theo mà không hề có một điều kiện công bằng hơn cho truyền thống đạo giáo của gia đình. Đó cũng là một sự thiếu cảnh giác, thụ động, và đôi khi nhu nhược trong đạo Phật.

Cũng chính sự nhu nhược đó mà khi Hồi giáo đặt chân tới đâu thì Phật giáo

bồng bế nhau di tản tới đó. Bây giờ phải thay đổi lại tất cả. Quý thầy cô phải làm lễ cầu phúc cho con của Phật tử khi mới sinh; phải làm lễ khai tâm khi con trẻ đến tuổi đi học; phải làm lễ quy y khi trẻ đã biết nhận thức; làm lễ cưới khi chúng lập gia đình; và làm lễ tang, lễ cầu siêu khi người đó qua đời. Nói chung chùa phải “quản lý” Phật tử và gia đình từ khi mới sinh cho tới khi mất đi. Quý thầy cô phải cực hơn, phải vất vả hơn như thế. Người Phật tử phải gắn bó cả đời mình với chùa như thế.

Và chính vì Tăng Ni phải có trách nhiệm nhiều hơn đối với Phật tử nên phải gần gũi hơn, và, cũng rất dễ bị thế tục hóa hơn. Để làm được việc mà không bị thế tục hóa như vậy, buộc Tăng Ni phải tu dưỡng rất nhiều.

e) Bốn lý do lớn của việc tu dưỡng đạo đức:

Thứ nhất, vì thế giới hôm nay đang mất quân bình giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, giữa hưởng thụ và đạo đức, nên trách nhiệm của người đệ tử Phật là phải tu dưỡng đạo đức sâu dày để làm quân bình lại mọi điều cho thời đại.

Thứ hai, là tạo lại niềm tin cho Phật tử. Tăng Ni là chỗ dựa của Phật tử.

Nhưng Phật tử dựa vào Tăng Ni cái gì nếu không phải là Đạo đức? Không biết Tăng Ni có đức đạo hay chưa, nhưng yêu cầu trước hết là Tăng Ni phải có Đạo đức cái đã. Dù chưa đức đạo cao siêu, nhưng nếu Tăng Ni có đạo đức thì cũng giúp cho Phật tử yên tâm nương tựa. Một vài Tăng Ni xem đạo đức là không quan trọng bằng những công phu tu tập tâm linh cao siêu khác, nên không chịu tu dưỡng đạo đức sâu dày, cuối cùng làm Phật tử hụt hẫng.

Tội nghiệp cho Phật tử nếu lỡ chứng kiến cảnh người xuất gia lục đục với nhau. Tu sĩ không thể che dấu khuyết điểm của mình mãi vì tiếp xúc lâu ngày rồi người ta cũng phát hiện. Chỉ còn cách là bản thân mình ráng tu dưỡng đạo đức chân thật.

Thứ ba, là tạo lại nội lực giữ gìn tâm hồn mình không bị nhiễm ô khi gần gũi

giáo hóa Phật tử. Ở đây ngoài đạo đức sâu dày, Tăng Ni còn phải có kinh nghiệm Thiền quán. Nhất là trong thời gian tới Tăng Ni phải làm việc rất nhiều.

Thứ tư, là tạo lại nền tảng tu hành cho chính mình. Đạo đức là nền tảng quan trọng cho quá trình tu hành, cho cả giới định tuệ. Và Đạo đức cũng là biểu hiện đẹp về sau khi chúng ta đã tu hành viên mãn.

Tâm lý đạo đức

I. KHÁI NIỆM (tiếp theo)

3. So sánh với Giới luật

a) Ở mức độ cạn:

Ở mức độ cạn thì Đạo đức cao hơn Giới luật. Vì sao?

Bởi vì Đạo đức là cái tốt ở trong tâm, trong khi Giới luật chỉ là sự ngăn cấm bên ngoài. Giới luật ngăn cấm những sai lầm ở hành vi và lời nói, như cấm giết hại, cấm trộm cắp, cấm nói dối vân vân... còn Đạo đức giữ gìn tâm ta thoát khỏi sự độc ác, sự tham lam, sự gian trá...

Có những trường hợp hành vi bên ngoài là phạm giới nhưng nội tâm bên trong là có đạo đức. Một người sư đệ đã lấy đôi dép đẹp của người sư huynh, mà không hỏi xin phép, để đem cho một người nghèo, vì biết rằng người sư huynh của mình tâm rất tốt. Hành vi lấy không hỏi xin là vi phạm giới luật, nhưng động cơ là giúp người nghèo, và cũng biết chắc sư huynh mình sẽ hoan hỷ, nên được xem là phù hợp với đạo đức.

Một câu chuyện nổi tiếng trong Góp nhặt cát đá ,” có hai sư huynh sư đệ cùng đi trên một con đường sinh lầy. Có lẽ hai vị quần áo cũng lam lũ nên dễ như vậy mà lội sinh luôn. Đến một đoạn, chợt hai vị thấy một cô gái mặc kimono có vẻ quý tộc đứng loay hoay bên đường không dám băng qua vì sợ lấm y phục. Lúc đó trên đường cũng không có ai khác có thể giúp cô gái.

Người sư đệ bước lại bảo:

- Đây cô bé, để ta giúp cho.

Rồi ông bế cao cô gái lên, đưa qua bên kia lầy đường, đặt xuống, sau đó tiếp tục đi với sư huynh mình. Thế là người sư huynh làm mặt ngầu, lầm lì không thèm nói chuyện nữa. Sư đệ có hỏi gì cũng không thèm đáp. Đến một khá lâu cũng gần về đến chùa, sư huynh mới trách:

-Chúng ta là tu sĩ không được phép đụng chạm đến phụ nữ, tại sao sư đệ làm

như thế?

-Ha ha, em đã bỏ cô ta lại đó rồi, sư huynh còn mang tới đây sao !”

Nghe câu chuyện trên ta thấy người sư đệ đã khá tự tại, dù chạm người nữ mà tâm không dính. Xét về giới luật thì đã phạm, nhưng xét về Đạo đức thì không sao vì đó là việc làm vì tha giúp người với tâm vô nhiễm. Chúng ta vẫn khâm phục người sư đệ mỗi khi nghe kể câu chuyện trên. (Tuy nhiên dù có khâm phục, tu sĩ cũng không nên bắt chước đi ngoài đường kiếm phụ nữ để bông qua đường.)

b) Ở mức độ sâu thì:

Ở mức độ sâu thì Giới luật cao hơn Đạo đức. Vì sao?

Bởi vì trong Giới luật có một giới quan trọng là giới dâm. Hay còn gọi là ái dục, nói theo ngôn ngữ của Đạo đức. Ái dục là bản năng tự nhiên của con người, mà hễ cái gì là bản năng thì rất mạnh. Giữ giới dâm tức là chống lại bản năng của mình. Ái dục là lòng thương yêu có khuynh hướng tính giao với người khác phái- bây giờ phải thay đổi định nghĩa để mở rộng qua các trường hợp luyện ái cùng giới tính.

Ái dục là bản năng tự nhiên, cho nên hết thể hệ này đến thể khác con người cứ phải lấy vợ lấy chồng sinh con đẻ cái. Cha mẹ thấy con mình lớn rồi mà không có bồ là bắt đầu lo, sợ con mình ế.

Ngay cả đức Phật của chúng ta cũng phải thị hiện có gia đình rồi mới đi tu. Nhờ vậy mà người sau bớt mặc cảm về ái dục để có thể tiến tu giải thoát. Chúng ta cũng thấy có rất nhiều người cư sĩ tại gia sống đời sống vợ chồng bình thường, nhưng rất hiền lành đạo đức. Họ không làm điều gì trái với đạo lý, chỉ là có yêu thương vợ chồng con cái. Đó là trường hợp có đạo đức nhưng không vượt qua được ái dục.

Vì vậy chúng ta nói, đối với vấn đề ái dục thì Giới luật cao hơn Đạo đức, vì thắng được bản năng ái dục là một khả năng lớn, rất khó làm.

Trường hợp một tu sĩ không phạm giới, cũng đừng nghĩ là mình đã thắng được bản năng ái dục. Đó chỉ là vì mình còn phước làm Tăng, được giữ trong hoàn cảnh tốt. Chứ nếu lúc nào đó rớt vào môi trường dễ dãi, ta sẽ thấy được sự yếu đuối của mình. Lúc đó mà vững lòng thì mới gọi là vượt qua được lần một. Lần một thôi chứ chưa bảo đảm lần hai lần ba...

Vậy chúng ta sẽ giữ giới ái dục bằng cái gì?

Dĩ nhiên là bằng ý chí . Chúng ta dùng ý chí để giữ tâm mình không ham thích, không đắm nhiễm, không vương bận. Nhưng để có một ý chí sắt đá như thế thì lại đòi hỏi chúng ta phải có công đức rất lớn. Ý chí phát sinh từ công đức thì rất bền, có vẻ nhẹ nhàng, và không làm tăng trưởng kiêu mạn. Còn ai không biết chỉ ráng cố sức khởi ý chí cho mạnh thì kiêu mạn nóng nảy sẽ phát sinh. Rất nguy hiểm vì ý chí là con dao hai lưỡi. Ý chí và bản ngã là anh em sinh đôi, cái này khởi thì cái kia cũng khởi theo.

Ở giai đoạn cao hơn thì tu sĩ dùng sức thiền định để giữ tâm trong sạch. Tuy nhiên kết quả thiền định cũng bắt nguồn từ công đức sâu xa khác. Nhiều người cho rằng cứ giữ gìn Chánh niệm thanh tịnh thì tâm tự tại vô nhiễm, tự nhiên không bị nhiễm ô ái dục. Họ nói đúng, nhưng không chắc ăn. Vì khi dùng Chánh niệm để giữ tâm vô nhiễm, ta không tốn sức nhiều, giống như không cần đến ý chí vậy. Lâu ngày Ý chí bị cùn lụt mà không hay biết. Đến khi gặp thử thách nặng thì không có Ý chí để dùng nữa, rất là nguy hiểm. Vì vậy cứ phải dùng đến quyết tâm giữ giới, dùng đến Ý chí giữ giới, mà Ý chí đó lại do công đức tạo thành, nên sẽ rất nhẹ nhàng thanh thản.

Công đức rất là quan trọng mà người tu phải biết gây tạo suốt đời. Nhờ có công đức nên khi chúng ta tinh tấn trông bên ngoài thấy vẫn nhẹ nhàng như mây như gió, dù bên trong rất quyết liệt mạnh mẽ. Ai không có đủ công đức mà ráng sức sẽ bị nặng nề bức bối, người ngoài sẽ thấy khó chịu khi đến gần. Chúng ta sẽ nói thêm ở những bài sau.

Trước giờ chúng ta nghe nói ba môn vô lậu học là giới định tuệ. Chúng ta có cảm giác rằng giới ở giai đoạn thấp. Nhưng thật ra giới đã ở giai đoạn khá cao.

Muốn giữ Giới phải có Ý chí; muốn có Ý chí phải có công đức; muốn có công đức phải có Đạo đức.

Có Đạo đức ta mới ham thích làm những điều công đức; có Công đức ta mới phát khởi được Ý chí một cách tự nhiên; có Ý chí rồi ta mới giữ được Giới. Vì vậy Giới luật vẫn ở một giai đoạn cao trong tiến trình tu tập.

4. Đạo đức và sự liên hệ với Thiền định:

a) Đức Phật là biểu tượng rực rỡ của Thiền định:

Đức Phật đã đắc đạo bằng con đường Thiền định. Sau khi đắc đạo, Phật cũng tọa thiền đều đặn suốt đời. Điều quan trọng là Phật dạy tất cả đệ tử cũng tinh tấn thiền định. Bây giờ chúng ta cũng thờ Phật trong tư thế kiết già thiền định.

Nói đến đạo Phật, tất cả thế giới đều hiểu ngay là nói đến Thiền định. Những Phật tử Tây phương nghiên cứu về đạo Phật thường quan tâm đến mức độ nhập thiền của Tăng Ni, chứ ít hỏi han về giáo lý vì họ đã có cả thư viện đồ sộ kinh sách đạo Phật muốn tìm hiểu lúc nào cũng được.

Thiền định là nói chung cho tất cả các phương pháp tu tập nhiếp tâm thanh tịnh. Từ sự thanh tịnh này, hành giả nhắm đến mục tiêu vô ngã, giác ngộ, giải thoát. Hai điều kiện để một pháp môn được xem là Thiền định trong đạo Phật là:

- Nhiếp tâm thanh tịnh
- Mục tiêu vô ngã, giác ngộ, giải thoát.

Vì thế những pháp môn như niệm Phật, trì chú, quán hơi thở, quán bát nhã... đều có sự chú ý nhiếp tâm thanh tịnh. Đó là thỏa mãn yêu cầu thứ nhất. Nếu

hành giả lại tiếp tục xác định lập trường hướng về mục tiêu vô ngã, giác ngộ, giải thoát nữa thì có thể xem pháp môn đó cũng là Thiên định cả, không cần phân biệt.

Người đệ tử Phật, nhất là người xuất gia, phải tinh tấn tọa thiền tập định. Mỗi ngày chúng ta phải có vài lần ngồi kiết già nhiếp tâm. Hai ba mươi năm sau nhìn lại đời tu mình thấy có giá trị vì đó là cả một quãng thời gian mình vất vả chiến đấu với vọng tưởng phiền não thật sự chứ không phải tu nhàn nhả qua ngày. Mỗi khi ta bắt chân lên tọa cụ ngồi nhiếp tâm, đó là giây phút ta làm người đệ tử Phật thật sự có giá trị. Không biết chúng ta có nhiếp tâm thành công chưa, nhưng sự chiến đấu âm thầm vất vả với chính mình là một công lao đáng khen ngợi.

Có câu chuyện “ có lần Phật đi gặp một tỷ kheo rất tinh tấn tu hành. Vị tỷ kheo đánh lễ và hỏi Phật:

-Bạch Thế tôn, con tu như vậy chừng nào đắc đạo?

- Ba kiếp sau ông sẽ đắc đạo. Phật đáp.

Nghe vậy vị tỷ kheo khóc rống lên tủi thân tại sao tinh tấn như vậy mà tới 3 kiếp nữa mới đắc đạo. Đi thêm nữa gặp một tỷ kheo khác hỏi Phật chừng nào đắc đạo. Phật chỉ cây me bên đường bảo:

-Ông có thấy cây me đó không?

-Bạch Thế tôn, con có thấy.

-Ông có thấy lá me đó không?

-Trái qua số kiếp bằng lá me đó ông mới đắc đạo.

Nghe vậy vị tỷ kheo đó vui mừng hơn hờ đánh lễ tạ ơn Phật. Ngay đó chư thiên rải hoa cúng dường vị đó liền.”

Vị này được chư Thiên rải hoa cúng dường vì đã vượt qua ý niệm thời gian. Chỉ cần biết rằng mình sẽ đắc đạo nghĩa là trong hiện tại mình đã tu đúng đường. Vị này chỉ sợ mình sai chứ không sợ cực khổ lâu dài. Tâm niệm đó quả thật đáng cho chúng ta đánh lễ cung kính.

b) Thiên định và Đạo đức hỗ tương:

Đạo đức là cái tốt trong tâm để tạo thành vô số hành vi lời nói bên ngoài khiến mọi người chung quanh ta được an vui ích lợi và chuyển hóa.

Khi người chung quanh được lợi ích nghĩa là ta được phước. Phước có được khi ta đem lại lợi ích cho tha nhân, đó là định nghĩa căn bản. Nếu ta rất tốt, nhưng chưa làm gì có lợi cho ai thì vẫn chưa có phước. Nguyên tắc là như vậy.

Có phước chưa hẳn là có đức; có đức chưa hẳn là có phước. Ví dụ có một quan chức địa phương muốn xây một cái cầu cho dân, chỉ vì ông muốn lấy thành tích với cấp trên chứ hoàn toàn chẳng thương dân thương gì cả. Vì chỉ nhắm đến lợi ích cá nhân nên ông không được gọi là có đức. Nhưng việc làm của ông rõ ràng làm lợi cho dân, nên chắc chắn ông sẽ có phước.

Ngược lại, có những người hiền lành nhưng thụ động, chẳng làm gì giúp ai, nên tuy có đức nhưng chẳng có phước.

Hoặc như có những Phật tử đi chùa, cúng ít bông trái, bỏ vào thùng phước sương ít tiền, rồi quỳ xuống thì thầm cầu đủ thứ chuyện cho gia đình mình được giàu có, con cái thi đậu dù làm biếng học bài, mặt mình đẹp nhất xóm vân vân... Lời cầu nguyện đó không có yếu tố đạo đức. Đó là lý do tại sao ta thấy nhiều người đi chùa lâu mà không có đạo đức bởi vì những lời cầu nguyện như thế chỉ làm tăng thêm ích kỷ mà thôi. Khi tâm ích kỷ tăng thì người này tự nhiên cũng nóng nảy hơn, tham lam hơn, dễ gây gổ hơn. Và làm những người khác nghi ngờ chuyện đi chùa là tốt.

Vì vậy sau này người Phật tử đến chùa nên được hướng dẫn lại cách cầu nguyện sao cho tăng trưởng được đạo đức, tâm vị tha....

Nhờ có đạo đức nên ta có phước; nhờ có phước nên ta nhiếp tâm trong thiền định dễ dàng. Phước được tạo ra từ Đạo đức thì gọi là công đức- vừa có công lao, vừa có đạo đức. Tại sao Phước hỗ trợ cho Thiền định? Ai tu Thiền đều lo sợ về trạng thái thất niệm, mất chánh niệm, bị vọng tưởng dẫn đi từ vấn đề này sang vấn đề khác. Khi thì tâm có vẻ sáng tỏ biết được vọng tưởng rõ ràng, không bị vọng tưởng gạt; khi thì tâm mờ mịt bị vọng tưởng che mắt. Vì đâu mà tâm được sáng tỏ, cũng như vì đâu mà tâm bị che mờ? Chính do nghiệp đã âm thầm chi phối. Nếu hành giả có phước sung mãn, tự nhiên tâm thường xuyên dễ tỉnh giác; nếu hành giả ít phước, tự nhiên tâm hay bị quên và chạy theo vọng tưởng.

Đạo đức cũng trực tiếp ảnh hưởng đến sức tỉnh giác, chưa cần qua trung gian của phước. Nếu tâm rất tốt, tự nhiên tâm cũng yên tĩnh, vì Đạo đức luôn thuộc về “phe” tĩnh lặng. Nếu tâm có nhiều ý niệm bất thiện, tự nhiên tâm cũng xao động, vì bất thiện thuộc về “phe” xao động.

Dựa vào tiêu chuẩn này, ta cũng có thể đánh giá người nào đó có vẻ nhiệt tình tử tế, nhưng nếu lắng xăng quá, coi chừng người này chưa thật tốt, vì lắng xăng thuộc về phe bất thiện.

Ngược lại, Thiền định cũng hỗ trợ cho Đạo đức. Tâm yên tĩnh cũng giúp ta dễ thấy được sai lầm của mình. Giống như trong một lớp học, ai cũng ngồi, tự nhiên có người đứng lên, người đó dễ bị nhìn thấy trước hết. Giống như trong một nội tâm yên tĩnh, tự nhiên có niệm bất thiện khởi lên, niệm đó dễ dàng bị trí tuệ nhìn thấy liền. Ví dụ khi nhìn thấy chiếc xe của ai đời mới đẹp quá, ta chợt động tâm muốn có một chiếc giống như thế. Nhưng vì tâm ta yên tĩnh quen rồi nên ta lập tức phát hiện ra đó là niệm tham. Biết là tham nên thôi, không “muốn” nữa, bỏ.

Khi sức định sâu, những khuynh hướng bất thiện rất sâu tiếp tục bị trí tuệ phát hiện và hóa giải hết. Giá trị của Thiền chính là trừ diệt được những khuynh hướng bất thiện tiềm tàng trong nội tâm sâu kín để lập thành một

nhân cách đạo đức siêu tuyệt. Thật là vô ích nếu một người tuyên bố đắc thiên định mà đạo đức không hề được cải thiện. Đạo đức phải là biểu hiện của Thiên định. Đạo đức và Thiên giống nhau ở điểm cả hai đều nhìn vào nội tâm, quan sát nội tâm.

Khác nhau giữa Đạo đức và Thiên chính là,

Đạo đức nhìn vào nội tâm để đánh giá đúng hay sai, thiện hay ác.

Thiên nhìn vào nội tâm để đánh giá tĩnh hay động, an hay loạn.

Đề tự mình đánh giá lỗi lầm của mình thật là điều không dễ chút nào. Phải là người rất chân thành, can đảm, trí tuệ mới tự cho mình có lỗi. Hầu hết con người đều âm thầm bênh vực cho mình. Ít ai dám nhận lỗi về mình. Nhưng người thật sự có lý tưởng tu hành phải tự mình phê phán mình trước chứ đừng đợi ai phê phán mình. Người ngoài phê phán mình là muộn rồi. Chính mình phải phê phán mình trước.

Chúng ta phải nghiêm khắc tìm lỗi của mình suốt hai ba mươi năm như vậy thì mới tạm bớt có lỗi, có thể tạm làm thầy dạy cho người khác được rồi, có thể răn dạy người khác được rồi. Còn nếu chưa thấy lỗi của mình, cứ hay trách móc người khác, tội sẽ càng lúc càng nặng. Ai thấy lỗi mình thường xuyên sẽ được thánh thần yêu mến. Ai thấy lỗi người thường xuyên sẽ được ma quỷ yêu mến.

Đến khi tâm thuần thiện rồi, tự nhiên chúng ta sẽ chuyển qua dụng công của Thiên lúc nào không hay. Lúc đó chúng ta chỉ còn quan sát để ý xem tâm đang động hay tĩnh. Và thế là vọng tưởng sẽ tắt dần để vào định.

“Một cư sĩ hỏi:

-Tại sao con tu hoài mà tâm không thanh tịnh?

Tăng đáp:

-Anh hãy thanh lọc tư tưởng cho đến khi thuần thiện thì cái định đã ở gần một bên.”

Con đường này tuy nghe đơn giản nhưng rất căn bản vững chắc.

Cây đạo Phật

Sự tu hành trong Đạo Phật giống như một cái cây, có rễ cái, rễ bàng, thân gốc to, nhiều cành nhánh, vô số lá, hoa, và cuối cùng là quả.

Rễ cái tượng trưng cho tâm hạnh căn bản nhất đó là lòng tôn kính Phật. Hệ quả của lòng tôn kính Phật là làm phát sinh lý tưởng tu hành giải thoát mạnh mẽ trong tâm chúng ta. Càng tôn kính Phật chừng nào thì lý tưởng tu hành càng mạnh chừng nấy.

Những rễ bàng tượng trưng cho những tâm hạnh đạo đức. Đây chính là nội dung môn học này. Chúng ta sẽ lần lượt triển khai sau.

Thân cây tượng trưng cho phước mình tích lũy được nhờ công quả làm lợi ích cho mọi người. Thân càng to tức là cây càng khỏe. Phước càng nhiều thì cuộc đời tu hành càng vững vàng.

Nhiều cành nhánh tượng trưng cho nhiều pháp môn tu hành. Đạo Phật có nhiều pháp môn tu hành. Chúng ta leo nhánh nào cũng nằm trong cây đạo Phật. Chỉ sợ mình leo lộn qua nhánh của cây khác thành ra tu theo ngoại đạo. Tịnh độ, Thiền, Mật, Giáo quán Thiên thai, Hoa nghiêm, Pháp hoa, Lăng nghiêm vân vân gì cũng là đạo Phật, miễn là ta có lòng tôn kính Phật, có tâm hạnh đạo đức, có phước.

Vô số lá tượng trưng cho vô số oai nghi tế hạnh toát ra bên ngoài biến thành phong cách của người tu theo đạo Phật. Dù mọc từ bất cứ cành nào, lá vẫn giống hệt nhau. Dù tu theo bất cứ pháp môn nào, phong cách oai nghi vẫn luôn luôn giống nhau. Người tu đúng đạo Phật đều có phong cách giống nhau như điềm đạm, từ tốn, hiền lành, vui vẻ, chân thành, giản dị... Nếu phong cách không giống nhau thì coi chừng chúng ta tu sai đường lối của Phật dạy.

Hoa tượng trưng cho định lực thành tựu được. Cuối cùng thì người đệ tử Phật phải có khả năng nhiếp tâm vào định, vì đó là đường đi chủ yếu của đạo Phật. Định được tâm là kết quả của nhiều công hạnh trước đó, của nhiều ngày tháng vất vả tọa thiền dụng công. Nhưng phải đi tới chỗ này. Không thể khác hơn được.

Quả tượng trưng cho trí tuệ chứng được. Trí tuệ này không phải là những hiểu biết suy luận sáng tạo bình thường của con người. Đó là khả năng cảm ứng phủ trùm siêu phàm của Thánh. Trí tuệ này bảo vệ vị thánh vĩnh viễn thoát khỏi sai lầm ô nhiễm, và là khả năng thấu suốt mọi điều trong pháp giới.

Qua hình tượng cây đạo Phật vừa rồi, chúng ta thấy vấn đề chia rẽ pháp môn trong đạo Phật chỉ là sự hiểu lầm, làm phân hóa Phật giáo. Cành nhánh thì có thể riêng, nhưng gốc chung, rễ chung, thân chung, lá giống, hoa giống, quả giống. Pháp môn có thể riêng, nhưng lý tưởng chung, Đạo đức chung, phước chung, phong cách giống, định giống, tuệ giống. Như vậy vẫn là đạo Phật với nhau như anh em một nhà.

Chỉ sợ khi nhìn lại, chúng ta sai khác nhau về lý tưởng, về phong cách, thì coi chừng mình không phải chung một đạo Phật.

Tâm lý đạo đức

2. HIỂU VÀ TÔN KÍNH PHẬT

1. Tôn kính Phật là công hạnh căn bản:

Hiểu và Tôn kính Phật là đạo đức căn bản của mọi đạo đức khác. Tuy nhiên hầu như chúng ta bỏ quên, xem thường, và không thấy hết tầm quan trọng của tâm hạnh vô cùng đặc biệt này. Mỗi ngày chúng ta vẫn lễ Phật, không ít thì nhiều, nhưng sẽ lễ với tâm hơi hợt dần theo ngày tháng. Vì vậy chúng ta không đạt được những công đức vi diệu từ việc lễ lạy đó.

Tôn kính Phật là công đức căn bản sinh ra mọi công đức khác, là tâm hạnh căn bản sinh ra mọi tâm hạnh khác. Là đệ tử Phật, nhất là người xuất gia, chúng ta cũng mong ước dựng lập nơi mình vô lượng tâm hạnh tốt đẹp để chính cuộc đời mình được an lạc và đủ tư cách để làm lợi ích cho chúng sanh. Nhưng vô lượng tâm hạnh đó không thể thành tựu nếu thiếu tâm hạnh ban đầu là tôn kính Phật.

Ví dụ chúng ta muốn tâm mình tràn đầy lòng Từ bi thương yêu tất cả chúng sinh vì chúng ta biết lòng thương yêu chúng sinh là một lý tưởng đẹp, đẹp như một ánh trăng rằm mà tất cả thánh nhân đều ngợi ca, tất cả thế gian đều nường tựa. Chúng ta suốt đời hướng tới, phấn đấu những mong đạt được lý tưởng Từ bi đó. Nhưng hầu như ai cũng nhận ra rằng dù đã cố gắng nhiều mà tâm Từ bi chúng ta vẫn phát triển rất ít. Chấp ngã từ ngàn đời luôn cản trở không cho ta thương yêu mọi người một cách dễ dàng. Chúng ta không đủ tâm thương yêu huynh đệ chung quanh mình, vẫn còn những phiền não giận hờn trách móc chê bai lẫn nhau mãi.

Thế chúng ta đã thiếu sức mạnh gì khiến mình không phát triển được lòng Từ bi như thế?

Chúng ta đã thiếu công hạnh Tôn kính Phật !

Hoặc ví dụ như hạnh nhẫn nhục cũng là một tâm lý đạo đức quan trọng của người tu hành. Đó là tâm bình thản bất động đối với những nghịch cảnh, sự xúc phạm, sự trái ý. Nhiều khi chúng ta đã buồn bực, giận hờn, đau khổ vì mọi điều trong cuộc sống để rồi phải bày tỏ thái độ gay gắt, cáu kỉnh, hậm hực, nóng nảy... khiến cho người ngoài nhìn vào đánh giá là thiếu đạo lực. Nhất là người xuất gia thì sự bình thản trước nghịch cảnh còn quan trọng hơn rất nhiều. Nhưng chúng ta đã thiếu sức mạnh tinh thần nào đó khiến chúng ta yếu đuối không còn vững vàng.

Chúng ta đã thiếu công hạnh Tôn kính Phật !

Người xưa có nói ”Kính thầy mới được làm thầy”, thì ở đây cũng vậy, chúng ta có tôn kính Phật thì chúng ta mới dần dần đạt được những đức tính của Phật nơi tâm của mình. Chúng ta có tôn kính một bậc Thánh nào đó thì chúng ta mới thành tựu một phần các tính chất của bậc Thánh đó. Dĩ nhiên chúng ta chỉ thành tựu một phần thôi vì không thể nào bì được với công đức tu hành từ nhiều kiếp của vị đó.

Có một câu chuyện đẹp về ý nghĩa này. Đôi vợ chồng nghèo gặp một vị Alahán có dung mạo rất đẹp. Họ phát tâm cúng dường vị Alahán một sấp vải để thay thế tấm y rách rưới tả tơi của ngài sau nhiều ngày tháng ẩn cư trong thâm sơn cùng cốc. Vị Alahán bước vào bụi rậm để khoác lên tấm y mới và bước ra với dáng vẻ đường bệ bội phần. Người vợ buột miệng nói :

- Xin cho chúng con được dự vào quả vị như Ngài đã chứng !

Vị Alahán mỉm cười hứa khả và khẽ chào quay đi. Ngài biết mình đã chứng Alahán nhưng đôi vợ chồng kia không biết. Dù thế nào thì lời nguyện đó cũng sẽ thành tựu trong đời vị lai.

Không ngờ khi ngài mỉm cười thì dung mạo càng đẹp hơn nữa. Khi ngài đi rồi thì người vợ khen mãi:

- Trời ơi, ngài đẹp như một tài tử !

Người chồng gật đầu đồng ý.

Nhiều kiếp trôi qua đến khi Phật Thích Ca xuất hiện thì đôi vợ chồng kia cũng tái sinh sau đó không lâu. Người vợ sinh trong gia đình gánh hát nên làm nữ tài tử đi hát từ vùng này sang vùng khác. Người chồng mê cô đào hát nên trốn nhà đi theo. Họ có với nhau một mụn con. Người chồng thường bị nói xa nói gần là vô tích sự vì thật sự anh không biết biểu diễn như vợ. Tự ái, anh học trình diễn và cũng trở thành tài tử.

Một lần đang biểu diễn đu quay trên cây sào cao 20 thước, anh chợt nhìn thấy đức Phật từ xa đi đến với oai nghi trầm hùng rực rỡ nên anh giữ bất động để ngắm Ngài. Phật cũng thấy nhân duyên của anh đã chín muồi, nên hướng về anh đọc một bài kệ với nội dung xem cuộc đời cũng là một trò xiếc mà người trí phải biết thoát ra. Anh chứng đạo ngay đó và bay xuống đánh lễ Ngài.

Người chồng xuất gia, và người vợ cũng xuất gia theo rồi cũng chứng đạo luôn, đúng như lời nguyện kiếp xưa mà họ đã mong muốn. Dĩ nhiên ta cũng biết là họ cũng phải đã từng có nhiều kiếp tu hành thật sự chứ không phải chỉ do nhân duyên cúng dường sấp vải.

Câu chuyện trên cho chúng ta một minh họa sinh động về sự thành tựu những tính chất giống như vị thánh mà mình đã tôn kính.

Và vượt hơn tất cả những vị thánh khác, đức Phật là vị thánh tuyệt đối của toàn vũ trụ với vô số những đức tính cao cả tuyệt vời. Chúng ta đặt lên Ngài lòng Tôn kính là chúng ta đã gieo vào tâm mình hạt giống của những thánh

tính tuyệt đối. Ngày nào đó chúng ta cũng sẽ thành tựu dần dần những tính chất cao đẹp của Phật.

Nhân cách được nâng cao

Kết quả ban đầu dễ nhìn thấy từ hạnh Tôn kính Phật là nhân cách chúng ta từ từ được nâng cao lên. Nếu ngày xưa chúng ta thô tháo, vụt chạc, vội vàng, nhìn vấn đề không sâu sắc... thì sau một thời gian lễ kính Phật, ta sẽ thấy mình điềm đạm chững chạc lại, trông có vẻ khả kính hơn.

Tư cách oai nghi đó không phải do gắng gượng làm bộ ra vẻ mà được, mà thật sự do nhân quả tạo thành một cách tự nhiên. Người không có công đức, dù có làm bộ ra vẻ đàng hoàng đoan trang một thời gian rồi cũng bộc lộ bản chất kém cỏi.

Người có tư cách thật sự, dù ở trước đám đông hay ở trong phòng vắng cũng không khởi ra một cử chỉ sai lầm làm mất oai nghi. Lúc nào người này cũng giữ oai nghi đàng hoàng đẹp đẽ cho dù không ai nhìn thấy, chính tâm họ tự biết kiểm soát lấy từng động tác của mình một cách nhẹ nhàng kỷ lưỡng.

Do công đức lễ kính Phật mà trong sâu thẳm, tâm ta có sức mạnh và có trí tuệ biểu lộ ra thành nhân cách khiến mọi người nể trọng. Cũng chính trí tuệ này giúp ta phát hiện ra lỗi lầm tiềm tàng của mình. Thật vậy, người nào lễ Phật một thời gian đều bắt đầu thấy ra được lỗi lầm mà trước đây tự mình không nhìn thấy. Có khi người khác chỉ cho mà mình cũng không công nhận. Bây giờ nhờ công đức lễ Phật mà tự mình hiểu rằng đó là lỗi. Khi đã biết lỗi rồi thì lỗi đó đang hết dần.

Ví dụ trước đây chúng ta sống ích kỷ chỉ lo cho mình, bây giờ chân thành lễ Phật một thời gian, chợt chúng ta thấy ra từng cử chỉ nhỏ, từng ý nghĩ nhỏ nào có mang theo tâm ích kỷ. Vì vậy chúng ta tự biết phải thay đổi chứ không thể để như vậy mãi.

Ý chí vi diệu xuất hiện

Kể đến một loại ý chí vi diệu xuất hiện giúp chúng ta vượt qua nghịch cảnh, vượt qua cám dỗ.

Chúng ta đã phân biệt hai loại ý chí, một loại khởi lên từ bản ngã, và một loại khởi lên từ ý chí. Ý chí khởi lên từ bản ngã là do gắng gượng mà có, ráng sức mà có. Loại này càng khởi lên chừng nào thì càng làm tăng trưởng ngã chấp kiêu mạn chừng này.

Còn loại Ý chí khởi lên từ công đức thì vừa mãnh liệt vừa nhẹ nhàng, nhưng rất hiệu quả.

Ví dụ như có người nói điều gì làm chúng ta buồn. Chúng ta thấy người biết tu mà buồn thì không hay nên muốn bỏ. Nhưng nếu chúng ta chỉ đơn thuần ráng mà thôi sẽ thấy mệt mỏi mà nỗi buồn vẫn cứ đeo đẳng hoài. Còn nếu chúng ta có công đức thì ngay khi muốn hết buồn, quyết định dừng lại nỗi buồn, thì tự nhiên bên trong có một sức mạnh gì đó, rất lạ, tiêu diệt nỗi buồn

liền.

Ý chí là con dao hai lưỡi là vậy, sẽ làm tăng bản ngã nếu thiếu công đức. Rồi trong suốt cuộc đời tu hành chúng ta sẽ gặp không biết bao nhiêu là nghịch cảnh cay đắng. Nếu không có ý chí, chúng ta sẽ chán nản bỏ cuộc giữa đường. Nếu có ý chí, chúng ta sẽ chịu đựng để tiến bước. Rồi chúng ta cũng sẽ đối diện với biết bao nhiêu cám dỗ mời gọi. Nếu không có ý chí, chúng ta cũng sẽ dừng lại để hưởng thụ. Ý chí cần thiết như thế, nhưng phải là loại ý chí đến từ công đức thì mới không bị hậu quả phụ tai hại là làm phát triển bản ngã.

Vì vậy, chúng ta phải khôn ngoan biết lễ kính Phật để tạo cho mình một nền tảng công đức vững chắc nhằm giúp cho đời tu của mình an ổn hơn.

Quy y Phật

Bước đầu đến với đạo Phật ai cũng làm lễ Quy y Tam Bảo, căn bản là quy y Phật. Quy y Phật nghĩa là nguyện trọn đời tôn thờ Phật, trọn đời xin làm con của Phật, trọn đời đem thân tâm này dâng lên cúng dường Phật, trọn đời sống trong Giáo pháp của Phật. Ý nghĩa quy y rất lớn mà đa phần chúng ta không hiểu hết và đôi khi xem thường, hoặc hiểu khác nghĩa đi.

Trước hết ta phải xác định rằng Phật là Đấng Chánh Giác với sự giác ngộ tối thượng, mà đại biểu cụ thể nhất chính là đức Phật Thích Ca có thật trong trong lịch sử. Chúng ta là những chúng sinh si mê trầm luân, nay có duyên lành gặp được Phật Pháp nên nguyện đem trọn cuộc đời đi theo Phật. Đó là ý nghĩa chuẩn mực rất cơ bản, rất bình thường, và rất chính xác.

Nếu chúng ta hiểu theo cách thức dịch từng chữ là Quy là trở về, Y là nương tựa, thì sẽ thấy rất hời hợt nhẹ nhàng. Đó là lý do tại sao nhiều Phật tử dễ dàng bỏ đạo khi gặp duyên hôn nhân, khi đi ra nước khác sinh sống.

Ngày xưa một người tại gia gặp Phật quý xuống phát nguyện : Con xin suốt đời Quy y Thế Tôn, Quy Y Pháp, Quy y Chư Tăng.

Họ nói với tất cả quyết tâm và sự chân thành vì lúc đó trước mặt họ là đức Phật cao siêu vĩ đại.

Bây giờ quý thầy cô làm lễ Quy y cho Phật tử có khi không gieo được vào lòng Phật tử niềm xúc động sâu xa ở cái buổi ban đầu vào đạo. Người Phật tử không được may mắn như các cư sĩ thời đức Phật là có được cảm xúc mãnh liệt với Đạo. Sau này có một số Phật tử ít gắn bó với chùa, lập gia đình với người đạo Kitô hay đạo Hồi liền bỏ đạo để làm lễ cưới theo họ. Các đạo kia bắt buộc nghiêm khắc tín đồ phải làm lễ cưới tại giáo đường của họ, cũng có nghĩa là buộc người phối ngẫu phải theo đạo. Đây là một cách dùng phương tiện hôn nhân để đưa người vào đạo rất hiệu quả. Và nguồn cung cấp thêm tín đồ cho các tôn giáo bạn chính là đạo Phật của chúng ta vì chúng ta đã không giúp cho người Phật tử có lòng kính tin Phật tuyệt đối.

Bây giờ là lúc phải điều chỉnh lại, phải giúp cho Phật tử hiểu ý nghĩa thiêng

liêng của việc Quy y Phật là trọn đời thiết tha sống theo giáo pháp của Phật mà không gì có thể lung lay được.

Chúng ta hãy cảnh giác về ý nghĩa quy y Phật là quy y tự tánh vì không đúng với ý nghĩa căn bản chuẩn mực vốn cần thiết cho đời sống tâm linh tu hành. Nếu nói quy y Phật là quy y tự tánh thì có ai đã thấy được tự tánh của mình ra sao để mà quy y đâu.

Hỏi Phật ở đâu, ta bèn chỉ vào trong tâm mình. Hỏi tâm ở đâu, ta đành chỉ trên đầu hoặc trong tim, hoặc dưới bụng. Nhưng cái gì đang ẩn chứa trong tâm ta?

Trong tâm ta luôn luôn đang tồn tại một bản ngã cực kỳ nguy hiểm. Bản ngã đó bí mật chi phối toàn bộ ý nghĩ hành vi của ta, thường khiến tâm ta khởi lên vô số phiền não, tham lam, sân hận... Chúng ta chưa bao giờ chứng được vô ngã, chỉ tưởng tượng có một cái tự tánh cao siêu nào đó ở trong tâm để tôn thờ, vô tình đã tôn thờ lầm bản ngã. Ngay cả một số vị đã đắc định, thấy tâm rộng rang sáng tỏ cũng chưa phải là đã thoát hẳn ngã chấp. Chỉ những ai thành tựu được tam minh lục thông như Phật mới được xem là chấm dứt chấp ngã. Còn hiện tại dù ta có được một số kết quả trong nội tâm thiền định gì đi nữa vẫn chưa hết được chấp ngã. Vì vậy, chúng ta phải khôn ngoan cảnh giác về nội tâm đang còn chứa đựng bản ngã này hơn là tôn thờ cái tâm được chút ít an ổn đó. Kéo không, tâm kiêu mạn sẽ tăng trưởng nhanh chóng làm tan vỡ đạo đức của mình.

Có câu chuyện vị khách tăng từ phương xa đến viếng chùa quê, cùng với vị tăng ở bốn tự đàm đạo vui vẻ. Khách nói qua lãnh vực tự tánh. Chủ thắc mắc hỏi:

- Thầy nói tự tánh nơi chính mình, vậy thầy đi từ trên đó về đây thì tự tánh có đi theo chăng? Rồi thầy già từ ở đây để về nơi đó trở lại thì tự tánh có theo thầy về không?

Khách im lặng không đáp. Chủ hỏi tiếp:

- Nếu tự tánh đó theo thầy đi tới đi lui như vậy thì không phải là bất động. Còn nếu tự tánh là bất động thì không theo thầy đi tới đi lui như thế; và nếu không theo thầy đi tới đi lui thì tự tánh đó không phải ở nơi thầy, mà là ở chỗ khác.

Chúng ta sẽ thấy rằng cái đi tới đi lui theo mình có lẽ là bản ngã thì đúng hơn. Còn thể tánh tuyệt đối thì phủ trùm không gian và thời gian, vượt qua ý niệm về không gian và thời gian.

Nếu chúng ta chấp nhận ý nghĩa quy y tự tánh thì rất dễ rơi vào tình trạng tôn thờ bản ngã và làm cho tâm kiêu mạn xuất hiện. Mà tâm kiêu mạn là tai họa của người tu.

Ví dụ như một người mới vào chùa xuất gia, ngoài sư phụ mà người này phải kính thờ nhu thuận còn có nhiều sư huynh đã tu trước mình. Vì vậy

người này phải vâng lời cả chùa, phải vui vẻ nghe lời rầy la dạy bảo của cả chùa. Đây là thời gian đẹp nhất của cuộc đời đi tu vì nhờ nhu thuận vâng lời hết mọi người nên bản ngã được diệt trừ dần dần. Thời gian này càng kéo dài nhiều năm thì phước người này càng lớn. Điều “bất hạnh” xuất hiện khi sư phụ nhận thêm đệ tử mới, nghĩa là người này bắt đầu lên chức sư huynh, bắt đầu có sư đệ để dạy bảo sai khiến. Khi có người nghe lời sai bảo của mình thì bản ngã của người này đang thức dậy, phước sẽ giảm dần dần. Nếu càng có nhiều sư đệ thì bản ngã càng nhanh chóng phát triển hơn.

Chúng ta thấy nhiều khi mình chưa biết vô ngã là gì, chỉ có hạnh nhu thuận vâng lời mà bản ngã đã giảm rất nhiều, công đức đã được dựng lập rất nhiều. Công đức trong thời gian ban đầu đó có khi đủ giúp ta đi qua cả một đời tu hành yên ổn. Còn khi bắt đầu có sư đệ, hoặc khi có đệ tử thì người này phải giữ tâm vô ngã bằng những phép tu chuyên sâu hơn. Nếu không thì địa vị lớn chỉ là môi trường thuận lợi cho bản ngã lớn mạnh hơn mà thôi.

Khi quy y Phật, chúng ta thật sự tôn kính Phật; đó là một đối tượng bên ngoài, một vị thánh siêu tuyệt không có một sơ hở nhỏ trong nhân cách. Chúng ta may mắn hơn các tín đồ của tôn giáo khác khi vị giáo chủ của chúng ta có một thánh tính tuyệt đối như thế. Và thật là bất hạnh nếu bây giờ chúng ta bỗng nhiên quay lại tôn thờ quy y bản ngã của mình, gọi đó là tự tánh, rồi xem thường mọi người, xem thường cả Phật và Bồ tát. Cứ cho rằng bất cứ cái gì ở bên ngoài mình đều là vô nghĩa, mà Phật Bồ tát cũng là ở ngoài, nên chúng ta hờ hững với chư Thánh. Phước chúng ta sẽ sụp đổ không lâu!

Vì vậy chúng ta không nên bỏ ý nghĩa Quy y Phật trở thành quy y tự tánh. Hơn nữa, một đệ tử Phật mà không hiểu Phật, không tôn kính Phật thì rất đáng bị nghi ngờ về đạo đức. Dù người này có trình bày đạo lý cao siêu như thế nào, nhưng nếu họ thiếu lòng tôn kính Phật thì chúng ta khoan cho đó là người tốt. Phải có lòng tôn kính Phật làm nền tảng trước khi chúng ta xây dựng tiếp những công hạnh khác trong Phật Pháp.

Tôn kính Phật nhiều chừng nào, đạo quả cao chừng nấy

Chúng ta hãy xem hình ảnh một chiếc máy bay để gợi ý cho sự tu tiến đạo quả. Đầu tiên chiếc máy bay chạy chậm, rồi nhanh dần, nhanh dần, cho đến khi nó tăng tốc thật nhanh đủ để cất lên cao khỏi mặt đất.

Khi nó đã bay lên cao rồi thì đáp xuống không phải dễ; cũng phải hạ thật khéo xuống đường băng với tốc độ thật lớn, rồi giảm dần, giảm dần cho đến khi ngừng hẳn.

Một chiếc xe lửa cũng vậy, khi đã chạy nhanh rồi mà muốn dừng lại cũng không dễ, phải giảm vận tốc cả mấy trăm mét mới dừng hẳn được.

Chúng ta cũng vậy, chúng ta tôn kính Phật, sống một đời vị tha thương yêu muôn loài, khiêm hạ kín đáo. Đó là chiếc máy bay đang chạy lấy đà. Rồi

những tâm lý đạo đức đó lớn dần, lớn dần cho đến khi đủ mạnh để cất cánh lên cao thì gọi là chúng ta chứng được đạo quả Tuđàhoàn, gọi là vào dòng thánh –nhập lưu. Người chứng đạo quả Tuđàhoàn được Phật ấn chứng là vĩnh viễn không còn đọa vào 3 ác đạo của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Sở dĩ như vậy vì cái đà đã đủ mạnh để người này không còn bị rơi trở lại trong sai lầm tội lỗi. Cửa 3 ác đạo đã vĩnh viễn đóng lại với vị này. Rồi đến một kiếp nào đó chưa định chắc, người đó sẽ phải chứng được đạo quả Niết bàn. Có thuyết cho rằng vị Tuđàhoàn sẽ tái sinh bảy lần rồi mới chứng Niết bàn; nhưng thật ra không chắc như thế.

Tương tự với những chúng sinh sống với tâm ác độc, ích kỷ, không tôn trọng thần thánh. Họ cũng đang tạo thành một cái đà đi về đọa xứ. Khi đời sống bất thiện như thế đủ mạnh thì họ sẽ đọa vào ác đạo không có ngày trở lên. Trước hết họ sẽ xuống địa ngục. Thoát kiếp địa ngục, họ sẽ làm quỷ đói; thoát kiếp quỷ đói, họ sẽ làm súc sinh. Nhưng vì trước đây họ có nhiều ác tâm nên họ sẽ làm một loài ác thú ăn thịt sống. Rồi do giết hại các cầm thú khác để ăn thịt nên họ không còn có cơ hội để tái sinh làm một loài khá hơn, chỉ đọa dần thành sâu bọ nhỏ nhoi. Khi đã làm sâu bọ rồi thì cái chuyện trở lại làm người là dường như không thể xảy ra nữa. Rất là đáng thương! Chúng ta phải tích lũy lòng tôn kính Phật đủ để cất cánh lên bầu trời công đức bao la thì mới không sợ lui sụt. Máy bay mà chưa cất cánh thì có thể dừng lại dễ dàng, lòng tôn kính Phật mà chưa vượt bậc thì đạo tâm có thể thoái chuyển cũng dễ dàng như vậy. Khi nào chúng ta chứng được quả vị Tuđàhoàn mới có thể tạm yên tâm là đối với Phật pháp không còn quay bước.

Nếu lòng tôn kính Phật của chúng ta đạt đến tuyệt đối thì chúng ta chắc chắn đã có cái nhân của quả vị Alahán. Nhưng như thế nào là lòng tôn kính Phật đạt đến tuyệt đối?

Đây là chỗ không dùng ngôn ngữ để diễn tả được, chỉ tâm ta tự biết mà thôi. Nếu ai mỗi ngày quỳ xuống trước Phật với trọn lòng thiết tha tôn kính đến tuyệt đối, cảm thấy thân tâm này, mạng sống này đều dâng lên Phật, từng ý nghĩ đều theo Phật, thì người này về sau sẽ chứng thành đạo quả vô lượng vô biên.

Mỗi người đều có từng lễ Phật nhưng thật ra tâm kính Phật không giống nhau, phần đông theo nghi thức chung bên ngoài chứ trong tâm rất hời hợt. Nếu lễ Phật hời hợt quá thì khó có phước tu tiến lâu dài về sau.

Muốn kính Phật phải hiểu Phật

Muốn tôn kính Phật, chúng ta phải hiểu Phật, phải hiểu Phật rất là sâu sắc. Chúng ta không thể trọn lòng kính Phật nếu chưa hiểu Phật. Muốn hiểu Phật thì chúng ta phải:

- Biết khá rõ về cuộc đời siêu việt phi thường của Phật

- Biết nhiều về những lời dạy thiêng liêng cao quý của Phật
- Biết nhiều chi tiết về cuộc đời giáo hóa kỳ vĩ của Phật
- Tinh tấn tu chứng để cảm nhận giá trị mầu nhiệm của Phật Pháp.

Trước hết là phải biết nhiều về cuộc đời của Phật với những công hạnh cao cả, với những chi tiết nhỏ nhỏ nhưng cảm động lạ thường. Hầu hết chúng ta có đọc qua một số sách viết về sử Phật, nhưng nếu không có trí tuệ chúng ta sẽ không có cảm xúc nhiều mà chỉ đọc như đọc truyện tiểu thuyết. Có khi là do người viết không diễn tả được hết những điều hay trong cuộc đời Phật, nhưng cũng có khi là do người đọc không nhận ra những điều hay trong đó. Nếu có trí tuệ chúng ta sẽ nhận ra sự vĩ đại của Phật từ những đoạn diễn tả đơn giản.

Ví dụ trong kinh Đại giáo giới Lahàula, Một lần Phật cùng với Lahàula đi khát thực buổi sáng. Đó là một hình ảnh đẹp của 2 cha con vương tử trở thành 2 thầy trò cùng nhau đặt những bước chân vân du trên các nẻo đường nhân thế để giáo hóa. Phật thấy cơ duyên đã đến. Đang đi nửa chừng, chợt Phật dừng chân, rồi quay lại nhìn Lahàula với cái nhìn của con voi chúa. Phật thuyết pháp cho Lahàula nghe về ý nghĩa vô thường và vô ngã.

Chỉ có đoạn ngắn nói về cái nhìn của con voi chúa có thể làm chúng ta xúc động. Câu nói tuy ngắn nhưng hàm chứa trong đó cả một nội tâm an định vững vàng và mệnh mông của Phật, vì chỉ có một nội tâm như thế mới hiện ra ánh mắt như thế. Chúng ta thấy rằng Phật có oai nghi đẹp đẽ, trầm hùng trong từng cử chỉ nhỏ nhất như ánh mắt chẳng hạn. Nơi đức Phật, từng cái nhấc tay cất chân đều tràn đầy uy lực, trầm tĩnh, đẹp đẽ thu hút chinh phục mọi người. Chỉ cần nhìn đức Phật ngồi yên, chúng sinh cũng bị thuyết phục lạ lùng vì thần uy vô hình từ kim thân Phật tỏa mạnh ra chung quanh.

Mỗi cử động của Phật như gói trọn trong đó vô lượng giải thoát, vô lượng bình an, vô lượng trí tuệ. Đó là ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh của Phật và chư Đại Bồ tát. Một vị Phật như thế thì lâu lâu trên Trái đất mới xuất hiện một lần, rất là hiếm hoi. Còn các vị Thánh bình thường, Alahán, thiên sư thì thỉnh thoảng chúng ta vẫn thấy có xuất hiện.

Năm 12 tuổi, lúc còn là thái tử, Phật đã theo vua cha Sudodana ra đồng làm lễ Hạ điền vào đầu mùa trồng lúa. Trong lúc mọi người đang vui chơi, Thái tử lặng lẽ đến gốc cây ngồi thiền. Ngài nhanh chóng nhập vào Sơ thiền và ngồi quên thời gian. Đến khi vua cha sức nhớ cho người đi tìm thì thấy Thái tử vẫn ngồi trong bóng cây. Nhìn tàng cây, vua cha lấy làm lạ vì thấy những cành lá của cây như đang cố kéo nhau về mặt trời để tiếp tục che mát cho Thái tử.

Chúng ta hiểu rằng muốn nhập được Sơ thiền thì trước đó phải thuần thục Chánh niệm tỉnh giác, có nghĩa là tâm không bao giờ xao lãng trong pháp môn tu hành. Muốn thành tựu chánh niệm tỉnh giác thì trước đó tâm phải

thuần thiện. Muốn tâm thuần thiện thì chúng ta phải bỏ ra năm mươi năm thanh lọc nội tâm mình trong từng ý nghĩ nhỏ nhỏ không cho một tư tưởng sai lầm nào tồn tại. Nhưng muốn từ bỏ những ý nghĩ sai lầm bất thiện thì trước hết chúng ta phải can đảm tự đánh giá chính mình, tự biết đó là những ý nghĩ sai lầm. Hầu hết con người vẫn luôn cho ý nghĩ mình là đúng; ít ai tự cho rằng mình đã suy nghĩ sai; và đó cũng là lý do ít ai là người tu hành chân chính. Người tu hành chân chính phải là người nhận ra được ý nghĩ sai lầm của mình để tự trừ diệt, vì ý nghĩ trong tâm mình có ai thấy để nhắc nhở giùm đâu.

Sau khi thanh lọc nội tâm đến mức thuần thiện rồi chúng ta mới chuyển sang giai đoạn kiểm soát tâm động hay tĩnh. Đó là bước sang giai đoạn tu tập chánh niệm tỉnh giác. Tu tập chánh niệm đến mức độ không bao giờ bị xao lãng nữa thì mới có thể chứng được Sơ thiền. Chúng ta hiểu rằng Sơ thiền không dễ thành tựu. Nhiều người vào tu, đã vội vã muốn nhiếp tâm mà không đi qua giai đoạn thanh lọc nội tâm thuần thiện, cũng đã được một ít yên tĩnh. Nhưng không bao lâu tâm sẽ dấy động trở lại vì cái yên tĩnh đó không có căn bản của nội tâm thuần thiện.

Thế mà khi còn bé Phật đã thành tựu sơ thiền dễ dàng, cho thấy công đức Phật từ quá khứ rất lớn.

Chúng ta cũng cần hiểu thêm rằng chứng được Sơ thiền tức là không cần dụng công nữa, tâm tự động giữ lấy chính nó trong yên tĩnh. Một đứa bé 12 tuổi mà vào được Sơ thiền không cần dụng công nữa thì thật là vĩ đại.

Ngay như việc Thái tử mạnh mẽ từ giã cung vàng điện ngọc vợ đẹp con ngoan để xuất gia tìm đạo là điều không dễ làm. Hãy tưởng tượng chúng ta trong hoàn cảnh tương tự sẽ thấy rằng chúng ta không đủ can đảm để dứt bỏ như thế. Những gì đem cho chúng ta lạc thú đều khiến chúng ta chấp thủ giữ gìn. Một câu khen ngợi cũng làm chúng ta cả đời không buông nổi hưởng hồ là tài sản quyền uy.

Đơn giản như nếu chúng ta có mười lạng vàng, chúng ta không đủ gan dạ bỏ ra 3 lạng để làm việc thiện; nếu có cũng chỉ lấy ra chừng vài trăm ngàn, chứ không dám rộng rãi bố thí.

Địa vị quyền lực là nỗi ám ảnh khát khao của vô số người trên trần gian này. Họ đã cực khổ biết bao nhiêu để giành lấy chức tước, đôi khi phải dùng đến những thủ đoạn đê hèn để chiếm lấy. Còn Phật đã từ bỏ một cách nhẹ nhàng dứt khoát. Cái thái độ từ bỏ nhẹ nhàng dứt khoát đó là cả một sức mạnh phi thường của lòng khát khao chân lý. Chỉ có lý tưởng phi thường mới khiến ta xem nhẹ những giá trị trần gian khác.

Đặt trường hợp chúng ta làm một chủ tịch phường là mình đã bỏ không nổi, phải nom nớp giữ gìn vì sợ người khác đoạt lấy.

Rồi trong cuộc đời, nhất là đối với người tại gia, tình yêu là cái gì rất lớn lao

quan trọng. Ai được một người vợ đẹp cũng yêu quý giữ gìn như giữ vàng ngọc. Nhất là khi đó là một người yêu đẹp người đẹp nét, giỏi giã, dịu dàng, đảm đang, nhân hậu, chung thủy, đoan chính... thì không ai đành lòng bỏ đi tu cả. Công nương Yashodara là người phụ nữ như thế, vậy mà Phật cũng quay lưng ra đi để tìm một chân lý cao cả cho nhân loại.

Rồi những tháng ngày lang thang từ khu rừng này qua thung lũng kia để tìm thầy học đạo, đến khi thực hành khổ hạnh khốc liệt mà trên thế gian này chưa ai làm nổi. Dĩ nhiên chúng ta cũng phải lưu ý đến yếu tố nội lực phi thường của Phật do luyện tập khí công (yoga) khi còn ở trong hoàng cung đã trợ giúp rất nhiều cho Phật trong giai đoạn tu hành cực khổ.

Rồi từ trí tuệ vô biên vô lượng, Phật nói lên những bài Pháp vô giá, giống như vô số ngọc ngà để lại cho nền văn hóa của nhân loại. Bây giờ chúng ta có tài giỏi gì cũng chỉ là lập lại, mở rộng thêm, giải thích rõ hơn... chứ không đủ sức mở ra cả một hệ thống lý thuyết tu tập vĩ đại như thế. Càng về sau thì các nhà trí thức trên thế giới càng ca ngợi đạo Phật là hay nhất so với các tôn giáo khác. Nhiều tôn giáo bị lạc hậu khi khoa học tiến bộ; nhưng đạo Phật thì ngược lại, càng sáng tỏ khi khoa học tiến bộ. Người ta càng khâm phục đức Phật khi thấy rằng hơn 2000 năm trước mà có một người trên hành tinh này đã nói được những điều chuẩn xác cao siêu như thế.

Rồi như giáo lý Tứ vô lượng tâm, là lòng từ bi thương yêu tất cả chúng sinh không còn giới hạn, chỉ được nói lên bởi Phật mà thôi. Không một giáo chủ nào khắp cả Đông Tây kim cổ đã nói lên được lòng thương yêu tuyệt đối như thế. Từ xưa đến giờ cũng có nhiều vị Thánh của các tôn giáo kêu gọi con người tu tập đạo đức nhân ái, nhưng đều có giới hạn nào đó. Jesus của Kitô dạy yêu cả kẻ thù; Khổng Tử khuyến khích lòng nhân từ –trong phạm vi con người. Mahomet giới hạn tình thương trong phạm vi tín đồ Hồi giáo – được quyền giết người ngoại giáo(!)

Chỉ có đức Phật mới dạy về một lòng từ bi không còn giới hạn, phủ trùm muôn loài vạn vật, phủ trùm cả vũ trụ mênh mông, lan cả vào thế giới siêu hình mà mắt người không trông thấy được.

Trong một tiền thân Phật làm vua nổi tiếng nhân từ thương dân. Vì thương dân quá nên ngài bị nhược điểm là không dành nhiều khả năng cho việc xây dựng quân đội quốc phòng lớn mạnh. Do tham của nước láng giềng báo về cho vua của họ điều đó. Ông vua láng giềng chột khởi tâm tham, bèn khởi binh qua để đánh chiếm. Bồ tát (tiền thân Phật) suy nghĩ rằng vị vua láng giềng cũng rất giỏi trị dân, cũng thương dân và biết làm cho dân tình ổn định sung sướng. Đất nước của ông ta hình luật rõ ràng. Ông ta có cai trị dân mình thì dân cũng sướng chứ chẳng hại gì. Còn bây giờ mà đánh nhau thì máu sông xương núi khổ sở cho biết bao gia đình.

Nghĩ vậy Bồ tát ra lệnh binh sĩ không được chống đỡ, phần Ngài trốn đi mất.

Vị vua kia vào tận hoàng cung mà không gặp bất cứ sự phản kháng nào, sau đó sát nhập hai quốc gia thành một và cai trị ổn thỏa. Ông ta chỉ sợ Bồ tát dấy binh chống lại nên ra lệnh truy nã ngài.

Bồ tát trốn trong rừng núi đến nỗi quần áo rách tả tơi. Một lần nơi bìa rừng ngài gặp một người Bàlamôn hỏi đường về kinh đô tìm vị vua cũ là ngài để cầu xin giúp đỡ cho hoàn cảnh khổ sở cùng cực của ông.

Đến khi biết người trước mặt ông chính là vị vua nổi tiếng nhân từ thì ông khóc vì tuyệt vọng. Bồ tát suy nghĩ một lát rồi bảo ông ta nên bắt ngài đem nộp sẽ được trọng thưởng. Vì Ngài thuyết phục quá nên cuối cùng Bàlamôn đồng ý trói Ngài đem nộp. Vị vua mới mừng rỡ ban thưởng cho Bàlamôn xong hỏi vì lý do nào bắt được Ngài. Người Bàlamôn kể lại câu chuyện. Vị vua mới sững sờ kinh ngạc. Thật ra ông ta cũng là người tốt, chỉ vì còn tham thôi. Đến khi biết được lòng tốt phi thường của Bồ tát, ông bị cảm hóa mạnh mẽ. Ông bèn kết tình anh em với Bồ tát, trả lại quốc gia và sống hòa bình với nhau.

Trong nhiều kiếp Phật luôn luôn sống hoàn toàn vị tha như thế.

Bây giờ chúng ta thử tu tập lòng từ bi rồi sẽ thấy khó khăn như thế nào. Có khi chúng ta tu qua vài tháng rồi mà vẫn chưa thật sự thương yêu được những huynh đệ chung quanh mình. Đôi khi huynh đệ bị bệnh ốm mà ta vẫn thờ ơ quên lãng. Với người nào có duyên ở kiếp trước thì chúng ta dễ khởi lòng thương mến; còn ai không có duyên thì ta rất khó thương, chứ đừng nói đến thương yêu tất cả chúng sinh. Thật là huyền hoặc. Sau này tu tiến hơn một chút, có lòng từ bi hơn một chút, ta nhìn lại những năm tháng hời hợt trước đó và sẽ thấy hối hận vì mình đã không đủ lòng thương yêu với những người gần gũi với mình, mà thời gian thì đã qua đi, không còn cơ hội để sống chung với nhau để có thể chuộc lại nữa. Như vậy rồi chúng ta mới cúi đầu kính phục Phật đã thương yêu chúng sinh một cách tràn đầy, dễ dàng và bao la như vậy.

Phật đã dạy nhiều về lòng Từ bi như thế và nhiều vị Thánh đệ tử đã được an lành từ tâm hồn thương yêu như thế. Chúng ta hôm nay cũng sẽ nguyện lòng tu tập theo lòng Từ bi Phật dạy.

Chúng ta cần phải hiểu về ý nghĩa Thành đạo của Phật để thấy sự vĩ đại như thế nào. Nào giờ chúng ta chỉ hiểu trên ngôn từ rằng Phật đắc đạo, Phật giác ngộ, Phật giải thoát, Phật có thần thông... nhưng cũng chỉ là nghe trên ngôn từ chứ chưa cảm nhận sâu xa những ý nghĩa đó. Vì không hiểu nhiều về tâm chứng của Phật nên lòng tôn kính Phật của ta cũng hời hợt ít ỏi. Dĩ nhiên chưa đắc đạo như Phật thì không ai có thể hiểu được Phật, nhưng chúng ta cũng có thể nhờ thiện căn và trí tuệ để cảm nhận được sự vĩ đại của tâm chứng đó.

Thật ra trước khi Thành đạo Phật cũng đã có sức định rất sâu. Ngài nhanh

chúng chứng được vô sở hữu xứ định với vị thầy đầu tiên là Aolàra Kàlāma; rồi chứng phi tướng phi phi tướng xứ định với vị thầy thứ hai là Uddaka Ramaputta. Hai vị thầy đó đều khâm phục Phật và đều ngỗ ý mời Ngài cùng nhận trách nhiệm lãnh đạo đồ chúng với họ. Nhưng với trí tuệ của một vị Phật sắp thành, Ngài đã mơ hồ nhận ra rằng còn một cái gì đó chưa thỏa đáng, chưa rõ ràng nơi sở chứng này.

Phật đã hỏi hai vị đạo sư đó về vấn đề Bản ngã. Nơi mức định đó Bản ngã còn hay hết? Nếu Bản ngã đã hết thì ai biết được rằng mình đang nhập định? Nếu còn Bản ngã thì chưa phải thật sự giải thoát.

Hai vị đạo sư bấy giờ đều không thể trả lời vấn nạn sâu sắc này, và đành nhìn Gotama chào ra đi.

Sau này Thành đạo, Phật đã giải quyết vấn đề này thấu đáo, và mục tiêu Vô ngã trở thành điểm son chói lọi trong giáo lý đạo Phật. Sau này chúng ta sẽ có duyên đào sâu về giáo lý vô ngã kỳ diệu đó.

Phật tìm về một khu rừng gần thị trấn Uruvela để thực hành khổ hạnh trong cô độc. Những gì được Phật về sau kể lại thật là kinh khủng đối với chúng ta. Ngài đã ăn rất ít, mỗi ngày vài hạt đậu, vài hạt mè. Ngài đã thử nhịn thở. Những cảm giác đau đớn hành hạ Ngài cực kỳ khốc liệt. Một tiềm lực bí mật nào đó, có lẽ vừa do phước quá khứ, vừa do nội lực tập luyện khí công, đã duy trì mạng sống của Ngài. Nhiều người bày tỏ nghi ngờ tại sao Phật có thể chịu đựng sự suy dinh dưỡng cùng cực suốt nhiều năm như vậy mà không chết. Trên đời vẫn có nhiều chuyện lạ lùng phi thường mà ta không thể giải thích hết được, trong đó, chuyện Phật không chết cũng là một huyền thoại có thật như thế. Hiện nay cũng có nhiều người có khả năng đặc biệt mà ta vẫn nghe báo chí đăng tải.

Cuối cùng Phật cũng phải từ bỏ khổ hạnh vì thấy rõ là vô ích.

Sở dĩ Phật phải đi qua khổ hạnh cùng cực để rồi từ bỏ, thứ nhất là câu trả lời hùng hồn cho khuynh hướng đương thời cứ xem khổ hạnh là cao quý hơn các công hạnh khác; thứ hai là tránh cho đệ tử Phật về sau bị áp lực phải sống cực khổ quá đáng không cần thiết.

Phật quay lại tìm sự giác ngộ bằng thiền định. Ngài dùng thực phẩm trở lại để có sức khỏe rồi dồn nỗ lực vào thiền định. Chúng ta không xứng đáng để bàn về công phu thiền định của Phật vì chúng ta làm sao chứng đạt điều gì để hiểu được tâm chứng của Phật! Ôu đây chúng ta nêu vì tôn vinh Phật mà diễn tả các tầng bậc thiền định cũng chỉ là dựa vào kinh điển và luận giải của các vị Thánh nhân ngày xưa.

Phật trải cỏ lót chỗ ngồi dưới gốc cây mà ngày nay ta gọi là cây Bồ đề. Ngài ngồi theo thế kiết già hoa sen, và bắt đầu nhập lại các mức thiền trước kia Ngài đã chứng. Trước hết là sơ thiền.

Sơ thiền là mức thiền chúng được đầu tiên. Nơi mức thiền này, tâm tự động

giữ lấy chính nó trong định. Miễn là hành giả đừng tác ý xuất định thì tâm cứ tự động sáng tỏ, thanh tịnh, rỗng rang. Những ý niệm tế về đạo lý vẫn còn xuất hiện, nhưng sẽ tự động bị sức tỉnh giác của tâm trừ diệt. Hành giả không cần phải làm gì cả. Cứ duy trì lâu dài Sơ thiền cộng với những công đức khác trong đời sống, hành giả sẽ nhập Nhị thiền.

Nhị thiền tắt hẳn vọng tưởng, tâm tự tại phủ trùm trời đất, có một số thần thông vừa phải, kiến giải lanh lợi, đôi khi cho mình đã chứng được chân ngã theo quan niệm của Yoga Ấn giáo.

Tam thiền là cả một thế giới khác hẳn. Người chứng Tam thiền thành tựu thần thông quảng đại, thấy cả thế giới làm bằng chất liệu của tâm chứ không còn là vật chất như trước nữa. Sắt đá gỗ đất cũng đều làm bằng tâm như những ý nghĩ. Ý nghĩ và vạn vật đều là tâm như nhau. Vì vậy người chứng tam thiền có thể điều khiển vật chất bằng ý nghĩ, có thể đi xuyên qua tường vách như không khí. Còn chúng ta có bắt chước xem bức tường này là tâm thì chỉ u đầu sút trán chứ không thể đi xuyên qua được.

Tứ thiền là tận cùng của tâm thức. Nơi tứ thiền này, Phật đã khởi tác ý nhớ lại vô lượng kiếp quá khứ của mình, thành tựu tức mạng mình. Ngài cũng tác ý quan sát sự lưu chuyển của chúng sinh qua các nẻo luân hồi theo nghiệp duyên thiện ác, thành tựu thiên nhãn minh. Ngài đã búng nhổ tận cùng gốc vô minh, ngã chấp sâu thẳm nhất để thành tựu lậu tận minh. Ngài trở thành một Đấng Giác Ngộ của thế giới sau nhiều thời đại không có một đức Phật nào đã xuất hiện.

Nơi cảnh giới chứng ngộ niết bàn tuyệt đối này, không gian vô biên dường như chỉ là một điểm, nhưng ở đâu vẫn là ở đấy không lẫn lộn với nhau. Ví dụ Trái đất và sao Hỏa cách nhau 60 ngày bay; nhưng với cái nhìn của Phật thì hai chỗ đó chỉ là một, nhưng vẫn không lẫn lộn với nhau.

Thời gian vô tận cũng như chỉ là một điểm nơi Niết bàn này, dù vẫn không lẫn lộn với nhau. Ví dụ thời điểm cách đây 5 ngàn năm văn minh Ai cập với bây giờ cũng như là đồng thời, dù vẫn không lẫn lộn với nhau.

Thiền sư Mật Ấn nói một thiền ngữ rất thú vị về ý niệm này rằng: "Ai cũng biết một giọt nước gieo vào hồ to, mấy ai biết cả đại dương gieo vào giọt nước."

Chúng ta gượng gạo trình bày một phần nào để cảm nhận được tâm chứng vĩ đại của Phật, để thấy cái nhỏ bé tầm thường của mình. Nếu Phật là một đại dương, mình chưa là một giọt nước; nếu Phật là ngọn cao sơn, mình chưa là hạt bụi nhỏ. Vì vậy lòng tôn kính Phật bao nhiêu cũng không đủ.

Có một chú cư sĩ là giáo viên cấp 3 phổ thông trung học, mùa hè rảnh rỗi đến ngôi chùa quê vắng vẻ để công quả tu hành. Sau này gặp một tu sĩ khác, chú than rằng vị thầy trụ trì tại ngôi chùa quê đó không tinh tấn tu hành bằng chú vì từ khi có chú, thầy đó thường xuyên để chú công phu bái sám một

mình. Người tu sĩ kia bèn vực chống chế rằng tại vì quý thầy tu từ nhỏ tụng kinh tụng Phật nhiều quá rồi nên bây giờ nghỉ ngơi chút đỉnh có sao đâu. Thật ra đó chính là nhược điểm của người xuất gia, vì không đủ lòng tôn kính Phật nên tự cho rằng lễ Phật bấy nhiêu năm là đủ rồi. Dù cho chúng ta có lễ Phật muôn ngàn kiếp cũng không tôn vinh hết được thánh tính vĩ đại của Phật. Chính vì không hiểu được thánh tính cao siêu vĩ đại của Phật mà ta đã không phát tâm thiết tha lễ bái Phật thật nhiều. Nếu không lễ bái cung kính Phật thường xuyên tha thiết, phước tu hành của chúng ta sẽ cạn dần. Người xuất gia mà hết phước thì sẽ bị hoàn tục. Còn giữ được màu áo tu, còn được người quý trọng vì còn phước; nếu hết phước thì mọi chuyện đó chấm dứt.

Điều gì làm cho chúng ta hết phước?

Lúc mới vào chùa công quả tu hành, chúng ta tích lũy phước bằng cách tôn trọng sư trưởng, nhu thuận huynh đệ, siêng năng công quả, tinh cần lễ bái. Nhờ nhiều công hạnh đó mà chúng ta tăng trưởng được phước duyên tu hành, giới lập bước lên. Nhưng ngày nào đó mà những công hạnh đó yếu dần, nghĩa là không còn sư trưởng cho ta tôn kính, không còn sư huynh cho ta nhu thuận, không siêng làm các việc công đức Phật sự, thờ ơ với việc lễ bái kính Phật, thêm vào đó là hưởng thụ sung sướng, thích được cung kính, kiêu căng tự đại vân vân... thì phước xưa đang từ từ cạn dần.

Ngày nào đó mà phước làm tăng đã hết thì chúng ta bị hoàn tục. Trước khi hoàn tục người này bỗng nhiên cảm thấy không còn ưa thích đời sống xuất gia, ý nghĩ rời bỏ đời sống xuất gia khởi lên trước.

Giống như Chư Thiên ở cõi trời khi sắp bị hết phước cõi trời để sinh xuống cõi người cũng có những dấu hiệu hiện ra như vòng hoa trang sức bị héo, hương thơm nơi người hết, hào quang nơi thân mất, thân cảm nghe bệnh, đặc biệt là cảm thấy chán thiên giới, muốn đi về một nơi khác. Chính ý nghĩ chán thiên giới thúc đẩy vị đó mất thọ mạng cõi trời và sinh về cõi người. Người xuất gia cũng vậy, khi phước làm Tăng sắp hết, sắp sửa hoàn tục, tự nhiên trong lòng cảm thấy chán làm người xuất gia. Trước kia khi phước còn thì thấy màu áo này thiêng liêng, dù chết cũng bảo vệ màu áo này tới cùng, dù chết cũng sẽ mang màu áo này mà chết. Đến khi phước làm Tăng hết thì lại nghĩ khác, cho rằng người đã thông hiểu đạo lý thì đâu chấp gì màu áo, để tóc hay cạo trọc cũng vậy thôi, ăn mặn ăn chay cũng vậy thôi. Thế là trở thành cư sĩ hời nào không hay.

Người như thế dù trong tâm cứ cho rằng mình tự tại theo Chân tâm Phật tánh vốn không hình không tướng, không tới không lui, nhưng trên hình thức thì người này đã hết phước làm Tăng. Bây giờ người này có bướng bỉnh cãi rằng phước tội cũng là không thì lập tức mắc thêm một lỗi nặng nữa là bài bác Nhân quả! Tội bài bác Nhân quả thì dễ đọa làm súc sinh.

Vì vậy chúng ta hãy siêng năng lễ kính Phật, chúng ta hãy hiểu rằng tâm Phật luôn luôn phủ trùm che chở chúng ta trong từng giây từng phút. Mỗi ngày chúng ta lễ Mười Phương Phật, nhưng đừng nghĩ là Phật ở rất xa trong mười phương cõi nước nào đó. Ngay khi ta hướng tâm tôn kính Phật thì lập tức sự cảm ứng đã xuất hiện tận trong sâu thẳm của tâm hồn ta, trong từng hơi thở của ta. Ngay khi chúng ta thành tâm cầu nguyện thì luôn luôn được Phật gia hộ. Dĩ nhiên sự gia hộ của Phật cũng tương thích với Nghiệp duyên của chúng ta. Nếu chúng ta cầu được quả báo tiền bạc thì khó vì còn phải lệ thuộc Nhân quả của mình, nhưng nếu cầu Phật gia hộ để dựng lập đạo đức, để có cơ hội giúp người, làm việc từ thiện thì rất dễ đạt được.

Ví dụ như chúng ta cảm thấy tâm mình thiếu từ bi; hãy lễ Phật và cầu sự gia hộ thì 2tự nhiên tâm từ bi dễ xuất hiện hơn. Hoặc khi ta chí thành làm một Phật sự lợi ích cho mọi người nhưng gặp trở ngại; hãy lễ Phật cầu nguyện và ta sẽ thấy sự gia hộ của Phật giúp mình vượt qua khó khăn.

Chúng ta hãy thấy một cách xác quyết rằng cuộc đời của mình, thân tâm của mình xin cúng dường Phật, là thuộc về Phật. Hãy thấy rằng từng bước đi, từng ý nghĩ, từng lời nói này là của Phật, từ nay không có gì là của mình hết. Nếu ai đạt được điều này thì duyên phước đối với Phật Pháp là bất thoái chuyển.

Đa số chúng ta vẫn còn hời hợt, ít có cảm nhận được Phật luôn hiện diện bên cạnh mình trong từng phút giây của cuộc sống. Sự nỗ lực của bản thân là điều lành để gây nhân, nhưng chấp vào bản thân hoàn toàn cũng là kiêu mạn. Phải biết rằng sự cảm ứng của Phật luôn phủ trùm cho chúng ta.

2. Thực hành lễ kính Phật:

a) Lễ Phật:

Nội dung nào rồi cũng phải biểu hiện ra hình thức; tấm lòng nào rồi cũng phải biểu lộ ra hành động. Cũng vậy, lòng tôn kính Phật phải được bày tỏ bằng công hạnh lễ kính mỗi ngày. Hạnh lễ kính Phật phải được duy trì suốt đời suốt kiếp, và sẽ tạo thành công đức cho chúng ta hết kiếp này sang kiếp khác.

Mỗi ngày chúng ta nên có thời lễ Phật cá nhân. Vì sao? Bởi vì, khi lễ Phật chung với đại chúng ta dễ bị phân tâm do phải để ý hòa theo mọi người trong lời tụng và cử động nên không dồn hết tâm thành. Còn khi lễ Phật một mình, không bận tâm vì nghi thức, chúng ta dễ dàng dồn hết tâm thành để tôn kính Phật vô lượng vô biên. Cũng có thể nhiều người cùng lạy chung trong chánh điện rộng, nhưng mạnh ai nấy lạy, không bận tâm hòa theo nhau, để dành trọn tâm thành. Còn khi vào khóa tụng niệm chung thì vẫn theo chúng để lễ tụng như thường.

Ngay cả cư sĩ cũng phải có thời lễ Phật mỗi ngày để tăng trưởng phước duyên. Cư sĩ cũng phải siêng năng lễ Phật chứ không được coi thường. Nhà

cư sĩ cũng phải thiết trí bàn Phật nơi mà mình có thể lễ lạy được; chứ đừng để bàn thờ ở trên cửa buồng đi ra vào phía dưới. Góc thờ Phật phải tương đối tách rời với sinh hoạt hoặc tiếp khách để việc thờ cúng được trang nghiêm và việc lễ bái được thanh tịnh. Không nên chỉ thắp nhang rồi gõ chuông vài tiếng là coi như xong bốn phận.

Chẳng những người cư sĩ biết tu mà còn phải cưỡng bách con mình cùng tu theo để gieo duyên với Phật Pháp cho nó. Tại sao chúng ta phải bắt buộc con cái mình tu theo? Vì con trẻ không hề tự biết điều gì đúng điều gì sai. Ngay cả như việc học văn hóa khi đến tuổi đi học cũng vậy, nếu để cho con trẻ tự giác thì chắc chắn chẳng đứa trẻ nào chịu đến trường. Cha mẹ cũng phải dỗ ngọt, răn đe, cưỡng bách rồi mới đưa trẻ đến trường được.

Phật Pháp cũng vậy, nếu không bắt buộc thì con trẻ cũng chẳng biết đạo đức nhân quả là gì. Và đó sẽ là cái tội của cha mẹ đã không hết trách nhiệm đối với con cái. Sau này lớn lên chúng hư hỏng thì cha mẹ cũng phải chịu tội một phần. Do đó một gia đình đạo Phật gương mẫu phải có nề nếp chặt chẽ chứ không để lỏng lẻo được.

Khi lễ Phật với lời tán thán công hạnh nào, chúng ta dần dần sẽ thành tựu công hạnh đó.

Núi có thể lung lay

Nhưng Người là bất động

Tâm bình an của Người

Còn hơn cả hư không

Rất nhỏ nhiệm sâu mầu

Đến tận cùng tuyệt đối

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật (1 lạy)

Cứ chí thành lễ bái như vậy tự nhiên một thời gian sau tâm chúng ta trở nên bất động vững vàng trước ngoại cảnh. Ca ngợi Phật điều gì, ta sẽ thành tựu điều đó nơi chính mình. Nhiều gia đình cư sĩ cùng nhau lễ lạy như vậy rồi cũng thấy có nhiều điều tốt đẹp xảy đến cho họ. Đó là những kết quả phụ ngoài mục tiêu chính là thành tựu đức hạnh.

Có những đứa trẻ vốn là học sinh kém, nhưng sau một thời gian chuyên cần lạy Phật như thế bỗng trở nên học sinh khá hơn, làm toán làm văn dễ dàng hơn khiến cho cha mẹ rất vui mừng. Chúng cũng bớt nghịch ngợm quậy phá làm cho cha mẹ vui mừng hơn mong đợi. Chư Phật quả thật rất nhiệm mầu, rất từ bi. Chỉ vì chúng ta không đủ lòng tôn kính, không làm tròn bốn phận nên không nhận được những điều tốt đẹp. Nếu chúng ta siêng năng lạy Phật thì điều tốt lành chắc chắn sẽ đến với chúng ta.

Khi lạy Phật chúng ta nên phát những lời nguyện kèm theo chứ đừng lạy suông. Ví dụ, nếu thấy mình kém tinh tấn, hay vin vào có này có kia để bỏ một thời ngồi thiền, chúng ta nên lạy Phật phát nguyện cầu tinh tấn: Xin cho

con được dưỡng dưỡng tinh tấn, dù gặp khó khăn trở ngại cũng không bao giờ thoái tâm, dù trong hoàn cảnh nào con vẫn siêng năng tu tập để thành tựu được đạo quả. Rồi một thời gian sau tự nhiên ta tỉnh tấn rõ rệt không ngờ. Chúng ta phát nguyện chừng 3 năm như vậy thì lời nguyện đó đã trở thành xương thành tủy, thành chủng tử cho nhiều kiếp về sau. Sau đó ta không phát lời nguyện đó nữa để phát qua lời nguyện khác, nhưng lời nguyện tinh tấn vẫn tồn tại mãi không hết.

Trừ một trường hợp xảy ra làm chúng ta mất thiện nhân tinh tấn là sau này chúng ta có chê bai ai không tinh tấn, chê với lòng khinh ghét thiếu từ bi thì cái nhân tinh tấn của ta mới từ từ mất dần. Chê ai cái gì, chúng ta sẽ giống như thế.

Thế thì phát những lời nguyện khác là làm sao?

Đó là do có tu hành chúng ta mới phát hiện ra những nhược điểm còn tồn tại nơi chính mình. Nếu không chịu khó tu hành, chúng ta chẳng thấy mình có lỗi làm gì cả. Càng tinh tấn tu hành, chúng ta sẽ càng thấy ra nhiều lỗi mà trước đây mình không thấy.

Ví dụ như một hôm chúng ta chợt phát hiện ra mình thiếu lòng từ bi nên phát nguyện từ bi: con nguyện trái lòng thương yêu đến tất cả chúng sinh, kẻ cả kẻ oán thù; xin cho con thương yêu cả những người tội lỗi, những người xúc phạm đến con... Cứ cầu nguyện như vậy mãi thì khoảng 3 năm sau chúng ta tự nhiên sẽ trở nên người rất từ ái. Có những người trước kia ta ghét, bây giờ không ghét nữa; có những người trước kia ta khinh, bây giờ không khinh nữa. Bây giờ với lòng từ bi, chúng ta nhìn những người thiếu phước hay thiếu nhân cách bằng con mắt khác, không khát khe hẹp hòi như trước nữa. Chúng ta biết những người đó cũng đã gây nghiệp không lành nên bây giờ kém giá trị như thế, dễ bị người khác khinh thường. Nhưng nhờ có lòng từ bi, chúng ta vẫn thoát khỏi cái nghiệp của họ để vẫn thương họ. Một người đàn ông nghèo khổ đến xin cơm ăn lúc quý thầy đang ăn cơm. Có thầy bực mình vì biết người đàn ông này kém nhân cách, bê tha rượu chề nên lâm vào hoàn cảnh ngày nay. Một thầy khác vẫn bảo chú đệ tử xới cơm cho ông, và quay lại bảo các thầy khác rằng: “Mình tu ở chùa thì sẽ có nhiều chúng sinh đến làm phiền mình lắm. Nhưng dù sao thì cũng phải ráng bình tĩnh mà thương họ.”

Thật ra người đã thiếu phước thì thế nào cũng có nhược điểm này nọ. Nếu không có nhược điểm thì đã không thiếu phước. Nhiều đoàn cứu trợ ủy lạo của các chùa đến tặng quà cho những đồng bào nghèo, than rằng có những người đã nhận quà rồi nhưng vẫn tìm cách đi vòng lại để nhận thêm làm thiếu phần của người khác. Chúng ta phải hiểu những điều đó để mà đừng bao giờ khởi tâm ghét họ.

Muốn thương được những người gian người xấu thì tâm từ bi phải lớn lắm,

mà muốn tâm từ bi lớn thì chúng ta phải lễ kính Phật, ca ngợi lòng từ bi của Phật.

Chúng con sống yên vui
Trong từ bi của Người
Ngập tràn như không khí
Trùm phủ khắp muôn loài
Thứ tha và độ lượng
Bao la và gần gũi...
Người cao cả thiêng liêng
Người bao la vời vợi
Mà chúng con nhỏ bé
Tâm thường và tội lỗi

Thật ra lòng từ bi không phải dễ khởi. Chúng ta phải nương vào công đức, sự gia hộ và uy lực của Phật mới có thể khởi lên tâm từ bi lớn. Chúng ta vừa chân thành phát nguyện, vừa chí thành lễ kính Phật thì tâm từ bi sẽ dần dần xuất hiện. Một vị Bồ tát cũng phải trải qua rất nhiều kiếp huân tập đại nguyện chứ không phải vài ba mươi năm có thể thành tựu được.

Trong suốt đời tu hành, một người phải phát dần dần rất nhiều lời nguyện. Một số lời nguyện được phát qua vài ba năm, đến khi thâm sâu rồi tự nhiên những tâm nguyện khác lại hiện ra để được phát tiếp. Những lời nguyện đó chính là sự định hướng cho sự tu hành của chúng ta trong vô lượng kiếp sắp tới.

b) Khi tọa thiền:

Khi bắt chân lên ngồi Thiền cũng vậy, trước hết chúng ta chấp tay tác ý tâm nguyện tôn kính Phật vô lượng vô biên. Kế đến cầu Phật giữ gìn cho mình đi đúng đến mục tiêu vô ngã.

Chúng ta nói thêm một chút về mục tiêu vô ngã này. Ai tu thiền cũng mong nhiếp được tâm vào định. Nhưng tâm có định rồi, hết vọng tưởng rồi, vô niệm rồi vẫn còn là si định vì cái định đó không có định hướng. Khi có định, tâm người này rất rỗng rang sáng tỏ; nhưng vẫn bị gọi là si định vì thiếu định hướng. Tại sao? Tại vì nếu không có định hướng rõ rệt về mục tiêu vô ngã, định lực sẽ tự nhiên làm phát sinh thần thông, kiến giải. Lúc đó hành giả âm thầm tự cho mình tài giỏi hơn người. Tuy có định mà tâm kiêu mạn vẫn phát triển, và còn phát triển mạnh hơn cả người thường. Rồi chính sự kiêu mạn thái quá này lại làm phát sinh những quan điểm kỳ cục sai lầm nổi tiếp, khiến hành giả trở thành tà lúc nào không hay.

Nếu ngày nào đó chúng ta tu thiền và nhiếp được tâm vào an định rỗng rang sáng tỏ, rồi cứ nắm giữ, an trú trong cái trạng thái đó mãi thì vẫn bị gọi là si định vì không biết hướng về mục tiêu vô ngã. Chúng ta phải hiểu rằng dù một người có chứng được đại định phi phi tưởng có thần thông đi xuyên qua

vách vẫn còn bản ngã. Bản ngã còn thì một trong hai trường hợp có thể xảy ra, hoặc vị này tích lũy tiếp công hạnh để chứng tiếp diệt tận định để chấm dứt hoàn toàn chấp ngã, hoặc vị này tự mãn kiêu mạn để lúc nào đó thoái đọa trở lại.

Vì vậy, để tránh sai lầm đáng tiếc, dù đang an trú trong định, chúng ta phải biết bản ngã chưa hết, chúng ta vẫn phải nhắm đến mục tiêu vô ngã. Định với mục tiêu vô ngã, đó là chánh định. Và chánh định thì chắc chắn sẽ đưa đến giải thoát.

Chúng ta cũng phải cẩn thận với quan điểm tự tôn vinh cái tâm an định, rộng rang sáng tỏ đó là cao siêu, là đồng với Phật, là tự tánh vân vân, vì như vậy vô tình tôn vinh luôn bản ngã nằm ẩn núp trong đó. Và bản ngã sẽ phát triển. Chúng ta nên nhớ rằng bản ngã ẩn núp rất sâu kín, niệm tưởng không còn mà bản ngã vẫn còn. Phải hết sức cẩn thận không được chủ quan.

Khi ngồi thiền, ta phải xác định mục tiêu vô ngã rõ ràng, phải cầu Phật gia hộ cho ta đi đúng hướng vô ngã như thế.

c) Trong mọi công việc:

Có 2 cực đoan mà người tu chân chính phải tránh. Một là chỉ cho tự sức mình là đủ, rồi đi dần đến chủ quan kiêu mạn; hai là lúc nào cũng cầu xin lệ thuộc vào thần thánh mà không biết nỗ lực tinh cần, rồi đi dần vào mê tín bực nhược.

Trung đạo đúng nghĩa là vừa nỗ lực bản thân nhưng vẫn khiêm hạ nương nhờ công đức của Phật. Và trung đạo thì luôn luôn đem lại kết quả tốt đẹp. Khi nỗ lực làm việc thiện, chúng ta cũng cần phải biết cầu nguyện sự gia hộ của Phật, phải nhớ đến tâm từ bi của Phật. Đừng nghĩ mình làm điều tốt rồi cho mình là tốt và ai cũng phải lo cho mình. Đó là ý nghĩ kiêu mạn và sai lầm.

Người ngoại đạo cầu xin Thần Thánh để được hưởng quả, ví dụ như cầu được giàu sang, đỗ đạt, may mắn. Còn người đệ tử Phật cầu nguyện Phật gia hộ cho mình gieo nhân, ví dụ như cầu cho có cơ hội để giúp người, để đắp đường, để khuyến bảo người khó bảo... Đây là chỗ khác nhau giữa người tin Thần Thánh mà không tin Nhân quả, với người tin Phật và tin Nhân quả. Như bình thường một vị giảng sư trước khi lên pháp tòa phải thầm cầu nguyện Phật gia hộ. Nhưng thật ra như vậy cũng là muộn ròi. Phải cầu nguyện Phật gia hộ ngay khi soạn bài; như vậy cũng còn muộn, phải cầu nguyện Phật gia hộ từ khi nhìn thấy Phật Pháp chưa hưng thịnh, lúc mới bắt đầu biết tu. Chúng ta phải cầu Phật gia hộ cho mình giảng đúng ý Phật để chúng sinh được lợi ích.

d) Nguyên giữ gìn và phát triển Phật Pháp:

Vì tôn kính Phật, chúng ta phải phát lời nguyện quan trọng là bảo tồn và phát triển Phật Pháp. Chúng ta đã nói đến đạo Phật đang bị yếu thế, hoặc bị lui bước trước các tôn giáo khác, hoặc bị lu mờ trước sự tiến bộ của khoa học. Hôm nay chúng ta không để cho tình trạng đó kéo dài nữa. Chúng ta phải sao để cho đạo Phật được phục hưng trở lại, mạnh mẽ lại, lan tràn trở lại, phải làm sao để nhiều người biết được Chánh pháp.

Chúng ta đã khẳng định đạo Phật là chân lý, là lợi ích vô lượng cho chúng sinh thì chúng ta không có quyền thụ động để cho đạo Phật suy yếu, mà ngược lại, chúng ta phải nỗ lực bằng mọi cách làm cho mọi người biết tới Phật Pháp, làm cho Phật Pháp đến với mọi người.

Chính sự nhu nhược thụ động của quý Thầy Cô lây lan sang các Phật tử khiến cho Phật tử cũng chỉ biết lo tu hành cho bản thân mình mà không hề lo giáo hóa cả nhà cùng theo Phật. Công đức Phật hóa gia đình của cư sĩ rất là yếu. Một người biết đạo thường không đủ mạnh mẽ khiến mọi người trong gia đình biết đạo theo. Sự nhu nhược thụ động đó phải được hiểu là xuất phát từ quý Thầy Cô. Cứ mỗi người thụ động một chút là đủ để Phật Pháp suy tàn. Thái độ đó bây giờ không được phép tồn tại nữa.

Trong thời đại mới này, người tu sĩ phải vừa tinh tấn hành thiền tu tập cho chính mình, vừa nỗ lực giáo hóa chúng sinh. Cả hai công hạnh đều phải được thực hiện nhiệt thành như nhau, không được thiên lệch bên nào, cũng như không được lười nhác cả hai.

Chúng ta cũng hay nghe ca ngợi sự thực hành thiền định trong cô tịch của những ẩn sĩ dấu mình trong rừng sâu núi thẳm hay khép cửa một mình trong am vắng. Những hình ảnh đó quả thật đáng kính, vì chỉ có một nội tâm rất bình an mới chịu đựng được cái cô đơn vây phủ. Nhưng chúng ta hiểu lầm để cho rằng hễ là tu theo đạo Phật thì phải tránh mọi người để ở yên một mình.

Thật ra Phật hay các thiền sư ca ngợi các ẩn sĩ độc cư là để tôn vinh khả năng thiền định của vị đó đã đạt được mức độ lắng sâu đủ để thắng được cảm giác cô độc chứ không phải Phật và các thiền sư chủ trương một đạo Phật trốn tránh cuộc đời. Chúng ta phải hiểu rằng luật Nhân quả chi phối mọi điều hết sức công bằng và kỹ lưỡng. Khi ở một mình, lo cho bản thân mình, không bận tâm lo cho ai thì đương nhiên chúng ta sẽ không có phước, không tạo thêm được phước mới, cũng có nghĩa là mất phước từ từ.

Đó là lý do tại sao có nhiều vị nhập thất 20 năm ra rồi tâm hạnh tầm thường hơn hồi mới vào thất, đời sống cũng khó khăn chật vật hơn, tâm linh cũng chẳng có gì khả quan, đôi khi còn kém hơn ngày trước. Chỉ vì người như vậy không có phước tích lũy đời trước nhiều, đời này không khéo léo tạo thêm phước mà lại trốn trong thất vắng hưởng thọ sự dâng cúng nuôi nấng của người trong thời gian quá dài, nên cuối cùng phước cạn!

Tâm linh có thể tiến được là do sự đóng góp quan trọng của phước, bên cạnh nhiều yếu tố khác như tinh tấn, phương pháp vân vân... Hiểu được điều này chúng ta phải vừa siêng tu vừa lo làm lợi ích chúng sinh. Hai điều đó sẽ hỗ trợ nhau rất kỳ diệu. Chúng ta cứ tưởng việc gây tạo công đức khiến chúng ta bận tâm và bất an khó nhiếp tâm. Không ngờ rằng càng bận tâm làm phước chừng nào thì khi ngồi thiền tâm lại yên nhiều hơn chừng nấy. Nếu chúng ta chỉ lo tu mà không lo giúp người thì không có phước để tiến xa. Nếu chúng ta chỉ lo giúp người mà không lo tu thì sẽ không có đạo lực để ứng xử mọi điều, nhất là khi gặp rắc rối nghịch cảnh. Vì vậy, muốn tu giỏi thì phải lo giáo hóa chúng sinh; muốn giáo hóa chúng sinh thì cũng phải lo tu cho giỏi.

Thế kỷ tới nhân loại cạnh tranh kinh khủng. Mọi giá trị lý thuyết đều bị đem ra đối chiếu so sánh lẫn nhau để xem cái nào hợp lý nhất. Vì vậy người đệ tử Phật phải nỗ lực nhiều hơn bao giờ hết để phát huy Phật Pháp. Chúng ta phải xét trong 24 giờ của một ngày chúng ta làm và tu như thế nào, giờ nào tu, giờ nào giúp người; có giờ nào bị bỏ trống lãng quên hay không. Nếu có giờ bị bỏ trống là ta có tội với Phật Pháp đó.

Nghiệp duyên cho chúng ta cuộc đời với những tháng ngày rộng dài như thế để ta sử dụng thật đúng. Nếu bỏ trống thời gian, chúng ta cũng sẽ mang tội giống như chúng ta đã phí phạm đổ bát cơm vào thùng rác, hay phí phạm xé bỏ quần áo lạnh lặn cho vui. Phí phạm cơm áo thì sau này chúng ta mắc quả báo là không có cơm ăn áo mặc; phí phạm thời gian thì sau này chúng ta mắc quả báo là không có thời gian nữa, nghĩa là không được quyền sống lâu nữa.

Người biết quý thời gian thì ngay cả lúc mệt mỏi nằm nghỉ cũng lặng lẽ nhiếp tâm chứ không suy nghĩ vẩn vơ bậy bạ. Còn khi khỏe khoắn thì ngồi dậy bắt chân ngồi thiền; buông chân xả thiền ra thì đi làm việc cho đại chúng, thừa sự Sư trưởng, phụ giúp huynh đệ. Có những huynh đệ đã được thầy cho phép đi ra ngoài làm việc sớm thì mình ở chùa cũng tìm cách hỗ trợ ngấm ngấm để Phật sự của huynh đệ thuận lợi hơn.

Việc ăn uống cũng không được coi thường, phải tương đối đủ chất để có sức khỏe làm việc đạo. Ăn uống thiếu thốn khiến cho thân thể yếu đuối cũng là có lỗi với Phật Pháp. Chúng ta cần một thân thể khỏe mạnh để tu hành và lo cho Phật Pháp mai sau.

Mong sao 20 năm sau, mỗi người chúng ta đều đã góp phần làm cho Phật Pháp đến với rất nhiều người trên Trái đất này.

3. Dấu hiệu của công đức:

Sau một thời gian dài chịu khó lễ kính Phật, chắc chắn chúng ta sẽ thấy xuất hiện nhiều dấu hiệu tốt lành của công đức. Tuy nhiên, chúng ta chỉ nên chú ý đến một dấu hiệu thuộc về đạo đức, đó là trí tuệ thấy được lỗi của mình.

Tại sao trí tuệ thấy được lỗi là công đức?

Từ trước đến giờ chúng ta ít nhận ra lỗi của mình, thường tự cho mình là đúng, thường tự bênh vực ý nghĩ và việc làm của mình. Chính vì không thấy được cái sai của mình nên chúng ta đã gây rất nhiều nghiệp bất thiện mà không hay biết. Hạnh phúc lớn của người hiểu đạo là thấy được lỗi của mình để dừng lại. Các vị cổ đức đã nói, Bồ tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả. Bồ tát có trí tuệ nên tránh sai lầm ngay từ đầu; còn chúng sinh phải đợi khi quả báo hiện ra khổ sở mới biết sợ.

Nhờ công đức lễ Phật nên chúng ta mỗi ngày tránh xa dần làm lỗi và nhân cách cao vọt lên rõ rệt.

Ví dụ khi trông thấy một huynh đệ phạm lỗi, nếu như trước đây thì chúng ta sẽ mắng người đó một trận nên thân; nhưng bây giờ có trí tuệ, chúng ta nhanh chóng thấy như vậy là không hay, phải nói một cách khác, cũng nghiêm khắc, nhưng từ bi, và giữ được phong cách đàng hoàng của mình. Còn vô số điều hay khác trong cuộc sống mà khi có công đức và trí tuệ, chúng ta sẽ thấy được từng chút điều sai và đúng trong từng đường tơ kẻ tóc. Sự tinh tế đó giúp chúng ta rất nhiều trong cuộc đời tu hành, và cực kỳ đặc biệt là sẽ giúp chúng ta trong việc thuyết pháp độ sinh. Một bài pháp hay là bài pháp tinh tế, kỹ lưỡng, căn kẽ, thực tế, dễ áp dụng, mới lạ bất ngờ. Mới lạ không phải vì chúng ta nêu ra vấn đề mới, mà vì chúng ta phát hiện ra những điều sâu kín dấu trong những vấn đề rất cũ.

Chắc chắn không có ai hoàn toàn đúng khi chưa chứng đạo rốt ráo. Chỉ có Phật mới thật sự không có một chút sơ hở nhỏ như Phật đã tuyên bố: Không một chúng sinh nào từ cõi trời đến súc sinh có thể tìm thấy lỗi của Như Lai. Còn những vị Thánh, những thiền sư... đều vẫn còn chưa thông suốt hết chuyện của Tam giới. Vì vậy, nếu chúng ta tu đã lâu mà thấy mình hình như không có lỗi làm gì cả, thì xin thưa rằng chúng ta đang thiếu công đức trầm trọng.

Nếu chúng ta siêng năng lạy Phật thì cứ từng ngày trôi qua, chúng ta lại phát hiện được những lỗi mới của mình. Sáu năm sau nhìn lại bây giờ chúng ta sẽ ngạc nhiên vì sao bây giờ mình sai lầm nhiều như vậy. Ngay cả một giảng sư giỏi cũng sẽ phát hiện ra trước đây mình giảng chưa hay lắm, nếu giảng sư đó có lạy Phật đều đặn. Và dĩ nhiên khi biết như vậy thì sẽ giảng hay hơn nữa.

Kết thúc bài này, chúng ta chấp tay nguyện cầu cho tất cả chúng sinh đều biết tôn kính Phật chí thành để có công đức ban đầu cho việc thoát khổ về sau.

Tâm lý đạo đức

3. TÂM TỪ

1. Định nghĩa

Tâm từ, hay thường được gọi chung là từ bi, là tình thương không điều kiện, không đòi hỏi phải được đáp trả trở lại.

Thật sự thì chữ bi có nghĩa là thương xót khi thấy chúng sinh đau khổ. Chỉ khi nào có thương yêu ai, ta mới thấy xót xa khi người đó đau khổ. Bi là dấu hiệu chứng minh có sự hiện hữu của từ nên chúng ta hay ghép chung thành từ bi. Nhưng nếu cẩn thận thì ta chỉ dùng chữ từ cho đúng bài bản chữ nghĩa. Vì tâm từ là tình thương không điều kiện nên cũng không hạn cuộc nơi một số ít người mà luôn có khuynh hướng trải rộng vô tận. Để hiểu rõ hơn về tâm từ, ta nên so sánh với tâm luyến ái của thế gian.

Tâm luyến ái cũng là tình thương yêu của chúng sinh này với chúng sinh kia, nhưng bắt buộc phải có một trong những điều kiện sau đây:

Thứ nhất, do duyên nghiệp ân nghĩa đời trước tạo thành. Chúng ta thương người nào vì trong kiếp trước ta có nợ có duyên với người đó. Ví dụ như giữa cha mẹ và con cái với nhau cũng là duyên nợ qua lại mới tạo thành.

Trong đó, cha mẹ mắc nợ người con nào nhiều sẽ cảm thấy thương yêu người con đó hơn. Trong số những bạn bè huynh đệ mà ta gặp gỡ trong cuộc đời cũng vậy, không phải ai ta cũng có thiện cảm đều như nhau mà là người thì ta thương nhiều, người thì ta thương ít. Đó là vì duyên giữa mọi người với chúng ta không đồng.

Ân nghĩa đời trước sẽ tạo thành tình thương yêu đời này rất rõ rệt. Ví dụ như ta chịu ơn ai nhiều từ kiếp trước vì người đó đã ưu ái ta, giúp đỡ ta nhiều.

Đời này gặp lại, tự nhiên ta thấy thương mến người đó một cách không giải thích được và cứ muốn giúp đỡ ân cần. Người kia thì thấy bình thản vì họ thi ân chứ không chịu ơn. Chúng ta chịu ơn thì cứ bị một tình cảm thúc đẩy trong tâm để phải muốn làm cho người đó vui. Cho nên ta thấy rằng tình cảm thế gian chỉ là hư ảo, chỉ là trung gian làm chất xúc tác để chúng sinh trả nợ lẫn nhau chứ không có thật. Tình thương yêu thế gian rất mong manh, nợ trả hết rồi thì thương yêu cũng hết. Khi thương nhau, ta cứ tưởng tình thương đó sẽ bền vững lâu dài, nhưng rồi “thế rồi cuộc đời là, những cuộc tình chia xa, đi lạc vào những phía không đường về...”

Tình thương yêu nam nữ là đại biểu mãnh liệt nhất cho loại tình thương thế gian này. Tình yêu nam nữ là mãnh liệt nhất nên cũng ích kỷ nhất. Trước hết khi yêu, ai cũng nghĩ rằng tình yêu đem lại cho ta hạnh phúc vì cảm xúc của tình yêu rất cháy bỏng. Xưa nay không biết bao nhiêu thơ, văn, nhạc, tranh, tượng ca ngợi tình yêu. Tình yêu nam nữ và sáng tác nghệ thuật gần như bất khả phân ly vì những cảm xúc tình yêu giúp nghệ sĩ cảm hứng để sáng tác.

Nhưng đến khi tình yêu tan vỡ thì người ta mới biết đó là đau khổ nhất. Vì sao, bởi vì bản chất của tình yêu là ích kỷ nhất nên nó cũng gây ra đau khổ nhất.

Triết gia Schopenhauer nói: “Chỉ có những triết gia mới có thể sống hạnh phúc trong hôn nhân, nhưng tiếc rằng một triết gia thật sự thì không chịu lấy vợ.”

Cuộc sống gia đình rất phức tạp, vợ chồng đòi hỏi sự săn sóc ân cần từng li từng tí. Yêu cầu của tình yêu rất cao nên hầu hết không ai đáp ứng được đầy đủ. Chỉ có những người rất thông minh và rất đạo đức mới đáp ứng nổi.

Người vừa thông minh vừa đạo đức đó, Schopenhauer gọi là triết gia.

Người ta gặp nhau rồi có tình cảm với nhau, rồi thích nhau gì đó chứ không thật là có tình yêu. Tình yêu thật sự rất mạnh và đòi hỏi sự ứng xử khéo léo để được bền vững lâu dài, để kềm chế sự ích kỷ của mình lại. Sự ích kỷ trong tình yêu rất dữ dội mà bộc lộ rõ nhất là sự ghen tuông. Khi ghen tuông, người ta có thể đánh, giết, tạt acid... đủ màn ác độc. Vì ích kỷ nên người ta cũng đòi hỏi lẫn nhau, trói buộc lẫn nhau, ghen tuông với nhau, hành hạ lẫn nhau.

Để sống êm ấm hạnh phúc trong gia đình phải là những triết gia thông minh và đạo đức. Nhưng như Schopenhauer nói, triết gia thì không chịu lấy vợ.

Đa phần người ta sống không hạnh phúc trong hôn nhân. Trong một cuộc thăm dò ý kiến, nhiều cụ già đã lắc đầu ngao ngán về cuộc sống hôn nhân đã qua của mình. Tình yêu quả thật là một cái gì hư ảo mong manh!.

Giai đoạn đầu ở tuổi còn xuân , do bản năng của tuổi trẻ nên người ta bỗng bột hăm hở và tưởng rằng tình yêu là hạnh phúc nên tìm đến với nhau với hy vọng rằng cuộc đời còn lại ở bên nhau sẽ tràn đầy hạnh phúc. Nhưng khi đến với nhau được rồi thì những chuỗi ngày còn lại từ từ chỉ là hành hạ, là nỗi khổ, giận hờn, bất mãn cho nhau .

Người có phước xuất gia là người thoát được cảnh ngục tù trá hình của hạnh phúc hôn nhân. Tình yêu và hạnh phúc hôn nhân làm tăng dần sự ích kỷ trong lòng con người. Vì ích kỷ, người ta lại làm khổ nhau. Do đó, muốn cho hôn nhân bớt đi phiền toái rắc rối, người ta nên bớt đi sự ích kỷ đòi hỏi lẫn nhau mà nên cùng có chung một mục đích cao cả nào đó để hướng về. Ví dụ như nếu hai vợ chồng cùng có chung lòng mến mộ Phật Pháp thì tự nhiên sẽ thấy đầm ấm nhẹ nhàng hơn. Nhiều cặp vợ chồng đã tìm lại được sự hàn gắn khi cả hai cùng tìm đến với Phật Pháp.

Hạnh phúc chỉ đến từ lòng vị tha chứ không đến từ sự ích kỷ. Khi đến với Phật Pháp, hai người cùng tu tập tâm vị tha và tự nhiên mọi chuyện tốt đẹp dần.

Tình thương yêu là hệ quả của ân nghĩa đời trước. Tình yêu nam nữ là biểu hiện rõ nét nhất cho điều này.

Khi gặp gỡ thương mến người nào, chỉ bởi vì chúng ta có duyên nợ đời trước. Đến khi trả xong nợ cũ, tình yêu cũng biến mất mà không ai biết tại sao.

Ngay như các tu sĩ cũng vậy, được các tín đồ ưu ái quý mến, cũng đừng nghĩ rằng bởi vì mình có ưu điểm nào đó như giảng hay, đạo cao đức trọng, hay ngoại hình khả kính. Tất cả cũng vì có duyên nợ ân nghĩa kiếp trước với nhau. Nếu ân nghĩa sâu dày thì gắn bó với nhau bền chặt; nếu ân nghĩa ít thì sẽ vì một lý do lãng nhách nào đó để xa nhau.

Hiểu được điều này, chúng ta bình thản trước thương ghét của cuộc đời, vì nó không thật, chỉ là duyên nợ đời trước. Điều mà ta phải bận tâm chính là kết duyên lành với mọi người để cùng tiến tu.

Thứ hai, chúng ta thương vì huyết thống, như cha mẹ, anh chị em... Nói là huyết thống, thật ra cũng là duyên của những đời xưa bây giờ mới thành gia đình ruột thịt. Tình gia đình được kết thành do những tháng ngày chung sống đỡ đần lo lắng tương trợ nhau mà thành. Nếu sống chung trong một gia đình mà không lo lắng cho nhau thì tình nghĩa cũng không có.

Thứ ba, chúng ta thương vì người kia đem đến cho ta cảm giác hạnh phúc.

Một lần trong lúc vui đùa, vua Pasenadi hỏi hoàng hậu Malika:

- Ái khanh thương ai nhất?

- Dĩ nhiên thần thiếp thương hoàng thượng nhất trên đời.

Vua đang vui thích thì hoàng hậu lại nói tiếp:

- Nhưng nếu hoàng thượng cho phép nói thật mà đừng giận thì thần thiếp xin nói lại cho đúng hơn.

- Cứ nói thật.

- Thật ra thần thiếp thương thần thiếp nhất.

- Sao kỳ vậy, mình mà thương mình?

- Đó là sự thật, trên cuộc đời này, người ta chỉ thương chính mình. Nếu có thương ai cũng chỉ vì người đó mang lại hạnh phúc cho mình. Cũng vậy, vì hoàng thượng đem cho thiếp vinh quang, giàu sang, hạnh phúc nên thiếp mới yêu hoàng thượng. Chứ nếu hoàng thượng là kẻ ăn mày thì thần thiếp đâu có thương.

Vua nghe cũng có lý nhưng thấy phũ phàng kỳ cục quá nên đến đức Phật hỏi lại. Phật đã xác nhận lời của hoàng hậu Malika là chính xác, thực ra, con người chỉ thương chính mình.

Trên cuộc đời này, không có tình thương yêu chân thật, người ta chỉ thương ai vì người đó đem lại hạnh phúc cho mình. Ví dụ mình thương một huynh đệ nào đó vì cảm thấy người đó có thể tốt được với mình. Sau này mình thương một người Phật tử nào đó vì thấy rằng người Phật tử đó ủng hộ mình. Bản chất của tình thương chỉ là như vậy. Rồi vợ chồng cũng vậy, khi nào người chồng cảm thấy người vợ đem lại nguồn hạnh phúc cho mình là tốt.

Đến lúc nào thấy vợ mình già xấu thì người chồng sẽ bắt đầu lạc lòng ,đi tìm những cô gái khác. Tình thương yêu thế gian là vậy , không thiêng liêng, cho nên chúng ta đừng bao giờ hy vọng một cái gì trong tình cảm thế gian. Người đệ tử Phật suốt đời đi tìm lòng từ bi là chính vì đi tìm một tình thương vượt lên trên cái thường tình của cuộc đời. Tình thương đó không ích kỷ, thiêng liêng hơn, cao cả hơn.

Thứ tư, chúng ta thương ai vì người đó có ưu điểm đặc biệt nổi bật giữa nhiều người. Chúng ta muốn chiếm hữu để có được cảm giác mình cũng đặc biệt theo. Đây là quy luật tâm lý bình thường. Ví dụ như những cô gái đăng quang hoa hậu liền trở thành đối tượng theo đuổi của nhiều người đàn ông. Rồi những ngôi sao ca nhạc, ngôi sao sân khấu điện ảnh cũng là mục tiêu cho biết bao người nhắm đến. Có lần một ca sĩ nhạc rock ở Nhật chết, lập tức có 3 cô gái tự tử chết theo. Khi nghe tin diễn viên Thành Long lấy vợ, một cô gái cũng tự tử liền.

Sự hâm mộ cuồng nhiệt đến gần như điên loạn của quần chúng đối với các ngôi sao cũng là một thứ bệnh hoạn của tâm lý. Tâm lý đó cũng phiền toái ích kỷ và đầy xao động. Hiện nay trên thế giới chưa quan tâm chữa trị bệnh hoạn này, mà ngược lại, nhiều hình thức quảng cáo còn thúc đẩy sự cuồng nhiệt đó cao hơn. Những đoạn phim chiếu rừng khán giả đang quơ tay nhảy nhót kích động theo bài hát của một ca sĩ. Nhiều trẻ em xem đó là điều hay nên nói nhau bắt chước. Thế giới như là đang rối tung lên.

Chúng ta biết rằng tâm từ ngược với tâm luyến ái nên không bị duyên nghiệp thúc đẩy, không được tâm ích kỷ tạo nên, không được sự ham muốn phát sinh. Chính vì không có gì thúc đẩy tạo thành nên Tâm Từ rất khó xuất hiện. Tâm luyến ái tràn ngập trên cõi đời này vì có được nhiều điều kiện hỗ trợ. Còn Tâm Từ rất cô đơn, không có gì trợ giúp cả.

Chỉ những người cực kỳ đạo đức, cực kỳ trí tuệ, cực kỳ khát khao chân lý mới đi tìm loại tình thương không điều kiện như thế. Ngay cả nhiều người là đệ tử Phật mà còn thờ ơ với việc huân tu lòng từ, hướng hồ những người chưa bao giờ nghe đến tứ vô lượng tâm !

Tình thương bao la rộng lớn là giá trị căn bản của các tôn giáo. Tôn giáo nào không nói đến tình thương rộng lớn thì không phải là tôn giáo chân chính. Nhưng mỗi tôn giáo vẫn có đôi chút khác nhau khi nói về loại tình thương này. Hồi giáo kêu gọi thương yêu giữa những người đồng đạo với nhau, và cho phép giết người ngoài đạo. Kitô giáo theo lời Jésum thương cả kẻ thù của mình. Khổng tử cũng đề cao lòng Nhân. Chỉ đức Phật mới nói về một lòng Từ Bi thương yêu tất cả chúng sinh, đến tận cỏ cây chim thú.

Tình thương rộng lớn mà đạo Phật nhắm đến gần như tuyệt đối. Đức Phật đã đạt được tình thương như thế. Còn những ai tu theo Phật cũng sẽ phải đi theo hướng đó, về một tình thương phủ trùm tuyệt đối đến tất cả muôn loài,

kể cả cỏ cây.

Nói theo logic, tình duyên ái thuộc về tâm ích kỷ; lòng từ bi thuộc về tâm vị tha. Ích kỷ thuộc về chấp ngã; vị tha thuộc về vô ngã.

Chấp ngã sinh ra ích kỷ và duyên ái; vô ngã sinh ra vị tha và từ bi.

Vì có chấp ngã nên ta có ích kỷ. Nếu tu tập vô ngã ta sẽ được từ bi. Càng tu tập từ bi thì chúng ta càng gần với vô ngã; càng tu tập vô ngã, chúng ta càng thành tựu từ bi. Vì vậy một vị Alahán đã chứng đạt vô ngã hoàn toàn cũng là thành tựu tâm từ bi vô hạn.

Đó là một logic hết sức chặt chẽ và không thể đảo ngược. Ai hiểu rằng một vị Alahán chưa có lòng từ, người đó là tà kiến, và có thể đọa địa ngục.

Có một thời gian khi giáo lý Bắc tông phát triển mạnh ở miền Bắc Ấn độ, nhiều người đã nghĩ rằng Alahán chưa có lòng đại bi như Bồ tát. Quan điểm đó nên được điều chỉnh lại cho đúng với lời Phật dạy, và đúng với logic học hiện đại.

Từ bi và vô ngã là một, cái này hỗ trợ cái kia, cái này là bóng phản chiếu của cái kia. Nếu ta tu tập vô ngã mà chưa thấy lòng từ bi xuất hiện tức là chưa được vô ngã. Nếu ta tu từ bi mà chưa nhẹ ngã chấp tức là từ bi chưa có mặt. Chúng ta tu tập từ bi tức là cũng đi trên con đường đến vô ngã, giống như thiền định. Vì vậy người tu tập thiền định mà không tu kèm theo từ bi thì không có kết quả lớn trong thiền định được. Tâm từ bi trợ giúp cho thiền tiến nhanh hơn. Phật dạy rằng ai đi tận cùng con đường của từ bi cũng thành tựu giải thoát (Kinh TỪ, Tăng Chi).

Ngược lại, chánh định cũng khơi mở lòng từ bi. Chúng ta nhấn mạnh chữ chánh định, vì nếu tuy có sức định mà không chánh, lòng từ bi cũng không mở ra. Khi tâm ta vào được một chút định thì lòng từ bi cũng mở ra thêm một chút. Ví dụ bình thường chúng ta nhìn mọi người chung quanh một cách hờ hững. Nhưng lúc nào đó mà tâm ta lắng yên rỗng rang, tự nhiên ta nhìn mọi người với tâm thương yêu nhẹ nhàng lập tức. Khi tâm yên lắng, tự nhiên tâm đó lan ra, bao phủ rộng rãi đến mọi người mọi vật chung quanh, đến cả cỏ cây sông núi. Tình thương cũng theo đó trùm lấy muôn loài.

Đó là lý do tại sao một vị Thánh yêu cả cỏ cây một cách tự nhiên là vậy.

Chúng ta chưa bằng các vị thánh, nhưng nếu tâm có chút thiền định cũng khiến tình thương bắt đầu có mặt.

Có người nói: “một thiền sư luôn luôn là một nghệ sĩ, nhưng một nghệ sĩ thì không phải là thiền sư”.

Sở dĩ một thiền sư luôn là một nghệ sĩ vì vị đó có tình thương rộng lớn, cảm được đến cả đất trời cây cỏ, có thể biến thành cảm hứng sáng tác ra những bài thơ tuyệt đẹp. Các ngài cũng có một đời sống phóng khoáng nhẹ nhàng rất hay. Còn nghệ sĩ có nhiều tình cảm lãng mạn lai láng, rất khác với tình thương rộng lớn của thiền sư. Lối sống của nghệ sĩ cũng phóng túng chứ

không phải phóng khoáng. Những sắc thái đó tuy na ná gần nhau nhưng khác nhau. Người nghệ sĩ đi theo hướng cảm tính nên đến gần ích kỷ dần dần. Chỉ khi nào họ đi theo Phật Pháp để thanh lọc những cảm tính xao động và phóng túng thì đời họ mới bớt khổ.

Tôn giáo nào cũng đề cao tình thương rộng lớn, như chỉ trong đạo Phật mới có con đường đi rất rõ, là quán từ bi, kết hợp với thiền định phá trừ ngã chấp, rồi từ bi xuất hiện. Đức Phật và các vị Alahán chứng được vô ngã tuyệt đối rồi thì lòng từ bi phủ trùm cả vũ trụ.

Lòng từ bi của Phật luôn luôn phủ trùm chúng ta trong từng giây từng phút. Chúng ta không cảm nhận được vì cánh cửa lòng mình đóng kín quá. Chúng ta đóng cửa lòng bởi vô số ích kỷ, chấp trước, xao động, và ghê gớm nhất chính là chấp ngã nên không biết được mình luôn luôn sống trong tình thương của Phật. Chúng ta hãy nghe bài tụng quán tưởng khi tụng kinh theo nghi thức Bắc tông của Việt Nam và Trung Hoa:

Năng lễ, sở lễ tánh không tịch

Cảm ứng đạo giao nan tư nghĩ...

Năng lễ là người quý lạy, tức là đệ tử Phật chúng ta; sở lễ là người được lạy, tức là Phật. Cả hai đều cùng một bản chất huyền hóa hư vô. Tuy là hư vô nhưng không phải là hoàn toàn không có gì, mà tất cả vẫn vận hành theo luật Nghiệp báo công bằng. Phật đã chứng đạt được vô ngã tịch lặng. Nếu chúng ta cũng thâm nhập nghĩa lý vô ngã đó, tự nhiên sự cảm ứng kỳ diệu sẽ hiện bày, chúng ta sẽ cảm nhận được tình thương của Phật đang trùm phủ ôm ấp chúng ta cũng như mọi chúng sinh khác. Ngược lại, nếu chấp ngã, ích kỷ, xao động, tự đứng riêng một góc trời, tự khép cửa tâm hồn lại, chúng ta sẽ không cảm nhận được tình thương của Phật cho chúng ta.

Ví như chúng ta ngồi nhìn nhau, nếu mỗi người bận tâm chạy theo cái xao động của mình, chấp giữ bản ngã của mình, chúng ta sẽ không có được niềm thông cảm quý mến nhau, sẽ cảm nghe ngăn cách xa lạ với nhau. Ngược lại nếu mỗi người lắng tâm yên tĩnh, buông bỏ bớt ngã chấp của mình, tự nhiên sẽ nghe gần gũi thông cảm quý mến nhau hơn.

Đức Phật chứng đạt vô ngã hoàn toàn nên lòng từ bi của Ngài phủ trùm đến tất cả chúng sinh. Nhưng về phần chúng ta, nếu chúng ta chấp ngã, không thấy cái ta này là hư ảo, đóng cửa lòng của mình lại, chúng ta sẽ không thấy được tình thương yêu của Phật hiện diện nơi mình từng giờ từng phút.

Trong cuốn Tự truyện Hư Vân niên phổ, ngài Hư Vân có thuật một lần bị bệnh, ngài thấy mình lên cõi trời Đâu suất nghe Phật Di Lặc thuyết pháp.

Trong hội chúng cực kỳ đông đảo đó, Ngài gặp lại nhiều vị cao tăng lúc trước, kể cả thầy của ngài là hòa thượng Kính Dung. Nói chung là những vị tu hành chân chính khi mất đều lên cõi trời Đâu suất.

Hòa thượng Kính Dung chỉ Ngài ngồi vào một cái tòa còn trống, bên cạnh

tôn giả Anan. Điều lạ là ngài Anan từ thời đức Phật bây giờ vẫn còn theo phò Phật Di Lặc trên cung trời Đâu suất.

Chợt Phật Di Lặc dừng giảng chỉ ngài Hư Vân bảo: “Con còn nghiệp, phải quay về.”

Ngài Hư Vân thưa: “Con nghiệp nặng nên không muốn về nữa. Con muốn ở đây học pháp.”

Phật Di Lặc nói: “Không, con phải về vì còn nhiều việc phải làm.” Rồi Phật Di Lặc giải thích thêm cho Ngài hiểu.

Câu chuyện trên làm chúng ta cảm động về lòng thương yêu của chư Phật Bồ tát đối với chúng sinh. Cách nói chuyện của Phật Di Lặc biểu lộ một lòng từ bi nhưng cũng rất nghiêm khắc, và không bỏ sót chúng sinh nào.

Chúng ta là đệ tử Phật cũng phải học theo tâm từ bi của Phật, dù chưa thể thành tựu hoàn toàn. Mỗi ngày ta phải tu tập sao cho lòng thương yêu chúng sinh càng lúc càng lan rộng; mỗi ngày ta phải tu sao cho tình thương riêng tư giảm bớt dần dần. Trong cuộc sống đúng là chúng ta có duyên với mọi người khác nhau khiến cho ta thương hay thương người này nhiều hơn người kia. Bây giờ tu tập từ bi, chúng ta cố gắng đừng để thiên vị quá đáng.

Trường hợp người xuất gia ở trong đại chúng cộng đồng càng phải cẩn thận không nên kết thân riêng với vài ba người, phải trái lòng chan hòa chung đến với tất cả huynh đệ. Cưỡng lại duyên xưa để tránh kết thân riêng là cả một sự kềm chế lớn để cho lòng từ bi có cơ hội phát triển.

Nhà thơ Goethe có câu nói nổi tiếng: ”Đứng trước một bộ óc vĩ đại, tôi cúi đầu; nhưng đứng trước một trái tim vĩ đại, tôi quỳ xuống.”

Goethe đã đại diện cho cả nhân loại để bày tỏ một nguyên lý, là đối với tài năng lớn, người ta sẽ rất nể phục; nhưng người ta chỉ thật sự tôn kính, ngưỡng mộ, thương quý đối với người có tấm lòng thương yêu rộng lớn.

Thái độ quỳ xuống nói lên mức độ bị khuất phục vạn lần so với cúi đầu.

Thật vậy, đứng trước người mà ta biết rõ là khoan dung độ lượng, ta cảm thấy có thể đem cả cuộc đời mình để nương tựa, bước theo, dâng hiến.

Người đệ tử Phật, nhất là người xuất gia, càng phải tu làm sao để trở thành suối nguồn yêu thương cho mọi người chung quanh, trở thành cây cao bóng cả cho chúng sinh nương tựa. Người thế gian mệt mỏi vì đủ thứ phiền toái khổ đau, nên muốn tìm chỗ dựa tinh thần cho khuây khỏa. Bốn phận của người đệ tử Phật là làm vơi đi nỗi khổ của cuộc đời này bằng tình thương yêu bao la như lời Phật dạy. Đến với người có tấm lòng nhân ái, ai cũng cảm thấy tươi mát dễ chịu.

Điều chúng ta cần phải chuẩn bị tinh thần trước là việc tu tập tâm từ bi sẽ rất vất vả chứ không phải nhàn rỗi dễ chịu. Ví dụ một điều rất nhỏ là phải chịu khó nghe chúng sinh kể lể nỗi niềm riêng tư đau khổ để họ được nhẹ lòng và muốn xin một lời khuyên từ người khách quan bên ngoài. Nhiều khi những

chuyện rất chán như chuyện tình cảm thương ghét giữa người này người kia, chuyện người này nói xấu, người kia phân trần. Hơn nữa là họ biết chúng ta có lòng từ ái độ lượng. Trong những trường hợp như vậy, chúng ta phải quên bản thân mình để có sự đồng cảm với họ; rồi chúng ta dùng đạo lý để đánh giá vấn đề, và tìm ra một cách giải quyết tốt đẹp giúp họ. Chúng ta phải dựa trên luật Nhân quả và những Tâm lý Đạo đức để khuyên bảo họ hành xử đúng hơn và mọi chuyện sẽ ổn thỏa.

Chưa cần phải là một giảng sư thao thao bất tuyệt trên pháp tòa, chỉ cần sao cho bất cứ ai trên đời gặp chúng ta đều tìm thấy được sự an ổn, đó cũng là công đức tu hành của một người đệ tử Phật rồi. Muốn như vậy, tất cả đệ tử Phật chúng ta phải có lý tưởng vì Phật Pháp, vì chúng sinh, chứ không thể tu hành hời hợt được. Chúng ta phải phát triển lòng từ bi thật vững chắc, mà Phật nói trong kinh Tăng Chi là phải làm cho lòng Từ trở thành căn cứ địa của tâm hồn.

Nếu tâm từ không được thiết lập, củng cố, phát triển, tâm luyện ái sẽ có cơ hội nảy nở để thế chỗ, và thế là chúng ta sẽ trở lại cách sống tầm thường như cũ nghĩa là cũng thương ghét rộn ràng, hơn thua phải quấy, bên nặng bên nhẹ... Cuộc đời chúng ta không có gì sáng sủa mà những người chung quanh ta cũng mệt mỏi rã rời. Dĩ nhiên là chúng ta đã không chứng tỏ được sự tuyệt vời của Phật Pháp cho mọi người thấy, cũng có nghĩa là chúng ta làm mất niềm tin nơi họ.

Dù chưa chứng Thánh, chỉ cần chúng ta có lòng từ bi thôi cũng đủ để sống một đời đầy lợi ích cho mọi người, và bản thân ta cũng bớt nhiều phiền toái vì thương ghét rộn ràng của thế gian, hay chính những nhược điểm của mình. Vì sao, bởi vì muốn khắc phục khuyết điểm, ngoài sự hiểu biết, chúng ta cũng cần phải có phước. Thiếu phước, chúng ta thường vấp ngã trở lại những thói hư tật xấu như xưa. Ôu đây lòng từ bi sẽ cho chúng ta cái phước đó để chúng ta vượt qua những lầm lỗi của mình.

Ví dụ như một người xuất gia, kiếp này xuất gia chứ đâu phải tất cả những kiếp trước đều xuất gia. Do đó chắc chắn rằng trong nhiều kiếp người này cũng đã từng sống đời sống gia đình có vợ chồng con cái. Biết đâu kiếp này đang tu gặp lại vợ chồng kiếp xưa. Lúc đó khó ai tránh khỏi những cảm xúc thương mến không giải thích được. Nếu không tu tập từ tâm, chúng ta sẽ bị luyện ái cũ khuấy phá mạnh mẽ. Nếu thường xuyên rải lòng thương yêu chúng sinh, tự nhiên cảm xúc cũ sẽ dễ dàng vượt qua hơn. Đó là nhân quả rất chính xác.

Phước đến với chúng ta bởi công hạnh lễ kính Phật và từ tâm. Phước này giúp chúng ta hóa giải nghiệp duyên xưa để cùng giúp nhau tu hành, và không bị luyện ái cũ lập lại. Phước đó cũng giúp ta nhiếp tâm trong thiền được dễ dàng hơn vì tâm ích kỷ bị tâm từ bi hóa giải, mà ích kỷ bớt nghĩa là

phiền não bớt, an vui thêm.

Vì lý tưởng Phật pháp, vì chúng sinh, vì đạo đức cao đẹp của Phật pháp, chúng ta không cho phép mình sống đời ích kỷ giải đãi, mà phải hết sức tu hành, nhất lòng thương yêu chúng sinh vạn loài.

2. Tu tập từ tâm:

a) Khi lễ Phật:

Tâm từ bi rất khó phát khởi tự nhiên vì không có điều gì thúc đẩy. Chỉ những người có trí tuệ mới chịu cực khổ dựng lập tâm từ bi trong lòng mình vì biết rằng phải có tâm từ bi để ta thoát khỏi sự tầm thường của kiếp người, và để ta đủ sức mạnh sống đời vị tha.

Đối với những người xuất gia thì việc tu tập từ bi còn bức thiết hơn nữa vì có công phu thực hành, chúng ta mới có sức mạnh thuyết phục mọi người cùng tu tập từ tâm. Hơn nữa, nhờ có thực hành nên chúng ta hiểu kỹ mọi ngõ ngách để có thể hướng dẫn cặn kẽ lại người sau. Nếu chúng ta chỉ nghe sao rồi nói lại như vậy, người nghe cũng chỉ nghe phơn phớt, và không quyết tâm thực hành theo.

Trước hết chúng ta phải chân thành quý trước Phật, lễ Phật, tha thiết cầu Phật gia hộ cho mình phát khởi được lòng thương yêu vô hạn đến tất cả chúng sinh. Sau đó, chúng ta tiếp tục quý đó mà quán tưởng trái lòng thương yêu khắp muôn loài. Ban đầu là cầu Phật, kế đó là tự mình làm lấy.

Tại sao việc tu hành âm thầm trong tâm cũng phải cần sự gia hộ của Phật?

Tại sao chúng ta vẫn nghe đạo Phật chủ trương tự mình thấp đuốc lên mà đi, hãy thấp lên với Chánh pháp, tự mình là chỗ nương tựa cho chính mình, đừng nương tựa với một ai cả...?

Có 2 cực đoan mà người tu hành nên tránh:

Cực đoan thứ nhất là chấp ngã, là xem mình có thật, nên chủ trương cái gì cũng phải do mình, tự mình, bởi mình, không cần ai hết. Nếu nhờ vả ai thì giống như mình bị giảm giá trị. Đây vừa là chấp ngã, vừa là tự kiêu.

Cực đoan thứ hai là nhu nhược, là y lại vào thần thánh, không chịu nhận trách nhiệm về mình. Người này trở thành nô lệ của thần linh nào đó và chỉ cầu xin sự hỗ trợ. Đây vừa là yếu đuối, vừa là lười biếng. Các tôn giáo thần quyền hầu hết bị điều này.

Để tránh 2 cực đoan đó, chúng ta có Trung đạo như sau:

Thứ nhất, hiểu rằng cái ta này không thật nên sự gia hộ giúp đỡ của chư Phật khiến ta nhanh chóng thành tựu. Tâm từ là ưu thế cần khai thác. Ta không giống kẻ tự ái sợ mất giá trị khi phải nhờ vả; ở đây ta nhờ vả Phật để thành tựu lòng Từ bi mới là giá trị cao quý thật sự.

Thứ hai, chúng ta hiểu rằng nếu không có nỗ lực bản thân thì không có điều gì thành tựu, nghĩa là mỗi người cũng phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình; do đó chúng ta phải cố gắng quán tưởng trái lòng thương yêu đến tất

cả chúng sinh.

Trung đạo có cả hai tính chất, vừa khiêm tốn nhờ sự giúp đỡ của Phật, vừa tinh cần nỗ lực bản thân.

Sự cầu nguyện ở đây không bị xem là mê tín vì chúng ta cầu gia hộ để gieo nhân chứ không phải cầu hưởng quả. Cái khác nhau giữa mê tín và chánh tín trong sự cầu nguyện là như vậy. Người mê tín cầu nguyện để được giàu sang thành đạt ngay mà không màng tới việc làm phước. Người chánh tín cầu nguyện để có cơ hội làm nhiều phước lành trước đã rồi sự giàu sang sẽ tự tìm đến.

Trong việc cầu Phật để gieo nhân lành thì nhân lành đầu tiên quan trọng nhất chính là tâm từ bi.

Chúng ta cũng nhắc lại, ý chí có 2 loại, một loại phát sinh từ công đức, và loại thứ hai phát sinh từ bản ngã. Ý chí đến từ công đức thì nhẹ nhàng và không làm phát sinh kiêu mạn; ý chí đến từ nỗ lực bản thân thì nhanh chóng tạo thành kiêu mạn.

Tâm từ bi cũng vậy, có 2 loại, đến từ công đức, và đến từ nỗ lực bản thân đơn thuần.

Ví dụ một người không tin thần thánh trời Phật gì cả, nhưng có suy nghĩ tốt rằng sống trên đời phải biết thương người, và người này hằng ngày tự nhủ riết rằng phải thương người, phải thương người... Dần dần họ cũng bắt đầu xuất hiện từ bi bác ái trong tâm. Tuy nhiên, một hệ quả phụ nguy hiểm cũng xảy ra đồng thời, đó là tâm kiêu mạn. Thật vậy, khi nghĩ rằng thương người, ta đã tự cho mình cao hơn người một bậc! Vừa thương người, vừa nghĩ mình hơn người, thật là oái oăm!

Còn nếu ở đây, ta lấy công đức lễ Phật để làm nhân lành giúp phát khởi Từ tâm, hệ quả phụ nguy hiểm kia sẽ không xuất hiện kèm theo, tuy thương người mà vẫn tôn trọng con người, vẫn không thấy mình hơn người.

b) Lúc tọa thiền:

Tu tập thiền định là chánh đạo thứ 8 trong Bát chánh đạo, nhưng Bát chánh đạo phải được tu tập đồng thời. Nhờ có thiền định giúp nội tâm yên tĩnh, chúng ta sẽ thông suốt đạo lý. Thiếu thiền định, chúng ta sẽ thiếu gần hết mọi công đức trong Phật Pháp vì tất cả giáo lý đạo Phật đều liên quan đến thiền định.

Chúng ta tu tập Từ bi trong thiền định như sau:

Trước hết, chúng ta bắt chân kiết già ngồi đúng tư thế, chấp tay niệm Phật 3 lần; nguyện lòng tôn kính Phật vô biên.

Kế đó, nguyện lòng thương yêu tất cả chúng sinh một cách tổng quát.

Rồi chúng ta trải lòng thương đến những người gần gũi chung quanh mình, như cha mẹ, anh chị em, huynh đệ, láng giềng, bạn bè, đồng nghiệp... Người xuất gia thì thương huynh đệ đồng lâm, đồng đạo. Khi quán tưởng như thế ta

mới giật mình vỡ lẽ rằng nào giờ mình chưa hề thương yêu ai chung quanh. Tuy sống chung mái chùa mà mọi người chưa hề thương yêu chăm sóc đỡ đần cho nhau, vẫn ngăn cách xa lạ thờ ơ với nhau. Chúng ta đã bỏ gia đình nhỏ bé để về đây làm thành một gia đình lớn lao hơn, cao quý hơn, nhưng cuối cùng thì tình thương không hiện hữu. Bây giờ bù lại, chúng ta phải thương yêu huynh đệ thật nhiều.

Rồi trải lòng thương yêu những người chung quanh vẫn chạm mặt mà ta không quan tâm thương mến, đôi khi lạnh nhạt thờ ơ, bây giờ phải biết thương thật sự; nhất là hàng xóm. Phải làm sao sau này, những người láng giềng nhận xét rằng người tu theo đạo Phật càng lúc càng hòa ái dễ thương, vì họ cảm nhận được tấm lòng của chúng ta đối với họ.

Tiếp theo, chúng ta nghĩ đến những người mưu hại, nói xấu, xúc phạm mình và tác ý thương yêu họ.

Sống trên đời, không ai tránh khỏi bị chỉ trích, nói xấu, xúc phạm, hãm hại... Giới tu sĩ thường hại nhau bằng lời nói công kích qua lại; người thế gian có thể hại nhau đến thân tàn ma dại, cùng đường tuyệt lộ, tù tội chết chóc... Khi bị như vậy, thói thường người ta sẽ mang tâm oán hờn thù hận. Nhưng vì chúng ta là đệ tử Phật, chúng ta phải buông xả sự thù giận đó, và hơn thế nữa, phải trải lòng thương yêu kẻ đã hại chúng ta. Nói thì dễ, nhưng khi thực hành sẽ rất khó khăn.

Có một người đã từng bị mưu hại cho tù tội do bị ganh tị trong học tập, nhưng may mắn không bị. Người này không để tâm giận hờn và bỏ qua cho vào quên lãng. Đến khi tu tập Từ tâm, nhớ lại kẻ đã hại mình, liền tác ý thương yêu, nhưng không thể nào thương yêu được. Lúc đó, người này mới biết rằng tưởng đã quên nhưng cái giận vẫn còn chìm sâu trong lòng chưa hết. Phải quyết tâm tác ý thương kẻ đó suốt mấy ngày, người này mới vượt qua được cái giận tiềm ẩn.

Vượt qua sự thù hận để thương yêu được kẻ đã hại mình là một công đức lớn vì chúng ta tránh được ý niệm trả thù trong tương lai. Còn một người nào đó để mình phải ghét thì mình chưa phải là một đệ tử ngoan của Phật. Vì vậy chúng ta phải thương yêu cho được kẻ đã ganh ghét mưu hại công kích mình.

Kể đến, chúng ta nghĩ đến vô số vong linh trong cõi giới siêu hình để tác ý thương yêu họ. Đây là một tồn tại mà thế giới phải công nhận.

Trước hết các nhà khoa học tin rằng còn nhiều hành tinh khác có sự sống trong vũ trụ này. Các phương tiện quan sát hiện nay chưa đủ để tìm thấy một cách rõ ràng một hành tinh có sự sống, nhất là sự sống thông minh nào khác trong vũ trụ. Đôi lúc họ đã bị quan cho rằng Trái đất là sự sống cô độc của Vũ trụ. Nhưng rồi những tính toán và tiến bộ kỹ thuật cho phép họ hy vọng vẫn còn nhiều hành tinh khác có sự sống, kể cả sự sống thông minh.

Trong cuốn “Mối tình bất diệt của vua Seti” kể lại câu chuyện của một ông vua Ai cập dan díu với một nữ tu sĩ. Để bảo vệ cho vua, khi bị các trưởng lão tra vấn, người nữ tu này đã tự tử. Sau này nhà vua biết chuyện nên vô cùng cảm thương. Đến khi chết, linh hồn ông mãi miết đi tìm người con gái đó. Ông lang thang đi từ cõi này sang cõi khác suốt gần ba ngàn năm như vậy. Cô bị các vị thần bắt giam trong một nơi bí mật khiến ông không thể nào tìm ra. Về sau, các vị thần cảm động trước tấm lòng của vua Seti nên đã cho cô gái đầu thai trở lại vào nước Anh. Lúc đó, vua Seti mới tìm thấy và tiếp xúc với cô dần dần. Ông có kể với cô rằng ông đã bay qua nhiều hành tinh khác; có những hành tinh chỉ có cây xanh mà không có động vật, không có người có thú nào hết. Một lần ông đến một hành tinh đã từng có sự sống văn minh, thấy nhà cửa, xe cộ, những loại xe không có bánh cũng không có cánh –nghĩa là giống như đĩa bay UFO. Nhưng tất cả đều chết khô sạch sẽ vì không còn một chút không khí nào cả. Xác người vẫn còn nằm yên tại chỗ trên xe, trên đường, trong nhà... khô héo. Ông cho rằng một vị thần nào đó đã lấy hết không khí để tiêu diệt sự sống nơi đó vì một lỗi lầm nghiêm trọng nào đó của loài người tại đây.

Từ câu chuyện trên ta thấy Vũ trụ này đa dạng vô cùng, và thế giới này phức tạp vô cùng.

Thế giới vô hình cũng rất là phức tạp. Có những chúng sinh sau khi chết sinh lên cõi trời vì lúc sống đã làm nhiều việc thiện và biết tu dưỡng tâm hồn thánh thiện.

Có những chúng sinh tội phước lẫn lộn, chưa đủ để lên cõi trời, nhưng cũng không堕 vào ác đạo, cũng chưa đủ duyên đầu thai, sẽ có một đời sống khá giống người ở trần thế này. Đôi khi họ vào chùa tu và được nhiều tiến bộ về tâm hạnh, đến khi đầu thai trở lại sẽ là người có nhiều thiện duyên. Thời gian họ tồn tại ở cõi âm như thế có khi kéo dài cả trăm năm.

Có những chúng sinh tội nặng thì hình tướng biến đổi trở nên xấu xí ghê rợn,堕 vào địa ngục hoặc làm thân quỷ đói. Thường thì đến tuổi già gần chết, nếu gương mặt ai trở nên đẹp đẽ phúc hậu là có dấu hiệu sau khi chết về cõi lành, nếu gương mặt ai trở nên xấu xí hung dữ là có dấu hiệu sai khi chết về cõi堕.

Ma có nhiều loại. Có loại vong yếu ớt, không có tác động gì tới người sống được. Họ sống chung lẫn với mình mà mình không hay biết, nhưng họ thấy biết được mình. Họ cô đơn buồn bã, thiếu thốn, đói khổ vì quá thiếu phước. Có khi họ cũng biết đến chùa nghe thuyết pháp để tu hành từ từ.

Loại thứ hai có tâm lực mạnh hơn một chút, có thể tác động vào tư tưởng người sống, xúi mình làm chuyện này chuyện kia. Có khi trong gia đình cãi cọ nhau um sùm mà thật ra không phải tại người sống, mà tại ma xúi. Có khi chúng ta đi ngang qua một cửa hàng tự nhiên muốn vào mua hàng, chỉ bởi vì

cô hồn nào đó xúi để giúp cho người chủ buôn bán đắt khách. Người chủ này biết thường xuyên cúng thí thực cho vong ăn đều đặn.

Rồi có loại ma tâm lực mạnh hơn có thể tác động vào vật chất như làm cho cái ly trên bàn rớt xuống đất vỡ toang; hoặc không có gió mà làm cho cánh cửa đóng rầm rầm; hoặc ban đêm ở trong nhà bếp dờ nổi khua chén rỗng rảng.

Rồi có loại ma có thể hiện hình cho mình thấy luôn.

Có nhiều loại chúng sinh trong cõi giới vô hình như thế mà ta phải quán từ bi thương yêu họ không bỏ sót. Nếu chúng ta chỉ rải tình thương cho thế giới cõi người thì tâm từ bi của mình chưa bung vỡ vô hạn, vẫn còn lẩn cấn khắp khiêng. Nếu chúng ta thương yêu cả cõi âm, tự nhiên ta sẽ nghe tâm mình rộng rãi, an lạc, thoải mái, tràn đầy.

Thỉnh thoảng có người thấy ma hiện ra, hoặc nghe tiếng ma nói gì gần đâu đấy, hoặc bị rờ tay đụng chân. Cảm giác của mọi người hầu hết là run sợ vì không biết gì về đối phương cả. Chính vì bị cảm giác sợ này mà mọi người dùng từ ma nhát. Vì nghĩ rằng ma nhát nên xem ma là kẻ xấu, kẻ thù và tìm cách chống trả, ếm trăn, tiêu diệt. Thật ra ít có trường hợp người âm cố ý hù dọa ai. Họ chỉ muốn tiếp xúc xin ăn và kết bạn. Nhưng vì họ có hình dạng ghê rợn do tội lỗi đời trước nên không thể có sự tiếp xúc bình thường.

Chúng ta hãy nghĩ như thế này, nếu chúng ta thương yêu được người tật nguyên xấu xí ăn xin trên đường phố thì cũng nên độ lượng thương yêu người cõi âm như thế. Nhất là bây giờ chúng ta tu tập Từ tâm vô lượng thì càng không được quyền có giới hạn trong tình thương của chúng ta.

Kể đến chúng ta tác ý thương yêu các loài súc sinh khắp cả trời đầy cả đất, chim thú trong rừng, cá tôm dưới nước...

Kể nữa chúng ta tác ý thương yêu chúng sinh dưới địa ngục.

Thông thường thì ai ác độc sẽ dọa địa ngục; bòn xén sẽ dọa ngạ quỷ; si mê tà kiến sẽ dọa súc sinh. Đó là nguyên tắc căn bản. Nhưng thật ra sự tình phức tạp hơn nhiều. Vì có người phỉ báng Thần thánh bị dọa súc sinh; có người phỉ báng thần thánh bị điên loạn; có người phỉ báng thần thánh lại dọa luôn xuống địa ngục. Tuy nhiên căn bản là ai ác độc sẽ dọa địa ngục.

Thế nào là người ác độc?

Người ác độc là người đủ tàn nhẫn để hoặc là dùng nhục hình làm người khác đau khổ, hoặc là dùng mưu mô hiểm độc hại người khác rơi vào đường cùng tuyệt vọng đau khổ. Nói chung là làm chúng sinh đau khổ với tâm tàn nhẫn. Đó là người không động lòng xót xa trước nỗi đau của người khác, có khi còn thích thú khi thấy kẻ khác đau khổ. Người đó có thể đánh đập, cắt chém, thiêu đốt, giết hại kẻ khác.

Chúng ta đánh giá người có thiện tâm hay không bằng cách xem họ có thái độ trước nỗi đau của kẻ khác như thế nào. Nếu người này biết xót xa trước

nỗi đau của người khác, tức là người có thiện tâm; nếu người này tỉnh bơ, thậm chí khoải chí trước nỗi đau của người khác, tức là người có ác tâm. Có những tay bợm nhậu xúm nhau dùng cây đập vỡ đầu một con chó mà còn cười hăng hắc, ta biết những người này có nhân của địa ngục.

Khi xuống địa ngục, những gì họ đã làm cho chúng sinh đau đớn, họ sẽ phải đền trả sòng phẳng. Những ngọn lửa không tắt, những lưỡi dao cắt không dừng sẽ thiêu đốt đâm chém họ trở lại.

Vậy thì có cách nào để những chúng sinh đó thoát được nghiệp địa ngục?

Vì ác tâm nên họ bị đọa địa ngục, bây giờ chỉ có tâm Từ bi giúp họ thoát địa ngục.

Có câu chuyện tiền thân đức Phật làm minh họa cho đạo lý này, dù rằng chúng ta có thể không tin. Nhưng câu chuyện cũng rất hay. Một lần trong kiếp rất xưa, Ngài bị đọa địa ngục. Chúng ta không tin Ngài tạo một tội gì ghê gớm đến nỗi bị đọa địa ngục, nhưng chúng ta cứ để ý khía cạnh đạo lý. Ngài phải chịu nhiều cực hình đau đớn giống như các tội nhân khác. Khi phát hiện ra chung quanh mình cũng đang có vô số chúng sinh đang rên la vì bị trừng phạt, Ngài chợt động tâm thương xót nên phát một lời nguyện rằng xin được gánh hết sự trừng phạt của mọi người trong địa ngục này. Ngay khi tâm Ngài đồng mãnh chấp nhận đau đớn giùm cho tất cả như thế thì địa ngục tan biến lập tức.

Về nguyên tắc thì câu chuyện đó đúng với đạo lý, nhưng về tính chân thật thì khó thuyết phục chúng ta tin rằng Phật đã từng bị đọa địa ngục như vậy. Về nguyên tắc, nếu chúng sinh nào đang bị đọa địa ngục mà có thể khởi tâm từ bi thì thật sự có thể thoát khỏi kiếp địa ngục. Vì vậy, nếu có thương xót chúng sinh nơi địa ngục, chúng ta cũng không thể giúp gì cho họ, chỉ có cách cầu nguyện cho họ khởi được tâm từ bi để tự họ thoát khổ mà thôi.

Xin cho nơi địa ngục

Chúng sinh đang đọa đầy

Khởi được tâm từ bi

Đề xa lìa cảnh khổ.

Nhưng thực tế thì rất khó. Hãy tưởng tượng một người đang bị nhức đầu, nhức răng, đau bụng rên la oằn oại, người đó dường như quên hết Phật pháp Đạo lý vì tâm bị cơn đau bức bách rối loạn. Cũng vậy, chúng sinh đang bị thiêu đốt ở địa ngục, vốn từ trước không biết điều thiện gì nhiều, bây giờ lại đang bị dày vò hành hạ, rất khó khởi được tâm thương yêu người khác.

Thường thì họ phải chịu đầy đọa cho đến khi hết tội mới thoát khổ chứ không dễ bình tĩnh tác ý theo điều lành. Giống như người điên không thể làm phước để tự cứu lấy mình, cũng vậy, chúng sinh dưới địa ngục cũng khó thể khởi tâm lành.

Cuối cùng, chúng ta rải tâm Từ bi phủ trùm mệnh mạng khắp trong pháp

giới, và duy trì như vậy lâu lâu một chút.

Khi quán Từ bi, chúng ta chịu khó đi qua từng giai đoạn một cách kỹ lưỡng như vậy rồi hãy rải tâm Từ bi phủ trùm, khiến cho tâm Từ bi sâu sắc lớn lao mạnh mẽ. Nếu không, tâm Từ bi sẽ hơi hợt sơ sài. Mỗi lần tu tập quán tưởng từ bi như vậy mất chừng 10 phút, nhưng công đức cho nhiều kiếp sau thật là vô lượng. Nhất là người xuất gia lại càng phải huân tu Từ tâm nhiều hơn để làm chỗ nương tựa cho Phật tử, làm những trụ cột vững chắc cho Phật Pháp. Người nào tác ý thương yêu chúng sinh, tự nhiên tâm người đó có hào quang sáng lên mà chư thiên có thể nhìn thấy được. Chư thiên từ nhìn xuống trần gian chỉ thấy đường như tối đen bởi hận thù bạo lực. Nhưng trong bóng tối đó, tâm hồn ai có từ tâm thương yêu sẽ sáng lên rõ rệt khiến chư thiên chú ý. Nếu ai thường xuyên tu tập từ tâm, hào quang sẽ hiện dần trên gương mặt mà người thường cũng cảm nhận được.

c) Trong cuộc sống:

Tu tập Từ tâm trong cuộc sống là biết khởi tâm thương yêu khi mắt vừa chạm đến bất cứ người nào trong cuộc sống này. Ban đầu chúng ta không quen tác ý như thế nên sẽ rất khó khăn, nhưng tập quen rồi sẽ cảm thấy tâm hồn chuyển biến rất lạ.

Những khi bước ra đường trông thấy người này người kia, xa lạ có, quen biết có, chúng ta cũng tự nhủ rằng “con nguyện thương yêu những người này”.

Sau này thuần thục rồi, chúng ta không cần khởi lên câu đó nữa, mà mắt vừa chạm ai là lòng từ bi gửi đến đó liền.

Tập như vậy lâu ngày, đôi mắt ta sẽ rất từ ái. Trong tiểu Kinh Rừng Sừng Bò diễn tả các vị thánh sống hòa hợp với nhau và luôn nhìn nhau bằng ánh mắt từ ái thiện cảm. Ánh mắt nhìn nhau thiện cảm vì khi nhìn nhau, chúng ta luôn gửi theo đó lòng thương quý. Các vị Thánh như vậy, chúng ta cũng phải như vậy, là luôn gửi tình thương yêu theo ánh mắt mỗi khi nhìn nhau. Rồi khi chúng ta cưỡi xe chạy trên đường phố đông người chen chúc, xe cộ chạy ngược chạy xuôi, mới chợt hay rằng nào giờ chúng ta vẫn hờ hững lạnh nhạt khô khan căn cỗi với biết bao người trong cuộc sống này. Bây giờ chúng ta phải chuộc lại bằng cách âm thầm lặng lẽ tự nhủ con thương yêu tất cả mọi người như thế này, con thương yêu tất cả mọi người như thế này.

Khi chưa biết tu, có thể chúng ta đã thương lén một hai người nào đó, bây giờ biết tu, chúng ta lặng lẽ thương lén tất cả mọi người. Không cần họ biết. Tập được như thế, ta sẽ thấy đạo lực tăng tiến từng ngày.

Đối với huynh đệ đồng tu, chúng ta càng phải thương yêu nhiều hơn nữa. Nếu không thương yêu được huynh đệ chung quanh mình, thì nói thương yêu chúng sinh chỉ là giả dối. Thương yêu được huynh đệ là dấu hiệu chân chính của Từ tâm. Huynh đệ trong chùa thực chất chỉ là những người đồng

xa lạ không máu mủ ruột rà, chỉ vì duyên xưa, vì cùng chí hướng tu hành nên gặp nhau chung một thầy. Chính vì quý mến đạo tâm mà chúng ta yêu thương nhau được, đó là tình thương cao đẹp.

Trước đây, chưa thương ai, chúng ta chỉ thấy có nhu cầu của riêng mình như quần áo, giày dép, thuốc thang, sách vở... Bây giờ thương yêu huynh đệ, chúng ta sẽ thấy nhu cầu của huynh đệ hiện ra trước mắt mình rõ ràng và sẽ ngạc nhiên tại sao nào giờ mình không thấy như thế. Chúng ta sẽ thấy huynh đệ khỏe hay yếu, buồn hay vui, thoải mái hay khó chịu... và luôn muốn giúp huynh đệ rất nhiều. Dù chúng ta chưa đủ khả năng để giải quyết hết mọi nhu cầu của huynh đệ, nhưng cũng cố gắng san sẻ được chừng nào hay chừng ấy. Đôi khi tập khí bợn xén cũ khiến chúng ta do dự trong việc san sẻ những cái mình có cho huynh đệ, nhưng nếu công phu quán Từ bi có chiều sâu, ta sẽ đủ sức vượt qua tâm bợn xén để mở đôi bàn tay.

Phải biết thương yêu tử tế với huynh đệ trước khi chúng ta bước ra thương yêu hóa độ vô số chúng sinh khác. Nếu chưa từng biết đối xử tốt với huynh đệ, người này chưa được quyền nói rằng sẽ thương yêu tất cả chúng sinh. Chúng ta tâm nguyện thương yêu tất cả chúng sinh, phải biết bắt đầu thực hành với huynh đệ chung quanh mình. Người nào có thể sống tốt với huynh đệ, chúng ta tin người đó có thể sống tốt với chúng sinh về sau.

Rồi sẽ có lúc chúng ta đối diện với những người mưu hại, chống đối, chỉ trích mình trong thực tế. Hiện nay quán Từ bi, chúng ta có khởi tâm thương yêu đến với những người đã đối xử tệ bạc với mình trong quá khứ, nhưng tương lai, chúng ta sẽ còn đối diện với tình huống tương tự. Đó là lúc chúng ta có dịp đánh giá đạo lực của mình. Chúng ta hãy xem lúc đó mình có thể giữ vững lời nói “con nguyện thương yêu người này” trong tâm hay không? Đây là điều khó thực hành vì lúc đó chúng ta dễ nổi sân. Nhưng phải quyết tâm làm cho bằng được, vì chỉ khi nào chúng ta thật sự thương yêu được người xúc phạm mưu hại mình, sau này chúng ta mới vững vàng bước ra gánh vác trách nhiệm với đạo pháp. Trên bước đường làm việc đạo, biết bao chông gai gian khổ sẽ chờ đón chúng ta. Nếu không trang bị tâm Từ bi vững chắc, chúng ta sẽ ngã quỵ.

3. Dấu hiệu từ tâm hiện diện:

Có bốn 4 dấu hiệu để biết Từ tâm đã hiện diện trong tâm hồn của mình.

a) Muốn giúp đỡ:

Như đã nói, quy luật tâm lý thông thường là khi thương ai, ta luôn muốn giúp đỡ người đó. Tình thương đó là ân nghĩa quá khứ hiện lại.

Bây giờ với tâm Từ bi thương yêu hết tất cả chúng sinh, đương nhiên chúng ta cũng bị một tâm lý thôi thúc là làm cái gì đó cho chúng sinh được an vui hạnh phúc. Tâm Từ bi càng nhiều thì sự thôi thúc càng lớn. Càng hiểu Đạo, chúng ta càng hiểu rõ bản chất cuộc đời thật là đau khổ. Chung quanh ta,

mọi người không khổ vì điều này thì cũng khổ vì điều khác. Không ai thực sự trọn vẹn sung sướng.

Huynh đệ ta bệnh yếu, đạo tâm còn sơ cơ... vẫn là điều khiến ta lo lắng.

Nhiều ngôi chùa chưa có sức giáo hóa người dân quanh vùng... vẫn là điều khiến ta lo lắng.

Tất cả những sự thôi thúc đó đều chứng tỏ tâm từ bi đã thực sự hiện diện nơi chính mình.

Ngược lại, nếu chúng ta quan niệm về một đời sống tu hành nhàn nhã, không bận tâm về nỗi khổ của ai, chỉ muốn chiều chiều phe phẩy cái quạt bước dạo trên lối cỏ ướt sương, ngắm trăng lên từ đỉnh đồi lồng gió, hoặc ngồi nhấp một ngụm trà ngát hương xem hoa quỳnh chậm chậm nở..., chúng ta đã đi sai lời Phật dạy! Thiếu tâm Từ bi, chúng ta đang nuôi dưỡng sự ích kỷ trong lòng mình. Mà sự ích kỷ nào rồi cuối cùng cũng đưa đến đau khổ.

Người tu đúng sẽ là người rất bận rộn vất vả cực khổ vì tha nhân, nhưng niềm vui trong tâm thì tràn đầy. Đây là điều rất lạ. Chúng ta cứ tưởng rằng lo cho người khác sẽ làm mình cực khổ, nhưng không, ngược lại, chính vì đem niềm vui đến cho người khác mà tâm ta tự nhiên có niềm vui và sức mạnh.

Niềm vui này không mong cầu mà được.

b) Xót xa trước nỗi khổ của tha nhân:

Dấu hiệu thứ hai khi có Từ tâm hiện diện là biết xót xa trước nỗi khổ của tha nhân. Tâm xót xa đó gọi là Bi.

Người tu đúng là người bất động khi nghịch cảnh đến với mình, nhưng lại xót xa khi thấy chúng sinh đau khổ. Người tu sai là thích giữ tâm bất động, kể cả khi đứng trước nỗi đau của người khác.

Chúng ta sẽ thắc mắc, chẳng lẽ chư Thánh cũng động tâm xót xa sao?

Xin thưa, chư Thánh cũng thương xót chúng sinh đau khổ, và thương xót rất sâu sắc, chỉ khác với chúng ta là sự thương xót đó không xao động sôi nổi như chúng ta, vì các Ngài có định lực vững vàng.

Chúng ta thương xót chúng sinh có kèm theo sự ray rứt, xao động, vì chưa có định, nhưng vẫn là đúng. Chỉ vì sợ xao động mà chúng ta không thương xót nỗi khổ của chúng sinh tức là chúng ta đã đi sai đường của Phật Pháp. Nếu chúng ta không bận lòng vì nỗi khổ của tha nhân, tức là chúng ta đang đi dần vào trạng thái thờ ơ lãnh đạm vô tình. Mọi người đều như thế thì đạo Phật sẽ trở nên thụ động và suy yếu dần dần.

Chúng ta chỉ được quyền bất động với nghịch cảnh của chính mình, chứ không được thản nhiên trước nỗi đau của người khác.

Trong Tứ vô lượng tâm, Phật dạy đệ tử phải có Bi tâm vô lượng, tức là phải có lòng thương xót không còn giới hạn, chỉ vì nỗi khổ trên đời là vô hạn.

c) Vui mừng trước hạnh phúc của người:

Vui mừng khi thấy người khác hạnh phúc là Hỷ tâm trong bốn tâm Từ Bi Hỷ

Xả.

Thông thường thì khi thương yêu ai ta mới vui mừng vì hạnh phúc của người đó. Đối với người ta không thương, hạnh phúc của người đó lại làm cho ta bực tức ganh tị. Con mình thi đậu thì mừng, con hàng xóm thi đậu thì tức. Thói đời là như vậy.

Nhưng bây giờ là đệ tử Phật, tình thương chúng ta trải đều với tất cả mọi người, như vậy bất cứ hạnh phúc của ai cũng khiến ta vui mừng cả. Rồi khi thấy người làm được nhiều việc công đức tốt lành, chúng ta cũng phải biết vui mừng như chính mình làm được. Với Hỷ tâm như thế, tâm đồ kỵ sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn. Vì chúng sinh là vô lượng nên công đức làm được cũng vô cùng, và Hỷ tâm chúng ta cũng là vô biên vô lượng.

d) Biết tha thứ:

Dấu hiệu thứ tư của Từ tâm hiện diện là biết tha thứ, tức là Xả tâm.

Chữ Xả có nhiều nghĩa tùy theo category, nhóm. Xả có nghĩa là buông bỏ, không dính mắc vào thế gian; xả cũng có nghĩa là vượt qua được tâm Tự hào bí mật trong thiền định. Còn trong Tứ vô lượng tâm, Xả có nghĩa là tha thứ. Sống ở trên đời này, nếu chưa thành Phật thì ai cũng còn có lỗi cả. Mình cũng còn khuyết điểm và người chung quanh cũng vậy. Điều quan trọng là phải biết tha thứ nhau để tiếp tục thương yêu nhau.

Nguyên tắc của tâm lý là khi thương ai, ta dễ tha thứ khi người đó có lỗi. Có nhiều đứa con ngỗ nghịch bất hiếu, vậy mà cha mẹ vẫn kiên tâm chịu đựng tha thứ mãi để mong con có ngày hối hận quay về. Biết tha thứ là đức độ lớn của những bậc chân sư thánh triết.

Tuy nhiên, có 2 cực đoan mà người đệ tử Phật nên tránh khi thấy người khác có lỗi:

- Thứ nhất, thấy người có lỗi, ta liền đem ra công kích, chê bai, rêu rao, khinh bỉ, với tâm ác độc.

- Thứ hai, thấy người có lỗi, ta bỏ mặc cho họ tiếp tục phạm lỗi, xem như không dính dáng gì tới mình cả.

Cả hai đều là sai lầm, và có tội.

Khi thấy lỗi của người, nếu ta đem ra chê bai, sau này ta sẽ mắc đúng lỗi lầm đó. Ngược lại, nếu ta bỏ mặc, sau này ta cũng mắc đúng lỗi lầm đó. Ngoài ra, ta còn có thể bị quả báo mù hay điếc vì ta đã làm ngơ giống như không nghe không thấy trước sai lầm của người khác. Đúng ra, ta phải có bốn phận tìm cách giúp người sửa chữa để họ tiến lên, chứ không được bỏ mặc.

Nếu có duyên, ta có thể góp ý trực tiếp; nếu ít duyên, ta có thể nhờ người đức độ nói giùm. Phật Pháp mỗi ngày sẽ được hoàn thiện phát triển nếu chúng ta biết giúp nhau vượt qua lỗi lầm như thế. Dĩ nhiên là chỉ bởi lòng thương yêu chúng ta mới được phép nói về lỗi lầm của huynh đệ. Nếu không có lòng thương yêu, chúng ta không đủ sức thuyết phục, mà chỉ đem lại giận

hòn tự ái nhiều thêm.

Nhờ có lòng tha thứ nên ta mới đủ chịu khó khuyên người vượt qua lầm lỗi. Vì chúng sinh vô lượng, lỗi lầm chúng sinh cũng là vô lượng, nên Xả tâm chúng ta cũng phải vô biên vô lượng như thế.

4. Từ tâm đem lại thắng phước:

Tám ích lợi theo kinh bộ Tăng Chi:

Trong kinh bộ Tăng Chi, Phật nói người tu tập thuần thực Từ tâm sẽ được 8 lợi ích như sau:

- Được yên lành trong đời sống, lúc thức. Sở dĩ tâm trí ta được yên lành trong đời sống vì ta không bận tâm lo cho mình nữa. Chỉ những người ích kỷ bận tâm lo cho mình quá đáng thì mới bị dằn vặt bất an.

- Được yên lành trong giấc ngủ. Trong đời sống ta bình an thì tự nhiên giấc ngủ cũng yên lành. Tuy nhiên Phật không nói nguyên nhân tâm lý đơn thuần mà nói về phước. Người có Từ tâm, tự nhiên được phước rơi vào nội tâm khiến tâm rất bình an. Ngược lại, nếu ta bị những bệnh lý về thần kinh não như căng thẳng, mất ngủ, hỗn loạn, ảo giác... nên hiểu ngay đó là do một lỗi lầm nào đó. Ta nên khởi tâm Từ bi với chúng sinh sẽ thấy thuyên giảm rõ rệt.

- Được chư Thiên độ trì. Như đã nói, khi ta tác ý thương yêu chúng sinh thì hào quang phát ra liên, và chư Thiên nhìn thấy. Chư Thiên cũng là những người đã từng tu tập Từ bi nên rất yêu quý người tu tập từ bi như vậy. Chư thiên sẽ thường xuyên âm thầm gia hộ độ trì cho ta trong cuộc sống và công việc.

- Yêu tinh quỷ ma không xâm phạm. Ngoài khả năng cảm hóa, lòng Từ bi còn có kết quả là tạo thành uy lực. Nhìn thấy một người có tâm Từ, phi nhân vừa quý mến vừa nể sợ nên không có ý định xâm phạm. Nhiều người bị các vong linh quấy phá, đã khéo léo quán Từ bi liền thoát nạn. Quán Từ bi hiệu quả hơn dùng chú thuật trấn áp. Chú thuật chỉ trấn áp tạm thời, và dễ gây thù oán. Năng lực của Từ tâm vượt lên cao để cảm hóa các chúng sinh trong cõi vô hình đó.

- Độc trùng đao kiếm không xâm phạm. Chúng ta bất ngờ khi nghe Phật an chứng điều này đối với người tu tập Từ tâm thuần thực. Do nghiệp quá khứ, chúng ta có thể bị những tai họa phiền toái của cõi giới này là trùng độc, hoặc bị gươm đâm, súng bắn... Những tai nạn này rất dễ xảy ra với mọi người. Vậy mà Phật cả quyết ai tu tập Từ tâm thuần thực sẽ không bị các tai họa đó. Như thế ta thấy rằng năng lực của Từ tâm rất vĩ đại.

- Được mọi người chung quanh yêu mến. Điều này dễ hiểu vì người đầy ấp yêu thương sẽ khiến cho người chung quanh yêu mến một cách tự nhiên. Những khi có dịp ở chốn đông người, ta hãy thực tập rải tâm từ với mọi người, sẽ thấy những kết quả thú vị.

- Khi chết sinh về cõi trời. Chúng ta hoàn toàn không nghi ngờ khi cho rằng một người thuần thực Từ tâm sẽ sinh về cõi trời sau khi chết. Cõi trời là nơi trú ngụ của những chúng sinh hết sức thánh thiện, trong đó, tâm Từ bi là một thuộc tính chiếm vị trí hàng đầu.

- Và cuối cùng là sẽ được Giải thoát. Muốn giải thoát phải hết hẳn Ngã chấp. Tâm Từ bi chính là sức mạnh quan trọng khiến ta xa lìa Ngã chấp dần dần. Khi thương yêu chúng sinh, chúng ta dễ dàng quên mình để sống đời vị tha. Từng hành động cụ thể giúp đỡ chúng sinh là từng nhát búa đốn phá Ngã chấp. Nếu chỉ suy nghĩ về việc giúp đỡ mọi người mà không có hành động cụ thể, Ngã chấp vẫn không lung lay bao nhiêu. Vì vậy phải thực sự bắt tay làm nên những điều lợi ích cụ thể cho chúng sinh, đó là con đường đi đến công đức và giải thoát.

Trong tâm chúng ta luôn tồn tại một Bản Ngã nguy hiểm. Chính Bản ngã này đã tạo nên ích kỷ, tham lam, thù hận và trôi lăn sinh tử. Nhưng cũng chính trong tâm này mới có một con đường đưa đến Niết bàn giải thoát tuyệt đối. Chúng ta phải bắt đầu tu tập nơi chính nội tâm này, nhưng chúng ta không được dừng lại nơi nội tâm này. Tâm là con đường, nhưng con đường này có giặc, đó là Bản ngã.

Chúng ta phải đi trên con đường tâm này bằng thiền định, nhưng dù đạt mức độ định như thế nào, chúng ta cũng không được dừng lại ở tâm đề ca ngợi tâm, tôn vinh tâm, vì như vậy là chưa thoát được hang ổ của Bản ngã. Khi đạt được định, tâm sẽ rất vi diệu, sáng tỏ, rỗng rang, thanh tịnh, dễ làm ta hiểu lầm rằng đó là mục đích cuối cùng đã đến. Nhưng hoàn toàn không phải vậy. Dù vi diệu đến như thế nào, Bản ngã vẫn bí mật tồn tại.

Khi tu với các bậc đạo sư trú danh đương thời là Alara Kalama, hoặc Uddukka Ramaputta, Phật đã chứng được những trạng thái thiền định cực kỳ cao siêu vi diệu. Nhưng Phật đã nhanh chóng nghi ngờ về sự tồn tại của Bản ngã nên đã từ giã ra đi. Đến khi nhập định suốt 49 ngày dưới cội cây Bô đề, Phật mới thật sự thoát ra khỏi tâm thức để chấm dứt Ngã chấp, và trở thành toàn thể vũ trụ, thành tựu Chánh đẳng Chánh giác.

Chúng ta phải lấy tấm gương đó cho cuộc đời tu tập của mình, nghĩa là mãi mãi cảnh giác với Bản Ngã. Dù chúng ta có thành tựu đạo đức sâu sắc, dù chúng ta có thành tựu thiền định cao siêu, hãy tự nhủ rằng vẫn chưa phải thoát được Ngã chấp sâu kín. Biết như vậy để chúng ta không chủ quan tự mãn.

Niết bàn mà Phật tìm được không phải ở trong tâm, mà là bản thể của toàn vũ trụ. Nhưng muốn tìm được Niết bàn đó, chúng ta phải đi hết con đường tâm này, bằng thiền định. Tâm Từ bi sẽ là một trong những phương tiện đưa ta đi trên con đường tâm này.

Tâm lý đạo đức

4.KHIÊM HẠ

Trên con đường tu tập Phật Pháp, để đạt thành vô lượng công hạnh, vô lượng công đức, chúng ta phải huân tập 3 tâm hạnh căn bản quan trọng nhất. Từ 3 tâm hạnh này, vô số pháp lành khác mới có thể xuất hiện tiếp theo được. 3 tâm hạnh đó là:

- Thứ nhất là lòng tôn kính Phật
- Thứ hai là lòng từ bi
- Thứ ba là tâm khiêm hạ.

Ba tâm hạnh này giống như 3 chân kiềng của một cái vạc, cái đỉnh mà trên đó ta sẽ có thể đặt tiếp theo vô số những báu vật khác của tiến trình tu tập. Vô số công hạnh khác như Nhẫn nhục, Vi tha, Trầm tĩnh, Bình đẳng, Hoan hỷ vân vân... đều chỉ có thể thành tựu tốt đẹp trên nền tảng của 3 tâm hạnh đó mà thôi.

1. Ngã mạn là bệnh lớn của loài người:

Nếu chúng ta kiên nhẫn tu hành, sẽ càng lúc thu thập được nhiều công đức lành, tích lũy được nhiều thắng phước, rồi dần dần đạt được nhiều thành công. Đó là điều chắc chắn. Nghĩa là ngay từ ban đầu, chúng ta đã đi đúng hướng, đã ít phạm sai lầm nên mới có kết quả tốt đẹp về sau.

Nhưng điều trở trêu là từ những cái rất đúng rất đẹp đó, một sai lầm xuất hiện. Đó là tâm kiêu mạn.

Tâm kiêu mạn là một loại tình cảm thích thú, khoái trá, hả hê, sung sướng khi thấy mình hơn người khác.

Chuyện hơn thua nhau là chuyện bình thường ở trên đời. Có khi ta hơn người, có khi người hơn ta. Khi ta hơn, ta vẫn biết là ta hơn; khi người hơn, người vẫn biết là người hơn. Đó là chuyện bình thường không có gì là sai trái. Điều nguy hiểm chính là tình cảm khoái trá đi kèm theo đó. Sự khoái trá đó gây cho người ta cảm giác hạnh phúc.

Nhiều người còn bị ảo tưởng là mình vượt hơn người khác trong khi thật sự thì thua kém rất nhiều. Nhưng khi tự cho mình hơn người, một sự khoái chí, sung sướng cũng có mặt.

Mỗi khi hưởng thụ niềm vui sướng hạnh phúc, chúng ta luôn luôn bị hao tổn bớt phước mà mình đã gây tạo trong quá khứ, đó là quy luật tất nhiên của Nhân quả. Nhưng có những niềm vui không làm hao tổn phước bao nhiêu, ví dụ như cảm giác hạnh phúc khi làm được việc từ thiện. Hoặc thậm chí có loại niềm vui còn làm tăng thêm công đức, ví dụ như ta vui mừng khi thấy người khác thành công hạnh phúc, theo đúng Hỷ tâm trong Tứ vô lượng tâm.

Còn lại, hầu hết sự thụ hưởng niềm vui đều làm tiêu hao bớt phước trong quá khứ. Tuy nhiên, có một khoái cảm, mà khi hưởng thụ nó, làm chúng ta thiệt hại không lường được, đó là sự sung sướng khi cho rằng mình vượt hơn người khác. Khoái cảm đó, ý nghĩ đó gọi là tâm kiêu mạn.

Ví dụ như trong học tập, đôi khi chúng ta vượt trội hơn các bạn cùng lớp; trong kinh doanh, đôi khi chúng ta thành công hơn đồng nghiệp; trong nghệ thuật, đôi khi chúng ta được ái mộ hơn nghệ sĩ khác; trong diễn giảng, đôi khi chúng ta thu hút hơn các đồng đạo khác vân vân... Đó đều là những chuyện bình thường trên thế gian này, vì cuộc đời vốn đầy những cái chênh lệch hơn kém như thế. Nhưng đến khi nào chúng ta xuất hiện một tình cảm của sự khoái trá thích thú vì được hơn người khác, đó là lúc tai họa bắt đầu. Tâm kiêu mạn đó trước hết sẽ phá vỡ những đức tính tốt đẹp có sẵn trong lòng mình. Ví dụ trước đây ta là người trầm tĩnh, nhưng sau một thời gian kiêu mạn, sự trầm tĩnh đó sẽ biến mất, thay vào đó là sự hấp tấp, vụt chạc, dễ nổi nóng. Ví dụ trước đây ta là người hiền lành, nhưng sau một thời gian kiêu mạn, ta sẽ trở thành người ác độc. Ví dụ như trước đây ta sống đời thanh bai trong sạch, nhưng sau một thời gian kiêu mạn, ta sẽ trở thành người ô nhiễm, vân vân...

Sau khi những đức tính tốt đẹp trong tâm biến mất, điều chắc chắn là chúng ta sẽ bắt đầu làm nhiều điều bậy bạ sai lầm để tổm phước trầm trọng. Ví dụ chúng sẽ bắt đầu có thái độ hống hách khinh dễ người khác, hoặc nộ nạt mắng chửi, hoặc mưu mô thủ đoạn, hoặc sa đọa đồi trụy...

Tiếp theo việc hết phước là tài năng biến mất dần dần. Theo luật Nhân quả, phước đức sinh ra tài năng. Phước hết, tài năng sẽ mất theo. Một bài báo đăng trên Giác Ngộ với tựa đề Sống thiền kể về một ni sư được ngộ đạo trong một tu viện ở Đại hàn. Sau khi ngộ đạo, ni sư liền bỏ dở trách nhiệm trông coi nấu bếp để ra đi dù đã được sự khuyến khích của các vị tôn túc là nên tiếp tục công quả cho hết thời hạn ấn định. Một vị Bồ tát cũng hiện ra trong giấc mơ cảnh báo rằng nếu ni sư không công quả cho trọn vẹn công đức thì sau này không thể thuyết pháp được. Nhưng ni sư đã bỏ qua tất cả lời khuyên đó để ra đi. Và như dự đoán, ni sư đã không thể thuyết pháp trong suốt cuộc đời mình dù rất có uy tín về đạo hạnh.

Chuyện khác Có một thầy tỳ kheo trẻ học kém so với đại chúng. Vì biết mình học dở nên thầy rất siêng năng công quả. Những việc khó khăn nặng nhọc trong chùa đều được thầy xông pha gánh vác như đắp đường, bơm nước, kể cả may quần áo cho huynh đệ. Sau này thầy có dự một khóa học diễn giảng rồi về trụ trì một ngôi chùa ở miền Tây, và bắt đầu đi thuyết giảng đây đó, rất được cảm tình của Phật tử. Nhiều huynh đệ ngạc nhiên vì kết quả bất ngờ này; trước đó ai cũng nghĩ thầy không thể nào ngồi trên bục giảng.

Những câu chuyện như thế chứng tỏ một quy luật của Nhân quả, phước đã tạo ra tài. Chúng ta cứ siêng năng làm các việc công đức rồi các công hạnh khác sẽ mở ra từ từ.

Ngược lại, khi kiêu mạn xuất hiện thì những đức tính tốt khác bị đánh vỡ; khi những đức tính tốt bị đánh vỡ thì những nghiệp bất thiện sẽ được gây tạo; khi những nghiệp bất thiện được gây tạo thì phước hết; khi phước hết thì tài năng cũng biến mất theo. Đó là tiến trình tất nhiên của tâm kiêu mạn.

Thế là từ những thành công tốt đẹp, từ những khả năng đáng quý, từ những ưu điểm nổi bật, chúng ta sẽ khởi lên tâm kiêu mạn. Và rồi tâm kiêu mạn đó sẽ đưa chúng ta trở lại tầm thường như buổi đầu chưa có gì cả. Ngay khi thành công, mầm mống của thất bại đã có mặt; ngay khi tài giỏi, mầm mống của kém dở đã khởi động; ngay khi được ưu điểm, mầm mống của khuyết điểm cũng sinh ra. Đó là nghịch lý đau đớn, khiến chúng sinh khó lòng bút phá để vượt lên thành một vị thánh siêu thoát. Tất cả chỉ bởi vì tâm kiêu mạn.

Hiểu được điều này, chúng ta phải tu tập, phải chuẩn bị trước tâm khiêm hạ rất kỹ lưỡng để đón chờ những thành công đến với cuộc đời mình. Vì do phước đời trước, biết đâu chúng ta cũng sẽ có những thành công đáng kể nào đó trong đời. Bây giờ thì chưa có gì, nhưng ai biết được ngày mai điều diệu kỳ nào sẽ tới. Nhưng nếu chúng ta không đủ lòng khiêm hạ thì những thành công tương lai sẽ là con đường dẫn đến địa ngục !

Những triều đại vua chúa nối tiếp trong lịch sử cũng không ngoài quy luật nghiệt ngã này. Thông thường các vị vua đầu tiên là những người đi lên từ gian khó, biết sống khiêm tốn vì xuất thân từ quá khứ tầm thường của mình. Chính lối sống khiêm cung giữ mình nghiêm cẩn đó làm cho công đức còn thành tựu. Nhưng đến những đời con cháu về sau vừa mở mắt chào đời là đã được quý lạ, hầu hạ và lớn lên trong sự tôn xưng của mọi người. Do sống trong môi trường “độc hại” của sự cung kính đó từ bé nên các công chúa hoàng tử dường như khó biết được cảm giác tầm thường kém cỏi là gì, lúc nào cũng tự cho mình là người trên kẻ trước. Họ bị buộc phải kiêu mạn. Vì kiêu mạn nên những đức tính tốt đẹp của cha ông ban đầu không còn tồn tại nữa. Triều đại đi dần đến chỗ suy tàn vì những đời vua sau quá tệ hại.

Ví dụ như vua Lý Thái Tổ khai sinh triều đại nhà Lý là người văn võ song toàn, tài đức kiêm tu. Vua thông thạo binh thư đồ trận, võ học, toán số, tướng số, y lý, văn chương. Vua có thể phi thân qua mái nhà bình thường. Sư Vạn Hạnh là một kỳ nhân phi thường, đã dạy cho vua đầy đủ những khả năng của một lãnh tụ xuất chúng. Vì thế vua mới được trọng dụng vào kinh đô chỉ huy toàn bộ quân giám vệ canh giữ kinh thành trước khi được triều thần đưa lên ngôi. Tài đức của vua đã làm tất cả triều đình thần phục, nên khi vua Lê Ngọa Triều mất, triều thần buộc phải nghĩ tới con người uy đức

đường bộ, tài năng xuất chúng, đạo đức cao cả này.

Muốn hiểu được những nhân vật phi thường trong lịch sử, các nhà sử học phải cực kỳ thông minh, hoặc phải có nhiều khả năng gần giống như vậy. Tiếc thay, các nhà sử học khi tái hiện hình ảnh của các vĩ nhân thường không hiểu đầy đủ như thế, chỉ bởi vì họ không hề biết các môn học mà người xưa đã am tường giỏi giǎn, họ chỉ sở trường về văn chương viết lách mà thôi.

Những đời vua kế theo cũng còn giữ được cái đức của Lý Thái Tổ trong tài năng và tu tập Phật Pháp nên được toàn dân tin yêu. Đến đời Lý Cao Tông, Lý Huệ Tông do hết phước nên bị Trần Thủ Độ cướp ngôi. Nhưng một số vương tử chạy thoát qua Cao ly cũng gây nên những công nghiệp hiển hách, đã từng giúp Cao ly đánh bại quân Mông cổ. Lúc đó người Việt chúng ta đã thắng quân Mông cổ tại 2 nơi, một tại quê hương mình, một tại Cao ly; có người còn làm đến tể tướng Cao ly.

Triều đại nhà Trần cũng vậy, những vị vua đầu tiên cực kỳ giỏi và mộ Phật Pháp không kém các vua nhà Lý. Vua Lý Thái Tông quả thật là một thiền sư cư sĩ, đã để lại những tác phẩm thiền học, Phật học giá trị. Vua Thánh Tông, Nhân Tông sống như thánh. Riêng vua Nhân Tông đã xuất gia để trở thành sơ tổ của thiền phái Trúc lâm Yên tử. Nhưng những đời vua sau thì kém dần, cuối cùng bị Hồ Quý Ly cướp ngôi, như cách Thủ Độ đã đối xử với nhà Lý. Riêng triều đại nhà Trần đã xuất hiện một Trần Quốc Tuấn vô cùng kiệt kiệt. Ông đã lãnh đạo quân đội một cách xuất sắc để đánh bại quân đội Mông cổ 3 lần, giữ gìn vẹn toàn bờ cõi. Cũng như các hoàng thân khác của nhà Trần, Quốc Tuấn cũng tinh thông võ nghệ, binh thư, đồ trận, và cũng hâm mộ Phật Pháp. Các vương tử nhà Trần và nhà Lý đều giống nhau ở chỗ rất sở trường về “nội lực”, một công phu đặc biệt của võ học nhằm tạo nên sức mạnh lạ thường, rất giống với Thiền và Yoga. Chính công phu Nội lực này đã tạo thành tinh thần bất khuất của tướng sĩ bấy giờ, bên cạnh phong cách hiền lành của đạo Phật. Lớn tuổi, việc nước đã yên, Ông bèn đi chuyên sâu về Thiền định.

Đạo Phật cũng không ra ngoài quy luật đó. Vào những giai đoạn Phật Pháp hưng thịnh, từ vua tới quan đều mộ đạo và tôn trọng Tăng Ni. Các chùa thường xuyên được lễ bái cúng dường. Tu sĩ là lớp người được nhiều ưu đãi. Sống trong một không khí mà đi tới đâu cũng được mọi người cung kính, lễ bái, tôn sùng thì chỉ có thánh mới giữ được tâm bất động, còn lại đa phần đều phải thích thú tự hào, và đi dần đến kiêu mạn. Nhưng dù sao nếu từ lúc bắt đầu vào chùa mà người tu được rèn luyện kỹ càng về tâm khiêm hạ thì cũng không đến nỗi bị sự cung kính của mọi người làm cho kiêu mạn quá đáng. Nhưng tiếc rằng một thời gian dài, các chùa không biết chuẩn bị cho người mới tu tâm khiêm hạ, nên trong hoàn cảnh thuận tiện được nhiều ưu

đãi, người tu bị tâm kiêu mạn đánh gục.

Các vị chân sư đầu tiên thường là người có đạo hạnh cao cả, mở mang Phật Pháp khiến cho từ quan tới dân đều ngưỡng mộ kính trọng. Những tu sĩ về sau không có gì đặc sắc nhiều nhưng vẫn được hưởng lây sự ưu đãi đó, nên dễ dàng sinh tâm tự tôn kiêu mạn.

Khi đã kiêu mạn rồi thì, như đã biết, các đức tính của người tu đó mất dần, các nghiệp bất thiện được gây tạo dần, và Phật Pháp cũng vì thế mà tuột dốc theo. Lúc đó ta sẽ thấy các tu sĩ thường là người tham lam, ích kỷ, giành giật, nói xấu lẫn nhau, vu khống qua lại, tính toán hơn thua, phạm hạnh khuyết lỗ.... Những năng lực tâm linh của người tu cạn kiệt dần. Mọi người nhìn vào càng lúc càng cười chê, gièm pha, hủy báng chung cả Phật Pháp.

Đó là giai đoạn Phật Pháp thật sự đi vào giai đoạn suy vong nguy hiểm.

Lúc đó có thể có một vị Bồ tát nào đó ở trên cõi trời thấy như vậy, động tâm phát nguyện sinh xuống cõi người để chấn hưng lại, và Phật Pháp sẽ được tạm thời hưng thịnh lần nữa. Chúng ta may mắn là còn có những vị Bồ tát luôn theo dõi tình trạng Phật Pháp để ra tay cứu giúp.

Tình trạng Phật Pháp hiện nay chưa hẳn là suy, cũng chưa hẳn là hưng. Chưa suy vì ta còn thấy nhiều người theo Phật, còn thấy chùa chiền tiếp tục phát triển, giáo pháp còn được tuyên giảng đây đó. Nhưng cũng chưa hưng vì tu sĩ vẫn chưa chiếm được niềm tin yêu mạnh mẽ của quần chúng, vẫn còn chia rẽ nói xấu lẫn nhau.

Đạo Phật ngày nay chưa được diễm phúc như ngày xưa là được vua chúa tôn thờ, quan lại ngưỡng mộ. Các tu sĩ có người tốt và cũng có người xấu, mà lẽ ra tỉ lệ người chân tu phải chiếm đại đa số mới đúng. Đây đúng là tình trạng lừng lững lơ lơ.

Trách nhiệm của Tăng Ni Phật tử hiện nay là phải làm sao cho Phật Pháp hưng thịnh trở lại rõ rệt, phải chấm dứt tình trạng lừng lơ nửa vời này. Trách nhiệm này rất khó khăn nặng nề, nhưng còn có thể làm được chứ chưa phải là lúc Phật Pháp suy đồi hẳn. Khi Phật Pháp đã suy đồi thì chỉ có Bồ tát mới xuất hiện vực dậy nổi, chứ chúng ta không đủ sức.

Nhưng muốn phát huy Phật Pháp, chúng ta phải bắt đầu từ nơi chính mình trước, chứ không phải bắt đầu xây chùa trước. Chúng ta không nên sốt ruột đi vận động nơi này nơi kia vội mà nên âm thầm tu dưỡng đạo đức nơi chính mình trước. Nhiều ngày tháng tu dưỡng Đạo đức và Tâm linh sẽ khiến ta có năng lực kỳ lạ để thuyết phục mọi người tu hành chân chính trở lại. Khi đó mỗi lời ta nói ra nặng như núi, mạnh như bão tố, cuốn hút như xoáy nước sâu khiến nhiều người phải thức tỉnh.

Càng lúc càng có nhiều người thức tỉnh tu hành chân chính thì đạo Phật bắt đầu hưng thịnh dần dần trở lại. Đó là con đường đúng đắn nhất.

Người nào đã từng vất vả đấu tranh với lầm lỗi của mình, thanh lọc nội tâm

mình, biết tôn trọng mọi người, giữ gìn tâm khiêm hạ, tự xem mình như cát bụi cỏ rác, trái lòng thương yêu muôn loài, âm thầm thiền định nhiếp tâm... sẽ tạo thành một cái gọi là đạo lực. Từ đạo lực này, những người nghe ta nói đều bị lay động dữ dội, không thể ngồi yên nữa, và phải bước tới. Thiếu đạo lực, người nghe sẽ nhàm chán dần, vì mơ hồ biết rằng người nói chỉ lặp lại suông cái gì đã học chứ không thực hành trước.

Người có kinh nghiệm thực hành sẽ hiểu biết đường đi nước bước cần kè hơn, và đương nhiên sẽ trình bày vấn đề kỹ lưỡng chi tiết hơn, do đó người nghe dễ hiểu hơn. Người không thực hành nói quanh co một hồi không dính dáng vào thực tế để có thể giúp người nghe biết cách thực hành theo.

Ví dụ khi ta nói về lòng Từ bi, nếu đã có thực hành trước, tự nhiên người nghe cảm nghe một sức mạnh thương yêu truyền sang và buộc họ phải thương yêu tiếp tục truyền sang người khác nữa. Nếu người nói không thực hành, người nghe không thấy cảm động và không cần phải thương yêu ai nữa.

Ngay cả người tu sĩ cũng vậy, nếu nghe giảng từ những tâm hồn rỗng thì cũng không muốn thực hành. Vì vậy, muốn cho Phật Pháp hưng thịnh, mỗi người chúng ta phải tu hành siêng năng kỹ lưỡng hơn rất nhiều. Mà việc tu hành phải bắt đầu bằng cách xét lỗi của mình trước. Trong các lỗi về Đạo đức, kiêu mạn là cánh cửa đầu tiên mở đường vào cõi quỷ.

Những yếu tố khiến ta kiêu mạn

Một, hơn người khác về tài năng. Đây là nguyên nhân chính đưa đến kiêu mạn rõ rệt nhất. Thông thường thì người có tài vượt hơn người khác dễ được kính trọng nhất, vì vậy người ta hay tranh hơn nhau về tài năng để chiếm được sự ngưỡng mộ thán phục của mọi người. Người có tài rồi thì bị sự khoái trá của cảm giác hơn người chiếm lấy tâm hồn. Đó chính là kiêu mạn vì tài năng.

Ví dụ cùng là ca sĩ, người này dễ bị cảm giác là mình ca hay nhất; trong họa sĩ cũng bị cảm giác tranh mình đẹp nhất. Ngay cả giảng sư Phật học cũng vẫn có ý nghĩ là mình giảng hay nhất.

Vì vậy người có tài phải biết diệt trừ kiêu mạn, biết tôn trọng mọi người, lúc nào cũng mong sao cho mọi người giỏi hơn mình.

Hai, hơn người về địa vị, hoặc bằng cấp. Người có chức quyền lớn hơn thì đương nhiên phải được nhiều người vâng lời hơn, kính trọng hơn. Chính vì thường xuyên được nhiều người kính trọng vâng lời nên kẻ có địa vị lớn dễ bị kiêu mạn vì chức vụ của mình. Ví dụ một người là chủ tịch sẽ bị ý niệm chủ tịch đeo đẳng tâm hồn mình mỗi khi tiếp xúc với người, không quên được. Đúng ra chỉ nên nhớ tới trách nhiệm chủ tịch mà mình phải gánh vác hơn là nhớ đến địa vị chủ tịch đó. Có nhiều người lãnh đạo quốc gia mà thái độ rất khiêm hạ chỉ bởi vì họ biết quên địa vị khi tiếp xúc với mọi người.

Ba, hơn người về tuổi tác. Hầu hết mọi người đều bị kiêu mạn về tuổi tác, trừ những người chết non. Theo tập quán Á đông, người nhỏ tuổi phải biết kính trọng người lớn tuổi. Đây là nét văn hóa đẹp của Á đông. Riêng Việt Nam, để bày tỏ lòng kính trọng, chúng ta còn có rất nhiều đại từ để phân biệt người trên người dưới rõ ràng.

Và như thế, khi còn nhỏ, số người lớn tuổi như ông bà cô chú bác anh chị để chúng ta kính trọng đầy khắp chung quanh. Do đó, vô tình chúng ta thành tựu tâm khiêm hạ, mà khi có tâm khiêm hạ, chúng ta sẽ thành tựu nhiều công đức lành về sau. Đến khi lớn dần lên, người lớn để ta kính trọng chết dần, người nhỏ hơn như con cháu em út phải kính trọng ta sinh ra nhiều thêm. Ta bước dần vào một môi trường được kính trọng, ngược hẳn với lúc nhỏ. Đây chính là lúc nguy hiểm vì khi “bị” kính trọng nhiều như thế, chúng ta sẽ rơi vào cảm giác khoái chí của kiêu mạn lúc nào không hay. Ta bị đẩy vào kiêu mạn mà mình không hề muốn. Và như đã nói, kiêu mạn làm hư hỏng tâm hồn nhanh chóng.

Ngạn ngữ Việt Nam có câu: Già sinh tật, đất sinh cỏ, là do ông bà ta đúc kết từ kinh nghiệm cuộc sống thực tế. Ông bà ta thấy sao ai lớn tuổi rồi tự nhiên khó tính cáu gắt, hờn giận, bèn gọi là già sinh tật, mà không hiểu tại sao, bèn cho rằng chuyện già sinh tật cũng tự nhiên như đất sinh cỏ vậy thôi. Thật ra sinh tật là dấu hiệu tâm hồn bị hỏng, bởi kiêu mạn. Khi chưa bị kiêu mạn bởi tuổi tác, chúng ta dễ là người độ lượng, tha thứ, từ tốn dễ thương. Khi có kiêu mạn vì tuổi tác rồi, những đức tính dễ thương hồi trẻ mất dần, chúng ta bắt đầu xuất hiện thái độ hay cự nự, nằm bỏ cơm không ăn, trách móc hờn dỗi đủ chuyện làm con cháu khổ sở.

Để tránh bệnh sinh tật lúc già đó, chúng ta phải chuẩn bị tu tập tâm khiêm hạ ngay từ bây giờ, nếu không về già làm khổ con khổ cháu.

Ngay cả người tu sĩ cũng vậy, tuổi đạo càng lớn càng dễ bị kiêu mạn vì hạ lạp. Lễ nghi cung kính trong đạo Phật còn kỹ lưỡng hơn ngoài đời rất nhiều nên người mới tu buộc phải có thái độ rất mực tôn trọng người tu lâu. Và quy luật tâm lý khắc nghiệt đó cũng không buông tha ai cả. Người tu lâu cũng sẽ bị kiêu mạn, thậm chí còn nặng hơn người đời, vì tuổi tác trong đạo, nếu người này không tu tập sâu sắc tâm khiêm hạ.

Thật ra phải tu chứng đến Alahán mới bứng hết gốc rễ của kiêu mạn, theo như Phật nói. Tu đến quả vị Anahàm thứ ba mà mạn trong 5 hạ phần kiết sử cũng còn. Phải chứng hán Alahán mới hết hẳn cái kiết sử mạn đó. Do đó bây giờ tuy chưa chứng Alahán, nghĩa là chưa hoàn toàn hết kiêu mạn, nhưng chúng ta khéo tu tập tâm Khiêm hạ cũng có thể kèm giữ tâm ý mình để không tạo nghiệp khoe khoang hay khinh thường người khác.

Bốn, khi được người tôn trọng vâng lời. Có nhiều nguyên nhân để được người khác tôn trọng vâng lời, nhưng một khi đã được tôn trọng vâng lời rồi

thì tâm kiêu mạn rất dễ xuất hiện.

Tâm lý con người ai cũng muốn được tôn trọng, được vâng lời. Ta chỉ thích đến nơi đâu mà ta được tôn trọng, và sẽ tránh xa nơi mình bị coi thường. Ai cũng vậy, cũng cần được yêu thương và tôn trọng. Biết như thế, ta phải tu dưỡng đạo đức sao cho có thể yêu thương và tôn trọng mọi người tràn đầy. Chúng ta tu tập Từ bi để yêu thương, chúng ta tu tập Khiêm hạ để tôn trọng. Có thể chúng ta không có tiền bạc vật chất để biếu tặng mọi người, đôi khi chúng ta cũng chưa đủ Phật Pháp để san sẻ với người, nhưng chúng ta có thể có rất nhiều tình Thương yêu và sự Tôn trọng để dâng tặng cho cuộc đời, cho con người. Lòng thương yêu và sự tôn trọng đó cũng khiến cho nhau được an vui ấm áp.

Khi người Phật tử đến chùa đâu có được tiếp xúc trực tiếp với đức Phật. Họ chỉ nương tựa vào Tăng Ni để tìm đạo lý, tìm chỗ dựa tinh thần. Nhưng để làm chỗ dựa tinh thần cho Phật tử, Tăng Ni phải có lòng thương yêu rất lớn. Người ta chỉ nương tựa vào nơi nào có bóng dáng của Thương yêu mà thôi. Vì vậy người xuất gia không được giữ lâu lòng hận thù, ganh ghét, ích kỷ. Phải nhanh chóng phá vỡ sớm ngày nào hay ngày ấy.

Ngoài ra, chúng ta còn phải có lòng tôn trọng Phật tử nữa. Trên nguyên tắc, người cư sĩ phải tôn kính người xuất gia, thậm chí ở Việt Nam người Phật tử còn phải xưng con với Tăng Ni bất kể tuổi tác. Nhưng đạo đức Khiêm hạ cũng buộc người xuất gia cũng phải biết tôn trọng người Phật tử trở lại.

Chúng ta không được nghĩ rằng bốn phận người cư sĩ chúng ta, còn chúng ta thì không bị bắt buộc như thế. Thật ra cả hai đều phải tôn trọng lẫn nhau, chỉ khác là cách thức tôn trọng mỗi bên mỗi khác. Cư sĩ tôn trọng Tăng Ni theo đúng bốn phận người em, người học trò. Tăng Ni tôn trọng Phật tử theo đúng bốn phận của người đệ tử Phật với nhau, của con người và con người với nhau; và còn phải yêu thương người Phật tử như người đi trước với người đi sau nữa. Hãy nhớ rằng hễ là con người, ai cũng cần được, và đáng được thương yêu tôn trọng. Chúng ta không được quên điều này.

Chúng ta không nên đòi hỏi sự tôn trọng cho chính mình, vì đó là tham vọng và kiêu mạn, nhưng chúng ta lại có bốn phận tôn trọng người. Đây là nguyên tắc của Đạo đức.

Chúng ta càng phải khéo léo quý hóa những Phật tử nghèo, bệnh hoạn, tật nguyền vì họ rất dễ tủi thân. Người tu phải đủ đạo lực để nhìn thấy họ đang ngồi lặng lẽ ở một góc nào đó trong sân chùa. Tại sao phải gọi là đủ đạo lực mới nhìn thấy? Bởi vì trước mắt chúng ta đang bị che bởi những người giàu có sang trọng hơn. Nếu không có lòng thương yêu chúng sinh, chúng ta sẽ không thấy được những người nghèo đang có mặt ở chùa.

Tâm kiêu mạn còn sinh ra một khát vọng ghê gớm hơn, chính là tham vọng quyền lực. Đây cũng là một bản năng rất sâu kín của con người, rất nguy

hiểm. Sở dĩ người ta muốn có quyền lực bởi vì quyền lực cho người ta được quyền quyết định số phận của người khác, được người khác phải vâng phục, sợ hãi, cung kính.

Để tranh giành quyền lực, con người đã tưới máu khắp cả hành tinh này. Ở mức độ tranh giành quyền lực nhỏ, người ta chỉ công kích nói xấu nhau chút đỉnh. Nhưng ở mức độ tranh giành quyền lực lớn như cỡ quốc gia, sự tình không hề đơn giản, người ta sẵn sàng giết nhau không thương tiếc.

Nếu thích người khác phải nghe lời mình, chúng ta cũng đang ngầm ngầm có tham vọng quyền lực rồi đấy. Người tu đúng thích nghe lời người khác để diệt bản ngã, nhất là được vâng lời những kẻ trí tuệ đạo hạnh thanh cao.

Người không biết tu thì thích được người khác vâng lời mình. Đó là dấu hiệu của kiêu mạn, tham vọng, ngã chấp, và dĩ nhiên là tội lỗi.

Kiêu mạn tàn phá công đức, nhân cách

Ở mức độ thấp, kiêu mạn phá dần những đức tính tốt của mình, làm cho mình trở nên xấu đi. Ngay cái ý niệm tự cho mình hơn người khác cũng là xấu rồi.

Còn ở mức độ lớn, kiêu mạn lộ ra bên ngoài khiến ta làm nhiều chuyện ác độc, có thể dọa địa ngục về sau.

Kiêu mạn luôn dẫn đến ô nhiễm, đó là nguyên lý tuyệt đối đúng! Ô nhiễm được biểu hiện ra 5 điều sau đây:

Nóng nảy – Tham ái – Tham dục – tham vật chất – Chuộng hình thức

Thứ nhất là nóng nảy. Khi có ngã mạn, chúng ta thường nổi nóng dễ dàng khi có chuyện trái ý nghịch lòng.

Không phải người tu lúc nào cũng xuề xòa buông xuôi thụ động, mà đôi khi phải có thái độ rõ rệt trước việc làm sai trái của người khác. Nhưng khi la rầy, người nổi nóng và người không nổi nóng khác nhau rất xa. Người trầm tĩnh có thể nghiêm mặt để buộc kẻ có lỗi phải biết sợ, nhưng trong lòng không bị “bốc hỏa”. Còn người nổi nóng thì tâm bị “vỡ”, có cảm giác bốc hỏa thật sự trong lòng. Thái độ người này sẽ có vẻ dữ, hung hăng, đôi khi lóc chóc, có thể làm người ta sợ nhưng không phục lắm.

Tâm khiêm hạ làm chúng ta bình tĩnh, và có uy, có thể im lặng nhìn mà vẫn làm kẻ có lỗi phải sợ. Tâm kiêu mạn làm chúng ta nổi nóng, kém uy đức, khiến người khác không phục lắm.

Thứ hai là tham ái. Thứ ba là tham dục. Tham ái và 2 tham dục khác nhau một chút.

Tham ái là tình cảm thương yêu giữa nam và nữ. Tham dục là sự ham thích về nhục dục. Thông thường thì tham ái đưa đến tham dục, ví như nam nữ yêu nhau rồi tiến đến hôn nhân. Nhưng cũng có khi không cần tình cảm vẫn có tham dục, ví như những trường hợp mua bán dâm mà báo chí vẫn đăng tải.

Khi kiêu mạn tràn đầy thì tham dục và tham ái sẽ từ từ hiện diện, dù trước đó chúng ta giữ được trong sạch. Có những người tu luyện theo một tông phái đặc biệt có thể phát triển loại thần thông chữa bệnh, tiên tri, thay đổi hoàn cảnh. Nhưng vì không khéo giữ tâm khiêm hạ nên người này dần dần bị kiêu mạn chi phối. Và theo quy luật khắc nghiệt của tâm lý, kiêu mạn xuất hiện thì tham ái và tham dục sẽ nổi theo.

Thứ tư là tham vật chất. Trước kia chưa kiêu mạn, chúng ta có thể sống thanh bai giản dị, không cần vật chất nhiều, dễ dàng bố thí, sống bình an trong hiện tại, không bận tâm tới thiếu đủ của ngày mai, không tích tích lũy. Nhưng nếu có kiêu mạn hiện diện trong tâm, mọi cái sẽ từ từ thay đổi. Chúng ta sẽ cảm thấy tiền bạc là quan trọng, thích giàu có, tích lũy, tham lam. Đó chính là dấu hiệu của ô nhiễm.

Thứ năm là chuộng hình thức. Khi còn khiêm hạ, chúng ta chỉ chú trọng nhiều vào nội dung thực chất, vào tâm hồn trí tuệ. Hình thức dĩ nhiên cũng cần phải có nhưng không được quan tâm nhiều. Ví dụ đối với ngôi chùa, ta sẽ quan tâm nhiều về việc tu học của đại chúng hơn là tô điểm cảnh quan; ví dụ đối với việc làm từ thiện, ta sẽ quan tâm đến người cần giúp hơn là phô bày.

Khi nào chúng ta còn giữ được tâm khiêm hạ thì 5 cái ô nhiễm này tạm thời tránh xa mình một chút. Một chút thôi chứ không phải mất luôn. Rồi đến khi nào tâm ta xuất hiện kiêu mạn thì 5 cái ô nhiễm này ập tới liền. Vì vậy người tu phải khéo léo giữ gìn tâm khiêm hạ suốt đời để đừng bị ô nhiễm xâm chiếm. Chúng ta phải cảnh giác thường xuyên đối với tâm kiêu mạn, phải làm sao nhanh chóng nhận ra ý niệm kiêu mạn ngay khi nó vừa mới manh mún. Cái khả năng nhanh chóng nhận ra ý niệm kiêu mạn ngay khi nó vừa mới manh mún chính là trí tuệ. Trí tuệ trong đạo Phật chính là khả năng kiểm soát tâm niệm sai lầm của mình; còn những hiểu biết kiến thức chỉ là nền tảng ban đầu mà thôi.

Như chúng ta đã nói, đỉnh cao trí tuệ trong đạo Phật chính là vô ngã. Chúng ta phải luôn luôn nhắm đến cái đỉnh này để giữ lộ trình tu tập của mình không bị sai lệch. Có khi chúng ta rẽ phải một chút, có khi chúng ta rẽ trái một chút, nhưng lúc nào chúng ta cũng nhắm đến cái đỉnh Vô ngã đó, và sẽ không sợ lạc đường.

Tuy nhiên vô ngã không đơn giản chút nào. Có người tu tập thiền định đắc được sơ thiền, thấy tâm mình rỗng rang như là không còn gì trong đó nữa, thấy tâm mình như hố thẳm không đáy, có cảm giác như mình buông tay không còn nắm giữ điều gì, nên nghĩ mình đã chứng vô ngã. Thật sự lúc đó bản ngã vẫn còn rất lớn. Rồi đến như nhị thiền tắt sạch vọng niệm, tâm như trời đất bao la khiến hành giả không còn nghi ngờ rằng mình đã chứng rất cao. Đâu ngờ rằng bản ngã vẫn mỉm cười ngạo nghễ.

Chúng ta phải hiểu rằng vô ngã tức là trở thành toàn thể vũ trụ. Ý nghĩa này rất lớn. Vì vậy đừng bao giờ xem thường sự tồn tại nguy hiểm của bản ngã, cũng như đừng bao giờ xem thường giá trị siêu việt của vô ngã.

Thật ra chúng ta vẫn nghe giảng dạy về ý nghĩa vô ngã và đôi khi ngồi thiền quán vô ngã một chút bằng cách quán thân này hư ảo không phải là ta, những tư tưởng tiếp nối thay đổi này là hư ảo không phải là ta. Chúng ta hy vọng quán vô ngã như vậy sẽ đi đúng đường về vô ngã. Nhưng thật ra tu vô ngã như vậy là thiếu căn bản. Vì sao? Vì chưa khéo léo đi xuyên qua việc tu tập tâm khiêm hạ.

Quán vô ngã như trên cũng tốt, cũng làm thân tâm nhẹ nhàng, vẫn nhiếp tâm được. Nhưng điều rất lạ là kiêu mạn vẫn tiềm tàng tồn tại. Đây quả là điều rất lạ. Chính vì vậy mà chúng ta nói, nếu không tu tập khiêm hạ thì quán vô ngã như trên vẫn chưa kỹ.

Kiêu mạn chỉ là một ý niệm không có thực thể, nhưng chi phối được tâm hồn nhân cách của con người. Đó chỉ là một ý niệm tự cho mình hơn người. Khi quán thân tâm này không thật, chúng ta không đánh thẳng vào ý niệm tự cho mình hơn người đó. Vì vậy tuy thấy tâm hồn có nhẹ nhàng hơn, nhưng chúng ta vẫn chưa gỡ ra được ý niệm tự kiêu.

Do đó, chúng ta phải khôn ngoan đi qua con đường tu tập khiêm hạ để diệt trừ ý niệm kiêu mạn thâm kín đó trước khi đi sâu vào quán vô ngã. Tu tập khiêm hạ để thấy mình tầm thường nhỏ bé như cát bụi cỏ rác, chưa phải là đỉnh cao trí tuệ, nhưng vô cùng cần thiết.

2. Tu tập khiêm hạ:

a) Cầu Phật gia hộ:

Trước khi tu tập tâm khiêm hạ, chúng ta phải biết lễ Phật cầu gia hộ, vì tất cả công đức lành đều từ công đức tôn kính Phật mà thành tựu. Tôn kính Phật là công đức căn bản của mọi công đức khác.

Có 2 cực đoan cần phải tránh, đó là,

một, chủ trương mọi điều phải tự mình tạo ra, không nhờ cậy đến ai bên ngoài, kể cả Phật. Người chủ trương như vậy cực kỳ kiêu mạn nhất là mỗi khi có chút thành công gì đó. Và người như vậy cũng không thành công lâu dài, thất bại sẽ đến sớm.

hai, là cái gì cũng cầu xin và chờ đợi thần thánh giúp đỡ, không chịu cố gắng làm việc hay tạo phước bởi nỗ lực của chính mình. Người như vậy có vẻ khiêm hạ, nhưng thật ra là nhu nhược, yếu đuối và ích kỷ. Dĩ nhiên nếu không có tạo phước thì cũng chẳng có thành công nào đến với mình.

Còn trung đạo là vừa biết nỗ lực tự thân, vừa biết cầu Phật gia hộ. Sở dĩ chúng ta phải nỗ lực tự thân vì chúng ta biết có luật Nhân quả, có gieo mới có gặt. Nếu chúng ta không cố gắng hành động thì chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

Còn sờ dĩ chúng ta phải biết cầu Phật gia hộ vì cái ta không thật có, cho nên lòng Từ bi và uy lực của Phật vẫn đến được với tâm hồn mình. Nếu cái ta có thật thì không ai cảm ứng với ai được vì mỗi người là một khối đá cứng chắc.

Chúng ta sẽ quỳ dưới Phật đài, chân thành phát nguyện: xin mười phương Phật gia hộ cho con lúc nào cũng thấy mình tầm thường nhỏ bé, chỉ như là cát bụi cỏ rác mà thôi, xin cho con biết tôn trọng mọi người, dù là người nghèo khổ hèn kém.

Nhờ lời khấn nguyện đó, mỗi khi ý niệm kiêu mạn nổi lên, tự nhiên Phật sẽ gia hộ ta phát hiện ra ý niệm đó nhanh chóng, không để ta rơi vào lầm lỗi.

b) Khi tọa thiền:

Khi bước vào tọa thiền, ta bắt đầu công phu bằng cách khởi tâm tôn kính Phật, quán từ bi, và tác ý khiêm hạ. Khi tác ý khiêm hạ, ta phải tự xem mình như cát bụi, như cỏ rác.

Một cô Phật tử đã từng bị bệnh tâm thần lên viếng chùa. Thầy trụ trì nhận thấy nguyên nhân bệnh của cô là do kiêu mạn, nên khuyên cô hãy tác ý xem mình như cát bụi cỏ rác để đối trị tâm bệnh như thế. Vài hôm sau khi được hỏi lại, cô nói không thể xem mình như cát bụi cỏ rác được vì nghĩ mình là con người đàng hoàng. Thầy trụ trì nói cô bị bản ngã cứng quá nên không thể xem mình như cát bụi cỏ rác được, chứ còn rất nhiều người đều làm được như thế. Cô có vẻ nhận ra. Sau này cô ráng thực hành theo, tự nhiên bệnh tâm thần bớt dần, đến độ có thể đi làm việc được.

Chúng ta cũng vậy, khi ngồi thiền phải biết xem mình như cát bụi cỏ rác, và nhớ nghĩ đến công đức của Phật bao la vời vợi không thể đo lường được.

Ngày hôm nay chúng ta có làm được chút xíu công đức gì đó như tụng kinh, bố thí, cúng dường, thuyết pháp, cất chùa... so với Phật thì chỉ như hạt cát. Công đức Phật như biển cả mênh mông mà chúng ta chỉ là giọt nước; công đức Phật như ngọn cao sơn mà chúng ta chỉ như hạt bụi.

Khi đức Phật xuất hiện ở kiếp cuối cùng thì thế giới chưa có phương tiện kỹ thuật như bây giờ, con người chưa thể giao lưu rộng rãi với nhau qua các vùng đất rộng lớn, nên Phật cũng chỉ giáo hóa tới lui vùng Nepal, Đông Bắc Ấn độ. Số người được Phật hóa độ không thể gọi là quá nhiều. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng trước đó và sau đó là khác. Từ vô lượng kiếp trước, Phật đã gieo duyên giáo hóa chúng sinh vô biên vô lượng với vô số hóa thân.

Vì thế, trong kinh điển Đại thừa, Bồ tát Phổ Hiền nói rằng: Ta dùng đạo nhãn xem khắp tam thiên đại thiên thế giới, không thấy có chỗ nào mà Phật không từng bỏ thân mạng vì chúng sinh. Nghĩa là sự hy sinh của Phật đối với chúng sinh là không bờ bến. Phải có công hạnh vị tha gần như tuyệt đối như vậy một người mới có thể chứng thành Phật quả. Và chỉ có Bồ tát mới hiểu được điều đó vì các ngài cũng đang thực hành công hạnh Bồ tát nên mới hiểu

Phật được như vậy.

Vô số chúng sinh nhờ ơn Phật giáo hóa vẫn an trú cõi trời. Khi Phật chứng đạo, số chư thiên tử đến học đạo với Phật cũng rất đông.

Và sau khi Phật diệt độ, ảnh hưởng của Phật để lại cho nhân loại là vô giá. Ngày nay khi trình độ nhận thức con người tăng cao, những nhà trí thức trên thế giới đều phải công nhận rằng đạo Phật là cao quý nhất trong tất cả tôn giáo của nhân loại.

Chúng ta với tâm trí cạn cợt của phàm phu nên không thể hiểu Phật như các vị Bồ tát. Chính vì hiểu Phật nên Bồ tát Phổ Hiền đã giới thiệu 10 hạnh cao quý của chư vị Bồ tát, trong đó, công hạnh ban đầu là nhất giả lễ kính chư Phật. Ngày nay chúng ta có tu theo bất cứ công hạnh nào cũng phải lấy hạnh tôn kính Phật làm căn bản. Nếu một pháp môn nào, một tông sư nào giới thiệu các phương pháp tu khác nhau, nếu thiếu giới thiệu về hạnh tôn kính Phật thì con đường đó vẫn thiếu căn bản. Ví dụ lục độ gồm Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, vẫn thiếu Lễ kính Phật. Hoặc chủ trương cho tâm mình là Phật rồi không thiết tha lễ kính Phật, vẫn là mất căn bản.

Khi ngồi thiền, chúng ta vì hiểu được công đức vô lượng của Phật nên biết mình chỉ là cát bụi cỏ rác. Nếu không hiểu như vậy, chúng ta cứ tưởng mình giỏi lắm, cao lắm, quan trọng lắm, hơn người nhiều lắm... thật là đáng thương. Đôi khi trong đời, chúng ta cũng làm được một số điều hay nào đó, nhưng hãy tỉnh táo nhớ rằng những điều đó chưa đáng là gì so với chư Thánh. Phải hiểu như vậy, ta mới chân thành xem mình chỉ là cát bụi cỏ rác. Nếu không, dù có khởi nghĩ mình là cát bụi cũng không thành tâm, cũng rất gương gạo.

Càng có trí tuệ hiểu được Phật thêm chút nào, tự nhiên tâm ta thêm khiêm hạ chừng nấy, đó là lý do tại sao người có trí thường là người khiêm hạ; ngược lại, người kém trí dễ là người kiêu mạn. Khi đủ tâm khiêm hạ, chúng ta chỉ xin được làm hạt bụi nơi bước chân Phật dẫm qua mà thôi.

c) Khi có dịp đạt được những kiến thức đặc biệt:

Đôi khi chúng ta may mắn được truyền thụ một số kiến thức đặc biệt nào đó, hoặc do tự mình tìm ra những kiến thức đó, phải nhanh chóng tỉnh táo thấy rằng những hiểu biết đó so với chư Thánh chẳng đáng là gì cả, vẫn còn cạn cợt, và chưa phải tuệ giác của sự chứng ngộ.

Ví dụ như khi ta học về Tứ Niệm xứ để quán sát thấy Thân là bất tịnh, Thọ là khổ, Tâm là vô thường, Pháp là vô ngã. Chúng ta thực hành và thấy được an lạc. Hoặc theo lý Không của Bát Nhã kinh để quán sát tất cả là không, và cũng cảm thấy tâm có an lạc. Nhưng chúng ta phải hiểu điều này nữa, tất cả điều đó đều là học hỏi của Phật, lập đi lập lại trong tâm mình để bớt vọng tưởng phiền não, chứ chưa hề là sự chứng ngộ sâu xa vi diệu nào cả. Dù có

được một ít an lạc vẫn là còn rất cạn so với chư Thánh.

Chúng ta nhớ câu chuyện về Bồ đại hòa thượng là một ông già vui tính, mập mạp, lúc nào cũng vác theo một túi vải bụi trên vai. Ngài thường hay chơi đùa với trẻ, và nhiều lúc cũng bày tỏ thần thông siêu phàm. Không ai biết được ngài là ai, đến từ đâu, mặc dù cũng thần phục ngài về nhân cách và trí tuệ. Mỗi đến khi mất, ngài ngồi kiết già thị tịch sau khi để lại bài kệ:

Di lạc chân Di lạc

Hóa thân thiên bách ức

Thời thời thị thời nhân

Thời nhân thường bất thức.

Nghĩa là:

Di lạc thật sự là Di lạc

Đã hóa thân vô số khắp nơi

Lúc nào cũng dạy dỗ mọi người

Nhưng người đời thường không biết.

Chúng ta hãy nghĩ một người có thể hóa thân ra vô lượng, hoặc hiện thành hình hài cụ thể, hoặc chỉ là tâm linh, để đến với vô số chúng sinh trong các nẻo luân hồi, thật không thể dùng lời để diễn tả sự vĩ đại như thế. Tâm chúng như thế so với chúng ta hiện nay thì đúng là đại dương so với giọt nước. Chúng ta chỉ ngồi thiền được vài giờ, hiểu một số kinh điển, thương được một ít chúng sinh, đôi khi thuyết được ít bài pháp thì mừng vội thấy mình là to tát. So với Phật, chúng ta chỉ là cát bụi, đó là cách nói chính xác, không hề cường điệu chút nào.

Ví dụ ở trường Phật học, chúng ta học được bộ kinh Kim Cang, kinh Pháp Hoa, thậm chí bộ kinh lớn Hoa Nghiêm thì cũng chưa là gì ghê gớm cả. Đừng để những sở học đó làm xuất hiện tự hào kiêu mạn trong lòng mình.

d) Khi giỏi hơn người chung quanh:

Có trường hợp do phước quá khứ, cộng với nỗ lực của hiện tại, chúng ta được thành tích giỏi hơn nhưng người chung quanh. Ví dụ như chúng ta được xếp hạng cao trong lớp, hoặc được Phật tử quý mến cúng dường nhiều hơn, hoặc được bằng cấp tốt hơn huynh đệ... Những trường hợp như vậy, chúng ta phải khéo tác ý để ngăn chặn tâm kiêu mạn xuất hiện. Tác ý như sau.

Thứ nhất, phải nghĩ rằng mình giỏi, còn có nhiều người giỏi hơn, mà giỏi cực kỳ chứ không phải giỏi sơ sơ.

Thứ hai, so với chư Thánh thì ta chỉ là hạt bụi.

Thứ ba, nếu vì một chút giỏi này mà kiêu mạn thì sẽ mất tất cả, sẽ đọa xuống trở lại sự tầm thường.

Thứ tư, mong cho những huynh đệ chung quanh đó sẽ giỏi hơn mình.

Chúng ta đừng tác ý thấy mình dở hơn huynh đệ trong khi thật sự thì mình

giỏi hơn, vì đạo Phật là đạo của sự chân thật. Tuy nhiên trong cái giỏi hơn đó, chúng ta khéo léo tác ý những điều hợp lý như trên để ngăn chặn tâm kiêu mạn của mình.

e) Khi thấy người dở kém:

Có trường hợp ta gặp phải người dở kém quá đáng. Người kém một chút, vụng một chút thì cũng không làm ta bận tâm gì. Nhưng một người quá sức tệ thì dễ làm ta khinh thường. Dĩ nhiên là khinh người thì quả báo xấu sẽ đến.

Vì vậy khi gặp phải người quá tệ, chúng ta phải biết khởi tâm Từ bi thương xót và cầu mong cho họ vượt qua tình trạng tệ hại đó. Nếu được thì ta sẽ giúp đỡ cho họ vượt qua, chứ tuyệt đối đừng coi thường. Chính tâm Từ bi sẽ ngăn chặn tâm khinh người xuất hiện. Ví dụ như ta gặp những người quá thiếu phước, không nhà cửa, sống lầy lắt bên vỉa hè. Rồi có khi ta phát hiện ra nhân cách của họ cũng rất tệ. Hai điều đó hợp lại khiến ta dễ khinh thường họ lắm. Nhưng vì ta là đệ tử Phật, ta phải nhanh chóng khởi Từ bi thương xót họ, mong cho họ biết đạo lý, làm được những việc lành chút chút để rồi từ từ vượt qua cảnh khổ. Chúng ta cũng ủng hộ chương trình ổn định cư trú cho người không nhà của Nhà nước.

Tuyệt đối ta không được ý mình là người có phước mà khinh thường kẻ cơ nhỡ.

3. Dấu hiệu tâm khiêm hạ xuất hiện:

a) Lễ độ:

Lễ độ là dấu hiệu của khiêm hạ. Khi có hạnh Khiêm hạ, tự nhiên ta luôn bày tỏ thái độ tôn trọng người khác qua lời nói và cử chỉ. Sự bày tỏ như thế được gọi là lễ độ, hay lễ phép.

Cũng có trường hợp người bên trong kiêu căng, nhưng vẫn tỏ ra lễ phép vì quen cư xử theo tập tục, văn hóa của xã hội. Nhưng sự lễ phép đó vẫn có vẻ gượng gạo, không chân thành.

Thái độ lễ phép được biểu hiện qua lời nói nhẹ nhàng, ân cần, kính cẩn, có nhiều tiếng dạ thưa đi kèm, tiếng xưng hô đại từ thích hợp... Ngoài cách nói tôn trọng, lễ phép cũng bao gồm cách lắng nghe với vẻ chăm chú quý hóa những lời nói của người. Biết nghe cũng là biết tôn trọng.

Rồi nhiều cử chỉ được dùng để bày tỏ sự tôn trọng người như cúi chào, đưa và nhận bằng 2 tay, khế cúi đầu khi buộc phải đi qua trước mặt người khác, vị trí đứng ngồi nằm hợp lý trong hoàn cảnh đó, tư thế đi đứng ngồi nằm đàng hoàng...

Ngay cả huynh đệ ở chung một chùa lâu ngày cũng không được xem thường, vẫn phải cư xử lễ phép với nhau. Những người có trí tuệ, dù thân tình vẫn không cư xử suồng sã. Chính vì luôn luôn cư xử lễ độ với nhau mà tình nghĩa càng lúc càng bền càng đẹp. Làm sao cho người cư sĩ đến chùa

lúc nào cũng trông thấy quý thầy cô cư xử nhã nhặn lễ độ với nhau, như khách quý.

Đừng nghĩ mình là tu sĩ thì được quyền xem thường Phật tử. Chúng ta phải tập giữ gìn sự khiêm cung để luôn tôn trọng mọi người, dù Tăng hay Tục. Tiếng dạ thưa phải nằm nơi miệng thường xuyên. Lịch sự Tây phương ngày nay thì hay sử dụng từ cảm ơn, xin lỗi. Chúng ta cần học tập những điều tốt như thế.

Lớp trẻ bây giờ kém lễ độ hơn ngày xưa vì không được dạy dỗ kỹ lưỡng. Nhà trường không dạy kỹ, mà gia đình cũng không hướng dẫn. Chính vì thiếu lễ độ nên trẻ thiếu khiêm tốn; chính vì thiếu khiêm tốn nên trẻ dễ hư hỏng. Khi thấy trẻ hư hỏng nhiều quá thì nhà trường mới lật đật nhắc lại phương châm tiên học lễ, hậu học văn (trước phải học đạo đức, sau mới học kiến thức). Dù sao chúng ta cũng thiệt thòi mấy mươi năm về giáo dục nhân cách cho trẻ.

Nhật là nước nổi tiếng lễ nghĩa với nền văn hóa đẹp đẽ. Hãy nhìn người Nhật chào nhau một cách chịu cực là cúi gập người xuống để hiểu họ xem trọng lễ phép dường nào. Còn quốc gia nào có lối chào hỏi sơ sài cũng chứng tỏ họ hời hợt về văn hóa. Ước gì Nhật giữ được văn hóa như thế mãi để làm gương cho thế giới. Tuy nhiên, hiện nay ảnh hưởng của lối sống Tây phương cũng đang đánh phá vào văn hóa truyền thống của Nhật khiến lớp trẻ đang mất dần nét đẹp trong cung cách quốc gia. Việt Nam cũng phải lấy đó làm bài học cho mình.

b) Xưng hô cần trọng:

Việt nam ta có một ngôn ngữ mà hệ thống xưng hô đại từ rất phức tạp, bày tỏ rất rõ thái độ, vai vế, thành phần giữa người nói và người nghe. Vì vậy chúng ta phải cẩn thận khi sử dụng đại từ xưng hô cho khéo léo để bày tỏ sự tôn trọng với người.

Chúng ta nên bỏ chữ thẳng, con trước tên gọi. Ví dụ, chỉ nên gọi là Hùng, Sơn, Thúy chứ không nên gọi là thẳng Hùng, Thẳng Sơn, con Thúy...

Khi nói về người ở ngôi thứ 3 số ít hay nhiều, nên tránh dùng chữ nó, bọn họ, mấy đứa đó, cái đám đó... Nếu là người ngang hoặc thấp vai vế hơn mình, nên gọi bằng tên khi nói về người vắng mặt. Ví dụ nói rằng: Tuấn đã cho tôi cuốn sách này, và bây giờ tôi xin tặng lại anh. Anh có gặp Tuấn thì nói tôi gửi lời thăm Tuấn. Tuyệt đối đừng nói là: Anh có gặp nó thì nói tôi gửi lời thăm nó.

Người Việt Nam hay có một thói quen xấu là kêu các nghệ sĩ bằng thẳng, con. Ngay cả diễn viên đóng vai Đường Tam Tạng cũng bị gọi là thẳng Đường Tăng. Người lớn kêu nghệ sĩ một cách khinh miệt nên trẻ con cũng bắt chước kêu như vậy. Thật là hỗn láo khi một đứa trẻ kêu thẳng con với các nghệ sĩ đáng tuổi cha mẹ của bé. Đây là một điểm đen trong văn hóa Việt

Nam, làm tổn phước rất nhiều.

Người tu trong chùa cũng không thoát ra khỏi cái thói quen xấu của thế gian đó, và cũng gọi nhau với giọng khinh thường như thế. Có chùa, thầy lớn kêu mấy thầy nhỏ bằng thằng luôn. Rồi có khi vài thầy kêu quý cô Ni bằng con luôn. Thật là không thể hiểu nổi !

Có trường hợp vài thầy quá thân với nhau nên ở sau lưng đã gọi nhau bằng thằng. Đây là điều không thể chấp nhận trong oai nghi tế hạnh của người tu. Người Phật tử không bao giờ đồng tình với việc quý thầy xưng hô thiếu tôn trọng lẫn nhau. Họ không bao giờ muốn nghe thầy này kêu thầy kia bằng thằng, nó vì đó là tất cả những người mà họ phải hô thầy, xưng con.

Rồi tệ hơn nữa, có khi người sư huynh sư tỷ nói chuyện với sư đệ sư muội mình xưng hô bằng mày tao. Có những vùng Phật giáo bị ảnh hưởng phong kiến rơi rớt lại nên người trên có lối xưng hô cực kỳ khinh miệt đối với người dưới. Nghe lối xưng hô kém tôn trọng nhau như thế thì ta biết ngay Phật giáo đó không hưng thịnh, nếu có gì thì cũng chỉ là bề ngoài.

Chúng ta hãy nghe trong các bản kinh Nikaya, các Tỷ kheo gọi nhau bằng hiền giả. Thật là nhã nhặn và lịch sự ! Ngay cả ngài Xá Lợi Phất là thượng thủ trong chúng mà vẫn gọi các tỷ kheo khác là hiền giả. Đúng là tư cách của bậc thánh. Dĩ nhiên bây giờ chúng ta không thể gọi nhau như ngày xưa, nhưng cũng không được phép gọi nhau một cách hời hợt, suông sã, thiếu tôn trọng và kém văn hóa.

Khi nói chuyện với Phật tử về một thầy hay một cô nào khác, chúng ta phải thêm chữ thầy hoặc cô vào trước pháp hiệu. Nghĩa là Phật tử tôn trọng thầy cô kia ra sao, ta cũng phải tôn trọng y như vậy, dù đôi khi vai vế ta lớn hơn thầy cô đó. Ví dụ ta sẽ nói với Phật tử là thầy Minh Trí như thế này, thầy Minh Trí như thế kia; hoặc sư cô Như Tuệ nói là, sư cô Như Tuệ nói rằng ...

c) Biết lắng nghe ý kiến người khác:

Một dấu hiệu khác của tâm Khiêm hạ là biết lắng nghe ý kiến của người khác. Ý kiến của người nào chính là đại diện của người đó. Nếu ta tôn trọng con người, ta phải tôn trọng ý kiến của họ. Đó là nguyên tắc căn bản. Dĩ nhiên không phải ý kiến nào cũng đúng, nhưng thái độ biết lắng nghe đã là biểu lộ sự tôn trọng con người. Khi lắng nghe, ta sẽ đồng ý với một số điểm này và không đồng ý với một số điểm khác, nhưng điều quan trọng của Đạo đức là biết quan tâm đến quan điểm của người khác trước đã.

Có một số người bị cái tật là hay bác bỏ ý kiến của người khác dù nghe chưa hết câu. Đó là dấu hiệu rất rõ của kiêu mạn. Chúng ta cũng vậy, nếu cứ thích gạt ngang ý kiến của người khác, phải biết là kiêu mạn đã ngự trị trong tâm mình rồi.

Thật ra không phải chúng ta chỉ học lễ phải, Đạo lý ở trường, mà phải biết học ngay trong cuộc đời. Trong nhiều người mà ta tiếp xúc, sẽ có rất nhiều

điều đáng cho ta học hỏi từ nơi họ. Đôi khi ta nhìn thấy việc làm của họ và tìm thấy một bài học lớn; đôi khi ta nghe một câu nói của họ và tìm thấy nhiều điều thú vị. Hầu hết ai cũng có điểm hay ở đâu đó. Nếu khiêm tốn, chúng ta sẽ thu hoạch nhiều bài học bổ ích từ nhiều người trong cuộc sống. Còn tâm kiêu mạn sẽ ngăn che khiến ta không thấy được cái hay của người. Chính tâm kiêu mạn đã thúc đẩy chúng ta hay sấm soi khuyết điểm của người và bỏ qua ưu điểm của họ. Vì kiêu mạn, chúng ta muốn người chung quanh phải dở xấu để chỉ còn ta là hay giỏi. Thế nên chỉ cần người khác nhúc nhích là ta đã đoán ra khuyết điểm –đôi khi suy diễn lẹ hơn sự thật, nghĩa là chỉ cần người đưa tay lên là ta đoán ngay người này sắp móc túi ! Cái khuynh hướng thích nghĩ xấu người khác rõ ràng có nguồn gốc từ kiêu mạn.

Còn khi khiêm hạ, thấy mình tầm thường nhỏ bé, tự nhiên ta dễ nhìn thấy ưu điểm của người để học hỏi. Đó cũng là động cơ khiến ta biết lắng nghe ý kiến của người khác. Rồi những khi tìm thấy những điều hay của người, lòng chúng ta hoan hỷ tán thán. Và khi biết hoan hỷ trước ưu điểm của người, Nhân quả sẽ cho chúng ta một quả báo lành tương tự ở vị lai. Khi cảm phục, hoan hỷ tán thán điều lành của người, tự nhiên điều lành đó sẽ dính vào tâm ta, trở thành của ta mà không mất công huân tập nhiều. Ví dụ ta trông thấy người có đức tính trầm tĩnh kỳ lạ và đem lòng ngưỡng mộ. Sau này tự nhiên ta cũng bắt đầu có tính cách trầm tĩnh giống giống như vậy.

Hoặc ta nỗ lực phục người siêng năng công quả lao tác, tự nhiên sau này ta cũng siêng năng giống như vậy.

Tâm khiêm hạ giống như cái trứng sâu khiến cho bao nhiêu nước đổ dồn về. Người khiêm hạ sẽ từ từ lấy được vô số đức tính tốt trong thiên hạ. Lão tử có câu nói nổi tiếng: Tại sao biển cả làm vua của trăm sông, bởi vì biển thấp mà sông cao nên các sông phải châu về. Cũng vậy, vì ta thấp xuống nên những ưu điểm của mọi người tìm về đọng lại. Nếu ta đứng lên cao như ngọn núi đá sừng sững thì các ưu điểm từ từ chảy đi mất cả. Khi kiêu mạn, ta sẽ ngày càng cô độc và cằn cỗi như ngọn núi đá khô khan đó vậy.

Chúng ta nên lưu ý một điểm khá quan trọng khi đang tu tập tâm khiên hạ, đó là tránh quan điểm độc tôn về pháp môn. Thông thường thì khi chúng ta chọn pháp môn nào để tu đều đã nhận định rằng đó là pháp môn hay nhất, ưu việt nhất. Và một hệ quả tất yếu phải đến đó là cho rằng mình hay hơn những người đang tu các pháp môn khác. Không biết kết quả tu hành về sau thế nào, nhưng ngay hiện tại thì ta đang rơi vào lỗi kiêu mạn.

Người tu Tịnh độ tông sẽ nghĩ rằng Tịnh độ tông là hay nhất; người tu Thiền tông sẽ nghĩ rằng Thiền tông là hay nhất. Rồi ngay trong Thiền tông cũng chia ra thành nhiều trường phái khác nhau, và mỗi trường phái đó lại cũng

nghĩ rằng mình hay nhất. Khi cho rằng mình hay nhất thì một hệ quả khác lại tiếp tục xuất hiện, đó là không tiếc lời chê bai người khác, trường phái khác, tông phái khác, pháp môn khác. Sự chê bai qua lại này làm đạo Phật không bao giờ đoàn kết được.

Quá trình tâm lý trên là điều rất đương nhiên, nhưng cực kỳ độc hại ! chúng ta phải hết sức cố gắng thoát ra cái quy luật tâm lý độc hại đó bằng cách chấm dứt việc cho rằng có thật một pháp môn hoàn hảo hơn hẳn các pháp môn khác.

Thật ra lỗi này không phải bắt đầu do người đệ tử, mà do chính ông thầy. Chính ông thầy đã gieo vào lòng đệ tử cái ý nghĩ rằng tu theo pháp môn của thầy là thù thắng hơn cả, có nghĩa là thầy là hơn cả, và cũng có nghĩa là tương lai người đệ tử này sẽ hơn cả. Ban đầu đến với Đạo, người đệ tử chưa bị kiêu mạn xâm chiếm, nhưng lối dạy độc tôn của ông thầy đã phá hoại tâm hồn nguyên sơ của đệ tử.

Ngày nay chúng ta phải tự thoát ra khỏi tư tưởng độc tôn đã tàn phá tâm hồn chúng ta cũng như đã gây chia rẽ đạo Phật như thế. Khi chọn một pháp môn để tu, một vị thầy để theo, chúng ta nên tìm hiểu đường lối đó có giúp chúng ta khiêm hạ hay không, có từ bi hay không. Nếu đường lối đó, vị thầy đó dạy chúng ta biết bất động trước nghịch cảnh, nhưng lại biết bi mẫn trước nỗi khổ của chúng sinh, vậy là vị thầy đó đúng. Nếu vị thầy đó dè dặt không dám chê bai ai vì biết rằng pháp môn nào cũng có ưu có khuyết, pháp môn nào cũng thích hợp với người này và ít thích hợp với người kia, vậy là vị thầy đó chân chính, ta có thể đi theo.

Ngược lại, nếu vị thầy đó cứ hứa hẹn một cách dễ dàng rằng tu theo sẽ nhanh chóng cao siêu hơn mọi người, ta nên coi chừng. Nhất là những ông thầy cứ luôn miệng đả kích các đường lối khác với mình thường dễ là tà sư. Gặp phải những ông thầy như thế, ta nên xá dài rồi lui.

Nhưng có điều lạ là ông thầy nào cứ mạnh miệng tự ca ngợi pháp môn mình hay nhất thì thường nhanh chóng có đông tín đồ. Hình như con người hơi bị dễ tin. Nhưng về sau, khi lối dạy đó làm đệ tử kiêu mạn trầm trọng rồi, những sai lầm hư hỏng sẽ xuất hiện làm cho đạo tràng đó đổ vỡ.

Ta cũng thấy gần đây trên thế giới xuất hiện nhiều giáo phái mới. Ông giáo chủ nào cũng tự cho mình là đại diện duy nhất của Thượng đế. Các “giáo chủ” cứ tha hồ nói xạo, thế nào cũng có người tin. Rồi những người tin theo sẽ giúp quảng cáo thêm cho giáo chủ. Có khi họ cũng lôi kéo được rất đông tín đồ trước khi sụp đổ.

Thỉnh thoảng ta cũng nghe trong Phật giáo có những kẻ tự cho mình bằng Phật, thậm chí hơn Phật, thay thế Phật trong thời đại mới này. Họ cũng khiến nhiều người nhẹ dạ tin theo một thời gian, nhưng rồi sự thật sẽ bày tỏ sau đó không lâu.

Những vị thầy chân chính thường dè dặt khiêm tốn, ít tự đề cao mình, cẩn thận không chê bai người, dù có trí tuệ sâu sắc. Ban đầu vị thầy như thế hiếm được người hiểu nổi nên ít ai theo. Nhưng về sau sẽ có nhiều người được lợi ích vững chắc từ đường lối đó nên sẽ phát triển.

4. Quả báo:

Khi có kiêu mạn, con đường phía trước đóng lại dần dần. Người này sẽ bế tắc, đổ vỡ thất bại. Dù có khi ta đang có tiến bộ trên đường tu, nhưng nếu kiêu mạn đã hiện diện thì sự tiến bộ đó không thể đạt đến vô lượng vô biên được, cứ tiến lên lui xuống mãi. Do đó ta không thể có ngày chứng đạo hoàn toàn.

Trường hợp như có người đời này làm quan huyện, tích lũy một số phước nên đời sau làm quan tỉnh, kiếm thêm một số phước nên đời sau nữa làm vua. Nhưng do làm vua khởi tâm kiêu mạn nên đời sau rớt làm dân thường. Khi làm dân thường lại biết tạo phước nên kiếp sau lại làm quan. Cứ quanh đi quẩn lại như vậy mãi chứ không thể vượt lên những cõi cao xa hơn trong vũ trụ.

Còn các vị Bồ tát diệt được tâm kiêu mạn nên công đức tiến dần đến vô lượng vô biên, có khi làm vua cả cõi trời, từ từ làm lợi ích cho vô số chúng sinh, làm vị Đại Bồ tát, cuối cùng chứng thành Phật quả viên mãn tuyệt đối. Trong việc tu tập cũng vậy, nếu chúng ta có đạt được chút định lực nào cũng đừng kiêu mạn mà phải biết mình vẫn còn dở, vẫn còn có thể bị thoái đạo. Lúc nào chúng ta cũng phải dè dặt cẩn thận, tôn trọng mọi người, kiểm soát từng ý nghĩ nhỏ để cho sức định chậm chậm tiến lên từng chút.

Còn giữ được khiêm hạ ngày nào thì chúng ta còn tăng trưởng công đức ngày đó, còn làm người tu hành chân chính ngày đó. Đời sau ta tiếp tục thành tựu đức hạnh, tài năng, và địa vị. Nếu đánh mất tâm khiêm hạ, những cái tốt trong tâm ta sẽ mất dần, tan vỡ dần.

Khiêm hạ và từ bi hỗ trợ cho Vô ngã

Mục tiêu quan trọng trong việc tu tập Phật Pháp là Vô ngã. Có Vô ngã mới có giải thoát. Thiền định là con đường chính để đi đến Vô ngã. Nhưng 2 công hạnh Từ bi và Khiêm hạ lại là sự hỗ trợ rất lớn. Thiếu 2 công hạnh này, chúng ta dễ lạc lối dù có được thiền định cao siêu.

Hai công hạnh trên cũng hỗ trợ qua lại cho nhau rất nhiều, vì cùng làm cho Ngã chấp mỏng nhạt. Có khiêm hạ, ta dễ thương yêu con người; có Từ bi, ta cũng dễ tôn trọng con người.

Rồi trong hành trình tu tập phía trước, đôi khi ta cũng làm nên được nhiều điều tốt. Nhưng đó chính là những lúc ta phải nhanh chóng kiểm soát tâm tự hào kiêu mạn của mình, và phải luôn tự nhắc rằng mình chỉ là cát bụi cỏ rác. Đó là câu thần chú linh nghiệm để đối trị tâm kiêu mạn mỗi khi ta muốn tự khen mình, hoặc được ai đó khen ngợi mình.

Hỏi: Người ta có thể xem thường ta nếu ta có thái độ khúm núm khiêm tốn ?
Đáp: Còn bị người khác xem thường tức là chưa đủ phước, cứ tiếp tục tôn trọng mọi người. Sau này đủ phước tự nhiên ta lại được yêu mến và tôn trọng.

Tâm lý đạo đức

5.CHỈ TRÍCH VÀ CHỈ LỖI

1. Phân biệt:

Làm lỗi là một vấn đề lớn của con người. Trong chúng ta không ai dám nhận từ nhỏ đến lớn mình không hề làm lỗi. Như vậy, một sự thật mà chúng ta phải thấy, phải đối diện là chúng ta luôn sống trong những làm lỗi, làm lỗi của người khác và của chính mình.

Về lỗi làm của chính mình, mỗi người đang từng bước tu sửa. Còn đối với lỗi của người khác, chúng ta phải có thái độ như thế nào ?

Người tu hành chúng ta thường sống có lý tưởng, có mục tiêu cao đẹp. Nếu không, ai dám từ bỏ gia đình để vào chùa sống kiếp tu hành. Chúng ta tin rằng, không ai vì sự khó khăn, thất bại hay thất tình, thất nghiệp, thất vọng... mà phải đi tu như một số tiểu thuyết đã nói. Chúng ta hiểu Đạo, mến Đạo, có nhân duyên nên mới vào chùa tu hành. Bởi vậy, mỗi người ít nhiều đều có mơ ước, mơ ước một ngày nào đó, chúng ta vượt khỏi thân phận phàm phu để bước vào dòng của những vị Thánh.

Nhưng cũng phải hiểu rằng, từ vị trí hiện tại đến vị trí Thánh Hiền, chúng ta phải vượt qua không biết bao nhiêu làm lỗi từ bản thân mình. Vì Thánh không có gì khác hơn là cực kỳ ít làm lỗi. Không phải kiếp này, còn nhiều kiếp khác nữa, chúng ta phải sửa hết những sai lầm của mình. Cho đến một ngày nào đó, lỗi lầm còn rất ít, chúng ta đã vào được dòng của những vị Thánh. Tất nhiên, đến vị trí của Đức Phật thì sai lầm hoàn toàn không tồn tại nữa.

Như vậy, phải thừa nhận một điều là trên bước đường tu hành, chúng ta vẫn còn phạm lỗi lầm và người chung chúng ta vẫn còn phạm lỗi lầm, nhưng điều quan trọng là chúng ta biết sửa chữa và vượt qua. Nếu những lỗi lầm được khắc phục sớm thì Phật pháp nhanh chóng hưng thịnh trở lại. Nếu chúng ta cũng như huynh đệ chúng ta không khắc phục được lỗi lầm, hay lỗi lầm được khắc phục với tốc độ quá chậm thì cũng có nghĩa là Phật pháp

đang suy tàn. Như vậy, lầm lỗi của mình và của người đều ảnh hưởng đến Phật pháp, đó không phải là vấn đề đơn giản.

Thêm một điều nữa, nếu tinh tấn tu hành, tinh tế kiểm soát tâm mình, sửa lỗi mình được nhiều, thì chúng ta rất nhạy, rất sắc trong vấn đề nhìn thấy lỗi người khác. (Dĩ nhiên là thấy lỗi người khác nhiều hơn thấy lỗi mình. Vì sống mà tự thấy được lỗi của mình nhiều là điều rất khó, thấy lỗi người khác thì dễ hơn). Đến khi siêng năng kiểm soát tâm mình, đối với lỗi người khác, chỉ cần nhúc nhích một chút là bị ta thấy ngay, và biết ngay người đó thuộc loại người nào. Và lúc đó, chúng ta phải có thái độ đối với lỗi của họ. Có những lỗi ban đầu không có gì nghiêm trọng, nhưng nếu để nó phát triển lâu dài thì sẽ trở thành nghiêm trọng. Cho nên, chúng ta không được để lỗi của mình và lỗi của huynh đệ tiếp tục tồn tại, phải giúp cho huynh đệ vượt qua. (Ở đây chúng ta đang nói về lỗi của người khác, không nói lỗi của mình).

Chẳng hạn, có người nào đó vừa cúng dường đồ tứ sự. Đồ đặc để trong liêu của Tỳ Kheo. Một huynh đệ vào nhận đồ, được cái tốt và reo lên: “Hay quá, mình được đồ tốt”. Lúc đó, nếu nhìn thấy, chúng ta phải nhắc nhẹ nhàng:

“Mình được một cái tốt nghĩa là huynh đệ khác không được cái tốt, còn mình nhận một cái xấu nghĩa là một huynh đệ nào đó sẽ không bị cái xấu.”

Như vậy, căn cứ trên Giới luật, chọn cái tốt cho mình trong số đồ lặt vặt của tứ sự cúng dường, người ấy không có gì phạm, không có gì để trách, nhưng trên Đạo đức, nó là một cái khuyết lỗ. Tuy người ấy không lấy cắp của ai, không phạm sai lầm gì nghiêm trọng, nhưng đó cũng là dấu hiệu của lòng tham, của sự ích kỷ. Những người như vậy, sau này trong gian khổ của đời sống, sẽ không biết hy sinh, không biết nhường điều kiện thuận lợi cho huynh đệ. Và như vậy, người này cũng không có cơ hội để tạo những công đức lớn, bởi vì chỉ biết nghĩ đến bản thân mình. Người không có công đức lớn, dĩ nhiên, Đạo tâm, Đạo đức chẳng tiến bộ được nhiều. Chỉ một việc đơn giản như thế nhưng chúng ta thấy ngay là nguy hiểm rất lớn. Nếu chúng ta nhắc nhở đúng lúc, người đó sẽ tỉnh ngộ ngay. Còn trường hợp tham lam, lấy của người khác làm của mình, đó là lỗi cực nặng. Cho nên, người tu phải cẩn thận về lòng tham của mình, phải sống thanh bai, không bao giờ được tham của người khác.

Có những lỗi rất nhỏ, chúng ta thấy mà không ngăn chặn thì người mắc lỗi sẽ trở nên hư hỏng.

Ví dụ: Chùa có qui định là ai muốn ra khỏi khuôn viên chùa phải xin phép. Một hôm, có người vì việc gấp phải chạy ra khỏi chùa, nhưng Thầy trụ trì, Giáo thọ lại đi vắng nên người ấy không xin phép kịp. Đúng ra, lúc khác phải thưa lại với Thầy trụ trì, nhưng thấy không ai biết nên người ấy im luôn.

Sự việc đúng ra cũng không có gì nghiêm trọng. Bởi vì họ đi ra ngoài cũng

vì việc chính đáng, không phải vì mục đích xấu xa. Nhưng nếu biết chuyện mà chúng ta vẫn im lặng, sau này người đó sẽ có thói quen qua mặt người lớn. Từ chỗ qua mặt người lớn, họ coi thường kỷ cương của chùa. Mà kỷ cương của chùa đã bị phá vỡ thì khi làm trụ trì một ngôi chùa nào đó, họ sẽ không tuân thủ theo đường lối chung của Giáo hội. Một khi đã quen dần đạp đường lối của Giáo hội thì giới của Đạo họ cũng chẳng thiết tha gìn giữ nữa. Cho nên, chúng ta thấy rằng, hễ một lần vi phạm thanh quy lật vật mà không ai sửa, lỗi lầm sẽ được nuôi dưỡng lớn lên và trở thành nghiêm trọng. Điều này gợi chúng ta liên tưởng đến câu chuyện xảy ra tại một phiên tòa mà người đời thường nhắc đến như một bài học kinh nghiệm cho các bậc cha mẹ trong việc giáo dục con cái. Chuyện kể rằng, trước khi xử tội tử hình một bị cáo, quan tòa hỏi anh ta:

- Nguyên vọng cuối cùng của anh là gì ?

Anh ta trả lời:

- Tôi muốn được ôm mẹ tôi một lần cuối .

Mong ước thật chính đáng nên người ta vội mời bà mẹ đến. Tưởng người con sẽ ôm hôn mẹ thắm thiết, không ngờ anh ta đánh mẹ một cái rất mạnh làm bà mẹ muốn ngất xỉu. Anh ta rửa nước mắt và nói: “Tại người đàn bà này nên tôi mới bị chết một cách nhục nhã”. Sau đó, anh ta đau đớn kể lại rằng, hồi còn nhỏ, lần đầu tiên khi qua nhà hàng xóm ăn cắp được một cái hộp quẹt về, anh được mẹ khen: “Thằng này khôn”. Cứ thế, lớn lên anh ta trở thành một tên cướp của, giết người.

Trong giai đoạn tu học, có những lỗi nhỏ tưởng không có gì quan trọng nhưng nó là sự đổ vỡ lớn lao về sau. Nguy hiểm như vậy nên khi thấy huynh đệ phạm lỗi, chúng ta phải hiểu điều đó không đơn giản và tìm cách nhắc nhở để họ sửa chữa.

Chẳng hạn, từ một chuyện rất nhỏ, chuyện một người không tùy thuận huynh đệ, chỉ thích làm theo ý mình, chúng ta hình dung điều gì sẽ xảy ra sau này ? Người không tùy thuận huynh đệ là người bướng bỉnh, cũng có nghĩa là chấp ngã nặng, chấp ý kiến mình rất nặng, không tùy thuận được với người khác. Nếu chấp ngã nặng, không sống bằng tâm của huynh đệ, ngã chấp sẽ tăng trưởng và làm cho Đạo tâm mình bị thoái lui đi. Chỉ không tùy thuận một chút thôi, nhưng chúng ta phải hiểu là người này rất khó tu, vì người tu theo đạo Phật là đi dần đến vô ngã. Vô ngã luôn khiến ta có khả năng tùy thuận với mọi người rất lớn, không giữ ý kiến của mình, luôn sống bằng tâm của huynh đệ.

Hoặc chuyện khác, chuyện không vâng lời Thầy Tổ:

Thầy đi vắng, dặn ở nhà dọn dẹp cốc phòng, chúng ta ham chơi, không làm.

Thầy về, hỏi: “Tại sao con không làm?”

- “Dạ con quên, con bận công chuyện nên con quên”

Đúng là quên thật chứ không phải chúng ta cố ý không vâng lời Thầy. Chuyện đó xét lại cũng nhỏ, nhưng thực ra không nhỏ. Vì khi Thầy dặn điều gì, chúng ta không chú tâm để đón nhận lời của Thầy tức là tâm không vâng lời Thầy. Nếu khi Thầy dặn dò, chúng ta chăm chú lắng nghe, chắc chắn sẽ không quên. Từ chỗ hời hợt, không chú ý thành ra chúng ta không vâng lời Thầy. Những người không tùy thuận với Huynh đệ, không vâng lời Thầy thương chấp ngã rất nặng, rất khó tiến Đạo. Bây giờ thì nhẹ, nhưng tương lai người này có thể phá Đạo. Chấp ngã nặng, sống không tùy thuận thì ích kỷ sẽ tăng trưởng, và còn nhiều chuyện trầm trọng hơn nữa. Ở đây, khi thấy Huynh đệ phạm lỗi, chúng ta sẽ xuất hiện một trong ba tình huống, ba thái độ như sau:

a) Thứ nhất: Chỉ trích:

Chỉ trích tức là công kích gay gắt, rêu rao lỗi của người đó ra cho mọi người biết. Trường hợp này xuất hiện khi chấp ngã nặng, từ bi ít. Tại sao khi từ bi ít, chấp ngã nặng, chúng ta sẽ có hành vi chỉ trích người khác khi người đó có lỗi? Đơn giản là vì ta luôn luôn muốn hơn người khác. Đó là tâm lý bí mật. Thay vì muốn làm cái gì hơn người khác, ta chờ người khác có lỗi để ta hơn. Người ta phạm lỗi gì mà ta không phạm, tức là ta hơn người. Muốn chứng tỏ cho mọi người biết ta hơn người khác thì ta phải chỉ trích. Tâm lý đó rất bí mật. Đó là lý do tại sao người ta thường hay nói xấu nhau. Khi biết người có lỗi, ta đem lỗi đó nói cho người khác nghe là chúng ta đã bị tâm lý bí mật đó chi phối. Cái tâm luôn cho rằng, hể người khác dở tức mình giỏi, là tâm hơn thua, tâm kiêu mạn, tâm này rất ghê gớm.

b) Thứ hai: Chỉ lỗi:

Khi thấy người khác có lỗi mà ta lại là người chấp ngã nhẹ, từ bi nhiều, chúng ta sẽ cảm thấy xót xa. Vì chúng ta biết rằng, hể Huynh đệ mình có lỗi thì sau này người ấy sẽ chịu quả báo. Nhìn trên luật Nhân Quả, người có tâm đạo do chấp ngã nhẹ, từ bi lớn, người đó hiểu nhân quả rất sâu. Từ chỗ xót xa, hai tâm niệm sẽ phát sinh. Một là ta không muốn cho ai biết vì sợ Huynh đệ mình bị tổn thương danh dự. Hai là ta tìm cách khuyên can, giải bày để Huynh đệ mình đừng phạm lỗi nữa.

c) Thứ ba: Bỏ mặc:

Đó là ba thái độ chúng ta thường gặp khi đứng trước lỗi lầm của người khác. Những thái độ đó tùy thuộc vào tâm từ bi và mức độ chấp ngã của mỗi người.

Trong ba trường hợp, chúng ta tuyệt đối tránh việc chỉ trích, và cũng tránh luôn sự bỏ mặc, chỉ giúp cho nhau vượt qua lỗi lầm trong tình thương yêu.

2. Nhân quả:

Không ít người hỏi chúng ta “Tu để làm gì?”. Nhiều người đã nói lên mục đích, thường là nói lên mục đích, là để cho mình trở nên tốt đẹp, giác ngộ,

giải thoát...

Thực ra, tất cả các mục đích đó đều bị vị kỷ tiềm tàng chi phối. Và chính sự vị kỷ đó sẽ sinh ra nhiều chuyện rắc rối. Vì sao, vì muốn mình tốt vẫn còn là ích kỷ. Càng đi sâu vào đạo Phật, chúng ta càng phát hiện ra những điều tinh tế mà mỗi người cần phải tỉnh táo để nhìn thấy. Khi chúng ta đi tu, ai cũng mong cho mình trở nên tốt. Nói như vậy, không ai dám nói lý luận của mình là sai. Vậy mà vẫn còn ích kỷ tiềm tàng chi phối.

Đền với Phật, chúng ta đều có một nhân duyên, một khởi điểm gì đó. Hãy đọc lại mấy câu thơ trong cuốn Luận về Nhân Quả:

... Có bao giờ em ước mơ vợ vẫn
Về quê hương ngập ánh sáng tình thương
Cõi nhân gian đã hiện bóng Thiên Đường
Vì thiện pháp giảng đầy trên mọi lối
Đời nhân thế sẽ không còn u tối
Nếu đường đi Luật Nhân Quả nghiệp duyên
Được tuyên dương thấp sáng khắp mọi miền
Trong em bé cụ già trong tất cả.

(Chơn Quang)

Khi hiểu luật Nhân Quả, chúng ta luôn luôn ước mơ mọi người đều được biết về Nhân Quả. Như vậy, cả thế gian này tự nhiên sẽ tràn ngập Đạo đức. Chúng ta ước mơ rằng, trong nhà trường, những em bé đều được học luật Nhân Quả. Nhưng điều đó chỉ có thể thực hiện được trên một đất nước mà Phật Giáo là Quốc Giáo. Nếu được như vậy, Đạo đức sẽ tăng lên rất mạnh. Nói chung, chúng ta sống đều có ước mơ. Chúng ta mong cho tất cả mọi người đều thương yêu nhau, đều nhìn nhau bằng ánh mắt triu mến, tay nắm tay chung một nụ cười, một niềm vui; thế gian này đầy chim ca hoa nở, đầy ánh nắng hồng, đầy hương hoa ngào ngạt như một cõi Thiên Đường và tất cả mọi người đều có đạo đức, mà nhất là biết thương yêu nhau. Có thể đôi tay chúng ta bé nhỏ, việc làm chúng ta ít ỏi, khả năng của chúng ta không nhiều, nhưng ước mơ của chúng ta không được quyền nhỏ bé. Người tu phải sống như vậy, phải có ước mơ và ước mơ không được quyền bé nhỏ. Chúng ta phải ước mơ, phải hướng đến một lý tưởng tuyệt đối hoàn hảo dù mình không làm được như vậy.

Chúng ta mong cả thế gian này biết thương yêu nhau, mong cho Phật pháp giảng phủ khắp cả mọi nẻo đường. Nghĩa là, từ những làng quê xa xôi, trên những đồi núi cao, đến những chốn phồn hoa đô hội, ai cũng dựa vào tinh thần Nhân Quả, Từ Bi, Bác Ái của đạo Phật để đối xử với nhau. Nghĩa là chúng ta, ai cũng là một sứ giả đem tình thương yêu, đem đạo đức, đem hòa bình đến cho con người, cho nhân loại.

Mơ ước như vậy, nhưng chúng ta sẽ làm được điều gì ? Trước hết, bây giờ

mỗi người chúng ta phải gạn lọc tâm mình, phải luôn giúp đỡ Huynh đệ trong chùa. Sau này lớn lên, chúng ta có thể vân du thuyết pháp, mở những pháp hội lớn lao đông đảo. Mơ ước thường lớn lao như vậy, nhưng chúng ta chỉ sẽ làm được rất nhỏ; nếu mơ ước nhỏ thì việc làm của chúng ta còn ít ỏi hơn nữa. Vì vậy, chúng ta phải biết ước mơ, phải biết khát khao sự hoàn hảo, sự tuyệt đối, để rồi dù cho không làm được như mơ ước, chúng ta cũng đã đóng góp được một số điều tốt đẹp cho nhân loại.

Nhưng muốn cho mọi điều tốt đẹp, trước hết, chính người tu chúng ta phải tự hoàn thiện bản thân mình .

Mọi người đều không thể phủ nhận là không phải hễ là người xuất gia thì đã hết lỗi lầm. Tăng Ni dù hết sức cố gắng vẫn còn sơ xuất. Đôi khi sự sơ xuất đó lan rộng thì Phật Pháp suy đồi. Nếu sự sơ xuất về Đạo đức của Tăng Ni chỉ trong phạm vi hẹp thì Phật Pháp còn được gọi là thịnh đạt. Chúng ta muốn Phật Pháp hưng thịnh thì phải giúp nhau tránh những sơ xuất về Đạo đức để niềm tin của mọi người được vững chắc.

Như vậy, trước làm lỗi của mình và của người, chúng ta đều phải có trách nhiệm. Mỗi người phải tự sửa lỗi của mình, đồng thời phải giúp nhau sửa lỗi, không được bỏ mặc khi nhìn thấy lỗi của người khác.

Bây giờ, chúng ta nói đến Nhân Quả, hậu quả của từng việc làm.

a) Hậu quả của việc chỉ trích:

Chỉ trích nghĩa là đem lỗi của người khác nói rộng rãi cho nhiều người biết, với một cái tâm có thể nói là ác độc. Vì khi nói lỗi của người khác ra ngoài, mình sẽ làm mất danh dự của họ, còn làm cho người ngoài thoái tâm. Điều này rất nguy hiểm. Những Phật tử hiểu đạo sâu, họ không hoàn toàn lệ thuộc vào chúng ta mà dựa vào giáo pháp để tu tập. Còn những Phật tử không thuần thành, không nghiên cứu nhiều, họ phải dựa vào chúng ta. Họ nghĩ rằng, chúng ta hằng ngày ăn chay, niệm Phật, học hỏi, chắc chắn phải hiểu sâu sắc và thực hành được giáo lý của Phật. Nếu thấy Tăng Ni tu tốt, có Đạo đức, họ sẽ tin rằng đạo Phật là một tôn giáo tốt, tiến bộ. Ngược lại, nếu thấy tư cách Đạo đức của Tăng Ni kém, họ sẽ nghĩ không tốt về Đạo Phật. Điều đó cũng dễ hiểu thôi. Vì hằng ngày chúng ta sống với thế giới thanh tịnh của Phật, ăn chay, tụng kinh ... mà tư cách Đạo đức vẫn bị sa sút, làm sao họ có thể tin được đạo Phật là tốt đẹp.

Trong khi đó, Đạo Phật rất cao đẹp, rất hoàn hảo. Nếu không thực hiện được đạo lý cao cả của Phật, chúng ta sẽ làm ảnh hưởng xấu đến đạo Phật của mình. Không phải người ngoài mà tất cả mọi người chúng ta đều có một điểm chung là dễ dàng được xúc động, được sách tấn, được khuyến khích bởi những tấm gương tốt. Có thể nghe giảng pháp ngày này qua ngày khác, chúng ta cũng không từ bỏ được cái tham, sân, ích kỷ ngự trị trong lòng mình. Nhưng nếu gặp một người ĩ tu thiền, đặc đạo, đời sống giới hạnh

nghiêm túc, đạo đức cao vời, tự nhiên chúng ta bị một sự thúc đẩy trong tâm là phải học hỏi, phải tu sửa để được như họ.

Đó là một sự sách tấn rất hay. Bởi vậy, nếu đem chuyện xấu của chúng ta ra nói cho Phật tử nghe thì họ sẽ bỏ đạo. Họ sẽ từ chối và không cần phải tiến tu nữa. Còn nếu gặp Phật tử, chúng ta kể chuyện tốt của nhau thì sẽ giúp họ tinh tấn tu hành.

Chẳng hạn, có Phật tử hỏi một Thầy: “Trong chùa này có ai giỏi nữa hay không ?” Người đó suy nghĩ một lát thấy không có ai giỏi hết, nên im lặng, không trả lời. Sau này nghĩ lại, người ấy vô cùng hối hận. Bởi người ấy thấy các Huynh đệ của mình giỏi hơn mình rất nhiều. Có những điều Huynh đệ làm được mà mình lại không làm được. Sở dĩ lúc đó người này không thấy ai giỏi hết vì bị kiêu mạn che tâm. Khi nào khiêm hạ, chúng ta mới thấy được ưu điểm của người khác.

Chúng ta tránh chỉ trích vì sự chỉ trích luôn luôn xuất phát từ tâm bất thiện; vì nói xấu người khác, làm tổn thương danh dự của người khác, quả báo sẽ khá nặng. Rồi sau này, chúng ta cũng sẽ phạm đúng những lỗi lầm đó hoặc sẽ không làm được nhiều việc tốt cho Phật sự, , không có uy tín để giáo hóa rộng rãi.

Nếu làm cho người này người kia mất hết uy tín, mất hết danh dự thì chúng ta sẽ không có phước, không làm được những việc lớn lao cho Phật pháp. Vì người làm được những việc lớn trong Phật pháp phải là người có nhiều phước. Trong đó, cái phước lớn nhất là có uy tín, có danh dự. Bởi vậy, làm tổn hại danh tiếng của người khác, chúng ta sẽ không tạo được danh tiếng cho mình. Mặt khác, chúng ta thường hay bệnh hoạn, bị những tai nạn ngăn trở, không thành công trong cuộc đời. Quả báo của việc chỉ trích, nói xấu tưởng đơn giản nhưng thực ra rất nặng nề.

b) Hậu quả của việc bỏ mặc:

Khi nhìn thấy người khác lầm lỗi, chúng ta im lặng bỏ qua là không đúng. Nhiều nơi bị ảnh hưởng truyền thống trong kinh Pháp Bảo Đàn: “Đừng nhìn lỗi người, vì khi thấy lỗi người thì lỗi mình đã đến chân” nên chủ trương không nhìn lỗi ai hết. Vì vậy, lầm lỗi của mọi người ngày càng phát triển. Tình trạng Đạo đức Tăng Ni hiện nay đôi khi bị phe bình là suy đồi cũng xuất phát từ quan điểm: “Không ai nói lỗi của ai hết, không ai giúp ai vượt qua lỗi lầm hết”. Máy ngàn năm qua, điều này đã tồn tại và khiến Phật pháp suy tàn trầm trọng. Bởi vậy, chúng ta không được tiếp tục giữ thái độ thụ động nữa, mà phải tích cực sửa lỗi cho nhau.

Khi thấy người khác có lỗi, chúng ta bỏ mặc thì sẽ bị những quả báo như sau. Quả báo dễ thấy nhất là sau này, nếu phạm lỗi, chúng ta sẽ không được ai góp ý, khuyên ngăn. Thấy người khác có lỗi mà coi như không thấy, kiếp sau chúng ta sẽ không được nhìn thấy gì nữa. Hoặc nghe người khác có lỗi

mà coi như không nghe, kiếp sau chúng ta sẽ không được nghe gì nữa. Hoặc thấy Huỳnh đệ có lỗi, mình là người có duyên, có thể khuyên họ mà mình không nói, thì kiếp sau mình sẽ không nói được gì được hết. Nhân Quả như thế là điều có thật, không phải chuyện đùa. Đó là lý do tại sao có những người rất hiền lành nhưng bị mù, câm, điếc.

Có một Hòa Thượng tu rất tốt, ông tu đắc được thần thông, nhưng bị mù. Nhân quả được tìm thấy là đời trước ông hoàn toàn thụ động. Bản thân ông tu rất tốt, nhưng ai có lỗi, ông cũng bỏ mặc, không nhìn tới, cho nên kiếp này ông bị mù.

Chúng ta phải chân thành góp ý để huynh đệ tránh được lỗi lầm. Đó cũng là công đức lớn cho Phật pháp.

3. Đối với Phật pháp:

Lý tưởng của Phật pháp là làm cho chúng sinh đều được giác ngộ, Đạo đức hoàn hảo. Như vậy, bỏ mặc người khác trong lầm lỗi sẽ dẫn đến nhiều hậu quả và hậu quả lớn nhất là: “Góp phần làm cho Phật pháp nhanh chóng suy tàn”. Đây là một trọng tội. Chỉ trích đã là sai, bỏ mặc lại càng sai. Chúng ta không được quyền thụ động, bởi thụ động trước lỗi lầm của người khác là mang tội nặng với Phật pháp. Sai lầm này đã tồn tại quá lâu trong Phật pháp, làm cho Phật pháp suy tàn.

Trên thực tế, người tu còn rất nhiều lỗi lầm. Việc cần thiết khẩn trương hiện nay là làm sao giảm được tình trạng phạm lỗi của người tu. Chúng ta không được tiếp tục mắc phải sai lầm ấy mà phải tích cực trong việc sửa lỗi cho người khác và cho chính mình. Tất nhiên, sửa lỗi cho người khác không phải là việc đơn giản. Khi sửa lỗi, chúng ta phải để ý tránh hai điều: không làm mất danh dự của người phạm lỗi và không được để người ngoài thoái tâm, nghĩa là không để người khác mất tín tâm, mất niềm tin vào Phật Pháp.

Một điều cũng cần lưu ý là muốn chỉ lỗi cho người khác, chúng ta phải xét lại tâm mình có một yếu tố quan trọng chưa. Đó là tình thương yêu!

Khi nào thấy đủ tình thương yêu Huỳnh đệ thì chúng ta hãy góp ý, bởi chưa đủ tình thương yêu thì việc góp ý sẽ không đem lại hiệu quả. Tâm lý chung của con người chúng ta là chỉ cảm động, chỉ nghe lời khuyên của những người thực sự thương mình. Do đó, trong cuộc sống, muốn có công đức để sửa lỗi cho huynh đệ, trước hết chúng ta phải tu tập tâm từ ! Nếu có tâm từ, thương yêu tất cả mọi người thì sau này mình có thể sửa lỗi được cho nhiều người mà không bị trở ngại. Sửa lỗi cho người khác là một công đức rất lớn. Có thể công đức của việc bố thí Pháp không lớn bằng công đức sửa lỗi cho người khác. Bởi vậy, từ nay chúng ta phải có tâm nguyện cố gắng sửa lỗi cho mọi người. Đây cũng là công đức lành cho cuộc đời tu tập của chúng ta. Khi có tâm từ, chúng ta cũng tự tin hơn khi sửa lỗi cho Huỳnh đệ. Trong đời sống, ta đã thương yêu, đã đối xử tốt với họ, đến khi cần phải góp ý sửa lỗi,

huynh đệ ta sẽ hiểu rằng ta muốn giúp họ tốt hơn chứ không có ý chê bai trách móc. Họ cũng hiểu rằng, không phải ta chỉ tốt với riêng họ mà còn sống tốt với tất cả mọi người. Do đó, họ sẽ dễ chấp nhận lời nói của ta hơn. Nhưng để đạt được đức độ đủ để góp ý mà huynh đệ lắng nghe thì ta cũng phải tốn nhiều mồ hôi cho biết bao nhiêu việc làm nhường nhịn hy sinh tận tụy trong cả một thời gian dài.

Tất nhiên, phát tâm sửa lỗi Huynh đệ, chúng ta không nên coi cái ngã của mình là lớn, không nên nói năng tùy tiện, mà phải thận trọng, tế nhị. Chúng ta nên gặp riêng để góp ý trong sự thương yêu, khiêm tốn và khéo léo. Khéo léo là phải theo nguyên tắc mà trong Đắc Nhân Tâm, ông Dale Carnegie đã khuyên :“Muốn nói lỗi của ai thì hãy tìm ra vài ưu điểm để khen ngợi trước.”

4. Không được thu động:

Nếu việc chỉ trích lỗi lầm của người đem lại quả báo xấu thì việc im lặng trước lỗi lầm của họ cũng sẽ dẫn đến điều tồi tệ cho ta. Bởi vậy, không phải ngẫu nhiên mà Khổng Tử đã nói: “Vi nhân nan” (làm người rất khó).

Trong cuộc sống, chúng ta phải cố gắng góp ý để huynh đệ mình sửa lỗi. Nhưng trường hợp không có duyên, chúng ta phải thừa lại với người lớn, với những người có trách nhiệm để huynh đệ được nhắc nhở, được sửa chữa kịp thời. Việc chúng ta im lặng, không nói gì trước lỗi của người khác là một sai lầm.

Tuy nhiên, trong thực tế, có người thừa lỗi huynh đệ lên Thầy, lại bị huynh đệ giận. Những lúc như vậy, chúng ta đừng ngại. Khi người ta giận, mình vẫn tiếp tục thừa lỗi họ đến khi nào người đó hết giận thì thôi. Đừng bao giờ bộc lộ sự hèn nhát, khiếm nhục của mình, vì như vậy, việc sửa lỗi sẽ không có hiệu quả. Chúng ta không nói lỗi ra bên ngoài mà chỉ nói với Thầy thì chấp nhận sự giận hờn của huynh đệ, rồi sẽ có lúc họ hiểu được việc làm của ta. Điều quan trọng là trong cuộc sống, chúng ta phải đối xử tốt với họ, phải thương yêu, không hề có ác ý. Nếu có ác ý chúng ta sẽ không cảm hóa được họ.

Có trường hợp, một người góp ý huynh đệ mình không được, vội thưa với thầy. Thầy Bôn sư cũng không sao góp ý để người đó sửa lỗi được. Người này cứ ray rứt mãi, không biết làm cách nào... Đối với những người như vậy, chúng ta chỉ còn cách cầu nguyện cho họ, nhờ Phật lực gia hộ, chuyển tâm người ta trong vô hình. Điều này cũng khó thành công, có thể đến năm, mười năm sau, người đó mới có thể chuyển được. Thà như vậy còn hơn là chúng ta bỏ mặc họ trong tội lỗi.

Người Trụ trì, Giáo thọ, hay Tri sự ... , phải có trách nhiệm đối với các đệ tử của mình, phải siêng năng theo dõi tâm hạnh của Đại chúng, không được hời hợt bỏ qua. Vì như vậy, chúng ta sẽ mắc tội với Phật pháp. Điều chúng ta

cần lưu ý là phải nhìn tới tâm của đệ tử. Cũng phạm một lỗi đó, nhưng chúng ta phải nhìn đến tận tâm của họ, xem đó là tâm gì, không được khiển trách trên hành vi.

Ví dụ, khi có người lên sám hối :“Thưa Thầy! Con làm vỡ cái ly”, ta phải hỏi lý do: “Tại sao con làm vỡ?”.

Nếu người ấy trả lời: “Đa,ĩ cái ly ai để trên bàn, sát mí bàn. Con có công việc vội nên khi ngang qua, tay đánh vào làm cái ly rơi xuống”. Lúc ấy, ta sẽ hỏi :“Ai để cái ly như vậy?”. Khi tìm ra, ta khiển trách người để cái ly, chứ không khiển trách người làm vỡ cái ly nữa. Vì chính người đó để cái ly hờ hững, vô ý nên người khác mới làm đánh rơi ly trong khi vội vã. Xét cho cùng, người để ly mang tội, chứ người đánh vỡ ly không mang tội. Bởi vậy, xét lỗi người khác không phải là chuyện đơn giản.

Trong việc sửa lỗi đệ tử, nếu chỉ xét theo hành vi bên ngoài, chúng ta sẽ trách oan và khiến họ không phục. Chúng ta phải trách lỗi từ trong tâm của họ mới hy vọng sửa được họ. Và khi sửa được lỗi cho đệ tử, chúng ta sẽ có phước lớn. Dạy đệ tử sửa được lỗi từ trong tâm là làm cho họ tốt từ trong tâm, không phải tốt ở hành vi bên ngoài. Những người đó, sau này sẽ là rường cột của Phật pháp, làm được nhiều điều tốt cho Phật pháp. Nếu có được hai mươi đệ tử, họ đều là những người tốt thì chúng ta như được lên thiên đường. Còn nếu dạy hai mươi đệ tử đều trở thành những người hư hỏng, thô lỗ, chúng ta sẽ xuống địa ngục trước họ.

Bởi vậy, người xưa nói rằng: “Giáo bất nghiêm Sư chi quá”. Dạy mà không nghiêm là lỗi của người Thầy. Và lỗi nào cũng có quả báo của nó. Cho nên phải hết sức cẩn thận, xem việc dạy dỗ Đạo đức cho đệ tử là trách nhiệm lớn, là lý tưởng cao cả của người làm Thầy.

Có trường hợp, trụ trì chùa Ni là một Sư Bà rất đặc biệt, trí tuệ, giới hạnh đều giỏi, nhưng khi nhận xét về những đệ tử của Sư Bà, hầu hết mọi người đều tỏ ra không hài lòng và không tin tưởng. Nguyên nhân do đâu ? Nếu có dịp trò chuyện với những người trong chùa, chúng ta sẽ hiểu ra mọi lẽ.

Trong lần tranh luận với một vị khách, một Sư cô trong chùa bất đồng ý kiến đã cãi gay gắt. Trong khi đó, vị khách Tăng kia rất ôn tồn nói: “Khi trình bày đạo lý, không nên chủ quan cho mình luôn luôn đúng. Mình phải khiêm nhường, để đề phòng mình có một chút sai và người ta có thể góp ý với mình được”. Nghe khách nói như vậy, Sư cô đồng ý, nhưng cũng tìm cách khác để cãi, không chịu nhận. Người kia lại nói :“Sư cô bàn cãi đạo lý trong tâm trạng hơn thua rồi. Chúng ta bàn luận đạo lý, mục đích là làm cho chân lý được bộc lộ. Có thể mình đúng, có thể người khác đúng, có thể mỗi người đều có cái sai, nhưng quan trọng là cuối cùng chúng ta tìm ra được điểm chung nhất, hợp lý nhất, có lợi cho mình và cho người khác, chứ không phải bàn đạo lý để mình giành phần hơn. Một đẳng là làm cho chân lý được bày

tỏ. Một đằng để mình thắng trên lý luận với người kia. Hai mục đích đó khác nhau. Sư cô đã bị tâm hơn thua chi phối rồi”.

Lúc ấy, tự nhiên Cô tỉnh ngộ, đứng lên chấp tay cảm ơn người kia và nói rất thành thật: “Từ bao lâu nay không có ai góp ý cho tôi điều này”.

Qua chuyện của Sư cô ấy, chúng ta sẽ tìm được nguyên nhân. Sư Bà là người giữ giới hạnh rất tốt, có trí tuệ, có năng lực, nhưng chỉ sửa lỗi của chúng đệ tử trên hành vi, chỉ căn cứ trên giới luật, giới điều, căn cứ trên hai mươi bốn thiên oai nghi, không được làm điều này, không được nói điều kia. Cho nên, chúng đệ tử không sâu sắc trong việc sửa lỗi ở nội tâm, không nhìn thấy được lỗi từ trong nội tâm sâu kín. Nguyên nhân đổ vỡ của chùa là vậy. Sư Bà tuy giỏi, nhưng không chú ý đến Tâm lý Đạo đức của đệ tử. Đây là điều rất tinh tế, và đây cũng là lần đầu tiên môn Tâm lý Đạo đức được giảng dạy cho các tu sĩ.

Hành vi bên ngoài chỉ là hình thức mà thôi. Có người chỉ làm một điều tốt để gọi là không vi phạm, nhưng kỳ thực bên trong đầy xấu xa, tội lỗi. Có người nhìn hành vi bên ngoài dường như đang sai, nhưng bên trong lại là tâm tốt. Tâm lý Đạo đức là vấn đề rất phức tạp, có thể học đến suốt đời chúng ta cũng không hiểu hết mọi vấn đề thuộc lĩnh vực này. Bởi vậy, cả một đời tu hành, cả một đời làm việc, chúng ta phải cố gắng học hỏi và nghiên cứu để bổ sung, hoàn chỉnh Tâm lý Đạo đức của mình. Trong việc dạy đệ tử và tu hành nội tâm, chúng ta phải để ý từng chút, từng chút, để ý trong tâm sâu thẳm. Vì đạo Phật là đạo của tâm, và chúng ta dạy đệ tử phải nhìn đến tận tâm, đừng bao giờ chỉ nhìn ở hành vi bên ngoài. Đó là trí tuệ, là bản lĩnh của người tu. Có những việc, nhìn bên ngoài có lỗi, nhưng thực ra bên trong không có lỗi. Nếu chúng ta cứ nhìn bên ngoài để khiển trách, tự nhiên người ta sẽ không phục vì họ biết chúng ta trách sai, biết chúng ta đánh giá sự việc một cách hời hợt.

Nếu là Sư huynh có trách nhiệm trong chùa, khi sư đệ có lỗi, chúng ta cũng phải rầy la. Đây là chỗ hết sức cẩn thận. Nếu ngang hàng với nhau, khi góp ý với nhau đã cần có tình thương yêu thì khi làm Sư huynh, muốn trách mắng sư đệ, chúng ta cũng phải có tình thương yêu. Không có tình thương yêu thì sư đệ không phục, không nghe lời mình. Đó là lý do tại sao bài Tâm lý Đạo đức đầu tiên chúng ta học là bài Tâm từ. Tâm từ bi là tâm căn bản. Không tu được tâm từ bi thì vô lượng, vô số công hạnh sau này chúng ta không làm được. Ngay đến việc chỉ lỗi chúng ta cũng không thực hiện được.

Khi chỉ lỗi người khác, chúng ta cần lưu ý một điều là phải kín đáo, không được bực dọc chỉ trích, rao lỗi của người ra ngoài. Đó cũng là nguyên tắc. Vì người xuất gia hay người cư sĩ chỉ quyết tâm tu hành, chỉ được thúc đẩy, khuyến khích khi thấy những tấm gương tốt. Khi nghe nhiều chuyện xấu của người xuất gia, cư sĩ sẽ thoái tâm. Nhất là trong hoàn cảnh khó khăn, người

ta rất cần sự động viên, sự khuyến khích của người khác. Chúng ta nên đem lại cho họ niềm tin yêu vào cuộc sống, con người. Một khi tin rằng trên đời này vẫn còn nhiều người tốt, vẫn có những tấm gương Đạo đức cao cả, họ sẽ vượt qua được những khó khăn trở ngại trước mắt.

Câu chuyện về một nữ Phật tử bị tàn phế sau một tai nạn xe lửa khiến nhiều người xúc động. Cô là người hiểu biết nhưng rủi ro bị xe lửa cán đứt hai chân. Một lần, khi qua đường rầy, tự nhiên cô bị vấp té, không đứng dậy được, không nhúc nhích được trong khi xe lửa đang lao tới. Xe lửa đã cán qua người cô khiến cô mất đôi chân, phải đi bằng đôi chân giả. Cô vô cùng đau khổ, vì cánh cửa bước vào tương lai của đời cô đang mở ra phơi phới, bỗng dưng đóng sầm lại khi thân hình bị tàn phế. Nhưng điều kì diệu là người con gái đó không ngã gục trước bất hạnh của cuộc đời mình. Sau khi nghe băng, đọc sách, hiểu ra được nhiều điều, cô bắt đầu làm việc từ thiện. Cô đến thăm một trường mù và thấy rằng những người này còn bất hạnh hơn mình. Người mù thường chỉ tiếp xúc với thế giới bên ngoài qua việc đọc sách bằng chữ nổi. Nhưng sách chữ nổi khó in nên rất hiếm. Không tiếp xúc được với thế giới bên ngoài, tâm tư họ bị trầm uất, mặc cảm, nhiều người bị điên, người mù rất dễ bị điên. Cô hiểu điều đó và đã đọc chuyện vào băng Cassette mang đến cho họ. Nhờ đó, những người mù cảm thấy đỡ buồn hơn, đỡ cô đơn hơn. Khi đem lại được niềm vui cho người khác, nỗi buồn trong cô cũng đột nhiên tan biến. Cô quên rằng mình là một người tật nguyền và sống rất vui vẻ, hồn nhiên. Câu chuyện về cuộc đời một cô gái vượt lên số phận, tự hoá giải nỗi buồn của mình bằng cách đem niềm vui đến cho những người bất hạnh đã được báo chí ca ngợi khiến nhiều người cảm phục. Khi đọc báo, nhiều sinh viên đã viết thư bày tỏ lòng cảm phục với cô và cũng muốn làm việc từ thiện như vậy.

Người ta cũng chỉ xúc động, muốn làm việc thiện khi thấy những tấm gương tốt. Bởi vậy, trong cuộc sống, mỗi người nên đi tìm những tấm gương tốt xung quanh mình để kể lại cho người khác nghe. Cả bản thân chúng ta cũng phải hoàn thiện tu hành, để lại tấm gương tốt cho đời.

Câu chuyện về một cô giáo đạt danh hiệu giáo viên “Dạy giỏi nhất nước Mỹ” cũng đáng được xem là tấm gương sáng về lòng tận tụy, về sức chịu đựng và vượt lên khó khăn trong cuộc sống mà mỗi chúng ta phải noi theo. Cô giáo ấy là người Việt Nam nhưng đang định cư tại Mỹ. Cô vốn theo đạo Thiên Chúa nhưng chồng cô là người theo đạo Phật. Chính vì tu đúng theo lý tưởng của đạo Phật nên người chồng đã thuyết phục được cô sang với Đạo Phật.

Quà trình dạy học của cô rất vất vả. Nhưng nhờ tận tụy và giàu tình yêu thương nên cô đã cảm hóa được học sinh. Danh tiếng “dạy giỏi” của cô mỗi lúc được vang xa. Không những dạy cho học sinh, cô còn dạy cho đồng

ngiệp của mình. Những thầy cô giáo không có kinh nghiệm đã tìm đến cô để học hỏi.

Lúc bấy giờ, tại một bang ở Mỹ có một ngôi trường rất lớn, có khoảng một trăm ngàn học sinh. Trong đó, có một số học sinh bị gạt ra khỏi lề vì thuộc đối tượng phá phách hư hỏng. Những học sinh ấy thường có nguồn gốc từ Việt Nam, Lào, Phi Châu, Nam Mỹ... Phần lớn, chúng không rành tiếng Anh lại không chịu học nên hư hỏng. Nhà trường cho chúng học trong những chiếc thùng xe. Còn những tòa nhà lớn dành cho những học sinh ngoan. Vì những học sinh ấy quá hư hỏng nên không giáo viên nào dạy được. Trường phải thuê giáo viên dạy theo giờ, dạy được giờ nào nhận thù lao giờ đó. Có người dạy giờ đầu rồi không dám dạy giờ sau nữa. Ông Hiệu trưởng nghe tiếng cô và đích thân đến mời. Hai vợ chồng đắn đo suy nghĩ, cuối cùng người chồng khuyến khích cô nhận lời. Khi tới trường, cô đã thấy hai xe cảnh sát đậu ở đây. Cảnh sát phải có mặt thường xuyên bởi bọn học sinh này đi học mang theo cả súng, cả dao. Khi vào trường, cô thấy chỗ này đứng một cặp, chỗ khác đứng một cặp, chúng ôm hôn nhau rất tự nhiên. Bước vào lớp, cô còn chứng kiến nhiều cảnh tượng ghê gớm hơn nữa. Chúng nó thường đánh nhau, đâm chém lẫn nhau. Thỉnh thoảng, cảnh sát phải chạy vào can thiệp. Đó là chưa kể cảnh con gái ngồi học trong lớp vạch ngực ra, gác chân lên bàn. Không khí lớp học thật đáng sợ.

Cô đề nghị với ông Hiệu trưởng: “ Cho tôi một lớp học chính thức nơi tòa nhà, chứ không được học nơi thùng xe”.

Ông Hiệu trưởng nói: “Bà yêu cầu điều gì chúng tôi làm điều đó”.

Lớp học lâu ngày không dọn dẹp nên rất bẩn, cô phải tự quét dọn, lau chùi. Thấy cô làm, bọn chúng hỏi : “ Cô làm để làm gì” ? Cô trả lời: “ Lớp học cũng giống như cái nhà của mình, mình phải chăm sóc cho nó”. Cô chỉ nói như vậy, nhưng bọn chúng thấy có lý nên mỗi đứa phụ một tay, lớp học trở nên sạch, đẹp, mát mẻ. Trong quá trình dạy, cô thương yêu và tôn trọng học sinh nên đã cảm hóa được chúng. Và bọn trẻ bắt đầu học.

Vài hôm sau, một đứa học sinh người Mỹ vào lớp học. Việc làm đầu tiên của nó là gác chân lên bàn nằm ngủ. Ba ngày liên tiếp như thế không thấy ai nói gì, đến ngày thứ tư, nó không ngủ nữa và bắt đầu quậy. Nó la hét um sùm để người ta chú ý.

Cô hỏi nó: “Em từ đâu tới ?”

Nó trả lời : “ Trong tù mới ra”.

Cô hỏi : “Em đi tù vì tội gì ?”

- Ăn cướp có súng- Nó lạnh lùng trả lời.

Mình mắng nó được xăm từ đầu tới chân. Vậy mà cô thuyết phục được. Nó bắt đầu chịu học và trở thành người giữ trật tự trong lớp. Đang học, ai nói chuyện, nó quay qua chỉ mặt: “im lặng”.

Cô rất kiên trì dạy dỗ, học trò giỏi lên trông thấy. Khi phát hiện em nào tiến bộ, cô chuyển qua lớp khác ngay, không giữ lại lớp mình nữa. Những học sinh được chuyển qua lớp khác đều trở thành học sinh giỏi. Rồi cũng có nhiều em đậu vào những trường Đại học nổi tiếng. Tên tuổi của cô được nhiều người biết đến. Năm đó, nước Mỹ chọn được 300 giáo viên giỏi trong toàn Liên bang, sau đó chọn lại còn 60 người. Họ quay cách giảng dạy của từng giáo viên, chọn đi chọn lại còn được 36 người và mời 36 người đó gặp mặt tại thủ đô Washington. Trước khi gặp mặt, họ gởi cho mỗi người một cuốn băng video để biết được 35 người kia. Theo qui định, trong hội nghị, mỗi người chỉ có ba phút để nói về đường lối giảng dạy, giáo dục của mình. Lúc đầu, cô nói bằng tiếng Việt Nam: “Kính chào quý vị, tôi rất hân hạnh được gặp quý vị ở đây”. Mọi người không hiểu gì cả.

Sau đó, cô nói bằng tiếng Mỹ: “Quý vị có hiểu tôi nói gì không?”

Mọi người lắc đầu cười.

“Bây giờ tôi nói chậm lại quý vị có hiểu không?”

Mọi người cũng lắc đầu cười.

Cô nói rằng: “Nhiệm vụ của tôi là như vậy. Nhiệm vụ của tôi là giúp những em học sinh không nắm được ngôn ngữ của Mỹ, trở nên mặc cảm và bị ruồng bỏ khỏi xã hội Mỹ được hội nhập vào xã hội Mỹ, trở thành học sinh giỏi và trở thành công dân lợi ích cho nước Mỹ”.

Cả hội trường vỗ tay vang dội và nói rằng: “Những điều cô nói ngán ngủ đã làm cho cô đứng ra khỏi chúng tôi”. Trong tiếng Anh chữ outstanding dịch là xuất chúng, nghĩa là đứng ra ngoài. Và cô được 35 người còn lại nhất trí bầu chọn là “Giáo viên giỏi nhất”. Chính Tổng Thống Mỹ đã trao cho cô phần thưởng cao quý đó. Đây là một niềm vinh dự lớn đối với một giáo viên như cô.

Để có được một câu chuyện cho chúng ta kể trong năm phút, người ta phải cố gắng từng giờ, từng phút, từ năm này qua năm khác, thậm chí phải phấn đấu cả cuộc đời mình. Bởi vậy, chúng ta nên biết ơn những người đã làm nên những “Huyền thoại” cho cuộc đời vì họ phải chịu đựng khó khăn, phải nỗ lực biết bao nhiêu mới làm được điều đó.

Câu chuyện của ngài Hư Vân đi triền sơn ở núi Ngũ Đài cũng vậy. Cứ ba bước Ngài lạy một lạy, đi suốt mấy năm trời mới tới được núi. Khi nghe câu chuyện của một vị Thiền sư, đi ba bước lạy một lạy, lạy Bồ Tát Văn Thù, người có trí tuệ sẽ luôn băn khoăn: Tại sao cũng là một con người mà họ có tâm dũng mãnh đến như vậy, có tâm thiết tha tôn kính Phật đến độ như vậy? Tại sao ta cũng là con người mà không thể hiểu được, không thể làm được điều gì tốt đẹp? Có băn khoăn, tự chất vấn mình như vậy, chúng ta mới có ý thức vươn lên, phấn đấu để đạt được những điều tốt đẹp.

Khi nghe những câu chuyện tốt, chúng ta được khuyến khích, được sách tấn.

Trí tuệ sâu chừng nào, chúng ta sẽ nhận được bài học Đạo đức sâu chừng ấy. Nếu nghe kể những chuyện tốt, mà vẫn hời hợt, chúng ta sẽ không được lợi ích bao nhiêu và cũng không bao giờ tiến bộ.

Không nói lỗi của huynh đệ mình, nhưng chúng ta phải khéo léo nói chuyện tốt của huynh đệ ra ngoài, phải nêu thành tấm gương cho mọi người cùng noi theo. Đối với lỗi lầm của người thân, của huynh đệ, ông bà ta thường dạy :“đóng cửa dạy nhau”. Nhưng muốn làm công đức chỉ lỗi người khác, chính mình phải tu sửa rất nhiều. Khi xét được lỗi mình một cách sâu sắc, chúng ta sẽ thấy được lỗi người khác sâu sắc hơn. Chỉ khác một điều là thay vì chỉ trích gay gắt, chúng ta nói bằng lòng thương yêu. Và khi sâu sắc chỉ lỗi người khác, phước của chúng ta sẽ rất lớn. Vì ta đã làm cho Phật pháp được hưng thịnh trở lại.

5. Phải tinh tế xét tâm mình:

a) Hiện nay, tình trạng đạo đức của Tăng Ni khắp nơi đang được các bậc tôn túc quan tâm lo lắng. Mỗi người chúng ta phải làm một chiến sĩ, một sứ giả phụ giúp cho các vị tôn túc trong việc làm cho Tăng Ni bớt lỗi lầm. Chúng ta phải có tâm nguyện đó, phải có lý tưởng đó. Nhưng phải luôn luôn thấy lỗi của mình trước, phải thấy lỗi của mình một cách tinh tế từ khi mới manh nha. Đó là trí tuệ trong việc tu hành.

Ví dụ khi nghe một huynh đệ nặng lời với mình, chúng ta có thể rơi vào những trạng thái tâm lý khác nhau. Trước hết, chúng ta có thể nổi sân, giận và cự nự lại ngay. Đó là cái sân thô, người ngoài nhìn vào sẽ thấy ngay.

Trường hợp thứ hai, chúng ta giận nhưng im lặng, quay lưng đi để không bộc lộ thái độ ra bên ngoài. Đó là cách cư xử của người biết tu. Tuy nhiên, dù sao chúng ta cũng có tâm lý tức giận mặc dù đã kiềm chế. Chúng ta vẫn thấy cái giận của mình rất nặng, nghĩa là chúng ta đã thấy lỗi của mình, nhưng hơi chậm.

Trường hợp thứ ba, khi bị công kích, chúng ta thoáng giận. Cái giận chỉ thoáng qua nhẹ nhàng trong một sát na, nhưng chúng ta vẫn phải thấy được nó, vẫn biết đó là lỗi. Người tu thấy đến như vậy mới là người biết tu.

Trong cuộc sống tu hành, có những lỗi thoáng qua rất nhanh. Nếu vẫn kiểm soát được, chúng ta là người tu tốt. Khi đã đạt được điều này, chúng ta sẽ rất sâu sắc khi chỉ lỗi cho người khác.

b) Tinh tế xét tâm mình sẽ đưa đến kinh nghiệm dễ nhìn thấy lỗi người.

Nhưng chúng ta phải cẩn thận đối với tâm muốn chỉ trích do ngã chấp thúc đẩy. Khi có kinh nghiệm tu hành, gặp người khác có lỗi, chúng ta sẽ không sửa lỗi hời hợt bên ngoài mà sẽ chỉ đúng cái gốc nơi tâm của họ. Thấy được cái gốc, người ta dễ vượt qua khỏi lỗi lầm, và chúng ta rất có phước. Bởi vậy, chúng ta phải cố gắng tu để giúp người khác vượt qua lỗi lầm bằng chính tâm thương yêu của mình chứ không vì ngã chấp.

6. Hình thức thỉnh nguyện, phát lồ, sám hối rất cần thiết:

Trong chùa nên có hình thức phát lồ, sám hối. Mỗi nửa tháng hoặc một tháng, từng người ra trước chúng nói lên lỗi lầm của mình để quý Thầy lớn phân tích nguyên nhân và đưa ra những lời khuyên, giúp người có lỗi vượt qua lỗi lầm. Mỗi người chỉ nên tự nói lỗi của mình, đừng góp ý người khác. Vì góp ý công khai như vậy sẽ rất nguy hiểm. Người ta sẽ tự ái và bản thân người góp ý cũng bị tổn phước.

Ví dụ thấy huynh đệ có lỗi, muốn cho người đó đến kỳ ra sám hối trước đại chúng, chúng ta chỉ nên gợi ý trước buổi phát lồ để họ tự nói ra, không nên nói trong buổi phát lồ. Các Thầy lớn sẽ bình tĩnh nghe người kia phát lồ lỗi lầm của mình và sẽ phân tích. Người kia sẽ vượt qua được bằng tâm từ ái thương yêu.

Phát lồ có công đức rất lớn. Khi có lỗi, chúng ta nói cho mọi người biết, lỗi sẽ tự nhiên biến mất. Nếu chân thành xin lỗi và cố gắng vượt qua, mọi người sẽ thương mến ta hơn. Nếu giấu lỗi, chẳng những lỗi của ta vẫn tồn tại, mà còn làm cho người khác ghét mình hơn. Có ba điều để vượt qua lỗi lầm. Đó là phát lồ, lễ Phật và tích cực công quả tạo phước. Khi mắc phải lỗi lầm, tổn hại cho đại chúng, tổn hại cho Phật pháp, chúng ta phải làm những việc công quả để bù lại lỗi lầm của mình, dứt khoát không được bỏ qua.

Trong Góp nhặt cát đá có một câu chuyện rất hay, rất cảm động. Đó là câu chuyện Con đường hầm.

Một kiếm sĩ vì muốn đoạt vợ của người khác nên đã giết người chồng. Ông ta dắt người vợ đi nơi khác. Sau đó, thấy người đàn bà này không tốt nên ông đã bỏ bà ta. Ông hối hận và tìm cách chuộc lại lỗi lầm của mình. Lúc bấy giờ, thấy người từ hai tỉnh muốn qua lại phải vượt qua một ngọn núi, đường đèo nguy hiểm, chỉ cần sẩy chân là không cứu được, ông phát tâm đặng đường xuyên núi. Cứ ban ngày đi xin ăn, ban đêm ông đặng núi, ròng rã không biết bao nhiêu năm. Cho đến một hôm, người con trai của ông quan bị ông ta giết trước kia tìm đến, rút kiếm ra thách đấu để trả thù. Anh ta nói: “Ta không giết người sau lưng, hãy rút kiếm ra đấu với ta”.

Ông này nói rằng: “Ta sẽ dâng mạng sống cho anh, nhưng hãy cho ta đặng xong con đường hầm này”. Người thanh niên nghĩ đi, nghĩ lại thấy hợp lý nên đồng ý. Thời gian chờ đợi kéo dài. Chờ hoài cũng nản nên anh ta phụ ông đặng đường hầm cho nhanh. Hai người đặng ròng rã bao nhiêu năm, cuối cùng con đường hầm cũng đặng thông suốt, người dân qua lại dễ dàng. Lúc đó, ông già ngồi xuống và nói: “Đầu của ta đây, anh hãy cắt đi!”. Người thanh niên quỳ xuống, ôm ông già như ôm người Thầy của mình và nức nở: “Thầy ! Làm sao con cắt đầu Thầy đặng”.

Người thanh niên trong thời gian đặng đường hầm với ông già đã cảm phục tư cách của ông, một người vừa làm đặng việc phước để xóa tan lỗi lầm cũ,

vừa có tư cách đạo đức. Anh ta nhận ra đây mới thật sự là người Thầy của mình. Từ vị trí là một kẻ thù, người đàn ông ấy đã biến thành một vị Thầy đáng kính bởi ông đã làm được công đức quá lớn lao....

Như vậy, người Trụ trì phải giúp đại chúng thực hiện tốt 3 điều: Phát lồ, lễ Phật và công quả tạo phước trong suốt quãng đời tu hành để giúp họ vượt qua những lỗi lầm.

7. Những đối tượng cấm kỵ (không chỉ trích):

Chúng ta không nên chỉ trích những bậc Tôn túc có uy tín, những người đang nổi lên trong Đạo tuy họ còn trẻ. Đối với những vị Thánh của tôn giáo bạn, được tín đồ tôn thờ, chúng ta cũng không nên chỉ trích.

Tâm lý đạo đức

6. NÓNG NẤY

1. Nhân định:

Nóng nẩy (Sân): Là trạng thái mất bình tĩnh do bức bối khó chịu gây nên và thường khiến chúng ta phải đưa ra những phản ứng mạnh.

Trạng thái mất bình tĩnh thường có nhiều loại. Khi gặp điều gì vui mừng, chúng ta cũng có thể rơi vào trạng thái mất bình tĩnh. Nhưng mất bình tĩnh ở đây không phải do bức bối khó chịu nên không thành vấn đề, không gọi là sân.

Ví dụ, chúng ta đang ở chùa tu hành. Dĩ nhiên, vì mới tu nên ta chưa dứt được tâm duyên ái. Một hôm, nghe tin cha mẹ đến thăm, ta mừng quá, vội vàng chạy xuống, tay bắt mặt mừng. Đó cũng là trạng thái mất bình tĩnh, nhưng không phải do bức bối khó chịu nên không gọi là sân.

Hoặc do cố gắng học hành, rèn luyện, cuối năm ta được đánh giá cao, được khen thưởng. Nghe tin ấy, ta rất mừng và có những cử chỉ lúng túng, vụng về. Đó cũng là trạng thái mất bình tĩnh nhưng không gọi là sân.

Vậy, những tâm lý bức bối, khó chịu thường xảy ra khi nào?

Trước hết, tâm lý ấy xuất hiện khi chúng ta bị xúc phạm danh dự hay thân thể. Hay nói cách khác, khi ta bị đánh vào bản ngã. Nếu không đánh vào bản ngã, không xúc phạm tới bản ngã thì chúng ta không nổi sân. Nhưng như thế nào gọi là chạm tới bản ngã? Ờ Tùy theo cái mà ta chấp. Hễ chúng ta chấp tới mức độ nào đó mà bị người khác chạm tới thì lúc ấy gọi là bị chạm tới bản ngã và tự nhiên ta sẽ nổi sân.

Chẳng hạn, cái chấp căn bản của con người là chấp cái thân này là ta. Như

vậy, ai xúc chạm tới cái thân này thì sẽ có vấn đề, sẽ làm cho mình nổi sân. Có nhiều trường hợp được coi là chạm tới cái thân này .

Ví dụ, mỗi ngày chúng ta đều soi gương hai ba lần và cảm thấy tự hào vì mình là hoa khôi của trường. Một hôm, bỗng dưng có người nhìn ta và cho rằng mặt ta trông hắc ám quá. Do chấp cái thân mỗi ngày như vậy nên khi nghe lời nhận xét, ta cảm thấy giận. Cái bực bội, khó chịu, cái cảm giác mất bình tĩnh cứ trào lên. Trạng thái ấy gọi là sân khi chúng ta bị lời nói xúc chạm đến thân mình.

Hoặc trong một lần tranh luận, ta bị người khác tát một cái vào má. Cái cảm giác bị tát đau vào má cũng là cảm giác bị xúc chạm vào bản ngã làm cho ta nổi cơn giận dữ. Trạng thái nổi sân do bị xúc chạm vào thân thể là cái chấp thô thiển nhất, căn bản nhất mà ai cũng gặp phải.

Nếu mỗi ngày chúng ta không ngồi thiền điều thân để thấy thân này là vô thường, hư ảo thì khi bị người khác xúc chạm, ta sẽ thấy khó chịu ngay.

Ngược lại, nếu mỗi ngày chúng ta đều ngồi thiền điều thân, coi thân này là vô thường, hư ảo lâu ngày cho trở thành đạo lực, thì chúng ta sẽ không chấp thân, trong hoàn cảnh nào cũng có thể bình thản được.

Có một cách chữa “nắc cục” theo kiểu dân gian rất hiệu quả. Đó là tìm cách làm cho người ta nổi giận, làm cho họ phản ứng mạnh, tự nhiên “nắc cục” sẽ biến mất. Có người áp dụng “mẹo” này để chữa “nắc cục” cho một Thầy trong chùa nhưng không có hiệu quả. Vì người tu hành không dễ dàng bị kích động. Có lẽ nhờ quá trình điều thân nên họ không mất bình tĩnh, không giận dữ trong bất kỳ tình huống nào.

Đức Phật thường dạy chúng ta ngồi quán tử thi để thấy cái thân này rồi sẽ chết, sêu sinh tương, mục tan chỉ còn lại xương không, rồi xương cũng thành tro, bay theo gió mất. Cái quán tưởng khi ngồi thiền là như vậy, chúng ta thấy rất rõ điều ấy nơi bản thân mình. Nhưng với tuổi trẻ, điều ấy sẽ hơi khó được nhận ra vì tuổi trẻ thường chấp thân. Người già hay bệnh hoạn ốm yếu dễ thấy cái thân này vô thường, tàn tạ; còn đang khỏe mạnh, không phải ai cũng dễ dàng nhận ra điều ấy.

Chúng ta phải cố gắng bỏ chấp thân để rơi vào tình huống nào cũng giữ được thái độ bình tĩnh. Chẳng hạn, khi ra đường, nếu ai đó vô tình làm ta ngã xuống, ta vẫn bình thản, coi như không có việc gì xảy ra. Nếu thấy chúng ta đứng dậy, phỉ bủ nhẹ nhàng và đi tiếp, người ta sẽ nể phục người tu mình hơn. Như vậy, đạo tâm của họ cũng tăng trưởng.

Đó là về thân thể, còn về danh dự ? Danh dự là giá trị của con người. Thông thường, người ta có thể không chấp thân nhưng vẫn xem trọng giá trị, danh dự của mình. Người ta có thể chấp nhận cái chết nhưng không chấp nhận để cho danh dự bị xúc phạm. Ngày xưa, ở Nhật có một giai cấp gọi là võ sĩ đạo. Họ là những người rất trọng danh dự. Hễ danh dự không còn thì họ tự tử

ngay lập tức. Chẳng hạn, trong một trận thách đấu, ai thua, người đó sẽ tự tử ngay vì họ cảm thấy nhục nhã khi danh dự không còn nữa. Có người kể rằng, vào những năm 60, tại Nhật có diễn ra một trận thi đấu bóng bàn trong khu vực Đông Nam Á. Việt Nam cũng đưa vận động viên sang tham gia thi đấu. Sau khi thắng các nước khác, cầu thủ Việt Nam bắt đầu thi đấu với một cầu thủ người Nhật, người này vốn là vô địch thế giới về bóng bàn. Trận đấu diễn ra rất quyết liệt. Cuối cùng, đội Việt Nam thắng. Vận động viên người Nhật ấy đã tự mổ bụng chết ngay tại chỗ. Người Nhật trọng danh dự như vậy đó.

Vậy, người tu chúng ta có trọng danh dự không?

Trong đạo Phật có một hạnh là nhẫn nhục Ba-la-mật. Dù người ta có xúc phạm đến mức nào, chúng ta cũng không được giận. Có những trường hợp, không phải họ chỉ xúc phạm đến ta mà còn xúc phạm đến Thầy ta, đến cả Đức Phật nữa, chúng ta cũng phải nhẫn nhục. Nếu quá coi trọng danh dự, phản ứng một cách gay gắt khi bị xúc phạm thì chúng ta là người không nhẫn nhục.

Vì vậy, chúng ta phải sống rất đàng hoàng, giữ gìn giới luật, oai nghi tề hạnh; giữ gìn đạo đức, tác phong nghiêm chỉnh. Mỗi khi ra đường, chúng ta đều mặc áo dài. Thậm chí, khi đi khát thực cũng đi với một phong thái ung dung, không van xin hay cầu cạnh. Nghĩa là chúng ta rất trọng danh dự, luôn giữ phong cách đàng hoàng, không để người khác khinh thường. Nhưng nếu bị người ta xúc phạm mà vẫn không giận, không phản ứng có phải là chúng ta không coi trọng danh dự, không có liêm sỉ không? Và như vậy, vấn đề trọng danh dự đối với người tu hành như chúng ta phải hiểu thế nào cho đúng?

Thật ra, đặt vấn đề trọng danh dự hay không trọng danh dự là chúng ta đã bị cái vị kỷ chi phối, chỉ nghĩ về mình mà thôi. Nếu đứng trên lập trường vô ngã, chỉ vì chúng sinh thì chúng ta sẽ không đặt vấn đề trọng danh dự hay không. Như vậy, danh dự là một cái gì đó rất hão huyền. Người tu chúng ta không nên đặt vấn đề danh dự. Chúng ta đã không chấp ngã thì danh dự có nghĩa lý gì.

Tuy nhiên, dù không coi trọng danh dự nhưng chúng ta CŨNG cần phải giữ tư cách đạo đức nghiêm túc, chuẩn mực. Đó là vì lòng thương yêu tất cả chúng sinh, vì sự tín tâm của mọi người. Chúng sinh cần có Phật pháp để nương tựa, cần có ánh sáng để đi trong bóng đêm. Nhưng Đức Phật đã nhập Niết bàn, giáo pháp chỉ là lý thuyết, chỉ có chúng ta, những người xuất gia mới có thể thấp lên được ánh sáng cho họ, mới có thể làm cho Phật Pháp sống động giữa cuộc đời này.

Cho nên, dù người đời có chửi mắng, có xúc phạm đến mức nào chúng ta cũng phải nhẫn nhục. Chúng ta phải giữ tư cách, đạo đức, giữ sự đường bệ

của mình ở mọi nơi, mọi lúc. Làm những điều ấy chúng ta hoàn toàn không vì chính mình mà để chúng sinh có niềm tin với Đạo.

Bởi vậy, một khi không đặt mục tiêu hướng về chính mình mà hướng về chúng sinh, chúng ta sẽ không bị mâu thuẫn giữa cái gọi là nhẫn nhục trước sự xúc phạm của người khác với lối sống nghiêm túc, giữ gìn đạo hạnh.

Trường hợp thứ hai, tâm lý bức bối khó chịu xuất hiện khi tài sản bị xâm phạm.

Tài sản là cái chấp rất nặng của con người. Tại sao như vậy? Chúng ta biết rằng, mọi người, nhất là người đời làm nên đồng tiền rất vất vả. Họ phải đổi bằng mồ hôi nước mắt, quần quật suốt ngày này qua tháng khác mới kiếm được đồng tiền. Cho nên, họ rất quý tài sản đã gây dựng được. Chỉ có những người làm ra đồng tiền quá dễ mới không coi trọng nó. Bởi vậy, người nào xâm phạm đến tài sản của người khác, nhất là những cái mà họ chăm chút, yêu thương, là chạm đến bản ngã của họ và sẽ khiến họ nổi giận.

Ví dụ, chúng ta có một cái ly rất đẹp và hằng ngày luôn nâng niu. Một hôm, có người đến chơi, sơ ý làm rơi xuống đất, vỡ toang. Vì đó là cái ta rất quý nên chắc chắn ta không tránh khỏi sự tức giận.

Chúng ta quý cái gì nghĩa là cái chấp của ta đến mức đó nên dễ dàng nổi giận khi bị người khác xâm phạm cái đó. Bởi vậy, đã là người tu hành, chúng ta phải biết buông xả, từ bản thân cho đến tài sản, để nếu có bị xúc phạm, chúng ta không cảm thấy nặng nề. Người làm được như vậy là người có tâm tu tốt.

Chẳng hạn, khi nghe cuộc trò chuyện của hai Ni cô, chúng ta sẽ đánh giá được mức độ tu tập của họ. Trong lúc nói chuyện, một người than phiền:

-Gà hàng xóm cứ qua bới hàng rào của tôi, thật là phiền toái.

Cô kia bảo:

-Nó bới hàng rào chứ nó có bới gì mình đâu mà giận.

Qua phân tích lời nói của hai người, chúng ta thấy, cô thứ nhất chấp rằng tài sản của mình trải rộng từ nhà cửa, sân vườn, cây cỏ đến hàng rào. Cho nên, khi ai chạm đến những tài sản ấy là chạm đến bản ngã của cô. Còn cô thứ hai đã biết thoát ly dần dần tài sản nên cảm thấy việc đụng chạm đến hàng rào không liên quan đến mình. Đó là người có tâm tu tốt, tiến bộ.

Tóm lại, trong ba cái chấp của người đời, chấp thân và chấp tài sản là cái chấp thô thiển, ở mức độ thấp. Còn chấp danh dự là chấp ở mức độ cao hơn. Người có liêm sỉ, có học thức thường coi trọng danh dự. Thậm chí có người trọng danh dự hơn cả mạng sống, hơn cả tài sản của mình. Họ thà chấp nhận cuộc sống nghèo khổ chứ không bao giờ chịu xu nịnh, cầu cạnh người khác. Trái lại, người tầm thường không coi trọng đời sống tinh thần, nhiều khi không cần danh dự. Với họ, thân thể, tài sản là quý hơn tất cả. Đôi khi, vì tiền bạc vật chất, họ sẵn sàng chấp nhận luôn cúi, bắt chấp sự xúc phạm của

người khác.

Còn chúng ta, những người sống đời tu hành phải vượt lên ba điều chấp ấy. Mặc dù vẫn xác định rằng thân thể, tài sản không là gì đối với ta nhưng nếu không cẩn thận, không tu tập vững vàng, chúng ta cũng sẽ bị sự chấp thân và chấp tài sản ấy chi phối.

Ví dụ, đang đi trên đường bỗng dưng ta bị sụp chân một cái, ngã rất đau. Ta sẽ rất khó chịu và phiền trách những người làm đường không cẩn thận, không lấp những chỗ đã đào làm cho ta ngã đau khi đi trong đêm tối. Chỉ khó chịu, phiền trách như vậy thôi nhưng rõ ràng ta đã bị chấp thân chi phối. Còn về tài sản, người tu hành đương nhiên phải vượt qua. Nếu chúng ta không cẩn thận, không vượt qua được, thì chấp ngã sẽ rất nặng. Vì trong đạo Phật, Đức Phật đã dạy chúng ta không được tích lũy tài sản, tập sống một cuộc đời vô sản. Vì vậy, chấp tài sản sẽ làm cho chúng ta trở nên phạm tục. Theo luật Nhân Quả, không chấp chừng nào, chúng ta lại có chừng ấy. Nếu có của cải, tài sản chúng ta đem bố thí cho người khác thì khi cần, tự nhiên của cải lại đến với chúng ta. Đây là một điều rất lạ.

Có chuyện kể rằng, bên Thiên Chúa giáo có một vị Thánh tên là Don Bosco. Ông theo một dòng tu chuyên về giáo dục. Lúc ông đi tu, mẹ ông nói: Một ngày nào mà mẹ biết trong túi con có đến mười franc thì mẹ không nhìn mặt con nữa.

Ông là người rất thương mẹ. Vì vậy, trong suốt thời gian tu hành, ông không bao giờ dám giữ tiền vì sợ mẹ biết, mẹ sẽ từ bỏ. Khi có tiền, ông liền mang cho người khác. Vậy mà, tiền cứ mỗi lúc một phát sinh. Ông càng lớn lên, Đạo đức càng tăng trưởng. Vì một khi đã có hạnh bố thí thì các công hạnh khác cứ thế mở ra.

Ông vốn chuyên về giáo dục nên thường đưa những đứa trẻ lang thang, hư hỏng về nuôi nấng, dạy dỗ. Công lao của ông rất lớn. Một lần, ông có ý định xây một ngôi trường lớn để những đứa trẻ ấy có chỗ học hành đàng hoàng. Tất nhiên, đó mới chỉ là ý định thôi vì ông không có sẵn tiền. Điều kì lạ là ý định chỉ mới nảy sinh, ông đã được một người đưa đến cho một xe tiền. Đó chính là cái phước có được do sự tích cực bố thí của ông.

Cứ thế, suốt cả cuộc đời lo cho chúng sinh và giáo dục cho mọi người những điều tốt đẹp, ông đã được phát thần thông. Ông có trực giác có thể đoán trước được nhiều việc. Sau này, con chiên đến xưng tội chỉ quỳ trước ông, chưa cần nói điều gì, ông đã biết tất cả. Khi ông qua đời, tòa Thánh Vatican đã phong Thánh cho ông, mở thành dòng Don Bosco đến bây giờ. Như vậy, nhờ phước bố thí mà ông đã được thù thắng.

Trường hợp thứ ba khiến tâm lý khó chịu, bức bối phát sinh là khi kẻ dưới không vâng lệnh.

Khi có chức quyền, chúng ta thường chấp địa vị của mình. Chấp địa vị có

nghĩa là chúng ta luôn nghĩ rằng mình có quyền lực nên người dưới nhất thiết phải nghe theo, dù có khi người đó lớn tuổi hơn mình. Nếu họ không vâng lời, chúng ta cảm thấy mình bị xúc phạm vì nghĩ họ không tôn trọng chức vụ mà mình đang có. Trong khi đó, chúng ta đã xem chức vụ ấy là bản ngã của mình. Do vậy, khi người dưới không vâng lời, chúng ta thường nảy sinh tâm lý khó chịu và có khi nổi giận.

Ví dụ, khi có việc phải ra ngoài, chúng ta dặn đệ tử làm một việc gì đó. Khi trở về, việc vẫn chưa được tiến hành. Lúc đó, với tư cách là một người thầy, chúng ta cảm thấy mình bị xúc phạm và sẽ nổi giận. Đó là sự nổi giận do bị người khác xúc phạm đến địa vị, uy tín của mình.

Nhưng cần lưu ý một điều, dù giận chúng ta cũng phải bình tĩnh. Nếu nóng nảy, trách mắng đệ tử hết lời thì họ sẽ mất đi lòng kính trọng đối với Thầy mình. Chúng ta phải nêu gương tốt cho đệ tử. Nếu mình còn sân quá, làm sao giữ được lòng tôn trọng họ suốt cuộc đời. Như vậy, khi thấy một đệ tử làm điều sai trái hoặc không vâng lời, chúng ta phải xét lỗi đó từ tâm, phải bình tĩnh xét hỏi nguyên nhân gây nên làm lỗi, đừng bao giờ chỉ dựa vào hành động mà trách mắng họ.

Đối với những trường hợp bướng bỉnh, không vâng lời hoặc thờ ơ không chú ý đến lời dạy của thầy, chúng ta phải coi đó là cái bệnh cần phải được sửa từ trong tâm. Đó là những người có đạo đức kém, sau này họ khó làm được việc lớn. Nghĩ như vậy, chúng ta mới tránh được sự nóng nảy, giận dữ.

Người không biết tôn trọng vâng lời đã là sai, chúng ta giận dữ, nóng nảy lại càng sai, càng chứng tỏ là ta chấp chức quyền của mình nặng quá. Vì vậy, trong quá trình tu hành, nếu được giữ chức gì, chúng ta phải tác ý làm sao để khi gặp chuyện, chúng ta sẽ không chấp cái chức đó mà nổi sân.

Chẳng hạn, một người nào đó được bầu làm lớp trưởng, hay chúng trưởng. Người đó sẽ nghĩ rằng: mình có thể bị chấp bởi cái chức này, và khi đã chấp, nếu ai đó xúc phạm, mình sẽ bị sân. Hiểu như vậy, người ấy phải làm thế nào để đừng chấp?

Hãy nghĩ rằng, cái chức này là không có thật, cái thân này như cát bụi, cỏ rác. Đó là “câu thần chú” mà chúng ta nên luôn luôn tâm niệm. Khi đưa ra ý kiến, nếu gặp sự phản đối của người khác, chúng ta vẫn bình thản, từ tốn giải thích, thuyết phục họ. Dần dần rồi họ sẽ hiểu và lắng nghe ý kiến của ta. Nếu có gì nghiêm trọng, chúng ta lại thưa lên quý Thầy lớn. Đó là thái độ điềm tĩnh, đúng mực của kẻ tu hành.

Ngoài ba trường hợp ấy, còn có trường hợp khác cũng làm nảy sinh tâm lý bực bội, khó chịu. Đó là trường hợp bị người khác cướp ngang lời nói hoặc phủ nhận ý kiến.

Ý nghĩ, tư tưởng là cái ta của mỗi người. Đa số chúng ta đều chấp như vậy. Cho nên, ai cướp ngang lời hoặc phủ nhận ý kiến là chạm đến bản ngã của

ta. Lúc ấy, không phải đơn giản là ý kiến bị phủ nhận mà danh dự của ta cũng bị xúc phạm. Chính sự xúc phạm đã đó khiến ta nổi sân. Tục ngữ Việt Nam có câu “cướp lời cũng như cướp của” cũng chứng tỏ quan điểm này. Tóm lại, khi nào bản ngã và những cái chấp thuộc về bản ngã (tức ngã sở) bị xâm phạm, bị xúc phạm thì chúng ta sẽ nổi sân.

2. Thái độ và phân loại:

a) Thái độ:

Người nổi giận thường có nét mặt dữ dằn, lời nói to, hành động thô bạo. Có khi quá giận, người ta còn nói tục, chửi thề. Các triết gia còn cho rằng, người nóng là người ngu, người điên vì trong lúc nóng giận, họ thường có những quyết định sai lầm, những hành động liều lĩnh, không suy xét đúng sai. Sự giận dữ có thể làm mất tư cách của con người.

Kinh Phật có nói rằng: Người nào hay nổi sân thì kiếp sau sẽ trở thành xấu xí. Câu nói của Đức Phật nghiệm ra thật chí lý. Bởi khi giận dữ, tất cả vẻ xấu xí của chúng ta đều hiện ra bên ngoài: mắt trợn, mặt nhăn, miệng gầm gừ... khiến cho người khác kinh hãi. Kiếp sau điều ấy sẽ trở thành cố định, hay gọi là quả báo. Trong cuộc sống hiện tại, nhìn gương mặt ai xinh đẹp, chúng ta sẽ nghĩ đời trước người đó hiền lành, nhân hậu. Còn những người có vẻ dữ dằn, xấu xí có thể là do đời trước họ hay nổi sân, ánh mắt giận dữ đã rót tới đời này.

Nhìn thái độ biểu hiện bên ngoài, tưởng chừng những người hay giận dữ có một bản tính mạnh mẽ, nhưng thực chất, họ có một nội tâm yếu ớt. Vì tâm và thân vốn ngược nhau. Người có thân mạnh là người làm được nhiều việc, hăng hái, năng nổ nhưng tâm chưa hẳn đã mạnh. Tâm mạnh là tâm trầm tĩnh, không dễ dàng bị kích động.

Trong giao tiếp, chúng ta thấy người nào không biết giận, gặp việc gì cũng trầm tĩnh, người đó rất đáng sợ vì bên trong họ tiềm tàng một năng lực tinh thần rất lớn. Những người ấy rất có bản lĩnh. Nếu là người tốt, họ có thể được ví với Thánh, nếu là người xấu, sự hiểm độc của họ thật khôn lường. Ngược lại, những người hay nổi nóng thường có vẻ ngoài dữ dằn nhưng không đáng sợ.

Người tu hành thường không có mưu mô, hiểm độc, nhưng cũng không được phép sân. Vì sân là biểu hiện của sự yếu đuối trong tâm hồn. Vì vậy, cần lưu ý một điều, trong chúng nếu người nào còn sân, chúng ta không nên cho làm việc Đạo một mình. Vì tâm hồn họ còn yếu đuối, nhu nhược, dễ xảy ra sai sót. Những người bình thản trước mọi việc, gặp chuyện không sân, gặp của không tham là người có thể làm việc Đạo một mình mà không sợ xảy ra sai sót. Đây là kinh nghiệm quý báu rất cần trong việc dạy đệ tử sau này.

Người trầm tĩnh là người có thể tin tưởng được. Đó là lý do tại sao trong

cuộc sống, người trầm tĩnh, không nóng giận luôn luôn được ngợi ca, quý mến.

Trong đạo Phật, sự bình thản không nổi nóng là dấu hiệu của một công phu tu hành chín chắn. Yêu cầu không nổi sân đối với người tu hành rất cao. Vì nổi sân là biểu hiện của sự tu tập không kỹ lưỡng, công phu không vững vàng. Nhưng vượt qua cái sân không phải là điều dễ dàng. Chúng ta phải vào được sơ thiền, phá được năm triền cái mới vượt qua được cái sân. Năm triền cái đó là gì ?

-Thứ nhất là tham ái, (hay là tham)

-Thứ hai là sân.

-Thứ ba là thù miên.

-Thứ tư là trạo cử (hay là trạo hồi).

-Thứ năm là nghi.

Khi học về Thiền, chúng ta sẽ phân tích kỹ từng vấn đề. Trong năm triền cái, chúng ta cần hiểu rõ hơn một chút về trạo cử. Trạo cử tách ra khỏi trạo hồi nghĩa là hay máy động tay chân. Người không chứng chạc, hay nhúc nhích cử động, hay hấp tấp gọi là trạo cử. Người tu thiền đến mức vào được sơ thiền sẽ thấy khoan thai, điềm tĩnh, thư thái ung dung, không còn trạo cử (hấp tấp) nữa.

Liên quan đến vấn đề này, chúng ta cần hiểu thêm về sự hối hận. Hối hận thường có ba loại:

- Một, là hạng người phàm phu không biết hối hận. Đó là những người phàm phu, không biết tội phước nên khi đã làm lỗi, vẫn không tỏ ra hối hận .

-Hai, là người biết tu tập, biết tội phước nhân quả, khi làm lỗi họ biết hối hận về những gì mình đã gây nên.

-Ba, là người tu có tiến bộ. Những người này dù biết rất rõ nhân quả tội phước nhưng khi làm lỗi vẫn không hối hận. Đây là trường hợp của người đã vượt ra được cái trạo hồi. Khi tâm đã vào được định sơ thiền, nếu phạm phải sai lầm, họ biết rất rõ điều đó và biết rõ nhân quả tội phước mà vẫn không hối hận. Không hối hận nhưng không bao giờ họ tái phạm. Quyết tâm không tái phạm lỗi lầm của họ rất mạnh. Điều đáng nói ở đây là những người này khi đã phạm phải sai lầm, tâm họ bình an, không bị ray rứt bởi lỗi lầm nhưng họ không bao giờ tái phạm. Đó là sự khác biệt giữa họ với hạng người phàm phu, không hối hận vì không biết nhân quả tội phước, và cứ thế, tiếp tục mắc phải lỗi lầm.

Để chứng tỏ là người tu tốt, tu có tiến bộ, chúng ta không bao giờ nổi sân.

Không nổi sân là kết quả của công phu Thiền định vững chắc. Nhưng đa phần, vì không chú trọng đến công phu Thiền định, không quyết tâm phá được triền cái để vào được sơ thiền, chúng ta có thể bị nổi sân mỗi khi gặp chuyện trái ý. Người đã vào được sơ thiền, sân sẽ không còn nữa! gặp bất

cứ chuyện gì, họ vẫn không hề nổi giận. Nói không hề nổi giận có nghĩa là không còn một chút bức bối nào nữa đâu chỉ là một hạt bụi nhỏ. Khi đạt đến mức độ như vậy, họ thực sự đã vượt qua được cái sân. Hay nói cách khác, đây là cái không sân đã đạt đến mức lý tưởng của người có tu tập Thiền định.

Chúng ta cần phải hiểu rằng, giữa tứ thiền và tứ quả có sự khác nhau. Trong tứ thiền, chỉ cần vào đến sơ thiền, chúng ta đã vượt qua được sân. Còn trong tứ quả của Sa môn, phải vào đến nhị quả, người tu hành mới bắt đầu bớt được sân, và đến tam quả mới dứt được sân. Vì vậy, ở mức độ ban đầu, tứ thiền cao hơn tứ quả và sơ thiền cao hơn sơ quả.

b) Phân loại:

Sân thường có nhiều loại. Chúng ta cần phân biệt bốn trạng thái tâm lý của sân : Nổi nóng, hung dữ, thù hận và giận hờn.

Những trạng thái này có những điểm tương đối giống nhau. Ngoài ra, chúng ta còn bắt gặp một trạng thái tâm lý nữa là ác độc. Nhưng ác độc không thuộc về sân nên chúng ta không đề cập ở bài này.

Trong bốn trạng thái trên, nổi nóng là trạng thái đơn giản nhất và rất dễ gặp. Đó là cái sân bất ngờ, là trạng thái mất bình tĩnh khi gặp chuyện trái ý, khiến ta nhất thời có những phản ứng vụng về.

Hung dữ là thái độ mạnh mẽ dễ xúc phạm người khác. Đó là trạng thái tâm lý tương tự như sân nhưng bản chất không phải là sân. Người hung dữ là người có cá tính mạnh, có tinh thần mạnh mẽ nên thường làm cho người khác phải sợ. Mỗi khi xảy ra chuyện, thần sắc của họ, cử chỉ, lời nói của họ tỏ ra hăm dọa, đe dọa tinh thần và ý chí người khác, làm cho người ta phải sợ hãi. Người hung dữ cũng dễ tạo nên nghiệp. Có khi, vì hung dữ, họ có những nhục hình đối với người khác.

Sự nóng nảy và hung dữ rất gần nhau. Cả hai đều là thái độ phản ứng mạnh. Nhưng hung dữ có kèm theo tâm ác độc, muốn hại người. Người hung dữ thường xúc phạm người khác bằng cách chửi mắng thậm tệ, có khi đánh đập, thậm chí có thể giết người nữa. Mặc dù bên ngoài, có khi người hung dữ rất bình thường, không biểu lộ cái sân, nhưng bản chất của họ vẫn là tàn nhẫn. Một câu chuyện có thật xảy ra, đến nay vẫn còn làm nhiều người bàng hoàng mỗi khi nhắc lại. Đó là chuyện giết bạn của một thanh niên. Người thanh niên ấy là người Hải Phòng. Vì có sự gây gổ, xích mích với một người bạn, anh ta vác dao đi tìm người đó để giết. Người kia biết được nên trốn biệt. Tìm hoài không được, anh ta bức bối bỏ vào quán cà phê ngồi uống nước, tình cờ gặp một người bạn. Người này hỏi: Mày đi đâu vậy?

-Tao đi tìm thằng đó để đâm chết nó!

-Tướng mày mà đâm ai ! Tao đây mày có dám đâm không?

Người bạn nói vừa dứt lời , anh ta rút dao đâm ngay vào bụng bạn mình.

Khi hành động giết người, rõ ràng anh ta không sân, cũng không giận hờn gì người kia cả. Nhưng vốn có bản chất hung dữ, nên anh ta dễ bị kích động, có thể hành động một cách tàn nhẫn.

Đối với những người tàn bạo, sự ác độc biểu hiện ngay ở việc dùng nhục hình với người khác. Nhiều khi sự ác độc, tàn nhẫn không bộc lộ ở thái độ bên ngoài nhưng lại gây nên đau khổ tột cùng cho người khác. Ví dụ như những lời vu khống hoặc nói xấu, chúng không hề đơn giản. Đó cũng là biểu hiện của sự tàn nhẫn, ác độc.

Thù hận cũng là giận ghét nhưng nuôi dưỡng lâu dài sự buồn bực và có ác tâm muốn trả thù. Tâm thù hận gây nên nghiệp rất lớn. Chúng ta biết rằng, tư tưởng đời này sẽ tạo ra nhân cách ở đời sau. Mỗi một ý nghĩ ở đời này đều tạo thành con người của chúng ta ở đời sau. Bởi vậy, trong hiện tại, nếu để tư tưởng thù hận kéo dài thì đời sau, chúng ta sẽ trở thành một con người hay chấp, hay thù hận. Một khi đã có lòng hận thù, chúng ta sẽ tìm mọi cách để hại người.

Trong cuộc sống, có những trường hợp xảy ra rất đơn giản. Nhưng nếu có bản chất thù hận, người ta sẽ nuôi dưỡng nó và chờ cơ hội trả thù. Cứ như vậy, oán thù sẽ chồng chất trên cuộc đời này. Điều đó thật nguy hiểm. Vì vậy, chúng ta không nên nuôi tâm thù hận. Với người tu hành, trái tim càng không có chỗ cho lòng hận thù ngự trị.

Ở đây phải lưu ý một điều, thù hận khác với nổi nóng. Nổi nóng chỉ là trạng thái tâm lý xảy ra nhất thời, sau đó chúng ta không giận nữa. Còn thù hận thường kéo dài nên mỗi khi nghĩ đến là chúng ta cảm thấy giận, thấy ghét. Nếu có ai hỏi về người mà chúng ta đang thù hận, chúng ta lại muốn nói xấu người đó, đó là dấu hiệu chắc chắn chúng ta đang nuôi một mối thù hận với họ. Sự giận ghét kéo dài quá lâu sẽ biến thành thù hận. Người đời có mối thù lớn, thường gây nên nghiệp lớn. Người tu hành không có tâm lý thù hận, nhưng ở mức độ nhẹ vẫn còn dễ buồn giận kéo dài. Chúng ta phải quan sát kỹ để tự hóa giải, không được nuôi dưỡng nó.

Giận hờn là sự buồn bực ở mức độ nhẹ, có khi kéo dài nếu người mình có tình cảm không làm vừa lòng mình. Tâm lý giận hờn thường gặp ở phụ nữ. Đối với nam giới, giận hờn chỉ xuất hiện trong những mối quan hệ tình cảm sâu sắc hơn (tình yêu nam nữ chẳng hạn). Vì có liên quan đến tình cảm nên giận hờn không phải là vấn đề nghiêm trọng.

Như vậy, người phạm phu dễ bị cả bốn tâm trạng đó chi phối. Trong bốn tâm lý đó, người tu hành có thể còn bị nổi nóng và giận hờn. Tâm lý thù hận và hung dữ chúng ta rất ít gặp. Nhưng nếu không kiểm soát tâm kỹ, chúng ta vẫn bị nó chi phối. Tuy nổi nóng và giận hờn là hai mức độ nhẹ nhưng chúng ta cũng phải cố gắng vượt qua vì những điều đó làm cho người tu hành bị giảm đạo lực và tổn phước. Bởi vậy, lúc nào chúng ta cũng phải

trầm tĩnh, buông xả không giận hờn.

Trường hợp trong chúng có nhiều người, nhưng ta chỉ thương yêu đặc biệt một người. Nếu người đó làm điều gì không vừa ý ta là ta giận. Tình cảm như vậy hẹp hòi quá. Tình cảm hẹp hòi cũng làm ta dễ xao động giận hờn.

3. Nhân quả:

Chúng ta thường nghe: Một chút lửa sân đốt tan cả rừng công đức. Trong cuộc sống, chúng ta làm phước rất nhiều, nhưng chỉ vì một lúc nổi sân, làm một việc quá đáng, gây thành cái tội, bao nhiêu phước chúng ta đã làm cũng trở nên vô nghĩa.

Ví dụ, có một người không biết giận điều gì, châm lửa đốt nhà. Hậu quả là không chỉ nhà ông cháy mà mấy chục căn nhà bên cạnh cũng hóa thành tro bụi. Chỉ một chút nóng giận, người ấy đã gây nên nghiệp quá lớn. Bản thân kẻ đó không biết tạo phước, lại gánh thêm tội nặng vì đã làm cho bao nhiêu người rơi vào cảnh màn trời, chiếu đất, họ phải trả nợ ấy cho đến kiếp nào mới xong? Sự giận dữ có thể gây nên hậu quả rất nghiêm trọng, bởi vậy, chúng ta phải hết sức cẩn thận, phải biết kiềm chế bản thân mình.

Có khi chỉ một lời nói ác, chúng ta cũng làm mất hết công phu tu tập từ lâu. Đó là trường hợp buông những câu thề, những lời nguyện rửa xúc phạm đến người khác trong khi bực bội.

Có một người mới xuất gia, khi nói về lý tưởng tu hành của mình, người ấy thề rằng: Vào chùa tu mà hoàn cảnh không đàng hoàng là quay về liền.

Đúng ra, người ấy không nên nói như vậy mà phải thề rằng:

-Dù gặp bất cứ hoàn cảnh nào, mình cũng phải giữ vững lòng tu.

Những người như vậy không tu được bao lâu. Đúng là sau đó người ấy đã hoàn tục theo lời thề không hay đó.

Có trường hợp, vì giận hờn chúng ta bỏ ngang những công đức mà mình đang theo đuổi, có nghĩa là quả báo lành ở vị lai cũng sẽ gãy ngang. Trong khi đó, trong đạo Phật của chúng ta, hạnh nguyện nào cũng phải đạt đến vô lượng, vô biên, đến tuyệt đối. Tu theo đạo Phật là chúng ta đi tìm cái tuyệt đối, đi tìm cái vô lượng vô biên ấy. Tích lũy phước cũng vậy. Chúng ta phải tích lũy đến khi không còn giới hạn nữa, phải đi tìm mãi hết kiếp này sang kiếp khác, đừng bao giờ cho là đủ.

Nếu đang làm việc tốt, vì một phút giây nóng nảy, giận dữ mà chúng ta không tiếp tục nữa là chúng ta đã ngừng lại công đức, đã không đi đúng con đường của Phật pháp. Phật được xưng tụng là lương túc tôn, phước và huệ là vô biên. Đi trên con đường của Ngài, chúng ta cũng phải đi đến vô cùng, làm việc gì cũng phải làm đến viên mãn, đến không còn giới hạn.

Ví dụ, có một người làm việc trong Hội từ thiện. Do bất đồng, gây gổ với các hội viên, người đó không làm nữa. Điều này cũng có Nhân quả ở kiếp sau. Ứng với thời gian làm việc từ thiện, người ấy được hưởng một đoạn đời

vinh quang, sung sướng. Sau đó, tự nhiên tất cả sụp đổ, họ trở lại làm một người nghèo khổ bình thường. Điều này ứng với thời gian người ấy giận dữ, bỏ ngang không làm việc thiện nữa. Bởi khi bỏ việc giữa chừng, họ đã gây ra không ít khó khăn cho người khác. Những gì họ làm quen, mọi người phải vất vả làm lại từ đầu.

Có một Phật tử làm trong ban hộ tự cho một ngôi chùa nhỏ tại một vùng quê. Một lần, vì cãi cọ bất đồng với mọi người, anh ta không đến chùa, không lo cho chùa nữa. Thấy vậy, có người khuyên anh không nên xử sự như thế. Vì nếu anh sân, bỏ công việc của chùa thì kiếp sau sự nghiệp của anh đang thành công nửa đường sẽ bị gãy đổ. Người Phật tử phải biết nhẫn nhục để thực hiện trọn vẹn công đức của mình.

Trong quá trình làm phước, không phải lúc nào chúng ta cũng gặp thuận lợi. Bởi vậy, người làm công đức phải bền tâm, kiên trì. Nhiều khi chúng ta muốn làm phước nhưng có rất nhiều khó khăn trở ngại. Trong đó có cả sự công kích chống đối, hạ nhục của người khác. Nhưng như đã xác định từ đầu, chúng ta không coi trọng danh dự bản thân mà chỉ coi trọng lợi ích của người khác. Do đó, dù gặp trở ngại, ta vẫn phải nhẫn nhục chịu đựng, vượt qua để làm trọn vẹn công đức mà mình đang theo đuổi.

Việc giảng pháp cũng vậy. Mặc dù những điều được giảng đều có ích cho người nghe, nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng gặp thuận lợi. Có khi chúng ta gặp sự chống đối quyết liệt của người khác. Thậm chí, có người còn tìm ra đủ âm mưu, kế hoạch để ngăn cản. Tất nhiên, cũng có người bênh vực, nhưng điều quan trọng là chúng ta phải chịu đựng để tiếp tục giảng. Bởi chúng ta biết rằng, những người nghe giảng sẽ được lợi ích, sẽ tiến bộ. Trừ trường hợp cái duyên hoàn toàn không thuận lợi, chúng ta có thể tạm ngưng, đừng bao giờ vì tự ái mà bỏ công việc nửa chừng.

Lúc nào cũng vậy, để theo đuổi công đức, chúng ta phải rất bền tâm, vững chí, không được yếu đuối. Nói rằng người hay nổi sân là người yếu đuối, chính là như vậy. Một khi đã yếu đuối, chúng ta sẽ không làm được công đức lâu dài.

Thật ra, mức độ nguy hiểm của việc nổi nóng không lớn. Nhưng về mặt nhân quả, sự nóng giận của chúng ta sẽ làm mất niềm tin nơi Phật tử, khiến họ bất mãn. Có những Phật tử rất khắc khe trong việc đánh giá, luôn đòi hỏi chúng ta phải có đạo đức vững chắc. Nếu lúc nào đó, tình cờ nghe chúng ta nổi giận cãi nhau, những Phật tử dễ dãi chỉ than phiền, nhưng những người khắc khe sẽ mất niềm tin và dần dần không đến chùa nữa.

Có một chuyện đơn giản thôi nhưng vì không biết kiềm chế nên người tu chúng ta đã làm mất niềm tin và sự kính trọng của Phật tử. Đó là chuyện hai Thầy ở chung một cái cốc vì một chuyện nhỏ đã nổi sân. Một người rất thích đọc sách, lúc rảnh rỗi thường mượn sách người kia đọc. Một hôm, phát hiện

trong tủ, ngoài kinh Phật còn có một vài cuốn tiểu thuyết, nghĩ rằng người kia không đọc nên người này đã tự ý đem những cuốn sách ấy ra nhóm lửa. Người kia về giận dữ, người này cũng bức bối, nổi sân và gằn giọng: “Tôi không đọc sách của thầy nữa”. Ngay lúc đó, một cư sĩ đứng gần chứng kiến được sự việc nên rất bất mãn. Từ đó, ông không bao giờ đến cốc nữa. Chính vì vậy, vì thương yêu chúng sinh, để giữ tín tâm và sự tinh tấn cho họ, chúng ta phải cố gắng giữ bình tĩnh, không được nổi sân dù trong bất kỳ tình huống nào.

4. Nguyên nhân:

Có nhiều nguyên nhân làm nảy sinh tâm lý nóng nảy:

Nguyên nhân chính là do chấp ngã nặng. Cái gì chạm đến bản ngã của ta, đều làm ta khó chịu và dễ nổi sân.

Một nguyên nhân quan trọng nữa là do tâm kiêu mạn. Kiêu mạn luôn luôn gây ra nóng nảy.

Nguyên nhân khác cũng không kém phần quan trọng là do nhiệt tình làm điều tốt, nhiệt tình bảo vệ điều thiện. Những người nhiệt tình làm điều tốt, bảo vệ điều thiện cũng dễ có thái độ nóng nảy.

Chẳng hạn, vì nhiệt tình bảo vệ môi trường, ủng hộ việc bảo vệ rừng nên khi nghe tin có nạn phá rừng, chúng ta sẽ rất căm phẫn, căm phẫn những người đang tiêu diệt sự sống của trái đất. Hoặc nghe chuyện người ta đi săn cá voi, chúng ta cũng nổi giận. Vì cá voi là một loài linh vật, có trí tuệ rất kì diệu mà đúng ra con người phải bảo vệ.

Có lúc, chúng ta tỏ thái độ bất bình, khinh bỉ khi nhìn thấy những người giàu có, sang trọng ngồi trên xe hơi mà vứt rác bừa bãi xuống đường một cách thiếu văn hóa... Đó là trạng thái sân xảy ra do nhiệt tình bảo vệ cái tốt.

Chúng ta phải có ý thức giữ văn hóa, văn minh tối thiểu khi ra đường: không vứt rác bừa bãi; gặp đèn xanh, đèn đỏ, phải dừng lại nơi vạch trắng, không được vượt qua... Những người tu hành tỏ ra sốt ruột, đứng vượt qua vạch trắng trong khi chờ đèn đỏ hoặc vứt rác bừa bãi khi ra đường sẽ khiến người ta nghi ngờ về Giới luật. Đó là người không giữ kỷ cương, nề nếp. Những việc đó tuy nhỏ nhưng thuộc về văn hoá, chúng ta phải luôn có ý thức giữ gìn.

Một ví dụ khác, trong chùa, một người được phân công làm hương đăng, dọn dẹp chánh điện, lau quét tượng Phật. Để biểu lộ lòng tôn kính Đức Phật, lúc nào người ấy cũng lau quét rất sạch sẽ; chăm hoa, thắp hương, thắp đèn... cẩn thận. Nhưng một hôm, một Huynh đệ vô ý băng ngang qua chánh điện và để lại những vết chân bẩn. Dù có tâm rất tốt nhưng người ấy vẫn giận sôi lên. Đó cũng là trường hợp nổi nóng do nhiệt tình làm điều tốt.

Hoặc có khi chứng kiến cảnh người khác chửi mắng Thầy, chúng ta không chịu nổi liền phản ứng lại một cách gay gắt. Bởi Thầy là người có đạo hạnh,

nuôi dạy chúng ta từng li từng tí. Đối với cuộc đời chúng ta, ngoài cha mẹ ra, Thầy là tất cả. Vì lòng tôn kính Thầy, chúng ta làm như vậy để bảo vệ Thầy là việc làm đúng đắn. Nhưng không biết kiềm chế, để nổi giận là chúng ta đã bị sân chi phối.

Như vậy, người tu chúng ta cần phải khéo léo tách rời sân và sự nhiệt tình. Rất nhiệt tình làm điều thiện, rất nhiệt tình bảo vệ điều tốt nhưng chúng ta không được nổi sân. Đây là điều rất khó mà chúng ta phải cố gắng thực hiện cho bằng được.

Để làm được điều đó, chúng ta phải xác định cái sân ấy có nguồn gốc từ đâu. Phải chăng, nó xuất phát từ chỗ chúng ta ghét người ác, người xấu, người bất thiện? Hiểu được nguồn gốc gây nên sân, trong từng trường hợp chúng ta sẽ có những cách ứng xử đúng mực.

Chẳng hạn, vì thiết tha trong việc bảo vệ rừng cho trái đất này nên chúng ta phạm một lỗi là căm ghét những người phá rừng. Ở đây, cần phải tách hai thái độ này ra. Nghĩa là chúng ta rất nhiệt tình bảo vệ rừng nhưng nguyện không còn ghét họ nữa. Nếu có dịp, chúng ta phải lên tiếng để bảo vệ rừng. Đối với những người si mê không biết tội phước, tiếp tục phá rừng thì chúng ta xót thương cho họ, vì họ đã làm điều lầm lỗi.

Vấn đề giết cá voi cũng vậy. Rất nhiệt tình bảo vệ loài cá voi, chúng ta lên tiếng nói, nhưng trong thâm tâm, chúng ta không giận, không ghét người giết cá voi mà thương xót cho họ...

Khi nhìn thấy người khác xả rác bừa bãi ngoài đường phố, chúng ta nhiệt tình bảo vệ văn minh đường phố nhưng không giận ghét, cũng không tỏ ra khinh bỉ. Những thái độ khinh bỉ, hay giận ghét đều làm cho chúng ta rơi vào bất thiện pháp.

Trường hợp lau dọn chánh điện mà Huynh đệ mình để vài vết chân bẩn lên đó thì chúng ta nên nhiệt tình, lấy khăn lau lại. Đối với những người xúc phạm đến Đức Phật, đến những bậc Thầy tôn kính, chúng ta nên nhớ một điều: Nếu Phật còn tại thế, người ta chửi trước mặt Ngài, Ngài cũng không giận. Thầy chúng ta cũng vậy, chắc chắn Người cũng không giận khi bị xúc phạm. Vậy tại sao chúng ta lại giận? Bởi vậy, chúng ta cũng không nên giận dữ, chỉ xót xa cho người không biết đã xúc phạm bậc tu hành chân chính mà thôi.

Có một Thầy trưởng chúng luôn theo công thức riêng của ông như hai với hai là bốn vậy. Ông quan niệm: “Hễ còn sân tức là còn si mê”. Mà với ông, si mê đồng nghĩa với tham ái. Bởi vậy, lúc nào ông cũng cảnh giác chúng về mặt này. Ông thường thử xem quý thầy còn nổi sân hay không bằng cách kích động, chửi mắng. Người nào bị ông kích động mà nổi sân là ông kết luận người ấy còn tham ái. Chuyện nghe có vẻ lạ nhưng đó cũng là cách để chúng ta cảnh giác, ai còn hay nổi sân phải cẩn thận.

Một nguyên nhân khác làm cho mình nóng nảy là Nhân quả chê bai, chỉ trích người nóng tính. Trước đây, chúng ta tự hào mình tu hành chứng chắc, trầm tĩnh nên thường chê bai người nóng tính. Chúng ta biết rằng, theo Nhân quả, nếu chê bai, chỉ trích người, chúng ta sẽ bị quả báo phạm đúng những điều đó. Trong trường hợp này, chúng ta sẽ trở thành người nóng nảy. Kinh nghiệm cho thấy, chúng ta đừng bao giờ chỉ trích lỗi của người khác. Nếu biết người khác có lỗi, chúng ta chỉ nghĩ đến lòng thương xót mà thôi. Vì những điều chúng ta chê bai, coi thường ấy sẽ trở lại với chính mình.

5. Tu tập:

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự nóng nảy. Mỗi người chúng ta phải xem mình rơi vào nguyên nhân nào để tìm cách khắc phục.

a) Trường hợp tâm dễ xao động, dễ mất bình tĩnh:

Chúng ta phải tập tọa thiền, kiểm soát tâm, giữ tâm yên tĩnh từng giây, từng phút.

Khi ngồi thiền, chúng ta tập kiểm soát tâm, lúc nào cũng theo dõi kiểm soát tâm mình. Và khi bước vào giai đoạn kiểm soát tâm, trong cuộc sống, làm bất cứ việc gì chúng ta cũng chỉ biết có tâm thôi. Đó là thiền định. Đây là điều rất lạ, lúc ấy chúng ta không còn để ý tới công việc mà chỉ để ý tới tâm mình, nhưng công việc lại tự nhiên suôn sẻ.

Khi phá được năm triền cái, sắp đạt được sơ thiền thì sân sẽ mất. Như vậy, tâm chúng ta dễ nhẵn nhục, không còn nổi nóng nữa. Sau này, đến môn thực tập thiền quán, chúng ta sẽ nghiên cứu kỹ hơn vấn đề này.

b. Trường hợp tâm kiêu mạn:

Chúng ta phải tu tập hạnh khiêm hạ, lúc nào cũng xem mình như cỏ rác, như cát bụi. Cần lưu ý nhất là khi chúng ta bắt đầu thành công, có quyền chức, địa vị, được nhiều người tôn kính. Đó chính là lúc tâm kiêu mạn xuất hiện, chúng ta dễ rơi vào bẫy nổi sân.

Thông thường, khi có nhiều người tôn trọng, nhiều người vâng lời, ca ngợi, chúng ta cảm thấy mình là người quan trọng, lời nói của mình là chân lý, và lúc đó ai nói ngược lại ý mình, mình sẽ nổi sân. Như vậy, chúng ta đã trở nên kiêu mạn. Thử nghĩ, chúng ta đang là biểu tượng của Đạo đức, của sự từ bi, nhẵn nhục, trầm tĩnh, bây giờ tự nhiên nổi sân, người ngoài sẽ đánh giá như thế nào. Đây là điều rất đáng lo sợ. Mỗi người chúng ta phải có ý thức tu tập tâm khiêm hạ để góp phần diệt trừ sân hận.

b) Trường hợp do nhiệt tình với điều thiện:

Vì nhiệt tình với điều thiện, chúng ta trở nên nóng nảy, nhưng dù nóng nảy, cũng phải tiếp tục làm điều thiện. Nhiều điều thiện sẽ tạo nên phước để chúng ta tăng trưởng đức hạnh. Điều quan trọng là phải cố gắng tách riêng nhiệt tình và nóng nảy. Rất năng nổ làm điều thiện, bảo vệ điều thiện, nhưng chúng ta phải trầm tĩnh khi công việc không được suôn sẻ hoặc bị

người khác chống đối, không ghét bỏ người làm điều lầm lỗi.

c) Trường hợp do nhân quả khen chê:

Khi đã cố gắng sửa đổi mà vẫn không hết nóng nảy, chúng ta phải nghĩ là đời trước mình đã từng chê ai đó nóng nảy. Bây giờ, chúng ta phải làm ngược lại, nghĩa là phải biết khen ngợi những người trầm tĩnh.

Trong mười hạnh Phổ Hiền có câu: “Nhất giả lễ kính chư Phật, nhị giả xưng tán Như Lai”. Xưng tán Như Lai là ca ngợi Đức Phật, cũng có thể hiểu là ca ngợi các bậc Thánh. Khi ca ngợi tất cả ưu điểm của các Ngài, dần dần chúng ta sẽ có những ưu điểm đó. Nhân quả là vậy. Cho nên, chúng ta phải biết lợi dụng nhân quả để rèn luyện đức hạnh, vượt qua những sai lầm của mình, ở đây là vượt qua cái sân.

Đối với những người nóng tính, chúng ta cũng không chê bai hay chỉ trích mà trong thâm sâu, chúng ta âm thầm cầu nguyện cho họ được trầm tĩnh lại. Khi chúng ta cầu nguyện như vậy, họ sẽ được tốt âm thầm trong tâm linh, và dần dần trầm tĩnh. Nhưng điều tuyệt vời là có khi người ta chưa trầm tĩnh, chúng ta đã đạt điều đó trước họ. Đó là Nhân quả. Khi muốn người khác làm điều tốt và cầu nguyện điều tốt cho người khác thì tự nhiên chính chúng ta đã được hưởng điều tốt đó.

Trường hợp lỡ nổi sân, phải thành tâm sám hối trước đại chúng. Khi lỡ nổi nóng, chúng ta phải ra trước đại chúng mà sám hối. Có như vậy, chúng ta mới dừng lại được, không tiếp tục phạm lỗi nữa.

Có câu chuyện về một bậc chân tu mà chúng ta cần phải học hỏi. Người đó thật tuyệt vời, đức hạnh như một bậc Thánh. Quanh năm, suốt tháng người ta thấy ông chẳng bao giờ lầm lỗi hay phiền não điều gì. Một lần, sau khi cùng làm việc với các Huynh đệ, buổi trưa ông y áo ra quả đường đánh lễ đại chúng xin sám hối. Ai cũng ngạc nhiên không hiểu chuyện gì. Thì ra, trong lúc làm việc có chuyện trái ý, trong lòng ông nổi sân lên. Tất nhiên, không ai biết ông nổi sân, vì không bao giờ ông lộ ra vẻ mặt bên ngoài. Như vậy, dù không nói điều gì nặng nề, không có cử chỉ gì không phải với ai, chỉ là cái sân tự mình biết thôi nhưng ông vẫn xem là cái lỗi phải sám hối với đại chúng. Con người như vậy thật đáng khâm phục.

Nếu biết sám hối, biết đem lỗi của mình ra phát lồ trước đại chúng, ta sẽ không phạm lỗi nữa. Như vậy chúng ta sẽ vượt qua được những tập khí, những cái nghiệp của mình. Công đức phát lồ trước đại chúng là công đức rất lớn. Bởi vậy, chúng ta phải nhớ, mỗi khi nổi sân, chúng ta nên ra quả đường sám hối đại chúng. Nhờ vậy, chúng ta sẽ dứt được tập khí sân.

Tâm lý đạo đức

7.HẠNH CHÂN THẬT

1. Định nghĩa:

Chân thật là không nói dối. Trước khi hiểu vì sao phải chân thật, chúng ta nên tìm hiểu qua việc nói dối.

Nói dối vốn là vấn đề liên quan đến giới. Khi thọ năm giới Cư sĩ, chúng ta được căn dặn không được nói dối. Sau đó, khi thọ Sa di mười giới, chúng ta cũng được răn dạy không được nói dối. Đến lúc thọ Tỳ kheo, giới nói dối được chia làm hai: giới trọng và giới khinh.

Giới trọng là giới nói dối xưng mình đã đắc đạo trong khi sự thật mình chưa đắc đạo. Mặc dù người nói dối biết rất rõ điều đó nhưng họ vẫn cố ý. Đó là giới cực trọng và người phạm giới ấy sẽ mang tội cực ác, khi chết sẽ đọa ác đạo. Đó còn gọi là giới Ba La Di.

Giới khinh là giới nói dối ở mức độ nhẹ hơn, tội không nặng lắm. Nhưng xét về Đạo đức, tâm thích nói dối là tâm bất thiện làm chúng ta khó tu, tâm không thể vào định được. Bởi vậy, nếu xét trên Giới luật, giới khinh được tính theo tội phước và là một sự ngăn cấm, nhưng về Đạo đức, đó cũng là một sự thương tổn nghiêm trọng.

Trong bốn giới trọng của Tỳ Kheo, các giới tuy nặng nhưng không bằng giới nói dối xưng mình đắc đạo. Vì khi chưa đắc đạo, kiến giải của chúng ta còn nông cạn, hiểu biết chân lý còn kém. Nếu có người vì tin tưởng sự tuyên bố của chúng ta để theo học hỏi, nhưng chắc chắn sẽ có nhiều đạo lý lý vi diệu mà chúng ta không hiểu, hoặc hiểu sai, hoặc hiểu không hết. Thế rồi chúng ta giải thích sai, hướng dẫn sai, đưa người đi vào nguy hiểm. Hậu quả thật là khôn lường.

Đó là chưa kể đến những người vì tham vọng khát khao danh lợi phù ảo, muốn được mọi người tôn kính. Người đó biết rõ mình không đắc đạo, nhưng vẫn nói dối, vẫn xưng mình đắc đạo. Không thể chấp nhận người đi tìm vinh quang bản thân bằng cách 1. Mặt khác, khi nói dối, họ đã gieo rắc những tà kiến sai lầm cho người khác khi giải thích bừa bãi nhiều vấn đề đạo lý. Những người có tham vọng như vậy thường không xứng đáng là người tu theo đạo Phật vì người theo đạo Phật bao giờ cũng hướng đến sự giải thoát, từ bỏ tất cả những ham muốn riêng, ngay đến bản ngã của mình.

Có lẽ chúng ta còn nhớ câu chuyện Ông già Chồn với ngài Bá Trượng.

Chuyện kể rằng, có một ông già hay vào nghe ngài Bá Trượng giảng pháp ở pháp đường. Một lần, sau khi nghe giảng xong, ông già vẫn không chịu đi. Ngài Bá Trượng nghĩ đây là một người không bình thường, bèn hỏi: “Ông là ai”? Ông già trả lời: “Bạch Hoà thượng, con không phải là người . Con là

con chồn ở sau núi. Năm trăm đời trước, đời Đức Phật Ca Diếp, con là một vị tăng tu hành. Một hôm, có người hỏi con: “Người đã đắc đạo có còn bị luật Nhân Quả chi phối hay không?”. Con trả lời: “Không”. Thế là từ đó con bị đọa làm thân chồn năm trăm kiếp mà không biết mình phạm lỗi gì. Nay con mong Hoà thượng cho con một lời giải thích để con hiểu ra sự thật mà thoát được thân chồn này. Ngài Bá Trượng nói: “Ông hỏi lại ta”. Ông già trịnh trọng hỏi: “Bạch Hoà thượng, người đắc đạo có còn bị luật Nhân Quả chi phối không?”. Ngài Bá Trượng trả lời: “Người đắc đạo không còn hiểu sai về luật Nhân Quả nữa (nghĩa là hiểu rất sâu sắc về3)”. Nghe vậy, ông già đại ngộ ngay. Ông nói với ngài Bá Trượng: “Vậy là con thoát được thân chồn, xin Hoà Thượng lấy nghi thức dành cho Tăng mà tống táng cho con”. Nói xong, ông già biến mất.

Trưa hôm đó, ngài Bá Trượng họp chúng lại để thông báo chuẩn bị làm lễ tang cho một vị Tăng. Mọi người rất ngạc nhiên vì trong chùa không có ai vừa qua đời cả. Ngài bảo mọi người đi theo mình. Vòng ra sau núi, đến một cái hang, họ thấy một con chồn đang phơi xác, bèn mang về thiêu và tống táng đàng hoàng như một vị Tăng.

Chúng ta thấy, trong trường hợp này, ông già Chồn không phải là người nói dối, xưng mình đắc đạo. Chỉ vì hiểu sai, trả lời thiếu cân nhắc mà ông bị rơi vào tà kiến nặng và bị đọa làm thân chồn. Như vậy, nếu không phải là người đắc đạo mà tự xem mình đã đắc đạo, giải thích giáo lý sai lệch, chắc chắn chúng ta sẽ đọa ác đạo nặng hơn. Người tu hành nếu để điều ấy xảy ra thật quá đau lòng.

Ngày xưa, sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn khoảng mấy trăm năm, có một vị Tỷ kheo tên là Mahadeva (Đại thiên) chỉ mới tu được một thời gian đã tuyên bố với mọi người rằng ông đã chứng A La Hán. Nghe vậy, nhiều người cũng tin. Nhưng những người gần gũi với ông nhận thấy ông còn nhiều sơ hở trong cuộc sống. Có người hỏi: “Thưa thầy, tại sao bậc A La Hán còn có những sơ hở như vậy?” (có 5 điều, ở đây không tiện trình bày). Ông trả lời: “Đúng, A La Hán vẫn còn năm điều sơ hở như vậy”. Thế là từ đó, theo cách trả lời của ông ta, trong giới tu sĩ xuất hiện một lối hiểu mới: A La Hán còn có những điều hạn chế, những sơ hở trong cuộc sống. Cũng vì thế mà phát sinh lý luận Đại thừa. Lý luận này coi thường quả vị A La Hán, ca ngợi Bồ Tát đạo, tu để thành Phật. Về sau, quan điểm đó xuất hiện trong các kinh. Gần đây, khi học giáo lý của đạo Phật, chúng ta thấy có việc chia ra các Thừa. Trong đó, Thanh Văn thừa- A La Hán không được tôn trọng. Thời Đức Phật, A La Hán lại được tôn vinh ngang hàng với Phật. Như vậy, có những trường hợp do hiểu nông cạn, giải thích không đúng, một số người đã gây nên sự chia rẽ, hiểu sai về đạo Phật.

Thời gian gần đây, trong một số luận bản, chúng ta gặp nhiều giáo lý không

được chuẩn nhưng lại được ngợi ca như là giáo lý cao siêu của đạo Phật. Thậm chí, có người hạ thấp giá trị chứng ngộ của Phật xuống mức ngang bằng một triết gia. Họ cho rằng, Đức Phật ngồi dưới cội Bồ Đề chứng đạo chỉ là ngồi suy nghĩ. Hiểu về Đức Phật như vậy quả thật rất hời hợt. Cách hiểu này khiến cho nhiều người khi nghiên cứu về đạo Phật cũng nghĩ là đạo Phật nông cạn. Đó là những tà kiến thật tai hại. Hiểu sai như vậy, nếu không có những phước đức khác kèm chế, chính bản thân họ phải chịu quả báo rất nặng và còn góp phần làm cho đạo Phật chóng suy tàn.

Trên thế giới, trường hợp nói dối xưng mình đắc đạo không chỉ có một hay hai mà tồn tại rất nhiều. Trường hợp giáo chủ Sokohara bên Nhật lập ra đạo Om là một ví dụ. Ông tự xưng là người chứng ngộ trong đạo Phật, dựng lên một đạo lai giữa Thiên tông của đạo Phật với một thần đạo nào đó. Vậy mà vẫn có sức cuốn hút được rất nhiều tín đồ, kể cả những trí thức. Nhiều Tiến sĩ, Bác sĩ, Kỹ sư.... đã theo đạo ấy. Sự thật, ông ta không phải là người tu hành chân chính. Tham vọng của ông là muốn chiếm quyền lực ở nước Nhật. Bởi vậy, ông ta đã tích lũy vũ khí hoá học, sinh học, tích lũy những hơi độc.... Khi bị phát hiện, ông ta đã rải hơi độc trong đường xe điện ngầm làm chết và bị thương rất nhiều người. Chúng ta đừng nghĩ những người học cao, hiểu rộng sẽ có trí tuệ phân biệt được đúng sai. Không hẳn là như vậy. Qua trường hợp đó, chúng ta có thể rút ra một điều. Một khi con người cảm thấy thiếu những giá trị tinh thần, họ sẽ khát khao điều đó vô cùng. Bởi vậy, khi có đối tượng nào đáp ứng được nhu cầu của họ về mặt tinh thần, về tâm linh, người ta sẽ không ngần ngại mà đi theo. Xã hội Nhật văn minh, giàu có, vật chất thừa thãi nhưng đạo Phật tại đó không đủ uy đức chỗ nương tựa cho quần chúng. Vì thế, khi ông ta lập ra một đạo mới nói về tâm linh, người dân dễ dàng bị thu hút. Họ không ngờ đó là tà đạo.

Ở phương Tây cũng vậy, không ít người đã nói dối xưng mình là sứ giả, là con của Đức Chúa Trời và lập ra những giáo phái mới. Họ cũng làm nhiều chuyện sai trái trong giáo phái của mình. Họ đâu phải là một vị Thánh thật sự. Chúa Giêsu là người có bản lĩnh rất tuyệt vời nên Ngài tuyên bố xác quyết mình là con của Đức Chúa Trời. Nhiều người không có bản lĩnh cũng xưng như vậy. Do đó, họ làm những chuyện sai trái trong giáo phái của mình. Khi bị cảnh sát phát hiện, bao vây thì trong nhà thờ, họ giết tất cả các tín đồ, rồi tự tử. Thật đau lòng khi trong thực tế đã xảy ra những chuyện như vậy.

Có những giáo phái rất kì lạ như Công Thiên đường ở Texas. Họ dựa vào kiến thức khoa học về người ngoài hành tinh, rủ nhau mặc quần áo trắng hoàng rồi cùng tự tử để linh hồn được theo đĩa bay hay sao chổi nào đó về hành tinh khác sống một cuộc đời bình an hơn. Đó là những tư tưởng rất kì quái, thiếu cơ sở nhưng vẫn có rất nhiều người, kể cả những người có trình

độ tin theo. Như vậy, chúng ta nghiệm ra một điều rằng, học vấn ngoài đời không đủ sức giúp con người thoát khỏi tà kiến. Vì vậy, mặc dù rất cần kiến thức, vẫn phải học không ngừng, học cả tiếng Anh, tiếng Hoa cho thật giỏi, phải hiểu biết một số kiến thức về khoa học.v.v... nhưng chúng ta đừng bao giờ nghĩ những kiến thức ấy là chỗ dựa để mình sống và tu hành. Chính Đạo đức, Thiền định, Nhân quả... mới là những yếu tố giúp chúng ta đứng vững trong chánh kiến.

Những người phạm vào giới đại vọng ngữ đó, tội rất nặng. Vì họ đã lợi dụng, đã hưởng thụ sự tôn kính của người khác trong khi mình hoàn toàn không xứng đáng. Do đó, theo luật Nhân Quả, sau này họ sẽ ở vào những vị trí rất hèn hạ, ở dưới đáy địa ngục, ngạ quỷ hay súc sanh.

Giới khinh là giới nói dối nhẹ nhàng, bình thường hơn. Nhưng đó cũng là một biểu hiện của tâm bất thiện. Chúng ta biết rằng, muốn nhiếp tâm vào trong định, con người cần có nhiều yếu tố. Nó đòi hỏi phước quá khứ và cả một Đạo đức rất sâu dày. Những tâm từ bi, tâm khiêm hạ phải được huân tập thật vững chắc, pháp môn tu phải thật đúng, thật căn bản.

Tuy nhiên, ngoài những yếu tố đó, chúng ta phải chú ý đến một yếu tố quan trọng nữa là tâm chân thật. Người chân thật là người dám nhìn thẳng sự thật. Họ khách quan đi tìm sự thật nên dám nhìn nhận lỗi lầm của mình. Từ đó, họ nhìn thẳng vào tâm mình để phê phán đúng hay sai, động hay tĩnh một cách khách quan.

Người sống không chân thật thường có biểu hiện bênh vực mình khi có lỗi. Chẳng hạn, khi nấu cơm, một người do sơ ý hoặc không có kinh nghiệm đã để cơm vừa sống, vừa cháy khét. Người đó đã biện minh cho mình bằng cách đổ lỗi cho khách quan: nào do nước, do gạo, do củi.... Những người ấy thường không dám nhìn nhận sự thật mà luôn bào chữa cho những sai lầm của mình.

Có những trường hợp, trong tâm người ta đang bênh vực chính mình, không nhìn nhận lỗi nhưng không biểu hiện ra bên ngoài. Trong cuộc sống, chúng ta thường gặp những người hay cãi khi giận dữ. Nếu là người chân thật, họ sẽ nhận ra mình đang bị sân và tìm cách vượt qua. Người không chân thật sẽ không bao giờ nhận ra điều đó mà luôn đổ lỗi cho người khác (cho rằng vì người ta ngang bướng, người ta xúc phạm nên mình nổi giận...). Người luôn biện minh cho mình là người không chân thật. Người như vậy không thể tu lâu dài được.

Do dám nhìn sự thật, dám nhận lỗi của mình, người chân thật dần dần kiểm soát được tâm mình, tăng trưởng được đạo đức. Tâm chân thật và tâm thiện thường đi đôi với nhau. Người làm việc thiện không có điều gì phải che giấu hay dối trá. Họ làm gì việc gì cũng kiểm soát, cân nhắc phải trái, đúng sai. Người chân thật thường làm việc đúng, việc thiện. Khi có lỗi, người ta biết

lỗi của mình và nếu được ai chỉ lỗi, họ thành thật nhận ngay. Người không nói dối cũng không bao giờ muốn làm điều ác. Cho nên, nói tâm chân thật và tâm thiện đi đôi với nhau là vậy.

Người nói dối là người không nói đúng sự thật. Nếu người nói thật, việc xảy ra như thế nào, họ trình bày như thế ấy và luôn cảm thấy tâm thanh thản, thì ngược lại, người nói dối phải tác ý, phải khởi tâm, dựng chuyện cho hợp lý và cố ghi nhớ để lần khác không nói sai đi. Chính vì vậy, tâm của họ rất mệt mỏi. Đó cũng là lý do khiến tâm không vào định được. Tâm vào định là tâm không khởi vọng tưởng. Trong khi đó, người nói dối luôn phải đặt điều, phải khởi ý, tưởng tượng nên vọng tưởng sẽ khởi mãi. Như vậy, con đường tu của người ấy không bền.

Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln, người đã đấu tranh xoá bỏ được chế độ nô lệ ở Mỹ từng nói một câu rất chí lý : Ta có thể lừa dối một người trong một lúc nào đó, ta có thể lừa dối mọi người trong một lúc nào đó, nhưng ta không thể lừa dối mọi người mãi mãi. Sở dĩ ông nói như vậy vì ông quan niệm rằng: Chân lý có sức mạnh, sự thật có sức mạnh, cuối cùng rồi nó cũng phơi bày. Vì vậy, cái hay nhất của con người là sống trên đời biết làm việc lớn thì đừng làm điều gian dối. Một vị Tổng thống mà hiểu được như vậy và lấy đó làm kim chỉ nam cho mọi hành động của mình là điều rất quý. Con người ấy sẽ sống rất chân thật, làm chính trị mà không bao giờ sử dụng thủ đoạn.

Trong tiểu sử của Washington, vị Tổng thống Mỹ đầu tiên, có ghi một câu khiến nhiều người rất ngạc nhiên: “Ông suốt đời không hề nói dối”. Đối với chúng ta, những người tu hành hiểu đạo, việc không nói dối hay ít nói dối cũng là điều dễ hiểu. Nhưng là Tổng thống, lại là Tổng thống nổi tiếng của một cường quốc, luôn phải đối phó với những tình huống éo le trên chính trường phức tạp mà không hề nói dối là điều rất đáng ngạc nhiên và cảm phục. Những người ấy phải đạt đạo đức sâu dày đến mức nào mới có thể sống được như thế.

Chúng ta thấy rằng, những bậc vĩ nhân thường sống rất chất chân thật. Càng có vị trí cao trong xã hội, người ta càng ý thức trong việc giữ chữ tín. Tại sao như vậy? Vì họ hiểu rằng, sự thật có sức mạnh rất lạ kỳ. Dù bị che đậy, cuối cùng sự thật cũng vẫn là sự thật. Nếu vì một chút lợi danh nào đó mà nói dối, khi bị người đời phanh phui ra ánh sáng, uy tín của họ sẽ không còn nữa. Vì vậy, tốt nhất là nên sống đời chân thật.

Vậy, người ta thường nói dối vì mục đích gì ?

Phân lớn, người ta nói dối vì hai mục đích: vì lợi ích của mình và vu không để hại người.

Nói dối để làm lợi cho mình thường có nhiều tình huống. Chẳng hạn, nói dối để che đậy tội lỗi của mình (vì không muốn người khác xem thường, hoặc để

mình không bị trừng phạt), nói dối để lừa gạt nhau, lấy tiền bạc, của cải, hoặc học trò nói dối thầy cô rằng ba mẹ mình bị ốm để được nghỉ học ... Với những người tu hành, nói dối thường nhằm mục đích rất đơn giản: che đậy lỗi lầm của mình. Còn với người đời, sự nói dối phức tạp hơn, nguy hiểm hơn. Người ta nói dối chủ yếu vì lợi cho mình. Có trường hợp vì ghét ai đó, họ nói xấu để người khác cùng ghét. Ông bà ta thường nói: Khi thương, thương hết cả nhà. Khi ghét lại mượn người ta ghét giùm là như vậy. Đây cũng là một loại nói dối để hại người khác. Có trường hợp nói dối còn nặng hơn nhiều. Đó là nói dối để vu khống hại người khiến cho người khác bị bắt, bị tù đày hoặc bị trả giá bằng cả mạng sống v.v... Như vậy, người nói dối là người có tâm rất ác độc.

Câu chuyện về một Sư cô quán chúng cũng đáng để chúng ta suy nghĩ. Trong chúng có ba mươi hai người. Một hôm, có một Phật tử đến xin cúng dường và hỏi cô trong chúng có bao nhiêu người để cúng cho đủ. Sư cô trả lời: “Ba mươi lăm người”. Khi người Phật tử về rồi, trong chúng có người hỏi: “Cô ơi ! Chúng mình có ba mươi hai người sao cô nói đến ba mươi lăm?”. Sư cô giải thích: “Phương tiện mà, nói hơn ba phần, nếu có ai đến, mình sẽ cho lại họ”.

Thực ra, Sư cô chẳng tham gì cho mình, chỉ là lo xa mà thôi. Nhưng nói dối như vậy cũng làm tổn phước, không giữ được đạo đức. Nếu có khách Tăng đến, chúng ta chấp nhận san sẻ bớt phần trong chúng cho họ, không cần phải làm như thế. Từ đó, mỗi lần Sư cô lên tòa giảng, chúng cứ nghi ngờ không biết cô nói đúng hay không. Chỉ một lần nói dối thôi, Sư cô đã làm mất niềm tin trong chúng. Vì vậy, tốt nhất là chúng ta nên sống một đời chân thật thanh thản.

Cũng có khi chúng ta nói dối để đem lại lợi ích cho người khác, nhưng trường hợp này rất hiếm. Ví dụ, có một người muốn xin vào học cơ bản Phật học. Vì thông cảm cho hoàn cảnh của họ, vì nhiệt tình, chúng ta thừa với các Thầy trong Ban giám hiệu. Khi quý Thầy hỏi, chúng ta nói toàn những điều tốt về họ: nào là học giỏi, có chí, hoàn cảnh khó khăn vv... Trong khi đó, sự thật mình chẳng biết rõ sức học của người ấy như thế nào. Như vậy, chúng ta đã nói dối nhưng với mục đích giúp đỡ người khác. Đó là trường hợp nói dối làm lợi cho người.

Sau này, khi dạy dỗ đệ tử hay Phật tử, chúng ta nên nhớ một nguyên tắc: Đừng vì lợi ích của bản thân mà nói dối người khác. Chúng ta chấp nhận sự thiệt thòi, nghiêm túc giữ gìn uy tín, giữ đúng hạnh chân thật của người tu để cho Đạo được bền vững. Nếu sống quanh co, luồn lách, hay nói dối thì chúng ta sẽ làm mất niềm tin nơi người khác. Người xưa có câu: Nhất sự bất tín, vạn sự bất tin. Một khi đã mất uy tín thì ngàn việc sau dù nói đúng, người ta cũng không tin mình nữa.

2. Phân loại:

Khi có người hỏi Phật : Bạch Thế Tôn, có phải là chúng ta luôn luôn phải nói đúng sự thật hay không? Đức Phật trả lời Không. Tại sao như vậy? Đức Phật phân ra bốn loại nói dối và nói thật.

-Một là nói thật đem lại thiện pháp cho người nghe.

-Hai là nói thật đem lại bất thiện pháp cho người nghe.

-Ba là nói dối đem lại thiện pháp cho người nghe.

-Bốn là nói dối đem lại bất thiện pháp cho người nghe.

Xét từng trường hợp, chúng ta sẽ thấy mình nên nói thật và nói dối trong trường hợp nào.

Trường hợp thứ nhất: Nói thật đem lại thiện pháp cho người nghe.

Ví dụ, Chúng ta nói với mọi người rằng, trong cuộc sống có luật Nhân Quả. Đó là luật rất công bình, chi phối tất cả mọi suy nghĩ và hành động của ta. Người gieo Nhân nào sẽ được Quả đó. Ai bố thí sẽ được giàu sang, ai khiêm hạ sẽ được địa vị. Ai sống một đời vị tha, giàu đức hy sinh thì sẽ được đắc đạo. Hoặc chúng ta nói với mọi người cuộc đời này là vô thường, là biến dịch, mỗi người nên sống thanh thản như lục bình trôi, đừng bám víu hay chạy theo danh lợi tầm thường. Nói những điều đó là chúng ta đã nói sự thật, làm cho người nghe được lợi ích, hấp thu được một đạo lý ở đời. Đó là sự nói thật mà đem lại thiện pháp.

Một ví dụ khác, Khi biết một vị Thầy, một Sư cô nào đó tu hành rất chân chính, sở đắc tâm linh, có giới hạnh nghiêm túc, chúng ta liền kể cho người khác nghe. Nếu cư sĩ được nghe những điều tốt đẹp về các vị ấy, họ sẽ tăng thêm tín tâm đối với Đạo. Đó là ta đã nói thật đem lại thiện pháp cho người nghe.

Trường hợp thứ hai: Nói thật đem lại bất thiện pháp cho người nghe. Ví dụ, Có hai người vốn không thích nhau. Người này nói xấu người kia, đôi khi nói rất nặng lời. Chúng ta nghe được, thật thà kể lại cho người kia nghe, không thêm bớt một lời. Người ấy giận quá, tìm gặp người kia. Hai bên nổi “xung thiên” khiến mọi người hoảng sợ. Như vậy, vô tình lời nói thật của chúng ta làm tăng sự chia rẽ, rạn nứt trong quan hệ giữa hai người. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc làm tăng sự chia rẽ, gây căm hận giữa con người với nhau trong cuộc đời. Đó là trường hợp chúng ta nói thật đem lại bất thiện pháp cho người nghe.

Thời Pháp thuộc có câu chuyện mà người ta thường kể cho nhau nghe để cười vui về sự ngây ngô, thật thà của con người. Nhưng thực ra, đó là bài học mà mọi người phải lưu ý trong việc ứng xử. Thời đó, thực dân Pháp khủng bố, lùng bắt những người theo kháng chiến rất dã man. Có người chạy vào trong nhà một người Thượng, vội vã nói : “Cho tôi trốn vào cái lu. Nếu bọn chúng tới khám xét, anh đừng có nói”. Lát sau, lính Pháp kéo đến hỏi:

“Có đũa nào chạy vô đây trốn không?”. Người kia thật thà: “Không đâu! Nó trốn trong cái lu mà dặn tôi không nói”. Lính Pháp giở nắp lu, lôi người kia ra bắt. Đó cũng là nói thật nhưng đem lại bất thiện pháp, đem lại tổn hại cho người.

Trường hợp thứ ba: Nói dối đem lại thiện pháp cho người nghe.

Ví dụ, Trong một buổi trưa, mọi người đang chỉ tịnh nằm ngủ, có một người Huynh đệ định trốn ra ngoài. Thấy vậy, chúng ta liền nói: Sư phụ đang ở ngoài đó, coi chừng bị Sư phụ phạt. Người kia sợ quá đành nằm xuống ngủ tiếp. Thực ra, chúng ta đã nói dối để người Huynh đệ của mình đừng phạm thanh quy. Lời nói dối đó đem lại thiện pháp nhưng không bền. Vì trước sau Huynh ấy cũng biết sự thật và đâm ra âm ức. Lần sau, nếu có dọa nữa, người ta cũng không sợ hoặc có khi nói thật họ cũng không tin.

Còn nhiều trường hợp nữa cũng khiến mình nói dối. Chẳng hạn, khi có người hỏi: Đạo Phật làm cho người ta đắc đạo, có thần thông, trí tuệ. Vậy đã có ai đắc đạo chưa?. Vì muốn người ta tin Đạo, theo Đạo, chúng ta không tiếc lời khi nói về đạo Phật, toàn những lời ngợi ca. Nghe chúng ta nói về đạo Phật hay quá, người kia liền quy y làm Phật tử. Sau đó, thấy những lời nói của chúng ta không hoàn toàn đúng sự thật, vẫn còn những người theo đạo Phật mà tham sân ganh tị, họ bất mãn và bỏ đạo. Cho nên, nói dối đem lại thiện pháp thường không bền, chỉ mang tính nhất thời mà thôi.

Trong đạo Phật, những trường hợp như vậy tồn tại rất nhiều. Thời xưa, có vị phát hiện ra vài ý hay trong giáo lý, muốn phổ biến nhưng sợ không ai tin, bèn soạn thành những kinh nói là Phật thuyết. Khi viết, họ cũng bắt đầu:

Như thị ngã văn nhất thời Phật tại Xá Vệ thành.... Đọc những kinh ấy, người ta cứ tưởng là Phật thuyết nên rất tin và chấp nhận giáo lý của họ. Xét về giáo lý, những lời kinh ấy cũng hay, cũng có lợi cho người tu hành.

Nhưng xét về Đạo đức, nó hoàn toàn không có tính chân thật vì không phải do Phật thuyết mà do người sau tạo ra. Trong đạo Phật, kinh điển không phải do Phật thuyết có rất nhiều. Ôu đây, chúng ta không tiện nói rõ bài kinh nào, nhưng trong quá trình học, mỗi người phải nhận ra điều đó.

Vừa qua, ở Mỹ có diễn ra một Hội nghị. Trong đó, có nhiều học giả nghiên cứu về Phật giáo nổi tiếng trên thế giới tham dự. Họ thảo luận về vấn đề cần xác định bài kinh nào là do Phật thuyết, bài kinh nào không phải Phật thuyết.

Lần ấy, có cả Đức Đạt Lai Lạt Ma tham dự. Họ dựa vào tư tưởng và ngôn ngữ để chứng minh rất chặt chẽ và có sức thuyết phục rằng các bài kinh này xuất hiện sau thời Đức Phật. Chẳng hạn, họ chọn trong bài kinh những từ ngữ mà thời Đức Phật chưa có để chứng minh rằng, bài kinh đó xuất hiện sau Phật thuyết rất xa.

Ví dụ, từ xã hội chủ nghĩa xuất hiện vào khoảng thế kỷ XIX- XX, từ thời Lênin. Nếu cuốn sách nào được khẳng định là ra đời từ thế kỷ thứ XIII mà

trong đó có sử dụng từ ấy, chúng ta biết ngay là không đúng sự thật. Chắc chắn nó phải được viết sau thế kỷ thứ XX, không thể xuất hiện trước đó. Hoặc một cụm từ khác, cụm từ bảo vệ môi trường sinh thái. Cụm từ này phải xuất hiện từ cuối thế kỷ XX. Nếu bây giờ, cuốn sách nào bàn về vấn đề môi trường sinh thái mà người ta cho là được viết từ thế kỷ thứ V thì chúng ta biết là không có thật. Chắc chắn cuốn sách được ra đời từ thế kỷ XX trở về sau. Tương tự như vậy, có một số bài kinh ý cũng rất hay, nhưng các nhà nghiên cứu lại nhận ra một số từ vào thời Đức Phật chưa có. Từ đó, họ kết luận trong đạo Phật, có nhiều bài kinh do người đời sau viết. Những người ấy chứng minh vấn đề rất chặt chẽ, không ai có thể phủ nhận được. Cuối buổi Hội nghị, ngài Đạt Lai Lạt Ma đã phát biểu: Công trình nghiên cứu của quý vị rất tốt, rất hợp lý nhưng tôi vẫn tin những bài kinh đó đều là Phật thuyết. Ông ta chỉ nói như vậy, chỉ nói bằng niềm tin chứ không bằng lý trí và lý luận. Ông chỉ tin thôi, không chứng minh gì cả. Do đó, bây giờ ai muốn tin cứ tin, ai muốn tìm sự thật cứ đi tìm sự thật. Nếu chịu khó nghiên cứu, học hỏi, dần dần chúng ta sẽ hiểu điều đó. Sự thật là có những bài kinh không do Phật thuyết nhưng từ lâu chúng ta vẫn nghĩ là Phật thuyết nên mãi tôn thờ. Tác giả những bài kinh ấy thường đề cao kinh của mình, cho là vua trong các loại kinh. Đức Phật không bao giờ nói như vậy. Ngài chỉ nói đạo lý và tất cả được ghi chép lại, không hề ngợi ca kinh sách của mình.

Trường hợp thứ tư: Nói dối đem lại bất thiện pháp.

Chính vì nói dối, chúng ta đã gây nên hậu quả: chia rẽ mọi người, làm cho họ căm ghét nhau. Chuyện không có, chúng ta lại nói có, làm cho tất cả rối tung lên, hoặc đặt điều vu khống để hại người khác. Đó là điều không tốt. Như vậy, trong bốn cách đó, người tu hành nên dùng cách thứ nhất (nói thật đem lại thiện pháp). Ngoài ra có những sự thật không nên nói. Chúng ta chỉ nói những sự thật mà mình biết chắc là có lợi cho người. Những sự thật gây hoang mang, chia rẽ hoặc làm người ta thối tâm, chúng ta không nên nói. Hai trường hợp cuối, người tu hành không nên dùng. Dù nói dối đem lại thiện pháp cho người, chúng ta cũng không nên. Đòu không phải cách đem lại lợi ích lâu dài cho người khác. Nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ mất uy tín vì những lời nói dối đầy thiện chí ấy.

3. Yêu cầu đối với người xuất gia:

Người xuất gia nên tránh nói dối trong mọi tình huống. Vì những lẽ sau:

a) Chân thật là biểu hiện của Đạo đức:

Người có Đạo đức mà nói dối sẽ làm mất niềm tin đối với Phật tử. Đôi khi, có những lời nói dối vì những chuyện vặt vãnh, chúng ta cứ nghĩ là vô hại nên không bận khoăn gì nhưng thực ra, hậu quả lại rất nặng nề.

Ví dụ, Khi có việc cần, chúng ta phải xin phép ra khỏi chùa. Vừa đến cổng,

có người gặp và hỏi ta đi đâu. Vì không muốn lời thôi, mất thời gian trong khi đang vội nên ta trả lời qua loa cho xong chuyện :“À, Thầy sai tôi đi mua thuốc một chút”. Chắc chắn nghe nói Thầy sai đi, không ai dám thắc mắc điều gì nữa. Sự thật, lúc đó chúng ta ra ngoài vì việc riêng. Rõ ràng, sự nói dối ấy rất nhỏ nhặt và vô hại. Nhưng cứ nói dối như thế, lâu ngày sẽ thành một tật xấu rất khó sửa, khiến chúng ta không còn uy đức nữa.

Chúng ta biết rằng, uy đức của người tu được tạo nên bởi lời nói. Nếu sống một đời chân thật, không biết nói lời dối trá, chúng ta sẽ có uy đức rất lớn. Khi đó, mỗi lời chúng ta nói ra đều là những câu thần chú. Mỗi lời chúc của chúng ta đều đem lại cho người khác những điều tốt đẹp. Sở dĩ những người tụng thần chú thường rất linh nghiệm là do họ chú tâm, biết mượn uy lực của Phật. Đây là điều rất lạ, càng nghiệm ra chúng ta càng thấy đúng. Khi học về Thiền, chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ hơn sự lợi, hại của câu chú. Câu chú có thần lực của nó. Người tu hành có đạo đức, sống chân thật thì lời nói cũng sẽ có uy lực như thế.

Có một chuyện xảy ra tại một Tiểu bang ở nước Mỹ, cho đến bây giờ người ta vẫn chưa giải thích được nguyên nhân. Tại một phiên tòa, khi sắp xử một vụ trọng án thì trời bất chợt đổ mưa. Mưa tầm tã, mưa dữ dội khiến phiên tòa không sao tiến hành được, đành phải hoãn lại để xử vào ngày hôm sau. Không ngờ hôm sau trời lại mưa tiếp, mưa quá lớn. Trong khi chờ đợi, Chánh án phiên tòa, là một người da đen, viết lên tờ giấy một câu nửa đùa nửa thật :“ Trời không được mưa nữa” ký tên vào đó, rồi vứt sang một bên. Trời bỗng ngưng ngừng mưa. Thế là, vụ án xử xong. Mọi việc tưởng sẽ chìm vào quên lãng.

Nhưng có một điều lạ là sau đó trời ngừng mưa trong một thời gian dài. Hạn hán xảy ra khắp nơi. Cho đến một hôm, nhân viên thư ký sực nhớ lại chuyện xảy ra ở phiên tòa lần trước, người ấy bỗng nghi ngại điều gì bèn thưa với ngài Chánh án: “Thưa Ngài, Ngài vui lòng ký lại lệnh khác”. Ông Chánh án nhìn tờ giấy chợt nhớ ra điều gì liền viết : “Thôi ! Trời mưa trở lại !” và ký tên. Sau đó, quả thật trời đã mưa trở lại.

Đây là một chuyện lạ. Báo chí đã từng đưa tin, nhưng không sao giải thích được. Có vẻ như đây là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Nhưng sự việc diễn ra nhanh quá, linh nghiệm quá nên không ai dám kết luận điều gì. Thực ra, cũng có thể người ấy có uy lực động đến trời đất. Có được uy lực ấy là do họ có đức lớn, sống chân thật, phán đoán mọi chuyện chính xác. Như vậy, chúng ta có thể hiểu là trong thời gian làm việc, vị Chánh án kia rất công minh, không bao giờ kết tội oan cho người khác. Do đó, uy đức của ông ngày càng được nâng cao. Đến một lúc nào đó, tiếng nói của ông có thể làm động cả đất trời.

Chúng ta phải sống một cuộc đời thánh thiện, quang minh chính đại để

không phải che giấu điều gì. Đến lúc đó, lời nói của chúng ta sẽ có uy lực, sẽ được linh nghiệm. Quan trọng hơn nữa là chúng ta đem lại được thiện pháp cho người khác. Đó là điều hạnh phúc nhất và cũng là Đạo đức nhất . Bởi vậy, tâm thiện và tâm chân thật luôn đi đôi với nhau.

Nhiều khi chúng ta chấp nhận thiệt thòi một chút về mình để được nói thật, được sống thật. Đây là chỗ thử thách rất lớn đối với chúng ta. Nếu mỗi một lần phải chịu thiệt thòi vì nói thật mà chúng ta vẫn không ngại thì sau này, đức của chúng ta sẽ rất lớn . Đức càng lớn, chúng càng dễ dàng cảm hóa được người khác.

b) Khi giảng kinh, thuyết pháp, chỉ nên dẫn những câu chuyện có thật để bài pháp có giá trị lâu dài:

Chúng ta đừng bao giờ kể những câu chuyện không có thật, chuyện bịa. Có nhiều câu chuyện cổ của Phật giáo rất khó sử dụng vì tính chân thật không cao. Chúng ta đừng quá nhiệt tình khi kể những câu chuyện ấy để chứng minh rằng đạo lý của mình là đúng. Bởi vì, dẫn những chuyện không có thật, chúng ta sẽ không đem lại giá trị lâu dài cho bài pháp. Nếu kể chuyện từ thời Đức Phật để minh họa cho bài giảng, chúng ta phải cân nhắc kỹ càng, phải đánh giá mức độ chân thực của nó.

Đọc Kinh Bách dụ, chúng ta sẽ gặp rất nhiều chuyện bịa, toàn chuyện tưởng tượng. Trong kinh có câu chuyện hai đệ tử xoa bóp chân cho Thầy. Chuyện kể rằng, trong khi xoa bóp, vì lý do nào đó, hai người gây nhau. Một người lấy cây đập vào cái chân của Thầy mình mà người kia đang xoa bóp. Người kia tức quá cũng trả thù bằng cách lấy cây nện vào chân mà người này đang xoa bóp. Cứ thế, ông Thầy bị nện qua nện lại đến gần chết.

Thực ra, câu chuyện cũng có ý nghĩa riêng của nó. Qua việc làm của hai đệ tử, người ta muốn nói rằng: Trong đạo Phật, nếu cứ chia ra nhiều tông, nhiều phái công kích lẫn nhau, cuối cùng chính đạo Phật sẽ bị tổn thương nặng nề. Đạo lý rất hay nhưng chuyện kể lại hoàn toàn không có thật. Kinh Bách dụ là như vậy. Cho nên, những câu chuyện trong ấy chúng ta có thể kể để nghe cho vui, không nên kể như một dẫn chứng chứng minh cho đạo lý của mình. Hiện nay, những câu chuyện “cổ tích” như vậy còn lưu truyền rất nhiều. Nếu cứ dựa vào đó để chứng minh cho đạo lý của mình thì đạo lý ấy sẽ không vững chắc. Đây là điều chúng ta cần lưu ý. Xã hội ngày càng văn minh, con người càng có nhu cầu xét lại, kiểm nghiệm lại mọi điều. Họ chỉ muốn nghe và tin những điều đã được thể nghiệm.

Vì vậy, nếu nói về luật Nhân Quả, gieo Nhân nào gặt Quả đó mà chúng ta chỉ dẫn chứng minh họa bằng những câu chuyện cổ tích, có Bụt , Tiên hiện ra giúp đỡ người nghèo khổ, tốt bụng, trừng phạt những kẻ ác độc thì chắc chắn chỉ thuyết phục được trẻ con mà thôi.

Vì những chuyện rút ra từ đạo Phật không nhiều, lại có những chuyện không

thật nên trong cuộc sống, chúng ta phải tích lũy những câu chuyện có thật về đạo lý ở đời để làm tư liệu cho những bài giảng pháp. Chẳng hạn, chuyện về một Sư cô được hưởng chính sách ưu đãi rất tuyệt vời khi sang Mỹ là câu chuyện đáng kể cho mọi người nghe khi giảng pháp. Khi còn ở Việt Nam, cô thường đi làm thuốc chữa bệnh cho người nghèo và xem đó là niềm vui trong cuộc đời dù phải chịu nhiều vất vả. Khi sang Mỹ, tự nhiên cô được xếp vào danh sách những người được hưởng chính sách ưu đãi, được chăm sóc y tế không phải đóng lệ phí. Trong khi đó, những người khác, thậm chí những người tàn tật, muốn được như vậy phải chạy lo thủ tục rất khó khăn. Kể chuyện của Sư cô, chúng ta nhằm mục đích chứng minh cho cái Quả mà cô có được do quá trình làm phước khi còn ở Việt Nam. Những câu chuyện như thế có sức thuyết phục người nghe hơn. Sống trong thời đại văn minh, có trình độ hiểu biết cao, người ta không thích nghe những câu chuyện tưởng tượng.

Tuy nhiên, cũng có nhiều giai thoại về các bậc Thánh nghe có vẻ thần bí nhưng lại rất thật. Chúng ta cần phải kể để xác chứng giá trị tâm linh của đạo Phật.

Ví dụ, Chuyện Ngài Đặng Ấn phóng bay lên hư không. Ngài vốn là người tu thiền đắc đạo, có thần thông. Một hôm, Ngài cùng các đệ tử đi qua một cánh đồng. Gặp cảnh binh lính đang đánh nhau dữ dội, Ngài nói : “ Ta phải cứu cái nạn này”. Nói rồi, Ngài bay lên hư không, cầm gậy chỉ xuống. Binh lính hai bên thấy vậy sợ quá, lui quân không đánh nhau nữa.

Câu chuyện có vẻ hoang đường nhưng lại có thật. Nhiều học giả có thể không tin vào những chuyện như vậy. Nhưng là người trong đạo Phật, chúng ta biết giá trị tâm linh sâu sắc và cao siêu của đạo Phật nên rất tin. Những câu chuyện đó giúp chúng ta xác chứng lại một điều: Ngoài những đạo đức trong đời sống, đạo Phật còn có những giá trị tâm linh rất cao, nhất là khi người tu hành đạt đến một mức độ nào đó. Đây là những câu chuyện có thật, chúng ta phải sử dụng và phổ biến rộng rãi, càng nhiều càng tốt.

Vào khoảng thập niên 80 của thế kỷ XX, khi hệ thống Xã hội chủ nghĩa chưa tan rã, ở Liên Xô, người ta bắt đầu nghiên cứu về sự thần thông, về các ngoại cảm, về năng lực tâm linh trong đạo Phật. Họ sang Việt Nam để thu thập những tài liệu có liên quan đến những người có năng lực thần thông đang được lưu trữ trong đạo Phật hoặc trong dân gian. Nhưng rất tiếc, Việt Nam chúng ta không tích góp những tài liệu đó nên không cung cấp được gì. Người ta nghiên cứu rất kỹ vấn đề này. Họ tin và khai thác tất cả những tư liệu, những lời đồn đại về phép thần thông của Phật giáo Việt Nam để nghiên cứu.

Trong khi đó, nhiều học giả của nước ta không tin là có những phép lạ, những chuyện thần thông ấy. Chẳng hạn, đọc những cuốn sách viết về đạo

Phật của tác giả Nguyễn Hiến Lê, chúng ta sẽ rất buồn lòng mặc dù ông là một nhà nghiên cứu có tên tuổi. Hay trường hợp vợ chồng ông Will Durant, người Anh chẳng hạn. Họ từng cho ra đời những cuốn sách nghiên cứu về lịch sử trên thế giới nhưng chỉ với tư cách là một học giả, không thừa nhận một sự thật là có những năng lực tâm linh hiện hữu. Bởi vậy, những vấn đề sâu sắc về tâm linh không được những người ấy đề cập. Nếu có, cũng chỉ là những nhận xét hời hợt, nông cạn không thể hiện được chân lý. Vì đó không phải là sự thật, vẫn còn là sự che giấu sự thật.

Nói những điều này, chúng ta không thể không liên hệ đến cái gọi là thế giới vô hình, thế giới của ma quỷ, của các vong linh vẫn đang hiện hữu mà mắt thường không nhìn thấy được. Có nhiều người chủ trương không nói đến thế giới vô hình vì cho rằng điều này trái với khoa học. Như vậy, những người ấy đã tỏ ra khiếp sợ khoa học. Trong khi đó, khoa học chưa phải đã tiến đến mức cuối cùng, còn nhiều điều khoa học chưa biết, chưa giải thích được.

Bổn phận của chúng ta là phải bảo vệ sự thật, nói đúng sự thật. Sự tồn tại của thế giới vô hình, của những vong linh ma quỷ xung quanh ta là điều có thật. Nói như vậy, không phải là mê tín dị đoan mà là chúng ta nói sự thật.

Một khi đã nói sự thật, chúng ta không có điều gì phải sợ hãi cả.

Trong cuộc sống, có những huyền thoại vô lý nhưng cũng có những huyền thoại là có thật. Điều quan trọng là chúng ta phải phân biệt được đâu là thật và đâu là không thật.

c) Nhân giả dối không thể đưa đến Quả chân lý:

Chúng ta tu hành là đi tìm chân lý, đi tìm sự thật, tìm lẽ phải, nhưng nếu tâm bị khuynh hướng gian dối che phủ thì chúng ta sẽ không có Trí tuệ để nhìn thấy lẽ phải.

Ví dụ, khi nghe kể một câu chuyện, chúng ta không nhận định được đâu là đúng, đâu là sai. Hoặc khi trong chúng có chuyện bất hòa, tranh cãi với nhau, đúng ra chúng ta phải phân định ai đúng ai sai để giảng hòa nhưng chúng ta lại không nhận ra. Sở dĩ như vậy là do trước kia chúng ta hay nói dối nên bị quả báo, bây giờ không hiểu được sự thật. Đó là Nhân Quả.

Sâu xa hơn, người hay nói dối sẽ không có phước giác ngộ chân lý.

Ví dụ: Phật nói vô ngã, cái ta là không có thật. Nghe điều này, nếu sống chân thật, chúng ta sẽ hiểu rằng Phật nói đúng. Tuy lúc đầu, chúng ta có cảm giác là mình có một cái ta khác với mọi người, nhưng đó chỉ là ảo giác. Khi tu đến một mức độ nào đó, ảo giác sẽ tan biến, sự thật là chúng ta đã chứng được vô ngã. Sở dĩ tin lời Phật dạy là do chúng ta biết sống một đời chân thật, biết tạo nên cái phước để hiểu được chân lý, hiểu được đạo lý cao siêu. Nhưng nếu là người sống không chân thật, luôn giả dối, khi nghe Phật nói như vậy, họ không thể nào hiểu được. Họ không có phước để cảm nhận được điều đó.

Tương tự như vậy, người có phước do sống đời chân thật nên hiểu rằng, cuộc đời này là vô thường hư ảo, chẳng có gì tồn tại mãi. Hiểu như vậy, bản thân họ sẽ không tham đắm và không mong cầu điều gì. Còn người giả dối không thấy được sự thật là do họ không có phước. Như vậy, hiểu được đạo lý là điều hoàn toàn không đơn giản.

Có trường hợp, người tu hành phát được trực giác, biết được những chuyện kì lạ cũng do hạnh chân thật đem lại. Trước họ, nếu trong tâm có điều gì khuất lấp, gian dối chúng ta sẽ không che giấu được. Vì một khi họ đã gieo Nhân chân thật, không sự thật nào có thể qua mắt họ được.

Người hay nói dối còn chịu quả báo nữa là hiểu sai về Nhân Quả nên hay làm nhảm qua việc bất thiện

Trong Thiền Lâm bảo huấn, có câu chuyện như sau : Có lần, một Thiền sư đang ngồi thiền. Trong cơn nhập định, Ngài chợt thấy một hồn ma đang bị đeo gông hiện ra, mình mẩy bị lửa đốt, đứng tựa nơi cửa. Ngài hỏi : “Ông là ai, tại sao lại rơi vào tình cảnh này?”. Hồn ma trả lời: “ Thưa Thầy, lúc trước tôi là Tri sự của chùa này. Khi người ta cúng dường tiền bạc cho chúng Tăng, tôi đem tiền đó cất Tăng đường. Tôi làm sai luật nên đã bị quả báo phải xuống địa ngục. Bây giờ, xin thầy lấy số tiền bằng số tiền cất Tăng đường cúng dường lại cho chúng Tăng để cầu siêu giùm tôi”. Nói xong, hồn ma biến mất. Vị Thiền sư ấy làm đúng như vậy, lấy tiền quỹ đúng bằng số tiền xây cất Tăng đường, thiết trai tăng cúng dường cho người y áo, vật phẩm đủ cả. Ngay đêm đó, Ngài lại thấy hồn ma hiện ra nhưng với một gương mặt khá đẹp và nói: “ Nhờ công đức của Ngài, tôi đã được sinh lên cõi trời, ba đời sau tôi sẽ xuống làm Tăng trở lại”.

Qua câu chuyện, chúng ta thấy ông Tri sự là người lo cho chúng chứ không nghĩ gì cho riêng mình. Nhưng tiền người ta cúng dường cho Tăng mà đem làm Tăng đường là không đúng. Nếu hiểu sai hoặc hiểu không hết về Nhân Quả, chúng ta sẽ dễ làm sai, làm nhảm qua việc bất thiện và phải chịu quả báo như vậy. Cho nên, chúng ta phải lưu ý hiểu Nhân Quả chính xác để không làm sai, không làm điều bất thiện. Nhiều khi chúng ta cứ tưởng mình làm điều thiện nhưng thực ra đã làm điều bất thiện (như trường hợp của ngài Tri sự kia) cũng chính vì không hiểu đúng luật Nhân Quả.

Người có tật hay nói dối còn bị quả báo là không nhìn thấy sự cao cả của các bậc Thánh nên không thể khởi tâm cung kính. Đó cũng là một thiệt thòi lớn. Muốn chứng Thánh, chúng ta phải cung kính các bậc Thánh. Đó là Nhân Quả rất rõ ràng và vững chắc, Nhân Quả không thể phủ nhận được. Ngày xưa, khi có vị nào đắc đạo, Đức Phật luôn cho họ biết Nhân Quả, nghĩa là cho biết họ đã từng cung kính, cúng dường Phật hay một vị A La Hán nào, từ kiếp nào để bây giờ được đắc đạo.

Tích lũy phước cung kính các bậc Thánh là điều rất quan trọng. Bởi vậy,

không phải ngẫu nhiên mà chúng ta cho rằng, nền tảng đầu tiên của mọi tâm hạnh Đạo đức là lòng tôn kính Phật.

Người có Nhân giả dối thường không hiểu hết Phật. Cho nên, lòng tôn kính Phật của họ rất hời hợt. Kết quả là họ không đủ phước, tư cách của họ sẽ không tăng trưởng. Nếu tu hành suốt đời họ cũng chỉ là một vị Tăng tầm thường. Những người có lòng tôn kính Phật thật vô lượng, vô biên sẽ trở thành một bậc cao Tăng, uy đức ngời sáng, mọi người đều kính nể.

Nhiều khi, xung quanh chúng ta có những vị Thánh ẩn thân, sống gian dị. Nếu không biết, sinh tâm coi thường các vị đó thì chúng ta cũng không được lợi ích. Ngược lại, nếu hiểu được và kính trọng họ, chúng ta sẽ có phước. Một điều nữa cần lưu ý là người giả dối không đánh giá đúng tình trạng tâm của mình nên không thể làm chủ được tâm. Và như vậy, họ không thể đạt Thiền định.

Vì không đánh giá được tâm mình nên người nói dối thường hay biện minh, bênh vực, che đậy lỗi lầm của mình. Đó là tự dối mình. Những người tự dối mình sẽ không có ý thức sửa tâm, không làm chủ được tâm. Một khi đã không làm chủ được tâm thì không thể đạt được Thiền định.

Đó là Nhân Quả của việc nói dối. Khi nói dối, chúng ta sẽ bị nhiễm vào tâm và chịu rất nhiều thiệt thòi : Không có trí tuệ để nhìn thấy sự thật, không nhìn thấy được tâm mình; không có phước để phán đoán hoàn cảnh bên ngoài... và nhiều khi còn làm những điều bất thiện. Người sống một đời chân thật, những điều đó không xảy ra.

Có lẽ chúng ta còn nhớ câu chuyện về vị Tỳ kheo và con ngỗng nuốt chiếc nhẫn. Câu chuyện là một tấm gương sáng về Hạnh chân thật. Một lần, vị Tỳ kheo nghiêm trang, đang hoàng đi khất thực buổi sáng. Khi đến một gia đình giàu có, ông được chủ nhà cung kính mang vật thực ra cho vào trong bát.

Trong lúc sốt vào bát, chiếc nhẫn của bà ta lỏng quá, rơi xuống đất. Thấy vậy, vị Tỳ kheo nghĩ thông thả sẽ chỉ cho chủ nhà biết . Vì vốn ít nói, lại giữ oai nghi khi đi khất thực nên ông không nói vội. Không ngờ, một con ngỗng từ đâu chạy lại, nuốt mất chiếc nhẫn. Ông không biết làm thế nào. Khi chủ nhà đã quay vào, ông vẫn còn đứng đó. Chủ nhà rất ngạc nhiên. Lúc này, bà ta mới phát hiện ra mình mất chiếc nhẫn trên tay. Bà vội vàng chạy ra và hỏi : “ Thưa thầy, Thầy có thấy chiếc nhẫn của con không ? ”. Vị Tỳ kheo im lặng, không trả lời. Vì ông sợ nói thật thì con ngỗng sẽ bị giết. Ông lại là người sống rất chân thật, không nói dối bao giờ.

Ông đứng đó, không biết giải quyết bằng cách nào. Bà chủ nhà tiếp tục hỏi : “ Thầy có thấy không, chiếc nhẫn con mới rơi ở đây thôi, khi con sốt bát cho Thầy ”. Dù bị nghi là lấy chiếc nhẫn, ông cũng im lặng. Bà chủ nhà giận dữ, túm áo ông nói : “ Ông lấy chứ còn ai vào đây. Nãy giờ chỉ có thầy với tui thôi ”. Bà nặng lời chưa đủ còn đánh vị Tỳ kheo bầm cả mặt mày. Lúc ấy, có

lẽ nghiệp của ông cũng vừa hết nên con ngỗng tự nhiên vật vã rồi ngã lăn ra chết. Lúc này, ông mới thều thào :“ Tôi thấy con ngỗng nó nuốt...”. Bà chủ nhà hoảng hồn la lên :“ Trời ơi! Sao Thầy không nói cho con nghe”. Ông Thầy trả lời:“ Nói rồi cô giết con ngỗng thì sao?”

Câu chuyện kết thúc. Không biết sự thật như thế nào, nhưng chúng ta tin đó là câu chuyện có thực. Trên đời này, những người cương quyết không nói dối, thà bị đánh cũng không nói dối và cũng không nỡ nói thật để hại người, hại vật như vậy không phải là không có. Đó là hạnh chân thật của người tu hành. Họ không nói thật vì nói thật sẽ hại người khác, phạm vào lòng từ bi, nhưng cũng không muốn mất hạnh chân thật nên im lặng chịu đựng.

Trong cuộc đời, nhiều khi chúng ta cũng rơi vào những tình huống như vậy. Có lúc chúng ta bị người khác hiểu lầm, hiểu sai mà phải chịu đựng, chấp nhận thiệt thòi để không phải nói dối điều gì. Có thể lúc ấy, nếu giải bày sự thật, chúng ta sẽ lấy lại được sự trong sạch, nhưng người khác sẽ bị tổn hại. Hãy tin rằng, chính sự chịu đựng, chấp nhận thiệt thòi đó sẽ làm phước đức của chúng ta tăng trưởng gấp bội lần. Vì Nhân Quả và phước báo không phải tự nhiên mà có. Con người phải trải qua những thử thách, gian nan, những cay đắng trong cuộc đời mới có được.

d) Chuộng sự thật là tinh thần của các nhà khoa học:

Các nhà khoa học vì chuộng sự thật, đi tìm sự thật, đã khám phá không biết bao nhiêu quy luật của thế giới, của tự nhiên, của lịch sử xã hội và con người. Họ không chấp nhận những lời giải thích, những kết luận vô căn cứ cũng như không bao giờ chấp nhận sự lạc hậu. Nhờ vậy, ngày nay chúng ta được hưởng những thành tựu khoa học kỹ thuật của họ, được sống trong một xã hội đầy đủ tiện nghi.

Ngày xưa, ông cha ta giải thích nạn lũ lụt hằng năm bằng câu chuyện thần thoại rất hấp dẫn: Sơn Tinh, Thủy Tinh. Và một thời, người ta tin đó là sự thật. Nhưng ngày nay, có những người không tin, không chấp nhận lời giải thích đó nên cố công đi tìm sự thật. Nhờ đó, họ đã tìm ra được nguyên nhân và giải thích một cách rất khoa học.

Trong lịch sử, họ cũng tìm ra được nhiều sự thật bị che đậy hay bóp méo. Những nhà khảo cổ, nhà sử học đã tìm được những sự thật bị che phủ bởi lớp bụi thời gian trong lịch sử Ai-cập cổ đại mà chúng ta không thể biết . Tuy nhiên, cũng có một số tôn giáo mâu thuẫn với khoa học vì thiếu tinh thần chuộng sự thật. Họ thích tưởng tượng, thêu dệt nên những chuyện hoang đường, thần thánh để giải thích mọi việc một cách hời hợt. Ví dụ, trong kinh Cựu ước, người ta cho rằng Chúa tạo ra trời đất trong sáu ngày và nghỉ một ngày. Do đó, ngày nay chúng ta có một ngày nghỉ trong tuần vào ngày Chủ nhật. Đến bây giờ, nhân loại mới khám phá ra điều nêu trong kinh là chuyện không có thật. Người ta biết chắc rằng không có Thượng đế nào

tạo ra trời đất trong sáu ngày cả. Hoặc chuyện Chúa tạo ra trời đất, tạo ra muôn loài hoàn toàn là chuyện trẻ con, vậy mà cả một thời gian dài hàng mấy ngàn năm người ta đã tin điều đó là thật. Làm gì có chuyện Chúa tạo ra trời đất, muôn vật, tạo ra mặt trời quay quanh trái đất và thấp những hàng nền đẹp trên bầu trời vào ban đêm. Sau đó, Chúa lấy đất nặn hình người rồi thổi hơi vào đó để tạo nên con người làm chủ các loài vật. Chúa tạo nên ông Adam. Người đàn ông ấy sống cô đơn, buồn quá đã rút ba xương sườn của mình để tạo nên bà Eva v.v..

Có thể coi Chúa Giê su là một vị “Bồ Tát thị hiện”, qua Do thái để cải cách đạo Do thái từ kinh Cựu ước sai lầm. Lúc bấy giờ, một số người Thiên Chúa giáo cũng chống Chúa Giê su nên ông mới bị họ bắt và đóng đinh trên cây thập giá. Nếu tách riêng những lời dạy của Chúa Giê su, chúng ta sẽ thấy những lời ấy rất giống đạo Phật. Nhưng Vatican không hiểu nên nhập chung kinh Cựu ước đây những điều vô lý với những lời dạy trong kinh Phúc âm của chúa Giê su, tạo nên đạo Thiên Chúa như bây giờ. Kinh Cựu ước có rất nhiều điều vô lý. Bây giờ, giới trí thức tiến bộ không ít người đã thừa nhận kinh Cựu ước sai từ trong căn bản.

Đạo Phật có tính khoa học, thể hiện ở chỗ chuộng sự thật. Cho nên, không những có nhiều điều phù hợp với khoa học mà đạo Phật còn gợi ý cho khoa học. Chẳng hạn, đạo Phật cho rằng, vũ trụ đất trời do nhiều nhân duyên mà có, do nhiều yếu tố hợp thành, trong đó có nghiệp thiện ác của chúng sanh tác động vào.

Như vậy, điều đạo Phật nói không sai với khoa học. Và theo khoa học, cái gì trên đời này cũng có nguyên nhân, cũng do nhiều yếu tố hợp thành. Tuy nhiên, có một điều khoa học chưa thấy được là, trong các nguyên nhân đó, nghiệp chúng sanh tác động vào rất lớn. Đây là điểm Phật giáo gợi ý cho khoa học, trong đó có cả vấn đề về Nhân Quả.

Sở dĩ gần đây trên thế giới liên tiếp xảy ra những vụ ném bom khủng bố của những người Hồi giáo là do theo giáo lý của họ, giết người không có tội. Họ làm như vậy là để bênh vực cho Thánh Alah, Thượng đế của họ. Đây là một giáo lý cực kỳ nguy hiểm. Bởi vậy, chúng ta không thể vô tư tu hành, phải biết lo lắng về vấn đề này. Trách nhiệm của chúng ta là phải lưu tâm bảo vệ Phật pháp, không để cho Hồi giáo xâm chiếm tràn lan, đè bẹp chúng ta bằng bạo lực, bằng một giáo lý phi chân lý.

Trong nghề nghiệp, người cư sĩ phải biết tôn trọng sự thật. Nhất là người làm nghề Luật sư, đừng bao giờ vì quyền lợi của mình mà bóp méo sự thật, bênh vực thân chủ một cách quá đáng. Chúng ta phải dạy cư sĩ điều đó.

Một điều cần lưu ý, đạo Phật chúng ta cũng nên xét lại một số các tư liệu lịch sử, xuất xứ của một số giáo lý.

Ví dụ: Sử 33 vị Tổ. Theo các nhà sử học, trước ngài Thần Hội không có tư

liệu nào nói về các vị Tổ, Bát Tu Mật Đa- Bát Nhã Đa cũng không có, chỉ từ ngài Thần Hội mới có tư liệu. Từ đó, họ kết luận sử 33 vị Tổ là do ngài Thần Hội soạn ra.

Hoặc việc ngài Trí Khải nói về 5 thời pháp giáo chẳng hạn. Ông cho rằng, 12 năm đầu, Đức Phật giảng A Hàm, 9 năm sau Phương Đẳng, 21 năm Bát Nhã, 6 năm Pháp Hoa-Niết Bàn. Điều này, các nhà sử học cũng phủ nhận. Vì họ cho rằng, trong các kinh A Hàm, có những bài kinh Phật giảng lúc về già, có những bài Đức Phật giảng lúc gần nhập Niết Bàn. Như vậy, làm sao khẳng định Phật giảng các A Hàm là trong khoảng 12 năm đầu. Thực ra, phải hiểu rằng, Đức Phật giảng A Hàm trong suốt cả cuộc đời mình.

Như vậy, những điều nghi vấn trong lịch sử Phật giáo, chúng ta cần phải xét lại. Hoặc những điều người xưa truyền lại không đúng sự thật, chúng ta phải có trách nhiệm sửa lại cho đúng, phải mạnh dạn làm điều đó mà không sợ mình phạm thượng, xúc phạm Tổ sư.

Trong quá trình đi tìm sự thật, đôi khi các nhà sử học không cảm nhận được các điều mâu thuẫn nên đã bỏ qua. Bởi vậy, dù rất chuộng sự thật nhưng chúng ta không nên quá tin vào các nhà sử học mà phải nghiên cứu, tìm tòi và phải biết phân biệt đâu là sự thật.

Tóm lại, nói dối có hậu quả rất nghiêm trọng. Không những nó ảnh hưởng đến việc tu tập của mình mà còn ảnh hưởng đến uy tín của Đạo và lợi ích của chúng sanh. Vì thế, chúng ta phải chuộng sự thật, cố gắng tu tập và truyền Đạo đến với tất cả mọi người để đạo Phật ngày càng hưng thịnh hơn trong tương lai.

Tâm lý đạo đức

8. BÌNH ĐẲNG

1. Định nghĩa:

a) Bình đẳng khác với san bằng quyền lợi:

San bằng quyền lợi là buộc mọi người chỉ nhận được một số quyền lợi giống nhau, dù họ có phước khác nhau, dù họ bỏ ra công sức khác nhau, dù họ đem lại hiệu quả khác nhau.

Chữ Lục hòa trong cách sống của chư Tăng nhiều khi cũng được hiểu là san bằng quyền lợi như vậy, mọi người đều có quyền lợi như nhau, không ai nhiều quyền lợi hơn ai. Trong cộng đồng người tu, điều này có thể chấp nhận được vì người tu không đòi hỏi quyền lợi dù công sức bỏ ra rất nhiều. Nhưng sẽ là rất khó nếu điều này được áp dụng trên toàn xã hội.

Hầu hết ai cũng có vị kỷ tiềm ẩn, ai cũng muốn được công bằng. Người làm nhiều phải được hưởng nhiều. Công bằng cũng là tính chất của luật Nhân Quả. Nghĩa là người nào có phước nhiều, họ phải được hưởng sung sướng nhiều hơn.

Trong xã hội, người nào đóng góp công sức nhiều, người đó phải được hưởng quyền lợi nhiều hơn. Đó là tính công bằng của xã hội. Cho nên, xã hội không thể buộc mọi người phải hưởng quyền lợi giống nhau, trong khi khả năng của họ khác nhau. Người thông minh hơn, tài năng hơn, làm việc hiệu quả hơn, không thể hưởng mức lương như người không có tài năng, không có trí tuệ. Nếu buộc mọi người hưởng quyền lợi giống nhau dù họ đem lại hiệu quả khác nhau sẽ phá vỡ sự phân đầu cá nhân, vì thực tế là ai cũng còn tâm lý vị kỷ, và đòi hỏi sự công bằng.

Do đó, san bằng quyền lợi, buộc mọi người hưởng quyền lợi giống nhau là một điều không thể thực hiện được. Đó là việc làm phá vỡ luật công bằng và làm nhiều người nảy sinh tâm lý chán nản.

Chỉ trong môi trường của người tu theo đạo Phật, điều này mới có thể thực hiện được ở một chừng mực nào đó. Trong đạo Phật, trong một đại chúng, có người làm được nhiều việc, có người làm được ít việc. Nhưng người làm được nhiều việc thường không chấp, họ buông xả được tính vị kỷ của mình, chấp nhận đời sống san bằng quyền lợi. Tất nhiên, việc san bằng quyền lợi, chỉ áp dụng được trong chùa một phần thôi, có khi không được hoàn toàn.

Đó là khi trong chúng có những người phước bỗng vượt lên. Họ là người tu tập được nhiều, đóng góp được nhiều cho đại chúng. Dù không mong nhiều quyền lợi, vẫn muốn chia đều quyền lợi nhưng phước đến không kéo lại được nữa. Họ bắt đầu được nhiều Phật tử mến mộ. Do phước tự nhiên, trí tuệ họ được mở mang, họ có thể thuyết pháp, giảng kinh, làm được nhiều việc nổi bật hơn. Thế là, những vị Trụ trì, những Thầy bậc trên ưu ái, dành cho họ những đặc quyền đặc lợi. Dù không muốn nhưng họ cũng bắt đầu được hưởng. Rồi chúng khác cũng không lấy làm khó chịu vì phước của họ xứng đáng được hưởng như thế.

Như vậy, buộc mọi người phải sống bằng nhau trong quyền lợi là điều rất khó thực hiện. Trên tâm nguyện, người tu theo đạo Phật có học pháp Lục hòa nên dễ dàng chấp nhận hưởng quyền lợi bằng Huynh đệ cho dù họ đóng góp nhiều hơn. Nhưng có những trường hợp, chùa cũng không làm được điều đó vì phước của mỗi người có sự sai biệt.

Ngoài xã hội, điều này tuyệt nhiên không thể thực hiện được. Những người có tài năng, có trí tuệ phải được hưởng quyền lợi nhiều hơn. Như vậy, bình đẳng không phải là san bằng quyền lợi.

b) Bình đẳng là thái độ Đạo đức trong giao tiếp với mọi người:

Nếu san bằng quyền lợi là cơ chế của tổ chức, ở trong chùa hay ngoài thế

gian, thì bình đẳng là thái độ của Đạo đức khi đối xử với mọi người.

Hai khái niệm này hoàn toàn khác nhau.

Trong đối xử, bình đẳng ngược với sự thiên vị. Người xuất gia, đối với Phật tử phải có sự bình đẳng. Phật tử đến chùa, có người nghèo, người giàu.

Trước hai hạng người như vậy, nếu giữ được sự bình đẳng, chúng ta sẽ không có sự phân biệt đối xử với họ. Như vậy, chúng ta là người có Đạo đức bình đẳng. Nhưng giữ được thái độ này là điều hoàn toàn không đơn giản, không phải ai cũng có thể làm được.

Người ngoài thế gian cũng như người trong Đạo thường có nhiều lý do để đối xử thiên vị.

Thứ nhất, chúng ta thường đối xử thiên vị người có duyên với mình từ những kiếp trước,(duyên ở đây có nghĩa là duyên lành). Trong những kiếp trước, có thể họ đã ưu ái, đã giúp đỡ mình. Kiếp này gặp lại, dù không cố ý nhưng tự nhiên chúng ta vẫn thiên vị họ, vẫn đối xử tốt với họ hơn những người khác.

Chẳng hạn, do duyên kiếp trước chi phối nên có người đến xin xuất gia, Thầy trụ trì nhận ngay, có người lại bị từ chối. Trong đối xử, nếu không có sự bình đẳng cũng do duyên đời xưa. Mặc dù trong lòng không có sự phân biệt, không thương ai nhiều hay ghét ai nhiều hơn, nhưng duyên đời xưa chi phối rất mạnh nên chúng ta có sự thiên vị, không bình đẳng trong đối xử.

Chỉ vì đây là điều thuộc về Nhân quả nên chúng ta rất khó vượt qua.

Ngay cả trong gia đình, cha mẹ đối với con cái cũng không đồng đều, vẫn có sự thiên vị. Thực ra, con nào cũng do mình sinh ra nên không có lý do gì để cha mẹ ghét bỏ, đối xử phân biệt. Nhưng do duyên chi phối nên nhiều khi cha mẹ lại thương những đứa con quậy phá tày trời mà những đứa ngoan hiền lại không để ý đến. Có những tình cảm kì lạ như thế.

Những sự thiên vị đó, chúng ta chỉ có thể giải thích được bằng nguyên nhân thuộc về duyên đời trước mà thôi.

Thứ hai, chúng ta thường đối xử thiên vị với những người có nhiều ưu điểm. Điều này cũng đã được nhắc đến trong bài Tâm từ. Người có ưu điểm là người có nhan sắc, có vẻ đẹp nổi trội hoặc sang trọng hơn so với người khác. Mặc dù người ta không có duyên với mình lắm, nhưng vì những điểm nổi trội đó mà chúng ta hay để ý đến họ, thiên vị họ. Sự thiên vị nhiều khi cũng ẩn chứa một sự cầu cạnh, mong rằng người ta sẽ đoái hoài tới mình, giúp đỡ mình. Dù khác nhau về mức độ nhưng nó vẫn là biểu hiện của sự vị kỷ.

Thiên vị không phải là Đạo đức, và đó là điều mà tất cả chúng ta, người xuất gia hay cư sĩ, cũng đều dễ phạm phải. Nếu tu tập không vững chắc, đạo lực không mạnh, chúng ta sẽ dễ rơi vào tình trạng đối xử thiên vị.

Hiện nay, tình trạng người xuất gia đối xử phân biệt với cư sĩ đến chùa, phân biệt giữa người giàu và người nghèo là một tình trạng rất phổ biến và bị

than phiền khắp nơi. Nếu quý Phật tử nào chưa rơi vào trường hợp ấy là người có phước, đã gặp được những vị tu hành chân chính. Không ít người tỏ ra rất bất mãn khi thấy có nơi, các Thầy chỉ ân cần, vồn vã với những Phật tử giàu có và tỏ ra lơ là với những người nghèo khổ.

Đề lý giải điều này với Phật tử, chúng ta chỉ có thể nói rằng vì đời trước những người ấy đã tạo phước, biết quan tâm đến người khác. Phước sẽ hiện ra trên gương mặt rạng rỡ, ánh mắt khả ái, tiền bạc nhiều, tướng người sang trọng....nên họ có một lực thu hút sự chú ý của người khác, đi đâu cũng được người ta trân trọng. Khi đến chùa, họ cũng thu hút sự chú ý của người xuất gia. Người nghèo thường là người ít phước, họ không được sự chú ý của người khác. Đó là luật công bằng, công bằng đến nghiệt ngã mà chúng ta phải chấp nhận.

Nhưng về phía người xuất gia, nếu biết tu tâm, biết giữ tâm mình thanh tịnh, đứng trước mọi người, mọi cảnh, tâm vẫn không chạy theo. Họ luôn luôn kiểm soát tâm mình. Đứng trước hai đối tượng ấy, có thể phước của người giàu thu hút tâm họ, nhưng vì sức định trong lòng họ vững chắc nên tâm họ không bị hút về đó. Họ vẫn ở lại với tâm mình. Bởi vậy, dù người kia có giàu sang, gương mặt rạng rỡ, nhưng họ vẫn ở lại với tâm, không bị chi phối.

Dù là niệm Phật hay tu Thiền, người biết tu tập thường không bị chi phối bởi ngoại cảnh. Có khi đang niệm Phật, tuy nói chuyện với người khác nhưng họ vẫn ở lại với câu niệm Phật trong tâm mình, tâm không hướng ra ngoại cảnh. Người tu Thiền lúc nào cũng kiểm soát tâm mình, xem tâm tịnh hay động. Mặc dù nói chuyện với người khác hoặc làm việc gì đó nhưng lúc nào họ cũng ở lại với tâm, kiểm soát tâm. Sức định càng sâu, họ càng ít bị ngoại cảnh chi phối.

Đây là vấn đề tế nhị của tâm và cũng là vấn đề khó hiểu. Người không tu tập vững chắc, thường bị ngoại cảnh lôi cuốn tâm ra bên ngoài. Còn người có công phu tu tập vững chắc, họ sẽ ở lại với tâm của mình. Vì vậy, giữa hai người giàu và nghèo, không ai có thể cuốn hút họ được. Điều này biểu hiện ra ở cách ứng xử bên ngoài. Đó là lòng từ bi, lòng bình đẳng.

Người giữ được tâm mình trong định là người có trí tuệ. Vì là người có trí tuệ nên họ thường chú ý đến người nghèo khổ nhiều hơn. Sở dĩ như vậy là do họ biết người nghèo khổ dễ bị mặc cảm, mặc cảm về thân phận nghèo hèn của mình. Khi đến chùa, những người ấy thường không dám gặp thầy Trụ trì. Họ loay quanh làm lụng việc gì đó hoặc khi nghe Thầy nói chuyện, họ cũng chọn một chỗ ngồi kín đáo, không dám lộ mặt ra.

Nếu có công phu tu hành vững chắc, tâm ổn định, người xuất gia sẽ nhận ra được thái độ mặc cảm, buồn tủi của người nghèo, nhất là người tật nguyền, để tỏ lòng thương và quan tâm đến họ nhiều hơn. Chính tình yêu thương và

sự quan tâm đúng mực của chúng ta sẽ giúp họ vui đi những mặc cảm vốn tồn tại cố hữu trong lòng họ. Đó là Đạo đức bình đẳng. Thực ra, trong trường hợp này, đối với những người có trí tuệ, sự bình đẳng lại mang một ý nghĩa khác, linh hoạt hơn. Bình đẳng nhưng lại thiên vị đối với người nghèo. Những người giàu có thường sinh tâm kiêu ngạo về sự giàu sang của mình. Nếu được ân cần vỗ về, họ càng dễ kiêu ngạo hơn. Với những người như vậy, chúng ta không thiên vị cũng không sao, vì chùa này không quan tâm sẽ có chùa khác quan tâm.

Có những Phật tử cậy chỗ giàu sang, khi cúng dường công quả thường yêu cầu chùa phải làm theo ý mình. Gặp những trường hợp ấy, chúng ta phải dứt khoát, không bao giờ nghe theo. Chúng ta không đồng ý là để diệt cái ngã của họ, diệt tâm kiêu mạn về sự giàu có của họ. Tất nhiên, sự lạnh lùng nghiêm khắc của chúng ta có khi không đem lại hiệu quả vì người ấy có thể đến chùa khác và sẽ được ân cần đón tiếp. Hoặc kết quả có thể xảy ra ngược lại, người ấy không bao giờ đến chùa nữa. Nhưng chúng ta vẫn phải kiên quyết để cho họ một bài học. Có thể họ được đón tiếp ân cần ở chùa khác, nhưng dù sao họ cũng hiểu rằng, có ít nhất một nơi không có chỗ cho tâm kiêu mạn của họ ngự trị.

Những người nghèo thường lui tới chùa là những người mến chùa, cần tình yêu thương. Nếu chúng ta không tiếp, họ sẽ cảm thấy lạc lõng, mặc cảm cho thân phận mình. Vì vậy, chúng ta phải thương yêu những người nghèo khổ, bù đắp cho họ những thiếu thốn trong đời sống tinh thần. Đối với những người tật nguyền, chúng ta càng phải quan tâm hơn nữa để xoá dần trong họ những nỗi mặc cảm, giúp họ tự tin hoà nhập với cuộc đời.

Nếu là người quản chúng, chúng ta phải tạo cơ hội đồng đều cho chúng tu học và công quả, không phân biệt dòng dõi, tài năng. Như vậy là chúng ta đã giữ được Đạo đức bình đẳng.

Người tu hành thường có ba việc: tu, học và làm việc.

Tu bao gồm nhiều việc ngồi Thiền, lễ Phật, tụng Kinh. Học có thể hiểu một cách rộng rãi: học trên lớp, tự học ở nhà, học với Thầy....Người quản chúng phải đào tạo điều kiện cho chúng thực hiện hai điều này. Phải tạo điều kiện cho họ nhưng không được thiên vị. Người có điều kiện học, chúng ta phải giúp cho họ được học, giúp cho họ có thì giờ để tu. Đối với người xuất gia, tu là việc quan trọng nhất. Vì vậy, lười biếng, không tu tập là điều không thể chấp nhận được. Người tu hành có thể học ít, nhưng tu là phải luôn luôn tinh tấn, không tinh tấn tu hành thì không xứng đáng làm một người xuất gia.

Vấn đề ở đây là không thiên vị. Người Trụ trì, Giáo thọ, Tri sự hay quản chúng phải tạo điều kiện đồng đều cho họ học hành, tu tập. Có khi có duyên với người này nhiều, với người kia ít, nhưng chúng ta phải quan tâm đến tất cả mọi người, quan tâm đến từng người, từng căn cơ một. Nếu để cho người

nào đó lôi cuốn bởi cái phước của họ, chú ý nâng đỡ họ thì chúng ta là người không có đạo lực. Trong từng lúc, từng nơi, chúng ta phải cẩn thận, đừng để thiên vị bởi phước của người khác. Vì thiên vị với người có phước sẽ làm cho chúng ta mất đi Đạo đức bình đẳng.

Nếu là người có trách nhiệm, chúng ta nên chú ý nhiều đến những người trí tuệ kém cỏi, căn cơ còn kém, tánh tình chưa được đàng hoàng. Vì dù sao họ cũng đã có chí nguyện xuất gia. Những người có phước, tự mình có thể đi được, có thể đứng vững trên đôi chân của mình được. Người không có phước, chúng ta phải kèm cặp, quan tâm nhắc nhở nhiều hơn. Đó chính là Đạo đức của người quản chúng.

Việc công quả với người tu hành cũng rất quan trọng. Vì thế, chúng ta phải lưu ý tạo điều kiện cho họ công quả. Nếu không công quả, người xuất gia không thể nào tiến Đạo.

Người Trụ trì thường mắc phải sai lầm ở chỗ hay phạt những người có tánh xấu, thường phạm lỗi bằng cách bắt họ làm những việc nặng nhọc. Đó là điều nguy hiểm cho đại chúng về sau. Vì sai họ làm như vậy, chúng ta cứ tưởng là phạt họ nhưng thực chất là tạo điều kiện cho họ công quả. Sau này họ sẽ có phước, sẽ là người lãnh đạo trong chùa. Một khi người có tánh tình xấu làm lãnh đạo trong chùa, điều gì sẽ xảy ra? Chắc chắn chùa không còn là nơi tu hành nghiêm túc nữa. Những người tu tốt sẽ không chịu đựng được, cuối cùng sẽ bỏ đi.

Sẽ có người thắc mắc tại sao người không tốt lại được làm lãnh đạo? Đây cũng là điều hợp lý, hợp lý theo luật Nhân Quả. Vì trước kia, họ bị người lớn ghét, bắt công quả nhiều, bây giờ họ được hưởng phước, được làm người lãnh đạo.

Bởi vậy, theo luật Nhân Quả, chúng ta cần lưu ý: những người có Đạo đức, muốn đào tạo để thành người lãnh đạo tốt sau này, chúng ta phải bắt công quả nhiều hơn. Người lãnh đạo chúng có Đạo đức sẽ rất tốt cho chùa. Những chùa có người lãnh đạo như vậy sẽ là nơi tu học nghiêm túc, là nơi Phật tử có thể chọn làm chỗ nương tựa vững chắc cho mình. Những chùa tốt sẽ góp phần làm cho Phật pháp ngày càng hưng thịnh.

Về căn bản, chúng ta tạo cơ hội cho đại chúng công quả đồng đều, để họ có phước, tu hành được tinh tấn. Nhưng chỉ công quả trong chùa chưa đủ, người xuất gia phải biết làm công quả ở ngoài chùa. Vì nếu công quả giới hạn trong phạm vi chùa, mỗi người lo làm việc tốt cho nhau thì người tu chỉ tiến được Đạo đức chứ không tiến được phước. Người Trụ trì phải tạo điều kiện cho chúng công quả ngoài chùa, thường xuyên làm việc từ thiện để tạo phước về sau.

Có những ngôi chùa làm được những việc rất đáng tán thán, ngợi ca. Có một ngôi chùa, khi cần thiết, có đến 42 người trong chúng hiến máu. Phải thấy

rằng, không có phước gì lớn bằng phước hiến máu cứu người. Người ta có thể cho tiền bạc, nhưng hiến máu không phải ai cũng làm được. Người ta gọi đó là bố thí nội tài.

Chúng ta cần lưu ý, không thiên vị, nhưng cũng không san bằng quyền lợi. Vì như đã nói ở trên, san bằng quyền lợi là phá vỡ Nhân Quả. Trong chúng, khi đối xử với mọi người, chúng ta phải luôn luôn tạo cơ hội đồng đều cho họ. Tuy nhiên, làm được hay không còn tùy thuộc vào họ. Có người, đến giờ tu, rất tinh tấn nhiếp tâm. Có người vẫn ngồi đó nhưng tâm không ở với họ mà đi lang thang. Có người lễ Phật với lòng tôn kính thiết tha. Nhưng cũng có người lễ Phật một cách hời hợt. Như vậy, Nhân Quả lúc này là tự họ gieo chứ không phải chúng ta nữa. Trách nhiệm của chúng ta là tạo điều kiện đồng đều cho tất cả mọi người. Còn dụng tâm, nỗ lực đến đâu là tùy họ. Càng về sau, phước của mỗi người sẽ tách ra dần dần. Người tốt sẽ đi theo con đường tốt. Người chưa tốt tự nhiên sẽ dừng lại, sẽ bị rơi lại đằng sau. Đó là lẽ đương nhiên, chúng ta không thể cưỡng lại được, mặc dù lòng mình vẫn bình đẳng thương yêu. Đừng bao giờ nghĩ rằng, bình đẳng là điều gì cũng phải bằng nhau. Nghĩa là, mọi người chưa đạt được điều này thì người khác cũng không thể đạt được điều kia. Hiểu như vậy là sai lầm, là kìm hãm sự phát triển, sự tu hành tinh tấn của mỗi cá nhân.

Chẳng hạn, khi có người tu tốt, trí tuệ mở ra, được nhiều Phật tử quý mến, duyên giáo hóa của họ cũng đã đến, chúng ta không nên cản lại. Chúng ta đừng vì lý do bao nhiêu người khác chưa ra giáo hóa, giảng dạy mà ngăn cản việc giảng pháp của họ. Làm như vậy là chúng ta bắt đầu rơi vào bệnh san bằng quyền lợi. Khi phước của họ đã khác, duyên của họ đã đến, chúng ta phải tùy duyên mà tạo điều kiện cho họ phát huy khả năng, làm những việc Phật sự lớn hơn. Đó không phải là sự thiên vị. Đó là một hành xử đúng với luật Nhân Quả.

Trong đối xử, chúng ta cần phải giữ sự trung đạo. Nghĩa là lòng chúng ta vẫn thương yêu đồng đều, không thiên vị, vẫn muốn cho mọi người đều tốt. Nhưng khi ứng xử hành động, chúng ta phải tùy duyên, tùy phước, tùy nhân quả của mỗi người, không nên áp đặt và không san bằng quyền lợi. Hay nói cách khác, giữa bình đẳng và san bằng quyền lợi có sự khác nhau, chúng ta phải phân biệt cho rõ để áp dụng cho đúng, tránh phạm phải những sai lầm. Đây là điều khó mà những bậc Trụ trì cần lưu ý. Nếu không cẩn thận, không giữ được tâm, chúng ta sẽ thiên vị trong đối xử.

Nếu một lúc nào đó, chúng ta rơi vào cực đoan, không thấy được Nhân Quả nên san bằng quyền lợi, trong khi phước của mỗi người bắt đầu có sự sai biệt là chúng ta đã cưỡng lại Nhân Quả. Như vậy, chúng ta đã phạm sai lầm. Đây là chỗ người tu phải cẩn thận. Bởi vậy, nói đến Đạo đức bình đẳng là nói đến việc phân xét bên ngoài nhiều hơn, mặc dù có sự kiểm soát tâm mình.

2. Bình đẳng biểu lộ đạo đức:

Người có phước luôn luôn tạo sự thu hút với mọi người. Ngược lại, người có tội, người nghèo khổ thường tạo ra sự thờ ơ ghẻ lạnh. Nếu tu tâm từ bi ít, không thương người nghèo khổ, chúng ta sẽ bị phước của người giàu sang thu hút, trở nên thiên vị. Lúc ấy, chúng ta sẽ thành một người cục bộ, thiên vị cá nhân. Như vậy, làm sao chúng ta xứng đáng là tàng cây che mát cho mọi người?

Bởi vậy, đối với chúng ta, tu tập tâm từ bi là yêu cầu căn bản, là điều kiện tiên quyết để hiểu sâu sắc những vấn đề về Đạo đức và áp dụng có hiệu quả những vấn đề ấy trong cuộc sống. Tâm từ bi không chỉ tu ngày một, ngày hai mà phải tu tập cả một đời. Mỗi ngày, khi lễ Phật, khi ngồi Thiền, chúng ta phải quán từ bi, thương yêu mọi người. Chừng nào khi tiếp xúc, những người nghèo làm cho chúng ta thương yêu nhiều hơn là lúc ấy chúng ta đã đi đúng con đường của kẻ tu hành. Trong đối xử, chắc chắn chúng ta sẽ biểu lộ được Đạo đức bình đẳng.

Người có đạo lực là người không bị sự sai biệt của ngoại cảnh chi phối, không bị kẻ có phước kéo tâm mình chạy về phía họ. Bởi vậy, trong giao tiếp, chúng ta cần giữ được tâm từ bi đồng đều với mọi người dù đó là người phước nhiều hay kẻ phước ít. Tăng Ni hiện đang bị phê phán rất nhiều về thái độ vồn vã với người giàu và thờ ơ với người nghèo.

Chúng ta nên nhớ rằng, đối với những người giàu sang, chúng ta có đối xử ân cần hay không, điều ấy không quan trọng. Đi đâu họ cũng được đối xử ân cần. Họ đến chùa nào cũng được như vậy và đến với bạn bè, họ cũng được điều đó. Có những người giàu rất thán phục khi thấy chúng ta đối xử tốt với người nghèo. Còn ân cần vồn vã với họ, có khi chúng ta lại bị coi thường. Có một số Phật tử giàu sang tỏ ra khinh thường khi thấy người tu chúng ta đến thăm. Họ nghĩ rằng, chúng ta đến cầu sự cúng dường của họ. Bên ngoài nhiều khi không biểu hiện, nhưng trong tâm họ đã xuất hiện tâm lý coi thường. Người tu chúng ta phải cẩn thận, dè dặt khi tiếp xúc với những người giàu có. Tất nhiên, chúng ta không “vơ đũa cả nắm”, nhưng phải thừa nhận rằng, người giàu thường kiêu ngạo và dễ nghĩ xấu cho người tu. Bởi vậy, chúng ta cần phải giữ thái độ bình thản khi giao tiếp với họ. Tuyệt đối không được đối xử lạnh nhạt, thờ ơ với người nghèo mà ân cần vồn vã với người giàu. Phải cho họ thấy được sự khác biệt giữa chúng ta với người đời. Để thực hiện được điều đó, người tu phải có một bản lĩnh, bản lĩnh vượt lên trên cái thường tình, có thể thờ ơ bất cần với người giàu, nhưng lại ưu ái với người nghèo.

Nói như vậy, không phải ai đến chùa chúng ta cũng xem xét vấn đề giàu nghèo. Sở dĩ chúng ta thương người nghèo, vì họ dễ bị mắc cảm, dễ tủi thân. Còn cái chúng ta quan tâm, chú ý thật sự đối với những Phật tử khi đến chùa

là cái tâm. Tâm ở đây nghĩa là tâm Đạo, là mức độ hiểu Đạo, mức độ ham thích tu tập của họ. Vì vậy, xét về mặt này, chúng ta không nên phân biệt giàu nghèo. Có trường hợp đến với chùa là những người giàu sang nhưng có tâm Đạo. Chúng ta nên quý trọng họ. Một khi hiểu Đạo, những người ấy sẽ không nghĩ xấu, nghĩ lệch lạc khi được chúng ta đối xử tốt.

Tóm lại, trong cách cư xử, nếu là người “sáng mắt”(hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng), chúng ta sẽ nhận ra ở người giàu tâm Đạo của họ đến mức nào và sẽ có thái độ thích hợp. Nếu là người kiêu ngạo, chúng ta giữ thái độ thờ ơ, lạnh lùng để cho họ một bài học Đạo đức trong cách sống. Nếu là người có tâm Đạo, chúng ta phải đối xử tối với họ như bao người khác.

3. Áp dụng Đạo đức bình đẳng trong ứng xử:

a) Với Phật tử:

Chúng ta cố gắng đối xử từ ái với người nghèo khổ vì họ rất dễ mặc cảm. Người giàu có trong cuộc sống vốn dễ được ưu ái, và vì thế cũng dễ sinh tâm kiêu mạn. Chúng ta dành cho họ sự hờ hững cũng rất cần thiết để chữa căn bệnh kiêu mạn ấy. Đối với người có tâm, chúng ta luôn luôn đối xử tốt.

b) Với Huynh đệ:

Chúng ta đừng kết thân riêng với một vài người tạo thành mầm mống chia rẽ cho Tăng đoàn về sau. Vì khi kết thân với một vài người, có thể người cùng ở chung liêu, người có duyên với mình, chúng ta sẽ hay lui tới, gần bó với người đó mà không quan tâm đến những người xung quanh. Lâu ngày, điều đó sẽ trở thành mầm mống của sự chia rẽ.

Bởi vậy, chúng ta phải cẩn thận. Dù là người có duyên với mình hay là người có nhiều ưu điểm, chúng ta cũng cố gắng giữ thái độ bình thường như với người khác. Chúng ta có thể gần gũi với những người ấy để học hỏi, nhưng đừng vì vậy mà kết thân riêng. Chính sự kết thân riêng sẽ tạo nên sự ích kỷ, dẫn đến ganh tỵ.

c) Với chúng do mình kiểm soát:

Trong chúng, rất nhiều người sống với nhau, chắc chắn sẽ có người tốt với chúng ta, có duyên với chúng ta, nhưng chúng ta vẫn cố gắng giữ lòng mình, để đối xử một cách bình đẳng, không phân biệt. Đây là điều rất khó, không phải ai cũng dễ dàng thực hiện được. Nếu không cố gắng, chúng ta sẽ mất Đạo lực, sẽ quen thiên vị, đối xử không bình đẳng với mọi người. Dần dần, khi đi làm việc Đạo, chúng ta sẽ bị thái độ thiên vị đó chi phối và trở nên cục bộ địa phương.

Nếu là Trụ trì, Tri sự, chúng ta hãy cho mọi người cơ hội đồng đều trong việc tu học, đừng bao giờ ưu tiên người này, chèn ép người khác. Nếu có vài người ngang bướng với mình, chúng ta không nên ác cảm mà hãy thương yêu để hoá độ họ.

d) Người cư sĩ cũng phải đối xử bình đẳng với nhau:

Trong xã hội, có nhiều tầng lớp người, bên cạnh những người giàu có còn không ít những người nghèo khổ, những kẻ bất hạnh. Người cư sĩ nên đối xử bình đẳng với nhau. Những người nghèo, mình nên quan tâm, thương yêu giúp đỡ nhiều hơn. Với những người biết Đạo, dù ít hay nhiều, mình cũng nên quý mến. Nếu là người biết Đạo nhiều, hãy coi đó là những người thiện tri thức của mình, cùng đi với nhau để học hỏi. Những người chưa biết Đạo nhiều, hãy quan tâm giúp đỡ để họ hiểu thêm về Đạo.

Ví dụ, nghe ở đâu có Thầy giảng hay, mình nên rủ mọi người cùng đi. Hoặc có cuốn băng nào hay, phải chuyển cho nhau nghe, cuốn sách nào hay, phải khuyên nhau đọc... Người hiểu Đạo phải tạo điều kiện cho những người khác đến với Đạo. Những Phật tử nếu có tu tập từ bi sẽ làm được điều đó.

Đối với Tăng Ni, người cư sĩ nên tôn kính nhưng cũng phải bình đẳng, nghĩa là không nên thiên vị Thầy này hay Cô khác. Mặc dù có những vị đáng cho mình học, có những vị còn phải tu tập nhiều nhưng cư sĩ đều phải tôn kính, đều phải học hỏi. Những Phật tử khi Quy y cũng cần lưu ý một điều này, Quy y Tăng có nghĩa là Quy y mười phương Tăng. Vì vậy, không phải chúng ta chỉ biết một mình Thầy Bổn Sư, mà đi bất cứ nơi nào, nếu gặp những vị Tăng Ni tu hành chân chính, chúng ta đều phải kính trọng.

Có một thời gian, Phật tử có quan niệm là, đối với Tăng Ni, dù làm lỗi thế nào họ cũng một mực kính trọng. Quan niệm này cũng có nhiều cái hay, thể hiện sự bao dung, độ lượng của Phật tử đối với người tu hành. Nhưng vô tình, quan niệm ấy đã góp phần nuôi dưỡng những phần tử xấu trong Phật pháp, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đạo, làm cho Phật pháp nhanh chóng suy tàn. Phật tử cần phải khắt khe hơn nữa, phải đặt lòng tôn kính cúng dường của mình đúng chỗ, đúng đối tượng. Có như vậy, chúng ta mới gạt bỏ dần những đối tượng kém phẩm chất, lợi dụng Phật pháp để thỏa mãn nhu cầu của mình.

Xây dựng lại Phật pháp, không chỉ là trách nhiệm, là sự cố gắng tu hành của Tăng Ni, mà trong đó còn có trách nhiệm của Phật tử. Nếu Phật tử đồng lòng khắt khe trong việc đánh giá người tu hành, chắc chắn sẽ không còn người xuất gia tùy tiện, bừa bãi. Như vậy, trong quá trình làm cho Phật pháp hưng thịnh trở lại, có sự đóng góp không nhỏ của quý Phật tử.

Đức Phật luôn luôn biểu lộ thái độ hiền lành, đúng mực trong cư xử. Có chuyện kể rằng, vào thời Đức Phật, một lần một số chư Tăng cãi cọ với nhau. Các vị này chắc tu hành cũng chưa cao, không như những vị A La Hán. Khi có điều bất hòa, họ gây gổ với nhau và chia thành hai phe. Thấy vậy, Đức Phật khuyên với giọng rất từ tốn:

-Này các Tỳ Kheo, các ông đừng cãi cọ với nhau nữa, đừng tranh cãi nữa, đừng bất hòa nữa.

Phật nói rất từ tốn nhưng các vị đang trong cơn hăng say, trong cơn hơn thua

hiếu thắng nên không nhịn được và trả lời:

-Thế Tôn cứ nghỉ ngơi cho khỏe, việc này tụi con phải nói cho ra lẽ.

Đức Phật nói:

-Thôi đủ rồi, các ông đừng có tranh cãi nữa, đừng có bắt hòa nữa.

Các ông ấy lại nói :

-Bạch Thế Tôn ! Hãy lui về yên nghỉ cho có sức khỏe, Ngài hãy để các con làm cho ra lẽ.

Đức Phật khuyên ba lần mà các vị ấy vẫn không nghe, vẫn cứ cãi nhau. Đức Phật cảm thấy những người ấy bướng quá, Ngài không nói nữa mà dùng biện pháp khác. Ngài không ở lại chùa nữa mà ra đi. Khi Ngài đi rồi, Phật tử làm âm lên. Họ kéo đến trách chư Tăng và tuyên bố từ nay sẽ không cúng dường nữa.

-Quý Thầy cần thì hãy đi nơi khác khát thực, không được ở làng mạc, thị trấn của chúng tôi nữa. Chúng tôi sẽ dứt lòng, không ai cúng dường cho quý Thầy nữa, nếu các Thầy còn tranh cãi để Đức Thế Tôn phải rời chỗ này ra đi.

Lúc đó, Đức Phật đi đến khu rừng Sùng Bò, nơi có ba vị Tôn giả A La Hán đang sống. Đó là ngài A-nu-rud-dha, Nan-di-ya và Kim-bi-la. Ba Ngài sống với nhau rất hòa hợp. Đức Phật đến thăm ba vị và nói chuyện với họ rất lâu. Sau này, chúng ta đã dựa vào cuộc trò chuyện ấy soạn thành một bài kinh. Đó là kinh Sống hòa hợp.

Trước sự đấu tranh dữ dội của các Phật tử, trước áp lực kinh tế và áp lực của các tín đồ, các Thầy không dám tranh cãi nữa. Lúc đó, Đức Phật trở về chùa tiếp tục dạy dỗ các chư Tăng.

Như vậy, thái độ của cư sĩ đối với Tăng Ni cũng rất quan trọng.

Quý Phật tử phải giữ thái độ bình đẳng, không nên thiên vị hay cục bộ địa phương. Phật tử đừng có quan niệm, mình là người địa phương nào thì tìm chùa của địa phương đó để ủng hộ. Làm như vậy là quý Phật tử đã thiên vị trong đối xử. Còn một điều nữa cũng xin lưu ý các Phật tử. Đó là việc nhiều Phật tử không đánh giá quý Thầy, quý Cô trên đức hạnh, mà đánh giá trên cơ sở những cảm nhận bên ngoài hơi hợt, cảm tính của mình. Chẳng hạn, Phật tử thường tỏ ra ngưỡng mộ những vị Thầy có giọng tụng kinh hay, có gương mặt hảo tướng, hoặc những Thầy có Phật tử đông, có uy thế... Đó là sự đánh giá không chính xác. Những Phật tử có sự đánh giá chân chính là những người biết nhìn vào đạo hạnh, vào tâm của người Thầy. Nếu chú ý về đạo hạnh, chúng ta sẽ chọn được người xứng đáng để đặt lòng tôn kính của mình, để thừa sự học hỏi. Đó là sự gạt bỏ khách quan cũng là Đạo đức bình đẳng của người tu sĩ.

4. Phải tùy bệnh cho thuốc:

Bình đẳng có nghĩa là tâm mình không thiên vị, là thương yêu tất cả mọi

người. Nhưng cách chúng ta cư xử mỗi người sẽ mỗi khác vì tâm tình, trình độ của mỗi người không giống nhau.

a) Với người còn tự ái:

Những người này khi phạm lỗi, chúng ta chưa thể nói thẳng lỗi của họ. Vì người hay tự ái, khi bị chỉ lỗi sẽ dễ nổi giận. Chúng ta chỉ khuyên họ lễ Phật và tác ý khiêm hạ. Một khi đã lễ Phật, đã tác ý khiêm hạ, coi thân mình như cỏ rác, cát bụi thì họ sẽ không còn tự ái như trước. Lúc đó, chúng ta có thể nói lỗi của họ một cách thẳng thắn mà không sợ họ nổi giận. Chẳng những không giận, họ còn cố gắng tu tập, sửa lỗi.

b) Với người tự ti mặc cảm:

Người tự ti mặc cảm là người cho rằng mình kém cỏi. Ở đây, chúng ta cần phân biệt hai loại người. Có người cho rằng mình kém cỏi vì họ có tâm khiêm hạ. Có người cho mình kém vì họ tự ti, mặc cảm. Người nghĩ rằng mình kém (vì khiêm hạ) là người có Đạo đức, chắc chắn họ sẽ tiến bộ. Còn người nghĩ mình kém rồi sinh ra buồn bã, chán nản, không còn nghị lực phấn đấu nữa thì không phải là người có Đạo đức. Đó là người đã rơi vào bệnh mặc cảm, tự ti.

Những người này thường chưa đủ tự tin. Họ không tin rằng mình sẽ làm được điều tốt, không tin mình sẽ tiến đạo khi tu tập. Với họ, chúng ta đừng khuyến khích bằng cách khen ngợi. Vì nếu khen không đúng, chúng ta sẽ làm họ tăng bản ngã. Từ bệnh tự ti, họ có thể sinh bệnh tự tôn với lời khen hảo huyền. Với những người này, chúng ta chỉ khuyên họ tạo phước, vị tha hy sinh. Phước vị tha sẽ đem lại tự tin. Đây là hệ quả rất kỳ lạ. Nếu không giúp đỡ người khác, chúng ta sẽ rụt rè, mất tự tin; nếu sống tốt với mọi người, chúng ta sẽ tự tin hơn.

c) Với người không có duyên:

Với người không có duyên, chúng ta đừng cầu cạnh làm mất tư cách của mình và cũng dễ bị họ khinh thường. Nhất là đối với những người giàu mà không có duyên với mình, nếu cứ ân cần, vồn vã, chúng ta sẽ bị họ khinh thường.

Bốn phận của chúng ta là đối xử tốt với mọi người, đừng cầu cạnh ai dù đó là người giàu sang hay quyền thế. Đối với những người như vậy, chúng ta chỉ hóa độ bằng cách cứ bình thản làm lợi ích cho người khác. Thấy chúng ta lo lắng cho mọi người, dần dần họ sẽ hiểu.

d) Với người có duyên, ưu ái mình:

Chúng ta nên cẩn thận để giữ duyên, nghĩa là đừng nhận của người ta nhiều quá. Chúng ta không nên ỷ lại vào sự ưu ái của họ, đến lúc hết duyên, hết nợ lại xa nhau. Nếu thấy người đó đáng quý, có tư cách, muốn tình cảm được bền bỉ dài lâu, chúng ta nên đem đạo lý cho họ, và ít nhận tiền bạc của họ. Có như vậy, duyên mới giữ được lâu bền.

Có một Hòa Thượng nổi tiếng, đến ở nhờ nhà của một Phật tử. Người đó chăm sóc rất chu đáo, còn cất một cái cốc sau vườn để Hoà thượng tu cho yên tĩnh. Được ba năm, hình như nợ hết, người Phật tử có điều gì bất mãn về Hòa Thượng. Hòa Thượng không thể ở được nữa, phải ra đi. Từ đó hai bên không nhìn nhau nữa. Có thể đó là do mình đã hưởng hết duyên với người khác nên e chề cay đắng như thế.

Như vậy, trong vô lượng kiếp luân hồi, chúng ta đã gieo duyên với người khác. Nếu gieo duyên đời trước bền bỉ thì người ta sẽ gắn bó với mình mãi mãi. Ngược lại, duyên gieo không nhiều, gặp một thời gian ngắn rồi cũng sẽ ra đi. Từ đó, chúng ta rút ra bài học: khi đối xử tốt với con người, lòng tốt của mình cũng phải bền bỉ và vô hạn, đừng vì một lý do nào mà ngừng lại nửa chừng. Bất đắc dĩ phải xa nhau vì hoàn cảnh thì đành chịu. Còn nếu có thể gặp được, lúc nào chúng ta cũng phải cố gắng sống tốt với nhau để giữ duyên bền bỉ trong vô lượng kiếp luân hồi sắp tới.

e) Với người có lỗi:

Với người ít kiêu mạn, tinh thần chưa vững mạnh, nếu họ phạm lỗi, chúng ta phải chăm sóc, nhắc nhở nhiều hơn. Có như vậy, họ mới vượt qua lỗi lầm và đi tiếp con đường tu hành. Nếu chúng ta lạnh lùng, ghét bỏ, hoặc căn cứ theo luật quá nghiêm khắc, họ sẽ không tiếp tục theo Đạo được nữa. Lúc đó, Đạo của chúng ta sẽ mất đi một người.

Ví dụ, trong chúng có người phạm tội ăn cắp. Với người tu hành, đó là tội rất nặng, không chấp nhận được. Nhưng chúng ta cũng đừng vội căn cứ theo luật mà đuổi họ ra khỏi chùa. Lúc ấy, chúng ta phải bình tâm quan sát tâm tính, quá khứ của họ, nguồn gốc gia đình họ như thế nào, vì sao họ phạm tội ăn cắp.... Nhiều khi, đối với người có thể chữa được, chúng ta không chữa để họ tốt hơn, chúng ta cũng tổn từ bi. Như vậy, Đạo sẽ mất một người, Phật cũng mất một chúng sinh. Trong khi Phật muốn tất cả chúng sinh đều được Đạo để tu, chúng ta khắt khe quá làm chúng sinh xa rời Đạo cũng là điều không đúng.

Trong cuốn Tình yêu cuộc sống (tiếng Anh là Love of life), có câu chuyện về một người bị lạc. Họ lạc vào một vùng ven bờ biển, không có lương thực nên đói kinh khủng. Cho đến một ngày, có một chiếc tàu ghé vào bờ. Người trên tàu tìm thấy anh ta đang nằm lả và mang lên tàu, cứu sống. Khi tỉnh lại, trong suốt tuần đầu, họ thấy anh ta có miếng bánh nào đều bỏ vào bọc ni lông, cất giấu dưới giường. Thủy thủ thấy lạ báo cho thuyền trưởng biết. Thuyền trưởng nói, “không phải anh ta là người xấu. Người nào vừa thoát chết đói cũng đều bị cái đói ám ảnh quá nặng nên mắc bệnh như vậy, bệnh tích lũy lương thực”.

Có những người xuất thân từ một gia đình quá nghèo, cha mẹ ra ngoài đường thấy cái gì cũng nhặt nhạnh mang về. Những người con sinh từ gia

đình đó, cũng bị ảnh hưởng, đôi khi thành ra ăn cắp lặt vặt. Cho nên, lâu ngày trở thành cái tập khí, tập khí xuất thân từ gia đình hèn kém đáng thương. Nếu biết họ vừa ăn cắp món đồ của huynh đệ, chúng ta phải suy xét để có cách xử sự hợp lý, hợp tình. Nếu lỗi của họ do tập khí gia đình để lại, chúng ta nên khuyên bảo, tìm cách dìu họ đứng lên, không được ruồng bỏ họ. Đó là đạo đức của người tu.

Nhưng với những người kiêu mạn, khó bảo, đôi khi sự im lặng, lạnh lùng là cần thiết.

Người kiêu mạn rất khó được dạy dỗ. Chính Phật cũng thú nhận rằng rất khó độ cho người kiêu mạn. Trong Kinh Pháp Hoa diễn tả ý này khi để cho 500 Tỷ kheo bỏ pháp hội ra đi. Người kiêu mạn phạm lỗi rất khó nói. Nhiều khi, chúng ta chỉ dùng sự im lặng. Thấy thái độ im lặng của mình, dần dần họ phải xét lại và bớt đi cái ngã.

Như vậy, mặc dù lòng rất bình đẳng, không thiên vị, nhưng chúng ta phải tùy bệnh cho thuốc.

5. Thanh quy của chùa phải đặt trên nền tảng bình đẳng:

Chùa phải có thanh quy đặt trên nền tảng của sự bình đẳng. Nếu thanh quy của chùa lỏng lẻo, trong chúng sẽ kết thân riêng từng nhóm, gây chia rẽ. Hoặc nếu cho tiếp xúc với Phật tử một cách dễ dãi, tu sĩ sẽ nảy sinh tình cảm thiên vị, tạo thành những Phật tử riêng. Nguyên nhân chính là do đường lối, tổ chức của chùa kém. Chúng ta hy vọng lớp Tăng Ni trẻ sau này có cách thức quản trị chặt chẽ hơn. Muốn vậy, chúng ta phải nghiên cứu về quản trị hành chánh. Có thể đến lớp học hoặc mượn sách về đọc để tìm hiểu xem các công ty xí nghiệp, các cơ quan, các tổ chức ... ở thế gian, họ tổ chức quản trị hành chánh như thế nào. Từ đó, áp dụng trong đường lối của chùa mình cho chặt chẽ, nghiêm túc.

6. Vấn đề hợp tác với người có duyên và có khả năng:

Trong cuộc sống, để đạt được hiệu quả công việc, chúng ta phải gắn bó hợp tác với người có khả năng và có duyên với mình. Tuy nhiên, đừng để mất sự quan tâm đến người khác. Vì nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ rơi vào thái độ thiên vị trong đối xử.

7. Những người được ưu tiên:

Theo Đạo đức bình đẳng, chúng ta chấp nhận cho người có phước hưởng thành quả nhưng vẫn quan tâm, ưu ái đến những người chưa đủ khả năng, chưa đủ phước.

8. Vấn đề bình đẳng nam nữ trong xã hội:

Trong xã hội, tùy theo quan niệm của mỗi địa phương, mỗi thời đại mà giữa người nam và người nữ có sự đối xử khác nhau. Có nơi người ta rất coi trọng phụ nữ. Ngược lại, có xã hội, người phụ nữ không được coi trọng đúng mức.

Ví dụ: Trong xã hội Âu Mỹ, người nữ bao giờ cũng được ưu tiên(Lady first). Người đàn ông được xếp hàng thứ năm, sau súc vật. Nhưng ở xã hội Hồi Giáo, người đàn bà chỉ là công cụ cho người đàn ông. Như vậy, trong đối xử luôn có sự biến thiên, không có sự bình đẳng.

Ở nước ta, trong xã hội phong kiến, người phụ nữ bị coi thường, không có vai trò vị trí gì trong xã hội. Họ tồn tại gần như là cái bóng của người đàn ông. Trong xã hội hiện nay, vấn đề bình đẳng giữa nam giới và nữ giới rất được quan tâm. Giữa họ đã có sự bình đẳng. Người phụ nữ ngày càng giữ những vị trí quan trọng trong xã hội, chiếm ưu thế so với người nam. Trong xã hội văn minh, hiện đại, mọi công việc dần dần đều được thay thế bằng máy móc, người phụ nữ có nhiều cơ hội hơn. Họ vẫn có thể đảm nhiệm được những việc quan trọng nhưng lại không phải bỏ ra quá nhiều công sức, không phải lao động tay chân.

Như vậy, giữa nam và nữ đã có sự bình đẳng. Tuy nhiên, còn một vấn đề cần phải quan tâm nữa. Đó là quan niệm về nghiệp của con người. Từ xưa đến nay, người ta vẫn quan niệm rằng người nữ nặng nghiệp hơn người nam, bởi vậy, lúc nào người nữ cũng phải chịu thiệt thòi, thua sút người nam một chút. Đó là quan niệm không đúng. Quan niệm này chỉ do các “đấng mày râu” đặt ra để có lợi cho họ mà thôi.

Theo quan niệm của Đạo Khổng, người phụ nữ phải chịu rất nhiều thiệt thòi, đau khổ. Đàn ông có quyền năm thê bảy thiếp trong khi đó, phụ nữ chỉ chính chuyên một chồng. Còn nhiều điều bất công khác mà người phụ nữ phải chịu đựng, nhất là những luật tục cổ hủ.

Tuy nhiên, vai trò của người phụ nữ trong gia đình và trong xã hội có sự biến thiên theo thời gian, tùy theo từng xã hội. Có nơi, người vợ đi lấy chồng và có thể lấy được nhiều người. Có xứ, người phụ nữ đi làm dâu, làm vợ, tức là làm dâu làm vợ cho tất cả mấy anh em trong một gia đình. Mỗi lần đi chợ, người vợ chỉ cần ra lệnh mua cái gì, còn những người kia răm rắp làm theo. Có xã hội, người vợ được quyền làm chủ. Nhưng cũng có những xã hội người vợ chỉ làm đầy tớ. Khi chồng ăn cơm, vợ phải đứng hầu. Như vậy, rõ ràng quan niệm cho rằng người phụ nữ nặng nghiệp là không đúng. Vì nếu nặng nghiệp, tại sao có xã hội lại tôn trọng, ưu tiên người phụ nữ nhiều hơn nam giới ?

Chúng ta không nên quan niệm nam hay nữ nặng nghiệp. Điều đó tùy thuộc vào mỗi người. Nếu ai quen ngược đãi phụ nữ, coi phụ nữ là công cụ, kiếp sau sẽ bị đày đọa thành người nữ trong xã hội Hồi Giáo (xã hội ngược đãi phụ nữ).

9. Vấn đề bình đẳng Tăng Ni-Bát Kinh Pháp:

Người ta kể rằng, vào thời Đức Phật, Di của Đức Phật xin xuất gia, Ngài không cho. Khi ngài A Nan năn nỉ tha thiết quá, Phật đồng ý nhưng với điều

kiện phải tuân thủ tám điều. Trong tám điều đó, Phật có yêu cầu: Dù người Ni một trăm tuổi hạ vẫn phải tôn kính đánh lễ một Tỳ kheo Tăng dù chỉ một tuổi hạ.

Vấn đề ở đây là Phật đã đặt giai cấp của người Ni thấp hơn hẳn giai cấp của Tăng. Từ đó hình thành quan niệm cho rằng người nữ nặng nghiệp hơn người nam. Thực ra, nếu đặt vào bối cảnh lúc bấy giờ chúng ta sẽ hiểu đúng hơn ý nghĩa lời yêu cầu của Đức Phật. Bối cảnh lúc đó là người Ni đầu tiên lại là Di của Phật. Nếu để một cách bình thường, Tăng Ni bình đẳng thì những Tỳ kheo khác sẽ rất sợ bà. Họ sợ cũng là điều hợp lý vì bà là Di Đức Thế Tôn, người đã từng nâng niu, bú mớm cho Phật từ khi còn nhỏ. Công của bà rất lớn. Hơn nữa, bà thuộc dòng dõi Hoàng tộc, lại xuất gia khi đã lớn tuổi. Những Tỳ kheo Tăng nhỏ tuổi, những người thuộc giai cấp khác gặp bà, chỉ dám gọi là Lệnh Bà. Như vậy, đối với những Tỳ kheo Ni khác xuất gia theo bà, các tỳ kheo tăng phải đối xử như thế nào? Họ cũng phải một mực kính trọng. Từ đó, sẽ nảy sinh tình trạng các Tỳ kheo Ni coi thường các Tỳ kheo Tăng, làm mất tôn ti trật tự, không còn bình đẳng nữa. Như vậy, thực tế lúc đó, nếu Phật để mọi người bình đẳng thì sẽ sinh ra mất bình đẳng. Nghĩa là từ chỗ sợ Di Đức Phật, người Tăng sẽ có truyền thống cung kính với người Ni.

Phật sợ tình trạng đó xảy ra nên đã đặt ngược vấn đề, dù lớn tuổi hạ, Tỳ kheo Ni vẫn phải tôn kính Tỳ kheo Tăng. Nhờ vậy, sau này, những người Ni xuất gia không dám dựa thế Kiêu Đàm Di Mẫu mà coi thường quý Tăng. Nếu không triệt cái ngã của họ, chẳng những họ không tu được mà trong đạo Phật còn xuất hiện truyền thống người Tăng gặp người Ni phải sợ hãi, cung kính. Dần dần sẽ gây nên sự bất bình đẳng giữa Tăng và Ni.

Hiện nay, người Tăng được đứng ở vị trí cao hơn người Ni. Điều đó cũng có lợi, nhưng đôi khi do cách xưng của người Việt Nam (Thầy-Con), chúng ta có cảm giác người Ni bị hạ thấp quá. Ở nước ngoài, đại từ nhân xưng đơn giản hơn (I- You) nên không thấy rõ sự cách biệt đó. Tuy nhiên, khi xưng hô khiêm tốn và có vẻ hạ mình như vậy, quý Cô đã hạ được cái ngã của mình rất nhiều, nên có Đức. Ngược lại, khi được quý Cô xưng con, cái ngã của quý Thầy lại tăng lên. Khi đó, quý Thầy bị tổn Đức.

Những Thầy có Đạo đức, rất sợ điều này. Còn những Thầy không biết, cho rằng Bát kinh pháp là chân lý tuyệt đối, luôn coi thường quý Cô. Những người đó, kiếp sau sẽ được làm Ni, để hiểu rằng trong một đất nước mà Bát kinh pháp nặng nề như vậy, làm Ni sẽ được đối xử như thế nào.

Ngày xưa, sống trong rừng núi vắng vẻ, người Ni phải ở gần người Tăng để được Tăng bảo vệ. Thời đó, trộm cướp hoành hành khắp nơi. Trong luật Tứ Phần, người ta còn ghi lại chuyện một Tỳ Kheo Ni bị hãm hiếp. Do vậy, để đảm bảo an toàn cho người Ni, Phật dạy Tỳ Kheo Ni phải an cư những nơi

gần đó có Tỳ Kheo Tăng. Nghĩa là Tăng có trách nhiệm bảo vệ Ni. Bây giờ, vấn đề an ninh được Nhà nước chú trọng tăng cường nên ít xảy ra những bất ổn đối với người Ni. Hơn nữa, các Tỳ Kheo Ni sống thành từng cộng đồng, có tổ chức nên an toàn hơn. Bởi vậy, chúng ta chủ trương cần bình đẳng hơn trong quan hệ giữa Tăng và Ni. Nhiều khi do giữ Bát kinh pháp, người Ni vẫn xung con với các Thầy. Điều đó cũng không có gì sai, nhưng người có Đạo đức bình đẳng sẽ tỏ ra bản khoắn. Họ sợ không giữ được tâm mình, cái ngã của mình tăng lên.

Đối với Phật tử cũng vậy, sự tôn kính nên để trong lòng. Có thể các Phật tử đến chùa không nhất thiết phải xung con với người xuất gia.

Tóm lại, con người thường có sự sai biệt về phước. Đó là chênh lệch rất tự nhiên và hợp lý. Trước tình trạng đó, chúng ta không được san bằng quyền lợi. Tuy nhiên, cũng không vì những sai biệt về phước mà chúng ta đối xử quá thiên vị, quá chênh lệch giữa người này với người kia. Một điều cần lưu ý là Đạo đức của người tu buộc chúng ta phải quan tâm đến người khác, phải chú ý nhiều hơn đến thân phận những người thấp kém. Họ là những người nghèo khó, tật nguyền, những người ít học, vv....

Ngoài việc đối xử bình đẳng, chúng ta phải biết quan tâm đến người khác. Điều đáng quan tâm ở họ không phải là giàu sang hay nghèo hèn mà là cái tâm của họ, tâm Đạo của họ. Dù giàu hay nghèo, nếu có tâm Đạo, họ đều đáng để chúng ta yêu thương, trân trọng. Và trước sự sai biệt như vậy, chúng ta cũng phải tùy bệnh cho thuốc. Có trường hợp, chúng ta đối xử ân cần sẽ đem lại lợi ích cho họ. Có trường hợp, chúng ta nên hờ hững, lạnh lùng để họ nhận ra và sống tốt hơn. Phải đặc biệt lưu ý, trong đối xử, chúng ta đừng bao giờ nghĩ đến lợi ích của mình, đừng cầu cạnh quyền lợi cho mình. Điều quan trọng là chọn thái độ cư xử như thế nào để có lợi cho người khác.

Tâm lý đạo đức

9. NHẪN NHỤC

1. Định nghĩa:

Nhẫn là nhịn, là chịu đựng phần kém, phần thiệt thòi về mình. Trong tiếng Việt, chữ nhịn có cùng nghĩa với chữ nhẫn của Trung Quốc. Có thể coi chữ nhẫn mà chúng ta dùng hôm nay có nguồn gốc từ tiếng Hán và đã được Việt hóa. Nhục là hèn kém, đáng xấu hổ. Như vậy, nhẫn nhục là chịu đựng sự hèn kém, nhục nhã, đáng xấu hổ.

Trong trường hợp nào chúng ta phải chịu đựng và sự chịu đựng ấy được coi

là nhẫn nhục?

Chúng ta thường nhẫn nhục trong trường hợp bị xúc phạm bởi người bằng mình hoặc dưới mình.

Ví dụ, chúng ta cảm thấy bị xúc phạm khi một người nhỏ hơn mình lại hỗn láo với mình. Nhưng khi bị xúc phạm, chúng ta vẫn bình tĩnh chịu đựng, không có sự phản ứng gì trước sự xúc phạm ấy. Như thế là chúng ta đã nhẫn nhục. Hoặc một người “bằng vai phải lứa” với chúng ta lại nặng lời hoặc tỏ ra lấn át chúng ta, nhưng lúc ấy chúng ta không phản ứng, phải chịu đựng phần thiệt thòi về mình, đó cũng là sự nhẫn nhục.

Trường hợp thứ hai, chúng ta là người nhỏ, bị người lớn chèn ép, tước đoạt hết quyền lợi, phải gánh chịu những vất vả, cực nhọc cho người khác. Sự chịu đựng đó được gọi là nhẫn nhục.

Ngoài ra, chúng ta còn phải chịu đựng, nhẫn nhục khi rơi vào những hoàn cảnh khốn khó. Chẳng hạn, gặp lúc thiếu thốn, đói khổ, chúng ta không bi quan, không ngã gục, phải chịu đựng để vượt qua. Sức chịu đựng ấy cũng được coi là nhẫn nhục.

Ở đây, chúng ta cần phân biệt nhẫn nhục với những trạng thái tâm lý khác. Nếu bị người khác xúc phạm, chúng ta không giữ được bình tĩnh thì sẽ rơi vào tâm sân (nóng nảy). Nhẫn nhục không phải là phản ứng của nóng nảy. Nóng nảy là mất bình tĩnh, là đưa ra những phản ứng mạnh. Trong khi đó, nhẫn nhục là chịu đựng sự xúc phạm mà không phản ứng. Người vượt lên tâm sân sẽ giữ được trầm tĩnh, không phản ứng. Nhưng thái độ trầm tĩnh ấy chưa hẳn là nhẫn nhục. Vì ẩn sau vẻ ngoài trầm tĩnh ấy thường có nhiều tâm trạng khác nhau.

Trước hết là sự thâm hiểm. Chúng ta biết rằng, người có lòng dạ thâm hiểm luôn tỏ ra bình tĩnh, không phản ứng trước sự xúc phạm của người khác. Nhưng họ nuôi trong lòng sự oán hận, nuôi ước muốn trả thù. Đây là trường hợp rất nguy hiểm.

Có trường hợp bị hiếp đáp, bị xúc phạm nhưng người ta không phản ứng. Mặc dù bên ngoài họ có vẻ như trầm tĩnh, nhưng thực chất bên trong họ mang tâm trạng sợ hãi. Đó không phải là nhẫn nhục mà là nhu nhược.

Như vậy, nhẫn nhục khác với những tâm lý ấy. Nhẫn nhục là chịu đựng mọi việc với tâm tha thứ, không nhu nhược cũng không nuôi sự giận ghét trong lòng. Vì vậy, khi gặp trường hợp bên ngoài trầm tĩnh chúng ta phải xét nội tâm bên trong để đánh giá. Cần phân biệt rõ đâu là nhẫn nhục, đâu là thâm hiểm, đâu là nhu nhược, yếu đuối.

Người tu hành phải biết nhẫn nhục, chịu đựng. Trong đại chúng đôi khi cũng xảy ra những va chạm nhỏ, mỗi người phải nhẫn nhục, không nuôi hờn giận trong lòng. Trong cuộc sống cũng vậy, không phải lúc nào bước ra làm Phật sự, chúng ta cũng gặp thuận lợi. Nhiều khi chúng ta phải đối mặt với những

ngịch cảnh éo le. Có người do bất đồng quan điểm, tìm mọi cách công kích, chỉ trích, ngăn cản việc làm của mình. Thậm chí, có lúc chúng ta bị vu khống, bị người ta đặt điều nói xấu... Nhưng dù bị oan, lúc đó chúng ta cũng phải chịu đựng. Làm được điều này không phải dễ.

Như vậy, nếu không trang bị cho mình một sức nhẫn nhục cao, chúng ta sẽ không vượt lên được những khó khăn và sẽ chuốc lấy thất bại. Ngay từ bây giờ, mỗi người chúng ta phải tu tập, rèn luyện sức chịu đựng để đối phó với những khó khăn, những nghịch cảnh trong cuộc sống.

Ngày trước, người đi tu phải chịu đựng rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Họ thiếu lương thực, quần áo, thiếu những nhu yếu phẩm hằng ngày. Không xin được gạo, quý Thầy phải ăn rau rừng, phải tự cuốc đất trồng khoai lang chế biến để dành dùng trong những lúc đói. Chưa hết, họ còn bị cái rét giày vò, đêm không ngủ được. Khi ngồi thiền phải lấy y sa đi quần quanh chịu đựng. Đó là chịu đựng vì hoàn cảnh khôn khó.

Sau này, đời sống của những người tu hành đỡ khó khăn hơn vì xã hội ngày càng tiến bộ. Tuy nhiên, khó khăn mà chúng ta có thể gặp phải là sự chống đối hoặc những ác cảm của người khác. Chúng ta phải chuẩn bị một tâm tư để đón nhận. Trước hết, bây giờ chúng ta phải tập chịu đựng những bất như ý trong đời sống tu hành của mình. Khi bị một huynh đệ nào nói nặng lời hay hiếp đáp, chúng ta phải biết cảm ơn họ vì chính họ đã tạo những điều kiện tốt nhất để chúng ta tập hạnh nhẫn nhục.

Chúng ta phải thấy rằng, những đau khổ, khó khăn trong cuộc sống thật vô cùng quý giá. Nếu sống một cuộc đời yên ả, dễ chịu, chúng ta sẽ mất hết ý chí, nghị lực, sẽ không có cơ hội rèn luyện sức chịu đựng. Bởi vậy, nhẫn nhục là một hạnh rất quan trọng để làm tăng đạo lực của người tu hành. Đó là lý do vì sao trong cuộc đời tu hành của Đức Phật luôn có ông Đề Bà Đạt Đa đi theo quấy phá. Đức Phật bị quấy phá từ bao nhiêu kiếp. Cho đến khi thành Phật, Ngài cũng không thoát khỏi sự quấy phá ấy. Sở dĩ như vậy vì trong mọi công phu tu tập, để có được Đạo lực, Đạo hạnh, nhẫn nhục và tinh tấn đóng một vai trò rất quan trọng. Để có hạnh nhẫn nhục, chúng ta rất cần nghịch cảnh để rèn luyện. Nhắc đến điều này, chúng ta nhớ lại câu thơ của một nhà sư:

Không đau khổ lấy chi làm chất liệu

Không buồn thương sao biết chuyện con người

Quả thật, không đau khổ chúng ta sẽ không có điều kiện rèn luyện bản thân mình. Liên hệ đến đời sống của những người lính trong quân ngũ, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn giá trị của những gian khổ, khó khăn. Nếu không chịu đựng những tháng ngày huấn luyện nhọc nhằn, dầm mưa dãi nắng; nếu không chịu những hình phạt nặng nề, làm sao họ có thể đương đầu với hy sinh gian khổ, quyết sống mái với kẻ thù?

Người ta kể rằng, những trường võ bị, đào tạo sĩ quan trên thế giới cũng như ở Việt Nam có kỷ luật rất nghiêm khắc. Trong thời gian huấn luyện, học viên phải trải qua một tuần lễ gọi là tuần huấn nhục. Khi bước vào tuần huấn nhục, gia đình, người thân không dám đến thăm, vì khi đó học viên bị đầy đủ điều mà không được từ nan bất cứ điều gì, kể cả những điều nhục nhã nhất. Họ rèn luyện cho con người sức chịu đựng, sức nhẫn nhục đến như vậy.

Môi trường tu hành cũng vậy. Nếu đào tạo không nghiêm khắc, không có phương pháp, Tăng Ni khi ra trường sẽ không có tài năng, Đạo đức lẫn bản lĩnh. Nếu không có bản lĩnh, chúng ta sẽ sợ hãi, khiếm nhược, rút lui khi lâm vào cảnh khổ. Như vậy, sẽ không ai dám dấn thân vào vùng sâu, vùng xa để làm việc đạo, giáo hóa chúng sinh.

Hiểu được điều này, chúng ta sẽ không tỏ ra khó chịu hay giận hờn mỗi khi bị huynh đệ xúc phạm. Nếu có bị người lớn chèn ép, chúng ta cũng vui mừng, coi như đó là những điều kiện thử thách lòng nhẫn nhục của mình. Có không ít trường hợp phiền não, đầy nước mắt nhưng chúng ta hãy xem đó là cơ hội để tu hành. Hãy tâm niệm rằng, chịu đựng như vậy, khi ra ngoài làm Phật sự, việc khó khăn nào chúng ta cũng vượt qua được. Chỉ cần nhớ một điều, chịu đựng nhưng không phải sợ hãi, cũng không phải giận hờn nuôi dưỡng thù oán bên trong, mà là tâm tha thứ, tâm buông xả, không phiền não. Đó chính là tâm nhẫn nhục của đạo Phật.

2. Nhẫn nhục là thành tựu của đạo đức:

Người tu hành thường có đức nhẫn nhục. Chúng ta phân biệt hai loại nhẫn nhục: Nhẫn nhục bằng sức mạnh của Thiên định, bằng kết quả của Thiên định và nhẫn nhục bằng tư duy chân chính.

a) Về sức mạnh của Thiên định:

Chúng ta từng nghe câu chuyện về ngài Bạch Ẩn. Ông là tấm gương tiêu biểu về hạnh nhẫn nhục. Ngài Bạch Ẩn thuộc dòng Lâm tế, ở nước Nhật. Ngài khấn công án. Một hôm, không hiểu vì lý do gì, ngài bị Thầy đánh một cái roi từ trên thềm xuống. Vì chùa ở trên dốc núi nên Ngài bị rơi xuống rất sâu và bất tỉnh. Khi tỉnh dậy, Ngài đã ngộ Đạo. Ngài đến trình Thầy và được Thầy chấp nhận. Sau đó, Ngài về làng quê chăn bò thuê. Việc làm này không rõ nhằm mục đích gì, có thể là Ngài muốn rèn luyện hay hàm dưỡng điều gì đó. Khi sống ở làng, Ngài cũng ăn chay, tụng kinh lễ Phật, tỏ ra hiền lành nên mọi người gọi là ông sư, và ai cũng thương quý Ngài.

Ngài cất chòi ở và chăn bò thuê được một thời gian thì trong làng xảy ra chuyện. Một cô gái chưa chồng bỗng dưng bụng ngày một to. Khi cha mẹ tra hỏi, lúc đầu cô chối quanh co, sau đó cảm thấy không ổn nên cô đã đổ tội cho ông sư. Có lẽ cô cho rằng như vậy là đỡ rắc rối nhất. Cha mẹ cô nghe vậy, đến mắng chửi Ngài thậm tệ. Ngài chỉ hỏi :“Vậy à” rồi im lặng. Từ đó,

người làng coi Ngài không ra gì nữa. Giá trị quan trọng nhất của một người tu là phạm hạnh trong sạch. Ngài phạm tội nặng như vậy, còn gì giá trị nữa. Khi đứa bé được sinh ra, người ta mang đến giao cho Ngài nuôi. Ngài nhận em bé nhưng không biết nuôi như thế nào. Hằng ngày, Ngài phải ẵm em bé đi xin sữa hàng xóm. Thời gian trôi qua chừng vài năm, cô gái cảm thấy ray rứt bèn thú thật, bỏ đứa bé không phải là vị sư tội nghiệp kia mà là anh chàng bán cá ngoài chợ. Biết sự thật, cha mẹ cô gái đến xin lỗi Ngài. Lúc này, Ngài cũng chỉ nói: “Vây à”, rồi trả đứa bé lại cho mẹ nó, coi như không có chuyện gì xảy ra.

Đó là một tấm gương nhẫn nhục tuyệt vời. Ngài đã chịu đựng sự vu khống, sự nhục nhã, mất thể diện, mất danh dự một cách bình an, không hề oán ghét giận hờn. Quả là một sự nhẫn nhục rất tiêu biểu, rất đúng nghĩa.

Trong bài Khiêm hạ, chúng ta đã bàn về vấn đề danh dự của người tu hành. Người tu không coi trọng danh dự, vì còn đặt vấn đề danh dự nghĩa là vẫn còn chấp ngã. Nhưng không phải vì thế mà chúng ta sống bừa bãi, phóng túng. Dù không coi trọng danh dự nhưng chúng ta vẫn sống rất đàng hoàng, nghiêm túc. Sống như vậy là chúng ta muốn giữ tín tâm cho mọi người đối với Phật pháp. Nhìn gương tu hành đứng đắn, nghiêm túc của chúng ta, người đời sẽ tin con đường Phật pháp là chân chính. Mặt khác, lối sống nghiêm túc, có Đạo đức sẽ sớm đưa chúng ta đến sự giải thoát, giác ngộ. Chúng ta đừng nghĩ rằng, sống đàng hoàng, đứng đắn để được người đời ca ngợi, tôn trọng. Hiểu như vậy, chúng ta sẽ tránh được sự nhầm lẫn, một lúc nào đó xem danh dự, thể diện là quan trọng.

Trở lại trường hợp Ngài Bạch Aãn, chúng ta thấy Ngài tu rất đúng, không coi trọng danh dự, thể diện nên đã nhẫn nhục một cách phi thường. Trong khi đó, Ngài vẫn sống rất đàng hoàng, nghiêm túc. Đó là thái độ rất đúng của người tu theo đạo Phật. Bởi vậy, trong cuộc sống, có lúc bị người ta chỉ trích, nói xấu, chúng ta cũng không phản ứng, không trả đũa, không cãi chính, không biện minh, lòng không hề oán hận, tiếp tục sống cuộc đời rất đàng hoàng, Đạo đức tốt đẹp. Người sống như vậy người biết nhẫn nhục cao độ.

b) Nhìn bên ngoài, nhẫn nhục có vẻ nhu nhược nhưng bên trong là sức mạnh của nội tâm.

Người có tâm hồn yếu đuối, hay xao động không thể gọi là người nhẫn nhục. Nhẫn nhục là có một sức mạnh, giữ tâm mình không bị xao động, lung lay, không bị hoang mang. Nghĩa là đứng trước lời nói xấu của người khác, chúng ta vẫn không hoang mang, lo lắng cho danh dự bị tổn thương và tìm cách cải chính. Khi bị người ta xúc phạm chửi mắng, chúng ta vẫn không dao động, không giận hờn, không buồn bã. Giữ được tâm vững vàng như vậy, phải có một sức mạnh nội tâm rất lớn.

Những người tâm còn ích kỷ không bao giờ nhẫn nhục được vì ích kỷ sẽ đưa đến chấp ngã nặng. Hễ chấp ngã nặng, khi bị xúc phạm, bị xâm phạm chúng ta sẽ rất khó chịu, không chịu đựng được sự xúc phạm.

Tâm tự ái cũng làm cho chúng ta không nhẫn nhục được. Vì tự ái là coi trọng thể diện. Người tu theo đạo Phật phải vô ngã mới nhẫn nhục được. Tâm còn xao động cũng không thể nhẫn nhục được. Vì dễ xao động, khi người ta xúc phạm, chúng ta sẽ mất bình tĩnh và không còn nhẫn nhục. Muốn trị xao động, muốn nhẫn nhục được, chúng ta phải tu Thiền định. Người hay giận hờn, thù hận cũng không chịu được xúc phạm nên không thể nhẫn nhục được.

Tóm lại, tâm còn ích kỷ, tự ái, xao động hay thù hận đều không thể chịu được sự xúc phạm của người khác nên không thể nhẫn nhục.

c) Nhẫn nhục khác với nhu nhược, yếu đuối, vô tầm quý:

Khi làm lỗi, người ta góp ý nhưng chúng ta vẫn trơ ra, không biết hối hận, không biết lỗi, vẫn tiếp tục làm. Đó không phải là nhẫn nhục mà gọi là trơ lì. Trong đạo Phật, chúng ta gọi là vô tầm vô quý, không biết hổ thẹn.

Ví dụ, khi bị phát hiện, một người có tật ăn cắp vặt vẫn im lặng, tỏ ra bình tĩnh, không hổ thẹn, coi như không có gì xảy ra. Sự im lặng đó không phải là nhẫn nhục mà trơ lì.

Trong bài Hạnh chân thật, chúng ta đã nhắc đến ba hạng người. Hạng đầu tiên là vô tầm, hạng thứ hai là hối và thứ ba là bất hối.

Người vô tầm là người khi mắc phải lỗi lầm, được người khác chỉ lỗi vẫn không mắc cỡ, không hổ thẹn. Theo ngôn ngữ của người đời, đó là người “mặt dày”. Những người này thường không biết thiện ác tội lỗi, Nhân Quả, là người rất đáng sợ.

Hạng người thứ hai là người biết được Nhân Quả tội phước. Khi đã làm điều gì lầm lỗi, được người khác chỉ lỗi cho, họ thường hối hận. Đây là người biết tu, là người rất tốt.

Hạng người thứ ba là người khi làm lỗi, biết mình có lỗi nhưng lòng không hề hối hận, không hề ray rứt. Không hối hận nhưng quyết tâm không bao giờ phạm lỗi nữa. Đây là hạng người chứng được Sơ thiền. Người chứng Sơ thiền sẽ đạt được bất hối. Quyết tâm không phạm lỗi của họ rất mạnh.

Đối với chúng ta, biết lỗi và biết hối hận cũng là một công phu tu hành nghiêm túc. Đạt được điều đó là chúng ta đã trở thành người tốt.

Trong cuộc sống, chúng ta gặp những trường hợp tương tự như nhẫn nhục nhưng thực chất đó là người không có lòng tự trọng, vì cầu danh lợi nên chịu hèn kém, nịnh bợ luôn cúi. Đó là hạng người vô liêm sỉ, không có tiết tháo.

Trường hợp này thường xảy ra ngoài đời, trong Đạo ít khi gặp phải. Chẳng hạn, có người thấy người khác giàu sang, bèn lân la kết thân. Khi người giàu tỏ ra khinh thường, sai làm hết việc này sang việc khác, thậm chí chửi mắng,

họ cũng cười trừ coi như chẳng có gì quan trọng. Như vậy, không thể gọi là nhẫn nhục. Đó là cầu cạnh, luồn cúi, nịnh bợ. Nhẫn nhục của đạo Phật là không có sự cầu cạnh, không mong muốn điều gì cho mình.

Những người chịu đựng nhục nhã, hạ thấp phẩm giá để mong được ích lợi cho mình mà dân gian gọi là “chịu đấm ăn xôi”, là người không có liêm sỉ, là kẻ tiểu nhân với tư cách tầm thường, hèn hạ. Biểu hiện bên ngoài của hạng người này rất giống nhẫn nhục nhưng hoàn toàn không phải. Chúng ta cần chú ý phân biệt cho đúng. Bởi vậy, khi tiếp xúc với những người giàu có, quyền thế, chúng ta phải kiểm soát tâm mình. Nếu bị người ta đối xử không đàng hoàng mà mình vẫn nhin, phải xét lại tâm mình xem việc mình nhin là nhẫn nhục hay nịnh bợ, muốn cầu cạnh điều gì.

Người đời có những kẻ tiểu nhân, sẵn sàng bán rẻ danh dự, phẩm giá để cầu danh lợi. Người tu theo đạo Phật luôn tỏ ra quân tử, có thái độ bất cần, thấy lợi không ham, thấy danh không màng. Chúng ta chỉ cần sự tinh tấn, cần có Đạo đức cao dày, cần có phước và trí tuệ để giáo hoá chúng sinh.

Người khiếm nhược, sợ hãi không biết làm gì khi bị chèn ép là người nhu nhược. Vì khi bị chèn ép, trong lòng họ cũng giận hờn, cũng uất ức nhưng không dám phản ứng vì người ta có thể lực hơn mình. Ví dụ, một tù nhân bị cai ngục đánh đập, hành hạ nhưng anh ta vẫn chịu đựng. Trường hợp này gọi là nhu nhược. Tuy có sự chịu đựng, nhưng là chịu đựng vì không có khả năng phản ứng, không có khả năng trả đũa nên không phải là nhẫn nhục theo đúng nghĩa của đạo Phật.

Có trường hợp, người ta không phản ứng lại việc người khác chèn ép hay xúc phạm mình không phải vì yếu thế mà không muốn sự việc trở nên phức tạp, để lại hậu quả xấu. Như thế gọi là người biết nhẫn nhục. Câu chuyện về hai đứa bé với một cái bóp nhật được trên đường là một ví dụ.

Một thằng bé trông cũng to con đang đi trên đường, chợt thấy cái bóp của ai đó đánh rơi. Nó vừa nhặt lên xem thì một đứa bé khác, nhỏ hơn nó, ở đâu chạy tới đòi chia đôi số tiền có trong bóp. Nó không chịu vì muốn trả lại cho người bị mất. Đang dùng dằng, bỗng nó nhìn thấy một người đàn ông loay hoay tìm kiếm một vật gì. Hỏi ra, biết cái bóp nhật được là của ông ta, nó vui vẻ trả lại. Người đàn ông mừng quá, mở ra xem. Tất cả tiền bạc, giấy tờ trong bóp vẫn còn nguyên. Ông bèn lấy ra năm chục ngàn để “hậu tạ” nó. Thằng bé dứt khoát không lấy. Nó giải thích ngắn gọn : Nếu con muốn thì đã lấy hết rồi, con không trả lại chú đâu. Nghe vậy, ông ta cảm ơn nó rồi rút rồi đi. Người đàn ông vừa đi khỏi, thằng bé nhỏ hơn nói :

- Mày đưa tao hai trăm ngàn.

- Tiền gì ?

- Vì tao với mày cùng nhặt được, ông ta cho năm chục thì phải chia đôi, mày hai trăm tao hai trăm.

- Lúc này mày không thấy tao trả lại hết cho ông ta rồi à?
- Tao không cần biết, ông ta cho năm chục tức mày hai lăm tao hai lăm, còn trả là việc riêng của mày, tao không biết.

Hai đứa cứ cãi qua cãi lại như vậy một lúc. Thằng nhỏ đòi đánh thằng lớn vì không đưa tiền cho nó. Thằng lớn bỗng đâm đầu chạy. Người ta hỏi nó:

“Chẳng lẽ con không đánh lại nó hay sao mà bỏ chạy?”. Nó trả lời: “Đâu có, nếu con đánh lại là nó chết, con phải chạy để đừng đánh nó”.

Đó chính là sự nhẫn nhục đúng nghĩa. So sánh với trường hợp thứ nhất, chúng ta thấy có sự khác biệt. Sở dĩ người tù bị cai ngục đánh mà phải cắn răng chịu đựng vì anh ta biết rằng mình không làm gì được người ta, quyền hành nằm trong tay họ. Trường hợp này, đứa bé lớn thừa khả năng đánh lại nhưng nó không đánh.

Như vậy, người có khả năng mà vẫn chịu đựng, không phản ứng, không trả đũa là người có sức nhẫn nhục rất cao. Trong cuộc sống, ta gặp không ít trường hợp chịu đựng bởi không dám hoặc không đủ sức phản ứng, nhưng trong lòng vẫn nuôi ầm ứ, chờ cơ hội phục thù: “rồi sẽ biết tay ta”. Đó không còn là nhẫn nhục nữa.

Chúng ta cần phân tích tâm để thấy sự khác nhau giữa hai trường hợp này. Tất nhiên, đây là điều không đơn giản. Vì cái khó là ở việc phân tích hai cái tâm. Một bên vì yếu thế nên phải nhịn nhưng trong tâm luôn luôn muốn trả đũa. Tâm muốn trả đũa khi bị người khác xúc phạm là tâm rất mạnh. Một bên thừa khả năng, dư thế lực mà vẫn nhịn, không trả đũa do tâm vui làm mất đi ước muốn trả đũa. Đa số chúng ta đều bị tâm trả đũa thôi thúc. Hễ bị xúc phạm, chúng ta muốn phản ứng lại ngay. Bởi vậy, tâm không trả đũa là tâm rất quý. Gốc nhẫn nhục là ở nơi tâm ấy.

Người tu hành phải tu làm sao trong thâm sâu của tâm không còn ý muốn trả đũa nữa ngay cả trong trường hợp dư thế lực. Như thế, chúng ta đã thành tựu được nhẫn nhục, không phiền não, không giận hờn, không phản ứng ..., dù mình dư điều kiện để làm điều đó. Những người thoát được tâm muốn trả đũa rất đáng được ngợi ca, trân trọng.

Nhẫn nhục là phẩm chất của người biết tự trọng, biết giữ phẩm giá, không sợ hãi, nhưng giữ lòng bình thản tha thứ. Chỉ những người tu tập hạnh Vô Ngã khiêm hạ, tự xem mình là cỏ rác mới nhẫn nhục được. Chúng ta biết rằng, bao nhiêu công hạnh Đạo đức đều tập trung ở ba tâm hạnh ban đầu là Tôn kính Phật, Từ bi và Khiêm hạ. Từ ba tâm này, vô số tâm hạnh khác được mở ra.

Nhẫn nhục có liên quan đến tâm khiêm hạ. Người thấy mình như cỏ rác, cát bụi sẽ dễ nhẫn nhục hơn. Bởi vậy, mỗi đêm khi ngồi thiền, chúng ta đều quán mình là cát bụi, là cỏ rác. Khi bị người khác chửi mắng, xúc phạm, chúng ta sẽ bình thản, không thấy gì đáng giận nữa. Thậm chí, khi có người

mắng mình là chó, mình vẫn không giận. Có khi còn trả lời nhẹ như không khiến người ta phải bất ngờ: “Bạn nói không đúng sự thật, nếu là chó vẫn còn lớn lắm, thực ra tôi là cát bụi, cỏ rác”...

Người ta kể rằng, vua Phillippe xứ Macédoine, cha của Alexandre Đại đế (người từng đem quân đi đánh từ Hi Lạp qua Ấn Độ, chiếm cả một vùng đế quốc rất rộng lớn qua Trung Đông, Ai Cập đến Ấn Độ) là người rất tinh tế. Ông cho rằng, bệnh chung của tất cả các ông vua trên thế giới này là kiêu ngạo. Bởi vậy, ông dặn người hầu đứng ở đầu giường, mỗi buổi sáng, khi ông vừa thức dậy, câu phải nói với ông đầu tiên là: Philip, người phải nhớ rằng người chỉ là một con người tầm thường mà thôi. Làm như vậy là ông muốn nhắc nhở mình suốt cuộc đời ông không được kiêu ngạo. Vì kiêu ngạo thường đem lại thất bại cho con người. Vì thế, trong cuộc đời làm vua, ông trị dân rất thành công. Con trai ông là Alêchxăng Đại đế, từng chinh phục khắp nơi cũng là người đa mưu, túc trí.

Thời đó, vua Philip muốn cất quân sang đánh chiếm một nước lân cận. Thấy nguy cơ vua Philip sẽ xâm lược đất nước mình, trong khi dân chúng lo vui chơi không phòng bị, nhà hùng biện Demothène đã đứng lên hô hào, kêu gọi dân chúng đoàn kết, rèn luyện để chống lại kẻ thù. Ông mặc tạt nói ngọng nên hằng ngày, ông ra bờ biển để viên sỏi lên lưỡi gào thét với sóng biển để luyện giọng. Cứ như thế, sau này ông đã trở thành một nhà hùng biện nổi tiếng thời cổ. Ông đứng giữa đô thị khuyên dân chúng phải biết tai họa mà vua Philip sắp giáng xuống đất nước mình. Thám tử của vua Philip ghi lại tất cả những lời Demothène nói trước dân chúng và mang về trình cho vua Philip xem. Đó là những lời công kích gay gắt vua Philip. Đọc xong, nhà vua không giận lại khen Demothène nói hay: “Trẫm mà trực tiếp nghe những lời này chắc trẫm cũng chống lại chính mình”. Tuy vậy, vua Philip vẫn cất quân sang đánh và thắng lợi vẻ vang. Ông chiến thắng bởi ông là một ông vua, vừa là một nhà minh triết. Cái sáng suốt của ông không chỉ thể hiện ở sự khôn ngoan, ở chiến thuật bên ngoài mà còn thể hiện ở sự kiểm soát trong tâm của mình. Người ta khâm phục vua Philip là như vậy.

Giỏi việc bên ngoài mà vẫn kiểm soát được tâm bên trong, đó là điều rất hay mà người tu theo đạo Phật cần để ý. Khi trở nên giỏi giang, gánh vác được mọi việc, chúng ta phải thường xuyên kiểm soát tâm mình, nhất là tâm kiêu mạn. Như vậy, tâm khiêm hạ là nền tảng để chúng ta tu tập được những tâm này.

d) Có trường hợp nhẫn nhục vì từ bi:

Chúng ta từng nghe câu chuyện vị vua tiền thân của Phật, bỏ ngai vua để dân chúng thoát khỏi cảnh chiến tranh. Ông nhường nước của ông cho vua nước địch. Đức Phật vô lượng kiếp từng làm vua do Ngài có phước lớn. Ngài làm vua cai trị thiên hạ với tất cả lòng thương yêu. Lúc bấy giờ, dân số vẫn còn ít

nên vua thường trực tiếp đến thăm từng người dân. Ai có chuyện gì, Ngài đều chăm sóc chu đáo. Do ngân quỹ quốc gia thường dành cứu trợ dân nên nhà vua không trang bị cho việc võ bị quân sự. Lực lượng, quân sự của Ngài rất yếu. Nước láng giềng biết điều đó nên cất quân sang đánh chiếm. Khi thám tử ở biên giới chạy về cấp báo, vua ngồi suy nghĩ rất lâu. Ngài thấy rằng, nếu chống lại chắc chắn chín mươi phần trăm thất bại thuộc về nước mình. Như vậy, sự hy sinh xương máu của dân chúng là quá lớn. Hơn nữa, vị vua kia cũng là người biết cai trị dân. Nghĩ vậy, Ngài đã hạ lệnh cho quân sĩ không cầm vũ khí. Các quan tướng, lính tráng mở cửa thành đứng hai bên chờ quân nước kia tiến tới. Xong đâu đấy, Ngài nhảy lên lưng ngựa chạy trốn.

Khi dẫn quân âm âm kéo đến, ông vua nước kia vô cùng ngạc nhiên khi thấy dân chúng yên lặng, binh sĩ không ai chiến đấu. Ông tiến vào thành, quan lại cũng đứng yên như đang đón tiếp. Ngài vàng trông rỗng, hỏi ra mới biết ông vua kia đã chạy mất rồi. Ông ngửa mặt lên trời cười và nói rằng : “Thằng kia nghe tiếng đã sợ chạy mất rồi, nhưng biết đâu nó lại kết tập lực lượng, quay lại đánh mình”. Ông ra lệnh truy nã và hứa sẽ trọng thưởng cho ai bắt được vị vua này.

Sau khi rời thành, Ngài đi lang thang trong rừng, đào củ, ăn lá cây sống cho qua ngày. Quần áo Ngài cũng đã rách rưới trông thật thảm hại. Một hôm, trên đường rừng, Ngài gặp một người Bà la môn. Người ấy hỏi thăm Ngài có biết đường về kinh thành xứ đó hay không. Ngài hỏi : “Để làm gì ?”. Ông ta trả lời : “ Dạ, tôi nghe đồn ông vua trị vì xứ ấy là người rất tốt, thường giúp đỡ mọi người. Tôi ở xa đến, hoàn cảnh của tôi vô cùng bi đát. Bây giờ, năm sáu bà vợ và mấy chục đứa con tôi đều rơi vào hoàn cảnh như vậy. Nếu không được giúp đỡ, chắc gia đình tôi phải chấp nhận một kết cục bi thảm là chết đói. Nghe tiếng ông vua ấy tốt, tôi quyết tìm đến để được giúp đỡ”. Nghe vậy, Ngài thốt lên: “ Trời ơi, ông vua đó chính là ta đây”. Người Bà la môn ôm nhà vua vừa khóc vừa nói: “ Trời ơi! Tôi đi tìm Ngài để Ngài giúp đỡ tôi, không ngờ Ngài thân tàn ma dại như vậy biết làm sao được”. Suy nghĩ một lúc, Ngài nói: “ Thôi được, ta còn cách giúp người. Người trời ta lại, đem nộp cũng được một món tiền kha khá”. Người đàn ông hoảng hốt: “Trời ơi, làm sao con làm được điều đó”. “Người cứ làm theo lời ta đi. Ta chỉ có một thân, một mình không sao, năm sáu bà vợ với mấy chục đứa con người mới quan trọng”. Nghe Ngài phân tích, người đàn ông xiêu lòng, lấy dây thừng trói vua dẫn về. Ông vua đang ngự trị ngai vàng lúc bấy giờ mừng quá, vì nghĩ sẽ trừ được hậu hoạn. Sau khi ban thưởng rất trọng hậu cho người Bà la môn, ông hỏi : “ Người làm thế nào bắt được hắn? ”. Người Bà la môn kể lại đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong, nhà vua rất xúc động. Ngài không ngờ trên đời này còn có người tốt đến thế, luôn sẵn sàng hi sinh vì

người khác, không nghĩ đến bản thân mình. Ông cảm thấy bao nhiêu năm chinh chiến, tranh giành, chiếm đoạt, mình không cao cả bằng con người ấy, con người lúc nào cũng chỉ biết hy sinh, nhường nhịn. Nhà vua thức tỉnh, Ngài xin lỗi và cởi trói cho vị vua nhân đức kia. Sau khi trả lại ngôi vua, hai bên kết nghĩa bang giao.

Như vậy, hành động của Ngài là biểu hiện của Đức nhân nhục cao cả. Sự nhân nhục ấy xuất phát từ tâm từ bi chứ không vì lợi ích cá nhân.

Từ chuyện vị vua rời bỏ ngai vàng (tiền thân của Đức Phật) ấy, chúng ta liên hệ đến trường hợp vua Trần Thái Tông ở Việt Nam. Khi ông mới lên ngôi, Mông Cổ kéo quân sang xâm lược nước ta. Lịch sử còn ghi lại, vó ngựa Mông Cổ đi đến đâu, cỏ cây không mọc được đến đó. Quân Mông Cổ rất hùng mạnh. Chúng đem quân xâm chiếm khắp nơi, từ châu Á đến châu Âu. Bởi vậy, khi nghe tin Mông Cổ sắp đem quân sang đánh nước ta, vua Trần Thái Tông rất lo sợ. Ngài nghĩ rằng, nếu đương đầu với chúng, chắc chắn sẽ tẩm máu không biết bao nhiêu sinh linh vô tội. Ngài bàn với Thái sư Trần Thủ Độ nên đầu hàng cho muôn dân thoát khỏi cảnh núi xương sông máu. Ông Trần Thủ Độ trả lời một cách cương quyết : “ Nếu Bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu thần đi đã”. Lúc đó, ông Trần Thủ Độ cương quyết chiến đấu vì ông có niềm tin là mình sẽ chiến thắng. Dù có quyết đoán và đôi khi thủ đoạn, nhưng quyết tâm của ông đã giúp chúng ta chiến thắng quân Mông Cổ, mở ra một trang sử oai hùng trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Cho đến bây giờ, thế giới vẫn chưa hết băn khoăn, không hiểu vì sao một đất nước nhỏ bé như Việt Nam lại chiến thắng được quân Mông Cổ. Người ta đặt vấn đề nghiên cứu lại những bài học chiến thắng quân Mông Cổ của Việt Nam.

Chúng ta đã ba lần chiến thắng quân Nguyên Mông. Hai lần sau là công của vua Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông. Có nhiều nguyên nhân đem lại những chiến thắng vẻ vang ấy. Trong đó có một nguyên nhân vô cùng quan trọng là cuộc kháng chiến được dẫn dắt bởi những vị minh quân, có đạo đức cao dày. Trong “ Bạch Đằng giang phú”, ông Trương Hán Siêu đã ngợi ca:

Anh minh hai vị Thánh quân

Sông đây rửa sạch mấy lần giáp binh

Giặc tan muôn thuở thanh bình

Bởi đâu đất hiểm, cốt mình đức cao.

Trương Hán Siêu là một mưu thần của Hưng Đạo Vương, cùng với Vương vạch ra những quyết sách đánh giặc, nhưng lại cũng là người thâm lặng ít bộc lộ.

Một điều chúng ta phải ghi nhận là các bậc vua quan đời Trần: Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Thủ Độ, Trần Hưng Đạo... đều ngưỡng mộ đạo Phật. Họ đều là những Thiền sư, có đạo đức.

Trần Hưng Đạo là người có sở đắc tâm linh rất sâu. Ông có đạo đức, có tu tập, và có công lớn với đất nước. Vì thế, người đời tôn thờ ông như một vị Thánh (Đức Thánh Trần).

Như vậy, việc Trần Thủ Độ cũng như các đời vua Trần sau này quyết tâm chiến đấu chống Mông Cổ mà không nhần nhục là đúng hay sai ? Phải chăng, hành động chống lại ngoại xâm một cách ngoan cường như vậy là không đúng với hạnh nhần nhục của đạo Phật ?

Ở đây, chúng ta cần lưu ý một điều, ở vào hoàn cảnh của các vị ấy thì không thể nghĩ đến cá nhân nữa mà phải đặt vấn đề đại thể, vấn đề của quốc gia, dân tộc. Cho nên, vị vua (trong câu chuyện tiền thân Đức Phật) nhần nhục là vì dân. Các vua Trần quyết đánh cũng vì dân chứ không phải vì sự nghiệp của riêng mình.

Vẫn biết rằng, nhần nhục là Đạo đức cao quý mà mỗi chúng ta phải tu tập, rèn luyện nhưng không phải trong bất kỳ tình huống nào chúng ta cũng nhần nhục. Chúng ta cần lưu ý đến quyền lợi của nhiều người mà có thái độ ứng xử phù hợp. Với bản thân mình, một khi đã tu hạnh vô ngã, khiêm hạ thì chúng ta sẽ nhần nhục được. Nhưng khi biết thái độ, quyết định của mình có liên quan đến quyền lợi của mọi người, chúng ta phải cân nhắc. Trong đánh giá người khác cũng vậy, chúng ta phải xem thái độ ứng xử của họ liên quan đến lợi ích cá nhân hay quyền lợi của nhiều người, không được đánh giá một cách phiến diện, một chiều.

3. Nhần nhục là biết trả cho hết nghiệp:

Trong vô lượng kiếp luân hồi, chúng ta đã tạo rất nhiều nghiệp. Có thể trong vô lượng kiếp trước, chúng ta đã gây ra không biết bao nhiêu điều không tốt, làm khổ không biết bao nhiêu người. Vì vậy, chúng ta hãy nghĩ rằng, mình có mặt trên cuộc đời này là để trả cho hết những nghiệp đó. Nếu gặp khó khăn, trắc trở trong cuộc sống, chúng ta cũng phải nhần nhục, chịu đựng để trả những nghiệp mà mình đã gây ra trong quá khứ. Đó là sự công bình.

Chúng ta chỉ mong như vậy thôi, mong nhần nhục tu hành để thành Con người đúng nghĩa, đừng nghĩ đến điều gì xa xôi, tu để thành Thánh, hay thành Bồ Tát. Có những nghiệp chúng ta đã tạo nên trong quá khứ, kiếp này hiện ra cho chúng ta trả. Nhưng cũng có những nghiệp không hiện ra kiếp này, mà hẹn đến mấy kiếp sau. Đừng nghĩ hễ kiếp này gieo điều gì, chúng ta trả liền ngay điều đó. Có những nghiệp hẹn đến năm mươi kiếp sau, có khi một trăm kiếp sau, chúng ta mới gặp nhân duyên để trả.

Chúng ta còn nhớ chuyện ngài Triệu Thố Viên án- Ngô Đạt Quốc sư trong Thủy Sám. Mười đời trước khi làm Ngô Đạt Quốc sư, Ngài đã từng làm Viên án. Vì tâu oan, Ngài đã giết chết một người. Oan hồn theo đuổi mãi đến mười kiếp mới báo thù được, bằng cách nhập vào thân Ngài làm thành mặt ghê mặt người khiến Ngài đau đớn vô cùng.

Như vậy, không phải mỗi nghiệp đều được trả liền. Không ai trong chúng ta lại không từng gây nghiệp. Có nhiều nghiệp, chúng ta đã tạo nên trong vô lượng kiếp quá khứ nên bây giờ phải có sức mạnh chịu đựng, trả cho hết những nghiệp ấy. Biết vậy, khi bị xúc phạm đến bản thân, chúng ta phải chịu đựng, không phản ứng, không oán thù để tránh tạo thêm tạo thêm nghiệp mới, tạo thêm oan trái mới cho đời sau.

Có câu chuyện tiền thân của Phật lúc còn là Đạo sĩ tu trong rừng. Thời đó có một ông vua tên là Ca Lợi. Một hôm, ông cùng các cung nữ vào rừng dạo chơi. Khi mọi người tản ra dạo chơi, ngắm cảnh, các cung nữ đến bên đá thấy một Đạo nhân đang ngồi bất động, gương mặt an tĩnh, hiền lành. Các cô liền đặt cây trái lên cúng dường, đánh lễ và hỏi pháp. Vị Đạo sĩ thuyết pháp cho các cô nghe. Lần lượt, các cung nữ khác đến rất đông, ngồi quanh vị Đạo sĩ để nghe thuyết pháp. Lúc đó, nhà vua đang dạo chơi bỗng nhận ra xung quanh mình không còn một ai. Ông đi tìm và bắt gặp hình ảnh một Đạo sĩ ngồi giữa đang say sưa nói, chung quanh là các cung nữ yêu quý của mình chăm chú lắng nghe. Lòng tự ái nổi dậy (cũng là nghiệp xưa nay đã đến lúc đòi), ông hỏi Đạo sĩ một cách xác xược : “ Ông ở đây làm gì ?”. Đạo sĩ trả lời: “Thưa Đại vương, tôi ở đây tu hạnh nhẫn nhục” . “Được”, vua vừa nói vừa rút gươm ra chặt đứt cánh tay phải của ngài Đạo sĩ. Cánh tay rơi xuống, máu tuôn xối xả. Vua hỏi: “ Sao, nhẫn được không?”. Đạo sĩ trả lời: “Thưa Đại vương, tôi nhẫn được”. Ông vua vung gươm lần nữa, cánh tay trái rơi xuống. Ông lại hỏi: “Sao, nhẫn được không?”. “Thưa Đại vương, tôi nhẫn được”. Nhà vua lại vung gươm lên chém và hỏi: “Sao nhẫn được không?”. “Dạ được”. Vua lại vung gươm lần nữa và hỏi “Nhẫn được không?”. Đạo sĩ vẫn bình thản: “Dạ nhẫn được”. Lúc này, hình như nghiệp quá khứ đòi xong rồi, nhà vua bỗng thấy hối hận. Ngài buông gươm quỳ xuống trước mặt Đạo sĩ xin sám hối.

Máu ra nhiều quá không cứu được, vị Tiên nhân đã chết. Trước khi nhắm mắt, Ngài nói: “Tôi nhẫn nhục được, tôi không oán thù Đại vương, tôi vẫn thương yêu Đại vương như mọi người, và tôi nguyện sau này khi thành Phật, người đầu tiên tôi độ sẽ là Đại vương.”

Quả thật, sau này thành Phật, Ngài đã độ cho vị vua ấy. Kiền Trần Như, người đệ tử đặc A La Hán đầu tiên chính là ông vua đã chém Ngài khi xưa. Ngài đã giữ lời hứa, không oán thù vì Ngài hiểu đó là nghiệp quá khứ mà mình phải trả.

Các vị Bồ tát nhẫn nhục vì hơn ai hết, các Ngài nhớ đích xác mình đã làm gì, chuyện đã xảy ra ở đâu, bây giờ là lúc phải trở lại trả nghiệp... Vì vậy, các Ngài không bao giờ giận, cũng không động tâm, không phiền não. Chúng ta cũng vậy, đã gây ra nhiều nghiệp từ quá khứ, bây giờ gặp lại những oan trái, phải biết kiên nhẫn chịu đựng. Đó là thái độ đúng nhất của người đệ tử Phật.

Ví dụ, khi gặp một người nào đó, dù chúng ta không làm điều gì sai trái nhưng tự nhiên họ ghét mình cay đắng, chúng ta cảm thấy rất khổ tâm. Nhưng đến lúc nào đó, trong một giấc mơ bất chợt chúng ta thấy được trong tiền kiếp đã có oan trái với họ. Có thể mình với họ đã từng gặp nhau trong chiến trận, Khi đó, mình là người chiến thắng, hả hê vui sướng, còn họ thất bại ôm buồn giận cho đến kiếp này. Bởi vậy, khi gặp lại, họ thù ghét và tìm cách hại mình đủ điều. Vì giấc mơ đã hiện ra cho biết điều đó nên bây giờ chúng ta hiểu và không còn buồn giận nữa. Đây là trường hợp nhần nhục do nhớ đích xác được nghiệp quá khứ mình đã gây ra.

Thời Đức Phật, tại làng nọ có một gia đình sinh được một cô con gái rất xinh đẹp. Người cha biết coi tướng số. Nhìn con gái quý tướng đầy đặn, ông nói rằng, con gái ông phải làm đến ngôi Hoàng hậu, nghĩa là danh vọng tột đỉnh. Bởi vậy, ông phải kén một chàng rể hoàng, danh giá. Đang trong giai đoạn kén rể, một hôm trên đường đi, cô gái gặp Đức Phật đang đi khát thực. Nhìn Ngài, cô ngạc nhiên quá đỗi vì không ngờ trên đời này lại có một người đẹp trai, hảo tướng đến như vậy. Cô vội vàng chạy về nói với cha: “Thưa cha, con đã gặp người xứng đáng”. “Người đó như thế nào?”. “Con người vô cùng tốt, vô cùng đẹp, tướng vô cùng quý, chỉ có điều là đang đi tu” Ông nói: “Để cha xem sao”. Nói rồi, ông đi vào rừng hướng về nơi Đức Phật đang đi. Đức Phật biết được tâm ông ta nên dùng thần thông in lại dấu chân Ngài lên mặt đất (bình thường Ngài đi rất nhẹ).

Bàn chân Đức Phật có một cái xoáy ở giữa, như là bánh xe pháp. Khi vào rừng, nhìn thấy dấu chân, ông già nói: “Không xong rồi” và quay về. Ông nói với vợ: “Không được rồi bà ơi, người này là vị Thánh, bàn chân rất đầy lại có xoáy ở giữa”. Bà vợ thương con gái quá nên thuyết phục chồng : “Thôi kệ, Thánh thì Thánh, tu thì tu, cũng có thể làm vua được. Con mình đã thích rồi, đừng để nó buồn”. Hai vợ chồng cùng với con gái dắt nhau vào rừng gặp Ngài. Lúc ấy, Đức Phật đang bình lặng ngồi Thiền. Ông già đứng chào và nói: “ Thưa ông, tôi là người giàu có ở làng này, tôi có một đứa con gái duy nhất, sắc đẹp của nó cũng không thua kém ai. Đã đến lúc cần phải chọn cho nó một nơi xứng đáng để gởi tấm thân. Nó có quý tướng đặc biệt. Thấy Ngài cũng rất quý, tôi muốn chọn Ngài làm con rể. Mặc dù Ngài đang tu hành, nhưng nếu Ngài đồng ý về làm rể của tôi thì Ngài sẽ được tất cả”. Ông huyền thuyên, hứa hẹn rất nhiều. Đức Phật trả lời: “ Từ rất lâu, Như Lai đã vứt bỏ tất cả mọi tham muốn tầm thường ở thế gian này. Ái dục chỉ làm cho người ta đau khổ. Còn tấm thân gọi là đẹp, mỹ miều có nghĩa lý gì đâu. Đó chẳng qua là cái túi da mỹ miều chứa đựng bên trong những điều hôi thối. Một ngày kia, thân sẽ già nua, tàn tạ héo úa, da sẽ nhăn nheo, tóc bạc, mắt tí hí, lưng còng...Nếu nhìn kỹ bản chất, sẽ không có gì là đẹp, đừng chấp vào sắc đẹp. Như Lai từ lâu đã vượt qua những ham muốn tầm thường

như vậy”.

Biết không thuyết phục được, hai vợ chồng tiu nghỉu ra về. Cô gái nghe vậy, không hiểu rõ đó là đạo lý, cứ tưởng rằng người kia chê mình xấu, chửi mình bên ngoài đẹp để mỹ miều nhưng bên trong hôi thối. Cô đâm ra giận và nuôi lòng oán hận. Quả thật, ông già coi tướng đúng. Sau này vua Udena (tức vua U Điền) rước bà về làm Hoàng hậu. Nhưng trong lòng bà vẫn nuôi mối căm thù đó.

Một lần, nghe tin Đức Phật tới xứ mình, bà ra lệnh toàn dân đứng hai bên đường để chửi Ngài. Lúc đó, đường xá rất hẹp. Người đứng hai bên chỉ tay vào gần chạm mặt Ngài. Cứ thế, họ xếp hàng hai bên chửi mắng Ngài thậm tệ. Ai chửi hay đều được Hoàng hậu trọng thưởng. Ngài A Nan đi với Ngài không chịu nổi cảnh người ta xúc phạm Đức Phật bèn thưa:

- Bạch Thế Tôn, dân xứ này không ưa mình, thôi chúng ta đi nơi khác.
- Đi đâu, nếu nơi đó người ta chửi nữa thì sao?
- Dạ, mình đi chỗ khác nữa.
- Nếu đi nữa cũng gặp người ta chửi thì sao?
- Dạ, mình lại đi nữa.

Đức Phật nói:

- “Không phải, nghiệp xuất hiện chỗ nào sẽ hết ở chỗ đó”.

Nói rồi, Ngài ôm bình bát đi tiếp. Nơi nào có người đang chờ Ngài đến để chửi, là Ngài đến nơi đó. Cứ thế, nghe người ta chửi chỗ này xong, Ngài lại đến chỗ khác tiếp tục nghe chửi. Ngài A Nan vẫn lẻo đẻo theo sau để được nghe chửi cùng Ngài.

Ngày hôm đó, không ai cúng vật gì, hai thầy trò nghe chửi no và nhịn đói trở về. Hôm sau, vẫn ôm bình bát, Ngài đi vào làng. Dân chúng cũng đứng xếp hàng chờ chửi. Không một chút ngần ngại, Ngài đến ngay những chỗ họ đang đứng. Qua hết con đường này, rồi lại đến con đường kia, người người đang đứng chờ Ngài để chửi, Ngài vẫn không nói gì. Thêm một ngày nữa, Ngài nhịn đói để nghe chửi rồi trở về nhà.

Ngài A Nan vô cùng đau khổ. Đến ngày thứ tư, dân chúng bắt đầu không chửi nổi nữa. Thấy Ngài vẫn tiếp tục ôm bình bát đi một cách thông dong, họ chỉ đứng nhìn với ánh mắt ngạc nhiên pha lẫn niềm thán phục mặc cho Hoàng hậu ra lệnh tiếp tục chửi. Ngài cứ lặng lẽ đi. Người ta cứ lặng lẽ nhìn. Thấy dân chúng không chửi nữa, Hoàng hậu hạ lệnh quyết liệt hơn. Cũng chỉ được một vài người chửi một hai câu rồi dừng lại. Họ không dám chửi nữa vì nhìn thấy gương mặt của Ngài rạng rỡ, bình an, mà từ bi quá. Dần dần, Ngài đã hoá độ được dân chúng xứ này.

Sở dĩ Đức Phật nhẫn nhục phi thường như vậy vì Ngài biết trong một kiếp xa xưa nào đó, Ngài đã xúc phạm đến danh dự của người khác. Không chỉ xúc phạm Hoàng hậu, Ngài còn chạm đến dân xứ đó. Chuyện người ta đến

đòi hỏi cưới xin chỉ là một cái mồi, một cái duyên của hiện tại để quả báo xuất hiện. Đó không phải là Nhân chánh. Cái Nhân chánh đã nằm ở nhiều kiếp trước, lúc Ngài xúc phạm cả một xứ dân.

Chúng ta không nên nhằm lẫn nhẫn nhục với thái độ ươn hèn, cầu an, ích kỷ khi nhìn thấy người khác bị ức hiếp, bị nguy hại.

Chẳng hạn, trên đường đi gặp tên cướp đang giật dây chuyền của một cô gái, chúng ta không được nhẫn nhục mà bỏ qua. Đó là thái độ ươn hèn, cầu an, ích kỷ, chứ không phải nhẫn nhục. Trong trường hợp này, nếu có học được môn võ nào, chúng ta hãy làm người anh hùng cứu giúp người ta. Nếu lượng sức mình không làm nổi, chúng ta phải tri hô, kêu cứu để mọi người giúp đỡ. Hãy nhớ rằng, nhẫn nhục chỉ vì mình là điều đơn giản, nhưng liên quan đến người khác chúng ta phải cẩn thận, cần chọn thái độ ứng xử thích hợp.

Lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã chứng minh điều ấy. Không phải lúc nào cha ông ta cũng nhẫn nhục. Dù rất yêu chuộng hòa bình, nhưng khi cần thiết, nhân dân ta cũng đứng lên chiến đấu ngoan cường để bảo vệ nền độc lập, tự do cho dân tộc. Có những người có thể được chúng ta cảm hóa bởi thái độ nhẫn nhục. Khi họ nặng lời, xúc phạm, chúng ta vẫn hiền lành, nhẫn nhục, dần dần họ đổi tâm thương cảm. Nhưng với không ít người, chúng ta cần có thái độ nghiêm khắc để dạy cho họ bài học, ngăn không cho họ tiếp tục gây ra lầm lỗi. Bởi những người ấy thường có bản chất hung dữ. Thấy chúng ta nhẫn nhục, họ tự rút ra một chân lý, sống ở đời muốn thành công phải hung dữ, phải biết lấn lướt người khác giành quyền lợi về mình. Chúng ta từng nghe những kẻ không có lương tri quan niệm: “Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ” hoặc “Mạnh được yếu thua”. Với những con người như vậy, đức nhẫn nhục của chúng ta không thể cảm hoá được, nên phải có thái độ rõ ràng, dứt khoát kéo đôi khi sự nhẫn nhục của mình lại gây nên tai họa cho người khác. Đối với kẻ thù xâm lược, nhẫn nhục càng không đem lại hiệu quả, chúng ta cần mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn vì bản chất của bọn xâm lược, dù ở bất kỳ thời đại nào, cũng đều tàn bạo.

Có khi rơi vào hoàn cảnh khốn cùng, sức khỏe hao tổn mà vẫn đủ ý chí chịu đựng, đó là con người dũng, có hùng lực. Người tu chúng ta cần được như vậy. Dù gặp hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn, khổ sở, bệnh hoạn... tâm chúng ta vẫn không lay chuyển, không mất ý chí, không từ bỏ lý tưởng.

4. Cái nhẫn của người có tu tập thiền định:

a) Người đạt được Sơ thiền, khi bị xúc phạm, thường không động tâm.

Người ngoài nhìn vào thấy họ rất trầm tĩnh, không động tâm và cho là họ rất nhẫn. Nhưng thực chất, họ không cảm thấy mình nhẫn vì tâm không có bụi phiền não khởi lên. Họ rất bình thản, bình an. Khi chúng ta nói họ rất nhẫn nhục dù bị xúc phạm, họ cho rằng không có gì để nhẫn. Đó là sức mạnh của

Thiền định. Người chứng từ Sơ thiền trở lên bắt đầu có được điều đó.

b) Tâm nhẹ nhàng nên có thể khởi thành từ bi hoặc khôi hài để hóa giải thù oán. Thường khi gặp nghịch cảnh, gặp chuyện trái lòng, chúng ta phải chịu đựng. Nếu sức chịu đựng chưa mạnh, chúng ta phải dùng hết cả tâm mình để chịu đựng. Như vậy, chúng ta không còn tâm để làm được gì nữa.

Ví dụ, có người nào đó vô cớ chửi mắng mình. Họ rất thô lỗ, giận dữ, nói những lời xúc phạm. Lúc đó, chúng ta cũng nhin, cũng chịu đựng, cúi đầu im lặng, nhưng sự chịu đựng đó che hết cả tâm. Chỉ chịu đựng thôi cũng gọi là nhẫn nhục, nhưng như vậy, Đạo lực của chúng ta chưa nhiều.

Ngược lại, có trường hợp bị xúc phạm, chúng ta chịu đựng nhưng tâm còn “dư”, nghĩa là chúng ta không phải dùng nhiều tâm lực để chịu đựng. Lúc đó, chúng ta có thể nghĩ ra điều gì vui vẻ, nói một câu khôi hài để hoá giải sự căng thẳng.

Một ví dụ đơn giản nhất: Hôm nay đến phiên mình nấu cơm, không hiểu sao Sư huynh luôn tỏ ra khó chịu, cứ phiên trách mình ngay trước mặt các cư sĩ. Khi thì Huynh chê cơm sống, khi cho rằng nấu thức ăn không ngon....Lúc ấy, sức chịu đựng của mình cũng cao, mình bèn khôi hài một câu: “Vậy mà hôm qua có người khen em giống Sư huynh đó”. Nghe vậy, tất cả mọi người cùng cười. Chính câu nói đùa rất đúng lúc này đã làm mất đi không khí căng thẳng ban đầu. Trong hoàn cảnh như vậy, chúng ta vẫn nghĩ được câu khôi hài là do tâm mình còn “dư”, không phải là sự chịu đựng quá sức đến nỗi che hết cả tâm, khiến chúng ta cúi đầu chịu đựng, ôm buồn khổ trong lòng.

c) Người xuất gia phải có khả năng nhẫn nhục cao độ để làm gương cho Phật tử. Nếu vào chùa, thấy chúng ta phiên trách nhau, nói qua nói lại, giận hờn nhau, Phật tử sẽ cho là chúng ta tu chưa tốt, chùa không thanh tịnh, họ sẽ nản chí, và dễ thoái tâm. Bởi vậy, nhiều khi nghĩ đến thể diện của chùa, chúng ta phải nhẫn nhịn. Đó cũng cũng là công đức lớn. Trong hoàn cảnh khó khăn, Phật tử thấy chúng ta vẫn bình thản, vẫn chịu đựng được, họ sẽ tin ở Phật Pháp.

Trước khi nhẫn nhục được bằng Thiền định, chúng ta nên tập nhẫn nhục bằng tư duy chân chính.

Ví dụ, khi bị người ta mắng chửi, chúng ta nhin vì nghĩ theo Nhân quả, chắc đây là là chuyện oan gia đòi trước, do mình đã từng xúc phạm đến họ nên bây giờ họ mắng lại. Đó là tư duy thứ nhất, theo Nhân quả mà nhin. Tư duy thứ hai, chúng ta biết ơn người này vì nhờ họ chửi mắng mà mình tập được sức chịu đựng. Đây là thiện trí thức nhắc chúng ta nhớ lúc nào mình cũng là cỏ rác, là cát bụi. Hoặc có khi đó là suy nghĩ, nhờ sự nhẫn nhịn của mình mà người ta hiểu ra và được cảm hóa. Đây là vì từ bi mà nhin. Cao hơn, chúng ta nhin vì nghĩ đến thể diện của chùa, của Phật pháp, đến niềm tin của Phật tử. Công đức của sự nhin nhục vì mục đích này rất lớn. Như vậy, trước khi

đạt được Thiên định để có được nhẫn nhục tự nhiên, chúng ta nên nhẫn nhục bằng tư duy.

Cần phân biệt từng trường hợp để thực hiện nhẫn nhục một cách đúng nghĩa. Trước sự công kích của người khác, lúc nào chúng ta cũng phải bình tĩnh suy xét, xem người ta nói sai hay đúng. Nếu thấy điều người ta phê bình, công kích là đúng, chúng ta nên dừng việc đang làm lại, thay đổi và tìm cách sửa sai. Chúng ta cần tránh cả hai thái độ: phản ứng, chống lại một cách gay gắt hoặc im lặng, không để ý đến lời người khác. Biết sai mà vẫn cố gắng đến cùng sẽ rơi vào bệnh chủ quan duy ý chí, cuối cùng chuốc lấy thất bại thảm hại. Trường hợp thấy việc mình làm hoàn toàn đúng, người ta góp ý, chỉ trích sai, chúng ta vẫn chịu đựng sự công kích của họ để tiếp tục công việc đang làm. Như vậy gọi là giữ lập trường kiên định.

Nói đến nhẫn nhục, người ta thường nhắc lại câu chuyện nổi tiếng: “Tây Thi- Nữ hoàng Ngô quốc”. Thời đó, Ngô Vương Phù Sai đem quân đánh chiếm nước Việt (không phải Việt Nam bây giờ) và bắt Việt Vương Câu Tiễn về làm nô lệ. Đó là mối nhục lớn đối với một vị vua. Việt Vương Câu Tiễn ngày ngày vẫn hầu hạ vua Ngô một cách chu đáo, tận tụy. Thậm chí, một lần Phù Sai bị bệnh rất nặng, các Thái y hoang mang không biết phải làm thế nào, Câu Tiễn đã xin được ném phân Phù Sai để định bệnh. Việc làm của Câu Tiễn khiến vua Phù Sai và các quan trong triều vô cùng cảm phục. Ngô Vương Phù Sai tin rằng vua nước Việt đã hoàn toàn quy phục, không còn ý định trả thù. Sau khi khỏi bệnh, Phù Sai cho Câu Tiễn trở về nước. Việt Vương Câu Tiễn hằng năm vẫn dâng cống phẩm đều đặn cho vua Ngô. Lúc đầu là vàng bạc, châu báu, sau là các loại gỗ quý để vua Ngô xây Cô Tô đài, cuối cùng là tiến cống mỹ nhân để vua vui chơi giải trí. Trong số các mỹ nhân được dâng nạp có nàng Tây Thi sắc đẹp “nghiêng thành, đổ nước”. Một mặt, vua Câu Tiễn dặn những người đẹp phải làm cho Ngô Vương Phù Sai mê đắm, suốt ngày vui chơi trong Cô Tô đài mà quên hết mọi công việc triều chính. Một mặt, ông củng cố binh lực và rèn luyện ý chí bằng cách “nằm gai nếm mật”. Khi thời cơ đến, quân đội của Câu Tiễn kéo sang đánh, Phù Sai không kịp trở tay. Cả thành Cô Tô chìm trong biển lửa và Phù Sai cũng chết một cách bi thảm.

Giai đoạn làm nô lệ cho Phù Sai, Câu Tiễn đã nhẫn nhục chịu đựng một cách đáng khâm phục. Nhưng đó không phải là sự chịu đựng nhẫn nhục của đạo Phật. Đó là sự thâm hiểm, nhẫn nhục nhằm mục đích trả thù.

Hàn Tín ngay từ nhỏ đã bộc lộ tài năng thiên bẩm. Ông rất giỏi về quân sự, nghiên cứu binh thư đồ trận, gặp ai cũng bàn bạc. Một lần, ra chợ, ông ta gặp một kẻ du côn. Hắn đứng dạng chân và yêu cầu ông phải chui qua, nếu không hắn sẽ giết. Hàn Tín suy nghĩ một lát rồi chui qua. Người kia cười đắc chí. Hắn cho rằng, như vậy không phải anh hùng. Nếu thực sự là anh hùng

thì thà chết chứ không chịu nhục. Hấn không biết rằng Hàn Tín là con người nuôi chí lớn. Con người ấy sẵn sàng nhịn nhục để bảo toàn thân mình, tránh rắc rối với những việc trước mắt, dấu điểm khả năng võ nghệ siêu phàm của mình để sau này còn làm được việc lớn trong thiên hạ. Sau này, được làm tướng, chẳng những không giận, ông còn thưởng cho người kia. Ông muốn cho thiên hạ biết mình không phải là kẻ tiểu nhân. Đây là trường hợp người có chí lớn nên nhịn được những điều nhỏ nhất.

Trường hợp Mạc Đĩnh Chi của nước ta cũng là tấm gương về nhẫn nhục. Ông sinh ra trong một gia đình rất nghèo, cha chết sớm, bản thân lại xấu xí. Tuy vậy, ông vẫn cố gắng học hành và đỗ Trạng nguyên. Khi đi sứ bên Tàu, ông được vua nước ấy nể phục và phong làm Trạng nguyên. Như vậy, ông được làm Trạng nguyên cả hai nước. Sự chịu đựng gian khổ để học thành tài của Mạc Đĩnh Chi tuy còn vì mục đích cầu sự nghiệp, nhưng tâm ông tốt, không làm điều gì ác nên vẫn gần với nhẫn nhục của đạo Phật.

Người tu theo đạo Phật luôn nhẫn nhịn được mọi điều, từ điều nhỏ đến điều lớn. Chúng ta nhẫn nhục không phải để cầu mong sự nghiệp, mong danh dự. Vì chúng ta quan niệm cái ta này không có thật nên nhẫn nhục của đạo Phật vẫn khác so với nhẫn nhục của người đời. Nhưng nếu nghĩ sâu hơn, chúng ta có chí lớn là cầu thành Phật thì những chuyện khác là nhỏ nhất, cần bỏ qua. Trong Thoát vòng tục lụy có câu chuyện về Ngọc Lâm Quốc Sư. Một lần, bị vu cáo là giết người, bị bắt giam vào ngục nhưng ông vẫn không biện minh. Đối với người tu hành, bị vu khống giết người là tội rất nặng. Sau đó, Sư huynh Ngọc Lâm đã minh oan cho ông.

Tại sao bị hàm oan mà ông không cãi, lại rất bình an? Lý do rất đơn giản. Với ông, danh dự chỉ là cái hão huyền nên ông không cần. Người tu hành chúng ta cũng không cần. Điều đem lại bình an cho chúng ta chính là sự vô tội, sự trong sạch của mình. Khi thực sự trong sạch, chúng ta sẽ bình an, mọi chuyện khác chỉ là Nhân quả, Nghiệp duyên. Điều đáng ngại là lúc trả nghiệp chúng ta lại tạo tội, làm cho tâm bất an. Nếu lúc trả nghiệp, bị người ta vu khống nhưng thật sự trong thâm sâu mình không có tội, hoàn toàn trong sạch thì tâm chúng ta sẽ rất bình an. Như vậy, sống một đời trong sạch, không tội lỗi là chỗ dựa để người tu chúng ta được bình an trong cuộc sống này.

Tâm lý đạo đức

10. CUỘC SỐNG VỊ THA

1. Khái niệm:

Vị tha là vì người khác. (Tha là tha nhân, là người khác).

Cuộc sống vị tha là một cuộc sống mà chúng ta sống để làm lợi ích cho người khác, không còn sống cho mình nữa. Đây là một cuộc sống tốt đẹp mà xưa nay tất cả các bậc Thánh đều mơ ước và phấn đấu để đạt được.

Mỗi tôn giáo đều có những tiêu chuẩn nhất định để đánh giá tín đồ của tôn giáo mình. Đạo Thiên Chúa thường làm lễ phong Thánh cho những tín đồ, những tu sĩ có công hạnh đặc biệt theo tiêu chuẩn của họ. Đạo Phật cũng có cách đánh giá những vị tu hành để tôn lên bậc Thánh. Đó là những người chứng ngộ tâm linh, có đời sống đạo hạnh, hay nhờ tu thiền, niệm Phật, họ có được những điều vi diệu trong cuộc sống, có những thần thông, phép lạ, có trí tuệ... làm lợi ích cho mọi người.

Theo tiêu chuẩn của tôn giáo mình, mỗi tôn giáo có rất nhiều vị được xem là những bậc Thánh. Đạo Phật có vô số Thiền sư, những bậc Alahán, những vị Thánh chứng quả, những vị Tổ, những vị Đại Sư... Có những vị không nổi tiếng lắm, nhưng khi tịch, thiêu ra có Xá lợi, cũng được xem như đã chứng Thánh. Ở các tôn giáo khác, tùy theo lòng mộ đạo, công trạng đối với đạo mà một người cũng được xem là Thánh.

Trên thế giới, những nhà khoa học, những nhà xã hội học với tâm tình của những người không tôn giáo, có cách đánh giá một bậc Thánh ở những góc độ khác. Vì vậy, những người được phong Thánh theo tiêu chuẩn xã hội thì không nhiều. Chúng ta thấy, thế giới có những Danh nhân, có những Vĩ nhân và chỉ có một vài vị Thánh nhân. Đến nay, những vị Thánh nổi tiếng được cả thế giới công nhận là Thánh Gandhi. Đây là trường hợp rất hiếm hoi. Đức Phật cũng được thế giới coi là một vị Thánh. Chúa Giêsu cũng được thế giới xem là vị Thánh. Hoặc Khổng Tử, nhà triết học nổi tiếng cũng được xem như là một vị Thánh. Nghĩa là số người được coi như một vị Thánh rất ít ỏi.

Chúng ta học bài Cuộc sống vị tha là để tìm ra một mẫu số chung về tư cách hay tiêu chuẩn của một vị Thánh trong đạo Phật cũng như trong tâm tình của con người trên thế giới

Cuộc sống vị tha là tiêu chuẩn chung khi đánh giá một vị Thánh, được đạo Phật ca ngợi mà thế giới cũng ngợi ca. Không cần biết người đó theo tôn giáo gì, không cần biết người đó giữ chức vụ gì, chỉ cần thấy họ sống rất từ ái, rất vị tha so với tất cả mọi người, có năng lực lớn để làm được nhiều việc cho cuộc đời, có sức ảnh hưởng rất lớn đến con người và luôn luôn vì con người, vì nhân loại... người ta đã ca ngợi họ là một bậc Thánh.

Dựa vào trình độ tâm linh của đạo Phật, một vị Thiền Sư có thể có sở đắc tâm linh, một đời đi thuyết pháp trong đạo Phật, trong lãnh vực tôn giáo cũng có khi chúng ta gọi là Thánh nhưng thế giới không công nhận. Trong

đạo Phật, có vô vàn các Thiền sư, người chứng Đạo. Có thể chúng ta ca ngợi, coi đó là những vị Thánh, nhưng người ngoài đạo Phật chỉ thấy đó là những tu sĩ bình thường. Tiêu chuẩn đánh giá con người khác nhau như vậy. Gạt ra ngoài vấn đề tiêu chuẩn đánh giá con người, chúng ta thấy cuộc sống vị tha là một cuộc sống đẹp. Người thực hiện được cuộc sống này, có thể thuyết phục được không chỉ đối với người trong tôn giáo mà còn với cả người ngoài tôn giáo. Có thể đời này chúng ta thực hiện cuộc sống vị tha ít, nhưng trên căn bản mỗi người phải sống vị tha. Biết đâu ở những đời sau, chúng ta có năng lực lớn hơn, có cuộc sống vị tha ảnh hưởng nhiều hơn, làm lợi ích lớn lao hơn cho nhân loại.

Vậy, tại sao cuộc sống vị tha là một cuộc sống đẹp mà ai cũng ca ngợi? Bởi vì từ lâu, do bản năng chấp ngã mãnh liệt, chúng ta bị khuynh hướng vị kỷ tồn tại chi phối mọi ý nghĩ, lời nói, việc làm. Từ đó, trong cuộc sống, chúng ta chỉ biết sống cho mình, làm bất cứ điều gì cũng vì lợi ích của mình trước. Khi còn bé, chúng ta tranh giành miếng ăn, miếng uống, tình thương đối với anh em. Lớn lên, có thể dùng mọi thủ đoạn để tranh giành tiền tài, quyền lực cho mình. Thế giới này đầy áp khổ đau là vì cuộc sống vị kỷ. Trong Tứ Diệu Đế, khổ được coi là một thực tế, một thực tại của cuộc sống mà nguyên nhân của khổ là do lòng ích kỷ. Cho nên, cuộc sống vị tha là một cuộc sống giúp người ta thoát được đau khổ. Chưa cần tu tập những pháp cao siêu, chỉ cần sống một cuộc sống vị tha, chúng ta đã đem lại cho tâm mình sự an lạc.

Trong cuộc sống này, chúng ta không thiếu những điều phiền muộn, những ray rứt khổ đau, những ưu tư trăn trở. Khi ấy, tìm đến một vị Thầy, chúng ta sẽ được Thầy dạy một cách quán để đối trị đau khổ.

Ví dụ: Khi có chuyện buồn trong gia đình, chúng ta tìm đến một vị Thầy để tìm sự thanh thản. Thầy sẽ dạy ta hãy quán thế gian này là vô thường, thân này là bất tịnh, rồi cũng chôn sâu trong ba tác đất... Quán như vậy, chúng ta sẽ bớt đi những khổ đau, phiền muộn. Khi than phiền về bệnh tật, Thầy sẽ dạy ta quán thân này là vô thường, hư ảo, ngày nào đó thân rồi cũng mất, chẳng có gì phải phiền muộn, âu lo. Khi tâm sự, trong cuộc sống hay bị người ta ganh tỵ, tranh giành quyền lợi, chúng ta sẽ được quán là hãy xem cuộc đời này như một giấc mộng, phù du, hư ảo... Và khi thực hành, nhờ quán các pháp đều là hư ảo, chúng ta cũng có được đôi chút yên tâm, có được phần nào thanh thản. Nhưng sự thật, những phép quán đối trị phiền não ấy chỉ trị trên ngọn mà không trị được gốc, chẳng khác nào người bệnh uống thuốc tây, hết bệnh này sẽ sinh ra bệnh khác.

Chẳng hạn, khi đối diện với cuộc sống, chúng ta cảm thấy có nhiều điều không như ý, nhiều việc không thành công, nhiều những ganh tỵ oán hờn làm mình mệt mỏi. Nếu ngồi quán thế giới này như một giấc mơ, vô thường không đáng để cho mình đắm luyến, chúng ta thấy lòng cũng bớt đi sâu não.

Nhưng thực chất lại xuất hiện một bệnh khác. Đó là tâm trạng thờ ơ lãnh đạm với cuộc đời, dần dần giết chết tâm từ bi của mình. Đây lại là một hệ quả phụ rất nguy hiểm.

Bởi vậy, khi học Bát Nhã, chúng ta phải cẩn thận. Pháp Bát Nhã được ca ngợi là cao tốt. Trong lục độ, Bát Nhã nằm ở giai đoạn cuối cùng. Khi học Kinh Pháp Hoa, chúng ta thấy quan niệm cho rằng Kinh Pháp Hoa thù thắng hơn tất cả các pháp khác, trừ Bát Nhã Ba La Mật. Nghĩa là ai cũng ca ngợi pháp môn Bát Nhã, pháp môn mà theo đó người tu thấy cuộc đời này là hư ảo, là rỗng không. Tuy nhiên, không phải pháp môn Bát Nhã là tuyệt đối ưu điểm. Nó làm cho chúng ta có vẻ tự tại với cuộc sống này khi nhìn tất cả là hư ảo, nhưng nó vẫn còn phản ứng phụ, phát sinh một bệnh phụ là làm cho chúng ta mất tâm từ bi, thờ ơ lãnh đạm với cuộc sống này.

Người hiểu Bát Nhã sâu, tâm có thể vào định được. Nếu thường xuyên quán thân này là giả, tâm này là giả, cảnh vật chung quanh đều là giả, chúng ta cũng có thể vào định được. Nhưng đó là cái quán cạn của Bát Nhã. Nếu quán sâu hơn nữa, pháp môn Bát Nhã còn nhiều điều vi diệu hơn. Chúng ta có thể đạt được lý thậm thâm Bát Nhã, lý Bát Nhã rất sâu. Người hiểu lý Bát Nhã cực kỳ sâu tự nhiên tâm sẽ vào định, có thể viết thành sáu trăm quyển Bát Nhã khác nhờ những kiến giải vi diệu như vậy.

Bộ Kinh Bát Nhã để lại trong kinh tạng hiện nay là sáu trăm quyển. Một vài vị Hòa Thượng đã dịch ra tiếng Việt Nam nhưng vì văn còn xưa quá nên không được nhiều người hưởng ứng. Bát Nhã có đến sáu trăm quyển, nghĩa là không có Kinh bộ nào dài bằng bộ Kinh Bát Nhã. Người ta nói hoài không hết ý, nói hoài không chán. Chỉ một chữ “không” thôi nhưng nói đi, nói lại, mở rồi đóng cũng không hết ý. Nếu một người ngộ được lý Bát Nhã, có thể tiếp tục viết sáu trăm quyển khác, và tâm tự nhiên vào định. Lý Bát Nhã vi diệu như vậy.

Không một pháp môn nào có đầy đủ tất cả những ưu điểm, sẽ có mặt hay và cũng có những điểm chưa hay. Pháp môn Bát Nhã cũng vậy. Dù được thuyết pháp sáu trăm quyển, ai cũng ca ngợi là cao tốt, nhưng Bát Nhã vẫn có những khuyết điểm. Điều quan trọng là chúng ta hiểu và vận dụng như thế nào cho đúng.

Nếu nói quán tất cả là hư ảo, nghĩa là chúng ta chỉ trị bệnh ở ngọn thì thế nào là trị bệnh tận gốc ? Chúng ta cần hiểu một điều, nguyên nhân của mọi đau khổ đều do vị kỷ. Đây là một nguyên lý, một chân lý mà Phật đã nói. Nếu cảm thấy có phiền muộn trong cuộc sống, chúng ta đừng chữa trên ngọn, hãy chữa ngay tại gốc của nó. Đó là chữa tâm vị kỷ của mình. Tất nhiên, chữa từ gốc là điều không đơn giản.

Nếu để xoa dịu nỗi buồn, chúng ta có thể quán cuộc đời là vô thường.

Nhưng để thật sự nhỏ được cái gốc đau khổ, chỉ có một cách là trị dứt tâm vị

kỷ của mình. Để làm được điều này, chúng ta phải có công phu rèn luyện một thời gian dài. Trong thời gian đó, chúng ta sẽ có một cuộc sống vị tha để trị được tâm vị kỷ của mình. Lúc ấy, đau khổ sẽ thật sự vắng bóng.

Cho dù cuộc đời mình đầy bất hạnh, là một người tật nguyền, một người bệnh hoạn hay là một người nghèo khổ, ít học..., nhưng nếu sống một đời thật sự vị tha, không vị kỷ thì những mặc cảm, những nỗi buồn ấy sẽ tan biến trong tâm hồn chúng ta. Vì đời sống vị tha sẽ đối trị, sẽ diệt được vị kỷ. Đó là chân lý mà từ ngày xưa, Phật đã nêu ra trong Tứ Diệu Đế. Bởi vậy, cuộc sống vị tha là cuộc sống cực kỳ đẹp, luôn đem lại lợi ích cho những người xung quanh vì lúc nào chúng ta cũng sống vì họ.

Ở phạm vi nhỏ, xung quanh được hiểu là trong một ngôi chùa, trong lớp học, trong một gia đình, láng giềng, dòng họ, ... Ở phạm vi rộng, đó là cả một cộng đồng xã hội, một thế giới. Tùy năng lực mà tâm vị tha, đời sống vị tha của mình ảnh hưởng đến mức độ nào. Như vậy, khi đã có một đời sống vị tha, trước hết những người chung quanh mình được lợi ích, và chính bản thân mình cũng xoá sạch mọi đau khổ.

Vì khuynh hướng vị kỷ chi phối quá mạnh nên chúng ta luôn tìm sự thỏa mãn cho mình những ước vọng từ thấp đến cao. Thấp nhất là ăn được ngon, mặc được đẹp, ở được sang. Cao hơn nữa là thỏa mãn những giá trị tinh thần: được mọi người nể trọng, cung phụng. Cao hơn nữa là được danh tiếng, được quyền uy... Những người trong Đạo thì cầu mong được đắc đạo. Nghĩa là lúc nào cũng muốn “thêm” và “được”: được thành Phật, được đắc đạo, được chứng ngộ, được giác ngộ v...v...

Đó là do trong tận thâm tâm chúng ta vẫn còn tham vị tế. Chúng ta luôn muốn đem lại cho mình lợi ích chứ không muốn mất đi. Nếu nói tu là mất đi, là bỏ đi bớt, thậm chí đánh mất luôn chính mình, chúng ta cảm thấy kinh sợ, vì nó chạm đến lòng tham của mình mạnh quá. Học về pháp Ba La Mật, chúng ta sẽ thấy có hai trường hợp. Có người cho rằng, tu để được đắc đạo, được giác ngộ, được thành Phật.v.v... và đó cũng là lý tưởng của người tu hành. Có người lại hiểu rằng, tu là để mất, mất hết, mất luôn cả chính mình. Trường hợp thứ nhất là người có căn cơ thấp. Trường hợp thứ hai là người có căn cơ cao. Họ có chánh kiến, lòng tham mỏng nhạt, lòng vị kỷ ít và có trí tuệ từ kiếp nào nên khi nghe tu không cần phải thêm mà được bớt đi, họ cảm thấy thích thú.

Như vậy, những cái tham và sự ích kỷ vẫn tiếp tục tồn tại chi phối chúng ta, làm cho chúng ta tiếp tục đau khổ. Ngoài đời, chúng ta đau khổ vì những tham vọng của thế gian, như được tiền bạc, giàu sang, danh vọng, tình cảm. Khi vào Đạo, chúng ta sẽ đau khổ vì những mục tiêu của Đạo: muốn có bằng cấp cao, muốn trở thành Thượng Tọa, Ni Sư, muốn có chùa to, có nhiều đệ tử... Những mục tiêu ấy sẽ làm mình đau khổ. Ngay cả những mục tiêu

thuộc về tâm linh, mong mình được đắc Đạo, được giác ngộ, nếu không cẩn thận cũng sẽ làm mình đau khổ. Nói không cẩn thận vì nếu hiểu hai từ giác ngộ, đắc đạo là không thật, chúng ta sẽ không đau khổ. Nếu hiểu đó là thật thì sẽ đau khổ vì nó.

Trong thực tế có những trường hợp như vậy. Trong sử có câu chuyện về sáu vị Tổ ở Trung Hoa. Nơi pháp hội của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn có thượng tọa Thần Tú là bậc lãnh đạo đại chúng và ai cũng mong rằng Ngài được Ngũ Tổ truyền Y bát. Y bát biểu tượng cho tâm linh, chỉ có người đã đắc đạo, đã giác ngộ mới xứng đáng được truyền y bát. Khi nghe tin Ngài Huệ Năng đã lãnh được Y bát đó, trong Tăng chúng xảy ra một cuộc chống đối dữ dội. Như vậy, chúng ta thấy gọi là giác ngộ hay đắc đạo, cuối cùng cũng chỉ là một tham vọng trá hình, và làm cho người ta tiếp tục đau khổ.

Thế giới này đầy ắp những đau khổ là do người ta chỉ biết sống cho mình, hướng về mình. Bởi vậy, vị tha là một cuộc sống cao cả, đẹp đẽ mà xưa nay tất cả các bậc Thánh đều ca ngợi, đều tán thán. Tâm vị tha đi ngược lại bản năng chấp ngã, ngược lại khuynh hướng vị kỷ, và làm cho cuộc đời này vui đi đau khổ. Cuộc sống vị tha có thể chữa được nhiều bệnh tâm lý, nhiều phiền não của chúng ta, và làm cho cuộc sống này hạnh phúc hơn. Trong cuộc sống, có người mang những mặc cảm buồn bã, nếu biết làm nhiều việc từ thiện, vị tha họ sẽ vượt qua được những đau khổ. Còn những pháp Quán đối trị phiền não chỉ là tạm thời.

2. Người xuất gia phải thực hiện bằng được cuộc sống vị tha:

Người xuất gia không thể sống vị kỷ. Hiện nay, tình trạng đạo đức của Tăng Ni bị suy thoái cũng do lối sống vị kỷ chi phối. Khi khoác áo tu hành, bước vào Đạo, chúng ta mang hy vọng đi tìm một đời sống giải thoát. Nếu vẫn sống vị kỷ, chúng ta không xứng đáng sống đời tu hành. Người xuất gia phải sống đời sống vị tha. Lý tưởng giải thoát và cuộc sống vị tha là một vì chung một tính cách vô ngã. Giải thoát là vượt khỏi ngã chấp, đời sống vị tha cũng vượt khỏi ngã chấp. Nếu thiết tha đi tìm đời sống giải thoát, chúng ta phải thực hiện bằng được đời sống vị tha. Dù chưa tu tập được nhiều nhưng từng giờ, từng phút trong cuộc sống này, chúng ta đều sống cho huynh đệ, sống cho mọi người. Sống như vậy là chúng ta đang đi dần trên con đường giải thoát, ngã chấp của chúng ta cũng đang bị đánh phá dữ dội.

Muốn được giải thoát phải vượt qua chấp ngã. Có nhiều con đường để chúng ta vượt qua chấp ngã. Con đường cuối cùng là đi bằng định và tuệ. Nhưng trước khi đi bằng con đường ấy, chúng ta phải có đời sống hết sức vị tha.

Nghĩa là luôn luôn sống vì người khác, không còn sống cho riêng mình. Đời sống vị tha cũng chính là kết tinh của một đời sống Đạo đức. Chúng ta đã học rất nhiều về Đạo đức. Dù học bình đẳng, chân thật, học cách góp ý chỉ lỗi, hay học khiêm hạ... và sau này có thể học thêm nhiều nữa, chúng ta cũng

nhằm mục đích thành tựu được một điều duy nhất, cuộc sống vị tha. Đó là một cuộc sống đẹp nhất của con người, cũng là lý tưởng mà người xuất gia phải theo đuổi. Chúng ta phải sống vì mọi người, từ việc rất nhỏ nhất cho đến những việc rất lớn lao. Dù đang theo đuổi một công trình lớn lao: đem Phật pháp đến cho con người, hoặc cất nhà dưỡng lão, cất trại mồ côi...nhưng chúng ta vẫn nhớ không được bỏ qua những việc rất lặt vặt trong đời sống khi việc đó có lợi cho người xung quanh.

Tận sâu trong tâm hồn mình, chúng ta ghi nhớ điều ấy. Nghĩa là không sợ gian khó cực khổ, không tiếc công, tiếc sức, không cần biết cuộc sống mình an vui hay đau khổ, chỉ cần cho người khác mà thôi. Chúng ta chấm dứt tất cả mục tiêu trong cuộc sống của thế từ đây chỉ còn một mục tiêu duy nhất là làm lợi, đem lại an vui cho người khác. Người như vậy sẽ không bao giờ còn đau khổ nữa dù sự vất vả tất bật có thể tăng lên bội phần.

Nếu cho rằng, tu là để đạt sự tự tại, an vui, giải thoát là chúng ta đã bị lừa mị bởi những ngôn từ hoa mỹ ấy. Vì như vậy là chúng ta đang đi tìm cái gì đó cho riêng mình. Người chỉ biết tu để sống một đời an vui tự tại là người đi ngược với đạo Phật. Có những người suốt cuộc đời không hề đi tìm điều gì cho mình, chỉ vất vả lo cho người khác, nhưng chính họ mới thực sự là người đang an vui .

Những người nhập thất phải cẩn thận. Vì khi chưa phải là một người đạt được cuộc sống vị tha, đang bị vị kỷ chi phối, tâm từ bi chưa thật sự rộng mở mà bước vào thất tinh tấn tu hành, đối diện với mình, họ dễ bị vị kỷ, chấp ngã chi phối. Mỗi ngày, chấp ngã cứ lớn dần lên, công đức bị hao tổn mà họ không hay biết. Chỉ có những người công đức quá khứ rất lớn, tâm vị tha rộng mở, đời sống hết sức từ ái, khi vào thất mới thật sự yên tâm. Họ sẽ không phát triển bản ngã hay vị kỷ.

Tục ngữ có câu: “Kính thầy mới được làm thầy”. Muốn có cuộc sống vị tha, chúng ta phải tìm đọc những tấm gương đời sống vị tha của các bậc Thánh trong đạo Phật và trên thế giới để phát khởi lòng ngưỡng mộ, làm Nhân ban đầu cho mình. Nếu chưa bao giờ biết ngưỡng mộ ai về đời sống vị tha, chúng ta sẽ không tìm được đời sống vị tha cho mình. Vì đây là Nhân Quả. Hãy nhớ rằng, kính ai điều gì, chúng ta sẽ thành tựu được điều đó.

Trước hết, chúng ta phải biết ngưỡng mộ Đức Phật. Từ vô lượng kiếp, Ngài đã sống cuộc sống vị tha. Đến bây giờ, tâm Phật vẫn bao phủ và gia hộ cho tất cả những ai có tâm thành. Trong kiếp cuối cùng, Ngài đi tu cũng là thực hiện lý tưởng vì chúng sanh. Cha Ngài là vua Tịnh Phạn đã sợ Ngài sẽ từ bỏ cung điện đi tu nên đã cho Ngài đầy đủ các cuộc vui. Nhưng những cuộc vui xao động của thế gian cuối cùng cũng trở nên nhàm chán. Đức Phật cũng không còn vui khi Ngài hiểu được cuộc sống bên ngoài vô cùng phức tạp và đầy đau khổ. Chúng ta thường nghe kể lại điều này ở câu chuyện ngụ ngôn

Đức Phật đi qua bốn cửa thành nhìn thấy sinh, lão, bệnh, tử và trong lòng cảm thấy bất an. Do có phước, Ngài được sống trong Hoàng cung đầy đủ tiện nghi, được mọi người chịu chuộc. Khi bước ra ngoài, Ngài mới thấu hiểu nỗi vất vả, khổ nhọc của người dân. Ngài luôn băn khoăn, phải làm điều gì cho con người đừng đau khổ nữa?

Chính động cơ vị tha đã thúc đẩy Ngài rời bỏ Hoàng cung làm người xuất gia. Không phải bây giờ mà trong vô lượng kiếp trước, tất cả cuộc sống của Ngài cũng chỉ vì chúng sinh. Nếu có Đạo nhân, chúng ta sẽ nhìn thấy được những kiếp xưa của Đức Phật và lòng ngưỡng mộ của chúng ta sẽ không còn biên giới. Ngài có thể bỏ thân mạng mình cho người khác một cách dễ dàng, có thể hy sinh cả một đời để vì mọi người mà không bao giờ tiếc nuối. Công hạnh tích lũy lòng thương yêu con người với đời sống vị tha của Ngài là vô lượng, vô biên. Đức Phật quả là một tấm gương lớn về đời sống vị tha mà chúng ta phải chiêm nghiệm, phải suy ngẫm, phải tán thán, phải ngưỡng mộ. Ngay cả các vị Alahán nhiều khi bị hiểu lầm là trầm không trệ tịch, là thụ động sống cho mình cũng là những người có cuộc sống vị tha. Chúng ta thấy ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên sống rất cực khổ, rất vất vả cũng vì lo cho chúng Tăng, cũng vì bảo vệ Tăng đoàn. Ngài chứng Alahán nhưng không hề tiêu cực hay thụ động.

Một lần, Đức Phật gặp ba tôn giả Alahán sống trong khu rừng, sống rất lặng lẽ, Ngài đã khen ba tôn giả sống chỉ vì an lạc, hạnh phúc của Chư Thiên và loài người. Trong khi đời sống các vị rất lặng lẽ, ban ngày đi khát thực, đêm về tọa Thiền bất động, rồi cuối cùng cũng sẽ nhập Niết Bàn. Sống tĩnh lặng như vậy nhưng Đức Phật vẫn khen là sống vì lòng thương yêu đối với chúng sanh. Đây cũng là điều vi diệu mà chúng ta không thể hiểu được. Có lẽ do tâm từ của một vị Alahán lan tỏa rộng lớn nên ngay cả khi Ngài không làm gì nhưng trong thế giới vô hình, biết bao nhiêu chúng sinh vẫn được lợi ích. Ngài Anan có một cuộc sống vị tha thật là tuyệt vời. Ngài theo hầu Phật một cách nghiêm túc, tôn kính và chu đáo. Chính được Ngài Anan lo toan chu đáo nên Phật không bận tâm nhiều, được tiện nghi trong đời sống để đi thuyết pháp. Như vậy, qua việc hầu Phật, Ngài Anan đã làm lợi ích thật nhiều cho chúng sinh. Khi tiếp xúc với người khác, từng lời nói của Ngài đều đem lại lợi ích cho họ. Lúc chưa chứng Alahán, Ngài đã thuyết pháp làm cho người khác chứng được Alahán. Công đức của Ngài thật lớn lao. Ngài từng xin đức Phật cho người nữ được xuất gia. Đây cũng là một công đức lớn đối với chúng sinh. Vì theo quan niệm của người Á Đông, người nữ nặng nghiệp hơn người nam. Vậy, phải tạo cơ hội cho họ tu hành để hết nghiệp. Nếu không, họ sẽ không có cơ hội để tăng trưởng được phước duyên.

Sau khi Phật tịch, Ngài Anan đã chứng Alahán và được vào hàng Tỳ Bà La

để trùng tuyên lại Kinh điển. Sau này, ngài Hư Vân một lần nhập định lên cõi trời Đâu Suất đã trông thấy ngài A Nan đang theo hầu Bồ Tát Di Lặc, ủng hộ cho Bồ Tát Di Lặc làm việc Phật pháp. Như vậy, Ngài đâu phải bỏ đi, vẫn làm vì lợi ích của chúng sinh.

Gần đây, có hai vợ chồng một gia đình Phật tử đến chùa quy y. Sau đó, người mẹ theo đạo Thiên Chúa sống ở Mỹ cũng về xin quy y. Hỏi nguyên nhân vì sao người đó nói rằng, cha anh ta chết từ năm sáu mươi tám, không hiểu sao hiện về nói bên tai đứa cháu gái tất cả mọi điều. Ông nói chuyện thế gian, chuyện âm phủ, rất rành mạch. Từ đó, bà mẹ chứng kiên và có niềm tin với đạo Phật nên xin quy y. Họ nhờ Thầy Trụ trì làm lễ cầu siêu, lễ quy y cho những người trong gia đình. Người ta kể lại rằng, sau khi làm lễ cầu siêu, người ấy lại trở về, cũng nói bên tai đứa cháu gái lời cảm ơn đối với người đã làm lễ trang trọng cho mình. Ông ta còn nói những hương linh chung quanh cũng rất vui mừng, họ cũng đến chúc mừng ông. Từ bây giờ, họ không bao giờ về nhà nữa mà sẽ theo Thầy, nghe giảng đạo để mong khởi được tâm thương yêu tất cả chúng sinh. Chúng ta không có Đạo nhãn để nhìn thấy điều ấy và cũng không biết thực hư ra sao chỉ biết rằng, có người tin và theo Phật để làm lợi ích cho người khác là điều rất quý.

Từ câu chuyện của gia đình người Phật tử trên, chúng ta thấy rằng, các thầy Trụ trì cũng chỉ là người bình thường, nhưng do thành tâm nên nghi lễ cầu siêu đã được linh nghiệm. Vì vậy, chuyện Phật khen ba vị tôn giả Alahán cũng là điều dễ hiểu. Cái tâm từ của một vị chứng ngộ sẽ lan tỏa đem lại lợi ích vô cùng cho chúng sinh, nhất là thế giới vô hình. Thế giới vô hình cảm nhận tâm đó mạnh hơn chúng ta rất nhiều. Có khi sống gần một vị Thánh chúng ta không biết rõ, nhưng những người chung quanh trong thế giới vô hình lại cảm nhận được điều đó rất mạnh. Nhờ vậy, họ được lợi ích rất nhiều. Ta phải hiểu rằng có khi bên ngoài lặng lẽ, ít làm việc, nhưng kỳ thực các vị Alahán có một cuộc sống rất vị tha.

Gần đây, người ta thường ngợi ca Mẹ Theresa, một nữ tu sĩ Công giáo. Cả một đời, Mẹ sống cho người nghèo, cho người bệnh và tấm gương của bà lan tỏa, ảnh hưởng đến mọi người. Rất nhiều người đã đi tu theo bà, và cũng một đời xả thân để xoa dịu nỗi đau khổ cho cuộc đời. Đó là một tấm gương rất đẹp, rất đáng trân trọng. Khi học theo bà sống đời vị tha, nhiều người cũng chấm dứt được đau khổ. Vì vậy, những nữ tu sĩ theo Mẹ Theresa chắc chắn cũng là những con người rất hạnh phúc, rất an vui. Vì họ không lo gì cho mình, chỉ lo cho người bệnh, người nghèo. Khi bà chết, cả thế giới đều xung tưng, ngợi ca, có những quốc gia còn đề cử tang.

Tuy nhiên, chúng ta đã biết, cái gốc của đau khổ là do ích kỷ, do kém Đạo đức. Muốn nhổ được gốc đau khổ cho cuộc đời, phải làm sao cho người ta có Đạo đức. Bởi vậy, theo quan điểm của đạo Phật, việc bà làm tuy rất đẹp

nhưng chưa thực sự “búng” được cái gốc đau khổ. Vì bà không đặt nặng vấn đề Đạo đức. Trong đạo Phật chúng ta có Hòa Thượng Hư Vân suốt đời vì Phật pháp, không ở chùa đã hoàn thành, không sở hữu tài sản. Ngài Hư Vân là một tấm gương vị tha vĩ đại. Đời sống của Ngài vô cùng đơn giản. Với những manh áo tầm thường, vài con dao cạo tóc..., Ngài đã đi hết nơi này đến nơi khác làm việc Phật pháp, giáo hóa chúng sinh. Khi thấy dân chúng khổ, Ngài tìm cách ra tay giúp đỡ. Khi thấy hai bên đánh nhau, Ngài khuyên người ta dừng lại bình đao. Những nơi Tổ Đình hoang phế, Ngài tìm cách phục hồi, trùng tu, xây dựng lại Tăng chúng, giữ lại kỷ cương, giữ lại giới luật mà giáo hóa.. Ngài chẳng bao giờ đến chùa to mà ở. Khi giáo hóa, ngài cũng không phân biệt pháp môn. Gặp người niệm Phật, Ngài dạy niệm Phật. Gặp người thoại đầu, Ngài dạy thoại đầu. Cả một đời, Ngài cứ sống như thế. Và Ngài thọ đến hơn một trăm hai mươi tuổi mới viên tịch.

Khi Trung Hoa lục địa được Đảng cộng sản Trung Quốc giải phóng, Ngài đang ở Hương Cảng (Hong Kong). Lúc bấy giờ ai cũng lo sợ cho Ngài vì nghĩ rằng người cộng sản Trung Hoa không tin tôn giáo, họ sẽ chống báng và làm khó dễ Ngài. Mọi người khuyên Ngài nên ở lại Hương Cảng. Nhưng Ngài không chịu vì lúc đó ở lục địa chỉ có Ngài là bậc tôn túc. Nếu Ngài không về, Tăng Ni không có chỗ dựa và sẽ tan tác. Mặc dù biết sẽ gặp rất nhiều khó khăn nhưng Ngài vẫn từ giã Hương Cảng, trở về Trung Hoa lục địa. Quả thật, trong thời gian đầu, vì chưa hiểu, chưa thông cảm, chính quyền đã làm khổ Ngài vô cùng. Họ cho lính đến xét chùa, bắt giam các Thầy, đánh đập rất tàn nhẫn đến nỗi có vài người không chịu được đã chết. Họ cũng giam và đánh đập Ngài, đánh đến gần chết. Hết đánh bằng cây gỗ, họ đập bằng cây sắt. Đánh Ngài từ trên giường rơi xuống đất vẫn chưa thỏa mãn, năm bảy tên lính mang giày đinh giẫm lên người Ngài. Mình mảy Ngài bê bết máu, trông rất thê thảm. Vậy mà Ngài vẫn thản nhiên, lòng không chút sợ hãi hay oán hờn. Sau khi Ngài lành bệnh, chính quyền ở Bắc Kinh mới hiểu và mời Ngài thành lập Giáo hội Phật giáo. Tuy không giữ chức vụ gì quan trọng nhưng Ngài đứng đó làm chỗ dựa tinh thần cho Tăng Ni. Nhờ vậy, người ta vững tâm tu hành, giữ được giềng mối của Đạo. Ngài có thần thông, biết trước được những thảm nạn khi về Trung Hoa lục địa, nhưng vẫn không sợ. Ngài chấp nhận để giữ được chỗ dựa tinh thần cho Tăng Ni, từ đó tạo điều kiện phát triển Phật pháp. Tấm gương vị tha của Ngài Hư Vân thật quá vĩ đại. Là người xuất gia, chúng ta phải phấn đấu để đạt được đời sống vị tha tuyệt vời như vậy.

Để đạt được cuộc sống vị tha, mỗi khi làm việc gì chúng ta hãy đặt lại câu hỏi. Xuất gia để làm gì? ? Lễ Phật để làm gì? Ăn cơm, uống nước, nghỉ ngơi để làm gì? Đi học để làm gì? Nhìn thấy huynh đệ tự hỏi mình phải làm gì?

vv...

Hỏi như vậy và tự trả lời, chúng ta sẽ kiểm soát được mình. Cũng làm những công việc như mọi người nhưng chúng ta đừng nghĩ làm cho mình mà phải nghĩ là làm lợi ích nhiều cho chúng sinh sau này. Chúng ta ăn cơm, uống nước cũng nghĩ rằng để có sức mà lo làm Phật sự. Khi mệt nằm nghỉ, chúng ta đừng nghĩ để cho mình khoẻ mà sức khoẻ này là để cúng dường Tam Bảo, để lợi ích nhiều cho cuộc đời này. Những lý tưởng cao siêu có thể chúng ta chưa làm được, nhưng trong ý nghĩ của mình, chúng ta luôn luôn nghĩ những điều rất thánh thiện, rất vị tha.

Khi nhìn thấy chúng sinh, nghĩ đến thế giới, chúng ta tự hỏi mình phải làm gì ? Chẳng hạn, thấy đạo Phật đang suy thoái, chúng ta phải băn khoăn. Phải nhận ra rằng, chính lối sống của Tăng Ni làm cho đạo Phật yếu đuối. Tăng Ni phải chủ động, phải có sức mạnh để chống đỡ khi có khó khăn trở ngại. Sở dĩ trong thực tế, Hồi Giáo đi đến đâu, đạo Phật suy yếu đến đó là do sức sống của đạo Phật yếu. Nguyên nhân chính là do từng người chúng ta không có tâm vị tha mạnh mẽ. Chúng ta còn sống cho mình nhiều quá. Chẳng hạn, ở Ấn Độ, cộng đồng người Hoa theo đạo Phật khá đông. Nhờ có họ mà đạo Phật hiện diện tại nước này. Vậy mà, ngày nay nhóm Hồi Giáo khủng bố và đuổi hết người Hoa ra khỏi Ấn Độ. Trong tương lai, Ấn Độ sẽ không còn Phật giáo. Trước tình trạng đó, chúng ta sẽ làm gì ? Phải thường xuyên đặt những câu hỏi như thế.

Hoặc nhìn thế giới cứ xung đột, xâu xé lẫn nhau, luôn đem lại sự bất an, chúng ta làm được điều gì ? Nếu không bao giờ ray rứt về những điều đó, chúng ta là người sống vị kỷ. Người có cuộc sống vị tha không bao giờ bình yên, thanh thản được. Họ luôn cảm thấy ưu tư và thấy mình phải có bổn phận, có trách nhiệm đối với cuộc đời này. Đó mới đúng là người Phật tử chân chính.

Chúng ta hãy thành thật tự trách mình mỗi khi thấy tâm mình xuất hiện những tư tưởng ích kỷ. Việc xây dựng tâm hồn vị tha, đời sống vị tha là việc rất khó khăn, phải trải qua một thời gian dài. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng tu tập từng ngày.

Chẳng hạn, đối với người tu, ích kỷ thường biểu hiện ở sự ham muốn mình có được nhiều tiền, có chùa to, có danh tiếng...Hoặc khi nhìn thấy những người xung quanh rơi vào hoàn cảnh khó khăn mà chúng ta làm lơ, tự nhiên tâm vị kỷ sẽ lớn lên. Khi có chuyện không hay xảy ra, chúng ta lại đổ lỗi cho người khác, đó cũng là biểu hiện của một đời sống vị kỷ. Hãy cứ nhận lỗi về mình, chúng ta sẽ có một đời sống vị tha.

3. Cẩn thận giữa lý tưởng và tham vọng:

Về lý tưởng và tham vọng, chúng ta đã được học ở những bài trước. Ở đây, chúng ta chỉ tìm hiểu mối quan hệ giữa lý tưởng và tham vọng với cuộc sống vị tha.

Chúng ta nên nhớ rằng, làm phước chưa hẳn là vị tha. Vì đằng sau việc làm phước ấy có thể còn tâm niệm cầu phước. Mà cầu phước là thái độ hoàn toàn vị kỷ. Đôi khi, nhìn bề ngoài, việc làm phước có vẻ như vị tha, nhưng thật sự vị kỷ đang lớn dần lên trong tâm chúng ta. Có nhiều người rất năng đi chùa lạy Phật, nhưng chỉ để cầu cho mình bao nhiêu điều tốt đẹp. Vì vậy, càng đi chùa nhiều càng tăng trưởng vị kỷ.

Chúng ta cần phân biệt giữa lý tưởng và tham vọng. Người có lý tưởng và tham vọng đều có chung một điểm là họ đều có hoài bão lớn, mục tiêu lớn, dự định lớn. Đó có thể là dự định sẽ cất một ngôi chùa rất lớn, xây một trường Đại học Phật giáo bề thế nhất Đông Nam Á, hoặc đó là ước mơ mở được một trại mồ côi để tập trung được vài trăm ngàn trẻ mồ côi về nuôi dưỡng vv.... Nhưng trong những hoài bão, những dự định lớn lao đó, đâu là lý tưởng, đâu là tham vọng? Chúng ta phải hiểu rằng, nếu thật sự vì Phật pháp, vì chúng sinh, người có những mơ ước, hoài bão như vậy là người sống có lý tưởng. Nhưng nếu làm để cầu mong một điều gì đó cho mình, danh tiếng, lợi lộc chẳng hạn, thì đó là tham vọng. Nói cách khác, cả hai có những điểm rất giống nhau nhưng hễ vì mình là tham vọng, vì người là lý tưởng. Bởi vậy, khi có những mơ ước, những dự định lớn, chúng ta phải cẩn thận xét kỹ tâm mình, xem đó là vì mình hay vì chúng sanh, vì Phật pháp.

4. Quan điểm đối với hạnh phúc:

Chúng ta sống là để đi tìm hạnh phúc. Vì sống mà không có hy vọng, không có hạnh phúc là một cuộc sống vô nghĩa. Nhưng hạnh phúc vốn rất mong manh và không dễ dàng tìm được. Chúng ta phải luôn luôn hy vọng rằng, mình sẽ tìm thấy hạnh phúc trên cuộc đời này. Hy vọng như vậy để chúng ta cố gắng sống, cố gắng vượt qua những khó khăn gian khổ, vượt qua những thử thách nghiệt ngã của cuộc đời. Chừng nào con người không còn hy vọng, chừng đó họ sẽ bị cuộc đời làm cho ngã gục.

Khi còn nhỏ sống trong vòng tay cha mẹ, chúng ta hy vọng lớn lên sẽ thành đạt, có cuộc sống giàu sang, danh vọng....Càng lớn lên, con người càng hy vọng điều đó. Hôm nay còn khó khăn, người ta hy vọng vài năm nữa rồi cuộc sống sẽ khá hơn, sung sướng hơn. Đến khi gần đất xa trời, không còn hy vọng được nữa, họ lại hy vọng vào kiếp sau. Vì niềm hy vọng về cuộc sống hạnh phúc phía trước mà chúng ta vượt qua tất cả. Nghĩa là chúng ta sống để đi tìm hạnh phúc. Đó là mục đích, là khát vọng lớn lao, mãnh liệt của con người. Ngay cả những người bất hạnh, sống lang thang lê lét bên lề đường xin ăn, họ vẫn yêu vô cùng sự sống và hy vọng vào ngày mai tươi sáng vẫn không lụi tắt trong lòng họ. Nếu đã hoàn toàn tuyệt vọng, họ sẽ không kéo dài cuộc sống của mình trong khổ đau như vậy.

Là đệ tử Phật, chúng ta phải có một quan điểm rõ ràng về hạnh phúc. Chúng ta thừa nhận sống để đi tìm hạnh phúc. Nhưng với người tu hành, hạnh phúc

là gì? Chúng ta sẽ đi tìm hạnh phúc cho chính mình, hay sẽ dành cuộc đời này đi tìm hạnh phúc cho người khác? Đặt lại câu hỏi đó một lần nữa, chúng ta suy nghĩ cho thấu đáo để sống một cuộc đời đúng nghĩa.

Rõ ràng, người đệ tử Phật phải sống cuộc sống vị tha, sống là để đi tìm hạnh phúc cho người khác chứ không phải cho bản thân mình. Có thể trước đây, cuộc sống của chúng ta còn nhiều đau khổ, còn những nỗi bất an và chúng ta cũng đã từng hy vọng một ngày nào đó, mình được sống một cuộc đời hạnh phúc. Nhưng bây giờ, chúng ta không còn hy vọng điều đó nữa. Với người tu hành chúng ta, hạnh phúc lớn nhất là đem lại được hạnh phúc cho người khác.

Như vậy, điều quan trọng là để đem lại hạnh phúc cho người khác, chúng ta phải làm gì ? Trước hết, chúng ta phải hiểu điều này, hạnh phúc là do tâm vị tha chứ không phải do phước. Nói như vậy có vẻ hơi mâu thuẫn, nhưng nghĩ một cách sâu sắc, điều đó hoàn toàn đúng. Chẳng hạn, có những người trước kia hay bố thí, làm phước nên họ được nhiều phước và đời này họ có được cuộc sống giàu sang. Nhưng giàu sang không hẳn là hạnh phúc. Chúng ta đã đọc được điều này rất nhiều trong những cuốn sách viết về Nhân Quả. Có tiền nhiều và có hạnh phúc là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Nhiều người sống trên đồng vàng nhưng vô cùng đau khổ. Họ chỉ hơn những người nghèo là có cuộc sống vật chất thoải mái, còn hạnh phúc vẫn thuộc về lĩnh vực của tâm.

Một người nghèo về vật chất nhưng sống một đời vị tha vẫn an vui, hạnh phúc, và họ cũng tạo được phước cho đời sau. Như vậy, người có phước do tâm vị tha, đời này sẽ an vui. Còn người có phước do tâm cầu phước ở đời trước, đời này có thể giàu sang nhưng lại sống bất an. Vì tâm cầu phước là tâm vị kỷ. Chúng ta cần phân biệt được điều đó. Hạnh phúc thật sự vẫn là do tâm vị tha đem lại. Có thể chúng ta chưa làm được điều gì lớn lao, chỉ cần sống vị tha thôi, chúng ta đã thấy mình rất hạnh phúc vì đi đúng nguyên lý Tứ Diệu Đế của Phật.

Vì vậy, chúng ta đừng mất thì giờ tự ám thị mình là người hạnh phúc, luôn mang vẻ mặt an lạc, thoả mãn. Vì hạnh phúc không phải do ám thị mà có, hạnh phúc là do đời sống vị tha đem lại. Nhiều khi chúng ta được dạy, là đệ tử Phật, phải tự tại an vui, đi đứng đoan trang, lúc nào cũng nở nụ cười trên môi, gương mặt phải thanh thản... Thực ra, đó là lối sống ích kỷ, chỉ nghĩ về mình. Chúng ta đừng bận tâm về điều đó, đừng tự ám thị mình là người hạnh phúc. Hãy bận tâm chăm chú đi tìm hạnh phúc cho phúc cho mọi người. Có thể lúc nào chúng ta cũng tất bật, vội vã nhưng vì tâm mãi lo cho người khác nên không bao giờ đau khổ đến được với tâm mình. Hai chữ tự tại có vẻ thanh thoát, nhưng nếu chỉ đi tìm cái đó cho mình, chúng ta vẫn bị vị kỷ chi phối. Mà vị kỷ có mặt thì sẽ kéo theo những đau khổ, bất an.

Với cuộc sống vị tha, hạnh phúc dần dần tràn ngập mà chúng ta không ngờ được. Suốt cuộc đời lo cho người khác, đến một lúc nào đó tự nhiên chúng ta thấy cuộc đời mình tràn ngập niềm vui. Nhưng đừng bao giờ dừng lại đó để hưởng thụ, hãy tiếp tục bận tâm lo cho mọi người. Nếu tự mãn với hạnh phúc mà mình đang có nghĩa là chúng ta bắt đầu lui bước. Nếu chỉ biết hưởng thụ hạnh phúc, niềm vui dù niềm vui đó do đời sống vị tha lúc trước tạo nên, là chúng ta bắt đầu rơi trở lại lối sống vị kỷ. Như vậy, chúng ta sẽ không đi tới được đời sống vị tha vô lượng, vô biên. Đây là điểm rất khó, rất tinh tế trong tâm mà chúng ta phải tỉnh táo để thoát ra. Sở dĩ một vị Phật thành được Phật quả là do các công hạnh của Ngài vô hạn, vô biên. Ngài làm phước mãi, sống vị tha mãi, không bao giờ dừng lại để hưởng niềm vui. Người tu theo hạnh Bồ Tát Ba La Mật vô lượng vô biên không bao giờ biết dừng lại để hưởng thụ. Chúng ta cũng vậy, nếu sống đời sống vị tha thì tâm mình tự nhiên xuất hiện niềm vui nhưng đừng bao giờ dừng lại để hưởng niềm vui trong tâm đó, hãy cứ tiếp tục bận tâm để lo cho người khác.

5. Trách nhiệm của người đệ tử Phật khi thấy thế giới này chưa biết được chánh pháp:

Trên thế giới này, người biết Đạo không nhiều. Bên cạnh đó, còn không ít người rơi vào tà kiến. Họ chưa tin vào Nhân quả, chưa tin luân hồi, cũng không tin rằng có Niết Bàn tuyệt đối, là nơi giải thoát thật sự. Rất nhiều người trên thế giới chưa biết được điều đó. Bởi vậy, người đệ tử Phật không bao giờ được nghỉ ngơi khi thấy thế gian này chưa hiểu được Chánh pháp. Đây cũng là lời nguyện khi quy y. Một ngày nào đó, quỳ trước tượng Phật, nhận mình là đệ tử Phật, xin nương tựa Phật, tôn thờ Phật, chúng ta phải phát nguyện là sẽ đem Phật pháp đến với mọi người, từ gia đình đến xã hội. Khi quý Phật tử quy y, ngoài việc thọ trì Tam quy, Ngũ giới, cần phải thọ thêm Thất nguyện (Bảy điều nguyện). Bảy điều nguyện này có thể chúng ta đã được nghe, nhưng phải được xác quyết lại trong buổi lễ quy y. Bảy điều nguyện đó được sắp xếp từ thấp đến cao :

Thứ nhất: Phật tử tập ăn chay dần dần, từ ít ngày lên nhiều ngày.

Thứ hai: Phật tử phát nguyện học hỏi giáo pháp không biết mệt mỏi. Có thể học hỏi trực tiếp từ những vị Thầy, Cô tu hành chân chính, hoặc học từ băng hay, sách hay, không bao giờ biết mệt mỏi.

Thứ ba: Phật tử phải phát nguyện lễ Phật, tọa Thiền, vì đó là sự thực hiện tu hành tâm linh.

Thứ tư: Phật tử phải phát nguyện suốt đời siêng năng làm việc từ thiện.

Thứ năm: Phật tử phát nguyện phải Phật hóa gia đình, làm cho tất cả những người thân trong gia đình, họ hàng mình đều biết Phật pháp, nhất là đối với trẻ em.

Thứ sáu: Phật tử phát nguyện sẽ đem Chánh pháp đến với những người chưa

biết, để cho họ tìm được an vui trong cuộc sống này.

Thứ bảy: Phật tử phát nguyện phải kiên cường giữ Đạo trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn gian khổ nào.

Đây là bảy lời nguyện khi quy y chúng ta phải thọ trì. Không chỉ là những lời nguyện mà chúng ta phải thực hiện cho bằng được. Người Phật tử ngày đầu tiên đến làm đệ tử Phật nhận được bảy điều nguyện này, sẽ là những người rất năng nổ, tích cực, chân chính. Và nếu tất cả Phật tử đều được như vậy, chúng ta sẽ thấy Phật giáo có nhiều đổi thay, đạo Phật sẽ tích cực hơn, năng động hơn, làm lợi ích cho thế giới nhiều hơn.

Có người cho rằng, người có lòng từ sẽ bận tâm về sự thiếu thốn của những người chung quanh. Như thế, trong lúc ngồi Thiền, sự bận tâm cứ quanh quẩn trong tâm trí, làm sao vào định được. Thực ra, khi ngồi Thiền, chúng ta phải lo nhiếp tâm. Lúc đó, nếu còn bận tâm làm sao có kinh nghiệm Thiền định để dạy cho người khác. Trong đời sống, chúng ta bận tâm rất nhiều chuyện, nhưng khi ngồi Thiền chúng ta chỉ nghĩ đến việc thực hành cho có kinh nghiệm dạy lại cho người khác. Nghĩ về người khác, đó cũng là từ bi, và cái này phải chi phối chúng ta mạnh hơn nên chúng ta sẽ không còn bận tâm đến những chuyện lật vật nữa.

Thiền tức là không suy nghĩ. Trong đời sống, chúng ta còn phải lo bao nhiêu việc. Đó cũng là điều khiến chúng ta động tâm. Nếu động tâm vị kỷ, chúng ta sẽ càng lúc càng không vào định được. Còn nếu động tâm trong đời sống là động tâm vị tha, khi ngồi Thiền chúng ta sẽ vào định dễ hơn. Đời sống vị tha sẽ làm cho mình tăng trưởng được Thiền định.

Nói đến cuộc sống vị tha, có người băn khoăn làm sao Phật tử tại gia hiểu rõ, làm phước hữu lậu và phước vô lậu. Hữu lậu là vẫn còn dấu vết của luân hồi, vô lậu là đi ra khỏi luân hồi. Ví dụ, khi bố thí cúng dường, khi làm mọi việc tốt lành cho người mà trong tâm chúng ta còn mong được hưởng phước, là chúng ta chưa ra khỏi luân hồi, vẫn còn dấu vết luân hồi trong việc làm phước đó. Còn nếu luôn làm phước, luôn hy sinh vì cuộc sống của mọi người, mong cho mọi người được giác ngộ, giải thoát mà không cầu phước cho mình là chúng ta đã gieo phước vô lậu. Khi ấy, dấu vết luân hồi không còn vương lại trong việc làm phước của chúng ta.

Chúng ta thường thấy bên tượng Đức Phật Thích Ca có hai vị Phổ Hiền và Văn Thù đứng hai bên, còn tượng Di Đà có Quan Âm và Thế Chí đứng hai bên. Phổ Hiền tượng trưng cho Hạnh và Văn Thù tượng trưng cho Trí. Hạnh tức là Đạo đức và Trí là Trí tuệ. Trí tuệ soi sáng cho Đạo đức và ngược lại, Đạo đức nâng cao Trí tuệ.

Một người đi trên đường giác ngộ phải có Trí tuệ và Giới hạnh. Ngài Văn Thù tượng trưng cho sự soi sáng, còn Ngài Phổ Hiền tượng trưng cho hành động. Muốn hành động phải có trí tuệ soi sáng. Có hành động, có kinh

nghiệm lại giúp cho việc soi sáng rõ hơn. Còn Quan Âm tượng trưng cho lòng Đại Bi, Thế Chí tượng trưng cho Đại Lực, cho sự đồng mãnh. Nghĩa là, muốn thực hiện được ý nguyện độ sinh, muốn cứu khổ cho con người, chúng ta phải có sức mạnh. Nếu không có gan đồng mãnh làm sao chúng ta có thể xông pha trong luân hồi để cứu độ chúng sanh?

Trong cuộc sống, có khi chúng ta rất siêng năng, rất muốn giúp người nhưng vì thể lực yếu đuối, bản tính nhút nhát nên không thực hiện được. Bởi vậy, muốn làm việc cứu khổ chúng sanh, chúng ta cần phải mạnh mẽ hơn, bản lĩnh hơn.

Có người cho rằng, phải buông tất cả những lo toan để niệm Phật vì nếu cứ lo cho mọi người, tâm sẽ tán loạn vọng tưởng, không thanh tịnh được.

Chúng ta đừng nghĩ như vậy. Cứ lo cho người khác, cứ tán loạn vọng tưởng, chúng ta sẽ nhiếp tâm được vì chúng ta đã sống một cuộc sống vị tha. Chúng ta phải hiểu rằng, nhiếp tâm được hay không là do phước. Nếu quan niệm sống buông hết để tu cho thanh tịnh, không cẩn thận, chúng ta sẽ rơi vào lối sống vị kỷ, sẽ không nhiếp tâm được.

Đạo Phật tiến bộ là một đạo Phật rất tinh tấn tu Thiền, nhưng rất siêng năng đem lại lợi ích cho mọi người. Cả hai đều rất quan trọng. Là một đệ tử của Phật, chúng ta phải rất siêng năng tu tập Thiền định và cũng rất siêng năng làm lợi ích cho chúng sanh. Nếu muốn tu Thiền định có kết quả, chúng ta phải yên tâm làm phước, yên tâm sống vì mọi người. Phước là Nhân quả “giấu mặt”, có sự chi phối rất bí mật đến đời sống của chúng ta. Chính phước bí mật đó giúp tâm chúng ta vào định. Đây cũng là một điều bí mật, không giải thích được, nhưng lại là một nguyên lý rất đúng, tuyệt đối đúng.

Tâm lý đạo đức

11. SỐNG ĐƠN GIẢN

1. Định nghĩa:

Sống đơn giản là không sử dụng quá nhu cầu cho bốn phận của mình.

Người tu theo đạo Phật là đi tìm con đường giải thoát. Bởi vậy, đời sống đơn giản là một Hạnh đẹp, một Hạnh cao cả mà ai cũng tôn trọng. Đức Phật của chúng ta cũng như những vị Thánh Tăng đều là những người có cuộc sống vô cùng đơn giản.

Như vậy, theo định nghĩa, chúng ta cần tránh được sự cực đoan. Đó không phải là sự ép xác mà sống đơn giản đúng với bốn phận của mình. Trong cuộc sống, có những cái cần cho việc tu hành, chúng ta vẫn phải sử dụng. Chỉ lưu

ý một điều, chúng ta không vượt khỏi nhu cầu đó để trở thành dư thừa, biến thành một đời sống xa hoa, sang trọng. Đây là chỗ rất khéo mà người tu chúng ta phải cẩn thận. Nói sống đơn giản không phải là ăn ít, mặc ít mà phải chọn mức sống sao cho vừa đủ, sao cho phù hợp với cuộc sống của mình. Trong cuộc sống, chúng ta vẫn cảm nhận rằng người sống đơn giản, ít có nhu cầu, ít ham muốn là người có cái gì đó tự tại hơn, thanh thản hơn những người sử dụng quá nhiều thứ, sống có quá nhiều nhu cầu,.

Để thực hiện một đời sống đơn giản, trước hết, chúng ta phải xác định mình sống để làm gì và có nhu cầu gì trong việc tu hành.

Với chúng ta, sống là để tu. Tu là sửa, là tu dưỡng. Trước hết, chúng ta phải sửa nội tâm mình. Làm sao từ chỗ còn nhiều ý nghĩ bất thiện, chúng ta trở thành một con người thánh thiện, từ chỗ hẹp hòi ích kỷ, chúng ta trở nên vị tha hơn. Tu là tu dưỡng nội tâm. Vậy, chúng ta cần sử dụng những gì cho việc tu hành nội tâm của mình? Đã là tu trong tâm, chúng ta không đòi hỏi gì nhiều ở bên ngoài. Chỉ cần cơm vừa đủ ăn để sống, quần áo vừa đủ để mặc, chỗ ở cũng vừa đủ, không cần rộng rãi sang trọng.

Khoảng sau Đức Phật vài thế kỷ, một vị triết gia tên là Diôzen xuất hiện.

Ông sống gần Hy Lạp, ở vùng Trung Đông. Đời sống của ông vô cùng đơn giản, giáo lý của ông thể hiện ở cuộc sống tự tại, giải thoát. Có thể xem ông là một vị Bồ Tát nào đó của đạo Phật đầu thai qua, vì ông có cuộc sống rất giống với đạo Phật. Thời đó, đời sống vật chất của con người còn rất đơn giản, chưa có những tiện nghi trong sinh hoạt. Ông chỉ có một mảnh áo che thân và một cái bát để uống nước. Một lần, trên đường đi, ông nhìn thấy người ta cúi xuống múc nước bằng hai tay để uống. Ông cảm thấy cái bát mình đang dùng là thừa nên quăng đi. Nghĩ là ông hạn chế nhu cầu về vật dụng đến mức tối đa. Mọi người rất nể phục ông bởi đời sống tự tại, đơn giản như vậy. Khi khuyên một vài lời về đạo lý, ông vẫn làm cho người ta được hạnh phúc, được an lạc, được lợi ích. Do đó, tiếng đồn lan ra khắp nơi. Lúc bấy giờ, Alexandre Đại đế đem quân chinh phục khắp nơi. Ông chiếm hết vùng Trung Đông, qua Ấn Độ. Khi đánh chiếm vùng Trung Đông, xứ của Diôzen, ông nghe đồn có một triết gia nổi tiếng, bèn tìm đến. Ở đây, nhiệt độ dao động rất mạnh, có mùa trời nóng như thiêu như đốt, có mùa lại lạnh thấu xương. Lúc này, vùng Trung Đông rất lạnh. Ông kiếm một thùng gỗ, ban đêm chui vào đó đóng cửa lại, nằm ngủ, ban ngày ra ngoài sưởi nắng. Đây là phương pháp tốt nhất để giải cái lạnh thấm vào cơ thể mà thiên nhiên ban tặng cho con người.

Khi ông đang ngồi phơi nắng, vua Alexandre cùng đoàn tùy tùng cưỡi ngựa đi tới. Từ xa, trông thấy một ông lão ngồi ung dung, tự tại, râu tóc dài xõa xuống, trên người có một tấm áo quần quanh, đẹp rực rỡ dưới ánh mặt trời, ông bèn xuống ngựa, chậm chậm đi tới. Đằng sau ông, đoàn tùy tùng cũng

làm như vậy. Đến nơi, nhà vua hỏi:

-Ngài có phải là Diôzen?”

-Phải, Ngài cần gì?- Ông từ tốn đáp.

Hai bên chỉ trao đổi vài câu ngắn ngủi, nhưng phong thái ung dung tự tại, bình thản của Diôzen khiến vua Alêchxăng cảm phục. Vì ông là một Đại đế, bách chiến bách thắng, nghe danh ông, ai cũng sợ hãi, chỉ có ông già lồm khộm, râu ria lồm xồm này liếc nhìn ông với ánh mắt bình thản. Ông cảm phục vô cùng. Sau vài câu ngắn ngủi, ông hỏi:

-Thưa Ngài, Ngài có cần gì không?

Hỏi như vậy vì nhà vua nghĩ rằng, mình là một ông vua bách chiến, bách thắng, uy danh khắp thiên hạ, dưới tay có không biết bao nhiêu là tài sản.

Nếu ông Diôzen cần gì, Ngài sẽ tặng ngay.

Nghe hỏi như vậy, vị triết gia trả lời :

-Có, cần Ngài xịch qua một chút, đừng che ánh mặt trời mà tôi đang sưởi, tôi rất cảm ơn.

Thì ra, nhà vua và đoàn tùy tùng đến từ hướng đông, đứng một loạt che hết ánh nắng buổi sáng của ngài Diôzen. Nghe vậy, vua quay sang nói với đoàn tùy tùng: “Nếu ta không là Alexandre Đại đế, ta sẽ là Diôzen”.

Theo quan niệm bây giờ, triết gia là người hay lý luận, hay triết lý. Nhưng ngày xưa, khái niệm triết gia chỉ dành cho những người có đời sống tâm linh rất cao, như một chân sư bên Ấn Độ. Ông Diôzen là người như thế, là một triết gia, có đời sống đơn giản, ai ai cũng kính phục. Nhà vua đã nhìn thấy được đời sống vô cùng đơn giản, thanh thoát ung dung tự tại, toát ra một cái gì vô cùng cao cả của vị triết gia. Ông cũng ước ao, thêm khát cuộc sống ấy. Nhưng vì đã trót làm một ông vua, ở một ngôi vị quá vĩ đại, ông không nỡ từ bỏ địa vị vua chúa của mình. Nếu không có địa vị này, ông sẽ đi tìm một đời sống hết sức tự tại, hết sức giải thoát như vị triết gia kia. Rõ ràng, không phải chúng ta bệnh vực, đề cao triết lý của đạo Phật mình, vì đó là câu chuyện ngoài đạo Phật.

Câu chuyện giữa một triết gia và một vị vua cho chúng ta thấy rằng, người sống được một đời sống đơn giản là người rất cao cả. Nghĩa là người đó vượt trội hơn những người thường, những người thích sống sung sướng. Sở dĩ chúng ta thích sung sướng, bởi trong thâm sâu tâm hồn mình có một bản năng hưởng thụ, khát khao hạnh phúc. Đây cũng là điều hợp với lẽ tự nhiên và được luật pháp công nhận, bảo vệ. Trong Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam, Hồ Chủ Tịch cũng đã trích dẫn lời trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ :“ Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hoá đã cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được. Trong những quyền ấy, có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Mưu cầu hạnh phúc là quyền tự do của con người, được tạo hóa ban cho và

được luật pháp công nhận. Bởi vậy, trong thâm sâu con người ai cũng muốn sung sướng, muốn ăn ngon, mặc đẹp, ở nhà cao cửa rộng, muốn có quyền hành, muốn được mọi người khen ngợi.... Đó là điều bình thường, thậm chí đã trở thành tầm thường. Người nào vượt qua được cái bản năng hưởng thụ, không muốn sung sướng, không cần hạnh phúc cho chính mình, người đó đã vượt khỏi cái tầm thường để trở nên cao cả. Đó là người thắng được bản năng hưởng thụ tồn tại trong mỗi con người. Những người như vậy, được người đời tôn sùng là những bậc Thánh nhân, những triết gia cao siêu.

Chúng ta sống là để tu. Nếu tu nội tâm, chúng ta không cần nhiều nhu cầu, chỉ sống rất đơn giản. Tuy nhiên, ngoài tu tâm, chúng ta còn làm nhiều việc khác để tu. Chưởng ấn, tụng kinh cũng là một hình thức tu. Khi tụng kinh, chúng ta thường tụng ở chánh điện, trước bàn thờ Phật. Như vậy, chúng ta bắt đầu nảy sinh những nhu cầu: Cần có tượng Phật, có bàn thờ Phật, cần phải cất cho bàn thờ trang nghiêm.... Khi có bàn thờ Phật, chúng ta thấy rằng không thể để tượng Phật ngoài trời nên phải cất nhà để che tượng Phật, rồi xây chùa có chánh điện. Nếu tụng kinh ban đêm, chúng ta cần có ánh sáng, cần có bóng đèn. Vào mùa nắng nóng, chúng ta lại cần thêm quạt. Dần dần, thấy chánh điện không làm nền bằng gạch bông, chúng ta cũng không yên tâm nên phải cố gắng lát bằng gạch bông vv.... Cứ thế, cũng cho việc tu nhưng dần dần mọi cái trở nên rắc rối.

Câu chuyện về một đạo sĩ tu hành ở Ấn Độ làm nhiều người phải suy nghĩ. Ông tu rất tốt, đời sống cũng rất đơn giản. Ông sống trong một hang động, không làm gì chỉ lo tu và đi khát thực. Từ cái hang, nơi ông ở, vào làng cũng khá xa. Mỗi lần khi đi khát thực, ông thường xin nhiều để dành trong một cái bao nấu ăn dần dần. Khoảng một tuần, mười ngày, ông trở xuống làng xin. Cuộc sống như vậy thật đơn giản. Nhưng rắc rối đã xảy ra bắt đầu từ mấy con chuột. Vì có thức ăn để dành nên lũ chuột kéo đến quấy phá. Vị Đạo sĩ cảm thấy phiền toái, ông cần một con mèo. Bởi vậy, khi vào làng khát thực, ông xin thêm con mèo về nuôi. Thức ăn chay vốn đơn giản, con mèo không chịu ăn. Vì là mèo con, ông nghĩ cần nhất là cho uống sữa. Sống xa làng bản, lấy đâu ra sữa cho mèo, ông thấy cần phải nuôi thêm một con bò. Khi có thêm bò, ông phải bớt thời gian tu để chăn bò và vắt sữa cho mèo, để mèo giữ thức ăn cho ông.

Thời gian trôi qua, bao nhiêu chuyện rắc rối xảy ra. Đến lúc bò bệnh, chữa đỡ..., ông phải chăm sóc, phải dắt đi ăn. Lúc này, ông không có thời gian nấu cơm. Một Phật tử có lòng cảm mộ xin đến ở công quả, nấu cơm cho Thầy. Đó cũng là nhu cầu chính đáng nên ông đồng ý. Nhưng vấn đề là cô Phật tử ở đâu, vì chỉ có một cái hang nhỏ. Thế là, ông ta phải cất một căn nhà cho đàn bà. Dần dần, ông có thêm vài chú tiểu lo lắng việc trong, việc ngoài. Như vậy, bắt đầu từ mấy con chuột mà sinh ra lắm chuyện phức

tạp, rắc rối.

Câu chuyện có thể là không có thật. Nhưng kể như vậy là người ta muốn nói rằng, cũng là cho việc tu nhưng chúng ta sẽ cần điều này, điều nọ. Từ nhu cầu này, chúng ta sẽ kéo theo những nhu cầu khác. Vì vậy, trong quá trình tu hành, chúng ta phải cẩn thận, đừng vì những nhu cầu phục vụ cho việc tu mà chúng ta phải mất thì giờ, phải làm cho tâm khuấy động. Nói như vậy để chúng ta lưu ý. Khi phát sinh những nhu cầu, chúng ta phải cẩn thận, xem có thật sự cần hay không. Có những lúc chúng ta phải chịu đựng, kiềm chế những nhu cầu để giữ được cuộc sống đơn giản. Trong cuộc sống tu hành, nhiều khi cũng có những thiếu thốn, khó khăn nhưng khi giải quyết được khó khăn lại phát sinh bao nhiêu phiền toái khác. Nếu chịu đựng một chút rồi tất cả cũng sẽ qua, chúng ta sẽ giữ được đời sống đơn giản để tu hành. Hơn nữa, chúng ta sống đơn giản là để tiết kiệm phước. Dĩ nhiên, trong kiếp trước chúng ta cũng đã từng làm phước nên bây giờ mỗi người đều có phước để tích lũy. Chúng ta phải tiết kiệm phước để sau này làm được nhiều việc lớn lao, có lợi cho Đạo.

Từ định nghĩa về sống đơn giản, chúng ta cần xem xét hai điều: Một là nhu cầu, hai là bốn phận của mình. Chúng ta phải biết mình đang cần những gì, xem những cái đó có quá nhu cầu, quá bốn phận của mình hay không. Nếu vừa đủ hoặc thiếu thốn một chút, chúng ta còn được gọi là sống đơn giản. Nếu vượt khỏi nhu cầu đó, chúng ta trở thành người có một đời sống phức tạp. Đây là điều chúng ta phải cẩn thận.

Một tu sĩ trong giai đoạn ẩn tu thường không có nhiều nhu cầu. Nhưng bước sang việc học, nhất là học trong giai đoạn hiện nay, sẽ cần rất nhiều thứ : sách vở, bút viết, bàn ghế, đèn đuốc, cơm ăn, áo mặc Những nhu cầu ấy được quý Thầy trong Ban giám hiệu lo toan chu tất nên cũng rất đơn giản. Nhưng khi ra làm việc, mọi cái còn phức tạp hơn nhiều.

Trước kia, người tu thường đi bộ, dần dần dùng đến xe đạp, xe gắn máy. Vì khi chùa có nhiều đệ tử, công việc sẽ nhiều hơn, chúng ta không thể đi bộ hoặc đi xe đạp mãi. Khi đi giảng pháp nơi này, nơi kia, chúng ta không đủ sức khỏe để ngồi xe gắn máy, nhất là khi phải đi hàng trăm cây số. Vì vậy, nhu cầu đi xe hơi xuất hiện. Cứ thế, hàng loạt những nhu cầu trong cuộc sống theo thời gian mà tăng lên. Xét cho cùng, đó cũng là những nhu cầu chính đáng hỗ trợ cho chúng ta trong công việc. Nhưng sự phức tạp cũng theo đó mà tăng lên. Đây là chỗ khó xử đối với người tu hành. Một mặt, chúng ta muốn giữ đời sống đơn giản đạm bạc, nhưng mặt khác, cuộc sống với những nhu cầu phức tạp vẫn lôi kéo chúng ta.

Đơn giản nhất là chuyện ăn mặc. Ngày trước, người đi tu không có nhiều quần áo như bây giờ. Chỉ cần một vài bộ quần áo cũ thay qua, thay lại cũng xong. Nhưng cuộc sống ngày càng khá hơn, vài vốc cũng rẻ, nhiều chùa lại

có đệ tử biết may vá nên vấn đề ăn mặc có vẻ thoải mái hơn. Có Thầy còn cẩn thận may những bộ quần áo màu vàng để khi có khách đến chùa tiếp cho dàng hoàng, lịch sự. Những lúc khác có thể mặc quần áo màu lam hay màu đà cho bình dị, gần gũi với thiên nhiên.

Có khi do phước kéo đến, chúng ta được nhiều người biếu tặng, cúng dường. Những lúc ấy nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ thành người tích lũy tài sản. Một điều khó xử là trong luật của Tỳ kheo, người thí chủ cho vật gì chúng ta phải làm đúng ý họ. Nếu đem cho người khác ngay dù người ta không biết, chúng ta vẫn mang tội. Nhưng nếu giữ lại tất cả, chúng ta làm sao sử dụng hết. Bởi vậy, chúng ta nên tìm lúc thích hợp mang cho lại người khác, người thiếu thốn hơn. Thực ra, chính những lúc không có gì hết hoặc hơi thiếu thốn một chút, chúng ta dễ sống hơn. Khi phước đến, có thêm nhiều tài sản, vật dụng, chúng ta sẽ cảm thấy ray rứt, khó xử giữa đời sống đơn giản và những gì do phước đem lại.

Ngay cả nhà cửa để ở cũng vậy, chúng ta rất muốn đơn giản. Cửa có thể không sơn, để màu gỗ nguyên thủy, mộc mạc. Nhưng không sơn, lâu ngày sẽ hư hỏng. Giường ngủ, chúng ta cũng có thể không sơn, không đánh vec ni cho đơn giản, nhưng như vậy có cái gì đó giả dối. Vì chúng ta thừa biết, có thêm lớp sơn, gỗ sẽ bền hơn. Biết mà vẫn để như vậy cố làm ra vẻ sống đơn giản, chúng ta có cảm giác mình đang sống một cách giả dối. Rồi nơi ở cũng vậy, chúng ta có thể lợp cóc bằng tranh, làm bằng cây rừng cho đơn giản, mát mẻ. Nhưng tính ra lợp tranh, lợp lá lại phức tạp hơn nhiều lần lợp bằng tôn. Vì lợp tôn bền hơn, tranh lá mỗi năm lại phải thay, rất tốn công, tốn của. Bởi vậy, nhiều khi chúng ta muốn giữ cái vẻ đơn giản nhưng như thế đó là sự giả dối. Đây cũng là điều khó xử của người tu chúng ta.

Nhìn ra ngoài đời chúng ta thấy, một nguyên thủ quốc gia buộc phải cần rất nhiều vật dụng và nhân lực hỗ trợ. Vì mỗi hành động trong cuộc sống, mỗi quyết định của họ đều có liên quan đến vận mệnh của cả quốc gia, dân tộc. Tất cả những gì tốt nhất, những phương tiện kỹ thuật hiện đại, tối tân nhất đều ưu tiên cho những người ấy. Xe của các vị phải là loại xe chống đạn, xe bọc thép. Máy bay phải là loại chuyên cơ, đặc biệt, đảm bảo an toàn tối đa. Chưa kể đến đội ngũ những người bảo vệ bên cạnh họ, có khi lên đến hàng ngàn người.... Mặc dù nhu cầu quá lớn, phương tiện phục vụ ưu tiên đến mức tối đa nhưng đó là những nhu cầu cần thiết để các vị sống và làm việc. Không ai phê bình hay trách cứ họ. Nhưng trong đời sống cá nhân, nếu không cẩn thận, vẫn có thể bị người đời phê phán.

Chúng ta tự hào vì có Bác Hồ. Cuộc đời Bác là một tấm gương sáng về lối sống giản dị mặc dù Người là một lãnh tụ vĩ đại. Ở đây, không bàn về chính trị, chỉ nhìn vào đời sống chúng ta đủ thấy con người ấy vĩ đại đến mức nào. Có thể lúc bấy giờ đất nước chúng ta còn nghèo, không đầy đủ tiện nghi nên

Người sống đơn giản. Nhưng đó chỉ là một lý do rất nhỏ. Điều quan trọng là sống giản dị đã trở thành một nguyên tắc, một lẽ sống ăn sâu vào máu thịt của Người. Bác ăn uống đạm bạc, đi dép cao su, mặc áo bà ba, ở nhà sàn, sống chan hoà giữa thiên nhiên hoa lá. Hình ảnh vị lãnh tụ “áo nâu túi vải” ấy đã đi vào văn học như một mẫu mực về Đạo đức, về lối sống giản dị. Nhà thơ Tố Hữu từng ca ngợi:

Giường mây, chiếu cói, đơn chăn gối

Tủ nhỏ vừa treo mấy áo sờn....

...Còn đôi dép cũ mòn quai gót

Bác vẫn đi về giữa thế gian

Nhiều lãnh tụ từ các quốc gia khác đến thăm Bác, ai cũng ngạc nhiên và cảm phục khi nhìn thấy con người nổi tiếng thế giới, quyết định biết bao nhiêu vận mệnh, lại sống vô cùng đơn giản như vậy. So với Bác, họ nhận thấy mình sống xa hoa sang trọng hơn nhiều. Vì vậy, trong một lần bình chọn mười lãnh tụ sống liêm khiết nhất thế giới, Bác Hồ của chúng ta được các quốc gia xếp đầu bảng. Con người ấy có đời sống tinh thần rất thanh cao. Mỗi đêm, Người vẫn ngồi thiền. Ông Võ Nguyên Giáp cho rằng Bác Hồ là một Thiền sư, có trực giác rất mạnh. Người ta kể rằng, khi Bác qua đời, trong đơn của Bác chỉ tìm thấy râu chuối và cuốn kinh Lăng già Tâm ấn bằng chữ Nho.

Một người vốn là sĩ quan cao cấp ở miền Bắc từng kể rằng, từ nhỏ ông ta không hiểu gì về chùa chiền, nhưng lúc rảnh rỗi ông thường vào chùa chơi. Lớn lên, ông ta trở thành phi công lái máy bay chiến đấu, rồi trở thành cán bộ cao cấp, chỉ huy quân sự, chỉ huy tình báo, nhưng rất mộ Đạo. Khi vào Nam, ông đi thăm các chùa và tỏ ra rất thích không khí tu hành ở miền Nam. Nhưng ông thừa nhận, nhiều vị tu hành trong này vẫn không bằng đời sống của Bác Hồ. Về giáo lý, có thể quý Thầy rất cao siêu nhưng về đời sống, các vị ấy không bằng Bác Hồ, không bằng ở đời sống rất giản dị của Bác. Người đời nể phục Bác cũng như Ngài Alexandre nể phục nhà hiền triết vậy. Vì Bác là người lãnh đạo tối cao của một nước, có quyền hưởng thụ mọi thứ theo bổn phận của mình nhưng lại khước từ. Đó là người thắng được bản năng hưởng thụ vốn tiềm ẩn trong mỗi con người.

Trong Đạo của chúng ta, Đức Phật là tấm gương tiêu biểu nhất về đời sống đơn giản. Trong thời đại đó, người ta quan niệm, sống khổ hạnh là một hạnh tu cao quý. Người ta cho rằng, người chiết phục được đời sống của cơ thể này thì tâm linh của họ sẽ bừng sáng, sẽ giác ngộ. Còn người cung phụng cho thể xác này thì tâm linh sẽ mờ tối. Đức Phật cũng tin như vậy nên đã thực hành khổ hạnh một cách rất khốc liệt. Ngài ép xác, ăn uống rất ít, nhịn thở để mong khi thể xác này kiệt quệ thì tâm linh Ngài bừng sáng. Nhưng qua sáu năm ép xác đến cùng cực, thấy mình sắp rơi vào hôn mê, tinh thần

mờ tối, Ngài mới hiểu là mình đã sai và những người có quan niệm như vậy là sai. Rõ ràng, họ nói mà không thực hành, nói mà chưa có kinh nghiệm. Đức Phật hiểu ra rằng, thân xác kiệt quệ thì tâm linh cũng suy yếu. Ngài đã từ bỏ con đường khổ hạnh, và chọn con đường khác để đi đến giác ngộ, đi đến giải thoát. Đó là con đường Thiền định. Vậy, trước khi chứng Đạo, Ngài có một đời sống cực kỳ khổ hạnh, sống ép xác. Sau khi chứng đạo, Ngài không có nhu cầu gì nữa và sống rất đơn giản. Dĩ nhiên, chúng ta không thể sống được như Đức Phật. Nhưng người tu phải lấy đời sống của Đức Phật làm thước đo cho mình. Nghĩa là chúng ta xem mình cách Phật xa như thế nào để tự điều chỉnh, đừng đi quá xa.

Sau Đức Phật là Ngài Ma Ha Ca Diếp. Vị này phát nguyện sống đơn giản còn khủng khiếp hơn. Với Ngài, áo chỉ cần may bằng loại phấn tảo, là loại giẻ rách hoặc vải để lệm người chết người ta vứt đi. Thời đó, ở Ấn Độ kỹ thuật dệt chưa phát triển nên đa số nông dân, dân thường và những ẩn sĩ tu hành đều mặc vải được nhuộm từ vỏ cây. Hầu hết vải đều có màu đà hoặc nâu nâu, đỏ đỏ. Những người giàu có hơn lấy bông dệt ra vải có màu trắng và để nguyên màu trắng đó may quần áo mặc nên gọi là bạch y cư sĩ. Chúng ta đừng nghĩ lúc ấy Đức Phật mặc áo màu vàng. Ngài cũng mặc vải màu đà như những người khác. Kỹ thuật may của người Ấn Độ lúc bấy giờ cũng thua người Trung Hoa. Họ không biết may thành từng ống để xỏ tay chân vào mà dùng tấm vải lớn quấn vòng quanh người, qua ngực vòng lên vai rồi kẹp vào nách. Mặc như vậy nên người ta đi đứng rất khó khăn.

Một điều chúng ta cần lưu ý, trong cuộc sống tu hành, nếu tu chân chính, dần dần chúng ta sẽ có phước. Khi phước tăng lên, những vật dụng hằng ngày tự nhiên sẽ đến với mình. Đây là chỗ thử thách Đạo lực của chúng ta. Người có Đạo lực là người thắng được bản năng hưởng thụ, biết khước từ, giữ cho mình đời sống đơn giản. Người có Đạo lực yếu, sẽ không thắng được bản năng hưởng thụ, phước đến bao nhiêu, hưởng thụ bấy nhiêu.

2. Tu sĩ phải so sánh nhu cầu của mình với hoàn cảnh xã hội:

Trong đời sống, một tu sĩ muốn sắm sửa vật gì phải so với hoàn cảnh xã hội và với nhu cầu của mình. Nghĩa là phải xem mình cần gì và hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ như thế nào. Đây là điều rất quan trọng.

Ví dụ: Chúng ta phát tâm về vùng sâu, vùng xa, vùng hẻo lánh để đem Phật pháp đến cho người dân ở đó. Khi cất chùa, cất chánh điện, chúng ta nên xem cất như thế nào cho phù hợp với hoàn cảnh xã hội chung quanh. Lúc đó, được những Phật tử khá giả giúp đỡ, có thể chúng ta sẽ cất được một ngôi chùa bề thế, khang trang, nhưng nhìn xung quanh, thấy toàn nhà lá, nên chúng ta cũng làm một ngôi chùa đơn giản như họ, chỉ lợp tranh, lợp lá. Như vậy, chúng ta dễ hoà đồng với họ hơn. Đừng quá xa cách để khi bước vào chùa, người ta có cảm giác đó không phải là thế giới của họ. Nếu đó là nơi

chưa biết Phật pháp nhưng cuộc sống khá giả hơn, phổ phùng đông đúc, nhà cao cửa rộng, chúng ta có thể xây một ngôi chùa bề thế cũng không sao. Nói như vậy để thấy rằng, nhu cầu của mình, sự sắm sửa của mình phải phù hợp với hoàn cảnh xã hội chung quanh.

Về điểm này, ông Voltaire, người Pháp, đã từng phê bình những tu sĩ Thiên Chúa giáo (thực ra không chỉ riêng Thiên Chúa giáo, trong đạo Phật chúng ta cũng có vài trường hợp). Ông nói: “ Vì tôn giáo mà cung điện đã được dựng lên cho giáo sĩ”. Ông không nói là nhà thờ mà gọi nơi thờ tự đó là cung điện. Chúng ta thường thấy, nhà thờ bên đạo Thiên Chúa rất lớn, rất cao, khuôn viên rộng mênh mông. Những giáo sĩ đạo Thiên Chúa sống trong những nhà thờ lớn như vậy nên ông cho rằng nhờ có danh nghĩa tôn giáo Thiên Chúa giáo mà những tu sĩ được ở trong cung điện, sa hoa hơn, sang trọng hơn, sung sướng hơn những người thường. Trong khi đó, đúng ra người tu hành phải sống bằng hoặc khổ hơn những người thường. Đây là chỗ mà chúng ta cần lưu ý.

Chúng ta phải so sánh sinh hoạt thời Phật và thời bây giờ về nhiều mặt để biết mình có những nhu cầu gì.

Về việc học: Ngày nay đi học, chúng ta cần những gì? Ngoài sách vở, bút viết, bàn ghế, chúng ta còn cần phương tiện đi lại. Ở thành phố, mỗi người phải có một chiếc xe để đi học. Lúc đầu là xe đạp, nhưng đường xa, lại thêm nóng nực và bụi bặm, đi xe đạp lâu ngày cũng mất sức, nên ai cũng cố gắng sắm một chiếc xe gắn máy. Cách đây khoảng năm sáu chục năm trước, người tu thường đi bộ trông rất hay, ai đi xe đạp đã thấy lạ, vì làm mất đi vẻ oai nghi. Sau này, theo nhu cầu, người tu bắt đầu đi xe Honda, nhìn không còn vẻ nghiêm trang như trước. Nhưng cuộc sống đã đổi thay đến chóng mặt, chúng ta cũng phải thích nghi dần dần với nhịp sống ấy. Cứ thế, rồi mọi cái cũng trở nên quen thuộc, bình thường. Bây giờ, nhiều Thầy đi giảng xa phải dùng đến xe hơi, chúng ta cũng không có gì phải ngạc nhiên...

Xã hội ngày càng văn minh, con người càng đánh mất dần nếp sống mộc mạc của mình. Chúng ta cũng bị nhu cầu lôi cuốn, dần dần mất đi đời sống đơn giản, bắt đầu một cuộc sống sang trọng hơn.

Về việc tu : Thời chúng ta và thời Đức Phật có gì khác nhau ? Nói về vấn đề tu Thiền, chúng ta thấy thời mình và thời Đức Phật có nhiều điểm khác nhau. Ngày xưa, các vị ngồi Thiền không có bồ đoàn, chỉ cần tọa cụ, là miếng vải để trải cho đỡ dơ. Các vị thường ngồi trên bệ đá hay dưới đất trắng nên phải trải tọa cụ. Bây giờ, chúng ta chế ra bồ đoàn để ngồi cho êm. Thực ra, theo kỹ thuật tọa Thiền, chúng ta không nên dùng bồ đoàn. Ngày nay, chúng ta chỉ cần dùng tọa cụ khi ngồi Thiền như các bậc tiền bối. Ngoài ra, khi ngồi Thiền, chúng ta còn cần thêm mùng để tránh bị muỗi đốt, cần quạt máy vì thời tiết quá nóng. Thậm chí, có người ngồi Thiền trong phòng

máy lạnh. Ở phương Tây, nhà nào cũng có máy sưởi và máy lạnh, máy điều hoà nhiệt độ, người tu trong chùa cũng phải có đầy đủ như người thế gian. Đó cũng là điều bình thường.

Về việc thuyết giảng, truyền bá:

Chúng ta cần những kỹ thuật phương tiện: xe cộ để đi lại cho nhanh chóng, đúng giờ; máy móc, âm thanh ánh sáng, băng giảng, kinh sách... Để việc truyền bá giáo pháp được rộng rãi, thuận lợi, chúng ta cần ưu tiên tối đa, có thể sử dụng tất cả những gì tốt nhất. Vì đó là việc làm đem lại lợi ích cho chúng sinh.

Về việc ăn uống:

Thời Đức Phật, người tu đi khất thực, ai cho gì ăn nấy. Có người không biết, cho thịt cá, các Ngài cũng phải từ bi mà ăn hết. Sau này, Phật tử hiểu Đạo hơn nên nhiều người lên chùa cúng dường, quý Thầy dần dần chuyển sang ăn chay. Bên Bắc Tông Đại Thừa, người tu vẫn ăn chay. Đó là điều hợp với giáo lý từ bi của Đức Phật. Chỉ tiếc một điều, các Sư Nguyên thủy không ăn chay. Các Ngài cho rằng, thời Đức Phật cho gì ăn nấy nên người nào ăn chay, người đó không phải theo đạo Phật. Các sư thà chết, cương quyết bảo vệ ăn mặn cho bằng được. Thực ra, quan niệm như vậy là không nên. Vì khi đi xin, ai cho món gì, người tu ăn món nấy, không hề đòi hỏi là đúng. Nhưng đến lúc Phật tử mang lại chùa cúng, trong tâm họ đã có chủ ý rồi, chúng ta không nên ăn mặn. Nếu có người không biết cúng thức ăn mặn, chúng ta phải khuyên họ nên cúng chay. Chính vì quan niệm về ăn uống như vậy mà giữa Nguyên thủy và Bắc Tông nảy sinh những mâu thuẫn.

Chúng ta thấy rằng, với người tu hành, ăn chay vẫn hay hơn. Nhưng ăn chay phải hợp lý về dinh dưỡng. Nghĩa là bữa ăn phải có đủ bốn nhóm dinh dưỡng: thứ nhất là tinh bột (glucô), thứ hai là chất đạm (prôtit-có nhiều trong đậu nành), thứ ba là chất béo (lipit - có trong dầu, sữa, tuyệt đối không dùng mỡ), thứ tư là chất xơ (rau quả). Dùng đậu nành lâu ngày có thể làm cho chúng ta ngán nên chất đạm sẽ không cung cấp đủ cho cơ thể, chúng ta có thể uống thêm viên đạm hoặc truyền dung dịch đạm. Điều đó cũng hợp lý.

Ngoài bốn chất căn bản ấy, cơ thể còn cần những chất vi lượng như vitamin, chất khoáng. Vì vậy, chúng ta ăn uống phải hợp lý, không được ép xác, khổ hạnh. Ép xác là một sai lầm, có thể dẫn tới tình trạng suy nhược cơ thể. Từ chỗ suy nhược cơ thể, chúng ta sẽ bị suy nhược thần kinh, suy nhược tâm thần. Nguy hiểm hơn là chúng ta không còn sáng suốt nữa, sau đó có thể bị rối loạn tư cách và trở nên điên loạn. Bởi vậy, chúng ta phải ăn uống cho hợp lý, không nên để cơ thể suy nhược, thần kinh suy yếu dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe. Trong bài tham dự, chúng ta sẽ nói kỹ hơn về vấn đề ăn uống.

Về mặc: Thời xưa, trong xã hội Ấn Độ, người ta thường quấn y vòng qua người. Xét cho cùng, đó chỉ là y phục ở Ấn Độ thời cổ, không phải là biểu tượng thiêng liêng của Đức Phật như nhiều người vẫn nghĩ. Tùy theo phong tục, tập quán, hoàn cảnh xã hội mà chúng ta ăn mặc cho hợp lý, không nhất thiết phải cố chấp giống thời Đức Phật. Chúng ta có thể mặc sao cho dễ phân biệt giữa người tu và người đời. Kiểu áo vạt nẻ của Phật giáo Việt Nam chúng ta rất hay, vừa giống áo bà ba, vừa đắp thêm miếng vải bên phải trông khác đi. Hoặc người Việt Nam hay mặc áo dài, chúng ta cũng có áo tràng tương tự như vậy, trông cũng hay hay. Hiện nay, theo qui định của chùa, a Sa Di đi đường thường mặc áo kiểu Nhật, kiểu Tàu trông có vẻ rườm rà. Nói chung, chúng ta phải ăn mặc tươm tất, không lôi thôi, luộm thuộm. Vì cách ăn mặc cũng thể hiện lối sống văn hoá, thể hiện tư cách của con người. Người tu chúng ta có thể nghèo, có thể sống đơn giản nhưng không được phép bê bối, không được phép xấu. Dù mặc áo vá đi ra đường, miếng vá cũng phải ngay ngắn, phải đẹp, phải có sự thẩm mỹ. Vì mặc xấu, lôi thôi thể hiện giá trị tinh thần kém.

Ngày nay, kỹ thuật vải vóc, may mặc tiến bộ hơn trước nhiều. Chúng ta nên mặc những loại vải tương đối tốt, có độ bền cao nhưng đừng chọn những loại vải quá đắt tiền, quá sang trọng. Theo tiêu chuẩn chung, mỗi Thầy được ba bộ quần áo (Tam y nhất bát) nhưng trong hoàn cảnh xã hội bây giờ không nhất thiết phải như vậy. Các Thầy có thể mặc nhiều hơn, ít nhất phải có năm bộ quần áo. Vì đề phòng mưa gió, hơn nữa vải vóc bây giờ quá nhiều, giá cả cũng phải chăng, không cần thiết phải tiết kiệm đến mức thiếu thốn nữa. Thời bây giờ, người bình thường có đến hai ba chục bộ đồ cũng là chuyện thường tình. Bởi vậy, tùy hoàn cảnh xã hội mà chúng ta điều chỉnh nhu cầu của mình cho hợp lý.

Về chỗ ở: Ngày xưa, Đức Phật ở dưới gốc cây trong rừng, cũng có khi ở tinh xá, chòi tranh, trong hang núi hay bờ suối. Bây giờ, do xã hội tiến bộ, hơn nữa cơ thể con người không đủ sức chịu đựng nên chúng ta phải ở trong nhà đàng hoàng, tươm tất. Tuy nhiên, chúng ta cố gắng không trang bị quá tiện nghi, cái gì không quá cần thiết, chúng ta đừng mang vào nhà để trông có vẻ sang trọng. Không ít người trong chúng ta bày biện trong phòng mình những món hàng sang trọng, đắt tiền.. Khi có phước, người ta cho mình nhiều thứ nhưng chúng ta phải cân nhắc, cái nào quá cần cho cuộc sống tu tập, chúng ta sẽ dùng. Nếu những món đồ ấy làm cho căn phòng của chúng ta trở nên sang trọng quá, chúng ta nên thôi, đừng mang vào nhà. Đây chính là chỗ thử thách Đạo lực của người tu, chúng ta phải cẩn thận. Chỗ ở đối với chúng ta chỉ cần tốt bền, rẻ, đẹp và tiện lợi.

3. Chùa to hay chùa nhỏ:

Chùa là sở hữu quan trọng, cũng là tài sản quan trọng của người tu. Vậy,

chúng ta nên cất chùa to hay nhỏ, đẹp hay không đẹp ? Thực ra, những ngôi chùa to đẹp thường tiêu biểu cho văn hoá Phật giáo. Ngày xưa, chúng ta có những ngôi chùa rất to, rất đẹp do vua chúa xây dựng. Bây giờ, chúng ta phải biết ơn những ngôi chùa đó vì chính những ngôi chùa to đẹp ấy đã góp phần tạo nên văn hoá vĩnh cửu cho đạo Phật. Nhìn vào ngôi chùa, chúng ta biết vào thời đại đó, người ta mộ đạo Phật đến mức nào. Có mộ Đạo, người dân mới chung công, góp sức xây cất một ngôi chùa to lớn. Nói chung, Đạo Phật rất cần có một số ngôi chùa to như vậy.

Nếu cất chùa để tu, chúng ta không cần nhiều đến hình thức, chỉ cất chùa đơn giản, có thể rộng để nhiều người đến tu. Nếu Phật tử đến tu đông quá, chúng ta có thể cất rất rộng, nhưng không cần phải sang trọng. Theo triết lý âm dương, cái chìm sâu khuất kín là âm, cái bộc lộ ra bên ngoài là dương. Nhìn vào một ngôi chùa, chúng ta cũng sẽ thấy hai mặt âm dương đó. Âm là nội dung, dương là hình thức. Nội dung của một ngôi chùa chính là sức tu hành của đại chúng trong chùa đó. Sức tu hành ấy khuất kín, chìm sâu không phải nhìn vào là thấy ngay được. Cái chúng ta có thể nhìn thấy là vẻ đẹp về kiến trúc, về đường nét, màu sắc của ngôi chùa. Trong Dịch lý có công thức thể hiện sự khôn ngoan của người xưa là: “năm âm một dương”. Nghĩa là, nếu nội dung bên trong(cái âm) có tới năm, chúng ta chỉ bộc lộ ra bên ngoài một mà thôi Như vậy, sẽ rất bền. Như vậy, khi xây dựng chùa, chúng ta cần cân đối hình thức và nội dung theo tỉ lệ 1/5. Nghĩa là sức tu tập năm phần, xây dựng một phần. Trong thực tế, có không ít chùa rất to, rất đẹp- đẹp vô cùng nhưng sức tu của đại chúng lại không cân xứng với chùa. Những chùa như vậy sẽ không tồn tại bền vững vì âm- dương không cân đối, hài hòa. Đây là điểm mà chúng ta cần lưu ý. Nếu muốn cất chùa đẹp phải xem sức tu của đại chúng trong chùa mình có gấp năm lần cái đẹp đó hay không. Nếu chỉ chú trọng hình thức, cất ngôi chùa rất đẹp nhưng đại chúng tu không tốt thì chùa sẽ rất hoang tàn. Ngày nào đó, chùa không còn người chân tu ở thì người ngoài sẽ làm những điều bậy bạ. Nhiều chùa ở Trung Hoa đã xảy ra tình trạng đó. Có những ngôi chùa cổ rất to, rất đẹp sau này khi Ngài Hư Vân đến chỉ còn là nơi người ta nuôi heo, nuôi bò. Ngài phải chấn chỉnh, tu sửa lại tất cả.

Tóm lại, có ba điều chúng ta cần để ý: Nơi thờ Phật cần trang nghiêm. Nơi ở của chúng cần tiện nghi. Nơi ở của trụ trì cần đơn giản. Đó là cái đạo cho đại chúng. Nghĩa là người lớn bao giờ cũng phải lo cho người nhỏ trước. Người trụ trì phải nghĩ cho đại chúng trước. Có như vậy, sau này đại chúng mới hiểu rằng, Thầy mình luôn hy sinh cho đệ tử. Tấm gương ấy sẽ được soi sáng và lưu truyền mãi mãi cho Phật pháp.

4. Trường hợp có phước:

Trường hợp chúng ta có phước, vật dụng sẽ tự đến một cách sung mãn, dù

mình không mong muốn. Lúc ấy, chúng ta phải bố thí san sẻ cho người khác. Đó là xét trên tư cách cá nhân. Nếu tự nhiên chùa mình được nhiều người cúng dường, trở nên sung mãn, dư dả, chúng ta phải giúp cho chùa khác, đại chúng khác. Nhưng lúc này, của cải có được không phải của cá nhân mình, mà của đại chúng, chúng ta phải cho họ biết. Vì một khi là của đại chúng, người trụ trì không được hoàn toàn sử dụng. Nếu sử dụng tùy tiện, chúng ta sẽ mang tội.

Thậm chí, có trường hợp Phật tử chỉ cúng cho Thầy trụ trì thôi, nhưng lúc ấy, người trụ trì phải hiểu rằng có cái đức của đại chúng trong đó. Cho nên, không được tùy tiện sử dụng riêng. Nếu muốn cúng dường qua một đại chúng khác, một chùa khác, chúng ta cũng phải báo cho chúng biết, phải hỏi ý kiến đại chúng. Chúng hoan hỉ thì chúng ta san sẻ bớt cho chùa này, chùa kia trên tinh thần “Mười phương Tăng là một”. Chúng ta phải giữ đời sống của đại chúng vừa đủ. Nếu dư, chúng ta phải cúng dường cho Tăng Ni khác. Tích lũy quá nhiều, không những người trụ trì mang tội mà cả chùa cũng mang tội.

Có hai mức độ của kém Đạo đức và hai mức độ của Đạo đức là tham cái mình không có và tham giữ cái mình có. Trường hợp thứ nhất là khi thấy người khác có vật gì, chúng ta băn khoăn, suy nghĩ làm sao mình cũng có được. Đó là cái tham sai, chúng ta nên từ bỏ. Vì phước của mỗi người vốn khác nhau. Dân gian ta thường nói :“ Trời kêu ai người nấy dạ” hoặc “ Cờ đến tay ai, người nấy phát”. Trường hợp thứ hai là khi có trong tay nhiều của cải, chúng ta tham giữ, không buông xả, không chia bớt cho người khác. Không tham cái mình không có đã khó, khước từ, buông xả cái mình có còn khó hơn nhiều. Đây là chỗ khó xử của con người mà chúng ta phải cố gắng.

5. Những sản phẩm mới:

Sống trong thời đại văn minh, tiến bộ, hàng loạt những sản phẩm mới ra đời, chúng ta phải xem những sản phẩm mới ấy có cần thiết cho đời sống tu hành của mình hay không.

Đối với bia và thuốc lá, chúng ta phải tuyệt đối, phải cương quyết khước từ. Thời Đức Phật chưa có hai sản phẩm này nên Ngài không chế giới. Nhưng bây giờ, chúng ta phải tự chế giới. Sở dĩ chúng ta cương quyết khước từ vì hai lẽ: Thứ nhất, dùng bia và thuốc lá rất lãng phí. Phật tử cúng dường để cho chúng ta tu học chứ không phải để làm những điều vô bổ. Nếu đốt thuốc lá đốt tiền của Phật tử, chúng ta sẽ phạm tội rất nặng. Thứ hai, bia và thuốc lá là những thứ có hại cho sức khỏe. Không những chúng chỉ tàn phá sức khỏe của chúng ta mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe của những người xung quanh. Là người tu, chúng ta phải hiểu đó là cái ác và là sự ngu si. Cho nên, chúng ta không nên dùng. Hiện nay, trên thế giới, người ta cũng đang kịch liệt chống hút thuốc lá. Chúng ta đừng để cư sĩ than phiền về việc người

tu ra đường phì phèo điều thuốc lá vừa thiếu văn minh, vừa không còn sự nghiêm túc của một bậc tu hành. Đôi khi bia được cho là vị thuốc trợ tiêu hóa nếu sử dụng rất ít. Ta hãy chờ xem.

Đối với những sản phẩm điện tử như Ti vi, Video, Radio, Cassette: Chúng ta không hoàn toàn phản đối hay khước từ. Vì chương trình tivi hiện nay rất phong phú. Bên cạnh ca nhạc, phim ảnh, bóng đá, tivi còn phát những chương trình về y học, về sức khỏe, về khoa học ... Đó là những vấn đề rất bổ ích đối với tất cả mọi người. Chúng ta không nên mất thời gian tu hành vì những điều vô bổ, nhưng những thông tin bổ ích chúng ta cũng không nên bỏ qua. Nói chung, với tivi, chúng ta nên sử dụng một cách dè dặt. Radio bây giờ chủ yếu dùng để nghe tin tức. Với chúng ta, nó không cần lắm.

Cassette rất cần để nghe băng thâu những bài giảng kinh, những bài hát ngợi ca Đức Phật. Chúng ta không nên dùng vì những mục đích giải trí tầm thường. Video cũng vậy, rất cần để chúng ta xem băng hình, băng phim về Đạo, về những buổi giảng pháp của các bậc chân Sư. Chúng ta không được xem những phim chướng, phim tâm lý xã hội đang phát hành nhan nhản trên thị trường. Thực ra, trong các phim ấy cũng có nhiều đạo lý, nhiều triết lý thâm thúy. Nhưng để hiểu được triết lý đó qua phim, chúng ta phải thức đêm, vừa mất thời gian, vừa hại sức khỏe. Với người tu hành như chúng ta, tốt nhất là đi tìm đạo lý trong kinh, trong những bài giảng, trong đời sống của những người xung quanh và trong đời sống của chính mình.

Với tủ lạnh, bếp gas: Để dự trữ thức ăn, trong chùa cũng cần có tủ lạnh. Còn bếp gas, chúng ta cũng rất cần. Hiện nay, người ta khuyến khích nên xài bếp gas, nên hạn chế dùng củi, dùng than. Vì người càng lúc càng đông, nhu cầu dùng củi ngày càng tăng sẽ dẫn đến nạn phá rừng. Đó là chưa kể dùng than củi nhiều sẽ làm ô nhiễm môi trường.

Đối với xe hơi, xe tải, xe máy xới : Chúng ta cũng cần những phương tiện ấy. Xe hơi tiện cho việc đi lại, nhất là đi giảng xa, vừa nhanh chóng, vừa đảm bảo an toàn. Trong công việc sản xuất, xây dựng, xe máy xới cũng rất cần thiết. Sử dụng những phương tiện ấy, chúng ta sẽ tiết kiệm được sức khỏe và thời gian. Khi không mệt mỏi, có sức khỏe, chúng ta ngồi thiền sẽ tốt hơn. Nói chung, áp dụng những phương tiện, áp dụng khoa học vào đời sống cũng là điều tốt, không có gì chúng ta phải băn khoăn.

Đối với computer: Máy vi tính rất cần đối với chúng ta. Mỗi người phải học sử dụng máy vi tính. Đó là phương tiện hiện đại, hỗ trợ rất tốt cho chúng ta trong học tập và trong công việc.

Đối với điện thoại viễn thông: Đây là một phương tiện giao tiếp hiện đại, cũng cần cho chúng ta. Nhưng sử dụng điện thoại cũng có những phiền phức riêng. Người tu vốn hạn chế giao tiếp với bên ngoài. Bên cạnh cửa chùa, điện thoại cũng là một cửa để chúng ta phải tăng thêm quan hệ, giao tiếp.

Tuy có những tiện lợi nhưng điện thoại thường làm mất thì giờ của chúng ta. Đôi khi đang ngồi thiền, đang tụng kinh, điện thoại reo làm chúng ta, mất tập trung, mất sự thanh tịnh. Nói tóm lại, chúng ta không phản đối việc dùng điện thoại, cả điện thoại di động. Nhưng vì có nhiều điểm không hay, chúng ta nên sử dụng hạn chế.

Đối với điện, đèn: Chúng ta cũng rất cần. Đèn cần cho việc tụng kinh, học bài. Điện nói chung cần trong sinh hoạt hằng ngày. Chúng ta không thể không sử dụng điện.

Đối với tô chén, đĩa và các vật liệu mới: Chúng ta cũng cần cho cuộc sống hằng ngày. Tuy nhiên, khi sử dụng, chúng ta không nên lạm dụng, dùng một cách thừa thãi.

6. Kinh tế tiêu thụ:

Theo kinh tế học, người ta quan niệm sự tiêu thụ sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển. Điều đó hoàn toàn có cơ sở. Vì khi sản phẩm sản xuất ra, được người tiêu dùng tiêu thụ nhiều, cơ sở sản xuất sẽ mở rộng kinh doanh, sẽ thu hút nhân lực, góp phần làm cho xã hội phát triển. Ví dụ, một công ty chuyên sản xuất kinh doanh ngành may mặc, sản xuất ra nhiều loại vải, quần áo được khách hàng ưa chuộng. Hàng của họ được tiêu thụ nhanh nên công ty phát triển rất nhanh. Họ mở rộng kinh doanh, thu nhận nhiều công nhân, tạo ra công ăn việc làm cho người lao động. Kinh tế xã hội cũng nhờ thế mà phát triển.

Có một thời gian, nền kinh tế Pháp bị suy thoái. Chính Tổng thống Pháp đã kêu gọi dân chúng phải tiêu thụ nhiều, mua sắm nhiều để thúc đẩy kinh tế phát triển. Đó là lý luận của kinh tế học, và cũng là điều hợp lý. Người ta có những biện pháp kích cầu như giảm ngày làm, tăng ngày nghỉ trong tuần để người dân có thời gian mua sắm. Mấy năm gần đây, nhà nước ta cũng khuyến khích mua sắm bằng hình thức cho cán bộ, công nhân, viên chức nghỉ ngày thứ bảy.

Tuy nhiên, có một điều chúng ta cần lưu ý. Muốn sản xuất được nhiều, chúng ta phải khai thác tài nguyên thiên nhiên rất nhiều: Khai thác dầu mỏ, kim loại, khai thác rừng... làm sớm cạn kiệt nguồn tài nguyên, đồng thời gây ô nhiễm môi trường. Hiện nay, xe hơi, xe máy xuất hiện ngày càng nhiều cùng với khói từ các nhà máy, xí nghiệp thải ra đã làm cho môi trường xung quanh chúng ta bị ô nhiễm nghiêm trọng. Trong khi đó, nạn phá rừng diễn ra khắp nơi, lá phổi tự nhiên của con người không còn nữa làm cho môi trường càng trở nên ô nhiễm. Bởi vậy, quan niệm tiêu thụ mạnh để tăng trưởng kinh tế cũng là nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng cạn kiệt nguồn tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường. Trên thế giới, ở một số nước tư bản còn sinh ra tình trạng khủng hoảng thừa do cung và cầu không hợp lý.

Đạo Phật ngày nay cần nhìn lại vấn đề một cách trung dung. Chúng ta phải

chọn cách khác để đi, không thể cho rằng, tiêu thụ nhiều để kinh tế phát triển mà gây nên những vấn nạn cho xã hội. Chúng ta phải sống một cuộc sống đơn giản. Nếu có ai đó cho rằng, sống đơn giản không kích thích sự phát triển kinh tế, chúng ta cũng có lý để giải thích cho cận kề. Chúng ta phải vững tin mà đi trên con đường Đức Phật đã dạy, cố gắng tìm đời sống đơn giản và hợp lý.

7. Một vài tấm gương:

Trong cuộc sống có không ít những tấm gương về đời sống đơn giản. Trước hết, chúng ta phải kể đến ông Krishnamurti. Ông được người đời cho là một bậc Thánh nhân của thời đại, một bậc Đạo sư của thời đại, là người có được sức giác ngộ của nội tâm. Xuất thân từ Ấn Độ, ông đi khắp các nước, cuối cùng định cư ở Mỹ và chết tại đó. Ông đi giảng nhiều nơi trên thế giới, người ta theo ông rất đông, nhưng ông có một đời sống vô cùng đơn giản. Mặc dù sống trong một thế giới rất văn minh, rất tiện nghi nhưng ông vẫn giữ cho mình một lối sống đơn giản. Đây là điều rất đáng trân trọng. Sống như vậy, không có nghĩa là ông hoàn toàn khước từ và đứng ra ngoài sự tiến bộ của khoa học. Ông vẫn dõi theo sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, những phát minh của con người. Khi đi giảng, ông cũng sử dụng những phương tiện kỹ thuật như micro, âm thanh. Ông ngồi kiết già bất động hai tiếng đồng hồ để nói, không nhúc nhích, với thái độ rất trầm tĩnh, an lạc. Người ta rất nể phục ông. Rất tiếc, những cuốn sách của ông được dịch sang tiếng Việt còn tối nghĩa quá nên người đọc rất khó hiểu. Chỉ có những người hiểu đạo Phật, hiểu sâu sắc lý Thiền mới cảm nhận được đó là một Thiền sư đặc Đạo.

Hoặc chúng ta từng được nghe chuyện về cuộc đời Thánh Milarepas của Tây Tạng. Trong thời gian tu hành, có lúc ông không một mảnh vải che thân. Người em gái phải tìm cho ông miếng vải che tạm những chỗ cần thiết. Ông sống rất đơn giản. Mùa đông tuyết lạnh, không cần áo mặc ông vẫn sống được. Đó là nhờ sức tu. Gần đây nhất là Hòa Thượng Hư Vân, người tu theo đạo Phật. Ông cũng có một đời sống vô cùng đơn giản. Chỉ vài manh áo đơn sơ, tài sản chẳng có gì nhưng Ngài sống thật tuyệt vời, chúng ta không thể hình dung được. Chúng ta không thể sống được như những con người phi thường ấy, nhưng có thể xem đó là những tấm gương để mình cảm phục và kính ngưỡng.

8. Chọn mức sống hợp lý:

Chúng ta phải chọn một mức sống hợp lý vì sống dư thừa sẽ tổn phước, đắm nhiễm và không làm gương cho người sau. Còn nếu sống quá khổ hạnh, chúng ta sẽ bị hạn chế, khó làm việc Đạo được. Hai lối sống ấy phải được cân đối lại, khi quyết định chọn đời sống như thế nào. Chúng ta nên nhớ rằng, sống dư dả là chúng ta đã rời xa Đạo đức và Lý tưởng sống đơn giản của Đạo Phật. Nhưng nếu tự hạn chế, sống quá khổ, không có gì hết, chúng

ta cũng không làm được những việc Đạo cần thiết phải làm. Bởi vậy, tùy từng trường hợp, tùy theo hoàn cảnh và theo trí tuệ xét đoán, chúng ta chọn cho mình một đời sống trung dung hợp lý.

Tâm lý đạo đức

12. TINH TẤN

1. Tinh tấn là sự cố gắng thực hiện thiện pháp:

Nếu Nhẫn nhục là biết chịu đựng nghịch cảnh, đối diện với những quả báo trong quá khứ thì Tinh tấn là đối diện với tương lai, gieo những nhân tốt cho tương lai.

Tinh Tấn là nỗ lực, là sự cố gắng thực hiện Thiện Pháp cho vị lai. Thiện Pháp có hai loại chính: Một là, tạo công đức để làm lợi ích cho chúng sinh. Hai là, nhiếp tâm trong Thiền định. Thực ra, nghĩa chính của Tinh tấn là nhiếp tâm trong Thiền định, còn tạo công đức, làm lợi ích chúng sinh chưa hẳn gọi là Tinh tấn vì chữ Tinh trong Tinh tấn có nghĩa là tinh tế, tinh xảo, tinh vi. Có lúc chúng ta cũng cố gắng làm những việc tốt, việc thiện nhưng những việc làm ấy vẫn chưa được gọi là tinh, vẫn chỉ là thô. Việc làm thực sự tinh vi, tinh tế phải là sự nỗ lực nhiếp tâm trong Thiền định. Tuy nhiên, nếu mở rộng phạm vi ý nghĩa, Tinh tấn còn là những nỗ lực trong những thiện pháp khác, cũng như trong việc làm lợi ích chúng sinh.

Ngoài ra, cố gắng học hỏi giáo pháp cũng có thể gọi là Tinh tấn, vì cố gắng học để hiểu và đi đúng con đường của đạo Phật cũng đem lại lợi ích cho chúng sinh. Ngày xưa, Đức Phật thường ca ngợi những người đa văn (nghe nhiều). Lúc bấy giờ, ở Ấn Độ nghe có nghĩa là học, nghe người khác nói gọi là văn. Người nghe nhiều có nghĩa là người học nhiều, hiểu nhiều. Bây giờ, chúng ta gọi đó là những người hiếu học. Trong việc học, có những điều rất khó, nhiều khi chúng ta học sai nên càng học càng rối, không biết vận dụng vào việc tu như thế nào. Cũng có trường hợp, vì nghe giảng không đúng dẫn đến thực hành sai khiến cho việc tu hành của chúng ta không tăng trưởng, không đem lại lợi ích. Đây cũng là điều rất nguy hiểm. Thật ra, chân lý chỉ có một khung cửa hẹp, lách qua rất khó. Chúng ta cần phải học thật kỹ. Điều quan trọng là làm sao chúng ta biết được ai là thầy tốt, ai là người dạy đúng để theo học. Chúng ta phải luôn luôn cầu nguyện Tam Bảo cho mình gặp được Minh sư Thiện trí thức để được nghe những giáo pháp chân chính, từ đó tu tập được đúng đường.

Thiện pháp thứ tư là công hạnh lễ Phật. Đây là công hạnh rất quan trọng.

Chúng ta phải siêng năng lễ Phật để tạo phước căn bản cho mọi công hạnh khác. Đó là sự Tinh Tấn, sự nỗ lực mà chúng ta không được quyền buông bỏ cho đến suốt cuộc đời mình.

a) Tinh tấn nghĩa là sự nỗ lực, cố gắng:

Nhưng đó là cái cố gắng không thể dùng lời để diễn tả được. Chỉ những lúc cố gắng vượt qua khó khăn để thực hiện công việc chúng ta mới hiểu được. Chẳng hạn, một lần nào đó, trong khó khăn, chúng ta cố gắng làm một việc cho bằng được. Sự cố gắng đó chỉ chúng ta mới hiểu. Còn dùng lời để diễn tả, để định nghĩa một cách cụ thể, chúng ta không làm được. Tuy nhiên, chúng ta phải hiểu rằng, sức Tinh tấn hay còn gọi là Ý chí, là yếu tố thuộc về tinh thần, không phải thể chất.

Ví dụ: Hai người cùng làm một công việc. Cả hai đều mệt nhưng một người muốn bỏ cuộc, một người muốn làm tiếp, không chịu bỏ cuộc. Như vậy, cảm giác mệt đó thuộc về thể chất, do cơ bắp hoạt động, bị những phản ứng hoá học gây nên. Nhưng người muốn làm tiếp là người sử dụng đến ý chí, có sức Tinh Tấn của tinh thần. Hoặc khi đẩy xe kéo, chúng ta chất đồ đạc lên xe rất nhiều vừa kéo, vừa đẩy. Có những lúc rất mệt, xe phải qua hố, qua ổ gà nhưng chúng ta vẫn cố gắng đẩy. Lúc đó, chúng ta đã gắng sức. Và lực mà chúng ta gồng lên thuộc về thể chất. Nhưng cái tạo nên sức mạnh nơi bắp thịt ấy lại thuộc về tinh thần. Chính Ý chí đã ra lệnh, buộc nó phải gồng lên để vượt qua. Chúng ta phải phân biệt được sự khác nhau đó.

Cố gắng là gì? Ý chí là gì? Chúng ta không thể trả lời được. Nhưng nếu đã từng cố gắng, chúng ta sẽ hiểu được ý nghĩa của nó. Cố gắng là sức mạnh của tinh thần nhưng không phải tự nhiên mà có. Chúng ta phải rèn luyện ngay từ khi còn nhỏ. Khi đã qua thời tuổi trẻ, chúng ta rất khó rèn luyện vì Ý chí sẽ không khởi được nữa. Bởi vậy, khi còn trẻ, nếu có được những cảnh khổ để rèn luyện, chúng ta nên xem đó là một điểm phúc của cuộc đời. Phần lớn những người có một thời tuổi trẻ sung sướng là những người không có ý chí, nghị lực. Những người ấy chưa biết cố gắng là gì nên rất dễ dàng chùn bước trước khó khăn hay gục ngã trước hoàn cảnh. ,

Rèn luyện Ý chí thường đi từ thô đến tế. Thô là sự cố gắng từ những công việc thuộc về lao động tay chân. Dần dần, chúng ta rèn luyện trong những lúc ngồi Thiền. Đến một lúc nào đó, cảm thấy đau, nhưng chúng ta không phải dùng sức nữa, chỉ dùng Ý chí một cách vô hình để chịu đựng. Đó là sự cố gắng thuộc về tinh thần, tinh tế hơn. Mọi việc tu học, làm việc công quả, chúng ta đều phải cố gắng. Tuổi còn trẻ đã khởi được Ý chí, tinh thần thì sức mạnh ấy sẽ tồn tại trong suốt cuộc đời. Khi có tuổi, nếu cần phải cố gắng, chúng ta đã có sẵn sức mạnh để vượt lên khó khăn, không bao giờ trở thành người bạc nhược.

b. Chúng ta có thể nhầm lẫn cố gắng với bướng bỉnh:

Người bướng bỉnh là người cố gắng duy trì ý kiến sai, việc làm sai dù đã được người khác nhắc nhở. Đây cũng là mẫu người có cố gắng trong công việc nhưng sự cố gắng của họ không được gọi là Tinh Tấn. Chúng ta dựa vào mục đích, tính chất của sự việc để phân biệt Tinh Tấn và bướng bỉnh. Nếu có trí tuệ soi sáng, chúng ta chọn được con đường đúng để đi, chọn được việc tốt để làm, đó là Tinh Tấn. Ngược lại, thiếu sáng suốt, chọn con đường sai để đi, người khác góp ý, nhắc nhở vẫn không nghe, đó là bướng bỉnh, cố chấp, lì lợm.

Ví dụ, Huynh đệ trong chùa cảm thấy cần mở một con đường để đi lại cho thuận tiện. Sau khi bàn bạc, mỗi người một việc, ai cũng hăng hái, cố gắng hết mình. Sự cố gắng đó gọi là Tinh Tấn. Nhưng công việc đang tiến hành bỗng có người góp ý rằng mở con đường này sẽ gây nên những bất lợi cho chùa. Họ phân tích rõ ràng những lợi hại. Lúc ấy, mọi người không những không rút lui mà còn cố gắng, quyết tâm làm cho xong. Sự cố gắng đó không gọi là Tinh Tấn mà là cố chấp, bướng bỉnh, lì lợm, bởi biết việc không có lợi, không phải là việc tốt đẹp mà vẫn làm, vẫn cố chấp ý kiến của mình. Như vậy, mặc dù Ý chí khởi lên rất giống nhau, nhưng tính chất hoàn toàn khác nhau nên chúng ta cần phân biệt rõ để thực hiện Tinh Tấn, tránh thái độ cố chấp, bướng bỉnh. Nghĩa là chúng ta phải dùng Trí tuệ để nhận định sự việc. Nếu việc đó sai, chúng ta phải dừng ngay, không được cố chấp. Nếu đó là việc làm đúng, chúng ta phải bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình đến cùng và dù gặp khó khăn hay trở ngại cũng thực hiện bằng được. Đó chính là sự Tinh Tấn, nỗ lực.

Khi ngồi Thiền, có lúc chúng ta bị hôn trầm. Nếu ngồi Thiền điều thân đúng, mở mắt và biết rõ toàn thân, ít khi chúng ta bị buồn ngủ. Tuy nhiên, có nhiều nguyên nhân dẫn đến hôn trầm. Có trường hợp hôn trầm vì nghiệp, có trường hợp hôn trầm vì sai phương pháp, vì làm việc nặng nhọc. Tùy theo từng trường hợp mà chúng ta có cách xử lý khác nhau. Nếu cảm thấy trong ngày làm việc quá nặng nhọc, hoặc trước đó thức quá khuya, chúng ta biết ngay là buồn ngủ do sinh lý tự nhiên. Lúc đó, chúng ta nên xả thiền đi ngủ. Nhưng trường hợp không làm việc gì nặng, cũng không thức khuya, chúng ta phải nhận định đây là hôn trầm do nghiệp. Như vậy, chúng ta phải tìm cách chống lại hôn trầm, sống chết cũng phải chiến đấu với nó, không được xả thiền. Bởi vì chúng ta biết hôn trầm này do ác nghiệp ngăn trở. Lúc này, chỉ có dùng sức mạnh của Ý chí chúng ta mới chiến thắng được nó.

Câu chuyện Hòa Thượng Kosen viết Thắng Nghĩa Đế trong Góp nhặt cát đá khiến nhiều người phải suy nghĩ. Khi mới xây chùa, ông định viết ba chữ thật đẹp để thợ khắc lên cổng chùa. Lúc đầu, ông viết ba chữ Thắng Nghĩa Đế lên giấy. Có một người đệ tử mài mực tàu cho ông viết và luôn phê bình. Hầu hết khi xem xong, người đệ tử đều lắc đầu cho rằng không đẹp. Ông

ngữ chữ khắc ngay ở cổng chùa mà có người chê là không ổn nên bỏ tờ giấy đó và viết chữ lên tờ khác. Viết xong, đệ tử của ông vẫn cho là không đẹp. Ông lại bỏ và viết lại. Cứ thế, hai thầy trò người mài mực, người viết suốt một buổi sáng, không biết hết bao nhiêu giấy. Đến tờ thứ tám mươi rồi mà người đệ tử vẫn lắc đầu, không hài lòng. Khi đệ tử có việc phải ra ngoài một lát, ông tranh thủ viết liền ba chữ Thắng, Nghĩa, Đế. Lúc quay vào, người ấy bỗng reo lên “Tuyệt vời!”. Ba chữ viết của Hòa Thượng Kosen, kết quả của một quá trình kiên trì để đạt được ý nguyện đã trở thành một tuyệt phẩm để lại cho muôn đời sau. Cho đến bây giờ, ngôi chùa với ba chữ nổi tiếng ấy vẫn còn là niềm tự hào của những người theo đạo Phật ở nước Nhật. Như vậy, Hòa Thượng viết được những chữ rất đẹp ấy là do đâu?

Rõ ràng, khi người đệ tử bỏ ra ngoài, Hòa Thượng cảm thấy tự nhiên hơn. Ông viết chữ với một cái tâm thoải mái, không sợ hãi, không có cảm giác bị ức chế bởi sự đố kỵ, theo dõi của người khác. Vì thế, chữ tự nhiên sẽ đẹp. Nhưng chúng ta không nên căn cứ vào chi tiết cuối cùng mà ca ngợi (như bên Thiền tông). Thực ra, kết quả Hòa Thượng đạt được là do cả buổi sáng ông không nản lòng, viết tám chục lần một cách chú tâm. Đến khi tâm buông ra một cách thoải mái, ông mới thành tựu được. Giá trị của cố gắng là vậy. Cho nên, chúng ta phải suy xét trước sau, đừng bao giờ cho rằng kết quả cuối cùng là do nhân duyên gần đó mà phải hiểu rằng, nhân đó là sự cố gắng trong một thời gian rất dài. Tinh Tấn là sự tiềm tàng, sự tích lũy, sự tôi luyện. Bởi vậy, khi đánh giá thành quả cuối cùng, chúng ta phải cẩn thận, nếu không, sẽ phủ nhận cả một sự nỗ lực lâu dài.

2. Tinh tấn làm lợi ích chúng sinh:

Theo định nghĩa, Tinh Tấn là nỗ lực thực hiện thiện pháp, làm lợi ích cho chúng sinh và nhiếp tâm trong Thiền định. Vậy, tại sao muốn làm lợi ích cho chúng sinh, chúng ta cần phải Tinh Tấn nỗ lực?

Đã nói đến nỗ lực nghĩa là việc không đơn giản, dễ dàng. Quả thật, giúp đỡ người khác là việc rất khó khăn, chúng ta phải cố gắng rất nhiều mới thực hiện được. Những khó khăn ấy thường do nhiều nguyên nhân gây nên: Thứ nhất, việc thiện thường đi ngược với khuynh hướng vị kỷ của con người. Trong mỗi người chúng ta đều có bản năng chấp ngã. Từ bản năng chấp ngã, khuynh hướng vị kỷ sẽ xuất hiện và khiến chúng ta chỉ muốn làm điều có lợi cho mình; những điều có lợi cho người khác, chúng ta thường không quan tâm. Chúng ta biết rằng, phá được bản năng, khuynh hướng vị kỷ để làm lợi cho người khác là một việc rất khó khăn, không dễ dàng thực hiện được. Làm việc đó, chẳng khác nào chúng ta đang lợi ngược dòng nước xiết. Một khi đã quen làm lợi cho mình, bây giờ phải làm lợi cho người khác, chúng ta phải đấu tranh, giằng xé dữ dội trong tư tưởng và tình cảm của mình.

Chẳng hạn, khi thấy người khác gặp khó khăn, thiếu thốn, chúng ta rất muốn giúp đỡ. Nhưng khi nghĩ lại, thấy rằng nếu giúp người ta, mình sẽ sống không thoải mái, sinh hoạt hằng ngày sẽ rất khó khăn, chúng ta lại chần chừ, không muốn giúp. Cứ thế, chúng ta sẽ rơi vào trạng thái tâm lý rất khó xử, cứ bần khoăn, giằng co mãi. Nếu muốn thoát khỏi sự giằng co ấy, chúng ta phải có Ý chí, phải chiến đấu với bản năng vị kỷ của mình. Như vậy, nỗ lực trong lúc này không phải là gắng sức, không phải gồng người lên như kéo chiếc xe nặng mà là sự Tinh Tấn, vượt lên chính mình bằng Ý chí. Bao giờ cũng vậy, việc gì đem lại lợi ích cho mình, chúng ta đều làm rất dễ dàng, không cần tính toán nghĩ suy. Nhưng làm việc thiện một cách vô tư, hoàn toàn không nghĩ đến lợi ích của mình mai sau, không cầu phước là điều rất khó.

Tuy nhiên, trong cuộc sống cũng có những người làm phước một cách dễ dàng, sẵn sàng giúp đỡ người khác mà không hề cầu phước. Đó là những người đã thuần thực từ nhiều đời về tâm Vị tha. Đây là điều mà người tu chúng ta phải phấn đấu. Khi người khác cần, chúng ta sẵn sàng giúp đỡ bất cứ việc gì, không bao giờ từ chối. Làm được như vậy, chúng ta sẽ cảm nhận được hạnh phúc rất lớn lao. Đây cũng là điểm mâu thuẫn trong quan niệm của một số người. Có người nghĩ rằng, tu tập là hướng vào trong, tránh duyên, tránh cảnh để tâm được yên tịnh, còn làm việc từ thiện phải hướng ra bên ngoài sẽ không đưa đến một sự giải thoát thanh tịnh. Thực ra, chính cuộc sống vị tha hỗ trợ rất nhiều cho Thiền định. Thử hy sinh cả cuộc đời mình, sống cho người khác, chúng ta sẽ cảm nhận được, mỗi việc làm thiện của chúng ta đều làm cho tâm xuất hiện trạng thái khinh an, hỷ lạc. Đây là một Chi trong Thất Giác Chi, hay còn gọi là Thất Bồ Đề Phần, bảy yếu tố đưa đến Giác Ngộ. Người hy sinh vị tha, làm lợi ích cho người khác sẽ xuất hiện được trạng thái khinh an của Thất Giác Chi. Chính phước đó hỗ trợ cho việc nhiếp tâm trong Thiền định. Người tu chúng ta không được quay lưng sống một cuộc đời vị kỷ, chỉ lo nhiếp tâm. Sống như vậy, chúng ta không bao giờ nhiếp tâm vào Định được.

Thứ hai, chúng ta không đủ phước nên không đủ điều kiện thực hiện. Chẳng hạn, nhìn thấy chúng sinh đau khổ vì nghèo đói, vì bệnh tật, chúng ta rất xót xa, muốn giúp đỡ nhưng lại không đủ khả năng. Chúng ta không có tiền, có gạo nên dầu muốn giúp cũng đành bó tay. Đó là do chúng ta không đủ phước. Hoặc có khi nhìn thấy tình trạng Đạo đức của xã hội suy đồi, chúng ta muốn đem Đạo đức truyền bá rộng rãi, nhưng bản thân không đủ Trí tuệ hoặc không đủ biện tài, chúng ta vẫn không thực hiện được.

Tuy nhiên, đã khởi được tâm thiện, chúng ta không được thoái tâm. Dù hôm nay chưa làm được, chúng ta vẫn phải nuôi dưỡng và hy vọng một ngày nào đó sẽ thực hiện được. Vì tâm thiện có khả năng chiêu cảm, chắc chắn sẽ có

người gia hộ chúng ta. Đây là việc khó, chúng ta phải có sự nỗ lực. Nếu không cố gắng, chí nguyện của chúng ta sẽ không bao giờ thành tựu. Thứ ba, người ta không đủ phước nên không nhận được sự giúp đỡ của mình. Nói điều này chúng ta nhớ đến câu chuyện Ngài Xá Lợi Phất giúp cho Ngài Losaka Tissa được ăn bữa ăn cuối cùng no đủ. Trưởng lão Losaka Tissa là người đã chứng Alahán. Ngay từ nhỏ, Ngài đã bị mẹ bỏ rơi, phải đi xin ăn vất vưởng khắp nơi. Suốt cuộc đời, Ngài không bao giờ đủ ăn, chịu cảnh đói khổ ghê gớm. Một hôm, Ngài gặp ngài Xá Lợi Phất. Thấy hoàn cảnh thương tâm, ngài Xá Lợi Phất đã độ cho Losaka Tissa xuất gia. Lớn lên, ông ta cũng chứng Alahán, nhưng không bao giờ đủ ăn, lúc nào cũng đói. Khi cùng một đoàn Tỳ Kheo đi khát thực, những người khác luôn được chủ nhà bố thí, riêng Ngài bát vẫn trống không. Không hiểu sao, mỗi lần định san thức ăn vào bát Ngài, người ta thấy bát vẫn đầy nên lại thôi. Cứ thế, Ngài phải liên tục nhịn đói.

Do ăn uống ít quá nên thân xác Ngài ngày càng tiêu tụy và cũng đến lúc thọ mạng chấm dứt. Ngài Xá Lợi Phất muốn cho đệ tử của mình được một bữa ăn no đủ cuối cùng nên đã rủ người đệ tử đi cùng. Họ vào làng khát thực với hy vọng có ngài Xá Lợi Phất đi bên cạnh, người ta sẽ cúng cho. Nhưng đi mãi, đi mãi, hai thầy trò vẫn không được cúng món gì. Thấy vậy, ngài Xá Lợi Phất bèn nói: “Bây giờ hiền giả hãy trở về tịnh xá ngồi chờ, tôi sẽ đi xin mà gọi về”. Ngài Losaka Tissa vừa đi khỏi, người ta tấp nập cúng cho ngài Xá Lợi Phất rất nhiều. Ngài vội san thành một bát nữa và nhờ một vị Tỳ Kheo mang về tịnh xá cho đệ tử mình. Giữa đường, không hiểu gặp chuyện gì, vị Tỳ Kheo ấy đã quên luôn việc ngài Xá Lợi Phất nhờ. Sau khi thọ thực, tọa thiền xong, buổi chiều ngài Xá Lợi Phất trở về mới biết bát cơm chưa đến được tay ngài Losaka Tissa. Ông vẫn đang nhịn đói ngồi đó. Lúc này, mặt trời đã nghiêng bóng, Ngài không thể đi khát thực được nữa. Biết chắc trong chiều nay, ông ta sẽ nhập Niết Bàn, Ngài vội biến mất ngay khỏi tịnh xá, hiện vào trong cung vua. Ngài đích thân xin vua những thức ăn, những loại bánh mà Phật cho phép ăn rồi hiện trở về tịnh xá. Ngài cầm bát đưa cho ông. Ông đón lấy bát, nhưng Ngài cản lại và nói: “Nếu tôi không cầm cái bát này thì bánh sẽ biến mất”. Thế là ngài Xá Lợi Phất đứng cầm bát như vậy. Ngài Losaka Tissa ngồi xuống, lặng lẽ lấy từng chiếc bánh trong bát ăn. Đó là lần duy nhất trong đời, Ngài được ăn no đủ. Và chiều đó, Ngài nhập diệt. Ngài Xá Lợi Phất đã rất cố gắng giúp đỡ người khác. Khi người ta không đủ phước, khó nhận được sự giúp đỡ của mình, chúng ta phải hết sức cố gắng, không được nản lòng, bỏ mặc họ. Vì như vậy là không cố gắng, là thiêu từ bi.

Thứ tư, do ác nghiệp quá khứ của mình vẫn còn nên việc làm phước bị ngăn ngại. Có trường hợp, chúng ta muốn làm việc thiện nhưng những ác nghiệp

của mình cứ ngăn cản nên không thực hiện được. Tuy nhiên, dù bị ngăn cản, chúng ta cũng không được thôi tâm, phải hết sức cố gắng thực hiện cho bằng được.

Chúng ta đều đã nghe câu chuyện ngài Huyền Trang hay ngài Pháp Hiển đi thỉnh kinh. Ngài Huyền Trang vượt sa mạc, sang Ấn Độ để tìm kinh Phật. Trên suốt hành trình sang Ấn Độ, Ngài đã chịu đựng biết bao gian khổ. Nhiều người đã chết, chính bản thân Ngài cũng từng sắp chết. Khi đến sa mạc, không còn nước uống, không còn thức ăn, Ngài kiệt sức và lịm vào hôn mê. Nhưng do phước lớn, trong cơn hôn mê, Ngài thấy hình ảnh Bồ Tát Quan Âm hiện ra vẫy nước cam lồ xuống thân mình. Thế là Ngài cảm thấy khỏe khoắn trở lại. Như vậy, những khó khăn mà chúng ta gặp phải trong quá trình làm việc thiện có thể do ác nghiệp của quá khứ gây nên. Chúng ta phải cố gắng tạo phước để có thể vượt qua được những khó khăn ấy.

Việc làm phước có thể ví với việc đi gieo lúa. Phải có nắm lúa, chúng ta mới gieo được những cây lúa ban đầu. Cứ thế, dần dần chúng ta sẽ nhân lên rộng khắp. Chúng ta phải có phước mới làm phước được. Bởi vậy, bước đầu làm phước sẽ rất khó khăn, chúng ta phải kiên trì, đừng bao giờ thoái tâm.

Trong Thất chân Nhân Quả có nhiều câu chuyện kể về những vị tu Tiên. Có lần, một vị Tiên là đệ tử của ông Vương Trùng Dương tình cờ gặp một tu sĩ khác. Để tranh hơn thua về sự tu hành, người kia thách ông ta ngồi thiền. Ông cũng đồng ý. Thách ngồi qua một đêm, Ngài cũng ngồi qua một đêm, nhưng người kia ngồi một chút lại phải đứng dậy làm việc riêng. Cuối cùng, Ngài đã thắng. Nhưng khi nói với bạn bè, Ngài cũng cho là nhờ hư không gia hộ chứ không phải tự sức mình.

Thông thường, người ta cho những câu chuyện trong Thất chân Nhân Quả là những chuyện bịa. Nhưng chúng ta vẫn tìm thấy tính hợp lý của nó, nhất là ở những chuyện về Đạo đức, về Nhân quả. Trong câu chuyện này, chúng ta gặp một quan điểm rất đúng đắn, khi làm một việc thành công, người ta vẫn không nghĩ là do sức mình, mà luôn nghĩ là nhờ sự gia hộ của ơn trên.

Hoặc trong đó có một câu chuyện nổi bật là ông Khưu Trường Xuân đến học với ngài Vương Trùng Dương. Do nghiệp nặng, ông bị ông Vương Trùng Dương quở mắng, hành hạ đủ điều. Sau này, khi ngộ Đạo, ông hiểu được sự thiếu phước của mình nên quyết tâm làm công quả. Ông không có tiền nhưng lại có sức khỏe. Lúc bấy giờ, tại nơi ông ở có một dòng sông rộng nhưng không có chiếc cầu nào bắc ngang. Nước sông cũng cạn nên mọi người có thể lội qua được. Nhưng mỗi khi muốn qua sông, mọi người phải cởi quần áo cho khỏi ướt, lên đến bờ lại tìm chỗ mặc vào, rất vất vả. Ông đã đến đó, tình nguyện cống người ta qua sông. Một thời gian dài chịu đựng khó nhọc như vậy, phước của ông dần dần tăng trưởng. Sau này, ông được làm Thầy, nghe đâu còn là Thầy của vua nữa. Theo Nhân quả, điều đó hoàn

toàn hợp lý. Khi người ta cố gắng làm phước trong điều kiện rất khó khăn, phước của họ sẽ rất lớn.

Chúng ta từng nghe chuyện về những quan tòa Ý đấu tranh chống Mafia để bảo vệ công lý. Trước đây, ở nước Ý có một tổ chức tội phạm, người ta hay gọi là Mafia. Tổ chức này hoạt động theo ba nguyên tắc:

- Kinh doanh bất hợp pháp, buôn lậu, buôn ma túy, mở sòng bạc, chứa gái...
- Sẵn sàng dùng bạo lực để giết người.
- Cầu kết với những viên chức Nhà nước bị hủ hóa.

Do đó, chống lại tổ chức này là điều rất khó. Khi có động, những người trong bộ máy Nhà nước đã bị hủ hoá sẽ báo cho họ biết để trốn thoát hoặc tìm cách đối phó. Chúng bắn cả cảnh sát, cả những quan tòa, không chừa một ai khi biết người đó theo dõi, truy nã chúng. Trước sự lên án của thế giới, chính phủ Ý phải tìm đủ mọi cách để chống lại tổ chức này. Nhiều quan tòa đã bị chúng giết hại. Ông Falcon là một trong những người nhiệt tình điều tra, truy bắt bọn tội phạm ấy để bảo vệ công lý. Bọn chúng theo dõi, biết đường đi lối về của ông và đã đặt một trái bom nửa tấn bên lề đường khi ông từ phi trường về. Cuối cùng, cả xe và người đều bị bom nổ làm cho tan tành. Nhưng những người kẻ tục vẫn không sờn chí, vẫn tiếp tục truy lùng bọn Mafia, không chịu bó tay để chúng gây thêm tội ác. Đó là sự cố gắng, là những nỗ lực để thực hiện thiện pháp trong hoàn cảnh khó khăn, nguy hiểm.

Trong cuộc sống, chúng ta thấy rằng, những người sống trong cảnh thuận tiện, sung sướng quá thường sẽ không có Ý chí, không có sự Tinh Tấn.

Những người như vậy sẽ rất khó tu. Vì nỗ lực là một công hạnh quan trọng để nhiếp tâm. Nếu không cố gắng, không có Ý chí, chúng ta sẽ không nhiếp tâm vào Định được. Sự cố gắng ấy phải được rèn luyện bằng những công việc thô trước. Đó là làm phước giúp đỡ mọi người. Dần dần, từ những việc làm tạo phước ấy, chúng ta sẽ nhiếp tâm vào định, gọi là Tinh Tấn trong tu tập Thiền định.

3. Tinh tấn tu tập thiền định:

Đây là vấn đề chính, là Chánh Đạo thứ sáu trong Bát Chánh Đạo. Trước khi tu tập Chánh Niệm, Chánh Định, chúng ta phải có Chánh Tinh Tấn. Phải chuẩn bị tư tưởng về Chánh Tinh Tấn, chúng ta mới có thể đi vào Thiền định. Vì nếu không Tinh Tấn, chúng ta không thể nhiếp tâm được.

Trước hết, chúng ta phải có một Pháp môn để dụng công. Đó có thể là niệm Phật, hơi thở, trì chú, thoại đầu, trì vọng, hoặc bát nhã... Pháp môn nào cũng tốt cho người tu hành. Trước kia, mỗi vị Tông Sư thường hay ca ngợi Pháp môn mà mình đã thành công. Tư tưởng độc tôn đó đã gây nên sự chia rẽ trong đạo Phật. Thực ra, các Pháp môn đều bình đẳng, không Pháp môn nào hơn Pháp môn nào. Pháp môn chỉ là cành nhánh, còn bộ rễ là Đạo đức, thân

là Phước. Rèn luyện được Đạo đức, tích lũy được Phước, chúng ta mới bắt đầu chọn một Pháp môn để tu hành. Chọn Pháp môn phải tùy duyên của mình, đừng bao giờ nghĩ Pháp môn mình chọn hay hơn Pháp môn của người khác. Tất cả chỉ là phương tiện để mình tu tập. Khi đã chọn cho mình một Pháp môn, chúng ta đừng để mất sự dụng công trong Pháp môn đó, phải Tinh Tấn từng giờ, từng phút. Đó mới thật sự là Chánh Tinh Tấn. Chẳng hạn, khi niệm Phật, chúng ta không bao giờ để mất câu niệm Phật, lúc nào cũng giữ câu niệm Phật, trừ những lúc đi vào nhà vệ sinh. Trì chú cũng vậy. Còn hơi thở, tri vọng, hoặc quán bát nhã, chúng ta có thể tu bất cứ ở đâu, không bao giờ để mất công phu đó. Như vậy gọi là Chánh Tinh Tấn.

Trước khi đi vào Pháp môn, chúng ta phải tập được hơi thở bụng, phải tập cho thuần thục để củng cố âm lực. Trong bài Hơi thở, xả Thiền, chúng ta đã nói về vấn đề này. Tập hơi thở bụng không phải là việc dễ dàng vì nó có những chỗ rất sâu xa, chúng ta phải thực hành nhiều mới tích lũy được kinh nghiệm. Việc quan trọng thứ hai là thanh lọc tâm, gạt lọc tâm giữa thiện và ác, giữa những tư tưởng đúng và những tư tưởng sai. Chúng ta phải gạt cho sạch, chỉ để lại trong tâm mình, trong tư tưởng mình những gì thuần thiện. Chúng ta rất khó khăn trong việc nhiếp tâm vì nhiều nguyên nhân. Trước hết, vì tâm là cái trừu tượng vô hình khó nắm bắt. Chúng ta có thể chịu đựng những vất vả, khó nhọc trong công việc tay chân suốt cả ngày, nhưng không thể nhiếp tâm suốt cả ngày được. Dù đã biết tu thiền nhưng tâm vẫn chạy đầu này, đầu nọ. Bởi vậy, phải là người có lý tưởng sâu xa, có quyết tâm rất lớn, chúng ta mới dụng công, mới nhiếp được tâm vào trong thanh tịnh.

Bước đầu dụng công, ai cũng gặp khó khăn, chúng ta phải hết sức cố gắng. Cái khó thứ hai là tâm từ lâu vốn có thói quen thích suy nghĩ mông lung, rất khó điều phục. Ông Krishnamurti, người Ấn Độ, được coi là bậc Đạo Sư của thời đại. Ông có một sức ngộ rất cao, đã đi giảng nhiều nơi và làm lợi ích cho rất nhiều người. Không ít người đã ca ngợi ông là hiện thân, là sự hoá thân của Bồ Tát Di Lặc. Ông đã nói một câu rất chí lý : “Trên thế gian này, người thông minh cũng như người ngu dốt đều mắc chung một bệnh là hay suy nghĩ”. Quả thật, nếu để ý, chúng ta sẽ thấy tâm mình rất hay suy nghĩ. Hết suy nghĩ chuyện này, chúng ta lại nghĩ sang chuyện khác. Không ai có thể ngừng được những suy nghĩ tự nhiên của mình. Đây là điểm rất giống nhau ở tất cả mọi người. Vì cấu tạo của não bộ trong mỗi con người đều giống nhau. Chúng ta hình dung, các tế bào não có cấu tạo rất lạ, từ nhân tế bào có những sợi râu tua tủa, đầu mỗi sợi râu ấy lại có một bộ phận gọi là synapse có nhiệm vụ nối với những tế bào não khác. Bởi vậy, khi xung động phát sinh từ tế bào não này, sẽ lập tức được truyền qua đầu synapse. Đầu synapse bị kích ứng sẽ làm lan truyền sóng đi đến các tế bào não khác. Cứ thế, xung động sẽ lan ra vô tận. Vì vậy, tâm mình chỉ cần động nhẹ một chút, ý

tưởng sẽ tiếp tục trôi mãi, trôi mãi, không dừng lại được. Cũng vậy, niệm ban đầu đã xuất hiện sẽ lan mãi suốt cuộc đời mình.

Trong một sát na, không phải chúng ta chỉ có một tư tưởng để suy nghĩ, mà có đến hàng ngàn tư tưởng cùng xuất hiện một lúc. Vì trong não chúng ta có khoảng mười tỉ neuron thần kinh. Các tế bào não cứ hoạt động liên tục. Có thể hoạt động của các tế bào ấy không đều nhau nhưng rất phức tạp. Có khi chúng ta thấy trong tâm mình chỉ có một hoặc hai dòng tư tưởng đang diễn tiến nhưng thực chất, bên trong lại hoạt động rất phức tạp. Do cơ cấu vật lý, do cơ thể vật chất sinh lý như vậy nên Tâm chúng ta rất khó yên tĩnh, khó nhiếp trở lại cho yên tĩnh.

Một nguyên nhân khác gây nên khó khăn cho việc nhiếp tâm là chúng ta bị ràng buộc bởi những bồn phận, chính những bồn phận ấy buộc Tâm phải suy tư. Trong cuộc sống, con người không thể tách khỏi những mối quan hệ, cũng không thể rũ bỏ trách nhiệm đối với những người xung quanh và với chính bản thân mình. Người trong thế gian có bồn phận phải lo cho gia đình, phải làm lụng vất vả, tìm ra miếng cơm manh áo để nuôi sống cha mẹ, vợ con. Bởi vậy, họ luôn phải suy nghĩ, lo toan. Người xuất gia tuy không có những nỗi lo lắng, những bức bách như người thế gian vì sống hoàn toàn nhờ vào sự giúp đỡ của Phật tử, nhưng vẫn có những nỗi lo khác. Chúng ta phải lo học tập, rèn luyện Đạo đức, phải lo những công việc hằng ngày ở chùa... Đó là trách nhiệm, bồn phận của người tu. Vì bị ràng buộc, lo lắng bởi những trách nhiệm ấy mà tâm chúng ta không thể nào yên được.

Tuy nhiên, nếu có tác ý vị tha thì những sự bận tâm ấy sẽ tạo thành phước, làm cho chúng ta nhiếp tâm được về sau. Còn nếu đó là những suy nghĩ vị kỷ thì sau này, sức định của chúng ta sẽ bị phá, không nhiếp tâm được.

Nghĩa là sự bận tâm của chúng ta phải là bận tâm vì đại chúng, vì sự tu hành của đại chúng, vì lợi ích của mọi người, không vì cá nhân mình. Ở đây, mặc dù có một lý do để tự an ủi, tự biện minh là bồn phận làm cho mình bận tâm, nhưng chúng ta cố gắng chọn những bồn phận vì mọi người. Như vậy, tuy có bận tâm nhưng sự bận tâm ấy cũng là một cái Nhân lành để sau này chúng ta có thể đạt được sự giác ngộ.

Một điều khó nữa là những cảm dỗ làm cho Tâm bị xao lãng. Đây là điều rất đáng lo ngại. Có nhiều loại cảm dỗ, từ tế đến thô, từ yếu đến mạnh. Chẳng hạn, âm nhạc cũng là cái cảm dỗ chúng ta. Chùa ở gần khu dân cư, khi người ta mở nhạc, âm thanh cứ vọng vào réo rắt, thiết tha làm cho chúng ta phải chú ý lắng nghe. Lúc ấy, Tâm đã hướng ra bên ngoài khiến chúng ta xao lãng. Ti vi, video cũng là một hình thức cảm dỗ rất mạnh. Khi xem truyền hình, xem video, Tâm chúng ta “chạy” hết ra ngoài, vì những thứ ấy có sức hấp dẫn ghê gớm. Nhất là những phim truyện truyền hình dài tập thường hấp dẫn, khiến chúng ta phải theo dõi rất phí thời gian. Đó là những cảm dỗ làm

cho Tâm chúng ta hướng ra bên ngoài rất mạnh. Bị cám dỗ như vậy, chúng ta sẽ mang tội. Vì chúng ta đã ăn cơm đàn na tín thí mà không biết dành từng giờ từng phút nhiếp tâm, lại để tâm chạy ra bên ngoài. Nếu chùa có sắm Video, chúng ta chỉ nên xem phim tư liệu về Phật giáo để được trực tiếp nhìn thấy những hình ảnh đẹp, được xúc động và quyết tâm tu tập.

Hoặc nhiều khi nói chuyện với Phật tử, chúng ta tỏ ra thích thú, chạy theo lời khen của họ, nghĩa là chúng ta cũng đã chạy theo cám dỗ làm cho Tâm mình bất an, xao động.

Trong tất cả những cám dỗ ấy, đối với người tu hành, cám dỗ đáng sợ nhất là sắc dục, là ái dục. Đây là cám dỗ mà chúng ta phải chiến đấu suốt cuộc đời mình để chiến thắng, nếu muốn làm một người tu hành vững chắc. Ái dục là vấn đề khó nói vì có liên quan đến vấn đề giới tính, liên quan đến tình dục. Điều này trong giới của người tu có đề cập nhưng mang tính chất tổng quát. Chúng ta sẽ có một bài dành riêng cho vấn đề này, một vấn đề tế nhị. Trong đó, chúng ta sẽ phân tích kỹ để tìm ra phương pháp vượt qua những cám dỗ thuộc về bản năng ấy. Đó là cám dỗ làm chúng ta bận tâm nhiều nhất, ghê gớm nhất.

Còn một điều khó nữa là những ác nghiệp quá khứ làm cho Tâm bị xao động bất an. Ác nghiệp quá khứ là một điều rất đáng sợ. Khi ngồi thiền, chúng ta có thể bị vọng tưởng khởi lên. Có những khi đang điều thân, đang biết rõ toàn thân, chúng ta bỗng quên đi vì mãi nghĩ suy điều gì đó. Hoặc có khi đang niệm Phật, chúng ta lại quên câu niệm Phật mà mãi mê lo nghĩ đến những chuyện xung quanh. Về hình thức, chúng ta cũng niệm Phật, nhưng những vọng tưởng cứ xen vào làm mình phân tán sự chú ý, không tập trung vào câu niệm Phật. Có khi vọng tưởng quá mạnh đã lôi kéo chúng ta đến những vấn đề rất xa. Khi rơi vào trường hợp ấy, có người kết luận là do Pháp môn mình đang dụng công không hay, không hiệu quả và vội chọn cho mình một Pháp môn khác với hy vọng sẽ nhiếp tâm được.

Đây là một quan niệm sai lầm mà nhiều người đã mắc phải. Trên thực tế, có người niệm Phật một thời gian không nhiếp tâm, chuyển qua hơi thở lại nhiếp tâm được. Họ kết luận rằng, trong tu thiền chỉ có hơi thở là hay còn niệm Phật không hay. Hoặc có người quán Bát Nhã một thời gian không nhiếp tâm, qua niệm Phật lại nhiếp tâm được và cho rằng, niệm Phật hay hơn quán Bát Nhã vv... Thực ra, như chúng ta đã biết, tất cả Pháp môn chỉ là cành nhánh. Phước mới chính là cái gốc làm cho chúng ta nhiếp tâm được, giữ được Chánh Niệm, không bị vọng tưởng lôi kéo. Hay nói cách khác, nhiếp tâm được không phải do Pháp môn hay do tài của mình mà là do công đức mà chúng ta đã tích lũy.

Vì vậy, khi ngồi thiền nếu cảm thấy Tâm mình nhiếp một cách khó khăn, người tu tập phải biết rằng nghiệp của mình vẫn còn, phước của mình chưa

đủ. Lúc đó, chúng ta phải lo tạo phước, lễ Phật. Đó mới chính là những yếu tố làm cho chúng ta nhiếp tâm được tốt hơn. Khi chưa đủ phước, càng Tinh Tấn, chúng ta càng không thu được kết quả, nhất là càng dần ép càng mắc phải sai lầm. Vì Tinh Tấn trong Thiền định là sự Tinh Tấn rất kỹ lưỡng, nghiêm mật nhưng lại nhẹ nhàng như mây như gió, mềm mại như hư, như vô. Có được điều đó là do dụng công đúng cách trong Thiền định. Nhiều người không nắm được cách nhiếp tâm, khi ngồi thiền cứ gồng người lại, gồng đầu mình lại, vì nghĩ rằng như vậy sẽ buộc được vọng tưởng. Điều này rất nguy hiểm. Vì gồng như vậy sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến bộ não. Đây là chỗ chúng ta phải hết sức cẩn thận. Chúng ta phải thấy sự khác nhau giữa việc cố gắng làm từ thiện và Tinh Tấn của ngồi Thiền. Gọi là Tinh Tấn vì nó quá tinh vi, quá nhẹ nhàng nhưng đòi hỏi chúng ta phải hết sức cố gắng. Bởi vậy, khi ác nghiệp quá khứ làm Tâm bị bất an, bị thất niệm, chúng ta phải tạo phước chứ không được cố gắng.

Chính vì gặp nhiều khó khăn như vậy nên chúng ta phải có quyết tâm cao và phải có ý chí bền bỉ để theo đuổi lâu dài việc tu tập Thiền định. Mỗi người phải nguyện với lòng mình quyết tâm tu tập Thiền định, nhiếp tâm cho bằng được. Vì nếu không có quyết tâm cao, Tâm sẽ dễ bị thất niệm, tu một thời gian tâm không nhiếp được, chúng ta sẽ đâm ra chán nản. Như vậy, chúng ta đã uổng phí một đời tu hành vì đã xuất gia mà không hưởng được Đạo vị của Phật pháp. Trước mắt, chúng ta vừa học vừa tu. Đến một lúc nào đó, chúng ta chỉ dành tất cả cho việc tu. Đó chính là lý tưởng, là hướng đi của người tu hành. Khi đã có kinh nghiệm trong việc tu tập, chúng ta sẽ giúp đỡ người khác được nhiều hơn.

Tâm quả là khó nắm bắt nhưng nếu có quyết tâm, chúng ta cũng sẽ đạt được. Bởi đối với con người, một khi đã có ý chí và quyết tâm, không có đỉnh cao nào là không vượt qua được. Ông Nguyễn Bá Học đã từng dạy học trò mình: “Đường đi không khó vì ngăn sông cách núi. Mà khó vì lòng người ngại núi, e sông”. Quả thật, cái khó vì lòng luôn ngại núi cao, vực sâu mới là điều đáng sợ. Cho nên, chúng ta phải Tinh Tấn từng ngày trong tu tập Thiền định để đạt được lý tưởng của mình.

Điều đáng lo ngại là khi tâm dễ nhiếp, an ổn, nhẹ nhàng, chúng ta lại bị sự thanh thản làm mất ý chí. Khi tâm đắc Định, thường có hai trường hợp xảy ra. Người có phước lớn, sẽ say mê an trụ Định. Những người này sẽ không mất Ý chí, không mất Tinh Tấn. Trong khi đó, người có ít phước, khi tâm đã nhiếp được tự nhiên lại thích sống nhàn hạ, ung dung. Đó cũng là một trở ngại trong việc tu tập. Rơi vào trình trạng này, con người sẽ dần dần mất hết Ý chí. Chỉ có sự siêng năng lễ Phật mới giúp chúng ta thoát được tình trạng này.

Một hiện tượng nữa chúng ta cũng thường gặp trong quá trình tu Thiền là

khi dụng công theo một Pháp môn nào đó, chúng ta sẽ có được định, được hỷ lạc, khinh an và khi có những cảm giác, những trạng thái đó, người tu dễ xuất hiện tư tưởng chiêm ngưỡng, thưởng thức, hưởng thụ và tâm bắt đầu xao lãng. Nếu là niệm Phật, chúng ta sẽ buông lời câu niệm Phật. Chúng ta biết rằng, trạng thái hỷ lạc, khinh an chính là Quả mà Nhân của nó là Pháp môn mình đã chọn. Nếu chúng ta cứ ngồi ung dung hái Quả, tất có ngày Quả không còn mà hái nữa. hay nói cách khác, chỉ một thời gian, chúng ta sẽ hết phước. Lúc ấy, tâm sẽ loạn lên, chúng ta sẽ mất đi cái Định mà mình phải tu tập vất vả bao nhiêu mới có được.

Bởi vậy, suốt cuộc đời tu hành, chúng ta phải ghi nhớ, trong trường hợp dụng công, nếu xuất hiện những trạng thái khinh an, hỷ lạc ấy, chúng ta không được để ý đến, vẫn tiếp tục nắm chắc Pháp môn mà dụng công. Như vậy là chúng ta đang Tinh Tấn. Nghĩa là khi chưa Định, chúng ta cố gắng hết sức giữ Tâm để được Định. Khi bắt đầu có Định, bắt đầu xuất hiện trạng thái rỗng rang, khinh an, chúng ta càng phải nắm chắc Pháp môn của mình, không được buông lời. Vì lúc đó chỉ cần lơ đãng một chút, chúng ta sẽ đi lạc ra ngoài, dần dần hết phước và loạn trở lại. Đó cũng là lý do tại sao nhiều người tu cứ than phiền mình tu được Định rồi lại loạn, Định rồi lại loạn.

Một số điều cần biết khi Nhập Thất:

Đạo Phật chúng ta có hình thức tu tập gọi là Nhập Thất. Có nghĩa là người tu hành vào sống đơn giản trong một ngôi nhà nhỏ và tránh duyên, không tiếp xúc với bất cứ ai. Hằng ngày, đến giờ, chỉ có một người hộ thất, mang cơm nước vào. Ngay cả khi họ mang cơm nước vào, người tu cũng không được nói chuyện, chỉ ra dấu. Cần thiết lắm, người ấy mới ghi vài chữ vào giấy nhờ họ giúp cho. Trong cuộc sống, nhiều người cảm thấy mình có nhiều chuyện phải bận tâm nên mơ ước được vào Thất tránh duyên, để chuyên chú giữ cho tâm thanh tịnh. Dù khi ngồi Thiền, khi lễ Phật, khi kinh hành, hay cả lúc nghỉ ngơi, lúc nào người tu cũng kiểm soát tâm mình, nắm chắc Pháp môn mình đang dụng công, không cho vọng tưởng kéo ra ngoài. Nhập Thất chuyên chú như vậy là một hình thức Tinh Tấn rất cao, rất triệt để trong đạo Phật mà người tu nào cũng phải trải qua, gần như là bắt buộc phải trải qua. Đây không phải là vấn đề đơn giản. Có thể không biết qua bao nhiêu năm tháng chúng ta mới được lắng mình vào trong sự thanh vắng, cô độc để thực hiện con đường tâm linh của mình. Nhưng là một người tu hành, bất cứ ai cũng phải nuôi ước nguyện một ngày nào đó sẽ được Nhập Thất. Đó cũng là lý tưởng, là mục đích của chúng ta.

Hiện nay, nhiều người Nhập Thất đã có kết quả rất tốt, rải rác đây đó trong đạo Phật. Có những vị chưa nổi danh lắm nhưng thật sự đã có những kết quả tốt trong việc Nhập Thất. Cũng có không ít vị tu đạt kết quả nhờ quá trình Nhập Thất. Cho nên, người tu hành phải luôn có ước mơ là sẽ được Nhập

Thất, được dụng công để khai mở tâm linh. Chúng ta phải xác định rằng, đi học chỉ là con đường của ý thức, tạm thời để biết được hướng đi, đừng bao giờ xem đó cứu cánh. Việc khai mở tâm linh mới thực sự là cứu cánh của chúng ta. Trong việc khai mở tâm linh, sự Tinh Tấn nhiếp tâm từng giờ, từng phút, không bao giờ để mất Pháp môn mình tu là điều bắt buộc phải thực hành. Đó mới thật sự là Tinh Tấn, đại Tinh Tấn. Sự Tinh Tấn này vô cùng quan trọng đối với người tu hành.

Khi Nhập Thất, chúng ta phải lưu ý:

-Thứ nhất, chúng ta phải chuẩn bị tâm Vị tha để tránh bị tâm Vị kỷ phát triển. Vì ở trong Thất, chúng ta không còn phải lo cho ai nữa, chỉ còn lo cho việc tu của mình nên trong tiềm tàng, tâm vị kỷ cứ lớn dần lên, lớn dần lên. Bởi vậy, trước khi vào Nhập Thất, chúng ta phải sống một đời sống hết sức Vị tha, lo lắng cho người khác đến quên mình. Trong thực tế, nhiều người thích Nhập Thất trong khi phước chưa đủ nên thường không đem lại hiệu quả. Chúng ta phải lễ Phật, phải tạo phước giúp mọi người trước khi vào Nhập Thất mới mong việc tu hành ấy đạt kết quả như mong muốn.

-Thứ hai, chúng ta phải cẩn thận với tâm kiêu mạn. Vì ở trong Thất, không còn phải nhường nhịn ai, không còn phải tôn trọng ai nên chúng ta sẽ cảm thấy mình trở nên quan trọng, mình hay hơn người khác. Chính điều đó làm cho tâm kiêu mạn phát triển.

-Thứ ba, chúng phải nhận định công đức của mình đã đủ chưa. Khi nhận định về duyên, về phước, cảm thấy mọi điều mong muốn trong cuộc sống của mình đã thuận tiện, chúng ta hãy quyết định Nhập Thất. Nếu chưa đủ công đức, chưa đủ phước, đủ duyên, chúng ta không nên Nhập Thất. Vì không tích lũy đủ những yếu tố ấy, khi Nhập Thất, chúng ta sẽ bị tổn phước, lâu ngày phước sẽ không còn nữa.

Ngoài ra, người tu phải nắm được một số quy luật cần tuân thủ khi Nhập Thất. Đó là những vấn đề về thời khóa, về dụng công, về những khó khăn cần phải hỏi Thầy ... Tất cả phải chuẩn bị vững vàng trước khi Nhập Thất.

4. Những cảnh sống cần thiết để tạo nên ý chí:

Học bài Tinh Tấn, chúng ta chủ yếu nhận định về giá trị tinh thần của sự Tinh Tấn. Đó là sự cố gắng không thuộc về thể chất nhưng buộc thể chất phải làm theo. Tinh Tấn có hai loại thiện pháp: Nỗ lực thực hành công đức, làm lợi ích cho mọi người và nỗ lực nhiếp tâm trong Thiền định.

Chúng ta cũng biết rằng, những cảnh khổ, cảnh khó là sự cần thiết để tạo nên Ý chí. Do vậy, người tu phải biết dẫn thân vào những nơi khó khăn, những nghịch cảnh. Đừng bao giờ sợ hãi hay chùn bước trước khó khăn. Nếu rơi vào những nghịch cảnh éo le, chúng ta hãy coi đó là những thử thách của cuộc đời đối với ý chí và nghị lực của chúng ta. Hiểu như vậy, chúng ta sẽ kiên trì, nhẫn nại, sẽ Tinh Tấn để vượt qua bằng ý chí và nghị lực của mình.

Một nhà văn, qua số phận của nhân vật mình, đã từng gieo vào lòng người đọc niềm tin mãnh liệt khi cho rằng: “ Cuộc sống không có bước đường cùng mà chỉ có những ranh giới. Điều cốt yếu là con người phải có đủ ý chí và nghị lực để bước qua những ranh giới ấy”. Quả thật, mỗi lần vượt lên được hoàn cảnh khó khăn là mỗi lần chúng ta có thêm sức mạnh tinh thần và cảm thấy tự tin hơn vào bản thân mình.

Chúng ta nhận định lại chuyện Marpa thử thách Milarepas để thấy sức mạnh của ý chí được tôi luyện trong khó khăn như thế nào. Trước khi theo Phật giáo, ông Milarepas là một người tu theo bùa. Ông có phép thần thông, có thể sai khiến được mưa đá rơi xuống giết người, phá hại mùa màng, hoa màu của người khác. Do đó, khi gặp ông Marpa, ông bị ông ta đầy đọa đủ điều để trả nghiệp. Không những bị đánh, bị chửi, ông còn bị bắt làm những công việc nặng nhọc. Có khi khiêng đá cất ngôi nhà này được nửa chừng, ông bị bắt tháo dỡ khiêng qua chỗ khác. Bị đầy đọa như vậy trong một thời gian dài, sau đó ông được truyền trao giáo pháp và vào núi tu. Ông tu trên đỉnh núi tuyết cũng rất kham khổ, suốt ngày chỉ ăn rau nên người xanh xao, vàng vọt. Ông hoàn toàn không có quần áo để mặc, không có một mảnh vải che thân. Sau này, khi gặp lại người em, ông được người ấy xin cho một ít vải có thể che những chỗ cần thiết. Quá trình tu của ông rất vất vả do ác nghiệp nhưng tâm linh ông lại rất mạnh. Khi đắc Đạo, phước của ông rất lớn. Như vậy, sự hành hạ, đọa đầy của người Thầy vừa là cơ sở để ông trả nghiệp, vừa là điều kiện để ông rèn luyện ý chí.

Tuy nhiên, chúng ta không nên bắt chước ông Marpa một cách triệt để trong việc thử thách đệ tử của mình. Nếu nghĩ rằng đệ tử mình nặng nghiệp và thiếu ý chí, chúng ta buộc họ phải làm những việc công đức. Vì buộc họ làm những việc công đức sẽ đem lại hai điều lợi. Một là, làm việc trong khó khăn, người ấy sẽ rèn luyện được ý chí. Hai là, làm việc công đức đem lại lợi ích cho mọi người, họ sẽ tăng phước, sau này tu dễ dàng hơn. Không chỉ buộc đệ tử mà bản thân chúng ta cũng phải làm công đức, siêng năng làm việc từ thiện rèn luyện ý chí nghị lực cho mình.

Trường hợp ngài Hư Vân triều sơn đến núi Ngũ Đài Sơn để lễ Bồ Tát Văn Thù cũng vậy. Ngài đi qua đoạn đường mùa đông tuyết phủ vô cùng lạnh lẽo. Tuyết phủ dày cả lối đi, Ngài lâm bệnh nặng đến gần chết. Lúc ấy, Bồ Tát Văn Thù hiện ra trong dáng vẻ một ông già tên là Văn Cát bảo Ngài đừng lễ nữa vì Bồ Tát đã cảm động trước việc ngài Hư Vân hành trình gian khổ để làm lễ mình. Khi nghe ông già ngăn cản, ngài Hư Vân nói rằng, đã phát nguyện rồi, dù chết trên đường Ngài cũng chấp nhận, không bao giờ dừng lại, không bao giờ Ngài có ý nghĩ dừng lại việc làm của mình. Khi chưa làm xong việc, Ngài thà chết chứ không bỏ nửa chừng. Chí nguyện của Ngài quả thật cao ngất trời. Chúng ta phải lấy đó làm tấm gương cho cuộc

đời tu hành của mình.

Trong việc sử dụng Ý chí, chúng ta phải dùng Trí tuệ để nhận định đúng sai. Nếu đang làm một công việc nào đó, chúng ta phải hết sức cố gắng, nhưng khi biết đó là việc không đúng, chúng ta phải dừng lại ngay, không cố chấp. Trường hợp nhờ Trí tuệ, biết chắc việc mình làm là đúng thì dù phải hy sinh thân mạng này, chúng ta vẫn quyết không lui bước. Đó là Ý chí của người tu hành. Suốt cuộc đời, chúng ta phải tạo cho mình được Ý chí mạnh mẽ như vậy. Một Thiền sư đã nói: “ Nam nhi tự hữu xung thiên chí ”. Đúng vậy, chúng ta tự mình phải có cái chí ngất trời. Nói tự mình có nghĩa là phải tự rèn luyện, tự tôi luyện để có một ý chí ngất trời xanh. Bất cứ việc khổ, việc khó đến đâu, nếu có lợi ích cho Phật pháp, dù phải bỏ thân mạng này, chúng ta cũng không lui bước mà cố gắng đến cùng.

Trong cuộc sống, chúng ta gặp không ít những bậc cha mẹ rất cưng chiều con cái. Đó là điều vô cùng tai hại. Vì được nâng niu, chiều chuộng, con cái sẽ không có điều kiện rèn luyện Ý chí. Bởi vậy, khi gặp khó khăn, tự họ không đủ ý chí nghị lực để vượt qua mà dễ dàng ngã gục.

Tâm lý đạo đức

13. ĐỒ KỶ

1. Định nghĩa:

Đồ kỷ (trong đạo Phật gọi là tật đồ) là thù ghét những ai hơn mình, những ai được nhiều quyền lợi hơn mình. Ở đây chúng ta không gọi là tật đồ vì nghe có vẻ xa lạ với những người bên ngoài, dùng chữ đồ kỷ phổ thông hơn, dễ hiểu hơn.

Tâm đồ kỷ rất nguy hiểm cho cuộc đời tu hành của chúng ta. Người nào không thoát được tâm này thì ba đường ác sẽ mở ra, không biết ngày nào sẽ kéo mình đi xuống. Vì tâm đồ kỷ nguy hiểm như vậy nên người tu không được coi thường.

Dấu hiệu dễ thấy nhất của tâm đồ kỷ là thái độ khó chịu khi thấy người khác hơn mình. Ví dụ, trong lớp học, thấy có người huynh đệ học giỏi hơn mình, được nhiều điểm tốt hơn mình, chúng ta cảm thấy khó chịu. Khi sự khó chịu làm chúng ta bực bội, cảm thấy ghét người kia thì đó chính là đồ kỷ. Tất nhiên, khi lòng có sự bực bội nghĩa là trong tâm đã tiềm tàng sự đồ kỷ.

Thường khi đang còn là học Tăng, mọi việc đã có quý Thầy lớn lo, quyền lợi cũng giống nhau nên chúng ta không bận tâm việc gì cả, cũng không có gì phải hơn thua, ganh ghét. Nếu có hơn thua nhau cũng chỉ là hơn thua ở điểm số. Nhưng khi ra ngoài làm việc, bắt đầu có chút quyền lợi, chúng ta không

tránh khỏi sự hơn thua, đụng chạm quyền lợi với người này người khác. Nếu không biết tu, lúc đó tâm đồ kỵ sẽ xuất hiện và chúng ta sẽ thấy thù ghét người hơn mình. Đây là một tâm vô cùng bất thiện, thậm chí có thể gọi là ác tâm. Người có tâm đồ kỵ không thể nói đến chuyện giải thoát, giác ngộ, chỉ chờ ngày đọa địa ngục mà thôi. Tâm đồ kỵ rất nguy hiểm và hậu quả của nó cũng thật khủng khiếp.

Vì vậy, bây giờ tuy chưa gánh vác việc gì lớn lao nhưng chúng ta phải chuẩn bị điều này. Sau này, khi đã tu hành tốt, bắt đầu có những trách nhiệm, có uy tín, có ảnh hưởng với mọi người, chúng ta phải cẩn thận. Nếu không diệt trừ được tâm đồ kỵ, khi đụng chạm với người khác chúng ta để tâm đồ kỵ khởi lên sẽ vô cùng nguy hiểm.

Theo định nghĩa thì đồ kỵ là thù ghét những ai hơn mình. Vậy những cái hơn đó là gì?

Cái hơn thứ nhất là về tài năng. Tài năng là điều làm cho người ta hay ganh tỵ với nhau. Vì tài năng thường đem lại danh dự, đem lại thành công cho con người. Và tất nhiên, thành công đó cũng đem lại lợi ích về vật chất. Vì vậy, nếu ai đó hơn mình về tài năng, tự nhiên chúng ta cảm thấy người đó có danh tiếng hơn mình, uy tín cũng hơn mình, sự thành công cũng vượt hơn, có ảnh hưởng lớn hơn và sẽ thu hoạch được vật chất nhiều hơn. Trong khi đó, tâm lý sâu thẳm của con người là chỉ muốn hơn chứ không bao giờ muốn thua kém người khác cho nên nảy sinh tâm đồ kỵ.

Ví dụ, trong lớp chúng ta đang học sẽ có người học kém, có người học giỏi. Đây là giai đoạn chúng ta hay có sự đồ kỵ về tài năng, về sức học. Nếu thấy người nào học giỏi hơn, được tin tưởng, được khen ngợi nhiều hơn mà trong lòng mình cảm thấy có sự bức bối khó chịu, chúng ta biết rằng mình đã có tâm đồ kỵ, phải nhanh chóng diệt trừ. Nếu cảm giác này chưa xuất hiện nhiều, chúng ta cũng cần phải đề phòng, tránh để tâm đồ kỵ xuất hiện sau này gây nên những hậu quả nguy hiểm.

Sự đồ kỵ thường xảy ra với những đối tượng cùng trang lứa. Khi đang còn là học Tăng, chúng ta không đồ kỵ với quý Thầy lớn vì họ là những người đi trước, có giỏi hơn cũng là điều đương nhiên. Lúc này, chúng ta chỉ ganh tỵ với những huynh đệ đồng học nhưng hơn mình. Khi lớn lên, được giữ chức vụ gì đó, chúng ta bắt đầu ganh với lớp người ngang với mình. Với lớp đàn em, chúng ta không còn để ý ganh tỵ trừ những người học sau, tu sau mà tỏ ra giỏi hơn, tỏ ra qua mặt mình.

Trong môi trường tu hành, vấn đề này còn nhẹ nhàng nhưng ở ngoài đời, người ta sống chết, tranh giành hơn thua với nhau từng ly, từng tí và tạo thành những nghiệp khủng khiếp. Tuy nhiên, dù không khốc liệt như ngoài đời, nhưng tâm đồ kỵ tồn tại trong môi trường tu hành sẽ làm cho Phật pháp ngày càng suy yếu vì không có sự đoàn kết tạo nên sức mạnh. Trong một đất

nước cũng vậy, nếu con người có tâm hẹp hòi, hay đố kỵ lẫn nhau thì đất nước sẽ suy yếu, không tập hợp được sức mạnh.

Nhìn vào lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, chúng ta sẽ thấy rõ điều này. Những năm tháng đất nước bị ngoại xâm, toàn dân có chung một kẻ thù nên cùng chung lưng đấu cật, góp sức người sức của đấu tranh chống kẻ thù, giành lại giang sơn xã tắc. Nhưng khi đã đuổi được kẻ thù ra khỏi bờ cõi, con người bắt đầu quay lại tranh giành quyền lực, ganh tỵ, chống đối lẫn nhau. Đó là tâm đố kỵ. Chính tâm đố kỵ này đã làm cho con người không tập hợp được sức mạnh để xây dựng đất nước ngày càng phát triển, ngược lại còn làm cho đất nước thêm suy yếu.

Nói ra điều này càng thêm buồn lòng nhưng đây là một sự thật. Người Việt Nam chúng ta còn bị tâm đố kỵ rất nặng nề. Hễ thấy ai giỏi hơn là cảm thấy khó chịu, đố kỵ, ganh ghét và tìm cách chỉ trích, chống đối, mưu hại lẫn nhau, triệt hạ lẫn nhau. Cứ như vậy, bản thân người hay đố kỵ đã không làm gì được nhưng người có tài cũng không phát huy được năng lực của mình. Đất nước, vì thế cũng không phát triển được.

Trong khi đó, cũng là con người như chúng ta nhưng châu Âu lại có sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật rất cao, xây dựng được những công trình vĩ đại. Sở dĩ như vậy vì tư tưởng của họ rất thoáng. Một phát minh khoa học có thể là kết quả lao động miệt mài, tận tụy của nhiều nhà khoa học. Hoặc có thể đó là sự kế tục công trình của người đi sau đối với người đi trước. Điểm hạn chế của chúng ta là không phát huy được sức mạnh trí tuệ của nhiều người. Khi gian khổ có thể chung tay góp sức, đồng tâm hiệp lực nhưng khi yên bình, sung sướng lại đấu đá, giành giật với nhau.

Điều này cũng đã đi vào trong Phật pháp. Thực tế cho thấy, tình trạng ganh ghét, đố kỵ giữa người này với người khác, nhóm này với nhóm khác, chùa này với chùa khác đã làm cho Phật pháp chia rẽ, không tập hợp được sức mạnh. Ví dụ, một người đang là giảng sư giỏi, có nhiều uy tín bỗng phát hiện ra ở chùa kia cũng có một giảng sư từ đâu về, cũng nổi danh, được nhiều người mến mộ, ngợi ca. Cho rằng vị giảng sư kia đang giành ảnh hưởng, uy tín, quyền lợi với mình, người này cảm thấy khó chịu, đâm ra thù ghét và tìm cách chỉ trích, công kích.

Chính sự thù ghét, chỉ trích công kích đó đã gây nên sự nghi kỵ, chia rẽ trong Phật pháp và làm cho Phật pháp ngày càng suy yếu. Thật đáng tiếc ! Vì nếu không vì lòng đố kỵ, chống đối lẫn nhau làm giảm hiệu quả làm việc của mỗi người, những người tài giỏi ấy biết hợp lại với nhau sẽ làm được biết bao nhiêu điều lớn lao cho Phật pháp.

Có những vấn đề mà mười người không thông minh bàn mãi, bàn mãi cũng không giải quyết được. Nhưng những người thông minh thật sự, khi hợp lại, bàn với nhau thì sẽ phát hiện ra được nhiều điều rất độc đáo mà một mình họ

không nghĩ ra. Có những trường hợp chỉ cần một người giỏi thôi cũng giải quyết được tất cả, những người khác cứ thế làm theo. Trong khi đó, nhiều người họp bàn với nhau lại không đem lại hiệu quả vì không biết tôn trọng ý kiến của nhau.

Nếu người tu chúng ta biết quý nhau, tôn trọng nhau, họp lại thì sẽ xây dựng được nhiều điều tốt đẹp cho Phật pháp và có lợi cho chúng sinh. Ngược lại, nếu có tài mà cứ ganh tỵ với nhau vì cá nhân mình, không những chúng ta làm cho tài năng của mình và người bị giảm bớt mà còn gây thiệt thòi cho Phật pháp, cho chúng sinh. Như vậy, chẳng những không ai được phước lại còn mang nặng nghiệp.

Tóm lại, tài năng là giá trị trên cao của một con người nên là khởi điểm dễ khiến người ta giành giật, ganh tỵ với nhau.

Một yếu tố nữa khiến người ta có thể ganh tỵ với nhau là tiền bạc. Nhắc đến tiền bạc, sự giàu có, chúng ta không thể không nghĩ đến “Công tử Bạc Liêu”. Đây là nhân vật có thật nhưng xung quanh sự thật về cuộc đời Trần Trinh Huy (Công tử Bạc Liêu), người ta đã dựng nên không biết bao nhiêu giai thoại. Trong những câu chuyện về Công tử Bạc Liêu có chuyện ganh nhau về tiền bạc và muốn chứng tỏ mình giàu giữa Công tử Bạc Liêu (Hắc Công Tử) và Phước Georges (Bạch Công Tử)- đệ nhất phong lưu ở Mỹ Tho.

Trong Công tử Bạc Liêu- Sự thật và giai thoại, Phan Trung Nghĩa kể: “Một bận, gánh hát cải lương Phước Chương của Bạch Công tử về Sóc Trăng hát, Bạch Công tử liền mời Hắc Công tử lên xem. Văn hát, Bạch Công tử tổ chức ăn nhậu với Hắc Công tử... Đang nhậu, Một người nào đó đánh rơi một vật dưới gầm bàn rồi cúi xuống mò tìm trong bóng tối. Thấy vậy, Bạch Công tử liền móc tờ giấy con công (năm đồng) đốt làm đuốc soi cho tìm vật đánh rơi. Với ý chơi khăm và cũng để “giật le” trước hai người đẹp, Hắc Công tử liền bật hộp quẹt đốt tờ giấy bộ lư (100 đồng) cũng để làm đuốc (thuở ấy ai có tờ giấy bạc bộ lư là đã bị “lính kín” theo dõi”. Chuyện đã lan truyền thành giai thoại “Công tử Bạc Liêu đốt tiền”. Tiền bạc có thể làm cho người ta ganh nhau đến mức ngông cuồng như vậy.

Trong cuộc sống của người thế gian, chúng ta cũng gặp rất nhiều trường hợp ganh ghét, đố kỵ với nhau về tiền bạc. Chẳng hạn, lâu nay mình sống trong ngôi nhà hai tầng sang trọng, bề thế không nhà nào sánh được. Bỗng nhiên, một hôm bên cạnh mọc lên ngôi nhà ba tầng sừng sững. Từ đó, đi ra đi vào chúng ta cảm thấy khó chịu vì nhà mình thấp hơn. Tất nhiên, việc người ta xây ngôi nhà ba tầng lầu như vậy chẳng ảnh hưởng gì đến mình, chẳng làm mình thiệt thòi điều gì. Nhưng cảm giác khó chịu xuất hiện là do bản thân mình cảm thấy bị mất thể diện. Đó là tâm hơn thua của con người.

Người tu chúng ta cũng vậy. Có người trong tâm chưa diệt sạch đố kỵ nên đôi lúc cũng có sự khó chịu trước thành công của người khác. Có khi đó là

sự thi đua, hơn thua về thể diện, lúc nào cũng muốn mình nổi bật hơn người khác. Trong bài Khiêm hạ, khi nói về vấn đề danh dự, chúng ta đã khẳng định người tu chân chính không đặt vấn đề danh dự, không đặt vấn đề thể diện. Nhưng nếu không tu tỉnh, chúng ta vẫn xem điều đó là quan trọng nên cảm thấy phải có sự hơn thua. Chính điều đó làm chúng ta phiền não và tạo nghiệp.

Điều thứ ba để con người ganh tỵ với nhau nữa là địa vị. Ở ngoài đời, vấn đề này có thể làm cho con người giành giật lẫn nhau bất kể sống chết. Vì địa vị, chức vụ, người ta có thể giết hại lẫn nhau. Trong lịch sử thế giới, chúng ta từng nghe kể về những vụ ám sát Tổng thống. Có những vụ xuất phát từ động cơ chính trị nhưng cũng có những vụ do tranh giành địa vị, quyền lợi. Nhiều lãnh tụ vì đụng chạm quyền lợi vẫn có thể bị người dưới mưu sát. Đây là điều rất nguy hiểm.

Sự ganh ghét, đố kỵ về địa vị dễ khiến con người nảy sinh những suy nghĩ, những hành động bất thiện. Phim ảnh, sách vở đã nói nhiều đến vấn đề này. Chẳng hạn, trong một phim, một vị Tổng thống luôn bị người ta âm mưu lật đổ, đã nói nửa đùa nửa thật trong một cuộc họp với các cố vấn cao cấp: “Cái chết của Tổng thống làm cho Phó Tổng thống quan tâm”. Vì Hiến pháp của Mỹ quy định: Tổng thống chết, Phó Tổng thống sẽ lên thay. Câu nói đùa của Tổng thống cũng ám chỉ vị Phó Tổng thống nào cũng mong cho Tổng thống chết bất đắc kỳ tử để mình được lên thay.

Trong cuộc sống cũng vậy. Khi đang giữ chức phó gì đó, người ta hay cầu mong người trưởng gặp bất trắc để mình được thăng tiến. Vì vậy, nhiều khi thấy người trưởng gặp nanh, họ không nói ra nhưng trong bụng mừng thầm. Hoặc có khi ngầm ngầm cầu cho người ta tiêu tan mất, đừng tồn tại nữa. Tuy không khởi thành hành động, cũng không thành lời nói, chỉ ngầm ngầm ở trong tâm, nhưng đó là tâm ác độc. Tất cả những điều đó đều xuất phát từ tâm đố kỵ, hơn thua, tranh giành quyền lợi với nhau. Những người có tâm như vậy không thể tu được, không thể giải thoát, giác ngộ được.

Có người kể rằng, khi còn đi học, vì là người học giỏi, thường giúp đỡ bạn bè nên họ bị người khác (lúc bấy giờ là lớp trưởng) ganh ghét và tìm cách hãm hại. Người ta vu khống đủ điều khiến người này cũng bị khốn đốn một thời gian. Nhưng về sau, gần hai mươi năm trôi qua, khi người này đã đi tu, tỉnh cớ đọc báo và biết rằng người bạn cùng lớp năm xưa nay là công an đã bị bắt, bị kết án mười sáu năm tù vì vi phạm pháp luật nặng nề. Ngày xưa, anh ta lúc nào cũng mưu hại để người khác phải vào tù. Bây giờ bản thân anh ta phạm tội nặng phải chịu cảnh tù tội. Phải chăng, lòng đố kỵ đã hại con người nặng nề như vậy ?

Người tu chúng ta không đến nỗi có những ác tâm như vậy, nhưng nếu không khéo tu, vẫn có sự ganh tỵ hơn thua với nhau về vị trí, về chức vụ và

cũng tìm cách triệt hạ nhau một cách ngấm ngầm, thấp kém, không xứng đáng là người xuất gia. Đây là trường hợp rất đáng sợ nên chúng ta phải cẩn thận .

Ví dụ, trong chúng, mình là người tu trước, tuổi hạ cao nhưng không được giao chức trưởng chúng. Điều đó làm chúng ta cảm thấy bức bối. Sự bức bối đó chính là đồ kỵ - điều làm cho chúng ta gây nghiệp. Trong phạm vi này, những biểu hiện của sự đồ kỵ xuất hiện chưa nhiều. Nhưng về sau, khi bước ra làm việc, bắt đầu giữ chức vụ gì đó trong chùa, trong Giáo hội... thì việc so sánh hơn thua giữa chức này, chức kia sẽ làm cho chúng ta cảm thấy khó chịu nhiều hơn và tâm đồ kỵ dễ khởi phát hơn.

Trong Phật pháp, có khi chúng ta cũng gặp nhiều sự đồ kỵ, xía xói của người đời khi chúng ta đem khả năng mình đóng góp nhiệt tình vào việc chung. Nếu không vững tâm, có khi ta sẽ dao động, sợ hãi và lui bước. Vì tránh né sự đồ kỵ của người mà ta đành phải hủy bỏ công đức, cũng là một sự thất bại. Chúng ta nên quan niệm rằng nếu đóng góp được, chúng ta cũng nên nhiệt tình đóng góp, miễn đừng tự cao, đừng vì danh lợi. Vì người tu vẫn còn sự đồ kỵ nên chúng ta cẩn thận, đề phòng, đừng gây sự khó chịu cho người chung quanh khi ta đóng góp được nhiều cho cộng đồng. Còn riêng trong tâm, lúc nào chúng ta cũng mong có được nhiều người hơn mình, không bao giờ muốn tranh giành bất cứ điều gì với ai để tránh đi ý niệm đồ kỵ.

Nếu ai cũng biết đem khả năng của mình ra đóng góp thì cộng đồng này, xã hội này hay Phật pháp sẽ tốt đẹp biết chừng nào. Nhưng chính vì còn tồn tại những điều đồ kỵ nên nhiều người không dám bộc lộ khả năng của mình. Đó cũng là điều bất lợi, điều thiệt thòi cho tất cả mọi người, cho Phật pháp.

Sống trong môi trường có quá nhiều đồ kỵ, hơn thua, chỉ có những người can đảm mới không sợ sự ganh ghét, đồ kỵ, mạnh dạn đem khả năng của mình ra cống hiến cho xã hội, cho Phật pháp. Có lẽ trong hai cách sống- im lặng, không làm gì để tránh sự đồ kỵ và can đảm chấp nhận đồ kỵ - chúng ta nên chọn cách sống thứ hai. Vì nếu cứ cảm thấy khó chịu khi đụng chạm với người xấu, nếu cứ sợ bị ganh ghét đồ kỵ mà chúng ta bỏ cuộc thì xã hội này sẽ rơi vào tay những người xấu, rất nguy hiểm. Những người quân tử, những người tốt thường mắc phải bệnh này. Vì vậy, sống trong môi trường hơn thua, đồ kỵ, ganh tỵ đủ điều, chúng ta cố gắng trụ lại, cố gắng chịu đựng để có thể đóng góp được nhiều điều tốt cho đất nước.

Một nguyên nhân nữa cũng khiến cho người ta đồ kỵ là danh tiếng. Chúng ta vẫn biết danh tiếng là cái rất hảo huyền nhưng người ta vẫn cứ tranh giành, hơn thua, đồ kỵ với nhau. Ngài Động Sơn trước khi tịch có nói một câu: “Ta có tiếng tăm ở đời, danh tiếng ở đời, ai vì ta mà đẹp được”. Nghe vậy, một vị Tăng bước ra đánh lễ và nói: “ Hòa thượng cho con xin”. Lúc ấy, ngài Động

Sơn mới trả lời rằng: “ Tiếng tăm của ta đã hết”.

Thực ra, Ngài muốn thử xem các đệ tử của mình ngộ đạo đến mức nào. Người đã ngộ đạo sẽ biết tiếng tăm là chuyện hão huyền, không có thật, không phải là cái gì cụ thể. Bởi vậy, khi đứng ra nói: “ Hòa thượng cho con xin” nghĩa là vị Tăng kia đã hiểu được điều này. Làm sao Hòa thượng có thể đưa cho đệ tử mình cái danh tiếng vốn hão huyền đó được ? Trả lời: “Tiếng tăm ta đã hết” là Hòa thượng muốn khen vị Tăng đã hiểu đúng ý nghĩa của danh tiếng. Người xưa quả rất thâm thúy. Chỉ một câu nói ngắn gọn nhưng đã thể hiện được trí tuệ cao siêu của một bậc giác ngộ.

Danh tiếng là hão huyền, không có thật tại sao con người cứ phải tranh giành nhau? Sở dĩ người ta chấp ghê gớm và giành giật với nhau về danh tiếng vì họ chưa đủ trí tuệ để thấy được nó là hão huyền. Chúng ta phải tu hành làm sao để thấy được tiếng tăm là hão huyền như vị Tăng kia.

Sự giành giật danh tiếng cũng tùy theo cấp độ. Ví dụ, chúng ta có tâm rất tốt, phát nguyện đi về một vùng xa xôi nào đó để giáo hóa. Sau một thời gian dài giảng giải, giáo hóa, chúng ta được nhiều người hâm mộ, quý mến, phát tâm tu theo Phật pháp. Thời gian cứ thế trôi qua. Bỗng một hôm, chúng ta nhận ra số người nghe mình giảng Pháp giảm xuống. Hỏi ra mới biết có một thầy khác từ đâu mới đến cũng giảng pháp rất hay, nhiều người thích và đến đó nghe giảng. Nghe như vậy, chúng ta cảm thấy khó chịu trong lòng vì sự xuất hiện của người này vừa có sự hơn thua danh tiếng, vừa đụng chạm đến quyền lợi của mình. Nếu có tiếng tăm, người đó sẽ được san sẻ quyền lợi, sự cúng dường mà bấy lâu nay thuộc về độc quyền của ta ở khu vực đó.

Như vậy, mặc dù tu rất tốt nhưng chúng ta vẫn không kiểm soát được tâm mình, không diệt trừ được đồ kỵ. Khi có người xuất hiện gần như giành quyền lợi với mình, tâm đồ kỵ của chúng ta đã khởi lên ngay. Phải chăng, việc giảng pháp hay, làm lợi ích chúng sinh thực chất chỉ che đậy những tham vọng tiềm tàng của riêng mình, không thực lòng vì Phật pháp, vì chúng sinh ? Vì nếu thật lòng thương yêu chúng sinh, khi nghe có thêm người giảng hay, chúng ta phải vui mừng. Ở đây, chúng ta lại sợ mất uy tín, mất ảnh hưởng, mất quyền lợi của mình. Đây chính là tâm đồ kỵ. Chúng ta phải cẩn thận điều này. Nếu thấy chúng sinh được lợi ích, chúng ta phải vui mừng dù họ được hóa độ bởi bất cứ ai.

Hiểu được điều này, ngay từ bây giờ chúng ta phải đề phòng tâm đồ kỵ. Mỗi đêm, chúng ta phải phát nguyện độ cho tất cả chúng sinh. Mỗi khi ăn cơm, chúng ta cũng: “nguyện đoạn nhất thiết ác, nguyện tu nhất thiết thiện, nguyện độ nhất thiết chúng sinh”. Nhưng chúng ta phải cẩn thận khi nguyện độ cho chúng sinh được giác ngộ giải thoát. Vì có khi việc nguyện đó chỉ vì quyền lợi, vì danh tiếng của mình chứ không phải vì chúng sinh. Nghĩa là chúng ta muốn chỉ một mình độ chúng sinh chứ không muốn có ai cùng làm

việc đó.

Như vậy, tùy mức độ những người bằng mình hay hơn mình mà tâm đồ kỵ xuất hiện để chúng ta cố gắng vươn tới, giành tới. Ở mức độ thấp (khi còn là Tăng Ni sinh), nếu có tâm đồ kỵ hơn thua cũng chỉ ganh tỵ hơn thua với nhau trong vấn đề học hành. Khi lớn lên ra làm việc, tùy theo mức độ, phạm vi làm việc mà người ta ganh tỵ nhau. Ví dụ, nếu nổi tiếng ở mức độ làm việc trong tỉnh, chúng ta không ganh tỵ với những người nổi tiếng ngoài tỉnh, nổi tiếng cả trong nước, mà chỉ ganh với người trong tỉnh. Khi tiếng tăm đã lớn đến tầm quốc gia, đất nước thì chúng ta bắt đầu ganh tỵ với những người nổi tiếng ở mức độ cả nước, còn người trong tỉnh chúng ta không còn quan tâm, ganh tỵ nữa. Đến khi nổi tiếng khắp thế giới, chúng ta lại không ganh tỵ với người trong nước mà ganh tỵ với những người nổi tiếng cả thế giới như mình....

Bạn lũ cũng là yếu tố làm cho con người đồ kỵ với nhau. Khi thấy người khác có nhiều bạn trong khi mình chẳng có ai quan tâm, thăm hỏi, chúng ta ngấm ngấm bức bối. Đó cũng là đồ kỵ.

Ở đây chúng ta phải hiểu rằng, người được nhiều người mến đều có nguyên nhân. Đó là cái phước, cái duyên với chúng sinh. Có thể đời trước họ có duyên với nhiều người nên bây giờ người ta cứ tìm đến. Còn chúng ta, có thể kiếp trước thích ăn tu nên bây giờ ít ai biết đến. Nếu không biết nguyên nhân, chúng ta sẽ sinh lòng đồ kỵ. Khi có ai hỏi đến họ, chúng ta sẽ tỏ thái độ bức bối hoặc nhiều khi nói xấu, chỉ trích. Đây là điều rất nguy hiểm.

Một yếu tố nữa cũng khiến người ta ganh tỵ với nhau là nhan sắc. Điều này ít xảy ra ở người nam nhưng lại phổ biến ở người nữ. Chẳng hạn, một cô gái mỗi ngày soi gương nhận thấy mình đẹp nhất nhì thiên hạ nhưng ra đường chỉ toàn nghe người ta khen người khác đẹp, cô ta cảm thấy trong lòng bức bối. Ngược lại, nếu được ai khen đẹp, cô sẽ cảm thấy vui sướng vô cùng.

Vậy, nguyên nhân làm cho tâm đồ kỵ xuất hiện là gì?

Nguyên nhân là do ngã chấp. Tất cả mọi phiền não, lầm lỗi của con người đều xuất phát từ chấp ngã ban đầu.

Tuy nhiên, chấp ngã chỉ là nguyên nhân chung. Thật sự, ngoài chấp ngã còn có nhiều nguyên nhân khác. Chấp ngã phát sinh ra nhiều bệnh, trong đó có bệnh tự tôn. Đây là bệnh rất kỳ quái. Nó không phải là kiêu mạn. Kiêu mạn là dựa vào một ưu điểm của mình để thấy mình hơn người và có cảm giác thích thú bởi việc hơn thua đó. Còn tự tôn là tự cho mình hơn mọi người mặc dù chính mình không có điểm gì đặc biệt. Chúng ta thường bắt gặp trường hợp này nơi những người không có tài năng, danh vọng, tiền bạc nhưng luôn thích làm ra vẻ quan trọng, lúc nào cũng thấy mình hơn người khác.

Vì không muốn thua ai, nhưng không có cách nào để hơn người nên người

này hay xuất hiện tâm lý thù ghét những ai hơn mình. Sở dĩ như vậy vì họ sợ bị thua thiệt, mất quyền lợi, mất ảnh hưởng. Đây cũng là vị kỷ.

Như vậy, chấp ngã đưa đến tự tôn (không muốn thua người khác) và vị kỷ (muốn có quyền lợi hơn người khác). Tự tôn cộng với vị kỷ sẽ đưa đến đố kỵ (thù ghét những người hơn mình).

Cũng có trường hợp kiêu mạn dẫn đến đố kỵ. Vì kiêu mạn, chúng ta nghĩ rằng mình hơn tất cả mọi người nhưng khi có người giỏi hơn xuất hiện, chúng ta sinh lòng đố kỵ, thù ghét họ. Hiểu được điều này, chúng ta cố gắng sống một đời vị tha, thương yêu tất cả mọi người, không tự tôn, không kiêu mạn, lúc nào cũng thấy mình thấp bé để tâm đố kỵ không xuất hiện.

2. Đố kỵ khiến người ta gây nhân xấu nặng nề:

Việc đầu tiên mà người có tâm đố kỵ hay làm là thích chỉ trích để hạ uy tín của người giỏi, người làm được việc.

Ví dụ, nghe người ta khen thầy nào đó giảng hay, được nhiều Phật tử mến mộ, chúng ta liền chỉ trích, nói xấu. Có thể người ta chưa tin ngay điều mình nói nhưng niềm tin, lòng kính trọng đối với vị thầy kia phần nào sẽ bị giảm sút. Khi đến nghe Pháp, họ không còn nghe trọn lòng nữa. Như vậy, sự chỉ trích để triệt hạ uy tín lẫn nhau sẽ làm thoái tâm nhiều người khác. Đó là điều rất tai hại.

Hậu quả của tâm đố kỵ rất nặng nề nhưng nhân quả rõ nhất là chúng ta sẽ mất tâm đạo. Có người kiếp trước từng tu rất tốt nhưng bây giờ mất hết đạo tâm, không tu hành được nữa, sống không nhà, không cửa, không vợ con, lang thang hết nơi này đến nơi khác... Đó là nhân quả của việc nói xấu người khác, nói xấu những vị Tôn túc, làm cho Phật tử thoái tâm.

Vì lời chê bai, chỉ trích làm người ta chia rẽ, làm Phật tử thoái tâm, góp phần làm cho Phật pháp suy tàn nên chúng ta không nên nói xấu chỉ trích, ngược lại cần phải khen nhiều hơn. Ví dụ, khi Phật tử đến thăm chùa, chúng ta nên khen các thầy trong chúng. Nếu họ có hỏi về thầy nào, chúng ta cũng tìm những hạnh tốt để khen. Tất nhiên, sống trên đời không ai tránh được khuyết điểm, nhưng chúng ta tránh nói khuyết điểm, chỉ nói ra những ưu điểm nhằm giúp Phật tử tăng thêm tín tâm với đạo. Vì trong chùa có nhiều người tốt, người ta sẽ tin Phật pháp là tốt đẹp. Hơn nữa, những lời khen ấy cũng tạo thành phước rất lớn cho chúng ta.

Những người làm giảng sư rất dễ có phước vì khi giảng, thế nào họ cũng ca ngợi Đức Phật, ca ngợi các vị Thánh Tăng. Một lời họ nói ra không phải chỉ một hai người nghe mà rất nhiều người nghe. Do đó, phước họ có được là vĩnh viễn, đời đời. Lời khen rất dễ có phước. Nhưng nếu người giảng sư đứng trên bục giảng cứ công kích người này, nói xấu người kia thì sẽ bị tổn phước, không còn giảng được nữa, không còn tiếng tăm uy tín nữa. Những người viết sách cũng vậy. Viết sách ca ngợi Phật, ca ngợi chư Tăng, họ sẽ

được đòi hỏi hưởng phước. Nói chung, phước khen ngợi Đức Phật có thể kiếp sau mới được hưởng nhưng nghiệp chê người này, chỉ trích người kia chúng ta sẽ bị đọa ngay trong hiện tại.

Việc hay chỉ trích, công kích, chê bai không những làm cho chúng ta tổn phước, làm thoái tâm những người khác mà tai hại hơn nữa còn khiến Phật pháp (điều tốt) không phát triển được. Phật pháp phát triển được hay không là do sự phát tâm của từng người, từng ngôi chùa, từng đạo tràng. Nếu mỗi người thoái tâm một chút, nếu mỗi người cứ đổ kỵ, chỉ trích để triệt hạ uy tín lẫn nhau, chúng ta sẽ không phát huy được sức mạnh và làm cho Phật pháp suy tàn.

Cộng với tâm ác độc, người đổ kỵ có thể mưu hại người khác một cách hèn hạ. Ngoài đời, ác tâm của con người thật kinh khủng. Vì tranh hơn thua với nhau, họ sẵn sàng dùng bất cứ thủ đoạn gì để giết hại nhau. Người tu có thể còn tâm đổ kỵ nhưng ác độc không nhiều vì biết tin Nhân Quả. Ngay đến việc giết một con vật nhỏ chúng ta còn không dám, làm sao có thể dám hại con người. Nhờ biết tin và sợ Nhân Quả, quả báo nên lâu ngày, tâm ác của chúng ta cũng giảm đi rất nhiều. Tuy nhiên, nếu không biết tu, không kiểm soát tâm mình, không có lý tưởng giải thoát thật sự thì khi có nhiều quyền lợi quá, người tu chúng ta vẫn tranh giành với nhau, vẫn có thể hại nhau đến mất hết uy tín, đến tiêu tan cả sự nghiệp.

Chẳng hạn, ở một vùng nọ có một Thầy chánh đại diện vì muốn vị trí mình vững vàng không ai giành được nên khi thầy nào có năng lực muốn xin về đó ông ta đều tìm cách triệt hạ ngay từ đầu. Đó chính là đổ kỵ, sợ đụng chạm quyền lợi, cũng là một mưu hại, tuy chưa nặng lắm. Nếu ác tâm mạnh hơn nữa, họ có thể vu khống người ta vi phạm chính trị để mọi người nghi ngờ đuổi đi nơi khác hoặc để công an bắt giam.

Chúng ta còn nhớ câu chuyện Lục Tổ Huệ Năng được trao y bát. Ngài được Tổ Hoàng Nhẫn trao cho y bát nhưng phải truyền trao một cách lén lút vào lúc nửa đêm. Rồi sau đó Tổ phải đưa Ngài ra sông để trốn đi luôn. Tại sao như vậy? Vì Tổ Hoàng Nhẫn không tin vào tâm của chúng mình. Họ vẫn còn đổ kỵ nhiều quá. Nói ra điều này chúng ta cũng cảm thấy đau lòng vì không hiểu vì sao thời đó gần Tổ mà con người vẫn còn tâm đổ kỵ nặng nề như vậy. Có thể nhiều khi họ rất hiểu Thiên lý nhưng những quan điểm về Đạo đức vẫn chưa vững nên vẫn còn đổ kỵ khi thấy người ta hơn mình.

Phân tích tâm đổ kỵ của những người trong chúng đối với Lục Tổ Huệ Năng, chúng ta thấy có nhiều lý do. Tổ Huệ Năng là một cư sĩ mới đến chùa được sáu tháng, mới hơn hai mươi tuổi trong khi những người khác đã xuất gia ít ra cũng trên hai, ba chục năm, hạ lạp y áo dàng hoàng. Vậy mà Tổ Huệ Năng được trao y bát, tương lai sẽ được giữ địa vị Tổ- một địa vị quá lớn lao, bao nhiêu người từng ao ước. Điều này đã làm cho họ không thể chịu

đựng nổi. Lòng đồ kỵ cộng thêm sự tự ái đã làm cho sức mạnh tăng lên dữ dội nên họ đã đuổi theo giành lại y bát. Thái độ của họ rất hùng hổ, sẵn sàng đánh giết để đoạt y bát trở lại. Đó cũng là tâm ác.

Trong khi đó, ngài Thần Tú vẫn rất nhẹ nhàng. Ngài là người có Đạo đức. Sau khi trình bài kệ không được Ngũ Tổ chấp nhận, Ngài cũng bình an ở lại giữ núi. Khi Ngũ Tổ tịch, Ngài vẫn tiếp tục tu hành, dạy chúng bình thường và sau này cũng rất nổi tiếng. Sự đạt ngộ của Ngài có thể không bằng ngài Huệ Năng nhưng Ngài có công phu tu hành chân chính, có Đạo đức rất vững. Ngài cũng có sở đắc tâm linh, cũng nhập định rất tốt. Khi còn ở trong chúng, ai cũng nể phục tài đức của Ngài. Họ tin chắc rằng, ngoài Ngài ra không ai xứng đáng được nhận y bát. Quả thật, Ngài cũng xứng đáng với sự tin yêu đó. Nhưng ngài Huệ Năng lại quá đặc biệt, quá siêu việt nên đã lãnh mất y bát khiến những người chúng dưới không chịu nổi. Còn ngài Thần Tú vẫn bình thân, coi như không có chuyện gì xảy ra vì Ngài tin vào sự chọn lựa của Thầy mình.

Truyện Thái Dương Sơn Bình Thị Giả quật mồ ngài Minh An- thầy mình - trong Thiền Lâm Bảo huấn cũng cho chúng ta bài học về lòng đồ kỵ. Lúc bấy giờ, ngài Minh An thuộc về tông Tào Động. Ngài là một Thiền Sư nổi tiếng đến mức ngài Phần Dương Thiện Chiêu - thuộc tông Lâm Tế - phải cho những đệ tử của mình qua đó tham học. Chúng ta biết rằng, tông Lâm Tế rất nổi tiếng và ít nể phục ai. Vậy mà thời đó ngài Phần Dương là người nổi tông Lâm Tế chính tông lại cho đệ tử mình sang học với thầy Minh An. Điều này chứng tỏ ngài Minh An rất giỏi đồng thời cũng cho chúng ta thấy Đạo đức của cổ nhân. Những bậc đạo sư đúng nghĩa là như vậy. Họ không có sự riêng tư. Đọc chuyện này, chúng ta nể phục ngài Minh An bao nhiêu càng kính trọng ngài Phần Dương Thiện Chiêu bấy nhiêu.

Khi sang học, hai đệ tử của tông Lâm Tế được ngài Minh An khen ngợi. Ngài còn nói hai người đó sẽ nối Pháp của Ngài làm cho tông Tào Động được hưng thịnh. Nhưng hai vị từ chối vì cho rằng ngài Bình Thị Giả mới thực sự là người tài giỏi. Hai vị đã ngộ đạo mà khen như vậy chứng tỏ ngài Bình Thị Giả cũng đã ngộ đạo. Vì trong Thiền tông, người đã ngộ đạo chỉ cần dùng trực giác để nhìn hoặc nghe người khác nói một vài câu sẽ biết ngay người đó đã ngộ hay chưa. Nhưng ngài Minh An lại không công nhận ngài Bình Thị Giả ngộ đạo. Ngài nói: “Vì trong đây không tốt, sau này sẽ chết ở đây”. “Ở đây” là trong bàn tay của mình, người Trung Hoa còn gọi là hổ khẩu tức miệng cọp. Nghĩa là Ngài muốn nói ngài Bình Thị Giả tâm không tốt nên sau này sẽ chết ở miệng cọp.

Chuyện cứ thế trôi qua. Trước khi chết, ngài Minh An nói với mọi người: “Khi ta chết cho đến mười năm, không có chuyện gì. Nhưng sau mười năm sẽ có Thái Dương Sơn đánh ta.” Nói xong, Ngài ngời tịch một cách tự tại vì

Ngài đã đắc đạo cao siêu. Sau đó, thân Ngài được đem vào nhập tháp trong tư thế ngồi như thế. Ngài Bình Thị Giả tiếp nối trụ trì, gọi là Thái Dương Sơn Bình Thị Giả. Nhưng không hiểu vì sao càng ngày ông càng đổ kỵ với cái tháp của thầy mình. Hình như ông cảm thấy cái tháp có vẻ uy nghi, đẹp đẽ sừng sững đứng trắn ở vị trí đó khiến ông không phát được. Thời gian cứ thế trôi qua, lòng đổ kỵ với thầy mình của ngài Thái Dương Sơn càng ngày càng lớn. Cho đến mười năm sau, cảm thấy lòng đổ kỵ đã đủ, ông nói: “Cái tháp Tiên sư để đây với ta có chướng ngại, thôi quật cái tháp đi, lấy xác thiêu và đem cốt vào thờ”. Chúng không chịu nhưng ông vẫn ra lệnh quật tháp. Điều ngạc nhiên là dù chết đã mười năm nhưng cơ thể ngài Minh An vẫn còn tươi tắn, hồng hào, râu tóc vẫn ra dài. Đây là điều rất độc đáo. Những vị khác tịch mười năm có thể nhục thân không hoại nhưng sẽ bị khô đi. Thân thể Ngài Minh An vẫn tươi như còn sống nên chất củi đốt cũng không thể cháy được. Thần lực Ngài Minh An để lại thật khủng khiếp! Thấy như vậy, Thái Dương Sơn bèn lấy búa rìu dùng chẻ củi chém xả vào đầu, vào thân ngài Minh An cho đến khi tan nát. Sau đó, ông tưới dầu vào và đốt cho thân thể tiêu tan.

Hành động cầm búa rìu chém vào nhục thân thầy mình mười năm không hoại ấy đã khiến cho mọi người không ai chịu đựng nổi. Quá đau lòng, những người còn lại trong chúng đã chạy lên báo với quan huyện. Rất may, vị quan này vốn kính thờ ngài Minh An. Nghe tin, ông rất giận dữ sai quân lính đến lột y và đuổi Thái Dương Sơn ra khỏi chùa, không cho làm người tu nữa. Quả báo đã đến ngay tức khắc như vậy và ông ta đã hết phước làm Tăng. Sau đó, Bình Thị Giả đổi tên là Hoàng Tú Tài và đi nơi khác sống. Nhưng đi đến đâu, ông cũng không được trọng dụng. Một hôm, đi đến ngã ba đường, ông bị cọp vồ chết đúng như lời ngài Minh An đã nói trước kia. Lòng đổ kỵ cộng với ác tâm khiến người ta có thể làm nhiều chuyện động trời như vậy.

Ở mức độ nhẹ hơn, người có tâm đổ kỵ thường quấy phá lật vật nhằm hạ uy tín của người khác. Ví dụ, cùng học với nhau, nhưng thấy người kia làm bài được nhiều điểm hơn, người có tâm đổ kỵ sẽ tìm cách lấy bớt một vài trang trong bài làm của họ xé bỏ đi. Người kia không hay biết, vẫn mang bài đến nộp nên không được điểm cao. Hoặc thấy một huynh đệ được thầy trụ trì quý mến, vì đổ kỵ, họ cảm thấy bức bối. Đến phiên người ấy nấu bếp, họ phá bằng cách lấy muối bỏ thêm vào nồi canh vv....

Trong Góp nhặt cát đá có câu chuyện về người mù và Thiền Sư Bankei. Thiền Sư Bankei dạy đạo ở một ngôi chùa. Trước cổng chùa có một người mù. Tuy không nhìn thấy nét mặt của người khác nhưng người mù có cái tai rất nhạy và chỉ cần nghe tiếng nói, ông có thể đánh giá được tâm trạng người khác, biết họ thật tình hay không. Ông từng nói: “Khi nghe một người khen

sự thành công của người khác, tôi cũng nghe được cái bí mật trong lòng họ, đó là một sự ganh tỵ. Khi nghe một người chia buồn với nỗi đau khổ của người khác, tôi vẫn nghe được trong tâm họ cái bí mật của một sự vui mừng hả hê.” Ông nói: “Chỉ có Thiền Sư Bankei khi khen ai một điều gì, hay chúc mừng ai một điều gì, tôi nghe trọn lòng chân thành, sự vui mừng của Ngài. Khi nghe Ngài tỏ sự buồn bã đối với nỗi buồn của ai, tôi nghe trọn vẹn cái nỗi buồn như thế”.

Vì tu thiền kiểm soát được tâm vững chắc, kỷ lưỡng nên Thiền Sư Bankei có lòng thương người rất chân thành, không đồ kỵ. Câu chuyện nhằm khen ngợi đức tính ấy của ông.

Cái tâm của con người là như vậy. Thấy người nào thua mình thì vui mừng, thấy ai hơn mình dù mở miệng khen nhưng trong lòng vẫn có sự bức bối. Hoặc thấy người hơn mình bị nạn, tâm vui mừng một cách lộ liễu hoặc thậm kín.

Ví dụ, người nữ hay hơn thua nhau về sắc đẹp. Thấy người kia được nhiều người khen đẹp, người này cũng khen nhưng trong lòng âm ức, bức bối. Đó là khen không thật tình vì lòng không thật vui khi thấy người ta đẹp hơn mình. Hoặc nghe tin người có tài năng, có danh tiếng hơn mình bị tai nạn, chúng ta không dám bộc lộ niềm vui một cách lộ liễu nên miệng vẫn xuýt xoa: “Tội nghiệp” nhưng trong lòng lại vui mừng quá đỗi vì từ nay ông ta không đi giảng được nữa, không hơn mình được nữa. Đó là tâm bí mật của con người.

Từ trong thâm sâu, chúng ta phải cố gắng kiểm soát tâm để khi thấy sự thành công của người khác, chúng ta xem như đó là thành công của chính mình; trước niềm vui của người khác, chúng ta cũng vui như chính niềm vui của mình. Vì vậy, trong bài Khẩn nguyện chúng ta vẫn tụng hằng ngày có đoạn:

Xin cho con sung sướng

Khi thấy người thành công

Hoặc gây tạo phước lành

Như chính con làm được

Chúng ta tụng như vậy là để diệt lòng đồ kỵ, khởi được tâm tùy hỷ trước sự thành công của người khác.

Tâm đồ kỵ có quả báo rất kinh khủng. Có lẽ chúng ta còn nhớ câu chuyện về Tôn giả Losaka Tissa bị quả báo đói kém. Vào thời Đức Phật Ca Diếp, Ngài là một trụ trì ở một tinh xá đầu làng. Ngài cũng hiền lành, cả làng chỉ có mình Ngài ở ngôi chùa đó. Một hôm, một vị trưởng lão Alahán đi đến làng và gặp vị địa chủ. Người địa chủ này sau khi nói chuyện, thấy vị Tôn giả này quá trí tuệ bèn thỉnh thọ cơm rồi nói:

- Thưa Tôn giả, đầu làng này có một ngôi tinh xá, xin Tôn giả hãy đến đó nghỉ ngơi, chiều con sẽ đến thăm Tôn giả.

Vị Tôn giả Alahán đến tinh xá gặp vị trụ trì. Sau khi chào nhau, vị trụ trì hỏi:

- Ngài đã dùng cơm ở đâu chưa?

Hòa Thượng trả lời:

- Thừa Ngài, tôi có dùng cơm ở nhà vị trưởng làng.

Chiều hôm đó, người địa chủ mang cơm, thức ăn, sữa và một số vật phẩm đến cúng dường hai vị và đánh lễ xin nghe Pháp của Tôn giả Alahán. Vị trụ trì thấy vậy rất khó chịu.

Sau khi đánh lễ và nghe pháp xong, người địa chủ đánh lễ thỉnh luôn hai vị:

- Con xin thỉnh hai vị trưa mai đến nhà con thọ thực.

Cả đêm đó, vị trụ trì không ngủ được vì bỗng dưng từ đâu có người đến giành bát Phật tử của mình. Sáng hôm sau, ông dậy rất sớm để đến nhà người địa chủ nhưng không gọi vị Tôn giả Alahán kia đi cùng. Thực ra, ông có gõ cửa hai tiếng rất nhẹ, gõ nhưng cố ý không cho người kia nghe.

Khi đến nơi, người địa chủ hỏi:

- Vị Tôn giả hôm qua đâu?

Vị trụ trì trả lời:

- Hôm qua ông ăn cái gì đó chắc còn đầy bụng, tôi có gọi mà ông không dậy.

Câu nói tuy nhẹ nhưng là một lời chỉ trích, nói xấu làm cho người nghe có cảm giác vị Tôn giả kia ăn no, ngủ quên không chịu tu hành. Ăn xong, vị địa chủ lấy riêng một bát thức ăn và nói:

- Con mong thỉnh Ngài, Ngài đem về cho vị kia giùm con.

Đi giữa đường, gặp đám than hồng người ta đang đốt, ông đổ tất cả bát cơm vào đó. Lúc bấy giờ, ở tinh xá, vị Tôn giả Alahán đã biết tất cả mọi chuyện. Thấy ông này quá đồ kỵ, ông đáp y, mang bát bay lên hư không qua vùng khác ở và không về đó nữa.

Về đến nơi không thấy vị kia, vị trụ trì giật mình nghĩ: “Hay là vị này đã chứng đạo biết được tâm ta đồ kỵ nên bỏ đi không ở lại. Ôi, ta vì ngu si đã làm một chuyện lầm lỗi”. Sau đó, ông buồn rầu, hối hận rồi chết.

Khi chết, ông xuống địa ngục mấy ngàn năm, bị thiêu đốt ở đó. Hết nghiệp địa ngục, ông lên làm quỷ đói, trong năm trăm năm không hề được ăn một miếng gì trừ cái bào thai chết của người ta trọc ra một hai lần. Sau khi mãn năm trăm năm ngạ quỷ, ông bị đọa làm chó năm trăm đời. Trong thời gian làm chó, không bao giờ ông được người ta cho ăn uống đàng hoàng, chỉ được ăn khi người ta nhậu say nôn ói ra ngoài. Con chó ấy gầy ốm rồi chết. Sau đó, được trở lên làm người. Nhưng nơi ông được sinh ra, cả làng luôn mang tai họa. Ông bị người ta đuổi ra khỏi làng, sống lang thang vất vưởng. Sau này, ông gặp Đức Phật (lúc đó Ngài còn là Bồ Tát). Ngài giáo hóa theo Phật đề củng cố lại nhân duyên với Phật pháp.

Trong kiếp cuối cùng thời Đức Phật sinh ra đời, ông cũng được sinh ra tại một làng đánh cá. Vào ngày ông ra đời, không ai đánh được một con cá nhỏ

nào, hồ nước dự trữ cho làng cũng bị cạn, một số nhà trong làng bỗng nhiên bốc lửa cháy, rồi tự nhiên vua ra lệnh bắt cả dân làng....Những chuyện xui cứ tới dồn dập. Thế là người ta nghĩ trong làng đã xuất hiện một người nào đó xúi quẩy, phải tìm cách loại ra. Lúc đầu, họ chia làng thành hai phần độc lập, không giao thiệp với nhau nữa. Phần nửa làng không có ông thì làm ăn phát đạt trở lại, còn nửa làng kia vẫn tiếp tục bị xui xẻo. Thế là, phần nửa làng đó lại được chia làm đôi. Cứ thế, cuối cùng chỉ còn lại gia đình ông. Họ đuổi gia đình đó ra khỏi làng và làng lại làm ăn trở lại bình thường. Khi bị đuổi, người chồng đuổi luôn người vợ ra khỏi nhà. Vì núm ruột mình đứt ruột đẻ ra, người vợ không nỡ dứt bỏ nên cố gắng làm lụng nuôi ông trong đói khổ. Khi ông lấm chầm cầm bình bát đi xa được, bà sai con đi xin ăn và ở nhà bà trốn đi. Thế là từ ngày đó, ông bắt đầu cuộc đời đói khổ, tự lập thân sống như con quỉ ăn bùn. Nhiều khi chỉ xin được mấy hạt cơm người ta làm rơi ở sàn nước để ăn cho đỡ đói. Đến khi gặp ngài Xá Lợi Phất, bằng đạo nhân, ngài Xá Lợi Phất thấy rằng người này có duyên với Phật pháp, có thể tu được dù nghiệp rất khắc nghiệt. Ngài hỏi:

- Cha mẹ con ở đâu ?

- Thừa, mẹ con vì con mà quá khổ sở nên đã bỏ con.

- Con có muốn xuất gia không?

- Lành thay Tôn giả! Nếu có thể cho con được xuất gia!.

Thế là ngài Xá Lợi Phất đem ông về, cạo tóc cho xuất gia. Mặc dù đã tu chứng Alahán nhưng suốt một đời, không bao giờ Ngài được ăn no cho đến ngày chết.

Quả báo đồ kị kinh khủng, đáng sợ như vậy. Vì Ngài đã đồ kị với vị Alahán nên bị đọa đày không biết bao nhiêu kiếp.

Trong cuộc sống, những người hay đồ kị phải chịu nhiều quả báo. Nếu không có tài năng, luôn ganh tỵ với người, đời sau chúng ta sẽ không có tài năng. Thấy ai thành công, chúng ta chỉ trích, bực bội thì đời sau, thành công sẽ không đến, làm gì cũng thất bại. Bởi vậy, những người làm việc hay thất bại thường do nhiều nguyên nhân nhưng trong đó có nguyên nhân do đời trước có tâm đồ kị nặng quá. Ngoài ra, người có tâm đồ kị còn chịu một quả báo nữa là bị thân quyến bỏ rơi. Vì chỉ trích cho người ta bỏ nhau, ghét nhau thì chúng ta sẽ chịu quả báo sống cô đơn, bị người thân ghét bỏ. Và quả báo nặng hơn nữa là bị đọa ba đường ác: địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh.

3. Đề phòng tâm đồ kị:

Tâm đồ kị đem lại quả báo khủng khiếp như vậy nên chúng ta phải đề phòng, đừng để nó khởi phát. Nhưng đề phòng tâm đồ kị bằng cách nào?

Trong phạm vi gần: Đối với những huynh đệ cùng lớp, cùng trường và nhất là cùng trình độ với nhau, lúc nào chúng ta cũng chân thành cầu mong huynh đệ hơn mình. Nếu lỡ học kém, chúng ta cũng cầu mong cho huynh đệ mãi

mãi hơn mình. Như thế, chúng ta sẽ có phước và dần dần sẽ học giỏi hơn. Nếu lúc nào cũng muốn hơn người, chúng ta sẽ ngày càng kém sút. Khi thấy huynh đệ được nhiều người mến (đắc nhân tâm), chúng ta đừng phủ nhận mà phải tìm thấy ưu điểm nào đã khiến họ được như vậy. Có thể họ có phước gì đó trong quá khứ và ưu điểm gì đó trong hiện tại. Tìm những ưu điểm của bạn để chúng ta học hỏi, tuyệt đối không được chê bai, dè bĩu. Trường hợp huynh đệ mình có uy tín, được người lớn giao nhiệm vụ (trông coi hương đăng, tiếp khách, tri sự, quản chúng...), chúng ta phải tận tình phụ giúp để huynh đệ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chúng ta đừng vì ganh ghét mà lén lút phá đám.

Sau một thời gian tu hành, thấy huynh đệ mình tu tiến, ngồi thiền được lâu, thuyết giảng hay..., chúng ta phải hoan hỷ và thật lòng kính trọng. Vì người có trí tuệ, định lực tăng tiến cũng chính là thầy mình.

Đối với những huynh đệ kém hơn, chúng ta phải tận tình chỉ dạy, không giấu giếm để huynh đệ vượt lên. Thâm tâm chúng ta phải lúc nào cũng mong cho huynh đệ tốt hơn mình. Nếu thấy huynh đệ nào chữ viết còn xấu, chúng ta chỉ họ cách rèn từng chữ để dần dần chữ viết được đẹp hơn. Hoặc thấy huynh đệ viết câu văn chưa chuẩn, chưa sông, chêm câu còn tùy tiện..., chúng ta phải hướng dẫn họ nắm lại những qui tắc ngữ pháp cơ bản vv... Nói chung, chúng ta luôn tận tình chỉ dạy cho huynh đệ mình tiến lên.

Ở phạm vi xa: (lúc trưởng thành làm việc lớn)

Đây là lúc tâm đồ ký dễ có điều kiện khởi phát nhất. Vì lúc này, mối quan hệ của chúng ta rộng rãi hơn, quyền lợi cũng nhiều hơn. Bởi vậy, chúng ta càng đề phòng tâm đồ ký cẩn thận hơn.

Khi nghe có giảng sư nào thuyết pháp hay, được nhiều người hâm mộ, chúng ta phải chân thành tìm thấy ưu điểm của vị đó để tán thán, học hỏi. Có khi, giữa chúng ta và người ấy không đồng quan điểm nhưng nếu họ được nhiều người hâm mộ, khen ngợi, tán thán, chúng ta cũng phải tìm hiểu nguyên nhân và chân thành học hỏi. Trước những ưu điểm của người, chúng ta phải đánh lễ, kính trọng. Có như vậy, tâm đồ ký mới bị tiêu trừ và chúng ta mới có thể tiến bộ.

Đối với những vị tu có kết quả tâm linh, chúng ta phải chân thành kính trọng. Vì đó chính là những vị Thánh của cuộc đời, là chỗ dựa cho chúng sinh. Làm một giảng sư hay không bằng những người đắc định, ngộ đạo thật sự trong tâm. Họ mới thật sự là chỗ dựa của chúng sinh. Có thể người đó nhỏ tuổi hơn chúng ta, tu sau chúng ta nhưng nếu họ đạt được kết quả tâm linh thì tận trong thâm tâm, chúng ta phải xem họ là thầy mình và thật lòng kính trọng, không được khởi tâm đồ ký. Nếu gửi đến các bậc Thánh lòng kính trọng, sau này chúng ta cũng sẽ đạt được nhiều điều tốt lành.

Mặt khác, chúng ta phải giới thiệu những vị có Tài Đức cho nhiều người biết

để cùng học hỏi. Chẳng hạn, bác Như Sanh là người Hòa Hảo nhưng sách Bác viết rất hay và sâu sắc. Khi giảng Pháp, nhờ giới thiệu cuốn sách cho nhiều người biết, chúng ta đã làm được một điều tốt là tạo mối quan hệ giữa Hòa Hảo và đạo Phật mặc dù lâu nay, giữa hai đạo này vốn không có thiện cảm với nhau. Như vậy, khi chân thành ca ngợi cái hay của người khác, chúng ta sẽ góp phần làm cho thế giới này đoàn kết hơn.

Đối với những người có chức vụ cao hơn mình, chúng ta cố gắng phụ lực để giúp họ làm tròn trách nhiệm. Tận trong thâm tâm, chúng ta không mong cầu tín đồ, tiền bạc, địa vị, danh tiếng ... vì tất cả chỉ là hư ảo. Vì không mong cầu nên chúng ta không có cảm giác bị đụng chạm quyền lợi với ai và không nảy sinh lòng đố kỵ khi thấy người khác hơn mình.

Nói tóm lại, tâm đố kỵ rất đáng sợ. Vì vậy, chúng ta phải thương yêu mọi người chân thành, lúc nào cũng mong mọi người hơn mình. Đó là những nguyên tắc để diệt trừ tâm đố kỵ.

Tâm lý đạo đức

14. GIẢI THOÁT ĐỂ LÀM GÌ

1. Giải thoát là mục tiêu của đạo Phật:

Khi đến với đạo Phật, tất cả chúng ta đều xác định mục tiêu là tìm đến sự giác ngộ, sự giải thoát. Đó là lời khẳng định đúng đắn con đường đi của đạo Phật. Nhưng trong đạo Phật, ý niệm đem lợi ích cho chúng sinh cũng là một mục tiêu quan trọng không kém.

Như vậy, vừa tìm đến sự giải thoát, vừa đem lại lợi ích cho cuộc sống của con người luôn luôn là đôi cánh của con chim mà người tu theo Phật phải nhận thức chắc chắn không lầm lẫn. Đó cũng là sự minh chứng hùng hồn rằng Đạo Phật hoàn toàn không phải là đạo tiêu cực.

Nhưng để thiết tha đi tìm sự giải thoát, trước hết chúng ta phải hiểu sâu sắc thế gian này là ràng buộc, là đau khổ. Hiểu như vậy, chúng ta mới thấy được ý nghĩa của sự giải thoát. Nếu không ý thức được cuộc sống hiện nay là đau khổ thì lý tưởng giải thoát sẽ trở nên vô nghĩa.

Bao giờ cũng vậy, khi rơi vào hoàn cảnh bức xúc, ngặt nghèo, lý tưởng tìm đến giải thoát sẽ mạnh mẽ hơn. Trong hoàn cảnh sung sướng no đủ, người ta dễ mẫn nguyện và không thiết tha tìm cầu điều gì vượt thoát hơn. Đạo Phật được gọi là đạo của trí tuệ chính vì ngay trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù khổ đau hay sung sướng, người ta cũng được soi sáng một chân trời cao siêu hơn, toàn thiện hơn. Người ta sẽ luôn luôn được cảnh báo rằng cái sung

sướng mà họ đang hưởng thực chất cũng chỉ là cạn cợt, tầm thường, mong manh và nguy hiểm. Đây là trí tuệ then chốt của người học Phật.

Nếu không hiểu sâu sắc sự đau khổ của cuộc sống, chúng ta sẽ không có khát vọng hướng đến sự giải thoát. Một lúc nào đó, có người không tin tôn giáo, thắc mắc rằng tại sao Đức Phật nói cuộc đời là khổ trong khi con người, ai cũng có lúc khổ, có lúc sướng, chúng ta sẽ lúng túng không trả lời được. Hỏi như vậy, có nghĩa là người ta cảm thấy sự khẳng định của Đức Phật là cực đoan và cách nhìn thế gian của đạo Phật quá bi quan.

Về sự khổ, chúng ta đã học một phần trong kinh: Bát Đại Nhân Giác. Trong Tứ Diệu đế, khổ được chia ra làm tám loại: Sanh, lão, bệnh, tử, cầu bất đắc, oán tắng hội, ái biệt ly và ngũ ấm xí thành. Chúng ta chưa bàn đến Sanh, lão, bệnh, tử vì đó là những vấn đề lớn. Cầu bất đắc là cầu không được. Ái biệt ly là thương yêu mà phải chia cách. Oán tắng hội là ghét mà cứ gặp hoài. Ngũ ấm xí thành là thân tâm là một khối khổ.

Xét từng trường hợp, chúng ta thấy rằng, có người cầu mong điều gì đều được như ý. Người ấy không có gì phải đau khổ. Như vậy, làm sao khẳng định rằng cuộc đời này toàn là đau khổ? Hoặc nói ái biệt ly là đau khổ.

Nhưng nếu người mình thương yêu luôn ở bên cạnh, không hề xa cách, thì làm gì có sự đau khổ. Như vậy, khẳng định cuộc đời này toàn là đau khổ, phải chăng đó là điều không đúng? Hoặc nói oán tắng hội là ghét mà gặp mặt hoài là khổ. Nhưng có những người mình ghét mà chẳng ở chung với họ thì không có gì gọi là khổ v.v... Nhiều người cứ lý luận như vậy, nếu chúng ta không hiểu rõ được nỗi đau khổ của cuộc đời thì sẽ không trả lời được.

Cho nên, dù làm Giảng sư hay không, chúng ta cũng phải chuẩn bị cho mình những lý luận cơ bản để có thể giải thích vấn đề một cách hợp lý. Trước hết, chúng ta phải hiểu rõ nỗi đau khổ của cuộc đời để thiết tha tu hành. Nhưng làm sao chúng ta nhận ra cuộc đời mình đang sống là đau khổ, là ràng buộc? Để trả lời điều đó, chúng ta phải biết so sánh. Chẳng hạn, nếu nhìn một con chó hoang ghẻ lác, lông rụng hết, mùa đông đến, phải sống trong giá lạnh, lại bị con người xua đuổi, phải sống lang thang ngoài đường phố, chúng ta sẽ thấy thân phận nó khổ biết chừng nào. So sánh với thân phận con người, chúng ta sẽ nghĩ nếu thoát được thân chó và làm người, chắc chắn nó sẽ sung sướng hơn. Hoặc nhìn thấy những con kiến bé nhỏ đang ì ạch tha mồi mang về hang, về tổ, chúng ta sẽ xót thương thân phận chúng vô cùng, vì chúng quá cực khổ. Thân phận con kiến đã quá bé nhỏ lại phải cần mẫn tha từng miếng mồi to hơn mấy lần thân nó một cách vất vả. Với con người chúng ta, miếng mồi ấy có đáng gì, có thể đó chỉ là mảnh vụn rơi ra từ cái bánh ta vừa ăn. Nhưng đối với họ nhà kiến, miếng mồi ấy quý giá vô cùng. Như vậy, thử so sánh thân phận con kiến với con người, chúng ta sẽ thấy nó quá khổ còn mình thật sung sướng, hạnh phúc. Dầu sao, chúng ta cũng có

cái ăn, có cái dự trữ, chúng ta còn được đi đó đi đây, xa hơn và tự do hơn. Trong khi đó, con kiến bị ràng buộc trong một phạm vi nhỏ hẹp. Bao giờ cũng vậy, nhìn xuống dưới, chúng ta luôn thấy mình sướng hơn nhiều người, nhưng nếu so sánh với Chư Thiên, chúng ta sẽ chợt thấy đời mình đầy ắp những nỗi khổ đau. Chư Thiên sống một cuộc sống thông dong an vui, tự do, tự tại và muốn gì được nấy. Nếu muốn đi đâu, chỉ cần khởi ý niệm bên này, chư Thiên sẽ biến mất và hiện ngay lập tức ở bên kia. Hoặc muốn liên lạc với ai, chỉ bằng ý niệm của mình, Chư Thiên sẽ làm cho người kia nhận ngay được ý tưởng. Các vị sống trong một thế giới mà mọi điều đều tốt đẹp. Rõ ràng, so sánh như vậy, chúng ta sẽ thấy con người sống khổ hơn rất nhiều so với chư Thiên.

Trong cuộc sống, cũng có những lúc chúng ta thấy mình được vui, được hạnh phúc, nhưng cái vui của thế gian này nếu so sánh với Niết Bàn tuyệt đối của Phật chẳng có ý nghĩa gì. Như vậy, sở dĩ Đức Phật tuyên bố cuộc đời này đau khổ là vì Ngài dựa vào Niết Bàn tuyệt đối mà Ngài đã chứng được. Khi đã chứng được Niết Bàn tuyệt đối, Ngài mới hiểu rằng, mọi cái gọi là niềm vui hay hạnh phúc của thế gian thực chất chỉ là đau khổ vì nó quá tầm thường. Chúng ta chưa chứng được điều đó, chỉ nghe Phật nói nên thường hiểu không sâu sắc.

Sự thật, những gì chúng ta gọi là hạnh phúc (được nhà cao cửa rộng, lắm của nhiều tiền...) so với trạng thái Niết Bàn tuyệt đối của Chư Phật, chỉ là điều vụn vặt không đáng kể. Nếu so sánh với con kiến, chúng ta thấy nó quá cực khổ, quá ràng buộc, còn mình quá tự tại thì Đức Phật nhìn cuộc sống của chúng ta cũng vậy. Ngài thấy mình tự do, tự tại mà chúng sinh phải lặn hụp kiếm từng miếng ăn nho nhỏ chẳng khác gì con kiến.

Chúng ta thử hình dung chúng kiến cảnh hai con kiến đang giành nhau một mẩu bánh của con người làm rơi, chúng ta sẽ nghĩ gì ? Có thể lúc ấy chúng ta cảm thấy buồn cười vì sự tranh giành lật vật, xâu xé lẫn nhau vì một vật không đáng gì của chúng. Điều đó chẳng khác gì cách nhìn và cách nghĩ của Chư Thiên hay Chư Phật đối với chúng ta. Đối với các vị Bồ Tát, Alahán, địa vị, danh lợi chỉ là những thứ tầm thường chẳng khác gì hạt bụi rơi ra từ chiếc bánh. Vậy mà, chúng ta lại cứ giành nhau, xâu xé lẫn nhau, cho đó là những gì quý nhất, quan trọng nhất. Khi hiểu được như vậy, chúng ta sẽ thấy rằng cuộc đời này thật sự là bề khổ. Những lúc cảm thấy sung sướng là do chúng ta chỉ so sánh lẫn lộn trong phạm vi cuộc sống của con người. Nếu so sánh với hạnh phúc của Chư Thiên hoặc với sự an lạc của một vị Bồ Tát, một vị Alahán, một vị Phật... thì những cái gọi là sung sướng trong cuộc đời này thật quá tạm bợ, quá nhỏ bé tầm thường. Chừng nào hiểu sâu sắc ý nghĩa đau khổ của cuộc đời, hiểu được thân phận tầm thường, nhỏ nhoi của mình, chừng ấy chúng ta mới hiểu sâu sắc đạo Phật và thiết tha đi tìm sự giải

thoát.

Vậy, nguyên nhân của đau khổ là gì ?

Đó là do khuynh hướng vị kỷ. Chúng ta biết rằng, vị kỷ sinh ra nhiều hệ quả, trong đó có một hệ quả quan trọng là sự đau khổ. Hay nói cách khác, tất cả những đau khổ của con người đều bắt nguồn từ vị kỷ. Nói vị kỷ sinh ra đau khổ thường dựa trên hai ý nghĩa. Một là trên hệ quả của tâm lý hiện tại và một là trên hệ quả của luật Nhân Quả đưa đến vị lai.

Ví dụ, khi có người nào đó đem đến cho chúng ta một vật quý, chúng ta sợ phải chia lại cho người khác nên vội vàng tìm cách cất giấu và hưởng thụ riêng. Đó là tâm lý vị kỷ. Như vậy, điều đau khổ thứ nhất là chúng ta rơi vào trạng thái bất an. Hệ quả bất an là hệ quả về tâm lý. Đó cũng là đau khổ trong hiện tại. Về vị lai, qua một kiếp nào đó, theo luật Nhân Quả, chúng ta sẽ không được may mắn trong cuộc sống. Muốn làm điều gì, chúng ta cũng bị ràng buộc, khó khăn, chướng ngại, và cuối cùng không làm được việc gì có ý nghĩa. Còn gì đau khổ hơn khi sống mà chỉ có thất bại và hèn kém! Như vậy, vị kỷ là nguyên nhân của đau khổ.

Ngược lại, người sống vị tha, sống cho người khác sẽ được nhiều phước nên dần dần được tự do và làm điều gì cũng được như ý nguyện. Đây là công thức rất đúng, tuyệt đối đúng. Nhìn vào thực tế, chúng ta sẽ thấy điều này rất rõ. Chẳng hạn, người thiếu phước muốn đi đâu, làm gì cũng khó khăn vì không đủ điều kiện. Trong khi đó, người có phước được giàu có về vật chất, muốn điều gì họ sẽ thực hiện được ngay, không bị ai ngăn cản. Như vậy, người không được tự do làm theo ý mình muốn là người thiếu phước. Hay nói cách khác, càng có phước chúng ta càng được tự do. Tiên đề này rất quan trọng. Tự do còn có nghĩa là giải thoát. Trong tiếng Anh, giải thoát và tự do đều được dùng một chữ là freedom, hoặc liberty, là sự tự do.

Nói càng có phước chúng ta càng được tự do nghĩa là càng được giải thoát. Cho nên, chúng ta phải sống vị tha để tạo thêm phước. Nếu sống vị tha nhiều, phước sẽ càng lớn và chúng ta càng tự do hơn.

Người tu đến độ vị tha hoàn toàn tuyệt đối là người cả cuộc đời chỉ sống cho mọi người, tuyệt đối không cầu cho mình điều gì dù chỉ trong ý nghĩ. Những người ấy sẽ có được Phước đến vô biên và Tự do không còn giới hạn. Đó thực sự là người được giải thoát. Như vậy, có hai con đường để chúng ta đi đến giải thoát. Một là tu tập trí tuệ Thiên định để phá chấp ngã, phá vô minh và đạt được giải thoát. Hai là chúng ta sống cuộc đời vị tha, tạo phước cho đến vô biên vô lượng, để đạt được sự Tự do tuyệt đối.

Thực ra, hai con đường này chỉ có chung một lối. Con đường tu tập Thiên định, trí tuệ để phá chấp ngã, phá vô minh gọi là con đường tu Huệ. Con đường thứ hai gọi là tu Phước. Phước Huệ song tu là điều Đức Phật đã nói từ ngàn xưa. Chúng ta đi tìm sự giải thoát phải đi trên cả hai con đường này,

vừa tu Phước vừa tu Huệ. Gọi là tu Phước, tu Huệ nhưng sự thật chỉ có một lối duy nhất để đi đến giải thoát.

Có người hỏi Như Sanh rằng, đạo Phật là đạo tìm sự giải thoát vượt ra ngoài cả thiện và ác. Vậy khi tu hành giải thoát trong đạo Phật, chúng ta không làm tội cũng không tạo phước, điều đó có đúng không? Như Sanh đã trả lời không đúng. Ông lý giải rằng, càng có tội, người ta càng bị ràng buộc và càng làm phước, người ta càng được tự do. Người ta chỉ được tự do trong phước và bị ràng buộc trong tội. Câu trả lời ấy làm cho đạo Phật viên mãn. Vì khi đi tìm sự giải thoát, chúng ta sẽ sống một cuộc đời hết sức vị tha, làm lợi ích cho tất cả mọi người. Điều này hoàn toàn trái với quan niệm cho rằng, muốn tìm sự giải thoát phải buông bỏ tất cả, quên hết tất cả mọi người, chỉ lo đóng cửa tu tập, lo cho chính mình. Đó là quan niệm rất sai lầm.

Xét lại chuyện Tôn giả Losaka Tissa bị đói suốt đời, đến giờ phút cuối cùng nhờ thần lực và Đức của ngài Xá Lợi Phất mới được ăn một bữa no đủ trước khi nhập diệt, và sau đó được chứng Alahán, chúng ta có quyền hoài nghi. Vì một người thiếu phước như ngài Losaka Tissa làm sao có thể đạt được sự giải thoát như vậy. Chúng ta luôn nhớ một điều, sự Tự do, sự Giải thoát bao giờ cũng phải xuất phát từ Phước. Trong suốt truyện tích về ngài Losaka Tissa, chúng ta chỉ thấy từ nghiệp đổ kỵ mà Ngài bị quả báo quá nặng nề. Trong khi đó, không có chi tiết nào kể về việc Ngài tạo phước lớn hơn để vượt qua sự quả báo ấy. Vậy mà, cuối cùng Ngài vẫn chứng được Alahán. Chính vì những sự vô lý như vậy nên một số học giả phương Tây thường tỏ ra hoài nghi những Kinh điển cổ. Trong chuyện này họ cho rằng, người sau có thể thêm thắt vào để có một kết thúc như vậy. Vì một người đang trong tình trạng thiếu phước cực độ không thể có được sự giải thoát. Chúng ta khi bàn đến vấn đề này, cũng có quyền xét lại câu chuyện về tôn giả Losaka Tissa. Có thể ngài còn một cái Nhân lành rất đặc biệt khác nữa để trợ giúp cho sự chứng ngộ mà kinh điển không ghi ra hết.

2. Mục đích giải thoát cho mình chỉ là sự vị kỷ trá hình:

Khi biết chắc rằng cuộc đời này vô cùng đau khổ, chúng ta xác định phải đi đến sự giải thoát. Nhưng nếu chỉ đi tìm sự giải thoát cho chính mình, chúng ta sẽ rơi trở lại tâm vị kỷ. Mà vị kỷ chính là nguyên nhân của mọi đau khổ trên đời. Bởi vậy, không ít người muốn thoát khỏi đau khổ nhưng không ngờ lại gieo nhân đau khổ. Đây là cái vòng lẩn quẩn mà không phải ai cũng dễ dàng thoát ra được. Chúng ta phải cẩn thận điều này. Nếu phát tâm tinh tấn tu hành mà chỉ tu cho bản thân mình, vĩnh viễn không bao giờ chúng ta đạt được sự giải thoát. Thực tế đã chứng minh điều đó.

Chúng ta phải hiểu rằng, thực chất của việc đi tìm sự giải thoát, giác ngộ nằm ngay trong cuộc sống của chúng ta. Nếu tách khỏi đời sống, những danh từ ấy sẽ trở nên vô nghĩa. Muốn giải thoát, mỗi người phải xem lại

mình có thương yêu mọi người hay không, có giữ được tâm khiêm hạ hay không. Nếu nói chuyện giải thoát giác ngộ thật xa vời để rồi trong đời sống, chúng ta không có tình yêu thương, chúng ta cứ hống hách kiêu mạn, cứ ganh ghét đố kỵ với mọi người thì sự giải thoát, giác ngộ chỉ là vô nghĩa. Đức Phật xuất gia vì có một mục đích rõ ràng là đi tìm đường giải thoát cho chúng sinh. Mặc dù sống một cuộc đời sung sướng vương giả nhưng do lòng thương yêu của một vị Bồ Tát nên Ngài nhìn thấy thân phận con người là vô nghĩa. Lúc bấy giờ, ở Ấn Độ, người đã tin có luân hồi và Đức Phật cũng theo tín ngưỡng thời đó. Vì tin có luân hồi nên Ngài nhìn thấy sự đau khổ của con người. Người ta cứ sinh ra, lớn lên, già đi rồi chết, rồi lại tái sinh. Cứ sống trong vòng luân chuyển như thế không biết bao giờ con người mới thoát ra được. Trong vòng luân chuyển đó, có khi con người cũng cảm thấy được sung sướng nhưng không phải là sự sung sướng đích thực. Tất cả rồi cũng trôi qua, con người rồi cũng vướng vào sự hơn thua, tranh giành, hận thù, tham lam, ích kỷ rồi cuối cùng cũng chấp nhận cái chết. Có thể bây giờ nghe câu chuyện này, chúng ta cảm thấy bình thường nhưng so sánh với những người khác, chúng ta sẽ thấy được sự vĩ đại trong cái nhìn của Đức Phật.

Hiện nay, trên thế giới cũng có nhiều nhà từ thiện, nhìn thấy những nỗi đau khổ nào đó của kiếp người. Họ cũng nỗ lực làm điều gì đó để xoa dịu nỗi đau cho con người. Chẳng hạn, có một nhóm người thấy rằng sử dụng mìn bẫy trong chiến tranh là điều rất vô nhân đạo. Không biết bao nhiêu người dân vô tội đã bị thương tật, đã bị bỏ mạng bởi vướng phải những quả mìn ấy. Nhìn thấy đó là một nỗi khổ lớn của nhân loại, họ đã đoàn kết kêu gọi các nước trên thế giới chấm dứt sản xuất mìn bẫy, chấm dứt sử dụng mìn bẫy trong chiến tranh để giết hại con người. Họ đấu tranh dữ dội khiến một số nước lớn đã phải ngồi vào bàn Hội nghị để thảo luận và thống nhất vĩnh viễn chấm dứt sản xuất mìn. Những việc họ làm thật vĩ đại. Những người ấy cũng nhìn thấy nỗi đau khổ của kiếp người và ra sức làm điều gì đó có lợi cho con người. Hoặc có người nhìn thấy nỗi đau khổ của những người bị bệnh phong cùi, tay chân bị mòn dần, thân hình lở loét khiến người ta sợ hãi, xa lánh mà động tâm. Họ tìm cách giúp đỡ những con người bất hạnh ấy. Những nhà khoa học thì miệt mài trong phòng thí nghiệm để tìm ra loại thuốc chữa bệnh cùi. Những người khác thì không ngần ngại vào những trại cùi để săn sóc, an ủi bệnh nhân cùi. Họ quả thật là những con người vĩ đại.

Trong cuộc sống, còn biết bao nhiêu tấm gương sống vị tha như thế. Họ đều là những người biết yêu thương con người, thấy được nỗi khổ của con người và cố gắng làm một cái gì đó có lợi cho chúng sinh. Họ đều là những con người vĩ đại. Nhưng tất cả những cái họ nhìn thấy chỉ là một góc nhỏ trong nỗi khổ của kiếp người. Còn nỗi khổ lớn, bao trùm vĩnh viễn lên kiếp người

là Luân hồi thì họ không nhìn thấy được. Đây là chỗ khác biệt giữa họ và Đức Phật. Khi nhìn thấy bên kia làng có một số người nghèo khổ, vất vả không có miếng ăn, Ngài cảm thấy đó thật sự là nỗi khổ nhưng chưa phải là nỗi khổ cuối cùng. Hoặc thấy những người bị bệnh, lặn lội đau đớn không có thuốc thang, không người chăm sóc, Ngài biết là khổ thật nhưng vẫn chưa phải là nỗi khổ cuối cùng. Nỗi khổ cuối cùng, lớn nhất theo Ngài, đó chính là Luân hồi.

Chúng ta biết rằng, trong kiếp người này, dù người giàu hay người nghèo, dù người bệnh hay người khỏe, may mắn hay bất hạnh, tất cả đều phải bệnh, phải già, phải chết, phải tái sinh. Con người cứ lẩn quẩn một cách mệt mỏi như thế. Nếu chúng ta hiểu được rằng, không phải đây là lần duy nhất mình vào ra thế gian này mà mấy triệu kiếp rồi, và sẽ còn nhiều kiếp nữa phải tiếp tục lang thang, vào ra như thế, chúng ta sẽ thấy chán ngán và mệt mỏi.

Trong bài Khán nguyện chúng ta vẫn tụng hằng đêm, có đoạn viết:

Cúi lạy mười phương Phật

Đau khổ đã nhiều rồi

Vô lượng kiếp luân hồi

Đắng cay và mệt mỏi.

Như vậy, khi hiểu được mình đã lang thang vô lượng kiếp bây giờ còn phải lang thang nữa, chúng ta sẽ cảm thấy cay đắng và mệt mỏi. Đức Phật nhìn thấy ngay điều đó và thấy được nỗi khổ bất tận của chúng sinh nên quyết tâm tìm con đường giải thoát để cứu chúng sinh. Động cơ xuất gia của Đức Phật hoàn toàn vị tha. Và sau đó, Ngài sống những năm tháng lặn lội, khổ sở trong rừng để tu tập cũng vì chúng sinh.

Chúng ta cũng vậy, phải xác định dù tu hay học cũng vì lợi ích cho chúng sinh, đừng bao giờ nghĩ đến lợi ích của chính mình. Trong từng giây phút tu hành, chúng ta phải tỉnh tề nhìn ra điều sai điều đúng, kiểm soát tâm mình để rút ra những kinh nghiệm quý báu. Khi đã có kinh nghiệm, nếu có duyên chúng ta sẽ đứng trên pháp đàn tuyên dương hoằng hóa đạo Phật, thay Phật thay Tổ đem chánh pháp đến cho mọi người. Nếu không có duyên, chúng ta vẫn có lời để khuyên lơn, an ủi những người đang đau khổ khi họ tìm đến với mình. Làm được điều đó nghĩa là chúng ta đã làm lợi ích cho chúng sinh. Nếu cứ vị kỷ, học hành tu tập để được bằng cấp, danh tiếng cho mình, chắc chắn sau này cái chờ đợi chúng ta là khổ đau chồng chất vì lúc ấy chúng ta bị ràng buộc đủ điều.

Để làm được những điều ấy, chúng ta phải nhìn kỹ tâm mình, xem mình có còn tâm đồ kỵ, còn ganh tị với người khác hay không. Nếu tâm đồ kỵ còn tồn tại, chúng ta phải sám hối cho thật kỹ. Nói gạt lọc tâm mình là như vậy. Chúng ta phải sống hết sức vị tha, vượt qua hết những phiền não. Nhiều khi, chúng ta cũng mắc phải những lỗi lầm. Điều quan trọng là mỗi người phải

chân thành nhận đó là lỗi để sửa chữa, để tìm cách vượt qua. Nhờ những lầm lỗi và sự chân thành nhận lỗi mà chúng ta có thêm nhiều kinh nghiệm tu hành. Đó là những kinh nghiệm mà chúng ta tu tập để dạy cho người khác. Người có lỗi mà không cho đó là lỗi sẽ không bao giờ tiến bộ.

Như vậy, nhờ những lời dạy của Phật, những lời dạy của Thầy Tổ, kết hợp với sự chân thành nhìn lỗi của mình, chúng ta rút ra được nhiều kinh nghiệm, nhiều nguyên tắc để truyền đạt lại cho người sau. Xét cho cùng, khi phạm sai lầm, chúng ta biết rút kinh nghiệm là đã nghĩ đến người khác. Nếu đã phạm sai lầm, chúng ta phải làm sao cho người khác đừng mắc phải sai lầm như mình. Đó là vị tha.

Ngược lại, được điều gì hay chúng ta đều muốn cho chúng sinh cùng được. Ví dụ, khi được hướng dẫn ngồi Thiền điều thân, biết được toàn thân và nhận ra đây là căn bản quan trọng của Thiền, chúng ta phải nhớ đến những người khác. Chúng ta mong sao mọi người trước khi vào ngồi Thiền đều biết được sự điều thân, vì điều này rất có lợi cho công phu của họ. Như vậy, được điều gì đúng, chúng ta luôn luôn mong cho mọi người cùng được. Và vấp điều gì dở, chúng ta lại muốn mọi người không bị vấp như mình. Đó là vị tha.

Chẳng hạn, khi tâm mình khởi lên điều ham thích nào đó, chúng ta biết ngay đó là điều dở. Từ chỗ nhận thức như vậy, chúng ta phải tìm cách vượt qua. Khi vượt qua được, chúng ta sẽ nghĩ đến bao nhiêu người khác còn đang vướng kẹt và mong mỗi giúp họ đều vượt qua như thế. Ví dụ vấn đề ái dục, nếu có con đường, có phương pháp đúng đắn để vượt qua được ái dục sẽ có lợi cho những người tu hành biết bao nhiêu. Từ đó, mỗi người một ý kiến để có thể tìm ra được con đường ấy, giúp cho đời sống tu hành của Tăng Ni được thanh tịnh hơn, trong sạch hơn.

Tóm lại, chúng ta không nên đặt ra mục đích giải thoát cho bản thân mình. Vì đó là sự vị kỷ. Là người tu hành, chúng ta phải luôn tìm đến mục đích giải thoát cho chúng sinh.

3. Biểu hiện của giải thoát là đạo đức:

Đạo đức là nền tảng ban đầu. Khi tu, chúng ta bắt đầu bằng Đạo đức, phải rèn luyện bằng Đạo đức. Nhờ có Đạo đức, chúng ta mới tạo được Phước. Nhờ Phước, chúng ta mới giữ được Giới. Người không có Phước, không thể giữ Giới được. Vì vậy, chúng ta phải tạo Phước, phải lạy Phật, sống một cuộc sống vị tha, phải khiêm hạ... để có bản lĩnh giữ được Giới cho trong sạch. Khi đã giữ được Giới, chúng ta mới vào Định được. Khi Định đã thành, chúng ta sẽ được Tuệ giải thoát. Và biểu hiện của giải thoát lại là Đạo đức.

Vì khi đã đạt được Tuệ giải thoát, Đạo đức còn sáng tỏ hơn bao giờ hết. Chúng ta bắt đầu bằng Đạo đức và kết thúc cũng bằng Đạo đức. Người được

xem là tu tiến trong Phật pháp cũng biểu hiện bằng Đạo đức, không phải là điều gì xa xôi, khó hiểu. Chúng ta đừng bao giờ nghĩ rằng, người được giải thoát là người có những lời nói bí hiểm kỳ lạ, có hành vi khó hiểu, có cuộc sống ung dung, nhàn hạ chỉ thích ngao du sơn thủy:

Bình bát cơm ngàn nhà

Thân chơi muôn dặm xa.

Mắt xanh xem người thế

Mây trắng hỏi đường qua.

Hoàn toàn không phải như thế. Người được giải thoát là người có Đạo đức, sống cuộc đời vị tha, lo cho người khác. Những người sống phong lưu, nhàn hạ vân du nơi này nơi khác mà chúng ta gặp chưa hẳn là người đã được giải thoát. Vậy, biểu hiện của Đạo đức là gì ?

Trước hết, đó là tâm từ bi, từ bi rất mạnh. Khi chưa giải thoát, chúng ta phải tu tập lòng từ bi. Khi giải thoát rồi, lòng từ bi sẽ cực mạnh. Có người ngay từ nhỏ đã là người tốt, sẵn sàng giúp đỡ người khác. Khi lớn lên, biết Đạo người ấy lại càng tốt hơn, rất giàu đức hy sinh. Nhất là khi hiểu Đạo một cách sâu sắc, thấy lòng từ bi là một thuộc tính quan trọng không thể thiếu của người tu, người ấy rất siêng năng tu tập từ bi. Khi trở thành Giảng sư, đi giảng khắp nơi, vị chân tu ấy cũng luôn kêu gọi mọi người phải tu tập từ bi, sống với nhau trong tình thương yêu. Vậy mà, có lúc vị này chợt nhận ra mình chưa biết thương ai. Đây là điều rất lạ. Dù đã sống rất tốt, hy sinh tất cả cho mọi người, không giữ lại gì cho riêng mình, cực khổ gian nan cũng không nề hà, nhưng vẫn có lúc thấy mình chưa đủ tình yêu thương với mọi người.

Sở dĩ nhận ra điều ấy là do vị chân tu vừa đạt được sự từ bi đích thực. Người chợt hiểu sự quan tâm đến người khác, hy sinh cho người khác của mình trước kia chưa phải từ bi. Đó là cái tốt của lý trí. Nghĩa là vì hiểu Đạo lý, hiểu Đạo dạy phải sống tốt, phải hy sinh, không được ích kỷ mà người ấy đã đối xử tốt với mọi người. Cái tốt đó không xuất phát từ lòng thương yêu thật sự của trái tim. Chỉ khi nào người tu hành cảm thấy trái tim mình thật sự có lòng thương yêu con người thì lúc ấy mới gọi là có từ bi. Và chính lúc ấy, chúng ta mới nhận ra trước kia mình chưa thực sự thương ai. Đây là điều rất khó. Khi đã có một chút từ bi, nhìn thấy ai chúng ta cũng có thể khởi lòng thương yêu. Ngay cả những người sống giang hồ, quậy phá, nói năng thiếu văn hóa, chúng ta cũng có thể khởi lòng thương yêu mà không hề ghét bỏ. Điều này chúng ta đã được học trong bài Tâm từ. Tuy nhiên, tình yêu thương con người của chúng ta như vậy vẫn chưa đủ, cường độ vẫn còn yếu. Chúng ta chưa thể có tình yêu phủ trùm pháp giới một cách mạnh mẽ như Chư Phật hay Chư Bồ Tát. Đó là lý do vì sao nói người đã được giải thoát, từ bi rất mạnh.

Nếu không cố gắng tu tập, lòng từ bi sẽ bị chai lì đi, chúng ta sẽ không thương yêu được chúng sanh và dễ dàng rơi trở về tâm vị kỷ. Lúc ấy, đau khổ sẽ ngập tràn. Bởi vậy, chúng ta phải tu tập từ bi để hỗ trợ cho Đạo đức của sự giải thoát. Mỗi khi lễ Phật hay ngồi Thiền, chúng ta đều phải tác ý quán từ bi, thương yêu chúng sanh. Cứ thế đến một lúc nào đó, chúng ta sẽ nhận thấy trong trái tim mình tràn ngập tình thương yêu đối với chúng sinh. Đó là lúc chúng ta bắt đầu có được lòng từ bi. Và điều đó chỉ bản thân chúng ta mới hiểu được.

Một biểu hiện khác của Đạo đức giải thoát là sự khiêm hạ, khiêm hạ rất sâu vì có trí tuệ Vô ngã. Khiêm hạ là khiêm tốn, không khoe khoang, không tranh hơn thua với bất cứ ai. Người nào hiểu, chúng ta giải bày, dạy dỗ.

Người nào không hiểu, chúng ta không trình bày, không khoe, không nói. Họ có coi thường cũng mặc, chúng ta không quan tâm.

Khi chưa được vô ngã, chúng ta giữ khiêm hạ bằng Đạo lý. Hàng ngày, hàng đêm, chúng ta luôn thấy mình như cỏ rác, cát bụi, mọi lời khen chê chỉ là bóng mây. Tự nhủ thường xuyên như vậy, tự nhắc nhở thường xuyên như vậy nhưng cho đến ngày nhắm mắt xuôi tay, chúng ta vẫn chưa hẳn đạt được khiêm hạ thật sự. Chỉ trừ khi được giải thoát hoàn toàn, chúng ta mới mong đạt được điều đó. Khi chưa thật sự giải thoát, Ngã chấp luôn tồn tại. Rồi chấp ngã luôn tạo nên khuynh hướng kiêu mạn. Những tâm niệm kiêu mạn ấy rất dễ khởi lên trong tâm của mỗi người để thấy mình hơn người khác. Điều đó luôn luôn có thể xảy ra nếu chúng ta không kiểm soát kỹ tâm mình. Xuất phát từ chấp ngã, những tâm kiêu mạn có thể khởi ra từng giờ, từng phút, nếu chúng ta không biết tỉnh táo thường xuyên kiểm soát tâm mình. Nếu chúng ta không siêng năng lạy Phật, không siêng năng phát nguyện thì những tâm niệm kiêu mạn ấy sẽ tàn phá hết tâm hồn mình.

Trong bài Lời khấn nguyện, chúng ta vẫn thiết tha mỗi ngày:

Cho con biết khiêm hạ

Biết tôn trọng mọi người

Tự thấy mình nhỏ thôi

Việc tu còn kém cõi .

Đó là những lời tâm niệm để giữ tâm hồn mình lại. Nếu không giữ được, kiêu mạn sẽ xuất hiện. Người giải thoát do đạt được trí tuệ Vô ngã nên không một hạt bụi nào có thể che mờ tâm các Ngài. Hay nói cách khác, tâm phiền não hay kiêu mạn dù nhỏ như một hạt bụi cũng không ngự trị trong tâm các Ngài. Bao giờ cũng vậy, các Ngài luôn kiểm soát tâm mình rất kỹ nên tâm kiêu mạn không khởi lên được. Những người như vậy rất khiêm hạ, rất kín đáo, nhẹ nhàng.

Cũng có những người được gọi là tu có tiến bộ, có tâm linh, có sở đắc, nhưng trong lời nói của họ vẫn còn cái ngông nghênh. Những người ấy rõ

ràng chưa thật sự giải thoát, vẫn còn ngã chấp rất nặng. Đây là chỗ để chúng ta đánh giá mức độ tu tập của người khác và rút ra kinh nghiệm cho bản thân mình. Đừng bao giờ nghĩ rằng, tâm linh tiến bộ là hết kiêu mạn. Có người tu vào được Định lại kiêu mạn hơn trước. Đây cũng là điều mà chúng ta phải cẩn thận.

Với người giải thoát, Đạo đức còn được biểu hiện ở sự tùy hỷ với ưu điểm và thành công của người khác. Nghĩa là khi nghe nói người khác có đức, có nhiều ưu điểm, có lòng từ bi, chúng ta phải mừng vui thực sự. Ví dụ, khi gặp một vị Thầy tinh tấn tu hành, gương mặt phúc hậu, tỏa ra vẻ đẹp tâm hồn chân chính, nghiêm túc, chúng ta phải vui mừng vì biết đây là một trong những cột trụ của Phật Pháp. Có thể bây giờ chưa có tiếng tăm gì, nhưng sau này chắc chắn người ấy sẽ làm lợi ích cho nhiều người. Nghĩa là sau này khi đến với họ, chúng sinh sẽ được an lạc, hoan hỷ. Chúng ta phải thực sự vui mừng khi nhìn thấy trong Đạo có những con người như thế. Trước ưu điểm và sự thành công của người khác, người đã giải thoát sẽ thấy lòng tự nhiên chan hòa, vui sướng. Như vậy gọi là tùy hỷ. Hạnh tùy hỷ ngược lại đổ kỵ. Một điều quan trọng nữa là người đã được giải thoát không bao giờ khinh miệt người kém hơn mình, không bao giờ khinh miệt người lầm lỗi. Họ luôn mong cho tất cả mọi người trở thành người tốt dù biết rất rõ ai cũng có khuyết điểm. Đây là điều rất quan trọng. Người đã giải thoát rồi dù không muốn, không suy nghĩ nhưng tính cách của họ, tâm của họ lúc nào cũng bao dung như người cha, người thầy, người bạn lành của chúng sinh. Khi chưa giải thoát, chúng ta ai cũng có khuyết điểm, nhưng giải thoát rồi khuyết điểm không còn nữa. Lúc ấy, nhìn thấy những người khác có khuyết điểm, chúng ta vẫn không khinh bỉ, chỉ mong cho họ tốt lên. Đó chính là lòng bao dung, lòng từ bi cao cả.

Người giải thoát thật sự có thể được xem là bóng cây râm mát, làm nơi che chở, làm chỗ nương tựa cho chúng sinh. Ví dụ, khi biết rằng, tâm bao dung là biểu hiện của Đạo đức, người giải thoát có tâm bao dung như một người cha, một người thầy, chúng ta có thể yên tâm đem lỗi của mình giải bày với họ. Những lỗi đó chúng ta bí mật giấu kín trong lòng không cho ai biết, nhưng khi đến với người đã giải thoát, chúng ta không ngại ngần nói ra tất cả. Nghĩa là chúng ta tin ở lòng thương yêu và bao dung của họ. Chúng ta biết rằng, khi nghe nói lỗi, người ấy sẽ không tỏ ra khinh bỉ mà vẫn bao dung, vẫn răn dạy mình, vẫn khuyên mình những điều sáng suốt để mình vượt qua được lỗi lầm. Đó là tấm lòng, là tính cách của người giải thoát. Ngược lại, khi có lỗi, chúng ta thường che giấu người khác vì biết họ không thương yêu mình, không đủ sức cảm thông với mình.

Người giải thoát có khả năng bao dung được các Pháp môn tu hành trong đạo Phật. Đạo Phật có nhiều Pháp môn, người giải thoát có thể đắc đạo nhờ

một Pháp môn nào đó nhưng vẫn bao dung được các Pháp môn khác. Không bao giờ họ cho rằng, chỉ có Pháp môn mình tu mới đúng, còn những Pháp môn khác là sai. Đây là điểm để chúng ta nhận ra người đã giải thoát thật sự và người chưa thật sự giải thoát, cũng là điểm để kiểm tra chính mình đã đi gần đến sự giải thoát hay chưa. Ví dụ, một người niệm Phật có kết quả nên chê những Pháp môn khác, người đó chưa phải là người giải thoát. Hoặc người tu quán hơi thở, nhiếp được vào trong Định, gặp Pháp môn nào cũng chê cả. Cái định của họ chưa phải là giải thoát. Bởi vậy, tâm bao dung là một thuộc tính của Thánh. Một vị được gọi là chứng Thánh, được giải thoát phải có tâm bao dung, trước hết là trong đạo Phật và sau nữa là đối với các tôn giáo khác.

Hiện nay, ở nước ta có 6 tôn giáo được Nhà nước công nhận : Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin lành, Cao đài, Hòa hảo và Hồi giáo. Giữa các tôn giáo có nhiều điểm khác biệt. Người theo tôn giáo nào sẽ cho tôn giáo đó là đúng nhất. Chúng ta cũng vậy. Vì tin tưởng chắc chắn đạo Phật là chân lý đúng nhất nên chúng ta đã tu theo đạo Phật. Nhưng hãy nhớ rằng, không vì có niềm tin như vậy chúng ta chê bai, phỉ báng các tôn giáo khác. Một trong những biểu hiện Đạo đức của người giải thoát là luôn tìm những chỗ tương đồng giữa các tôn giáo..

Ví dụ, giữa đạo Thiên Chúa và đạo Phật có nhiều điểm rất khác nhau. Chúng ta không tin có Thượng đế và không tin chính Thượng đế tạo ra muôn loài. Trong khi đó, những người theo đạo Thiên Chúa lại rất tin điều đó. Đây là điểm khác nhau rất căn bản giữa hai tôn giáo. Nhưng không để ý đến sự khác biệt đó, chúng ta nên tìm những điểm tương đồng như tình thương yêu, lòng bác ái, sự công bằng, thưởng phạt nghiêm minh của Thượng đế... Những điều ấy chúng ta vẫn có thể lý giải để thấy sự tương đồng với đạo Phật ở lòng từ bi, ở luật Nhân Quả.... Từ đó, khi gặp người theo đạo Thiên Chúa, chúng ta vẫn có điểm để tôn trọng họ. Chúng ta tin rằng, khi thực hiện những giáo lý đó, họ cũng trở thành những người tốt. Chúng ta đừng nghĩ rằng, chỉ có đạo Phật là chánh, những đạo khác là tà.

Hoặc đối với đạo Hồi, một đạo thật khủng khiếp, tàn bạo, chỉ nói chuyện bằng bom đạn, chúng ta vẫn cố gắng tìm những điểm hay của họ. Ví dụ, trong cuộc sống, họ rất khắc khe với người phụ nữ. Phụ nữ đi ra đường phải trùm kín từ đầu đến chân, chỉ lộ ra hai con mắt. Vì họ cho rằng, thân hình của người phụ nữ sẽ làm kích động dục vọng của người đàn ông, che kín như vậy để đàn ông không bị kích động dục vọng. Quả thật là quá bất công đối với người phụ nữ!

Thay vì qui định phụ nữ đừng ăn mặc quá hở hang khi ra đường, lẽ ra phải buộc đàn ông phải lo giữ tâm mình, đừng dễ dàng xao động, họ lại đổ tất cả trách nhiệm lên đầu người phụ nữ, buộc họ phải sống tù túng khổ sở suốt đời

như vậy. Đó chính là sự bất công của đạo Hồi. Tuy nhiên, chúng ta phải thấy rằng, những luật lệ nghiêm khắc của họ đã góp phần làm cho xã hội ổn định. Điều này chúng ta sẽ đề cập trong một bài khác.

Một biểu hiện Đạo đức nữa của người giải thoát là tùy duyên mà sống, làm lợi ích cho mọi người, dù lớn hay nhỏ. Nghĩa là dù làm một việc rất lớn là đăng đàn thuyết Pháp, hoằng hóa đạo Phật cho nhiều người hay chỉ một vài lời khuyên giúp người đau khổ, chúng ta cũng không từ nan. Việc lớn chúng ta cũng làm, việc nhỏ cũng không bỏ qua, miễn là những việc ấy đem lại lợi ích cho tất cả mọi người.

4. Sự khủng hoảng đạo đức của thế giới và trách nhiệm của đạo Phật:

Hiện nay, sống trong một thế giới mà văn minh vật chất và kỹ thuật hiện đại đang phát triển đến chóng mặt, con người dần dần đánh mất đi những giá trị đạo đức, những giá trị tinh thần đã từng ngự trị trong đời sống của họ từ bao đời nay. Vì thế, tội phạm lan tràn trên mọi lĩnh vực, ở khắp mọi nơi, mọi giới, mọi lứa tuổi. Ngành nghề nào cũng có người phạm tội, khó mà kiểm soát được.

Ông bà ta thường nói: Túng quá hóa liều hoặc Đói ra ma, no thành Phật. Có nghĩa là vì hoàn cảnh quá khó khăn, hoặc rơi vào bước đường cùng, con người thường làm liều để trở thành kẻ phạm tội. Ngày nay, kẻ phạm tội không hoàn toàn là những người nghèo túng, khó khăn hay ngu si không biết luật pháp. Họ còn là những trí thức, rất am hiểu luật pháp, là những người giàu có, những kẻ có chức quyền trong xã hội... Những con người này, một khi đã cố tình phạm tội, rất khó phát hiện bởi thủ đoạn của chúng quá tinh vi, và hậu quả để lại vì thế thật khôn lường. Chẳng hạn, một bác sĩ, người được tôn vinh là lương y như từ mẫu lại là con át chủ bài trong đường dây mua bán số đề. Người ấy dám bỏ ra một trăm năm mươi cây vàng để công ty xổ số phải ra đúng con số mà ông ta cần. Tất nhiên, ông bao tất cả con số đó khắp các tỉnh và trúng một quả rất đậm trong khi bao nhiêu người phải rơi nước mắt. Khi bị bắt, ông ta lại tha thiết kêu oan rằng bị người khác gài chứ mình không phạm tội. Đó là một ký giả có tài đi tổng tiền người khác bằng cách tìm đến những công ty, xí nghiệp có sai phạm trong kinh doanh để hù dọa. Nếu không muốn công ty mình bị phá sản và bản thân mình bị pháp luật sờ gáy thì Giám đốc, bằng bất cứ giá nào cũng phải mua bằng được bài báo đó. Cứ thế, vị ký giả ấy tha hồ sấm xe hơi, tậu nhà lầu. Đó là một cán bộ chống buôn lậu có cỡ nhưng lại tiếp tay cho bọn buôn lậu. Nhờ thế, bao nhiêu vụ buôn lậu xuyên quốc gia cũng đều trót lọt, làm thất thoát hàng trăm tỉ đồng của Nhà nước.

Gần đây nhất, vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn được đưa ra trước pháp luật đã làm nức lòng nhân dân khắp nơi trong nước. Nhưng khi được đưa ra ánh sáng, vụ án ấy cũng để lại trong lòng người bao nỗi xót xa. Bởi người ta

biết rằng, bao nhiêu năm tung hoành ngang dọc, gây ra biết bao đau khổ cho người dân lương thiện, bọn chúng vẫn không bị sa lưới pháp luật là nhờ sự “bảo hộ” của những cán bộ Nhà nước có uy tín. Những con người ấy, vì lợi ích cho bản thân mình đã phụ lòng tin yêu của hàng triệu triệu người dân. Tình trạng chủ bóc lột công nhân đang xuất hiện phổ biến trên đất nước ta cũng là một hình thức phạm tội, vi phạm Bộ luật Lao động của Nước cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chúng ta biết rằng, từ thế kỷ XVIII-XIX, do bất mãn về việc người chủ có tiền mở xưởng sản xuất, thuê công nhân và bóc lột công nhân tàn tệ, Các Mác đã tìm ra con đường phát triển xã hội theo hướng Chủ nghĩa Cộng sản, Chủ nghĩa Xã hội. Bước đầu, do sự thắng lợi của chủ nghĩa Cộng sản ở Liên Xô và các nước Đông Âu, các nước Tư bản phương Tây đã sửa lại Bộ luật lao động, buộc các giới chủ phải chú ý đến quyền lợi của công nhân. Vậy mà hiện nay, khi đất nước chúng ta mở cửa cho các nhà tư bản nước ngoài vào đầu tư, tình trạng bóc lột xuất hiện trở lại. Những công ty, xí nghiệp ấy đã bắt buộc công nhân phải làm thêm giờ, trả lương thấp, thậm chí còn giữ lại tiền lương của công nhân

Chưa hết, báo chí thỉnh thoảng vẫn đăng những tội lỗi trời không dung, đất không tha khác như : cưỡng hiếp trẻ em, con giết cha mẹ vì tranh giành tài sản, vợ giết chồng rồi chặt thành từng khúc v.v...Biết bao cảnh đau lòng như thế đã xảy ra trong xã hội ngày nay. Nguyên nhân gây nên những tội lỗi ấy là do Đạo đức của con người xuống cấp nghiêm trọng. Một khi không có Đạo đức, không có lương tâm, con người sẽ không từ bất cứ việc gì. Vì thế, họ cứ gây ra đau khổ triền miên cho nhau.

Để chống lại những điều đó, Nhà nước phải làm gì?

Nhà nước đã soạn thảo nhiều Bộ luật như : Luật Hôn nhân gia đình, Luật Lao động, Luật Tổ tụng Hình sự, Luật Dân sự...Luật pháp có vẻ cụ thể, nhưng luôn luôn đi sau tội lỗi và rốt cuộc vẫn lệ thuộc vào Đạo đức của người thi hành. Đó là lực lượng Công an, cán bộ Viện Kiểm sát, các quan tòa...

Ví dụ, luật pháp rất nghiêm, rất cụ thể, minh bạch. Người phạm tội gì, được quy định rõ ràng phải chịu mức án bao nhiêu năm. Nhưng khi có một người phạm tội, đưa đến Công an xử lý, gia đình họ mua chuộc cán bộ Công an, thế là kẻ phạm tội được xử một cách nhẹ nhàng hoặc thả trôi theo thời gian. Hoặc Công an làm việc nghiêm túc, xử lý điều tra rồi chuyển qua Viện Kiểm sát nhưng người ta lo lót cho ông Viện trưởng nên vụ án rồi cũng chìm xuống. Trường hợp Công an, Kiểm sát thi hành đúng luật và đưa lên Tòa án để xét xử, nếu các quan tòa được mua chuộc sẽ tuyên bố trắng án, hoặc tuyên mức án rất nhẹ so với tội danh.... Như vậy, nếu người thi hành luật pháp không có Đạo đức, luật pháp sẽ không đem lại hiệu quả.

Trở lại vấn đề Đạo đức, khi nói đến các cán bộ tham nhũng, chúng ta thường

gặp trên các báo, nhất là báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh cụm từ “cần cái tâm trong sáng của người cán bộ”. Nói đến cái tâm trong sáng của người cán bộ nghĩa là nói đến Đạo đức của họ. Nhưng chúng ta thấy, cái gọi là giáo dục Đạo đức ở nước ta cũng như trên thế giới chưa ổn, chưa có đường lối rõ ràng, dứt khoát. Bước chân đến trường, học sinh được học rất nhiều môn, thậm chí có những môn quá nặng nề so với độ tuổi của các em, nhưng Đạo đức lại được học rất ít và đó là môn được xem là không quan trọng. So với các môn khác như Toán, Văn, Ngoại ngữ..., môn Đạo đức chỉ là môn hệ số 1. Đó là lý do vì sao học sinh không tập trung học tập và rèn luyện Đạo đức. Bởi vậy, ở nhiều nước trên thế giới trong đó có nước ta, biết bao thế hệ con người lớn lên nhưng không được giáo dục Đạo đức một cách kỹ lưỡng. Một xã hội cứ tiếp tục sản sinh và lớn lên những con người không được dạy kỹ về Đạo đức, xã hội ấy sẽ hỗn loạn, Đạo đức ngày càng suy đồi và tội lỗi sẽ tràn lan.

Nếu mỗi người được dạy Đạo đức từ nhỏ thì xã hội sẽ tốt đẹp và lành mạnh biết bao nhiêu. Trước tình trạng Đạo đức suy đồi như hiện nay, chúng ta luôn mong ước mỗi đệ tử Phật phải trở thành một chiến sĩ trên mặt trận Đạo đức. Nghĩa là tự mình sống rất Đạo đức và truyền bá Đạo đức cho mọi người.

Trong khi chúng ta vẫn cho rằng, đạo lý đạo Phật là đúng đắn nhất, phong phú nhất và xuất hiện sớm nhất. Tạng kinh của đạo Phật thật mênh mông, đồ sộ. So với những Đạo khác, chúng ta thấy rằng, chỉ có đạo Phật mới có hệ thống Kinh điển rất lớn cho đến bây giờ vẫn chinh phục được tầng lớp trí thức. Nhiều nhà bác học khi đọc giáo lý của đạo Phật đều chấp nhận và ngợi ca. Nhưng theo con số thống kê sơ bộ, chúng ta thấy giữa đạo Phật và những đạo khác có sự tương quan rất lớn về số lượng tín đồ. Chẳng hạn, Hồi giáo xuất hiện sau đạo Phật một ngàn năm. Hiện nay, họ có khoảng một tỷ hai trăm năm mươi triệu tín đồ trên toàn thế giới. Đạo Thiên Chúa sau đạo Phật khoảng sáu trăm năm. Hiện nay, họ có khoảng một tỷ một trăm mười triệu tín đồ trên toàn thế giới. Trong khi đó, đạo Phật xuất hiện sớm hơn hai Đạo này nhưng hiện nay chỉ có không tỷ ba trăm năm mươi triệu tín đồ trên toàn thế giới.

Nguyên nhân chính là do đâu? Do những người tu hành như chúng ta không làm hết trách nhiệm, bổn phận của mình. Không ít người đến với đạo Phật chỉ lo tu cho bản thân mình, thờ ơ với mọi người, không thiết tha với sự nghiệp truyền bá Chánh pháp. Vì vậy, trước tình trạng này, chúng ta không được tu một cách thụ động như trước nữa, phải mạnh mẽ hơn. Mỗi người phải sống vị tha, siêng năng dạy dỗ truyền bá để cho ánh sáng Phật Pháp được lan tỏa khắp mọi nơi.

Những người chưa hiểu đạo Phật, đi theo đạo khác, không phải ai cũng tìm

được chân lý của mình. Nếu được về với đạo Phật, họ sẽ trong sáng hơn, thanh thản hơn. Bởi vậy, nếu để thêm một người bước sang con đường khác là lỗi của chính chúng ta, nhất là khi họ được dẫn đi theo con đường của bạo lực, con đường của mê tín, mù quáng.

Phật hóa gia đình là vấn đề rất quan trọng trong việc hoằng hóa Phật pháp. Hễ một người biết đạo Phật, người ấy phải làm cho cả gia đình theo đạo Phật. Chúng ta phải dạy điều đó cho các Phật tử, dứt khoát không để xảy ra tình trạng mình biết đạo Phật nhưng những người trong gia đình muốn đi đâu đi. Để họ rơi vào tà kiến, rơi vào tội lỗi, không tin Nhân Quả, không kính trọng Phật Pháp, không những là điều thiệt thòi cho họ mà còn là lỗi của chúng ta. Cho nên, một người trong nhà biết Đạo, phải làm cho tất cả mọi người đều biết Đạo. Nhất là những em bé, nếu từ nhỏ đã biết lễ Phật, đã quy y Tam Bảo, lớn lên chắc chắn sẽ có một cuộc đời tốt đẹp đồng thời sẽ là một người tốt cho xã hội. Chúng ta phải hiểu rằng, nếu để lại cho con cái một gia tài đồ sộ mà không để lại Trí tuệ hay Đạo đức, gia tài ấy rồi cũng sẽ bị phá cho tiêu tan. Nhưng nếu để lại phước, để lại Đạo đức cho con cái, thì kiếp này đến những kiếp sau, nó sẽ được sung sướng, an vui.

Vậy, sức mạnh nào khiến người Phật tử mạnh dạn đem hết cả gia đình mình vào đạo Phật ? Tất nhiên, sức mạnh ấy không phải tự nhiên mà có. Chính những người tu hành chúng ta đã truyền sức mạnh đó cho họ. Khi có lý tưởng thiết tha tu hành và tích cực ra làm việc, giáo hóa, chúng ta sẽ truyền cho Phật tử sức mạnh, niềm tin giúp họ cảm hóa được mọi người trong gia đình. Như vậy, việc Phật pháp không được phục hưng, không được phát triển trước hết là do lỗi của người xuất gia. Đây là điều chúng ta phải nhìn thấy và phải lưu ý.

Khi thấy những kẻ tội phạm, trộm cướp, giết người..., chúng ta phải tự nghĩ ra cách nào đó để cải hóa tâm hồn họ, làm cho họ trở nên lương thiện. Tuyệt đối chúng ta không ghét ai cả. Chẳng hạn, khi nghe có tên cướp khét tiếng, giết người cướp của không ghê tay bị đem ra xử tử, chúng ta không thấy thấy hả hê mà cảm thấy lòng mình xót xa. Vì họ cũng là người như bao con người khác nhưng chỉ vì trong tâm có chủng tử của tội lỗi mà trở thành một kẻ cướp của giết người. Nếu cũng với con người đó, vẫn mái tóc bông bênh đó, vẫn đôi mắt, đôi tay khỏe mạnh đó, nhưng tâm của họ được thay bằng những tư tưởng Đạo đức, chắc chắn họ sẽ trở thành con người tốt cho xã hội. Như vậy, lỗi không phải ở toàn bộ con người họ mà là ở Tâm của họ, mà Tâm là cái có thể thay đổi được. Cho nên, chúng ta không bao giờ được ghét bỏ ai, kể cả người gây nhiều tội lỗi. Chúng ta phải suy nghĩ, phải bản khoăn tìm cách làm cho họ tốt hơn. Đây chính là trách nhiệm của người tu hành.

Ở Ấn Độ có trường hợp cho phép người ta vào dạy Thiền trong nhà tù. Trước kia, có nhiều vị Thầy đã vào nhà tù để giảng Đạo cho tù nhân. Ở nước

ta, việc này chưa làm được, nhưng chúng ta phải nghĩ đến điều đó, nghĩ đến việc cải hóa Đạo đức cho phạm nhân. Chúng ta đừng nghĩ cứ trừng phạt cái thân của họ, giam giữ đầy đọa cái thân của họ sẽ làm họ thay đổi. Một khi tâm chưa thay đổi thì những việc làm đó mới chỉ chỉ là nắm cái ngọn mà thôi.

Là người tu theo đạo Phật, chúng ta phải luôn mơ ước mọi người đều hiểu luật Nhân Quả. Muốn vậy, chúng ta phải vận động Nhà nước, nhà trường đưa Đạo đức - Nhân Quả vào trong học đường dạy cho học sinh để trẻ thấm nhuần Đạo đức từ bé. Nếu từ nhỏ được dạy Nhân Quả nghiệp báo, những đứa trẻ ấy lớn lên sẽ là người tốt, biết cân nhắc thiện ác, tội phước. Vì sợ dĩ người ta sống tội lỗi là vì họ không tin Nhân Quả, tội phước.

Thực ra, hiện nay rất nhiều người, trong đó có những cán bộ, công an tin là có Nhân Quả. Nhiều giáo viên theo đạo Phật cũng tin Nhân Quả là có thật. Nhưng chưa ai dám chính thức, công khai nói mạnh điều ấy trong nhà trường vì sợ vi phạm. Chúng ta thấy Nhân Quả là điều có thật, là sự công bằng của cuộc đời. Điều quan trọng là làm sao đưa được môn học này vào trong nhà trường, dạy cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 12. Được như vậy, xã hội sẽ thay đổi, sẽ có rất nhiều người tốt xuất hiện trong cuộc đời này. Đây là ước mơ của tất cả chúng ta. Hy vọng rằng, mơ ước này sớm trở thành hiện thực.

Hiện nay, tình trạng Đạo đức của Tăng Ni có dấu hiệu xuống cấp. Bởi vậy, dạy môn Tâm lý Đạo đức là để phục hồi lại Đạo đức cho Tăng Ni. Mong rằng, sau khi ra trường, nhiều người sẽ tiếp tục dạy Tâm lý Đạo đức cho thế hệ Tăng Ni khác để cây Đạo đức mãi mãi nở hoa trong đạo Phật và trong lòng người.

5. Điểm khác nhau giữa đời sống vị tha của người hướng về giải thoát với những nhà từ thiện lớn của tôn giáo:

Giữa đời sống vị tha của người hướng về Giải thoát trong đạo Phật với những nhà từ thiện lớn thuộc các tôn giáo khác đều có điểm giống nhau là có lòng tốt, lòng thương người (hy vọng là như vậy). Nhưng giữa hai đối tượng ấy cũng có những điểm khác. Trước hết, đạo Phật hướng về mục tiêu Vô Ngã tuyệt đối, còn những nhà từ thiện khác không có mục tiêu đó.

Thứ hai, khác nhau ở quan điểm, cách nhìn về thế giới (thế giới quan). Đạo Phật thấy thế giới này là tạm bợ. Trong khi đó, những nhà từ thiện kia lại thấy thế giới này là thật. Vì thấy là thật nên họ xây dựng thế giới này cho tốt đẹp. Chúng ta, tuy thấy thế giới này là giả, là tạm bợ nhưng vẫn thương yêu con người, vẫn xây dựng thế giới này tốt đẹp.

Một sự khác nhau nữa là khác ở sự thực hành Thiền Định. Chúng ta thực hành Thiền Định, kiểm soát những tâm niệm bí mật để thoát khỏi mọi ham muốn về danh tiếng, mọi ước mơ về quả báo.

6. Làm gì để giải thoát và giải thoát để làm gì:

Đây là câu hỏi cuối cùng chúng ta phải đặt ra khi nói về vấn đề Giải thoát. Chúng ta sống vị tha để được Giải thoát và Giải thoát cũng để sống vị tha. Nhưng nếu chỉ hướng về Giải thoát cho riêng mình, đó là sự vị kỷ. Nếu thiếu Đạo đức thì sự tu hành của chúng ta chỉ là công phu của ngoại đạo. Bởi vậy, chúng ta phải nhớ rằng, Đạo đức là vấn đề rất quan trọng. Và điều quan trọng cuối cùng chúng ta phải luôn tâm niệm là cả cuộc đời mình, dù Giải thoát hay chưa Giải thoát, đều phải làm lợi ích cho chúng sinh.

Tâm lý đạo đức

15. NIỀM TIN

1. Tin là chấp nhận điều gì đó đúng sự thật:

Con người sống trên đời này không thể không có một niềm tin. Niềm tin là chấp nhận có cái gì cao đẹp để ta vươn tới. Có thể niềm tin đó đã được kiểm chứng chắc chắn, và cũng có thể chưa, chỉ là tin suông. Hoặc là ta tin rằng có thần linh theo dõi hành vi thiện ác của con người để thưởng phạt công minh; hoặc ta tin rằng sống trên đời phải biết hy sinh cho đất nước. Trong thái độ ứng xử cũng như trong việc chọn lựa con đường đi cho cuộc đời mình, niềm tin là điều rất quan trọng. Nhưng quan trọng hơn cả là tin điều gì, tin ai và tin như thế nào?

Cuộc sống vốn rất phức tạp. Xung quanh chúng ta hằng ngày xảy ra bao nhiêu chuyện vui buồn, bao nhiêu điều đúng sai, có những điều đáng tin và những điều không đáng tin. Đôi khi vì cả tin, chúng ta mắc phải những sai lầm đáng tiếc. Cũng có lúc vì quá hoài nghi, vì mất niềm tin, chúng ta lại bỏ qua những cơ hội tốt cho cuộc đời mình, thậm chí còn phụ mất bao tâm lòng trong thiên hạ. Bởi vậy, thái độ đối với niềm tin của mỗi người rất quan trọng. Nhất là trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, chúng ta phải có trí tuệ và bản lĩnh để chọn cho mình một cách xử lý thông tin đúng đắn nhất, có hiệu quả nhất.

Tin là chấp nhận một điều gì đó là đúng sự thật. Chúng ta có thể tin vào một câu chuyện kể, tin nhân cách của một con người, tin một lý thuyết hoặc một giáo điều... Nhưng chúng ta chỉ tin khi nào? Trước một câu chuyện kể, chúng ta phải cân nhắc. Nếu nghe người ta kể lại một câu chuyện, chúng ta không suy xét mà tin ngay, đó là lỗi tin sai lầm. Vì ngay cả những chuyện xảy ra trong lịch sử đã được ghi vào sử sách cũng có lúc sai. Chuyện kể về

Công Chúa Ngọc Hân, Hoàng hậu vua Quang Trung là một ví dụ. Chuyện kể rằng, khi Tây Sơn bị quân Nguyễn Ánh đánh bại, bà Ngọc Hân vẫn ở lại kinh đô Phú Xuân- Huế. Sau đó, Nguyễn Ánh thấy bà đẹp quá nên giữ lại và bà tiếp tục làm vợ của Nguyễn Ánh. Câu chuyện được người đời thêm “gia vị” vào càng trở nên hấp dẫn. Nhưng đến bây giờ, qua nghiên cứu, tìm hiểu, những nhà sử học đã phát hiện ra đó là chuyện bịa đặt, sai lầm. Như vậy, một thời gian dài, ai cũng tin chuyện đó là có thật. Thực ra, khi có biến cố xảy ra, bà cùng hai người con chạy trốn khỏi kinh thành. Sau đó, ba mẹ con bà bị quân Nguyễn Ánh bắt và giết chết. Trên thực tế, không có một Ngọc Hân nào ở lại làm vợ vua Nguyễn Ánh cả.

Hoặc một câu chuyện khác trong đạo Phật, chuyện về tiền thân của Đức Phật. Thái Tử Tu Đạt Noa tu hạnh bố thí, bố thí Ba la mật, ai xin gì Ngài cũng cho. Chính vì điều đó nên vua cha giận và đày đi nơi khác mang theo cả vợ con. Trên đường đi, người ta xin vợ con, Ngài cũng cho nốt. Vì đây là câu chuyện được kể lại trong kinh Phật nên được rất nhiều người tin. Theo tư duy của con người lúc bấy giờ, người ta cho rằng câu chuyện đó có thật. Vì đối với người dân ông, vợ con là sở hữu của họ. Một khi đã là sở hữu, họ muốn cho ai cũng được. Đối với người có tâm bố thí rộng lớn, cái sở hữu lớn nhất, quý nhất là vợ con ruột thịt, họ cũng sẵn sàng cho đi. Như vậy, người ấy đúng là người có hạnh bố thí viên mãn. Đó là lý luận của người xưa. Nhưng nếu đặt ngược lại vấn đề, chúng ta sẽ thấy quan điểm ấy hoàn toàn trái với đạo Phật. Bởi vì, khi sẵn sàng cho cả vợ con, Thái Tử tỏ ra tốt với người khác nhưng không tốt đối với vợ con mình. Ngài có biết khi vợ con mình về ở với người kia, họ có được đối xử đàng hoàng hay không? Nếu cứ nhắm mắt cho liêu, không băn khoăn, day dứt, dù là cái mình yêu quý nhất, để được gọi là tu hạnh bố thí Balamật thì đó là điều rất vô lý, không thể chấp nhận được. Xét trên góc độ nhân bản, người này không có trí tuệ, không biết cân nhắc, đối xử vợ con như vậy là không tôn trọng, không hợp với đạo lý.

Một câu chuyện bộc lộ nhiều điểm vô lý, sai lầm như vậy mà cả thời gian dài chúng ta đã tin là thật. Phải thừa nhận rằng, không phải mọi câu chuyện trong Đạo được kể lại đều là sự thật, đều chính xác. Tính xác thực của những câu chuyện cổ trong đạo Phật rất thấp. Bởi vậy, trong quá trình thuyết giảng cho đệ tử, chúng ta chỉ kể những câu chuyện mình tin chắc là có thực. Sống trong thời đại khoa học, văn minh, con người thường cân nhắc kỹ lưỡng trước khi tin một vấn đề. Chúng ta phải cẩn thận, nếu không sẽ làm mất niềm tin trong lòng họ, có khi lại trở thành trò cười cho thiên hạ.

Trong đạo Phật có chuyện Lòng hiếu của chim Oanh Vũ. Chuyện kể về tiền thân Đức Phật lúc đó là con chim Oanh Vũ. Vì ba mẹ bị mù, chim Oanh Vũ đi gắp lúa về nuôi ba mẹ. Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất là một điền chủ

trồng lúa. Khi bị mắc bẫy, chú chim cất lên tiếng nói, tiếng nói của con người. Những câu chuyện như thế này chỉ mang tính chất ngụ ngôn chứ không có thật. Bởi vậy, khi sử dụng những câu chuyện ấy để chứng minh cho bài giảng của mình, chúng ta không được khẳng định đây là chuyện có thật trong đạo Phật mà phải nói rõ chuyện được xem như là một chuyện ngụ ngôn để răn dạy người đời.

Trong cuộc sống, đôi khi chúng ta cũng nghe được những câu chuyện lạ. Những chuyện ấy rất hấp dẫn nhưng vì không kiểm nghiệm được nên thật khó tin. Chẳng hạn, chúng ta từng nghe chuyện lạ về một người thợ săn. Vào thời Pháp thuộc, khi rừng Sác còn dày đặc, còn nhiều những cây cao bóng cả, với muông thú rất nhiều. Có một người thợ săn hằng ngày mang súng vào rừng săn bắn. Một ngày nọ, ông vào rừng săn như thường lệ. Nhưng một điều rất lạ là đã vào sâu trong khu rừng mà ông vẫn không nghe một tiếng chim, không nhìn thấy một con thú nào. Bốn bề vắng lặng, tịnh không một bóng chim, một con thú nào. Thế rồi ông đi mãi, đi mãi tới một khu rừng lạ mà trước đây ông chưa hề đặt chân tới. Khi qua khu rừng vắng, đến một cánh đồng cỏ, ông nhìn thấy xa xa có một bà già đội nón lá lụp sụp đang đi về phía ông. Trong rừng vắng, gặp được con người, ông lấy làm ngạc nhiên lắm. Nhưng do kinh nghiệm hoặc nghe phong thanh điều gì đó, ông bèn ngồi xuống nhìn cho kỹ. Lúc bấy giờ ông mới phát hiện ra chân của bà già đi không chạm đất. Ông nghĩ rằng hôm nay mình đã gặp quỷ và giương súng lên, hướng mũi súng về phía bà già. Với cái nón lá lụp sụp, bà ta cũng đang đi về phía ông. Hai người đi dần dần về phía nhau. Lúc bà già đến vừa tầm ngắm, ông bắn liền một phát. Tiếng súng nổ, bà già phóng đến chỗ ông đang đứng. Với kinh nghiệm của một người thợ săn, khi bắn xong, ông lăn ngay sang một bên. Khi bà già nhảy xuống đúng chỗ ông đứng, ông bắn thêm một phát nữa, bà ta ngã lăn ra chết và hiện nguyên hình là một con cọp bạch. Sau đó, ông về làng kêu mọi người vào rừng kéo xác con cọp về. Biết là cọp bạch, lại là cọp thành tinh, họ rất sợ nên lập miếu thờ. Từ đó, người thợ săn giải nghệ luôn, không dám đi săn nữa. Ông cho rằng quỷ đã dụ ông vào rừng săn, có nghĩa là thời của ông đã hết. Nếu ông vẫn cứ lì lợm, vẫn tiếp tục đi săn sẽ động đến “chúa sơn lâm”.

Câu chuyện cũng hấp dẫn, người kể cũng có lý luận, nghe hay hay nhưng không biết thật giả ra sao. Những câu chuyện nghe có vẻ hấp dẫn như vậy chúng ta đừng vội tin. Nếu tin nghĩa là chúng ta đã chấp nhận điều đó là đúng sự thật. Nhưng để xác nhận một điều có thật, chúng ta phải rất cẩn thận, cảnh giác. Chúng ta chỉ tin vào những điều mình đã kiểm nghiệm, không được nghe điều gì tin ngay điều đó. Đó mới thật sự là thái độ sống đúng đắn.

Đối với nhân cách của một con người cũng vậy, trong cuộc sống, qua việc

gặp gỡ, tiếp xúc, chúng ta sẽ có sự đánh giá đúng đắn về mọi người hơn. Tùy mức độ tin cậy, chúng ta sẽ có mối quan hệ giao tiếp đúng mực. Ví dụ, khi biết một người là xấu, chúng ta chỉ quan hệ giao thiệp với họ trong một chừng mực nào đó, không để họ đi sâu vào cuộc đời mình, cũng như chúng ta không cần đi sâu vào cuộc đời của họ. Chúng ta nên biết rằng, đó không phải là người tốt, nếu gặp nhau ngoài đường, chỉ cần chào xã giao hay mời nhau ly nước và sau đó không cần mời họ đến nhà và mình cũng chẳng đến nhà họ.

Trong quan hệ giao tiếp, một khi đã tin nhân cách của người khác, chúng ta có thể hợp tác dễ dàng hơn. Trong cuộc sống, nhu cầu hợp tác với nhau rất quan trọng bởi không ai muốn mình sống cô đơn, cô độc giữa cuộc đời này. Chúng ta luôn cần có người để hợp tác, quan hệ. Khi có niềm vui, nỗi buồn, chúng ta cũng cần có người để sẻ chia, tâm sự. Nhu cầu được kết bạn là nhu cầu lớn của con người. Nhưng chúng ta phải biết “chọn mặt gửi vàng”, không phải gặp ai cũng đem chuyện đời mình ra tâm sự. Đôi khi những lỗi lầm trong quá khứ chúng ta đã vượt qua rồi, nhưng khi kể cho người khác nghe, họ lại đồn âm lên và thêm chút “gia vị” vào, vậy là lỗi lầm trở nên mới như chúng ta vừa phạm phải. Điều ấy không tốt chút nào và bao nhiêu phiền phức từ đó lại nảy sinh.

Khi hợp tác với người khác cũng vậy. Trong quá trình đi làm Phật sự, có khi chúng ta mời huynh đệ nào đó về chùa ở chung với mình, cùng hợp tác lo việc Đạo với mình. Nhưng lúc ấy, chúng ta phải biết rõ người đó như thế nào, phải tin được nhân cách của họ mới có thể hợp tác được. Trong trường hợp làm Trụ trì, muốn nhận đệ tử, chúng ta cũng phải tin tưởng phần nào vào nhân cách của người học trò mình. Còn tin như thế nào, tin ở mức độ nào, điều đó phụ thuộc vào sự đánh giá của mỗi người, vào bản lĩnh của mỗi người. Nếu là người có bản lĩnh, chúng ta sẽ nhìn sâu sắc hơn, hoặc do tiếp xúc lâu ngày, chúng ta sẽ đánh giá chính xác đối tượng và có niềm tin. Có khi nghe người ta nói, chúng ta tin, hoặc cũng có khi tin do trực giác.

Ví dụ, có người đến với chúng ta và hay tự kể chuyện tốt về họ, nào là cúng dường chùa này, chùa khác; nào là giúp đỡ người nọ, người kia... Nghe kể, chúng ta tin họ là người tốt thật. Đây là điều chúng ta hay mắc phải. Nếu chỉ tin nhân cách của một người qua lời nói của họ mà chưa một lần chứng kiến, kiểm nghiệm, là chúng ta đã sai lầm.

Trường hợp tin người do sống gần với nhau lâu ngày là niềm tin có cơ sở nhất. Bởi sống với nhau lâu ngày, không ai giấu người khác được điều gì. Ông bà ta rất thâm thúy khi đưa ra kinh nghiệm trong việc đánh giá một con người:

“Thức đêm mới biết đêm dài.

Ở lâu mới biết lòng người cạn sâu”.

Quả thật, nhìn nhận, đánh giá con người để có một niềm tin qua thời gian gần gũi tiếp xúc là cách chắc chắn nhất.

Có khi chúng ta dùng trực giác để tin. Nghĩa là gặp một người nào đó, bằng trực giác, chúng ta cảm nhận ngay ban đầu là người này tốt hay xấu. Điều này thường thấy ở người phụ nữ. So với nam giới, người phụ nữ có linh cảm, có trực giác mạnh hơn. Nhưng sở dĩ họ vẫn sai lầm trong quan hệ, đánh giá là do họ rất dễ xiêu lòng. Ban đầu, chỉ cần thoáng nhìn qua, họ biết ngay đó là người không tốt, nhưng nghe người ta khen mình hay quá, người ta ngọt ngào quá lại tin ngay. Người nam không có trực giác mạnh như phụ nữ nhưng bù lại, họ rất cứng rắn.

Ngoài việc tin vào nhân cách của một người, chúng ta còn có những niềm tin khác, tin vào một lý thuyết. Đó có thể là lý thuyết về kinh tế, chính trị hay vật lý... Đây là niềm tin về những vấn đề trừu tượng cao cấp hơn.

Một thời gian dài ở Âu Châu người ta tin rằng, cứ để cho con người làm ăn tự do thì xã hội sẽ giàu mạnh, phát triển. Nhưng đến một lúc nào đó, vì tự do quá, xã hội sẽ xuất hiện tình trạng người bóc lột người. Người có nhiều tiền, làm chủ một xưởng sản xuất, khi người công nhân đến làm việc phải chịu sự quản lý, đối xử của người chủ. Vì có quyền hành trong tay, ông chủ muốn trả lương cho người lao động bao nhiêu mặc kệ, hoặc muốn bắt họ làm bao nhiêu giờ trong ngày mặc kệ. Nếu ai không đồng ý, không chấp hành sẽ bị chủ đuổi việc. Như vậy, vì sự sống còn, người làm công phải lệ thuộc hoàn toàn vào chủ. Và những tay chủ thấy mình có quyền cứ ra sức bóc lột công nhân, bắt họ làm việc nhiều, điều kiện làm việc thiếu thốn, trả lương ít để được lợi nhuận cao. Xã hội đã có sự bất công.

Có thời gian, người ta lại thay đổi quan điểm. Họ nghĩ rằng, không nên để con người tự do như vậy, Nhà nước phải quản lý, điều khiển mọi hoạt động kinh tế. Sau một thời gian làm việc, tình trạng làm việc cầm chừng xuất hiện. Vì người ta cho rằng mọi cái đều là của Nhà nước và không ai chịu làm việc. Nhà nước đã có chế độ bao cấp, làm nhiều hay làm ít họ cũng đều được nhận một mức lương ổn định trong một tháng. Không ai chịu nỗ lực làm việc, công chức thì cứ “sáng vác ô đi, tối vác về” nên kinh tế bị suy giảm nghiêm trọng.

Hiện nay, ở một số nước phương Tây, người ta vẫn tin rằng cứ để con người tự do thì xã hội sẽ phát triển. Nhưng gần đây, (khoảng hai năm nay) ở vùng Đông Nam Á xuất hiện tình trạng khủng hoảng kinh tế, bắt đầu từ Thái Lan, qua Indônêxia, vòng lên đến Nhật Bản, Đại Hàn... Lúc bấy giờ, các nước Đông Nam Á bắt đầu xét lại cái gọi là thị trường tự do để thấy được những hạn chế của nó. Vì tin tưởng một cách tuyệt đối và áp dụng triệt để những lý thuyết kinh tế ấy nên nhiều nước đã thất bại. Bởi vậy, chúng ta không nên tin một cách tuyệt đối, cần phải cẩn thận để tránh khỏi những sai lầm đáng

tiếc.

Có khi đó là niềm tin vào một lý thuyết về vật lý, về sinh vật, là các lý thuyết về khoa học ... Chẳng hạn, thuyết tiến hóa của Darwin cho rằng mọi sinh vật trên trái đất tiến hóa từ các loài đơn giản đến phức tạp, phức tạp nhất là loài người. Và trước con người là loài Khỉ. Hay nói cách khác, theo học thuyết ấy thì tổ tiên của loài người là loài khỉ. Xét cho cùng, chúng ta thấy rằng thuyết tiến hóa của Darwin dù được rất nhiều người tin nhưng mới chỉ là một thuyết, chưa được chứng minh một cách khoa học. Trong khi đó, chúng ta chưa tin vào điều gì khác để tạo nên một sự ứng xử mới.

Thử tưởng tượng nếu tin rằng con người có nguồn gốc từ loài khỉ thì trong chúng ta sẽ có người nhìn thấy trước mặt mình bao nhiêu con người với những gương mặt đáng yêu, đáng mến cũng như nhìn thấy những con khỉ. Họ sẽ ứng xử ra sao với mọi người ? Có thể đó là một sự coi thường, vì họ nghĩ rằng xét cho cùng con người cũng chỉ là con vật mà thôi. Đây là điều chúng ta nên cẩn thận.

Trong đạo Phật của chúng ta có một lý thuyết: Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Phật tánh là cái gì tuyệt đối, cao cả nằm trong thâm sâu tâm hồn mình. Nếu chúng ta tin vào điều đó, tin là nơi mình có Phật tánh và nơi người cũng có Phật tánh thì trước mắt chúng ta những gương mặt đều trở nên đẹp đẽ, đáng yêu. Bởi nhìn thấy những gương mặt này, chúng ta không phải nhìn thấy những con người nữa mà thấy trong họ hình ảnh của Phật. Nếu nhìn thấy tất cả hiền lành, từ bi như Phật, chúng ta sẽ tôn trọng và thương yêu. Như vậy, chúng ta có thể rút ra một kết luận, niềm tin trong lý thuyết nào đó sẽ tạo nên thái độ ứng xử cho con người. Nếu niềm tin đó đúng sẽ tạo ra một lối ứng xử tốt cho cuộc đời mình, cho quan hệ giữa người và người trong xã hội. Ngược lại, nếu tin một cách mù quáng, tin vào những điều không có căn cứ, chúng ta sẽ có những cách ứng xử sai lầm.

Hoặc là có một lý thuyết là Big bang, một vụ nổ lớn đầu tiên của vũ trụ. Khi đưa kính thiên văn nhìn lên vũ trụ, các nhà khoa học học nhìn thấy các thiên hà đang càng ngày càng rời xa nhau. Chúng ta hình dung, một thiên hà có tỉ tỉ những ngôi sao như mặt trời tập hợp thành. Trong các ngôi sao đó có thể có nhiều hành tinh vây quanh như Thái dương hệ của chúng ta vậy. Mặt trời cũng chỉ là một ngôi sao rất nhỏ, một thiên hà gồm hàng tỉ các mặt trời giống như mặt trời của chúng ta. Từ chỗ nhìn lên bầu trời thấy các thiên hà ngày càng rời xa nhau, các nhà khoa học suy luận rằng ngày xưa chắc chắn nó gần nhau. Họ cho rằng những suy luận ấy là hợp lý. Và vì trước kia các thiên hà tập trung một chỗ nên hấp lực rất cao. Các nhà khoa học tin rằng vũ trụ ngày xưa chỉ là một điểm duy nhất, sau đó bùng nổ thành một vụ nổ lớn. Trong quá trình bùng nổ của vũ trụ, sự sống hình thành, các hành tinh hình thành, con người, sinh vật thành hình...

Ngày nay, rất nhiều nhà khoa học lớn, những nhà bác học lớn đều tin vào thuyết Big bang, tin rằng vũ trụ bắt đầu bằng một vụ nổ. Tuy nhiên, chúng ta có thể không tin vì nhận ra có nhiều điểm rất vô lý. Thật khó tin rằng vũ trụ bắt đầu bằng vụ nổ. Các nhà bác học đang ra sức chứng minh thuyết này, chứng minh bằng tất cả phương tiện hiện đại của vệ tinh, bằng phương tiện của máy tính. Một trong những nhà bác học lớn của thế giới, rất nhiệt tình và cố gắng chứng minh thuyết ấy là ông Stephen Hawking. Ông vốn bị tật không nói được, không nhúc nhích được, chỉ có bàn tay là còn hoạt động, có thể bấm phím được. Vậy mà ông vẫn đi giảng ở các trường Đại học và ra sức chứng minh thuyết Bigbang. Nhưng nhiều người cho rằng không bao giờ các nhà bác học chứng minh thành công, họ không bao giờ tin vào thuyết đó. Như vậy, trong cuộc sống này có nhiều thuyết rất hấp dẫn nhưng không phải mọi cái đều có thể đem lại cho chúng ta niềm tin. Chúng ta chỉ tin những gì đã được chứng minh, đã được kiểm nghiệm. Và thuyết Big bang đúng hay sai, chúng ta phải chờ câu trả lời của khoa học và thời gian. Ngoài những vấn đề trên, chúng ta còn những niềm tin khác nữa, tin vào một giáo điều (tín ngưỡng). Chẳng hạn, chúng ta là người Phật tử, tin theo lời Phật dạy, tin rằng trên đời này có Nhân quả, có luân hồi. Đó là điều may mắn cho chúng ta vì niềm tin ấy hoàn toàn đúng đắn. Khi tin có Nhân quả, chúng ta sẽ biết cân nhắc cuộc sống của mình, cân nhắc mọi hành động của mình để trở thành người có Đạo đức. Nhưng cũng có nhiều người không có được cái may mắn ấy vì họ chưa có niềm tin hoặc tin vào những giáo lý khác. Hiện nay, ở Mỹ tồn tại hàng trăm ngàn đạo, có đạo chỉ một người, có đạo hai ba người, có đạo hàng trăm ngàn người. Như vậy, tín ngưỡng là vấn đề rất quan trọng đối với đời sống con người. Nếu tin vào một giáo lý đúng, cuộc đời chúng ta sẽ thăng hoa, tốt đẹp. Ngược lại, nếu tin vào những giáo lý sai lầm, chúng ta sẽ rơi vào tà kiến. Đó là điều rất nguy hiểm và cũng rất đáng thương. Tóm lại, trong cuộc sống có nhiều điều để chúng ta tin, nhưng có thể khái quát trong bốn điều: Tin vào câu chuyện kể, tin vào nhân cách một con người, tin vào một lý thuyết (về kinh tế, chính trị...) và tin vào một giáo điều nào đó.

Đây là những điều thường gặp trong cuộc sống và có ảnh hưởng rất lớn đến cuộc đời mỗi con người. Nếu có niềm tin vào những điều đúng đắn thì cuộc đời chúng ta sẽ tốt đẹp. Nếu tin vào những điều không đáng tin, cuộc đời chúng ta có thể đi xuống địa ngục.

2. Những cách tin:

Trước một sự kiện, một vấn đề, có thể có nhiều cách tin. Điều này phụ thuộc vào tính chất của sự việc, vào bản thân người truyền thông tin và người nhận thông tin.

Trước hết là tin một cách dễ dàng không suy xét. Trường hợp này người ta

gọi là cả tin. Người cả tin là người đứng trước một vấn đề, một câu chuyện nào đó không có sự suy xét mà tin một cách dễ dàng, thậm chí tin một cách rất ngây thơ. Những người như vậy thường là người không có bản lĩnh, không có trí tuệ. Đây cũng có thể xem là một căn bệnh. Vậy, người thường mắc căn bệnh này là ai ? Đó là những người quá thật thà, nghĩ rằng ai cũng tốt như mình. Nhiều khi vì quá thật thà, những người ấy đã phải trả giá rất đắt cho cuộc đời mình vì họ đã bị người khác lợi dụng lòng tin mà không biết. Bởi vậy, ông cha ta thường nói : “Thật thà là cha đũa đại”. Một đối tượng khác cũng được xếp vào loại người cả tin là những người đàn bà hay ngồi lê đôi mách. Họ rất dễ tin lời người khác. Khi qua nhà hàng xóm chơi, nghe kể chuyện gì họ cũng thấy hấp dẫn cả và tin ngay. Khi đã tin, trong lòng lại không yên muốn báo tin ngay cho người khác. Cứ thế, câu chuyện được truyền đi rất nhanh và có khi được thổi phồng lên so với sự thật ban đầu. Lafontaine, nhà thơ được coi là bậc thầy về thơ ngụ ngôn của thế giới, đã có bài thơ “ Bí mật với đàn bà” rất hay. Từ câu chuyện đức ông chồng qua một đêm ngủ dậy bỗng hô lên mình để được một quả trứng vàng, người vợ đã tin là thật và đem câu chuyện lạ kỳ ấy qua kể cho bà hàng xóm nghe như một điều bí mật. Dù đã được dặn dò kỹ lưỡng là phải giữ bí mật vì tôi chỉ kể cho mình chị nghe, nhưng chờ cho người đàn bà ra khỏi nhà, người bạn quý hóa ấy đã vội chạy sang hàng xóm kể lại câu chuyện vừa nghe được. Cứ thế, câu chuyện qua đến người thứ 10 thì người đàn ông kia không phải để được một nữa mà là mười quả trứng vàng. Mà sự thật, ông ta có để được quả trứng nào đâu.

Câu chuyện hết sức vô lý ấy đã được các bà tin một cách dễ dàng và truyền đi rất nhanh. Thói quen thích có chuyện để làm quà, bất kể là chuyện gì từ chuyện trên trời đến chuyện dưới đất, miễn là cho vui miệng, đã trở thành thói quen xấu đối với một số phụ nữ. Vì cả tin, vì gặp nhau không có chuyện gì để nói, những câu chuyện của họ đôi lúc đem lại cho người khác những hậu quả khôn lường.

Trong Đạo, điều này càng phải cẩn thận hơn nữa. Khi nghe được những chuyện không đâu, những điều sai lầm, có người không chịu phán đoán, suy xét mà tin ngay. Đó là những người không có bản lĩnh. Những người ấy rất dễ tin và vì thế cũng dễ bị người khác lừa gạt. Trong cuộc đời, chúng ta gặp biết bao tình huống bất ngờ, nghe biết bao chuyện “động trời”. Nhưng điều quan trọng là chúng ta phải biết phán đoán, không phải nghe nói điều gì cũng tin ngay.

Ví dụ, một hôm, có người từ đâu chạy vào chùa hét ha, hét hải kêu lên: “Trời ơi ! Ngoài đường có một vụ đánh lộn, đâm chém nhau thật kinh khủng”. Trước tin ấy, chúng ta có tin hay không? Tại sao? Chúng ta phải phán đoán, xem chuyện ấy có thật hay không. Nhưng dựa vào đâu để biết là

có thật hay không ? Nếu không phải là người cả tin, trước hết chúng ta cứ bình thản nghe người ta nói, sau đó là kiểm tra, thăm dò bằng cách dựa vào thái độ và nét mặt của những người khác. Nếu có thêm vài người cũng chạy vào hót ha, hót hải như thế, chúng ta tin chuyện người ấy nói là đúng. Nếu nhiều người cũng từ ngoài đường đi vào chùa, nhưng họ không tỏ ra hốt hoảng, cũng chẳng có thái độ gì khác, chúng ta biết ngay là không có chuyện gì xảy ra ngoài ấy. Vì nếu quả thật có chuyện đâm chém nhau động trời xảy ra như vậy làm sao họ có thể bình thản được. Như vậy, có thể người ta muốn dựng chuyện lừa chúng ta cho vui vậy thôi. Trong cuộc sống có nhiều chuyện đến với mình như thế, chúng ta phải phán đoán, đừng vội tin ngay. Hoặc nhiều khi có những chuyện rất buồn cười nhưng lại ảnh hưởng rất lớn đến người khác nếu chúng ta tin một cách vội vã, không suy xét. Ví dụ, có một người nào đó đến chùa chơi và trong lúc huyên thuyên đủ điều, người ấy bỗng nhìn thấy một Thầy đi sau nhà Tăng và nói, Thầy đó trước kia ở gần nhà tôi, vì cha mẹ không đồng ý cho ông ta cưới người mình yêu nên đã hận đời bỏ đi tu. Nghe câu chuyện đó, chúng ta nên có thái độ như thế nào? Phải phán đoán xem chuyện đó có thật hay không. Vậy, chúng ta dựa vào đâu để biết sự thật và có thái độ tin hay không tin?

Có người cho rằng, vì chưa tận mắt chứng kiến nên họ không tin chuyện đó. Nhưng thực tế, cũng có không ít những điều có thật mà chúng ta không được tận mắt nhìn thấy. Như vậy, chỉ dựa vào việc được “mục sở thị” hay không để phán đoán, có khi không chính xác. Chúng ta phải suy luận dựa trên những yếu tố khác. Trong trường hợp này, tốt nhất là chúng ta nên nhìn vào thái độ tu của Thầy ấy. Nếu đó là người tu hành nghiêm túc, hoan hỷ phấn khởi thì chúng ta không thể tin điều người ta nói là thật. Nếu cứ tin một cách vội vã và truyền những thông tin sai sự thật ấy đi, chúng ta sẽ mang tội với người khác.

Bên cạnh việc tin một cách dễ dàng, không suy xét còn một cách tin khác là tin vì thấy điều đó hợp lý. Sự hợp lý ấy lệ thuộc vào khả năng phán đoán sâu hay cạn của người nghe. Khi nghe bất cứ chuyện gì, chúng ta phải phán đoán xem có đúng hay không rồi hãy tin. Nếu phán đoán không cạn lẽ, điều chúng ta tin cũng không chắc chắn lắm. Nếu phán đoán một cách sâu sắc, điều chúng ta tin tạm coi là xác thực.

Ví dụ, có tin đồn rằng, năm 2000 là năm “tận thế”. Điều này có đáng tin hay không chủ yếu dựa vào khả năng phán đoán, kiểm tra của mỗi người. Trước hết, chúng ta phải hỏi người truyền thông tin dựa vào đâu mà nói năm 2000 tận thế. Nếu họ cho rằng dựa vào kinh, chúng ta phải tìm hiểu là kinh nào. Nếu là kinh của ông “đạo Dừa” thì chuyện ấy rõ ràng là bịa. Nếu họ khẳng định khoa học nói 2000 có một thiên thạch, hành tinh đụng vào Trái Đất, báo đã đăng tin, chúng ta cũng không được tin ngay, phải hỏi báo nào đã đăng

tin đó và yêu cầu người ta cho xem trực tiếp bài báo. Nếu quả thật, có một tờ báo đã đăng kết quả nghiên cứu của một nhà khoa học với lý luận rất hợp lý, chúng ta có thể tin. Dựa vào đường đi của các thiên thạch, sự vận hành của quỹ đạo Trái Đất, họ cho rằng sẽ có một thiên thạch cắt ngang rất gần quỹ đạo của Trái Đất. Họ tính toán thời điểm cắt ngang này vào đúng năm 2000. Lúc ấy, sự va chạm lớn này sẽ gây ra một cuộc tận thế, có thể Trái Đất bị móp đi, nước biển bị sôi trào lên, sự sống bị tiêu diệt...

Tuy nhiên, điều đó cũng không chắc chắn. Vì từ thời điểm họ tuyên bố kết quả nghiên cứu của mình đến thời điểm xảy ra sự cố còn một khoảng cách khá lớn về thời gian và sự tính toán có thể bị sai số nửa giây. Trong nửa giây đó, đường đi của thiên thạch có thể chệch đi khoảng ba trăm cây số. Đối với kích thước của vũ trụ, khoảng cách ấy có thể chỉ là hạt cát, nhưng đối với Trái Đất, khoảng cách ấy quá lớn. Bởi vậy, theo tính toán, chúng ta có thể tạm thời tin nhưng điều ấy chưa chắc đã xảy ra. Trong hiện tại, chúng ta không có gì phải lo ngại, cứ tiếp tục sinh hoạt bình thường, cứ bình thản nghe giảng kinh và niệm Phật. Tóm lại, khi nghe điều gì chúng ta phải suy xét cho cặn kẽ, suy xét một cách hợp lý, không phải ai nói gì cũng tin.

Một cách tin nữa là vì dựa vào uy tín của người nói. Khi nghe người khác nói điều gì, chúng ta phải xem người đó có uy tín đến mức nào. Nếu đã từng sống và làm việc với họ nhiều năm qua, thấy họ nói điều gì cũng đúng, chưa hề mất uy tín với ai, chúng ta có thể tin điều họ nói là đúng. Tin như vậy gọi là dựa vào uy tín mà tin. Nếu họ chưa nói dối ai, nhưng cũng chưa có gì đặc biệt để có thể tin, trước một thông tin quan trọng mà họ nói ra, chúng ta cũng không nên tin vội.

Có một câu chuyện mà người ta kể cho nhau nghe để làm bài học kinh nghiệm, chúng ta cũng nên lưu ý. Đó là chuyện quan hệ giữa một người đàn ông người Tàu với người đàn ông Việt Nam. Người đàn ông gốc Tàu quen biết với người đàn ông Việt Nam rất giàu có. Một hôm, ông ta đến mượn bạn mình một ngàn đồng vì có việc cần đột xuất và hứa ba ngày sau sẽ trả. Đúng hẹn, ba ngày sau ông mang số tiền ấy đến trả, kèm theo một nải chuối và một ít trái cây. Khoảng một tháng sau, ông ta lại đến mượn năm ngàn đồng và hẹn hai ngày sau sẽ trả. Đúng hai ngày sau, ông mang số tiền đã mượn đến trả cùng với ít trái cây để hậu tạ. Cứ thế, ông ta đã gây được niềm tin cho người khác. Trong vòng ba năm mượn rồi trả rất đúng hẹn như thế, người bạn ông không tỏ chút nghi ngờ. Cuối cùng, khi số tiền mượn lên đến hàng triệu, một số tiền rất lớn, ông ta đã biến mất tăm. Đây là lỗi “kinh doanh uy tín”, nghĩa là tạo uy tín cho người ta tin mình, rồi lừa họ. Bản chất của những con người như vậy không thật. Tuy nhiên, trường hợp này rất khó nhận định. Còn thông thường, chúng ta tin người nào đó qua quá trình tiếp xúc với họ. Thường ngày họ vốn nói thật, bây giờ nói điều gì chúng ta có thể

tin được.

Thứ tư là tin vì truyền thống. Nghĩa là ngày xưa, tổ tiên ông bà nói một điều gì đó, qua thời gian thấy điều đó là hợp lý, chúng ta có thể tin được. Chẳng hạn, người xưa cho rằng,

“Muốn sang thì bắt cầu kiều,

Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy”

Nghĩa là cha mẹ có kính trọng thầy cô giáo thì con cái mới có thể chăm học vì cũng vâng lời thầy cô. Y

Tuy nhiên, có những điều ông bà ta để lại không còn phù hợp với thời đại ngày nay. Nếu tin như vậy, chúng ta sẽ có sự bất công trong việc đối xử.

Chẳng hạn, trong thời đại phong kiến, người ta quan niệm rằng: “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, một người con trai cũng cho là có, mười người con gái cũng cho là không. Xã hội ấy coi trọng con trai hơn con gái. Vì họ cho rằng, con trai là người nối dõi tông đường, thờ phụng tổ tiên, còn con gái là con người ta, lớn lên sẽ theo chồng, gánh vác giang sơn nhà chồng. Quan niệm ấy ăn sâu vào đời sống của người dân Việt Nam từ bao đời nay và để lại không ít những bi kịch cho người phụ nữ. Thực ra, ngày nay không ít con trai lập gia thất rồi chỉ biết vợ con, bỏ bê cha mẹ yếu. Ngược lại, không ít những người con gái hiếu thảo dù ở trong hoàn cảnh nào cũng lo lắng cho cha mẹ mình.

Chúng ta tin vào truyền thống của cha ông nhưng tùy hoàn cảnh, tùy đối tượng mà vận dụng cho hợp lý. Nói đến truyền thống, chúng ta nhớ lại bài kinh Kalama:

Một lần, Đức Phật đến vùng Kalama, các trưởng lão ở đó đến gặp Ngài và nói:

-Thưa tôn giả Gotama, người ta đồn rằng tôn giả có bùa khiến các đệ tử của những đạo khác gặp tôn giả rồi bỏ đạo theo tôn giả. Chúng tôi không muốn xuyên tạc tôn giả, chúng tôi không muốn xuyên tạc sự thật. Xin tôn giả hãy xác nhận điều đó đúng hay không, tôn giả có bùa hay không?

Đức Phật trả lời :

- Đừng tin những gì do lời đồn đại, đừng tin những gì do truyền thống để lại, đừng tin những gì do một người có vẻ khả kính nói ra, đừng tin những gì do ý nghĩ chủ quan của mình cho là đúng. Hãy tin điều gì chúng ta đã thực hành, suy xét, cân nhắc và thấy rõ kết quả.

Đức Phật không trả lời câu hỏi của các trưởng lão mà có một lời khuyên.

Câu trả lời của Ngài đã trở thành một tuyên ngôn độc đáo của đạo Phật mà bây giờ cả thế giới đều ca ngợi. Vì người ta cho rằng, không một giáo chủ nào khuyến khích sự hoài nghi, giáo chủ nào cũng kêu mọi người tin mình, chỉ có Đức Phật khuyên mọi người phải biết suy xét, phải biết hoài nghi.

Nhà triết học nổi tiếng Descart cũng từng nói rằng: “Tôi hoài nghi là tôi tư

duy. Tôi tư duy là tôi tồn tại”. Ở đây, Phật đã cho chúng ta một thái độ hoài nghi đúng đắn.

Cũng có trường hợp tin vì nghe nhiều người đồn đại. Quả thật, trước một sự việc, nghe nhiều người đồn chúng ta sẽ rất dễ tin.

Ngày xưa, có một ông vua trong thời gian trị vì nghe rất nhiều người tâu trình là vị quan kia không tốt, một đại thần không tốt. Vua bèn hỏi Án Tử. Án Tử tâu rằng:

- Thưa Bệ hạ, có một người nói với Bệ hạ ở chợ có cọp, Bệ hạ có tin không ?

- Trẫm không tin, chợ làm sao có cọp - Vua trả lời.

Lúc đó, Án Tử hỏi tiếp:

- Nếu có người thứ hai cũng đến nói với Bệ hạ là ở chợ có cọp, Bệ hạ có tin không ?

- Bây giờ Trẫm bắt đầu tin vì đã có hai người nói.

- Nếu có người thứ ba đến nói với Bệ hạ ở chợ có cọp, Bệ hạ có tin không?

- Bây giờ thì Trẫm tin vì đã ba người nói cùng một thông tin - Vua nói một cách dứt khoát.

Bây giờ, Án Tử mới trả lời:

- Bệ hạ thấy không, chuyện ở chợ có cọp là chuyện không thể có, ngay từ đầu Bệ hạ đã không tin nổi. Nhưng tới người thứ ba nói điều ấy, Bệ hạ đã tin rồi. Như vậy, trên cuộc đời này cũng có những điều không có thật, không thể tin được, nhưng vì nhiều người lặp đi, lặp lại khiến chúng ta tin. Bệ hạ hãy cẩn thận.

Nghe xong, nhà vua mới vỡ lẽ. Từ đó ông không nghe những lời dèm pha nữa. Vì có những Đại Thần rất tốt nhưng bị ganh ghét, dèm pha nhiều lần nên nhà vua tin và truất phế.

Trong cuộc sống có không ít những chuyện tương tự như vậy nên chúng ta phải cẩn thận. Có chuyện vui về cách chữa bệnh của một bác sĩ nhưng ngẫm ra cũng rất thâm thúy. Một hôm, có một bệnh nhân bị tai nạn được đưa đến bệnh viện cấp cứu. Sau khi xem xét và xử lý vết thương, bác sĩ điều trị nói với người nhà bệnh nhân rằng: “Vết thương không có gì nghiêm trọng, bệnh nhân chỉ cần ở lại một hôm là có thể ra viện”. Gia đình rất mừng, chuẩn bị làm thủ tục xuất viện. Nhưng sáng hôm sau gặp lại, vị bác sĩ ấy làm ra vẻ rất quan trọng và yêu cầu bệnh nhân phải nằm điều trị tại bệnh viện ít nhất một tháng. Gia đình thắc mắc và được bác sĩ trả lời: “Đúng là hôm qua tôi thấy không có gì nghiêm trọng nhưng khi về nhà, ai cũng cho rằng như thế là nghiêm trọng và tôi cũng thấy như thế nên phải quyết định để bệnh nhân lại tiếp tục điều trị”. Chuyện đúng là cười ra nước mắt.

Hoặc khi nghe một người nào đó nói rằng chính mắt họ nhìn thấy các Thầy trong chùa đi chợ mua thức ăn mặn, lúc đầu không ai tin. Nhưng hôm sau,

một người khác lại nói tương tự như vậy, rồi đến người thứ ba, thứ tư... Nghe nhiều người đồn, người ta bắt đầu tin, mặc dù người trước đó họ không hề tin.

Những lời đồn vốn có sức mạnh rất lớn, có thể giết chết con người. Bởi vậy, chúng ta phải tỉnh táo thoát ra những lời đồn đại. Trước những lời đồn, chúng ta đừng vội tin, phải suy xét cho kỹ. Nếu sự thật điều ấy không bao giờ xảy ra nhưng do nghe đồn nhiều quá mà chúng ta tin là thật thì niềm tin ấy đem lại tội cho chúng ta. Hãy nhớ rằng, nghĩ sai cho một người tốt là chúng ta đã mang tội.

Một cách tin khác là tin vì dựa vào cảm nhận của trực giác. Nghĩa là khi có một người nào đó kể cho chúng ta nghe một câu chuyện ở đâu đó, chỉ nghe qua chúng ta đã đoán câu chuyện có thật và có một niềm tin. Hoặc có những câu chuyện kể không có thật, nghe qua chúng ta cũng đoán ra ngay. Điều này dựa vào trực giác của mỗi người. Người tu lâu thường có trực giác như vậy. Cách tin do trực giác không lý luận được, không lý giải được. Khi nào còn phước, trực giác sẽ còn, còn có tu, nếu không thì sẽ hết.

3. Hai cách tin sai lầm:

a) Mê tín:

Mê là mê muội, không biết phán đoán. Mê tín là tin một cách vô lý về những điều thần bí, không dùng lý trí để phán đoán. Chính việc tin một cách mù quáng những điều sai lầm tà kiến đã dẫn dắt chúng ta đi vào lầm lỗi, phước bị suy tổn. Vậy, tin như thế nào, tin vào điều gì sẽ bị gọi là mê tín?

Trước hết, đó là tin vào những giáo điều quá sai lầm, phần lớn những giáo điều này thuộc về tôn giáo.

Ví dụ, ngày xưa, vì không giải thích được mọi hiện tượng tự nhiên nên con người thường cho rằng, mỗi hiện tượng là do một vị thần tạo nên. Chẳng hạn, họ tin rằng, chính Thần Lửa đã tạo ra lửa cho muôn loài. Người xưa tìm lửa rất khó khăn, gian khổ. Họ phải lấy đá đánh vào nhau và đặt cây bụi nhùi ở giữa. Khi nóng, cây bụi nhùi sẽ bốc cháy và có lửa. Sau đó, người ta phải đốt củi để giữ lửa. Nếu lửa bị tắt, phải thổi lại rất khó. Từ chỗ kiếm được lửa khó khăn như vậy nên họ phải luôn cầu nguyện các vị Thần cho lửa. Họ nghĩ rằng, khi cọ lửa phải gọi tên một vị Thần nào đó, lửa mới nhanh xuất hiện. Và họ tin là có vị Thần Lửa. Vì tin như vậy nên họ coi Thần Lửa là vị thần rất thiêng liêng. Họ đốt lửa, nhảy múa xung quanh để cầu nguyện, rồi cúng bái, tôn thờ... Tín ngưỡng thờ cúng Thần Lửa tồn tại rất lâu trong đời sống người dân.

Như vậy, chỉ vì kỹ thuật làm ra lửa của người xưa rất sơ đẳng nên họ phải tin vào một điều hoàn toàn không có thật. Phần lớn thời gian quý báu họ dành cho việc đốt lửa lên và cứ thế quỳ lạy ngọn lửa, vì tin trong đó có một vị Thần. Bây giờ sống trong thời đại văn minh, muốn có lửa, con người chỉ cần

bật hộp quẹt ga một cách nhẹ nhàng.

Hoặc người ta tin rằng, trên đời này có Thượng Đế, là đấng tối cao đầy quyền uy. Mọi tội phước trên cuộc đời này không phải do con người mà do Thượng Đế quyết định. Nếu con người đã làm tổn hại đến chúng sinh, giết người, cướp của, chỉ cần quỳ xuống trước Thượng Đế cầu xin, sám hối, mọi tội lỗi sẽ không còn nữa. Đó là niềm tin rất mù quáng, sai lầm. Người ta có thể gây ra bao tội lỗi rồi mua lễ vật dâng lên Thần linh, Thượng Đế để xin tha tội và khi chết, cũng được lên Thiên Đường. Nếu có một niềm tin như thế, chúng ta sẽ trở thành loại người độc ác vô cùng. Vậy mà, trên thế giới niềm tin này vẫn đang tồn tại. Có những tôn giáo vẫn khuyến khích con người tin theo kiểu như thế. Và thậm chí, con người có thể giết hại, tàn sát lẫn nhau miễn điều đó làm đẹp lòng Thượng Đế của họ. Đó là những giáo điều hết sức sai lầm, nếu tin theo, con người sẽ đi vào con đường sai lầm, tà kiến. Hay gọi là mê tín, không phán đoán, suy xét.

Thứ hai là tin vào vận số mà không dựa vào luật nghiệp báo.

Điều này chúng ta thường gặp trong đời sống, sinh hoạt của người dân. Ví dụ, người ta tin rằng hễ con người được sinh ra trong một gia đình giàu có, lớn lên chắc chắn sẽ sung sướng. Hoặc sinh ra trong gia đình dòng dõi quan lại thì con người sẽ giỏi giang. Ngược lại, người nào sinh ra trong một gia đình nghèo khó, sau này họ chỉ là người hạ tiện, tầm thường v.v...Niềm tin đó không có cơ sở, không có Nhân Quả. Đức Phật phủ nhận: “Không có giai cấp khi mà máu người cùng đỏ”. Giá trị của con người không nằm ở việc xuất thân từ dòng dõi giàu sang hay nghèo hèn mà ở nhân cách, trí tuệ và đức hạnh của họ. Không cần biết nguồn gốc và hoàn cảnh xuất thân, chỉ nhìn trong hiện tại, nếu một người có Đạo đức, có trí tuệ, họ đã xứng đáng để chúng ta tôn trọng. Bởi vậy, điều Đức Phật nói là dựa vào Nhân Quả thực; còn tin vào giai cấp, dòng dõi là một lối tin sai lầm, cũng có thể gọi là mê tín. Chính cách tin này khiến cho con người có những sai lầm trong việc đối xử cũng như trong việc tu dưỡng, rèn luyện. Người xuất thân từ gia đình dòng dõi, giàu có sẽ ỷ lại, không phấn đấu, rèn luyện. Người xuất thân nghèo hèn sẽ mặc cảm, tự ti và bị quan không muốn nỗ lực để thay đổi cuộc đời mình.

Trên thực tế, có một điều nữa hiện nay nhiều người vẫn còn tin nhưng không biết đúng sai như thế nào. Đó là tin vào ngày giờ “Hoàng đạo”. Người ta cho rằng, nếu đi ra đường vào ngày giờ tốt, công việc sẽ tốt đẹp; ngược lại gặp giờ xấu, công việc sẽ không thành công, hay gặp chuyện xui xẻo. Thực ra, việc coi ngày, coi giờ là việc rất khó hiểu, khó lý giải. Có trường hợp người ta nghiệm ra cũng đúng nhưng nếu dựa vào lý Nhân Quả lại sai.

Ví dụ rõ nhất là vấn đề tử vi của con người. Khi chấm ngày giờ sinh của một người nào đó, theo lá số tử vi người ta biết cuộc đời của họ sẽ ra sao. Nhiều

lúc, trải qua những thăng trầm của cuộc sống, so lại với số tử vi, họ thấy những điều được luận giải trong ấy rất đúng. Như vậy, người ta tin thời gian, thời điểm con người được sinh ra đời báo hiệu cuộc đời của họ. Nhưng xét cho cùng, sinh vào ngày giờ nào là do Nghiệp, do Nhân Quả. Chỉ cần sinh nhích vào giờ đó, chúng ta sẽ có một cuộc sống sung sướng, nhưng Nhân Quả không cho, Nghiệp đã khiến như vậy, biết phải làm sao.

Hoặc trường hợp dựa vào thời gian để bấm độn, tính toán sự thành hay bại của con người. Nhiều người rất tin vào điều này. Họ có quy luật bấm độn hẳn hoi. Nhưng điều này cũng có lúc đúng, có lúc sai, không tuyệt đối. Có người cũng thử bấm độn và cho rằng tỷ lệ đúng khoảng 50% đến 60%. Bởi vậy, chúng ta không nên tin việc này là đúng tuyệt đối để tránh bị lừa bịp, phải hiểu rằng, gốc của sự đúng tuyệt đối là ở Nhân Quả. Cứ tin rằng, trong cuộc sống nếu làm những điều lành, chúng ta sẽ gặt hái được những điều tốt. Tin vào Nhân Quả như vậy gọi là chánh tín. Đừng bao giờ tin rằng, không cần giúp đỡ ai, không cần cúng chùa, không cần bố thí, phóng sanh, không cần làm điều thiện gì, chỉ cần chọn được ngày tốt để khởi hành, để bắt đầu công việc là chúng ta sẽ thành công. Đó là mê tín, tin không cơ sở.

Thứ ba là tin vào những chân lý còn giới hạn (khoa học). Khoa học rất tiến bộ, khoa học vốn đúng nhưng không hoàn toàn tuyệt đối. Sự thật, khoa học vẫn còn nhiều giới hạn, vẫn còn nhiều điều phải bó tay. Vậy mà rất nhiều người, nhất là những người có học thức, thường tin tưởng một cách tuyệt đối vào khoa học. Họ cho rằng, cái gì khoa học nói đúng là đúng, cái gì khoa học nói sai là sai và hay viện khoa học để chứng minh cho ý kiến của mình trong những cuộc tranh luận. Đây cũng là một loại mê tín.

Ví dụ, hiện nay trong y học có nhiều bệnh tây y không chữa được nhưng uống thuốc nam và châm cứu nhiều lần có thể hết (bệnh thấp khớp). Hoặc bệnh viêm thận mãn, hai quả thận bị viêm sẽ dần dần bị teo lại, không còn chức năng lọc máu, lọc nước nữa. Người mắc bệnh này nước bị giữ lại, huyết áp tăng lên, người phù ra và rất dễ chết. Tây y không chữa được.

Thông thường, người ta chữa bằng cách cắt bỏ quả thận bị viêm và xin thận của người khác ghép vào hoặc chạy thận, mỗi tuần chạy vài ba lần rất đau đớn, khổ sở. Những người bị bệnh này, gần như không đi đâu xa bệnh viện, không rời xa máy lọc thận, sống rất khổ sở. Vậy mà, có những người gặp thuốc nam, thuốc bắc lại hết. Có nhiều bệnh nhân bị bệnh viện trả về vì bó tay nhưng nhờ theo đông y lại qua khỏi...

Có những điều khoa học phán đoán, kiểm nghiệm qua thực tiễn lại hoàn toàn không đúng. Hoặc có những điều khoa học chưa nhìn thấy được. Một thời gian dài vì khoa học không thấy thế giới siêu hình nên phủ nhận sự tồn tại của thế giới siêu hình, không tin có linh hồn. Nhưng thực tế cho thấy đó là điều có thật, thế giới tâm linh là điều có thật. Hiện nay, qua một số hiện

tượng xảy ra trong cuộc sống, nhiều người đã tin và tập hợp những thông tin trên khắp thế giới về thế giới siêu hình. Tuy nhiên, chưa ai tìm ra con đường để chứng minh điều đó.

Chẳng hạn, hiện tượng đĩa bay xuất hiện cách đây khoảng tám, chín năm ở nước Mỹ đã làm đau đầu biết bao nhà khoa học. Trên các xa lộ ở nước Mỹ, người ta thấp đèn điện sáng choang nên đĩa bay đã ghé xem. Một lần, đài Rađa của quân đội báo động là có một vật thể lạ bay trên bầu trời nước Mỹ. Nghe báo động, hai máy bay tức tốc tìm cách đuổi theo. Theo dõi trên màn hình Rađa, các chuyên gia nhận thấy một đĩa bay hiện ra rất rõ. Người phi công trưởng bấm nút thu lại hình ảnh đó trong máy Cassette, trong băng Vidéo. Khi lao gần đến đĩa bay, bỗng nhiên họ thấy đĩa bay hạ độ cao rất đột ngột, từ trên cao vèo một cái, đĩa bay hạ xuống mặt đất rồi biến mất. Khi nghiên cứu, tính toán qua việc xem băng Vidéo, người ta mới nhận ra tốc độ gia tốc của đĩa bay quá nhanh. Gia tốc của trái đất khoảng $9,8 \text{ m/s}^2$. Trong khi đó, gia tốc của đĩa bay, người ta tính toán được đến mấy ngàn. Chỉ trong một vài giây, nó có thể tăng tốc khủng khiếp và biến mất. Người ta không hiểu động cơ nào đĩa bay có thể tăng tốc nhanh như vậy, trái đất không thể làm được việc đó. Thậm chí, nó có thể tàng hình, không còn dấu vết như một bóng ma. Nền khoa học của họ tiến xa như vậy đó, chúng ta còn lâu mới có thể bắt kịp.

Thứ tư là chủ quan tin vào ý nghĩ của mình. Hễ nghĩ ra điều gì, chúng ta tuyệt đối tin điều đó là đúng. Đó cũng là một loại mê tín do kiêu mạn mà ra. Nếu chủ quan do kiêu mạn, lúc nào cũng tin ý nghĩ của mình là đúng, chúng ta sẽ rơi vào cách tin sai lầm, cũng là mê tín. Chính mê tín đưa đến tồn phước. Bởi vậy, mỗi lần suy nghĩ một điều gì, chúng ta nên suy xét trong một thời gian. Nếu thấy hợp lý, lúc ấy chúng ta hãy nghĩ rằng điều mình nghĩ là đúng. Đây cũng là một kinh nghiệm quý báu cho chúng ta trong cuộc sống để tránh khỏi những sai lầm.

b) Cuồng tín:

Cuồng tín là tin một điều gì quá cuồng nhiệt, dẫn đến hành vi thái quá. Ví dụ, trước một ngôi chùa nọ có một cây mít sống lâu năm, rất to. Một hôm, bỗng dưng có một người từ đâu đến nhìn nó và bảo: Cây mít này linh lắm, che chở cho cả vùng này, mọi người không được chặt phá nó. Người nào muốn học giỏi, hằng ngày phải thắp nhang quỳ lạy cây mít. Lúc đầu, mọi người nửa tin, nửa ngờ. Sau đó, ai cũng tin một cách cuồng nhiệt và bắt đầu bảo vệ, làm hàng rào, thắp nhang lạy nó. Thậm chí, có người còn đứng đó canh chừng, ai đi qua đều bị bắt cúi đầu xá, không xá sẽ bị phạt... Tin như vậy gọi là cuồng tín. Vì tin một cách cuồng nhiệt, không có cơ sở dẫn đến hành vi thái quá.

Một số tôn giáo có những chủ trương cuồng nhiệt, bảo vệ tôn giáo bằng bạo

lực, truyền bá Tín ngưỡng cũng bằng bạo lực. Chẳng hạn, những người theo đạo Hồi giáo nói chuyện với nhau toàn bằng súng đạn. Nếu ai xúc phạm họ, xúc phạm đến đạo của họ sẽ bị giết ngay. Họ tin rằng hành động đó được Thánh Ala khen ngợi. Điều này hoàn toàn trái với chủ trương của đạo Phật. Đức Phật khuyên chúng ta rằng, phải biết nhẫn nhục và cảm hóa những kẻ xúc phạm mình bằng lời nói, bằng lý lẽ, chứ không phải bằng vũ khí, bạo lực.

Hoặc có những tôn giáo tin rằng khi chết con người sẽ được lên Thiên đường nên họ đã tự thiêu (giáo phái Đền Mặt Trời ở Thụy Sĩ). Đó cũng là sự cuồng tín. Hoặc có trường hợp những tín đồ của tôn giáo Công Thiên Đường đã uống thuốc độc tự tử vì tin rằng sẽ được lên hành tinh khác sống sung sướng hơn. Tất cả những hành động ấy đều cực đoan, thái quá xuất phát từ sự cuồng tín của con người. Bởi vậy, chúng ta phải cẩn thận. Khi tin điều gì mà cảm thấy điều ấy gây cho mình một sự nóng nảy, nhiệt tình, chúng ta phải nhận ra ngay là mình đã bắt đầu sai, bắt đầu xa chân lý, vì chân lý chỉ đưa đến sự an lạc, điềm đạm. Hay nói cách khác, tin vào điều đúng con người chúng ta sẽ trở nên điềm đạm, còn tin một điều gì mà tỏ ra vội vàng, nóng nảy thái quá, lúc đó hãy cẩn thận, điều mình tin là sai.

Hiện nay trên thế giới có những trường hợp do cuồng tín đã dẫn đến những cuộc xung đột sắc tộc đẫm máu. Chẳng hạn, ở Phi Châu có nhiều bộ tộc căm thù nhau, vì bộ tộc nào cũng tin rằng chỉ có họ mới đúng, còn những bộ tộc khác là kẻ thù. Vì vậy, họ tìm cách chém giết lẫn nhau rất dã man.

Ở Rwanda, sắc tộc Hutou và Tussu rất căm ghét nhau, có khi tàn sát nhau khủng khiếp. Bộ tộc này nếu gặp trẻ con mới đẻ của bộ tộc kia sẽ nắm hai chân xé toạt ra. Họ đối xử với nhau thật độc ác. Chúng ta nhìn vào chỉ thấy người châu Phi ai nấy đều tóc quăn, da đen, răng trắng lóa, ai ai cũng giống nhau. Nhưng giữa họ có những khoảng cách, những sự khác nhau rất lớn. Họ tin rằng, mình mới là người đáng sống, còn người bên kia đáng để chết. Rõ ràng, tin như vậy, họ sẽ giết nhau một cách không thương tiếc. Đó cũng gọi là cuồng tín. Tất nhiên, điều này cũng do nghiệp quá khứ nào đó, nhưng không phủ nhận thái độ cuồng tín của họ đã dẫn đến hành vi thái quá.

Sự phân biệt màu da dẫn đến bạo lực cũng là một biểu hiện của cuồng tín. Ngay khi sống vào thế kỷ này mà ở nước Mỹ vẫn còn tình trạng phân biệt màu da, người da trắng được ưu đãi, người da đen lại bị hắt hủi. Người da đen bị tước cả quyền được bầu cử của một công dân. Ở đó, có những nhà hàng chỉ dành cho những người da trắng; có những trường học, học sinh da đen không được vào; lên xe buýt, người da đen luôn ngồi ở phía sau. Chính vì có sự kỳ thị như vậy nên ở Mỹ liên tục xảy ra những cuộc đấu tranh đòi quyền bình đẳng của người da đen. Một mục sư nổi tiếng trong việc đấu tranh cho quyền bình đẳng ấy là Luther King Ông vốn là một nhà hùng biện

nên nói chuyện rất hay. Năm 1968, ông bị ám sát bởi tay của những người da trắng cực đoan. Họ muốn giết ông để ngăn chặn làn sóng đấu tranh ấy. Lúc bấy giờ, nước Mỹ xuất hiện nhóm KKK là Klu Klux Klan. Mỗi khi hành động, nhóm này mặc toàn đồ trắng, trùm mặt nạ, xông vào đốt nhà, bắt giết những người da đen và phá nhà thờ của họ. Nhóm này bây giờ vẫn còn tồn tại, nhưng hoạt động lén lút. Có thời gian, FBI lùng bắt bọn chúng rất ráo riết.

Sở dĩ có sự phân biệt và dẫn đến bạo lực như vậy là do người da trắng tin rằng chỉ có họ mới là con người, là người thông minh nhất; còn người da đen không phải là con người, chỉ đáng sống để làm nô lệ mà thôi. Mục sư Luther King đã vận động nhân dân khắp nước Mỹ đấu tranh chống sự phân biệt này, đấu tranh một cách hòa bình. Những lời nói của ông làm mọi người cảm động. Ông nổi tiếng khắp nơi nhờ tài hùng biện, nhất là bài diễn thuyết: “Tôi có một giấc mơ”. Trong những lần diễn thuyết, ông thường nói : “Tôi có một giấc mơ” nhưng không nói rõ đó là giấc mơ gì. Một lần, khi diễn thuyết đề tài về sự đấu tranh sắc tộc, ông cũng nói : “Tôi có một giấc mơ”. Khi bài diễn thuyết vừa chấm dứt, chợt có một người la lên: “Xin ông hãy nói cho tôi nghe giấc mơ của ông”. Lúc ấy, ông ứng khẩu nói say sưa về giấc mơ của mình và bài diễn thuyết ấy đã trở thành tuyệt tác của nhân loại . Ông nói rằng: Tôi có một giấc mơ, trong giấc mơ đó, con người trên thế giới sống với nhau, thương yêu nhau không phân biệt màu da hay chủng tộc. Tôi có một giấc mơ, trong giấc mơ đó có một ngôi trường mà những trẻ em da trắng và da màu nắm tay nhau vui đùa, thương yêu nhau. Tôi có một giấc mơ mà trong đó con người bỏ hết ý nghĩ về sự phân biệt màu da, chủng tộc chỉ còn biết thương yêu, biết xây dựng cuộc sống này tốt đẹp như một Thiên đường. Tôi có một giấc mơ ...

Ông cứ nói say sưa như vậy khiến người nghe ai cũng xúc động và bật khóc. Đây là bài thuyết pháp nổi tiếng của ông. Khi ông qua đời, nỗi bức xúc dâng lên cao độ và chính quyền Liên bang phải ra những sắc lệnh nghiêm khắc về sự bình đẳng giữa người da đen và người da trắng. Xóa được điều này là xóa được sự cuồng tín tồn tại bao nhiêu năm, gây ra bao nhiêu đau khổ cho người dân da đen sống trong lòng nước Mỹ.

Một biểu hiện nữa của cuồng tín là sự đấu tranh chính trị khủng khiếp. Nói về Đạo, chúng ta không muốn liên hệ đến chính trị. Nhưng phải hiểu rằng, chính trị đã đưa con người đến cuồng tín. Chẳng hạn, khi lên cầm quyền, Hitler đã tuyên bố rằng, chủng tộc Anglo thượng đẳng của người Đức là chủng tộc xứng đáng cai trị cả loài người này, còn mọi chủng tộc khác chỉ đáng làm nô lệ mà thôi. Lý thuyết ấy đã truyền niềm tin vào người dân Đức một cách mãnh liệt, cuồng tín. Vì thế, người Đức đã không ngần ngại xếp hàng cầm súng lên đường đi đánh chiếm hết nơi này đến nơi khác. Như vậy,

tin vào một lý thuyết nào đó để có thể chém giết người khác được, đó cũng là một loại cuồng tín. Chủ thuyết chính trị có thể dẫn đến những cuộc chiến tranh tàn bạo, khốc liệt. Bởi vậy, chúng ta phải cẩn thận tránh xa.

Là đệ tử Phật, chúng ta tin vào giáo lý từ bi của đạo Phật để sống, để xây dựng một cuộc sống thanh bình cho con người, tránh xa những lý thuyết làm tăng lòng sôi sục, căm phẫn để phải chém giết đồng loại của mình. Hãy nhớ rằng, cuồng tín đưa đến tạo tội rất nặng và mê tín sẽ đưa đến tổn phước. Dĩ nhiên, mê tín cũng có tội nhưng không nặng bằng cuồng tín. Cuồng tín gây nghiệp khủng khiếp nên chúng ta cần có sự tỉnh táo, không bao giờ để rơi vào cuồng tín.

4. Niềm tin đúng đem lại nhiều phước lành và lợi ích:

Ngược lại với mê tín và cuồng tín là niềm tin đúng. Nó đem lại nhiều phước lành và lợi ích cho chúng ta. Vậy, tin những gì được gọi là có niềm tin đúng? Đó là tin Phật. Quả thật, tin Phật đem lại cho chúng ta nhiều phước lớn. Vì chúng ta đã đặt niềm tin đúng nơi một vị Thầy cao cả, siêu việt, viên mãn về đức hạnh. Khi tin Đức Phật, trong chúng ta sẽ xuất hiện lòng tôn kính. Ai cũng biết rằng, tôn kính một vị Thánh thì chính mình dần dần sẽ xuất hiện nhân cách của một vị Thánh. Đây chính là chìa khóa để chúng ta phát triển trí tuệ, nhân cách. Hiểu điều này, chúng ta sẽ thương yêu, tin tưởng, hy vọng nơi con người và không khinh miệt bất cứ ai. Thấy một người làm lỗi, chúng ta không khinh miệt vì biết người đó chưa có lòng tôn kính Phật. Nếu một ngày nào đó có lòng tôn kính Phật, họ sẽ vượt ra khỏi làm lỗi. Do có điểm Nhân Quả này mà chúng ta có niềm tin nơi con người, không ruồng bỏ bất cứ ai.

Ngay cả người xuất gia, nếu quên lễ Phật, tưởng là mình đã bằng Phật thì phước sẽ tiêu tan. Người ấy sẽ hoàn tục và trở thành con người xấu xa, có nhân cách tầm thường. Có lẽ chúng ta đã nghe không ít chuyện về những thầy tu hoàn tục, ra đời quậy phá hơn cả những người thường. Đó là chuyện có thật. Tại sao lại có chuyện hoàn tục ? Vì do có một tà kiến nào đó, họ tin mình bằng Phật, không chịu lễ Phật thường xuyên, không tôn kính Phật, không thấy mình đối với Phật chỉ là hạt cát mà thôi. Từ đó, họ không còn phước và phải hoàn tục. Cũng con người đó, nếu biết tôn kính Phật trở lại thì nhân cách của họ sẽ nâng cao dần dần và sẽ có nhiều phước. Họ có thể xuất gia trở lại mà không gặp trở ngại gì.

Bởi vậy, chúng ta nói rằng, lòng kính Phật là chìa khóa để mở ra muôn công hạnh lành. Điều này đã được khẳng định trong bài: Hiểu và tôn kính Phật. Khi tin Phật và có sự tôn kính Phật, chúng ta sẽ có niềm tin vào Niết Bàn Tuyệt Đối. Đó là nơi mà tất cả chúng ta đều phải trở về, đều phải đạt đến trong vô số điều tuyệt đối khác : An lạc tuyệt đối, Đức hạnh, Trí tuệ tuyệt đối, Từ bi tuyệt đối...

Một niềm tin tốt nữa là tin Nhân Quả luân hồi. Chúng ta không tin rằng quả báo tốt là do ai đem đến mà chỉ tin rằng có luật Nhân Quả, làm điều lành, sẽ được hưởng Quả lành; làm điều xấu, sẽ chịu Quả xấu. Tin như vậy, chúng ta sẽ có sự cân nhắc kỹ trong hành vi, ý nghĩ và lời nói của mình. Hay nói cách khác, niềm tin đối với luân hồi Nhân Quả khiến cho con người tu sửa được Đạo đức. Cho nên, chúng ta phải làm sao truyền bá giáo lý Nhân Quả thật mạnh, thật rộng khắp. Làm được như vậy là chúng ta đã góp phần xây dựng xã hội này tốt đẹp hơn.

Dù khoa học chưa chứng minh được, nhưng tin được giá trị Tâm linh chúng ta cũng đã có một niềm tin đúng. Chúng ta tin rằng, trong con người ngoài sức mạnh vật chất còn có sức mạnh Tâm linh. Nếu phát huy được, năng lực ấy sẽ trở nên vĩ đại. Hoặc chúng ta tin là có thế giới siêu hình tồn tại, trong đó cũng có nhiều chúng sinh đang sống. Có thể không nhìn thấy, nhưng một khi đã tin đó là điều có thật, chúng ta vẫn tôn trọng họ. Tin như vậy, chúng ta sẽ sống mà không quá lệ thuộc vào thế giới vật chất này, không lệ thuộc vào đồng tiền thế gian giả tạm này. Dù sống trong cảnh giàu sang, chúng ta vẫn không chấp vào nó. Vì chúng ta tin rằng thế giới tâm linh cao siêu hơn, còn cái hữu hình thường dễ hoại.

Hoặc tin được Đạo đức là nền tảng của mọi tiến bộ xã hội là chúng ta đã có một niềm tin đúng. Khi tin rằng, xã hội cần nhiều người tài giỏi, Kỹ sư, Bác sĩ, Luật sư...nhưng ngoài tài năng, những con người ấy phải có đạo đức, xã hội mới tốt được, chúng ta sẽ suốt đời phấn đấu không ngừng để rèn luyện Đạo đức cho mình và truyền bá Đạo đức cho mọi người. Có như vậy, chúng ta mới xây dựng được một xã hội thực sự tiến bộ.

Cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay của các nước trong khu vực Đông Nam Á phần lớn cũng bắt nguồn từ lối ứng xử thiếu Đạo đức của con người.

Chẳng hạn, một quốc gia láng giềng của chúng ta được coi là một đất nước giàu có, nhưng sự thật đó là một nơi ăn chơi trác táng, tồn tại nhiều tệ nạn xã hội. Du khách đến Thái Lan không ít người chỉ nhằm mục đích thoả mãn những ham muốn tầm thường của mình. Do vậy, khủng hoảng tất yếu phải xảy ra. Ở mỗi sự khủng hoảng, nếu đi tìm nguyên nhân, chúng ta sẽ nhận thấy phần lớn đều do sự thiếu Đạo đức của con người. Như vậy, muốn xã hội thực sự tiến bộ, thực sự ổn định, con người phải lấy Đạo đức làm nền tảng. Chúng ta tin tưởng chắc chắn vào điều đó.

Một điều tin đúng nữa là tin được một vị chân sư. Quả thật, tìm được một vị chân sư để tin là một điều may mắn, là niềm hạnh phúc lớn lao trong cuộc đời mỗi chúng ta. Nếu tìm đúng vị chân sư để gửi gắm niềm tin, cuộc đời của chúng ta sẽ đi theo một hướng tốt lành. Nhưng điều này thực ra là do duyên may vì chúng ta khó đánh giá đúng, khó nhận ra ai thật sự là chân sư. Khi đã biết phân biệt vị nào đúng, vị nào sai, vị nào tài giỏi để nương tựa,

chúng ta cũng đã giỏi, đã đạt đến một trình độ nhất định rồi. Bởi vậy, lúc này chúng ta chỉ biết thường xuyên cầu Tam Bảo gia hộ cho mình gặp được Thầy lành, bạn tốt.

5. Đa nghi và cả tin đều là bệnh:

Trong cuộc sống, bên cạnh những người rất dễ tin, chúng ta còn gặp rất nhiều người hay đa nghi, ít chịu tin hoặc không tin vào bất cứ điều gì. Cả hai đều là bệnh. Vậy, tại sao chúng ta hay đa nghi, ít tin vào người khác ?

Trước hết, ít chịu tin vì chính mình hay nói dối. Thật sự, người hay nói dối thường ít tin ai vì “suy bụng ta ra bụng người”. Như vậy, gặp những người hay đa nghi, chúng ta phải cẩn thận, không chừng người ấy là chuyên gia nói dối. Trong lịch sử Trung Quốc, có một nhân vật nổi tiếng đa nghi. Đó là Tào Tháo. Sở dĩ đa nghi đến nỗi khi chết đi, phải xây 72 ngôi mộ giả rải rác khắp nơi để người đời không quật mộ trả thù được vì lúc sống, ông ta là một kẻ bị cho là nhiều thủ đoạn tuyệt gian (bên cạnh Lưu Bị tuyệt nhân, Quan Công tuyệt nghĩa, Trương Phi tuyệt dũng, và Khổng Minh tuyệt trí).

Trường hợp khác, có người ít chịu tin vì có tính kiêu mạn. Đó là mẫu người ai nói gì cũng không chịu nghe, luôn cho rằng ý nghĩ của mình là hay hơn, là đúng hơn, người khác không thể bằng mình. Người như vậy rất khó thành công trong cuộc đời.

Trường hợp thứ ba, ít chịu tin vì không đủ trí tuệ phán đoán. Chúng ta gặp nhiều người vì không nhận ra điều người khác nói là đúng hay sai nên không dám tin chắc chắn. Nếu có đủ trí tuệ phán đoán, trước lời nói của người khác, chúng ta sẽ biết được điều đó đúng hay sai để có một niềm tin, một thái độ đúng đắn.

Ví dụ, có một người đến nói với chúng ta là cần tiền để cất chùa nên đi quyên góp. Nhìn vẻ ngoài, có thể không nhận biết họ nói thật hay không, chúng ta phải có cách kiểm tra. Chẳng hạn, hỏi Thầy tên gì? Chùa Thầy ở đâu? Chùa tên gì ? Sau đó, chúng ta có thể điện thoại đến địa phương xem có chùa đó hay không, chùa đang xây dựng như vậy phải không vv... Chúng ta phải kiểm tra trước khi đặt niềm tin để tránh khỏi sai lầm. Trong trường hợp này, vội tin hay vội nghi đều sai nên cần phải kiểm tra cẩn thận.

Ngược lại, trong cuộc sống còn có nhiều người rất dễ tin, vì sao?

Trước hết, người dễ tin vì tính tình thật thà, hiền lành. Người thật thà, không bao giờ biết nói dối thường rất dễ tin người vì nghĩ ai cũng thật thà như mình. Đây cũng là một bệnh nguy hiểm. Vì cuộc đời không đơn giản như chúng ta nghĩ, có rất nhiều người dối trên lừa dưới, lừa thầy, phản bạn. Nếu quá tin người, chúng ta sẽ phải trả giá đắt cho cuộc đời mình.

Cũng có trường hợp dễ tin vì nghiệp đời trước hay dụ người khác. Ví dụ, có người trước kia thường hay dụ dỗ trẻ con để lấy đồ của, tiền bạc. Vì gieo nhân đó nên kiếp sau họ bị người khác lừa mà vẫn tin một cách mê muội,

không nhận ra được. Đó là do nghiệp báo của quá khứ. Hiểu như vậy, sống ở đời, chúng ta đừng bao giờ lừa dối ai, dù là việc rất nhỏ.

Cũng có trường hợp dễ tin vì yếu lòng. Có người mắc “bệnh” yếu lòng nên ai nói gì cũng nghe, cũng tin. Đó là người không có lập trường vững chắc với lẽ phải, không có trí tuệ phán đoán.

Tóm lại, cả tin và đa nghi đều là bệnh, chúng ta cần phải tránh để đừng mắc phải. Nói về niềm tin, một nhà thơ Nga nổi tiếng đã khẳng định:

Trong chúng ta, ai là người đau khổ nhất?

Đau khổ nhất là người chẳng ai tin.

Trong chúng ta, ai là người đau khổ nhất?

Đau khổ nhất là người chẳng tin ai.

6. Những vấn đề của thời đại:

Trong niềm tin, chúng ta phải cẩn thận đối với các Tín ngưỡng mới. Đó là sự pha trộn của khoa học giả tưởng và các Tín ngưỡng cổ truyền. Quý Phật tử phải cẩn thận để không bị lạc lòng.

Ví dụ, tín ngưỡng cổ truyền nói rằng, có một Thượng đế tạo ra muôn loài. Còn khoa học giả tưởng cho rằng có những người ngoài hành tinh tới. Người ta trộn hai loại đó lại thành một Tín ngưỡng mới. Tín ngưỡng đó nói rằng, Đức Thượng đế Javê ở hành tinh khác sai Thiên sứ đi bằng đĩa bay xuống đây để tiếp xúc với con người. Nếu ai tin theo, sẽ được ông đưa lên đĩa bay, bay về gặp Thượng đế. Đó là cách trộn hợp giữa Tín ngưỡng cổ truyền và khoa học giả tưởng mới để đáp ứng được tâm tình của thời đại. Nhưng những điều ấy đều sai lầm.

Gần đây, chúng ta nghe tin đạo này, đạo kia xuất hiện trong đó có đạo Địa mẫu. Người theo đạo này tin rằng có một đạo mẫu là mẹ của Phật Thích Ca, đẻ ra mọi loài mẹ (Phật, Bồ Tát ...). Đó là niềm tin vô lý, là sự mê tín. Vậy mà, không ít tín đồ nghe theo. Hoặc có trường hợp tin rằng Thượng đế nhập vào một người đàn bà để giảng pháp cho mọi người nghe, để phán xử con người vv... Đó là những lý luận hoàn toàn giả dối, lừa bịp của những kẻ thích nổi tiếng, thích được người khác tôn sùng.

Một vấn đề mang tính chất thời đại nữa là sự tuyên truyền, xuyên tạc, công kích giữa người này với người kia, giữa Đạo này với Đạo kia do tính xấu của một số người. Hiện tượng này rất thường xảy ra trong cuộc sống. Bởi vậy, trước những sự tuyên truyền, công kích, chúng ta không nên tin. Trong lòng chúng ta chỉ có một niềm mơ ước mọi người đều trở thành người tốt nên khi nghe những điều này, chúng ta cảm thấy đau lòng, không muốn nghe nữa, không muốn tin nữa. Nếu tin theo, chúng ta sẽ bị nghiệp lây.

Qua bài Niềm tin, chúng ta phải có thái độ đúng đắn đối với những thông tin mình nghe được, không bao giờ vội vã chấp nhận ngay mà phải luôn luôn suy xét. Đặc biệt, chúng ta cần tránh hai bệnh đa nghi và cả tin.

16. SỰ HÒA HỢP

1. Sống trong cộng đồng là một đặc tính chung:

Chúng ta biết rằng, trong vũ trụ không có một sự vật, hiện tượng nào có thể tồn tại độc lập mà không có mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác. Một chiếc lá vàng rơi, một con kiến bé nhỏ bò trên mặt đất, một hạt cát giữa sa mạc mênh mông... tưởng rằng sẽ không liên quan gì đến nhau, không liên quan gì đến con người. Nhưng thực ra, tất cả đều có một sự tương tác với môi trường sống chung quanh. Có thể sự tương tác đó quá nhỏ chúng ta không nhìn thấy được. Đó là cách nói theo vật lý. Theo lý thuyết của kinh Hoa Nghiêm thì vạn vật là “trùng trùng duyên khởi”, một hạt bụi có thể chứa đầy cả mười phương Chư Phật. Lý thuyết đó vô cùng cao siêu khi nói đến sự tương quan chặt chẽ giữa một cá thể với toàn thể Pháp giới. Đó là cách nói trên lý Bát Nhã. Trong bài này, chúng ta không nói về lý Bát Nhã. Sau này, khi đã có duyên, chúng ta sẽ đề cập vấn đề này.

Như vậy, dù nói theo lý Đạo hay trên vật lý, chúng ta cũng thừa nhận rằng, không ai có thể tồn tại độc lập giữa thế gian này mà tất cả đều phải có sự tương quan. Trong cuộc sống, chúng ta không thể tách mình ra khỏi môi trường chung quanh. Ngay cả trường hợp người nhập thất cũng vậy. Người nhập thất không tiếp xúc với người chung quanh. Nhưng trên thực tế, ít nhất họ cũng còn một người hộ thất, lo vấn đề cơm nước. Qua đó, họ còn có sợi dây liên lạc với thế giới bên ngoài, chứ không hoàn toàn tách biệt. Tất nhiên, lúc đó mối tương quan giữa người nhập thất và mọi người chung quanh giảm đi rất nhiều vì họ phải xoay vào nội tâm để tu hành. Hoặc trường hợp người tội phạm bị biệt giam. Vì phạm tội quá nặng, thuộc vào loại tội phạm nguy hiểm, họ bị giam riêng, gần như bị cắt đứt mọi mối quan hệ với người chung quanh. Tuy nhiên, người biệt giam vẫn có sự quan hệ với người cán bộ canh giữ tù, vẫn còn một chút quan hệ chứ không hoàn toàn mất hẳn.

Người ta hay truyền tụng câu chuyện về Robinson Crusoe để nêu bài học quý báu về trí thông minh, tinh thần dũng cảm, vượt khó cho con người. Bị đắm tàu, lạc vào trong một hoang đảo, đối mặt với biết bao khó khăn nguy hiểm nhưng Robinson vẫn kiên trì, tự sáng chế ra mọi

cách để sống giữa thiên nhiên hoang dã bằng vốn kiến thức của thời đại mình. Tuy nhiên, nhà văn đã đưa vào tác phẩm nhân vật người da đen để làm bạn với Rôbinson. Điều này có ý nghĩa gì ? Phải chăng nhà văn muốn khẳng định, nhu cầu tiếp xúc, quan hệ giữa con người với con người là một nhu cầu không thể thiếu. Chúng ta không thể nào sống cô độc, tách khỏi mối dây liên hệ với mọi người chung quanh. Chúng ta không thể sống mà không có mối tương quan với cộng đồng loài người được. Vì sống như vậy, con người sẽ buồn đến chết, thậm chí có thể hoá điên. Nhất là những người bị lạc vào rừng, sống lâu trong rừng vắng, cuối cùng đã trở thành những “người rừng” trông thật đáng sợ.

Hằng ngày, trong mọi sinh hoạt, chúng ta đều có quan hệ gần gũi với người khác nên cảm thấy rất bình thường. Nhưng một lúc nào đó, nếu chỉ một mình ta sống trong một thành phố hoang, không một bóng người, bên này bên kia đều là những cánh cửa mở toang, những ngôi nhà đã sụp đổ ... tưởng tượng chúng ta sẽ sống như thế nào? Chúng ta sẽ rơi vào trạng thái căng thẳng, khủng hoảng về tinh thần đến không chịu đựng nổi. Và có thể, nếu kéo dài tình trạng đó, chúng ta sẽ chết trong cô độc vì đau khổ, buồn chán. Như vậy, tương quan giữa người và người là nhu cầu có thật trong đời sống của chúng ta.

Trong truyện “Lặng lẽ Sapa”, nhà văn Nguyễn Thành Long đã xây dựng một nhân vật rất đáng để chúng ta cảm phục. Đó là anh thanh niên làm công tác khí tượng thủy văn ở Sapa. Suốt ngày, một mình thui thủi trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m với công việc đo mưa, đo gió.. Anh ta sống gần như cách biệt với con người. Bởi vậy, một lần vì thèm nghe tiếng nói của con người quá, người thanh niên đã tìm cách lẩn cây ra đường, chặn một chuyến xe khách đi ngang và mời mọi người lên tham quan nơi ở, nơi làm việc của mình khiến ai cũng xúc động. Thế mới biết nhu cầu được giao cảm, giao hòa với người khác trong mỗi người mãnh liệt biết chừng nào.

Chúng ta cũng đã từng nghe câu chuyện về vị Thánh Sư Milarepas. Ông sống ẩn tu mười một năm trên núi hoang, không tiếp xúc với một ai. Khi tuyết rơi xuống trắng xóa, ông vẫn ngồi thiền lặng lẽ chịu đựng cái lạnh buốt giá ấy. Phải thừa nhận rằng, ông thành tựu Định lực rất vững khiến ai cũng cảm phục. Sau mười một năm sống cách biệt với cộng đồng để tu tập, ông trở ra giáo hóa và rất thành công. Người Tây Tạng tôn thờ ông như tôn thờ một vị Thánh. Đó là trường hợp rất hiếm hoi và cá biệt. Khi đã có được cái Định ở trong tâm, người ta cảm thấy nhu cầu về mối tương quan với con người không còn là điều bức xúc nữa. Còn đa số chúng ta đều sống trong sự tương

quan và phải có bốn phận với người khác.

Không ai có thể sống cô độc mãi trên cuộc đời này. Bây giờ sống với nhau trong một tập thể, một cộng đồng, có khi chúng ta cảm thấy không cần phải thương nhau, có khi chúng ta coi thường tình cảm của người khác. Nhưng những người hay phụ bạc tình nghĩa đó sau này sẽ không bao giờ tìm lại được nữa. Hãy nhớ rằng, hễ phụ bạc điều gì, chúng ta sẽ mất nó mãi mãi. Đó là Nhân Quả.

Ví dụ, một người còn phước, sống trong giàu có sung sướng và thường đến ăn uống ở những nhà hàng lớn. Bao nhiêu lần họ gọi thức ăn thừa mứa để rồi phải đổ đi. Cuối cùng, quả báo cũng xảy ra. Một lần nọ, trong một chuyến xe đang đi vào đường rừng, băng qua một cái đèo, nửa chừng xe bị chết máy, phải nằm lại ba, bốn ngày. Khi đó, vì không mang theo thức ăn dự trữ nên họ đành phải nhịn đói suốt mấy ngày liền. Mặc dù tài sản, tiền bạc vẫn còn đầy ắp nhưng họ cũng phải rơi vào một hoàn cảnh éo le, phải nhịn đói, nhịn khát để trả cái quả báo những lúc phí phạm thức ăn. Bởi vậy, ngày xưa ông bà chúng ta thường khuyên con cháu phải biết quý trọng từng hạt gạo, hạt com. Đó là những “hạt ngọc”. Khi ăn, một hạt com rơi xuống chúng ta cũng phải nhặt lên. Đạo lý ấy tưởng như đơn giản nhưng thực ra sâu sắc vô cùng. Mỗi người không bao giờ được coi thường điều đó.

Thực tế đã cho chúng ta nhiều bài học về vấn đề Nhân Quả. Không ít vị giám đốc khi còn đương nhiệm đã không ngần ngại quăng tiền qua cửa sổ, lao vào những cuộc chơi, sống sa đọa, trác táng. Họ có thể tiêu hàng chục triệu đồng chỉ trong một đêm. Vì lúc đó, tài sản trong tay họ tính bằng tỉ, số tiền vài chục triệu đồng ấy có nghĩa lý gì. Như vậy, coi thường, phung phí đồng tiền, quả báo xảy ra với họ là gì ? Đến một lúc nào đó làm ăn phá sản, họ trở thành những kẻ trắng tay. Từ một vị giám đốc sang trọng “lên xe xuống ngựa”, có khi họ trở thành một người nghèo khổ, nợ nần bao vây, thậm chí phải ngồi tù.

Điều dễ thấy nhất là khi sống trong tình thương yêu của cha mẹ, con cái thường coi thường, phụ bạc. Một ngày nào đó lớn lên thành gia thất, được làm cha làm mẹ mới chợt hiểu ngày xưa cha mẹ mình đã thương mình biết chừng nào. Khi nhận ra, biết thương yêu cha mẹ thì mọi cái đã muộn mất rồi, có khi không còn gặp lại nữa.

Hiểu như vậy, chúng ta phải biết quý trọng những gì mình có hôm nay để không phải chịu quả báo. Cùng sống bên nhau trong một mái trường, cùng đi một con đường, chung một lý tưởng mà chúng ta không tôn trọng mối quan hệ gắn bó, không tôn trọng tình nghĩa huynh đệ đồng học với nhau, sau này chúng ta cũng sẽ bị quả báo. Đó chính là sự cô độc, không bạn bè, không người sẻ chia những nỗi

niềm trong cuộc sống. Có thể chúng ta cũng thành đạt, ra ngoài làm việc sẽ được làm Trụ trì hoặc sẽ đi thuyết giảng. Nhưng dù làm gì, quanh đi quẩn lại chúng ta vẫn một mình, vẫn thấm thía sự cô độc. Trong cuộc sống, mối quan hệ tốt đẹp, hòa hợp là một nhu cầu cũng là một yếu tố của hạnh phúc. Nghĩa là, nếu đó là mối quan hệ xấu, chúng ta sẽ đau khổ. Ngược lại, đó là mối tương quan tốt, chúng ta sẽ cảm thấy hạnh phúc. Về tương quan xấu khiến con người đau khổ, chúng ta đã được biết đến trong giáo lý: “Tứ Diệu Đế”. Trong bát khổ, có một nỗi đau khổ mà con người khó tránh khỏi là oán tắng hội, ghét mà gặp nhau. Quả thật, ghét mà gặp nhau cũng là một nỗi khổ lớn của con người.

Chẳng hạn, chúng ta, nhất là người đời, thường có cái thương ghét phàm tình. Nhưng dân gian thường nói :“ Ghét của nào trời trao của đó”. Thường những người mình ghét, trời xui đất khiến lại cho gặp nhau, thậm chí còn phải ở chung phòng, làm chung công việc. Bởi vậy, đi ra đi vào chúng ta hay cảm thấy bức mình, khổ sở. Đó là đau khổ, gọi là oán tắng hội. Nghĩa là mối tương quan không tốt đã làm cho mình đau khổ. Để vượt qua điều đó, chúng ta chỉ có một cách là đừng ghét người ta nữa. Khi không ghét nữa, tự nhiên chúng ta thấy mọi cái bình thường, không có gì phải khổ sở. Tuy nhiên, không phải điều gì cũng đơn giản như chúng ta nghĩ, điều ấy còn phụ thuộc vào sức mạnh của nghiệp quá khứ.

Nếu oán tắng hội là một trong những điều khổ của con người thì thương nhau mà gặp nhau, ở bên nhau là điều hạnh phúc, là niềm vui. Là đệ tử Phật, chúng ta phải cố gắng xây dựng mối tương quan tốt đẹp với cộng đồng. Khi còn là Tăng Ni sinh, không có gì để cho nhau, chúng ta hãy cho nhau cái tương quan tốt đẹp, cách cư xử tốt đẹp. Đó cũng là cách giúp nhau được hạnh phúc. Chúng ta phải sống làm sao để thương được tất cả mọi người và mọi người cũng thương mình. Khi nói điều này, có người cho rằng chúng ta lý tưởng quá, thậm chí thành ảo tưởng. Vì người ta nghĩ rằng, con người sống với nhau luôn luôn có thương, có ghét, không bao giờ có tình thương trọn vẹn. Hay nói cách khác, chúng ta không thể thương yêu tất cả mọi người và không phải mọi người ai cũng thương mình. Đó là thực tế.

Trong cuộc sống, có rất nhiều lý do để người ta ghét nhau. Có những lý do rất vô lý, rất vật vãnh cũng khiến cho họ ghét nhau, không thể thương nhau. Bởi vậy, khi nói chúng ta thương tất cả mọi người, điều ấy có vẻ như ảo tưởng. Nhưng đó là những suy nghĩ của thế gian. Người thế gian thường dựa vào thực tế để đối xử. Nghĩa là, sống trong trong cuộc đời này, họ biết có người thương mình và cũng có người

ghét mình. Vậy, ai thương họ sẽ được họ thương lại, ai ghét họ cũng sẽ bị họ ghét lại. Đó là cuộc sống thường tình. Còn những người tu theo đạo Phật phải vượt lên thường tình và phải tìm đến sự hoàn hảo. Nói đến tình thương và sự hòa hợp trong Đại chúng, mỗi người phải sống làm sao để thương được tất cả mọi người và cũng để mọi người thương mình. Chúng ta không đòi hỏi điều đó, nhưng được mọi người thương lại là dấu hiệu tốt của tâm mình. Tuy điều đó khó có thể thực hiện nhưng chúng ta vẫn phải tìm đến, vẫn phải thực hiện cho bằng được.

Tuy nhiên, đạt được đạo lý về sự hòa hợp của đạo Phật trong Đại chúng vẫn chưa đủ. Cái tâm của chúng ta là phải đi tìm được sự hòa hợp với tất cả mọi người trên thế giới này. Làm sao dưới mắt chúng ta mọi người ai cũng là người để mình thương yêu, triu mến. Đó là ước mơ, là lý tưởng của người đệ tử Phật. Đó là lý tưởng rất cao mà có người cho là “không tưởng”, nhưng chúng ta vẫn quyết tâm đạt đến lý tưởng đó, nhất định không dừng lại. Trước mắt, chúng ta phải phấn đấu sống một đời tốt đẹp, hòa thuận trọn vẹn với những người xung quanh. Còn Tâm phải trải rộng đến tất cả mọi người trên thế giới này.

2. Tinh thần lục hòa:

Nhắc đến đạo lý về sự hòa hợp, trong đạo Phật có giáo lý Lục Hòa. Lục Hòa là sáu điều hòa hợp. Ý nghĩa lục Hòa thường được Phật chỉ dạy cho Tăng chúng trong một trú xứ để sống một đời hòa hợp với nhau. Học bài Hòa hợp, chúng ta không thể không tìm hiểu, phân tích giáo lý này.

a) Thân hòa Đồng trú:

Đây là sự hòa thuận khởi đầu nơi việc ở chung với nhau trong một trú xứ. Sự hòa thuận này là khởi điểm để có năm sự hòa hợp tiếp theo. Chúng ta từ muôn phương có mặt ở đây, trong một tập thể, thì thân xác này, hình hài này (gọi theo bây giờ là hộ khẩu) phải bước vào một cuộc sống hòa thuận. Cuộc sống hòa thuận này dựa vào những điểm nào ? Tuy có nhiều lớp người khác nhau nhưng chúng ta phải có sự nương tựa, tin cậy và giúp đỡ lẫn nhau. Đó là tinh thần hòa thuận trong một môi trường sống. Trong một ngôi chùa, có thể chúng ta có nhiều điều khác biệt về nơi xuất thân: người đến từ “ vùng nước mặn đồng chua”, người về từ vùng quê “đất cày lên sỏi đá”...Điều quan trọng là chúng ta vẫn từ bỏ hết những khác biệt đó để sống chung với nhau trong một trú xứ và hòa thuận được với nhau. Nhưng điều này không phải bắt đầu từ chúng ta mà từ các vị Thầy lớn: Thầy Trụ Trì, Thầy Giám viện, Giám hiệu, Thầy Thư ký...Trước hết, trong chùa, Thầy Trụ trì phải là người vượt qua mọi sự sai biệt, thương yêu, đối

xử bình đẳng, không phân biệt với tất cả mọi người. Chính tinh thần ấy của Thầy sẽ là tấm gương cho những đệ tử trong chúng noi theo. Đối với chúng ta, khi còn trong chúng, phải biết quan sát cách làm việc của quý Thầy lớn để học tập, rút ra ưu khuyết điểm về sau. Có người khi còn ở trong chúng đã được Thầy mình nhờ viết tài liệu dạy cho một khóa Trụ trì và viết rất thành công. Sở dĩ làm được như vậy là do người ấy thường xuyên quan sát sự làm việc, quản lý của quý Thầy lớn và rút ra được những kinh nghiệm, những kết luận.

Quý Thầy lớn đã nêu tấm gương, tạo sự hòa hợp cho chúng ta- sự hòa hợp trải rộng không có một chút phân biệt nào. Bản thân chúng ta cũng phải vượt qua mọi sai biệt để thân hòa đồng trú, thương yêu nhau, nương tựa, tin cậy và giúp đỡ lẫn nhau. Sống như vậy, một ngày nào đó gặp lại sau bao nhiêu năm xa cách, chúng ta vẫn vui, vẫn tình cảm tràn đầy. Nếu đã từng trải qua những năm tháng gấn bó, sẽ chia những khó khăn, vui buồn trong cuộc sống, chúng ta sẽ nhận ra rằng, tình Đạo còn thiêng liêng hơn cả tình ruột thịt. Đó không phải là sự cường điệu hay ảo tưởng. Đó là sự cảm nhận sâu sắc khi chúng ta trải qua bao nhiêu năm tu hành gian khó. Chúng ta ai cũng có gia đình, cha mẹ, anh chị em..., vẫn sống trong tình yêu thương trìu mến của gia đình nhưng ngấm lại, chúng ta vẫn thấy tình máu mủ không thiêng liêng bằng tình Đạo. Điều này thật khó giải thích cặn kẽ. Chỉ khi nào thương được những người huynh đệ chung quanh mình, khi nào nhắc đến họ, lòng mình trào dâng bao tình cảm thương yêu, khi đó chúng ta sẽ thấy đúng là tình Đạo vượt lên trên tình của thế gian. Tình gia đình cũng không bằng được. Thật ra, gia đình, máu mủ là duyên nghiệp của nhiều đời. Đôi lúc người ta cũng chẳng còn coi đó là vấn đề thiêng liêng nữa. Không ít gia đình, anh em đã giết nhau để tranh giành gia tài. Chỉ có Đạo đức mới có thể chuyển cái không thành cái có. Ví dụ, chúng ta là những con người xa lạ, từ khắp nơi về đây, không một chút ràng buộc nào cả. Nhưng nếu ai cũng có Đạo đức, cũng thương nhau trên tình Đạo trong lý tưởng của Phật pháp, chúng ta sẽ thấy mình sống với nhau vui hơn, hạnh phúc hơn là sống trong gia đình, nhất là gia đình không có Đạo đức. Nếu đem Đạo đức đối xử với nhau, chúng ta sẽ hạnh phúc hơn bất cứ điều gì khác trên đời này. Tóm lại, hòa thuận chỉ là bước đầu, điều quan trọng là chúng ta phải đạt đến được sự đối xử với nhau như ruột thịt. Muốn đối xử với nhau như ruột thịt, chúng ta phải sống như thế nào? Mỗi người tự cân nhắc lại thái độ của mình, cách cư xử của mình trong quá trình sống với huynh đệ sẽ thấy rõ hơn.

Nếu còn ở trong chúng, sống được như vậy, chúng ta sẽ là tấm gương

Đạo đức tuyệt vời cho mọi người noi theo. Nếu thờ ơ, đứng dưng với mọi người xung quanh, khi bước ra làm Phật sự, Tâm chúng ta sẽ còn khô khan lạnh lùng nhiều hơn nữa. Lúc ấy, chúng ta không thể là hình ảnh Đạo đức cho mọi người noi theo, cũng không thể là một tàng cây che mát cho mọi người được. Chúng ta phải nhớ rằng, người ta nương tựa vào người tu là nhờ lòng thương yêu, một lòng thương yêu chúng sinh mệnh mông và không phân biệt. Điều này chúng ta đã được học trong bài Tâm từ. Để phát huy điều đó, chúng ta phải xem môi trường huynh đệ là môi trường tốt nhất để mình thực hành.

b) Khẩu hòa vô tránh:

Là sự hòa thuận bộc lộ nhiều ở lời nói. Trước hết, sự hòa thuận này được biểu hiện ở việc không tranh cãi nặng lời. Trong một ngày, chúng ta thường làm ít hơn nói. Chỉ có một vài người đặc biệt, làm nhiều hơn nói. Dĩ nhiên, những người ấy làm chuyện tốt chứ không phải chuyện xấu. Khi đi học, họ cứ lặng lẽ không nói gì. Những người đó rất tốt, tâm khá an định. Còn bình thường, đa phần chúng ta nói nhiều hơn làm. Trong việc thiết lập tương quan với mọi người, lời nói là đường dây quan trọng. Theo kinh Phật, lời nói phải êm dịu, tao nhã, khả ái đẹp lòng người. Đó là lời nói tốt để tạo thành tương quan tốt. Chúng ta phải cố gắng tập luyện, phải học nói lời hay, phải cố gắng giữ gìn lời nói của mình. Vì nếu không tập, không sửa được chúng ta sẽ nói lời thô bạo, làm mất lòng người khác. Tất nhiên, lời nói xuất phát từ Tâm. Nếu để ý lời nói một chút, chúng ta sẽ nhận xét được cái Tâm của mình.

Chẳng hạn, khi có một huynh đệ sẵng giọng với mình, chúng ta cũng bực bội phản ứng lại bằng lời nói sẵng. Chính lời nói không đẹp ấy khiến chúng ta không thiết lập được mối tương quan tốt. Chúng ta sống không phải vì mình mà vì chùa mình, vì Phật pháp. Nếu lỡ nói nặng lời, chúng ta phải nhìn Tâm của mình ngay, tập sửa Tâm mình để lời nói phát ra trở thành ái ngữ, làm đẹp lòng người. Trong cách xưng hô của người Việt Nam, chúng ta cần tránh năm từ tiêu biểu cho sự kém văn hóa là thằng, con, mày, tao, nó. Đó cũng là một trong những yếu tố khiến người Việt Nam chúng ta tổn phước so với các nước khác trên thế giới. Những cách xưng hô như vậy, người đời có thể dùng nhưng người tu chúng ta hoàn toàn không nên. Khi nói về người thứ ba, chúng ta chỉ nên gọi bằng tên, không cần dùng đại từ. Trong Đạo, khi nói chuyện, xưng hô với nhau, chúng ta nên dùng Pháp danh.

Một biểu hiện nữa của khẩu hòa vô tránh là không nói xấu sau lưng. Nói xấu người khác sau lưng là một việc không tốt. Nếu nghe được,

người ta sẽ rất giận và dẫn đến mất hòa khí, mất đoàn kết. Mỗi tương quan hòa hợp vì thế cũng không còn. Nói xấu sau lưng thường có hai trường hợp: ác ý và không ác ý. Người nói xấu sau lưng người khác có ác ý là người thực sự muốn hạ nhục người kia, muốn hạ uy tín người kia. Trường hợp còn lại, người nói không có ác ý nhưng do vô tình mà trở thành nói xấu người khác. Có khi chỉ là một câu nói đùa, không có ác ý nhưng sự thật vẫn làm cho người nghe đánh giá thấp về người được nói đến. Cho nên, dù có ác ý hay không ác ý, chúng ta cũng không nên nói sau lưng người khác. Khi nghe được, họ sẽ buồn lòng và mỗi tương quan giữa chúng ta với họ sẽ không còn tốt đẹp nữa. Nếu không đồng ý với người ta ở điểm nào đó, chúng ta cũng không được phát ngôn một cách tùy tiện, nhất là khi có người hỏi đến người đó. Vì nhiều khi do sự bất đồng, chúng ta không kìm chế được buộc miệng nói ra những điều không hay. Như vậy, vô tình chúng ta trở thành kẻ nói xấu sau lưng người khác. Tốt hơn hết, khi có sự bất đồng, chúng ta nên trực tiếp góp ý với họ. Nếu thấy không có duyên hay không tiện, chúng ta cũng im lặng, đừng nói qua người thứ ba làm mất uy tín của họ.

Một điều cần lưu ý nữa là chúng ta đừng gây gổ với nhau. Thực ra, điều này cũng đã từng xảy ra trong giới tu sĩ ở một vài chùa. Để xảy ra gây gổ nặng nề như vậy chứng tỏ việc kiểm soát ngôn hạnh và cái tâm của người tu còn kém. Nếu không đồng ý với nhau, lòng mình vẫn điềm tĩnh, tìm xem lỗi từ ai. Nếu lỗi thuộc về mình, chúng ta phải thành thật nhận lỗi và quyết tâm sửa chữa. Nếu lỗi thuộc về người, chúng ta cố gắng góp ý để giúp họ vượt qua.

c) Giới hòa đồng tu: Là cùng nhau giữ được giới pháp, Đạo đức thì sự hòa thuận để đạt được:

Những oai nghi giới luật mà chúng ta cùng nhau giữ được, cuộc sống sẽ vui hơn. Ví dụ: Chùa có luật là bước ra khỏi giới tràng(khuôn viên của chùa) phải xin phép. Chúng ta phải tuân thủ điều đó. Dù có đi bách bộ buổi chiều, chúng ta cũng chỉ ra đến cửa rồi lại quay vào. Như vậy, mọi người sẽ nhìn nhau bằng niềm vui vì ai cũng giữ giới. Hoặc chúng ta cùng nhau thực hành những vấn đề về Đạo đức như Từ bi, Khiêm hạ thì cuộc sống sẽ rất vui và hạnh phúc. Khi tu tâm Từ bi, chúng ta thương yêu những người huynh đệ xung quanh mình. Khi có huynh đệ bị bệnh, chúng ta sẽ chăm sóc trong tình yêu thương. Khi chúng ta đau ốm, lại có người khác chăm sóc cho mình. Cứ như thế, cuộc sống này sẽ đẹp hơn. Nếu ngược lại, vấn đề tu tập, rèn luyện Đạo đức không đồng với nhau, cuộc sống sẽ mất đi niềm vui, không còn tương quan hòa thuận nữa.

d) Kiến hòa đồng giải: Là chia sẻ sự hiểu biết với nhau, nhất là trong giáo pháp:

Sự hiểu biết của con người vốn không đồng đều. Khi biết điều gì hay, chúng ta không cố ý giữ lại cho riêng mình mà muốn cho người khác, muốn cho chúng sinh đều biết. Những người sống được như vậy, đời sau sẽ có trí tuệ vượt bậc và sẽ được nhiều phước. Trong giáo lý cũng vậy. Khi nghe Thầy giảng, nếu hiểu vấn đề một cách sâu sắc, chúng ta không nên giấu điều mình hiểu được mà cố gắng phân tích thêm để huynh đệ cũng hiểu sâu sắc như mình. Và nhờ thế, bài học càng được mở rộng thêm. Điều đó sẽ làm cho huynh đệ phấn chấn, cùng nhau tu hành ngày một tiến bộ.

Trong dụng công tu Thiền, nói ra những điều mình đạt được sẽ mất công phu, nhưng nếu thấy cách dụng công nào hay, chúng ta cũng tìm cách chỉ cho huynh đệ biết để cùng đạt được trạng thái an lạc. Ví dụ, thấy điều hòa hơi thở là cách dụng công có kết quả tốt, chúng ta hướng dẫn huynh đệ cách hít thở để đạt được trạng thái khinh an, hỷ lạc... Nhưng chúng ta không nói với huynh đệ là mình tu được như vậy mà chỉ nói là nghe người khác hướng dẫn. Đó cũng là cách giảng giải cho nhau, không muốn giữ gìn cái hay cho bản thân mình.

Không chỉ riêng về giáo lý, trong cuộc sống, có những điều vật vãnh chúng ta cũng có thể chia sẻ kinh nghiệm cho người khác. Chẳng hạn, khi phạm lỗi lầm gì, chúng ta mong người khác đừng bao giờ phạm lỗi như mình. Hoặc trong sự lầm lỗi đó, nếu đã cố gắng vượt qua, chúng ta cũng nên phân tích và đưa ra kinh nghiệm để người khác có cách vượt qua lỗi lầm. Tấm lòng mình lúc nào cũng chan hòa, khám phá ra được điều gì hay đều muốn san sẻ cho người khác để ai cũng được ích lợi, tiến bộ trong sự tu hành cũng như trong đời sống. Như thế chính là kiến hòa đồng giải. Người tu chúng ta chẳng có gì để cho nhau. Bởi vậy, cho nhau vốn hiểu biết chính là món quà vô giá, đừng bao giờ giữ một chút gì cho riêng mình.

Sau này, nếu có duyên đi giảng pháp nhiều nơi, được Phật tử khen ngợi, chúng đừng vội tự hào. Trong bài Khiêm hạ, chúng ta đã nói đến tâm tự hào bí mật. Đó là điều rất nguy hiểm, chúng ta cần dập tắt ngay bằng những suy nghĩ rất đơn giản. Chúng ta có thể nghĩ rằng, người nghe bằng mình giảng phần lớn là những người bình dân, trình độ còn thấp nên thấy hay. Nếu người có trình độ cao, nghe những điều mình giảng sẽ cảm thấy bình thường, không có gì phải khen cả. Hoặc chúng ta có thể nghĩ mình giảng hay thật, sâu sắc thật nhưng xin nguyện cho tất cả những vị Giáo Thọ, Giảng Sư đều giảng hay hơn mình. Và lúc nào, ở đâu trên mọi nẻo đường của Phật pháp, chúng ta đều mong gặp

được những vị giảng sư giỏi, giảng pháp hay. Khi đến bất cứ môi trường nào, dù là Phật tử hay Tu sĩ cũng đều được nghe những bài pháp tuyệt vời và tăng được tín tâm với Phật pháp. Cao hơn nữa, chúng ta luôn cầu nguyện cho thế giới này ai ai cũng là những vị Thánh, không còn ai muốn hơn ai nữa. Đó là một Thế giới tuyệt vời tốt đẹp. Khi có tâm nguyện mong điều tốt đến được với mọi người, chúng ta sẽ thấy mình vô cùng bình thường, chẳng có gì đặc biệt và sẽ dập tắt niềm tự hào có thể trở dậy trong lòng mình.

e) Ý hòa đồng duyệt: Là trong tâm nghĩ tốt về nhau, tự nhiên niềm vui phát sinh giữa mọi người:

Sở dĩ khi nhìn huynh đệ tâm chúng ta cảm thấy vui vì chúng ta biết nghĩ tốt về huynh đệ mình. Nghĩa là chúng ta thường nhìn thấy ưu điểm của huynh đệ. Điều này rất sâu sắc. Sống trong một môi trường mà nhìn thấy ai cũng là người tốt: người học rất giỏi, có trí tuệ sâu sắc; người rất siêng tu, lạy Phật, sám hối, ngồi thiền đều đặn; người có hạnh thích công quả; người hay dùng lời nói để khuyên giải, giúp người khác vượt qua lỗi lầm vv..., tự nhiên chúng ta sẽ thấy niềm vui tràn ngập trong lòng. Một khi tâm ý mình luôn luôn vui vẻ với mọi người, không nhìn điểm xấu, không soi mói, ác cảm, luôn bao dung tha thứ, chỉ dựa vào điều tốt để sống, chúng ta sẽ có thêm nhiều kinh nghiệm sống và nhiều niềm vui. Đó là Ý hòa đồng duyệt.

g) Lợi hòa đồng quân: Là chia sẻ đồng đều các quyền lợi như quần áo, thức ăn, thuốc men, giường chiếu, tập viết, giờ nghỉ ngơi, phiên nhập thất v.v...

Những sự hòa hợp thuộc về tâm ý thường đơn giản hơn những vấn đề liên quan đến quyền lợi. Nếu quyền lợi gì cũng chia đều không cần thận sẽ dẫn đến bất công. Chẳng hạn, quyền lợi, chế độ của người ốm sẽ khác với người bình thường, mọi người không thể đòi hỏi được hưởng như nhau. Hoặc người làm việc nhiều, làm những công việc nặng nhọc phải được ưu tiên hơn về quyền lợi... Vì vậy, Lợi hòa đồng quân phải dựa trên tình thương yêu.

3. Tình thương là gốc của sự hòa hợp:

Như đã nói ở trên, không phải chia sẻ quyền lợi đồng đều một cách rậm rạp mới gọi là Hòa hợp. Chính tình thương mới là gốc của sự hòa hợp. Quyền lợi chia sẻ xuất phát từ tình thương yêu sẽ thành lợi hòa đồng quân một cách hợp lý. Có những trường hợp đặc biệt chúng ta không thể xử lý đồng đều. Ví dụ, theo tiêu chuẩn, mỗi người trong một năm được may một bộ quần áo. Trong đó, một Thầy rất siêng năng làm lụng, gặp chuyện gì bất kể là mưa hay gió cũng xông xáo

nên quần áo bị rách trước. Nếu cứ theo nguyên tắc cứng nhắc, chưa đến kỳ may đồng loạt, người ấy phải chờ đợi với bộ quần áo rách trên mình thì sẽ bất công và vô lý. Như vậy, chia đồng đều có thể ngược với ý nghĩa công bình.

Sự nhường nhịn chính là biểu hiện của sự hòa hợp vì xuất phát từ tình thương yêu. Bởi vậy, trong những trường hợp cần thiết, chúng ta có thể hy sinh quyền lợi của mình, nhường nhịn cho người khác. Chẳng hạn, thấy mùa lạnh đến, Phật tử mang đến cúng cho mỗi Thầy trong chùa một cái áo ấm. Nhưng do nhầm lẫn nên họ cúng thiếu một cái. Trên nguyên tắc, nếu chia từ quý Thầy lớn trở xuống, tính ra tuổi hạ chúng ta vẫn nhận được một phần, chỉ có người nhỏ nhất là bị mất quyền lợi. Điều đó cũng hợp lý nhưng trên Đạo đức, điều ấy hoàn toàn sai vì thiếu đi tình thương yêu, sự nhường nhịn. Nếu là người đầu tiên biết sẽ thiếu một chiếc áo, chúng ta phải chấp nhận không có áo mặc để nhường cho người khác cần hơn. Trong trường hợp này, nhường nhịn mới là lục hòa chứ không phải theo nguyên tắc chia từ trên xuống dưới, người chức lớn thế nào cũng được phần, người nhỏ phải chịu thiệt thòi là lục hòa. Được lục hòa mà mất đạo lý là hoàn toàn không nên. Bởi vậy, mọi khía cạnh khác của lục hoà đều cần cái gốc tình thương.

4. Bỏ qua sự khác biệt để hướng đến cái tương đồng:

Muốn tìm đến sự Hòa hợp với mọi người, chúng ta phải bỏ qua sự khác biệt để tìm đến cái tương đồng. Nếu cố tìm sự khác biệt, chúng ta sẽ thấy giữa người và người sống với nhau đầy rẫy sự khác biệt. Trước hết, đó là sự khác biệt về ngoại hình: người cao, người thấp; người mập, người ốm; người có gương mặt đẹp, người trông lại khó coi... Trong cuộc sống, không ít người vì quá coi trọng ngoại hình mà gây phân biệt, chia rẽ. Tiếp theo là khác nhau về giọng nói. Mỗi địa phương có một giọng nói riêng, có vùng nói giọng rất dễ nghe, có nơi giọng nặng nề không nghe được. Từ đó, dựa vào giọng nói, người ta có cảm tình với người nơi này, lại có ác cảm với người nơi khác. Vì giọng nói, con người cũng có thể xa cách nhau. Hiện nay, ở một vài chùa xảy ra tình trạng phân biệt địa phương, quê quán rất gay gắt. Đây là điều trái với đạo lý của dân tộc ta : “Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”. Tất nhiên, lúc đầu chỉ do một vài người có sự phân biệt, sau đó người khác hòa theo rồi trở thành phong trào. Khi gặp trường hợp như vậy, chúng ta phải tìm cách hoá giải, phải giúp nhau vượt qua tư tưởng kỳ thị địa phương để sống hòa hợp. Vì theo đạo Phật, mười phương chúng sinh đều cùng một Phật tánh.

Quá trình tu tập cũng là điểm khác biệt có thể làm cho con người phân

biệt, chia rẽ nhau. Người này tự hào mình vào chùa tu lâu hơn người kia nên thấy có sự khác biệt, thấy người đó không bằng mình và không có sự hòa hợp với mình. Ngoài ra, giữa con người còn có sự khác biệt về địa vị, dòng dõi, trí tuệ, thể chất... Nếu cứ dựa vào những khác biệt đó, chúng ta sẽ kỳ thị, chia rẽ, ác cảm với nhau và dần dần xa cách nhau.

Vì vậy, chúng ta cố gắng tìm kiếm sự tương đồng và sẽ thấy giữa con người đâu chỉ có sự khác biệt, mà còn có vô số điểm tương đồng. Sự tương đồng lớn nhất là nước mắt cùng mặn và máu cùng đỏ. Chúng ta nhớ rằng, thời Đức Phật, xã hội Ấn Độ chia ra nhiều giai cấp. (Tất nhiên, thời đó sự phân chia giai cấp không gay gắt như xã hội Ấn Độ vào khoảng thế kỷ XVIII-XIX). Vậy mà, Đức Phật không chấp nhận sự phân biệt giai cấp và đã lên án quyết liệt. Khi thấy một người thuộc đẳng cấp Tăng lữ Bàlamôn có vẻ tự thị bởi dòng họ của mình, bởi giai cấp của mình, Phật phản đối ngay. Ngài từng nói :“ Không có giai cấp khi mà máu cùng đỏ, không có giai cấp khi mà nước mắt cùng mặn”. Lời khẳng định ấy tuyệt vời trên cả hai phương diện: Đạo đức và Nghệ thuật.

Về phương diện Đạo đức, Triết học, đó là một tư tưởng tuyệt vời. Về phương diện nghệ thuật, đó cũng là một câu văn tuyệt vời, mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Máu tượng trưng cho sự sống. Trên đời này, ai cũng quý sự sống. Và nơi sự sống đáng quý này, tất cả mọi người đều bình đẳng, không có sự hơn kém. Không phải vì người này giàu, người kia nghèo mà sự sống người này quý hơn người kia. Nước mắt tượng trưng cho sự đau khổ. Sống trong cuộc đời này, con người chúng ta đều phải chịu đựng những nỗi khổ rất giống nhau. Ai cũng phải già, phải bệnh, phải chết, phải chia ly với người thân yêu của mình, phải gặp mặt người mình ghét, có những điều mong cầu không đạt được ... Nghĩa là những nỗi khổ trong cuộc sống này rất giống nhau. Và chính những nỗi khổ ấy đẩy nghiêng chúng ta, dấn vạt chúng ta một cách bình đẳng. Những giọt nước mắt chảy ra từ những nỗi đau khổ ấy của người giàu sang hay người nghèo khổ đều như nhau. Đó là điểm tương đồng trước hết chúng ta phải ghi nhận để thương yêu hoà hợp với nhau trong cuộc sống.

Một điểm tương đồng nữa là lý tưởng. Khi đến với đạo Phật, trong lòng chúng ta ai cũng có lý tưởng về sự giác ngộ, giải thoát. Đây là điểm để chúng ta có thể thương yêu nhau. Vì có những người không cùng chung lý tưởng nhưng trên lòng từ bi của đạo Phật, chúng ta còn phải thương họ hướng họ là những huynh đệ cùng chung câu niệm Phật, cùng sống trong một bầu không khí thanh tịnh của đạo Phật,

cùng hướng về sự giác ngộ giải thoát.

Chưa hết, chúng ta còn một điểm tương đồng nữa là cùng chung một loài người. Chúng ta giống nhau về lý tưởng, giống nhau trong nỗi đau khổ và giống nhau cả trong sự lầm lỗi nữa. Có thể người này đã vượt qua, người kia chưa vượt qua được nhưng những lầm lỗi trong cuộc đời này từ ngàn xưa đến bây giờ mà con người mắc phải đều rất giống nhau. Đó là những lầm lỗi hơn thua, tham lam, kiêu mạn, chấp ngã, oán hờn, vị kỷ ... Rồi chúng ta còn cùng một Tôn giáo, cùng Thầy Tổ, cùng trường lớp nữa. Bởi vậy, khi thấy mọi người chung quanh có quá nhiều điểm giống mình, chúng ta phải thương nhau, không còn xa cách, không còn phân biệt nữa.

Đó là tình thương yêu trong Đại chúng. Nhưng như vậy cũng chưa đủ. Vì đạo Phật không có biên giới. Giữa nhân loại bao la, chúng ta phải thường xuyên đi tìm cái tương đồng để đạt đến sự hòa hợp. Đó là lý tưởng, là con đường của đạo Phật. Ví dụ, giữa đạo Phật với đạo Thiên Chúa có nhiều điểm khác nhau nhưng chúng ta vẫn tìm ra những điểm tương đồng, thậm chí rất giống nhau. Đọc kinh Tân ước (kinh Phúc âm), những lời dạy của Chúa Giêsu, chúng ta sẽ thấy có rất nhiều điểm giống với đạo Phật. Chúng ta có thể kết luận: “Chúa Giêsu là một vị Bồ Tát thị hiện” để cải cách đạo Do Thái. Đạo Do Thái dựa vào Cựu ước, mà Cựu ước quả là có nhiều điểm sai lầm. Chúa Giêsu xuất hiện và cải cách lại. Những lời dạy của Chúa tập hợp lại thành một cuốn gọi là Phúc Âm. Năm người viết về cuộc đời Chúa (Bộ kinh gọi là Phúc Âm có đến năm quyển) có điểm giống, có điểm khác nhau nhưng chúng ta phát hiện trong đó rất nhiều điểm giống đạo Phật. Nếu nghiên cứu sâu, chúng ta sẽ thấy rõ điều đó.

Hoặc điều mà chúng ta lo sợ nhất hiện nay là vấn đề Hồi giáo. Họ chỉ nói chuyện với nhau bằng bom đạn, rất đáng sợ. Hiện nay, chúng ta chưa tìm được nhiều tài liệu về Hồi giáo để nghiên cứu, để có thể bắt đầu từ một điểm tương đồng nào đó chuyển hóa được họ, khiến họ từ bỏ con đường bạo lực, sống hòa bình với nhân loại, trước hết là trên lý luận. Hiện tại, họ chỉ muốn tiêu diệt tất cả những đạo khác để trên thế giới chỉ còn lại một đạo Hồi. Họ thực hiện điều đó bằng bạo lực và với một quyết tâm rất cao. Nếu không ý thức được điều này là chúng ta có tội với nhân loại. Bởi vậy, mỗi người trong quá trình tu phải nhìn thấy những vấn đề lớn lao trên thế giới đang chờ rất nhiều người góp tay xây dựng, không được tu một cách thụ động.

Là Đạo của hòa bình, của khoan dung hòa hợp, của từ bi, chúng ta phải nhìn thấy điều đó để chuyển hóa họ. Bây giờ, chúng ta chưa tìm được cách có thể hóa giải tư tưởng bạo lực của họ nhưng tin rằng,

trong tương lai chúng ta sẽ có cách giúp người anh em đạo Hồi của mình đang chìm trong sai lầm, tà kiến, chìm trong sự hung dữ của bạo lực sống trở lại trong sự hòa thuận với thế giới, với nhân loại. Đối với những nhà chính trị, Hồi giáo cũng là một mối lo ngại lớn. Họ đang tìm mọi cách, lập đủ âm mưu để triệt hạ lẫn nhau. Trên quan điểm đạo Phật, chúng ta cũng thấy Hồi giáo là một nỗi lo lắng của mình. Nhưng khác với họ, chúng ta dựa trên đạo lý, đạo đức và sự khoan dung mà chuyển hóa chứ không phải bằng sự đấu tranh tiêu diệt lẫn nhau. Là người tu theo đạo Phật, chúng ta phải thấy vấn đề Hồi giáo là vấn đề lớn. Và còn nhiều vấn đề lớn khác nữa của thế giới loài người, chúng ta phải tự mình nhận lấy trách nhiệm để giải quyết. Hãy nhớ rằng, mơ ước tu hành tiến bộ để được làm Giảng sư, Giáo thọ, Trụ trì... chỉ là những mơ ước tầm thường. Là người tu chân chính, chúng ta phải vượt lên những cái tầm thường ấy để hướng đến mục đích, lý tưởng cao cả hơn.

5. Nơi vô ngã, mọi cái trở thành đồng nhất:

Trong đạo Phật có một Trí tuệ cao tốt, đó là Trí tuệ Vô ngã. Chúng ta tu tập rất nhiều nhưng cuối cùng cũng hướng tới Vô ngã. Có thể đang nhiếp tâm trong Thiền định, Tâm chúng ta sẽ được Định. Nhưng phải nhớ một điều, chúng ta dùng cái Định này để đi đến Vô ngã, không còn thấy mình nữa. Càng hướng về Vô ngã bằng Thiền định, Tâm tự nhiên sẽ chan hòa với mọi người, mọi vật. Chúng ta đừng bao giờ tự nhận mình đã Giác ngộ, đã có Trí tuệ, đã thành tựu, đã có sở đắc. Đây là điều nguy hiểm của một người tu Thiền.

Thông thường, khi dụng công có kết quả, chúng ta hay nghĩ đến trí tuệ, thần thông, năng lực... và thấy giá trị của mình tăng lên. Khi đã nhiếp Tâm vào Định, hàng loạt những ý niệm bí mật ấy nảy sinh. Và chính những điều này đã làm cho Định mất, hoặc làm cho ngã chấp tăng lên. Bởi vậy, một điều quan trọng chúng ta phải nhớ là khi Tâm vừa vào được Định, chúng ta vẫn nghĩ mình chưa đạt đến cái cần đến và nguyện buông bỏ hết mọi điều khác để hướng đến cái Vô ngã. Phải tâm nguyện như vậy, chúng ta mới không bị cảm giác của cái Định lừa mị.

Khi đi đến Vô ngã như vậy, Tâm chúng ta tự nhiên sẽ chan hòa với mọi người, mọi vật. Đây là một điều không có lý luận, không cần giải thích. Từ đầu, chúng ta đi tìm sự hòa hợp trên lý luận, giải thích vì sao chúng ta phải sống hòa hợp thương yêu nhau. Nhưng nếu một người vào được Định và hướng về Vô ngã thì không cần nói một lời nào, Tâm vẫn tự nhiên chan hòa với mọi người. Trước khi chưa có Định, chúng ta thấy Tâm mình chỉ ở trong đầu mình thôi. Nhưng khi đã có

Định, chúng ta lại thấy mọi người ở ngay trong Tâm mình và lòng thương yêu, sự hòa thuận tự nhiên lan tỏa. Đó chính là giá trị của Định, mà phải là Định hướng về Vô ngã.

Ngược lại, người có Định mà chỉ nghĩ đến những sự sai biệt với người khác, chấp ngã sẽ tăng lên, lại cách biệt với mọi người và càng rời xa Vô ngã. Vì Vô ngã làm cho chúng ta tìm thấy được sự tương đồng, còn chấp ngã khiến chúng ta tìm thấy sự sai biệt. Hiểu như vậy, mỗi người chúng ta cố gắng tu tập Thiền định, siêng năng Tinh tấn đến khi nào Tâm chan hòa với mọi người, mọi vật. Dù không nói nhưng sự hòa hợp thương yêu trong chúng ta vẫn lan tỏa, vẫn tràn đầy với mọi người.

Trong Tiểu Kinh Rừng Sừng Bò, câu chuyện ba Tôn giả Anuruddha, Nadiya và Kimbila sống đời sống thanh tịnh hòa hợp được giới thiệu và tán thán. Đức Phật ân chứng rằng, ai nghe đến tên của ba Tôn giả Alahán sống hòa hợp này sẽ được nhiều công đức lành. Khi Đức Phật đến thăm ba vị Tôn giả, Ngài hỏi:

- Các ông có thể sống hòa thuận với nhau được hay chăng?

Các Tôn giả trả lời:

- Chúng con sống với nhau hòa thuận như nước hòa với sữa.

Đức Phật lại hỏi:

- Làm thế nào các ông sống được như vậy ?

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Vì con không sống bằng tâm của con mà con sống bằng tâm của huynh đệ con.

Câu trả lời thật tuyệt vời! Trước thời Đức Phật chưa có câu trả lời này và vĩnh viễn đời sau không có câu trả lời hay hơn nữa. “Con không sống bằng tâm con mà con sống bằng Tâm của huynh đệ con”. Sở dĩ các Tôn giả ấy sống hòa hợp một cách tuyệt vời như vậy vì họ sống bằng Tâm của huynh đệ mình. Một khi thân khác nhau nhưng Tâm vẫn tương đồng, họ sẽ nhìn nhau bằng ánh mắt thiện cảm, sống vui vẻ bên nhau, không tranh cãi hơn thua. Đó là một điều tuyệt đẹp trong cuộc sống. Chỉ trong Đạo Phật, những vị chứng được cái Vô ngã của Alahán mới có thể nói được như vậy, mới có thể sống được cuộc đời như vậy.

Là đệ tử Phật, chúng ta cần phải hướng đến điều này để sống hòa hợp với mọi người. Nghĩa là dù chưa đạt được Alahán, chưa đạt được Vô ngã nhưng nếu cố gắng bỏ ý riêng của mình để sống theo tâm ý của huynh đệ, chúng ta cũng gieo được Nhân để đạt được Vô ngã, đạt được Thánh vị Alahán. Hằng ngày, huynh đệ muốn làm việc gì có ích, chúng ta nên cùng làm với họ. Nghĩa là chúng ta sống hòa thuận theo huynh đệ, không còn cái gì của riêng mình nữa, nhất là về ý kiến, về

tư tưởng. Tất nhiên, đạo lý phải thống nhất, không thể sai. Khi huynh đệ đi sai đạo lý, chúng ta kiên quyết không theo. Đạt được như vậy, chắc chắn chúng ta sẽ có một cuộc sống hòa thuận tuyệt đẹp với mọi người.

Hết

Nguồn: Websiet Phật học www.thuvienhoasen.org

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 28/09/2006 8:15:17 CH